

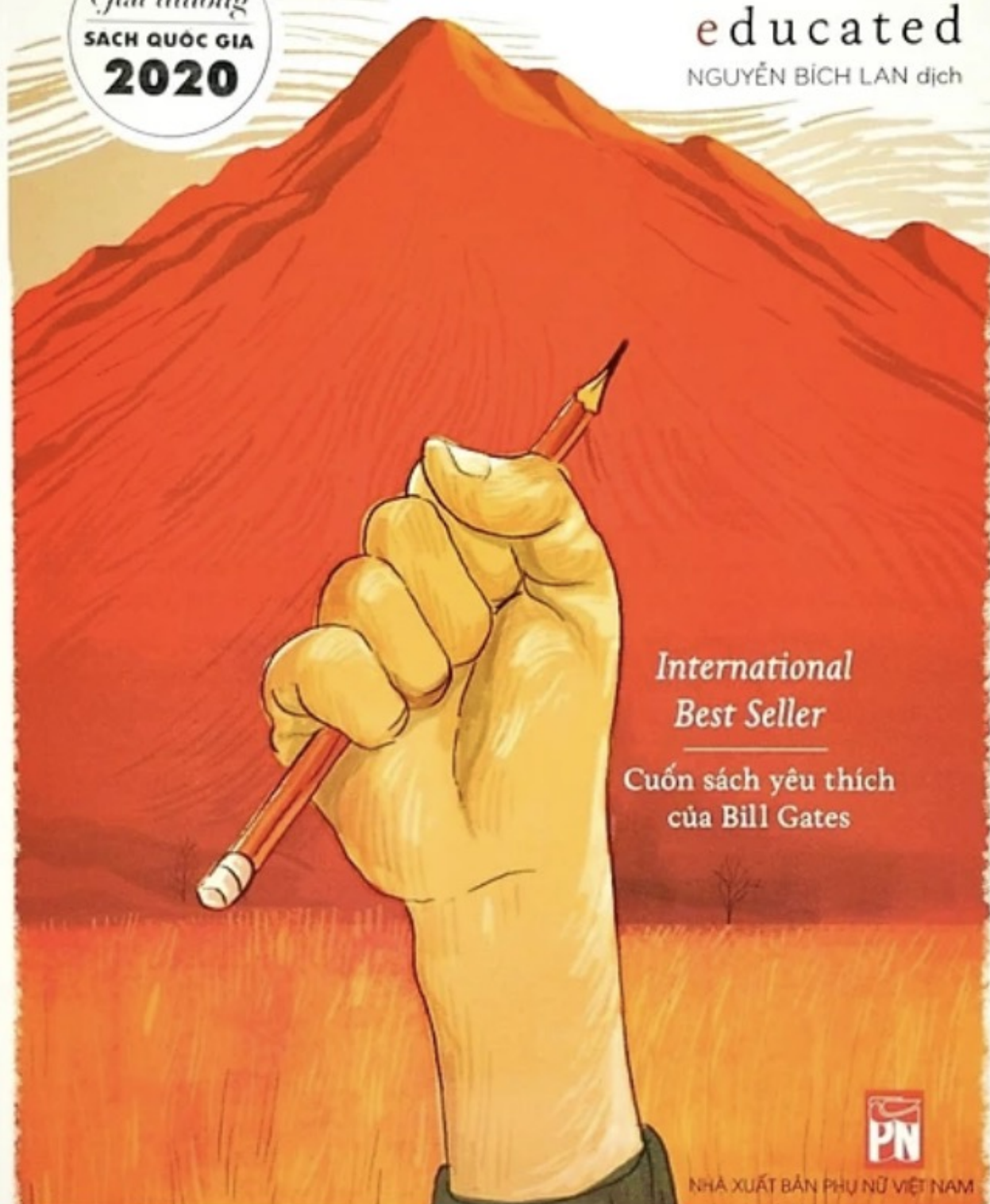
được học

Tự truyện TARA WESTOVER

educated

NGUYỄN BÍCH LAN dịch

Giải thưởng
SÁCH QUỐC GIA
2020



*International
Best Seller*

Cuốn sách yêu thích
của Bill Gates



NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ VIỆT NAM

SÁCH MỚI.NET - EBOOK



THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY
HOÀN TOÀN MIỄN PHÍ

Dành tặng Tyler

Quá khứ đẹp bởi vì con người ta không bao giờ hiểu rõ một cảm xúc ở thời điểm đó. Mãi đến sau này cảm xúc đó mới phát triển, vậy nên chúng ta không có được những cảm xúc trọn vẹn về hiện tại, mà chỉ về quá khứ.

— Virginia Woolf

Cuối cùng thì tôi cũng tin rằng giáo dục chắc hẳn được hình thành nhờ những kinh nghiệm được tái thiết liên tục; rằng quá trình và mục đích của giáo dục là một và như nhau mà thôi.

— John Dewey

Lời chú giải của tác giả

Câu chuyện này không xoay quanh phái Mặc Môn. Và nó cũng không nói về một đức tin tôn giáo nào khác. Trong câu chuyện có khá nhiều kiểu người, người là tín đồ, người không; rồi thì người tử tế, người không. Tác giả không tán thành bất cứ sự đối chiếu nào, dù là tích cực hay tiêu cực, giữa những kiểu người đó.

Những tên gọi dưới đây (theo thứ tự bảng chữ cái) là hư cấu: Aaron, Audrey, Benjamin, Emily, Erin, Faye, Gene, Judy, Peter, Robert, Robin, Sadie, Shannon, Shawn, Susan, Vanessa.

Một số chú thích được đưa vào cuốn sách này là để những ký ức khác với ký ức của tôi có tiếng nói. Những ghi chú liên quan đến hai câu chuyện – chuyện Luke bị bỏng và chuyện Shawn ngã từ tám tầng – là quan trọng và cần dẫn giải thêm.

Trong cả hai sự việc nói trên, những chi tiết không nhất quán giữa hai lời kể là khá nhiều và đa dạng. Nói về chuyện Luke bị bỏng. Mọi người có mặt ngày hôm ấy hoặc có nhìn thấy một người nào đó, hoặc không. Bố tôi nhìn thấy Luke, và Luke nhìn thấy bố. Luke nhìn thấy tôi, nhưng tôi không nhìn thấy bố và bố không nhìn thấy tôi. Tôi nhìn thấy Richard và Richard nhìn thấy tôi, nhưng Richard không nhìn thấy bố, và cả bố lẫn Luke đều không nhìn thấy Richard. Điều gì đã tạo lên mâu thuẫn như trò kéo quân vậy? Sau khi tất cả đã quay vòng tròn, khi tiếng nhạc cuối cùng cũng ngừng lại, người duy nhất mà mọi người đều nhất trí rằng đã có mặt ở đó ngày hôm ấy, là Luke.

Chuyện Shawn ngã từ tám tầng xuống thậm chí còn gây bối rối hơn. Tôi không có mặt ở đó, tôi chỉ kể lại những gì được kể cho nghe, nhưng tôi tin rằng đó là sự thật bởi nhiều năm trước tôi đã nghe nhiều người kể như vậy, và bởi vì Tyler cũng nghe kể y như thế. Mười lăm năm sau, anh vẫn nhớ chuyện đó giống hệt tôi đã nhớ. Vậy nên tôi đưa nó vào trang viết. Nhưng một phiên bản khác của chuyện

này xuất hiện. *Chẳng đợi chờ gì hết*, phiên bản ấy khẳng định, *máy bay trực thăng được gọi tới ngay tức khắc*.

Nếu nói rằng những chi tiết này không quan trọng thì đó là tôi nói dối; rằng dù bạn tin lời kể nào thì “bức tranh toàn cảnh” vẫn không thay đổi. Những chi tiết ấy quan trọng đấy. Bố tôi bảo Luke xuống núi một mình, hay bố đã không làm thế; bố đã để Shawn ngồi dưới nắng với chân thương nghiêm trọng ở đầu, hay bố không làm thế. Một người bố khác, một con người khác, được sinh ra từ những chi tiết đó.

Về chuyện Shawn ngã, tôi không biết tin vào lời kể nào. Đáng chú ý hơn, tôi không biết nên tin vào phiên bản nào của chuyện Luke bị bỏng, mà tôi có mặt ở đó hẳn hoi. Tôi có thể trở lại thời điểm đó. Luke ở trên cỏ. Tôi nhìn xung quanh. Chẳng có ai khác ở đó, không thấy bóng bố tôi đâu, thậm chí không hề có ý niệm bố tôi đang xóc tới ở bên rìa ký ức của tôi. Bố không ở đó. Nhưng trong ký ức của Luke, bố ở đó, nhẹ nhàng đặt anh vào bồn tắm, cho anh dùng thuốc vi lượng đồng căn để chống sốc.

Điều tôi rút ra từ chuyện này là việc điều chỉnh lại, không phải ký ức của tôi mà cách hiểu của tôi. Tất cả chúng ta đều phức tạp hơn những vai mà chúng ta được phân cho trong những câu chuyện mà người khác kể. Đây là điều đặc biệt đúng trong các gia đình. Khi một trong những người anh của tôi lần đầu tiên đọc lời kể của tôi về cú ngã của Shawn, anh ấy đã viết cho tôi: "Anh không thể tưởng tượng nổi là bố gọi 911. Thà Shawn chết." Nhưng có thể không. Có lẽ, sau khi biết con trai mình bị vỡ sọ, bố tôi không còn là người mà vốn dĩ chúng tôi nghĩ là ông, và cũng không phải cái người mà nhiều năm sau này chúng tôi coi là ông. Tôi luôn biết rằng bố tôi yêu con cái, yêu mãnh liệt; tôi luôn tin rằng mối thù ghét các bác sĩ ở ông còn mạnh mẽ hơn. Nhưng có thể không. Có lẽ, vào thời điểm đó, thời điểm khủng hoảng thực sự, tình yêu của ông đã chiến thắng cả nỗi sợ hãi lẫn mối thù ghét trong ông.

Có lẽ bi kịch thực sự là, bố tôi có thể sống trong tâm trí chúng tôi, trong tâm trí các anh tôi và tôi, theo cách này, bởi phản ứng của ông vào những thời điểm khác – hàng nghìn sự việc nhỏ nhất hơn và các khủng hoảng ít nghiêm trọng hơn

– đã khiến chúng tôi thấy ông trong vai đó. Tin rằng nếu chúng tôi ngã, bố sẽ không can thiệp. Thà chúng tôi chết.

Tất cả chúng ta đều phức tạp hơn những vai mà ta được phân cho trong các câu chuyện. Không điều gì tiết lộ sự thật đối với tôi hơn việc viết tự truyện này – cố gắng giữ những người tôi yêu mến trên trang sách, để nắm bắt toàn bộ ý nghĩa về họ trong vài từ, việc mà tất nhiên là bất khả thi. Đây là điều tốt nhất tôi có thể làm: kể câu chuyện khác song song với chuyện tôi nhớ được. Về một ngày hè, một đám cháy, mùi thịt cháy, và một người cha giúp con trai mình xuống núi.



Lời tựa

TÔI ĐANG ĐỨNG TRÊN NÓC TOA TÀU HỎA bị vút bỏ cạnh khu chuồng trại. Gió thổi ào ào làm tóc tôi bay lòa xòa khắp mặt và đẩy cái lạnh xuống cổ áo sơ mi không cài cúc của tôi. Càng tới gần núi, những cơn gió càng mạnh, như thể chính đỉnh núi đang thổi ra gió vậy. Ở phía dưới, thung lũng thanh bình và yên ả. Trong khi đó trang trại của chúng tôi đang mùa: những cây tùng khế đung đưa, đám ngải đắng và những cây kế rung rinh, uốn cong trước mỗi luồng gió thổi ào qua và trước mỗi lỗ hổng không khí. Phía sau tôi, sườn đồi cao dần, cao dần rồi nổi vào chân núi. Nếu tôi ngược lên, tôi có thể nhìn thấy hình dáng của nàng công chúa da đỏ hiện ra đen sẫm.

Quả đồi được phủ một thảm lúa mỳ mọc hoang. Nếu như đám tùng và ngải đắng là những nghệ sĩ độc diễn thì cánh đồng lúa mỳ là một vũ đoàn ba-lê, mỗi thân lúa đều hòa theo những thân lúa khác trong chuyển động võ oà, cả triệu vũ công ba-lê uốn mình, hết lượt này sang lượt khác, khi gió đập mạnh những cái đầu màu vàng sẫm của chúng xuống. Cảnh đó chỉ diễn ra trong thoáng chốc, gần như khi ai đó bắt đầu nhìn thấy gió.

Quay đầu về phía nhà chúng tôi trên sườn đồi, tôi nhìn thấy những chuyển động khác, những cái bóng cao cứng nhắc di chuyển qua những luồng gió. Các anh trai tôi đã thức dậy, đang ra ngoài xem thời tiết như thế nào. Tôi hình dung mẹ tôi đang ở bên lò nướng, canh mẻ bánh kếp. Tôi hình dung ra bố tôi cúi lom khom gần cửa sau, buộc dây đôi giày mũi thép của ông và xỏ đôi tay đầy vết chai vào đôi găng tay của thợ hàn. Trên đường cao tốc ở phía dưới, chiếc xe buýt của trường học chạy qua mà không hề dừng lại.

Tôi mới bảy tuổi, nhưng tôi đã hiểu một điều, hơn bất cứ điều gì khác, điều này khiến gia đình tôi trở nên khác biệt: Chúng tôi không đến trường.

Bố lo rằng Chính phủ sẽ buộc anh chị em tôi phải đến trường, nhưng không thể, bởi vì Chính phủ không biết về sự tồn tại của chúng tôi. Bốn trong số bảy đứa con của bố mẹ tôi không có giấy khai sinh. Chúng tôi không có sổ khám

chữa bệnh bởi vì chúng tôi được sinh tại nhà và chưa bao giờ đi khám bác sĩ hoặc y tá[®]. Chúng tôi không có hồ sơ ở trường học bởi vì chúng tôi chưa bao giờ đặt chân đến lớp học. Khi tôi chín tuổi, tôi sẽ thuộc diện làm giấy khai sinh muộn, nhưng bây giờ, theo bang Idaho và Chính phủ Liên bang, tôi không tồn tại.

Dĩ nhiên tôi *có* tồn tại. Tôi lớn lên chuẩn bị cho Ngày Tận Thế, chờ mặt trời tối sầm lại, chờ mặt trăng nhỏ giọt như nhỏ máu. Mùa hè nào cũng như mùa hè nào, tôi dồn những quả đào vào các bình chứa, còn mùa đông tôi quay vòng đồ dự trữ. Khi thế giới của con người sụp đổ, gia đình tôi sẽ vẫn tiếp tục tồn tại, chẳng bị ảnh hưởng gì.

Tôi được giáo dục theo nhịp của núi, những nhịp điệu chẳng mấy khi thay đổi mà chỉ mang tính tuần hoàn. Sáng nào cũng như sáng nào, vàng mặt trời ấy xuất hiện, quét qua thung lũng, và trôi xuống phía sau đỉnh núi. Tuyết rơi vào mùa đông, luôn tan vào mùa xuân. Cuộc sống của chúng tôi là một vòng tuần hoàn – của ngày, của mùa – những vòng tuần hoàn của sự thay đổi không ngừng mà khi hoàn tất lại có nghĩa rằng chẳng có gì thay đổi hết. Tôi tin gia đình mình là một phần của khuôn mẫu vĩnh cửu này, rằng theo một nghĩa nào đó, chúng tôi bất diệt. Nhưng sự bất diệt chỉ thuộc về ngọn núi kia mà thôi.

Có một câu chuyện mà bố tôi thường kể về đỉnh núi ấy. Nàng là điều gì đó thật cổ xưa, uy nghi, là thánh đường của một dãy núi. Dãy núi đó có những ngọn núi khác, cao hơn, uy nghi hơn, nhưng đỉnh Buck được tạo hình đẹp nhất. Chân núi trải ra cả dặm, hình hài sẫm đen của nó phình ra từ mặt đất và vươn lên thành một chóp nhọn hoàn mỹ. Từ xa bạn có thể nhìn thấy vẻ đẹp ấn tượng của thân hình một người đàn bà trên rặng núi: đôi chân nàng hình thành từ những hẻm núi khổng lồ, tóc nàng là những nhánh thông xòa trên đỉnh núi phía Bắc. Dáng đứng của nàng oai nghiêm, một chân duỗi về phía trước trong một động tác đầy uy lực, giống đang sải bước hơn là bước đi bình thường.

Bố tôi gọi đó là Nàng Công Chúa Da Đỏ. Hằng năm nàng xuất hiện khi tuyết bắt đầu tan, mặt hướng về phía Nam, nhìn lũ trâu trở về thung lũng. Bố nói những người da đỏ sống du mục chờ sự xuất hiện của nàng như chờ một dấu hiệu

báo xuân cho biết tuyết trên núi đang tan, mùa đông đã trôi qua, và đã đến lúc trở về nhà.

Tất cả những câu chuyện của bố đều là về ngọn núi, thung lũng, về khu đất lởm chởm của chúng tôi ở Idaho. Bố chưa bao giờ dạy tôi phải làm gì nếu tôi xuống núi, nếu tôi vượt đại dương, đi xuyên lục địa và nhận ra mình đang ở trên một vùng đất xa lạ, nơi tôi chẳng thể tìm nàng công chúa da đỏ phía chân trời. Bố chưa bao giờ dạy tôi làm thế nào để biết đã đến lúc phải về nhà.

Phần 1

Chương 1

Chọn Điều Lành

KÝ ỨC DÀI DẰNG NHẤT CỦA TÔI thực ra chẳng phải là ký ức. Nó là chuyện mà tôi tưởng tượng ra, sau đó ghi nhớ như thể nó đã xảy ra thật. Ký ức đó được hình thành khi tôi năm tuổi, ngay trước khi tôi bước sang tuổi lên sáu, từ một câu chuyện mà bố đã kể tỉ mỉ đến nỗi tôi và các anh chị tôi mỗi người đều tạo ra trong đầu một phiên bản như một bộ phim của riêng mình, với súng đạn và tiếng la hét. Phiên bản của tôi có những con dế. Đó là âm thanh tôi nghe thấy khi gia đình tôi túm tụm vào nhau ở trong bếp, tắt hết đèn, ẩn trốn người của Liên bang đang bao vây nhà của chúng tôi. Một người phụ nữ mò vào bếp lấy nước uống và cái bóng đen của người đó được ánh trăng soi rõ. Một tiếng súng vọng tới nghe *đét* một cái như tiếng quát roi và cô ta gục xuống. Trong ký ức của tôi luôn luôn là mẹ gục xuống và mẹ bế một đứa bé trên tay.

Mẹ bế đứa bé nào kia chứ, thật vô lý – tôi là con út trong bảy đứa con của mẹ – nhưng như tôi đã nói, chuyện này không có thật.

Một năm sau khi bố kể cho chúng tôi nghe chuyện đó, một buổi tối chúng tôi ngồi quây quần nghe bố đọc sách của nhà tiên tri Isaiah, một lời tiên tri về Chúa Cứu Thế. Bố ngồi trên ghế sofa màu mù tạt, cuốn Kinh Thánh to tướng để mở trong lòng. Mẹ ngồi bên cạnh bố. Anh chị em chúng tôi ngồi ngả ngón trên tấm thảm nâu sồi cũ.

“Người sẽ ăn bơ và mật ong,” bố đọc bằng giọng đều đều, chậm rãi, một mội sau một ngày dài vận chuyển phế liệu. “Và người có thể biết khước từ cái xấu, chọn điều lành”.

Tiếp theo là một khoảng tạm ngừng nặng nề. Chúng tôi ngồi im lặng.

Bố không phải là một người đàn ông cao lớn nhưng có thể chỉ huy cả phòng. Bố có cái vẻ uy nghiêm của một nhà tiên tri. Đôi tay bố to bản với lớp da dày – đôi bàn tay của một người đàn ông đã lao động cật lực cả đời – và đôi tay ấy cầm chắc cuốn Kinh Thánh.

Bố đọc rõ to đoạn đó lần thứ hai, rồi lần thứ ba, lần thứ tư. Cứ mỗi lần đọc lại, giọng bố lại cao hơn. Đôi mắt của bố, mới mấy phút trước sụp xuống vì mệt mỗi giờ đây đã mở to, đầy tinh tảo. Bố nói, có một giáo lý thiêng liêng ở đây. Bố sẽ cầu ván Chúa.

Sáng hôm sau bố dọn sạch sữa, sữa chua và pho mát trong tủ lạnh nhà chúng tôi đi, và tối hôm đó khi bố về nhà, chiếc xe tải nhỏ của bố chở tới năm mươi can mật ong.

“Sách Isaiah không nói thứ nào xấu, bơ hay mật ong,” bố vừa nói vừa cười xéch đến mang tai trong khi các anh tôi kéo lê những can mật ong vào hầm chứa thực phẩm. “Nhưng nếu các con hỏi thì Chúa sẽ nói cho các con biết!”

Khi bố đọc đoạn đó cho bà nội tôi nghe, bà cười vào mặt bố. “Mẹ có vài xu trong ví đây,” bà nói. “Anh nên lấy chúng đi. Chúng sẽ là toàn bộ sự minh mẫn mà anh có.

Bà tôi có khuôn mặt mỏng, trơ xương và một kho bắt tận những đồ giả nữ trang của người da đỏ, tất cả đều bằng bạc và mai rùa, được đeo thành chùm, thành búi trên cái cổ gầy nhằng và những ngón tay mảnh khảnh của bà. Bởi vì bà sống ở dưới chân đồi, gần đường cao tốc, chúng tôi gọi bà là bà-ở-chân-đồi. Đây là cách gọi để phân biệt bà với bà ngoại của chúng tôi, người mà chúng tôi gọi là bà-trong-thị-trần bởi vì bà sống cách chỗ chúng tôi mười lăm dặm về phía nam, trong cái thị trấn duy nhất của hạt, nơi có mỗi một trạm đèn giao thông và một cửa hàng tạp hóa.

Bố tôi và bà nội gắn bó như hai con mèo bị buộc đuôi vào nhau. Họ có thể nói chuyện với nhau cả tuần mà không đồng quan điểm về bất cứ điều gì, nhưng họ vẫn được ràng buộc bởi cả hai đều sùng kính ngọn núi. Gia đình của bố đã sống dưới đỉnh núi Buck nửa thế kỷ. Những người con gái của bà tôi đã lấy chồng và chuyển đi nơi khác, nhưng bố tôi ở lại, dựng một ngôi nhà màu vàng đơn sơ, ngôi nhà mà bố chưa bao giờ hoàn thiện xong, ngay trên sườn đồi, trong khi nhà mẹ đẻ của bố ở chân đồi, và ném cả một đồng đồng nát – một trong vài đồng – ngay cạnh bãi cỏ được xén tỉa cẩn thận của bà.

Họ bắt đồng với nhau hằng ngày về bãi đồng nát lộn xộn ấy nhưng bắt đồng với nhau thường xuyên hơn về lũ trẻ chúng tôi. Bà nghĩ chúng tôi nên đi học, như bà nói, và không “lang thang trên núi như những kẻ ăn lông ở lỗ”. Bố nói, trường công là một thủ đoạn của Chính phủ nhằm khiến bọn trẻ xa rời Chúa. “Nếu con cho các con mình đi học ở cái trường dưới đường cái kia thì có khác nào con giao chúng cho quỷ dữ,” bố nói.

Chúa bảo bố chia sẻ khái thị đó với những người sống và canh tác dưới cái bóng của đỉnh núi Buck. Vào các ngày Chủ nhật, gần như tất cả mọi người đều tập trung tại nhà thờ, một nhà thờ được sơn màu hồ đào, nằm tách khỏi đường cao tốc, với cái tháp chuông nhỏ, giản dị thường thấy ở các nhà thờ Mặc Môn. Bố buộc các ông bố khác phải nghe mình nói, khi họ rời những băng ghế của nhà thờ. Bố bắt đầu với người em họ của mình, chú Jim, người đã từ tốn lắng nghe trong khi bố ve vẩy cuốn Kinh Thánh và giải thích về tội lỗi của sữa. Chú Jim cười xéch đến mang tai, rồi vỗ vai bố tôi, nói rằng không vị Chúa công bằng nào lại tước đi của một con người cái thú thưởng thức kem dâu tây nhà làm vào một trưa hè nóng nực. Vợ của chú Jim giật tay áo chú. Khi chú đi qua chỗ chúng tôi, tôi thoáng ngửi thấy mùi phân bón. Rồi tôi chợt nhớ: trang trại bò sữa lớn cách núi Buck một dặm là của chú Jim.

Sau khi bố bắt đầu bài thuyết giảng bài trừ sữa, bà nhét sữa đầy ặc tử lạnh của bà. Ông bà chỉ uống sữa tách béo, nhưng chẳng bao lâu sau khi tất cả những thứ ấy được chất ở đó – ông bà dùng cả sữa chứa hai phần trăm chất béo, sữa nguyên kem, thậm chí sô-cô-la. Dường như bà tin đây là một phương pháp ăn uống quan trọng để duy trì.

Bữa sáng trở thành một cuộc thử thách lòng trung thành. Mỗi sáng gia đình tôi ngồi quanh cái bàn rộng bằng gỗ sồi đỏ được gia công lại và ăn ngũ cốc bảy loại hạt cùng mật ong và mật đường, hoặc bánh kếp làm từ bảy loại ngũ cốc, cũng với mật ong và mật đường. Bởi vì có tận chín người chúng tôi nên những chiếc bánh kếp chẳng bao giờ được nướng kỹ. Tôi không phiền vì ăn món ngũ

cốc nếu tôi có thể trộn nó vào sữa, để kem quện bột ngũ cốc lại và tạo thành những viên ngũ cốc, nhưng từ khi có khai thị kia chúng tôi ăn ngũ cốc với nước lọc. Ăn như thế chẳng khác gì ăn một tô bún.

Chẳng bao lâu sau, tôi bắt đầu nghĩ đến tất cả những loại sữa đang thiu ra trong tủ lạnh của bà nội. Sau đó tôi hình thành thói quen bỏ bữa sáng hằng ngày và đi thẳng tới chuồng nuôi gia súc. Tôi đổ nước gạo cho lợn ăn, đổ đầy thức ăn vào máng cho bò và ngựa, sau đó tôi nhảy qua hàng rào của bãi quây gia súc, đi vòng ra phía sau và lên vào cửa ngách nhà bà tôi.

Vào một buổi sáng như thế, khi tôi đang ngồi tại bàn quây nhìn bà tôi đổ bánh bột ngô ra bát tô, bà hỏi, “Cháu có thích đến trường lắm không?”

“Cháu không thích đâu ạ,” tôi nói.

“Làm sao cháu biết được chứ,” bà quát. “Cháu đã bao giờ thử đâu mà biết.”

Bà rót sữa vào tô bánh bột ngô và đưa nó cho tôi, sau đó bà ngồi trên chiếc ghế đầu, đối diện với tôi ở phía bên kia bàn quây, và nhìn tôi xúc những thìa đầy thức ăn vào miệng.

“Ngày mai ông bà sẽ lên đường đi Arizona,” bà nói với tôi, nhưng tôi đã biết điều đó rồi. Ông bà luôn đi Arizona khi thời tiết bắt đầu thay đổi. Ông nói ông quá già để chịu đựng mùa đông Idaho; cái lạnh khiến ông buốt thấu xương. “Mai cháu hãy dậy thật sớm,” bà nói, “khoảng năm giờ, ông bà sẽ đưa cháu đi cùng. Bọn ta sẽ cho cháu đến trường.”

Tôi cựa quậy trên ghế. Tôi cố mừng tượng ra trường học nhưng không thể. Thay vào đó tôi hình dung ra lớp học giáo lý ngày Chủ nhật mà tuần nào tôi cũng tham gia và tôi ghét. Một thằng con trai tên là Aaron đã nói với tất cả những đứa con gái trong lớp giáo lý rằng tôi không biết đọc bởi vì tôi không đến trường, và bây giờ không đứa nào thèm nói chuyện với tôi.

“Bố nói cháu có thể đi ư?” Tôi nói.

“Không,” bà nói. “Nhưng khi bố cháu hiểu ra rằng cháu đã biến mất, thì chúng ta đã đi từ lâu rồi.” Bà đặt cái bát của tôi vào bồn rửa và nhìn ra ngoài cửa sổ.

Bà là người có tính cách mạnh mẽ – không chịu ngồi yên, hiếu chiến, tự tin. Nhìn bà là để lùi một bước. Bà nhuộm tóc đen và điều này tôn thêm những nét vốn đã dữ dội của bà, nhất là hai hàng lông mày mà sáng nào bà cũng vẽ thành hai đường vòng cung đậm, đen như mực. Bà kẻ lông mày quá rộng và điều này khiến khuôn mặt bà bị kéo giãn ra. Chúng cũng được vẽ quá cao khiến những đường nét khác trên khuôn mặt bà mang một vẻ buồn tẻ, gần như mĩa mai.

“Cháu nên đến trường,” bà nói.

“Bố sẽ không bắt bà phải đưa cháu về chứ ạ?” Tôi hỏi.

“Bố cháu không thể khiến bà làm bất cứ điều chết tiệt nào hết.” Bà đứng dậy, đứng với tư thế vững chãi. “Nếu bố cháu muốn có cháu, thì bố phải đến đón cháu.” Bà ngập ngừng, và trong chốc lát trông bà có vẻ xấu hổ. “Hôm qua ta đã nói chuyện với bố cháu rồi. Trong một thời gian dài bố cháu sẽ không thể đến đưa cháu về được. Bố cháu đang bận với cái lán mà bố cháu xây dựng trong thị trấn. Bố cháu không thể dừng việc đó lại và lái xe tới Arizona, không thể trong khi thời tiết ổn định và bố cháu cùng mấy đứa con trai có thể làm việc suốt những ngày dài.”

Kế hoạch của bà đã được tính toán cẩn thận. Bố tôi luôn làm việc từ lúc mặt trời mọc tới lúc mặt trời lặn trong những tuần trước khi xuất hiện đợt tuyết rơi đầu tiên, cố dự trữ đủ tiền từ việc gom phế liệu và xây dựng chuồng trại để chúng tôi có thể tồn tại qua mùa đông, khi mà việc làm trở nên khan hiếm. Dù bà tôi bỏ trốn cùng với đứa con út của bố, thì bố cũng sẽ chẳng thể ngừng làm việc được, cho tới khi cái xe nâng của bố bị bục trong băng tuyết.

“Cháu cần phải cho các con vật ăn trước khi chúng ta đi,” tôi nói. “Chắc chắn bố sẽ biết cháu đi nếu lũ bò phá hàng rào đi tìm nước uống.”

Đêm đó tôi không ngủ. Tôi ngồi trên sàn bếp nhìn thời gian trôi, qua chiếc đồng hồ treo tường. Một giờ sáng. Hai giờ. Ba giờ.

Bốn giờ tôi đứng dậy, đặt đôi giày ống của mình ở cạnh cửa sau. Phán đóng bánh lại quanh giày, và tôi chắc chắn bà sẽ không cho tôi tha đôi giày ấy lên xe

hơi của bà. Tôi hình dung ra đôi giày bị bỏ lại trên hiên nhà bà, trong khi tôi chân trần bỏ trốn đến Arizona.

Tôi mừng tượng những gì sẽ xảy ra khi gia đình phát hiện ra tôi đã biến mất. Anh Richard và tôi thường ở cả ngày trên núi, vậy nên có thể không ai phát hiện ra chuyện đó cho tới khi mặt trời lặn, khi Richard về nhà ăn tối mà tôi thì không. Tôi hình dung ra các anh tôi chạy túa ra khỏi cửa để tìm tôi. Các anh ấy sẽ thử tìm ở bãi phế liệu trước tiên, nhấc các tấm thép lên phòng khi các tấm thép nằm ngón ngang đã xô dịch và khiến tôi mắc kẹt trong đồng phế liệu. Sau đó họ sẽ chạy ra ngoài, tìm khắp trang trại, trèo lên cây và leo lên tầng áp mái của khu chuồng trại. Cuối cùng, họ sẽ quay lên núi.

Lúc ấy trời đã sẩm tối – khoảng thời gian ngắn ngủi trước khi đêm xuống, khi quang cảnh chỉ hiện ra lơ mờ, và bạn cảm nhận thế giới xung quanh mình rõ hơn là nhìn thấy. Tôi mừng tượng ra các anh mình tỏa ra trên núi, tìm kiếm trong những khu rừng tối đen. Không ai nói; ý nghĩ của tất cả các anh ấy đều giống nhau. Ở trên núi mọi chuyện có thể diễn biến xấu một cách đáng sợ. Những vách đá hiện ra bất thành linh. Những con ngựa hung dữ của ông tôi chạy lung tung trên những đám cây cần nước độc rậm rạp, và có nhiều rắn chuông. Trước đây chúng tôi đã từng tìm kiếm một con bê biến mất khỏi khu nuôi gia súc. Trong thung lũng, bạn sẽ tìm thấy một con vật bị thương; trên núi, bạn sẽ tìm thấy một con vật đã chết.

Tôi hình dung ra mẹ tôi đứng ở cửa sau, ánh mắt quét qua đỉnh núi đen sẫm, khi bố tôi về nhà nói với mẹ rằng bố và các anh không tìm thấy tôi.

Chị Audrey của tôi sẽ gợi ý rằng ai đó nên sang hỏi bà nội tôi, và mẹ tôi sẽ nói rằng bà đã lên đường đi Arizona từ sáng. Những lời đó sẽ bị bỏ lửng một lát, sau đó tất cả mọi người đều biết tôi đã đi đâu. Tôi hình dung ra khuôn mặt của bố, đôi mắt đen nheo lại, cái miệng mím chặt vẻ khó chịu khi bố quay sang mẹ. “Em nghĩ nó chọn bỏ đi ư?”

Giọng bố vọng lại nghe chậm và buồn. Sau đó nó bị những âm thanh khác từ một ký ức khác được gọi lên – tiếng đế, rồi đến tiếng súng, sau đó là sự im lặng.

Sau này tôi biết rằng đó là một vụ việc mà ai cũng biết – như vụ thảm sát Wounded Knee[Ⓢ] hoặc vụ Waco[Ⓢ] – nhưng khi bố tôi kể cho chúng tôi nghe chuyện đó lần đầu tôi cảm thấy như thể ngoài chúng tôi ra không ai trên thế giới biết về nó.

Sự việc bắt đầu vào gần cuối mùa đóng hộp rau quả, mùa mà tất cả những đứa trẻ khác có lẽ gọi là “mùa hè”. Gia đình tôi luôn dành những tháng âm áp đóng các loại trái cây dự trữ vào bình, thứ mà bố tôi nói rằng chúng tôi cần cho Ngày Tận Thế. Một tối, bố từ bãi phế liệu trở về với tâm trạng bứt rứt. Bố đi đi lại lại trong phòng bếp suốt bữa ăn tối, hầu như không ăn miếng nào. Chúng tôi phải thu xếp xong mọi việc. Chỉ còn rất ít thời gian thôi.

Cả ngày hôm sau chúng tôi lược và gọt vỏ đào. Đến lúc mặt trời lặn chúng tôi đã dồn trái cây vào đầy hàng tá bình chứa Mason, những chiếc bình được xếp theo hàng thẳng tắp, vẫn còn ẩm vì trái cây được lược từ nồi áp suất. Bố kiểm tra việc của chúng tôi, đếm các bình trái cây và lẩm bẩm một mình, sau đó quay sang mẹ và nói, “Đủ rồi.”

Tối hôm đó bố tổ chức một cuộc họp gia đình, và chúng tôi tập trung quanh bàn ăn, bởi vì nó rộng và dài, đủ chỗ ngồi cho tất cả chúng tôi. Bố nói chúng tôi có quyền được biết mình sắp chiến đấu chống lại điều gì. Bố đứng ở đầu bàn; bọn tôi ngồi vắt vẻo trên ghế, nhìn đăm đăm những tấm gỗ sồi đỏ dày cộp.

“Có một gia đình ở cách đây không xa,” bố nói. “Họ là những chiến binh tự do. Họ sẽ không để Chính phủ tấy nã các con họ tại các trường công, vậy nên người của Liên bang theo dõi họ.” Bố thở những hơi dài và chậm. “Người của Liên bang đã bao vây lều của họ, giam lỏng họ ở đó trong nhiều tuần, và khi một đứa con của họ đói, một thằng bé, lên ra ngoài để kiếm cái ăn, người của Liên bang đã bắn chết nó.”

Tôi nhìn khắp lượt các anh mình. Trước đó tôi chưa từng thấy nỗi sợ hãi trên khuôn mặt của Luke.

“Họ vẫn ở trong lều,” bố nói. “Họ tắt đèn và bò trên sàn, tránh xa các cửa ra vào và cửa sổ. Bố không biết họ có bao nhiêu thức ăn. Có lẽ họ sẽ chết đói trước

khi người của Liên bang bỏ cuộc.”

Không một ai thốt lên lời. Cuối cùng Luke, mười hai tuổi, hỏi liệu chúng tôi có thể giúp gì được không. “Không,” bố nói. “Không ai có thể. Họ bị kẹt trong chính ngôi nhà của họ. Nhưng họ có súng, con có thể đoán chắc tại sao người của Liên bang lại không xông vào tấn công. Bố ngừng nói để ngồi xuống, ngồi gò người trên chiếc ghế bằng động tác chậm chạp và cứng nhắc. Trong mắt tôi trông bố già khom và mệt mỏi. “Chúng ta không thể giúp họ, nhưng chúng ta có thể giúp chính mình. Khi người của Liên bang tới núi Buck, chúng ta sẽ chuẩn bị sẵn sàng.”

Đêm đó bố lôi một đồng ba lô quân đội cũ từ dưới tầng hầm lên. Bố nói đó là những chiếc ba lô để “thoát hiểm”. Cả đêm đó chúng tôi nhét đồ dùng thiết yếu vào những chiếc ba lô đó – các loại thảo dược, máy lọc nước, bật lửa. Bố đã mua sẵn mấy thùng lương khô của quân đội – và chúng tôi nhét lương khô nhiều hết mức có thể vào những chiếc ba lô, mừng rỡ ra lúc chúng tôi đã chạy trốn khỏi nhà và ẩn nấp trong đám cây mận dại gần con lạch, chúng tôi sẽ ăn lương khô. Mấy anh trai tôi xếp gọn những khẩu súng vào ba lô của mình nhưng tôi chỉ có một con dao nhỏ, và khi chúng tôi sắp xếp xong, cái ba lô của tôi to bằng người tôi. Tôi nhờ Luke nhắc nó lên một ngăn tủ đựng quần áo của mình, nhưng bố bảo tôi để nó ở chỗ thấp để tôi có thể lấy thật nhanh, vậy nên tôi ngủ với cái ba lô đó ở trên giường của mình.

Tôi tập đeo ba lô trên lưng và đeo ba lô chạy – tôi không muốn bị bỏ lại phía sau. Tôi tưởng tượng ra cuộc trốn chạy của gia đình mình, một cuộc trốn chạy vào ban đêm đến lãnh địa an toàn của nàng công chúa da đỏ. Tôi hiểu rằng ngọn núi là đồng minh của chúng tôi. Đối với những người quen biết, ngọn núi đó có thể rất tốt, nhưng đối với những kẻ xâm nhập, núi là sự phản bội thẳng thừng, và điều này mang lại lợi thế cho chúng tôi. Nhưng mà, nếu chúng tôi ẩn nấp trên núi khi người của Liên bang tới, thì tại sao chúng tôi lại đóng tất cả những quả đào này vào bình. Chúng tôi không thể tha cả nghìn cái bình Mason nặng trĩu này

lên núi. Hoặc nếu chúng tôi cần những trái đào ấy đến vậy thì chúng tôi có thể đào boong-ke ở trong nhà như gia đình Weaver và chiến đấu đến cùng chăng?

Chiến đấu đến cùng dường như là điều có thể xảy ra, nhất là khi, vài ngày sau bố tôi về nhà với hơn một tá súng trường quân đội, hầu hết là loại SKS, với những cái lưỡi lê màu bạc mỏng quét được gấp gọn dưới nòng súng. Những khẩu súng ấy được để trong những cái hộp thiếc hẹp và được xếp trong một lớp Cosmoline, một chất màu nâu như mỡ lợn cần phải được lột ra. Sau khi chúng đã được lau sạch, anh Tyler chọn một khẩu và đặt nó lên một tấm nhựa màu đen rồi gói lại, dùng hàng thước băng dính màu trắng bạc bó lại. Vác cái gói ấy trên vai, anh mang nó xuống đồi và thả nó xuống cạnh cái toa tàu hỏa màu đỏ. Sau đó anh bắt đầu đào. Khi cái hố đã rộng và sâu, anh thả khẩu súng xuống đó, và tôi nhìn anh lấp đất lên, cơ bắp của anh căng lên vì ráng sức, cảm anh bạnh ra. Chẳng bao lâu sau, bố mua một cái máy để chế tạo những viên đạn từ những vỏ đạn đã qua sử dụng. Bố nói bây giờ chúng tôi có thể trụ lâu hơn trong thế giăng co. Tôi nghĩ đến cái ba lô để "thoát hiểm" của mình và khẩu súng trường được giấu gần toa tàu hỏa, và bắt đầu lo lắng về cái máy chế tạo đạn. Nó kèn càng và được đóng chốt vào một cái máy trạm sắt ở trong tầng hầm. Nếu bị tấn công bất ngờ thì tôi tính chúng tôi sẽ chẳng có thời gian để xuống lấy nó mang đi. Tôi tự hỏi liệu chúng tôi có nên chôn nó cùng với khẩu súng trường không.

Chúng tôi tiếp tục dồn những quả đào vào bình. Tôi không nhớ đã bao nhiêu ngày trôi qua hoặc chúng tôi đã bổ sung bao nhiêu bình trái cây vào kho dự trữ trước khi bố kể cho chúng tôi nghe thêm về chuyện đó.

"Randy Weaver đã bị bắn," bố nói, giọng yếu ớt, lập bập. "Ông ta rời lều để đi mang xác con trai về, và người của Liên bang đã bắn ông ta." Trước đó tôi chưa từng thấy bố khóc, nhưng bây giờ những giọt nước mắt rơi thành một dòng chảy xuống từ mũi bố. Bố không lau nước mắt, cứ để mặc chúng rơi xuống áo sơ mi. "Vợ ông ta nghe thấy tiếng súng và chạy tới cửa sổ, ôm đứa con nhỏ trong tay. Thế rồi tiếng súng thứ hai vang lên."

Mẹ tôi đang ngồi khoanh tay, một bàn tay để trước ngực, tay kia bịt chặt miệng. Tôi nhìn đắm đắm xuống mặt vải sơn lót sàn loang lổ trong khi bố kể với chúng tôi đứa bé được nhắc khỏi tay mẹ nó, mặt dính máu của người mẹ.

Trước đó, vốn đã mong chờ chuyện phiêu lưu ấy, tôi phần nào muốn người của Liên bang tới. Giờ đây tôi cảm thấy thực sự sợ hãi. Tôi hình dung ra các anh mình ẩn núp trong bóng tối, những bàn tay dầm mồ hôi trượt trên bóng súng. Tôi hình dung ra mẹ, mệt mỏi và khát khô, lùi xa khỏi cửa sổ. Tôi hình dung ra mình nằm sấp trên sàn nhà, bất động và im lặng lắng nghe tiếng kêu ghê tai của lũ dế ngoài cánh đồng. Sau đó tôi nhìn thấy mẹ đứng lên, đưa tay ra với vòi nước ở bếp. Một tia sáng trắng lóe lên, tiếng súng nổ, và mẹ đổ gục xuống. Tôi lao tới đỡ đỡ em bé.

Bố chưa bao giờ kể cho chúng tôi nghe phần kết của câu chuyện ấy, Chúng tôi không có TV hay đài, vậy nên có lẽ chính bố cũng không biết chuyện kết thúc ra sao. Điều cuối cùng tôi nhớ bố đã nói về chuyện đó là: “Lần tới, đó có thể sẽ là chúng ta.”

Những lời ấy ám ảnh tôi suốt. Tôi nghe thấy tiếng vọng của chúng trong tiếng dế kêu, trong tiếng nứt đào rơi xuống bình thủy tinh, trong tiếng kim loại loảng xoảng khi một khẩu SKS được lau chùi. Tôi nghe thấy chúng mỗi buổi sáng khi tôi đi qua cái toa tàu hỏa và dừng lại trước đám cây tràng sao và cây kế bò mọc lên ở chỗ Tyler đã chôn khẩu súng. Khá lâu sau khi bố đã quên sự mặc khải trong sách Isaiah, và mẹ đã lại nhét những bình nhựa chứa loại sữa “2% chất béo dùng cho cả gia đình” vào tủ lạnh, tôi vẫn còn nhớ đến nhà Weaver.

Đã gần năm giờ sáng.

Tôi quay về phòng mình, đầu tôi đầy ngột tiếng dế kêu và tiếng súng. Trên chiếc giường ở bên dưới, Audrey đang ngáy theo nhịp chậm rãi, mãi nguyện, gọi mời tôi cũng làm như vậy. Thay vì thế tôi trèo lên giường của mình, ngồi khoanh chân, nhìn ra ngoài cửa sổ. Mốc năm giờ trôi qua. Rồi sáu giờ. Lúc bảy giờ bà tôi

xuất hiện và tôi nhìn bà đi đi lại lại trên hiên nhà bà, quay nhìn lên phía nhà tôi trên đồi một lát. Sau đó ông bà bước lên xe, và thẳng tiến ra đường cao tốc.

Khi xe của ông bà đi rồi, tôi ra khỏi giường ăn một tô ngũ cốc với nước lọc. Ở bên ngoài tôi được con dê Kamikaze của Luke đón mừng, gặm áo tôi khi tôi bước về phía khu nuôi gia súc. Tôi đi qua chiếc xe go-kart[®] mà Richard cải tiến từ một chiếc máy xén cỏ cũ. Tôi cho lợn ăn, đổ thức ăn đầy máng và dắt những con ngựa của ông nội ra bãi cỏ mới. Sau khi làm xong mấy việc đó, tôi trèo lên cái toa tàu hỏa và nhìn ra thung lũng. Thật dễ để giả vờ rằng cái toa tàu đang chuyển động, chạy băng băng khỏi nơi này, rằng bất cứ lúc nào thung lũng cũng có thể biến mất phía sau tôi. Tôi đã chơi với cuộn phim tưởng tượng ấy trong đầu mình nhiều giờ nhưng hôm nay những cuộn phim không quay. Tôi quay về phía Tây, quay mặt khỏi những cánh đồng, và hướng về phía đỉnh núi.

Nàng công chúa luôn rạng rỡ nhất vào mùa xuân, ngay sau khi những cây tùng hiện ra khỏi tuyết, những chiếc lá kim màu xanh sẫm của chúng gần như đen ánh trên nền nâu hung hung của đất và vỏ cây. Bây giờ là mùa thu. Tôi vẫn có thể nhìn thấy nàng nhưng nàng đang mờ đi: những sắc đỏ và vàng của một mùa hè đang tàn che mờ hình hài đen huyền của nàng. Chẳng bao lâu nữa sẽ có tuyết. Trong thung lũng, đợt tuyết đầu tiên sẽ tan nhưng trên núi tuyết vẫn lay lắt, chôn vùi nàng công chúa cho đến tận mùa xuân, khi nàng sẽ lại xuất hiện, đầy thao thức.

Chương 2

Bà Đỡ

“BÀ CÓ CÚC KIM TIỀN KHÔNG?” bà đỡ hỏi. “Tôi cũng cần cây lobelia và lá cây phỉ nữa.”

Bà ta ngồi tại bàn quây ở phòng bếp, nhìn mẹ tôi lục lọi khắp mấy cái tủ gỗ dương. Một cái cân điện tử được đặt trên mặt bàn giữa họ, và thỉnh thoảng mẹ sử dụng nó để cân lá thảo dược khô. Đó là mùa xuân. Thời tiết đã lạnh vào buổi sáng mặc dù ngoài trời có nắng rực rỡ.

“Tuần trước tôi đã làm một mẻ cúc kim tiền mới,” mẹ nói. “Tara, đi lấy nó ra đây.”

Tôi nhớ lại mùi hương thoang thoang của nó, và nhớ mẹ đã gói nó trong cái túi nhựa cùng thảo dược phơi khô.

“Cần gì nữa không nhỉ?” Mẹ cười. Tiếng mẹ lạnh lót và căng thẳng. Bà đỡ đã hăm dọa mẹ, và khi bị hăm dọa mẹ tôi ở trong trạng thái phi trọng lượng, lướt đi nhanh thoăn thoắt mỗi lần bà đỡ thực hiện một động tác chắc chắn, chậm rãi.

Bà đỡ kiểm tra danh sách của mình. “Đủ rồi.”

Bà là một phụ nữ vừa lùn vừa béo, suýt soát năm mươi, có mười một người con và có một cái mụn cóc màu nâu đỏ ở cằm. Bà có mái tóc dài nhất mà tôi từng thấy, một dòng thác màu lông chuột đổ dài xuống tận khoeo chân của bà khi bà gỡ búi tóc được quấn chặt của mình ra. Đường nét trên khuôn mặt của bà không được nhẹ nhõm cho lắm, giọng nói của bà trầm trầm đầy uy quyền. Bà không có giấy phép hành nghề, chẳng có chứng nhận, chứng chỉ gì hết. Bà là một bà đỡ hoàn toàn nhờ năng lực hơn cả đủ của bà.

Mẹ tôi sẽ trở thành phụ tá của bà. Tôi nhớ đã quan sát họ trong ngày đầu tiên ấy và thầm so sánh họ. Mẹ với nước da hồng hào và mái tóc quấn theo làn sóng bông bênh quanh vai. Mí mắt mẹ sáng lung linh. Sáng nào mẹ cũng trang điểm, nhưng nếu không có thời gian làm điều đó, thì mẹ xin lỗi cả ngày, cứ như thể không trang điểm, mẹ đã gây phiền phức cho tất cả mọi người.

Bà đỡ trông như thể cả thập kỷ không mấy may quan tâm đến vẻ ngoài, và phong thái của bà khiến bạn cảm thấy thật ngốc vì đã để ý đến bà.

Bà đỡ gật đầu tạm biệt, mang theo đây một ôm các loại thảo dược của mẹ.

Lần tới bà đỡ đến dẫn theo đứa con gái tên là Maria, đứng cạnh bà, bắt chước các động tác của bà, cùng với một đứa bé được bế như dính vào cái thân hình chín tuổi dẻo dai của nó. Tôi nhìn nó với ánh mắt hy vọng. Tôi không gặp nhiều những đứa con gái khác không đến trường giống như mình. Tôi sán lại gần, cố thu hút sự chú ý của nó, nhưng nó hoàn toàn bị hút vào việc lắng nghe mẹ mình, người đang giải thích rằng cây kim ngân hoa và cây ích mẫu nên được bổ sung để trị chứng co thắt tử cung sau sinh như thế nào. Maria gật gù tỏ vẻ tán đồng; ánh mắt nó không hề rời khuôn mặt của bà mẹ.

Tôi lê bước dọc hành lang về phòng riêng, một mình, nhưng khi quay ra để đóng cửa, tôi thấy nó đứng đó vẫn bế đứa bé trên hông. Thằng bé béo ịch, và thân mình con bé vẹo đi trông rất rõ ở đoạn thắt lưng để thằng bé có thể trụ trên hông nó. “Mày sẽ đi chứ?” Nó nói. Tôi không hiểu câu hỏi. “Tao lần nào cũng đi,” nó nói. “Mày đã xem một đứa bé được đẻ ra chưa?” “Chưa.” “Tao đã xem nhiều lần rồi. Mày có biết đẻ ngược nghĩa là thế nào không?” “Không.” Tôi nói như một lời xin lỗi.

Lần đầu tiên phụ đỡ đẻ, mẹ tôi đi liền hai ngày. Sau đó mẹ lướt vào nhà qua cửa sau, nhợt nhạt đến mức dường như mặt mẹ trong suốt, và lao tới sofa, ở yên đó, run rẩy. “Khiếp quá,” mẹ thều thào. “Ngay cả Judy cũng nói bà ấy sợ.” Mẹ nhắm mắt lại. “Mà bề ngoài trông bà ấy không có vẻ sợ hãi gì cả.”

Mẹ nghỉ vài phút, cho đến khi sắc mặt mẹ khá hơn, rồi mẹ kể chuyện đã xảy ra. Ca đẻ đó kéo dài, mệt nhọc, và khi đứa bé cuối cùng cũng ra, người mẹ bị rách và tình trạng rất tệ. Có máu ở khắp mọi nơi. Thuốc vi lượng đồng căn không cầm máu được. Đó là khi mẹ hiểu ra rằng dây rốn quấn quanh cổ đứa bé. Thằng bé tím tái, vậy nên mẹ cứ nghĩ nó đã chết. Khi mẹ kể lại những chi tiết đó, mặt mẹ cắt không còn hột máu cho tới khi mẹ ngồi đó, mặt trắng bệch như một quả trứng, hai tay mẹ ôm quanh người.

Audrey pha trà cúc La Mã và chúng tôi đi mẹ vào giường ngủ. Tối hôm đó khi bố về nhà, mẹ kể chuyện ấy cho bố nghe. “Em không thể làm việc đó,” mẹ nói. “Judy có thể, nhưng em thì không.” Bố ôm vai mẹ. “Đây là nhiệm vụ mà Chúa giao cho,” bố nói. “Đôi khi Chúa yêu cầu chúng ta làm những việc khó.”

Mẹ không muốn làm bà đỡ. Mẹ học đỡ đẻ là ý tưởng của bố tôi, một trong những kế hoạch cho sự tự lực cánh sinh mà bố vạch ra. Chẳng gì bố ghét hơn là sống phụ thuộc vào Chính phủ. Bố nói một ngày nào đó chúng tôi sẽ sống mà hoàn toàn không kết nối với những hạ tầng của Chính phủ, như điện, nước. Ngay khi kiếm đủ tiền, bố sẽ lập kế hoạch xây dựng một đường ống dẫn nước từ trên núi xuống, và sau đó lắp những tấm pin mặt trời trên khắp trang trại. Đó sẽ là cách để chúng tôi có điện và nước trong Ngày Tận Thế, khi tất cả những người khác uống nước từ những vũng nước bẩn và sống trong bóng tối. Mẹ là một thầy thuốc đông y, vậy nên mẹ có thể chăm sóc sức khỏe cho chúng tôi, và nếu mẹ học kỹ thuật đỡ đẻ thì mẹ sẽ có thể đỡ các cháu gọi mình bằng bà khi chúng ra đời.

Vài ngày sau ca đỡ đẻ đầu tiên ấy, bà đỡ đến gặp mẹ. Bà dẫn Maria đến và nó lại theo tôi tới phòng riêng. “Thật tệ là mẹ mày mới lần đầu tiên đã gặp phải ca nặng,” nó mỉm cười, nói. “Ca tới đây sẽ dễ hơn.”

Vài tuần sau, phỏng đoán này được kiểm chứng. Lúc đó là nửa đêm. Vì chúng tôi không có điện thoại, bà đỡ gọi tới nhà bà-ở-chân-đồi, và bà tôi cuốc bộ lên đồi, mệt lử, cáu bẳn, la toáng lên rằng đã đến lúc mẹ đi “chơi trò bác sĩ”. Bà chỉ ở lại vài phút nhưng đánh thức cả nhà. “Tôi không hiểu nổi tại sao các người không thể đi bệnh viện như mọi người khác,” bà gào lên, đóng sập cửa đánh rầm trong khi bước ra khỏi nhà chúng tôi.

Mẹ tôi tìm cái túi dùng cho những chuyến đi ngắn và cái hộp dụng cụ mà mẹ đã nhét đầy những lọ cồn thuốc màu đen vào, rồi chậm chạp bước ra cửa. Tôi lo lắng, ngủ chập chờn, nhưng sáng hôm sau, khi mẹ về, tóc rối bù, mắt thâm quầng, môi hé nụ cười nhẹ nhõm. “Là con gái,” mẹ nói. Rồi mẹ lên giường ngủ cả ngày.

Nhiều tháng trôi qua như thế, mẹ rời khỏi nhà và trở về vào bất cứ giờ nào, run rẩy, thở phào vì việc đã xong. Trước khi lá bắt đầu rụng mẹ đã trợ giúp hơn chục ca đỡ đẻ. Đến hết mùa đông, vài chục ca. Vào mùa xuân mẹ nói với bố rằng mẹ đi đỡ đẻ như thế đủ rồi, rằng nếu buộc phải làm việc đó, nếu đó là Ngày Tận Thế, thì mẹ có thể đỡ đẻ được rồi. Bây giờ mẹ có thể dừng.

Nghe mẹ nói thế mặt bố xị ra. Bố nhắc nhở mẹ rằng đây là ý Chúa, rằng điều đó sẽ mang lại phước lành cho gia đình chúng tôi, “Em cần phải làm bà đỡ,” bố nói. “Em cần phải tự mình đỡ đẻ.”

Mẹ lắc đầu. “Em chịu,” mẹ nói. “Vả lại, ai sẽ thuê em khi mà họ có thể thuê Judy?”

Mẹ nguyên rửa bản thân, ném cái găng tay dài của mẹ trước Chúa. Chẳng bao lâu sau, Maria nói với tôi rằng bố nó đã có việc làm mới ở Wyoming. “Mẹ tao nói mẹ mày sẽ thế chân bà ấy,” Maria nói. Một hình ảnh xúc động hình thành trong trí tưởng tượng của tôi, về tôi trong vai của Maria, con gái bà đỡ, tự tin, đầy hiểu biết. Nhưng khi tôi quay sang để nhìn mẹ đang đứng cạnh mình, hình ảnh đó biến mất ngay tức khắc.

Đỡ đẻ không phải là việc bất hợp pháp ở bang Idaho, nhưng nó chưa được phê chuẩn. Nếu một ca đỡ đẻ không thành công, bà đỡ có thể phải đối mặt với tội danh hành nghề y không có giấy phép; nếu nhiều sai sót xảy ra, bà đỡ có thể bị buộc tội ngộ sát, thậm chí phải ngồi tù. Chỉ vài phụ nữ chấp nhận loại rủi ro ấy, vậy nên ở đó hiếm có các bà đỡ: khi Judy chuyển tới Wyoming, mẹ tôi trở thành bà đỡ duy nhất trong suốt một trăm dặm.

Những người phụ nữ bụng mang dạ chửa bắt đầu tới nhà tôi, nài xin mẹ đỡ đẻ cho họ. Mẹ co rúm người lại khi nghĩ đến việc đó. Một phụ nữ ngồi trên thành ghế sofa màu vàng nhạt bạc phếch của chúng tôi, nhìn trân trân xuống sàn, khi cô giải thích rằng chồng cô đang thất nghiệp và họ không có tiền để đăng ký sinh ở bệnh viện. Mẹ ngồi yên lặng, mắt nhìn tập trung vào một điểm, môi mím chặt, vẻ mặt mẹ rắn đanh trong chốc lát. Sau đó vẻ rắn đanh ấy tan biến và mẹ nói bằng giọng nhỏ nhẹ: “Tôi không phải là bà đỡ, tôi chỉ là người phụ giúp thôi.”

Người phụ nữ ấy quay trở lại nhà tôi vài lần, ngồi vắt vẻo trên thành sofa hết lần này đến lần khác, miêu tả những lần sinh nở dễ như trở bàn tay mà cô đã trải qua. Mỗi khi bố tôi nhìn thấy xe hơi của người phụ nữ ấy từ bãi phế liệu, bố lặng lẽ vào nhà bằng cửa sau, giả vờ vào lấy nước; sau đó bố đứng trong bếp khẽ khàng và chậm rãi uống từng ngụm nước, trong khi đóng tai nghe cuộc chuyện trò từ phòng khách. Mỗi lần người phụ nữ ấy rời khỏi nhà chúng tôi, bố hầu như không thể kiềm chế nổi cơn phấn khích, vậy nên cuối cùng, hoặc vì không chịu nổi nỗi tuyệt vọng của người phụ nữ ấy hoặc niềm sung sướng của bố, hoặc vì cả hai, mẹ nhượng bộ.

Ca sinh nở ấy diễn ra suôn sẻ. Sau đó, người phụ nữ ấy có một người bạn cũng mang bầu, và mẹ đỡ đẻ cho cô ta êm xuôi. Thế rồi cô kia có một người bạn. Mẹ lại đỡ đẻ tiếp. Chẳng bao lâu sau mẹ đã đỡ nhiều đứa trẻ ra đời đến mức nhiều ngày trời Audrey và tôi lái xe quanh thung lũng cùng mẹ, theo dõi mẹ thăm khám cho các sản phụ trước khi sinh và kê đơn thảo dược. Mẹ trở thành cô giáo của chúng tôi theo một cách mà mẹ chưa từng, bởi vì trước đó chúng tôi hiếm khi tổ chức học tại nhà. Mẹ giải thích từng bài thuốc và phương pháp giảm đau. Nếu là trường hợp huyết áp cao, người đó sẽ được cho dùng thảo dược làm từ cây táo gai để ổn định collagen và làm giãn mạch. Nếu bà-nào-đó có hiện tượng co thắt sớm thì bà ta cần tắm nước gừng để tăng lượng oxy cho tử cung.

Việc đỡ đẻ đã làm con người mẹ thay đổi. Mẹ là một người phụ nữ trưởng thành có bảy đứa con, nhưng đây là lần đầu tiên trong đời, mẹ là người chịu trách nhiệm, mà không có sự ướm hỏi hay báo trước. Thỉnh thoảng, vào những ngày sau một ca sinh nở, tôi phát hiện thấy ở mẹ bộ dạng nặng nề của bà đỡ Judy, trong động tác quay ngoắt lại, hoặc qua đường cong hồng hách của một bên hông mẹ. Mẹ ngừng trang điểm, sau đó mẹ ngừng xin lỗi vì không trang điểm.

Mẹ lấy khoảng năm trăm đô-la cho mỗi ca đỡ đẻ, và đây là một cách khác mà việc đỡ đẻ làm thay đổi mẹ: bỗng nhiên mẹ có tiền.

Bố không tin phụ nữ nên làm việc để kiếm tiền, nhưng tôi cho rằng bố nghĩ mẹ được trả tiền cho việc đỡ đẻ là đúng, bởi vì nó làm suy yếu Chính phủ. Và lại,

chúng tôi cần tiền. Bố làm việc vất vả hơn bất cứ người đàn ông nào mà tôi biết, nhưng việc gom phế liệu, xây lán trại chẳng mang lại nhiều tiền, và thật hữu ích khi mẹ có thể dùng những phong bì chứa tiền lẻ mà mẹ cất trong ví để mua tạp phẩm. Đôi khi, nếu chúng tôi bận di chuyển trong thung lũng cả ngày, giao thảo dược và thăm khám cho sản phụ trước khi sinh, mẹ dùng tiền đó đưa tôi và Audrey đi ăn tiệm. Bà-trong-thị-trần đã cho tôi một cuốn sổ ghi chép được trang trí hình chú gấu Teddy màu nâu trên bìa, và tôi ghi vào đó trải nghiệm lần đầu mẹ đưa chị em tôi tới một nhà hàng mà tôi miêu tả là “thật sự tuyệt vời với thực đơn và mọi thứ.” Theo như ghi chép, bữa ăn của tôi tốn tận 3,3 đô-la.

Mẹ cũng dùng tiền kiếm được để cải thiện việc đỡ đẻ của mình. Mẹ mua một bình oxy phòng khi đứa trẻ nào đó ra đời không thể thở được, và mẹ theo một khóa học khâu vết thương để có thể khâu cho những phụ nữ bị rách khi sinh nở. Judy luôn chuyển những phụ nữ cần phải khâu đến bệnh viện, nhưng mẹ quyết tâm học kỹ năng đó. Tôi hình dung mẹ nghĩ, phải tự lực cánh sinh. Với số tiền còn lại, mẹ lắp máy điện thoại[Ⓢ]. Một hôm một chiếc xe tải nhỏ màu trắng xuất hiện và một nhóm đàn ông mặc đồ bảo hộ lao động bắt đầu trèo lên những cột điện bên đường cao tốc. Bố hăm hăm lao vào nhà bằng cửa sau đòi được biết chuyện quái quỷ gì đang xảy ra. “Em nghĩ anh muốn có một chiếc điện thoại,” mẹ nói, đôi mắt mẹ đầy ngạc nhiên đến mức không thể chê vào đâu được. Mẹ tiếp tục nói liền thoảng. “Anh đã nói có thể sẽ gay go nếu ai đó đau đẻ mà em không ở nhà để nhận điện thoại. Em nghĩ, *Bố nó nói đúng, chúng ta cần một cái máy điện thoại!* Em ngốc quá! Em đã hiểu sai ý anh chẳng?”

Bố đứng đó vài giây, miệng há hốc. Bố nói, tất nhiên làm bà đỡ thì cần có điện thoại. Rồi bố quay trở lại bãi phế liệu và không cảm râm về chuyện ấy nữa. Chúng tôi không có điện thoại từ bao lâu rồi tôi không nhớ nữa, nhưng ngay hôm sau cái máy điện thoại đã ở đó, nằm trên cái giá để ống nghe màu vỏ chanh, cái đế bóng loáng của nó trông thật lạc lõng bên cạnh những lọ thảo dược thiên ma và bán chỉ liên xám xịt và tẻ nhạt.

Mười lăm tuổi Luke hỏi mẹ liệu anh có thể lấy giấy khai sinh được không. Anh muốn đăng ký học lái xe bởi vì Tony, anh cả của chúng tôi, đang kiếm ra tiền từ việc chở vật liệu mà anh có thể làm vì anh có bằng lái. Shawn và Tyler, hai anh kế Tony đều có giấy khai sinh; chỉ bốn đứa con sinh sau của mẹ – Luke, Audrey, Richard và tôi – không có.

Mẹ bắt đầu soạn giấy tờ. Tôi không biết mẹ có nói chuyện ấy với bố trước hay không. Nếu mẹ đã nói thì tôi không thể giải thích nổi điều gì đã làm bố tôi thay đổi – tại sao bỗng nhiên chính sách mười năm không đăng ký với Chính phủ lại kết thúc mà không hề có sự đấu tranh – nhưng tôi nghĩ có lẽ đó là từ cái điện thoại. Cứ như thể bố đã chấp nhận rằng nếu bố thực sự đối đầu với Chính phủ thì bố buộc phải chấp nhận những rủi ro nhất định. Việc mẹ làm bà đỡ sẽ lật đổ hệ thống Y tế công, nhưng để làm bà đỡ mẹ lại cần một chiếc điện thoại. Có lẽ logic tương tự được mở rộng tới Luke: Luke cần có thu nhập để nuôi sống một gia đình, để mua nhu yếu phẩm chuẩn bị cho Ngày Tận Thế, vậy nên anh cần có giấy chứng sinh. Một khả năng khác là, mẹ đã không hỏi bố. Có lẽ mẹ cứ quyết định thôi, và bố chấp nhận quyết định của mẹ. Có lẽ, thậm chí bố – vốn là người đàn ông quyền lực – tạm thời bị sức mạnh của mẹ gạt sang một bên.

Khi mẹ bắt đầu làm giấy tờ cho Luke, mẹ quyết định mẹ cũng sẽ lấy giấy khai sinh cho tất cả chúng tôi. Việc đó khó khăn hơn mẹ tưởng. Mẹ lục tung cả nhà lên để tìm các giấy tờ chứng minh chúng tôi là con của mẹ. Mẹ chẳng tìm thấy gì hết. Trong trường hợp của tôi, chẳng ai nhớ một cách chính xác ngày tháng năm sinh. Mẹ nhớ một ngày, bố nhớ một ngày khác, bà-ở-chân-đồi, đã từng vào thị trấn làm một bản khai có tuyên thệ rằng tôi là cháu gái của bà, đưa ra một ngày khác.

Mẹ gọi điện tới trụ sở của giáo hội ở thành phố Salt Lake. Một người thư ký ở đó tìm thấy một giấy chứng nhận từ lễ đặt tên thánh của tôi, khi tôi còn là một đứa trẻ sơ sinh, và một giấy khác từ lễ rửa tội của tôi, và cũng giống như mọi đứa trẻ theo giáo phái Mặc Môn, nghi lễ đó diễn ra khi tôi tám tuổi. Mẹ đề nghị họ gửi bản sao của các giấy tờ đó cho chúng tôi. Vài ngày sau họ gửi chúng đến

bằng đường bưu điện. “Chao ôi!” Mẹ nói khi mẹ mở phong bì ra. Mỗi giấy tờ đó cho biết một ngày sinh khác, và chẳng ngày nào khớp với ngày bà tôi đã ghi trong bản khai có tuyên thệ.

Tuần đó ngày nào mẹ cũng nói chuyện điện thoại hàng giờ. Với cái ống nghe được kẹp trên vai, dây điện thoại vắt ngang phòng bếp, mẹ nấu nướng, lau dọn, và lọc tinh chất cây mao lương hoa vàng và cây kế sữa, trong khi nói đi nói lại qua điện thoại chuyện đó.

“Hắn rồi, đáng lẽ tôi nên khai sinh cho con bé, khi nó ra đời, nhưng tôi đã không làm, vậy nên giờ chúng tôi mới phiền các vị.”

Những giọng nói lảm bảm ở đầu dây bên kia.

“Tôi đã nói với bà rồi – và cấp dưới của bà, và cấp dưới của cấp dưới của bà, và năm mươi người trong tuần này – con bé không đến trường, cũng chẳng có sổ khám chữa bệnh. Nó không có những thứ đó! Bị mất cả rồi. Tôi không thể xin bản sao được. Làm gì có mà xin!”

“Ngày sinh của con bé ư? Cứ cho là ngày hai mươi bảy.”

“Không, tôi không chắc đâu.”

“Không, tôi không có giấy tờ làm bằng chứng.”

“Được, tôi sẽ giữ máy.”

Những giọng nói ấy luôn khiến mẹ giữ máy khi mẹ thừa nhận rằng mẹ không biết ngày sinh của tôi, và chuyển máy tới cấp cao hơn của họ, như thể việc không biết tôi sinh vào ngày mấy đã khiến toàn bộ khái niệm có danh tính của tôi trở nên bất hợp pháp. Dường như người ta nói, bạn không thể là người mà không có ngày sinh được. Tôi không hiểu tại sao lại không. Việc không ai biết ngày sinh của tôi dường như chưa bao giờ là chuyện lạ lùng cho tới khi mẹ quyết định làm giấy khai sinh cho tôi. Tôi biết mình chào đời gần cuối tháng Chín, và mỗi năm tôi chọn một ngày không rơi vào Chủ nhật bởi vì chẳng thú vị chút nào khi bạn dùng cả ngày sinh nhật ở nhà thờ.

Thỉnh thoảng tôi ước gì mẹ đưa máy điện thoại cho tôi để tôi có thể giải thích. “Cháu cũng có ngày sinh nhật, như các ông bà,” tôi muốn nói với những

giọng nói kia. “Chỉ là ngày đó thay đổi. Các ông bà không muốn thay đổi ngày sinh nhật của mình sao?”

Cuối cùng, mẹ thuyết phục được bà-ở-chân-đồi làm một bản khai có tuyên thệ mới tuyên bố rằng tôi sinh vào ngày hai mươi bảy, mặc dù bà vẫn tin đó là ngày hai mươi chín, và bang Idaho cấp một giấy khai sinh cho tôi theo trường hợp khai sinh chậm trễ. Tôi nhớ hôm cái giấy đó đến qua bưu điện. Được trao cho cái giấy chứng nhận hợp pháp đầu tiên về bản thể của mình, tôi có cảm giác bị trút quyền sở hữu rất kỳ cục: trước đó tôi chưa bao giờ chột nghĩ cái giấy chứng nhận đó là cần thiết.

Vậy là tôi đã có giấy khai sinh rất lâu trước khi Luke có giấy khai sinh của anh ấy. Khi mẹ bảo với những giọng nói trên điện thoại rằng mẹ ngờ rằng tôi sinh vào khoảng cuối tháng Chín, họ im lặng. Nhưng khi mẹ bảo họ rằng mẹ không biết chính xác Luke sinh vào tháng Năm hay tháng Sáu thì điều đó khiến những giọng nói ở đầu dây bên kia om xòm cả lên.

Mùa thu ấy, khi tôi chín tuổi, tôi đi đỡ đẻ cùng mẹ. Nhiều tháng, tôi đã mè nheo đòi đi, nhắc mẹ rằng bằng tuổi tôi Maria đã được xem cả tá ca đẻ. “Mẹ không phải là bà mẹ đang nuôi con bú,” mẹ nói. “Mẹ không có lý do để đưa con theo. Và lại, con sẽ không thích việc đó đâu.”

Cuối cùng, mẹ được một người đàn bà có mấy đứa con nhỏ thuê đỡ đẻ. Việc được thu xếp: tôi sẽ trông mấy đứa nhỏ trong khi ca đẻ diễn ra.

Cuộc điện thoại đến vào lúc nửa đêm. Chuông điện thoại réo vang khắp hành lang, và tôi nín thở, hy vọng không phải người ta gọi nhầm số. Một phút sau mẹ có mặt bên giường tôi. “Đến lúc rồi,” mẹ nói, và chúng tôi cùng chạy ra xe.

Trong suốt mười dặm đường mẹ diễn tập với tôi những gì tôi sẽ nói nếu điều tồi tệ nhất xảy ra và nếu người của Liên bang tới. Trong bất kỳ trường hợp nào tôi cũng sẽ không được nói với họ rằng mẹ là một bà đỡ. Nếu họ hỏi tại sao chúng tôi lại ở đó, tôi sẽ không nói gì. Mẹ gọi đó là “nghệ thuật im lặng.” “Con cứ nói rằng con đang ngủ và con chẳng nhìn thấy gì hết và con không biết bất cứ

điều gì, và con chẳng thể nhớ nổi tại sao chúng ta lại ở đó,” mẹ nói. “Chớ có đưa cho họ thêm bất cứ sợi dây thừng nào để họ treo cổ mẹ ngoài những sợi dây họ đã có sẵn.”

Mẹ rơi vào im lặng. Tôi chăm chú nhìn mẹ trong khi mẹ lái xe. Khuôn mặt mẹ được đèn trong bảng đồng hồ soi sáng, và nó trông trắng bệch như ma trên cái nền đen như mực của những con đường nông thôn. Nỗi sợ hãi khắc sâu vào những đường nét trên mặt mẹ, trong nét chau mày và đôi môi mím chặt. Chỉ có một mình tôi ở bên, mẹ dẹp bỏ con người mà mẹ phô ra cho người khác thấy. Mẹ trở về là chính mình, mệt mỏi, thờ hờn.

Tôi nghe thấy những tiếng thì thầm khe khẽ và hiểu rằng tiếng thì thầm đó phát ra từ mẹ. Mẹ đang lắm bầm cái gọi là “điều gì sẽ xảy ra nếu” với chính bản thân. Điều gì sẽ xảy ra nếu có sự cố? Chuyện gì sẽ xảy ra nếu trong bệnh sử của họ có điều gì đó phức tạp, mà họ không nói trước với mẹ? Hoặc điều gì sẽ xảy ra nếu đó là một điều bình thường, một khủng hoảng thông thường, và mẹ hoảng sợ, chờ người ra, không cầm máu kịp thời? Vài phút nữa thôi chúng tôi sẽ đến nơi, và mẹ nắm giữ hai mạng sống trong đôi tay bé nhỏ, run rẩy của mình. Tôi chưa bao giờ hiểu được rủi ro mà mẹ đối mặt cho đến phút đó. “Người ta chết trong bệnh viện,” mẹ thì thầm, những ngón tay mẹ bám chặt bánh lái, như hồn ma. “Đôi khi Chúa gọi họ về nhà, và chẳng ai có thể làm gì được. Nhưng nếu điều đó xảy ra với một bà đỡ...” Mẹ quay sang, nói thẳng với tôi. “Chỉ cần một sơ suất thôi, là con sẽ thăm mẹ ở nhà tù.”

Chúng tôi đến nơi và mẹ biến thành người khác. Mẹ đưa ra một loạt mệnh lệnh, cho ông bố, cho bà mẹ và cho tôi. Tôi gần như quên làm những gì mẹ bảo, tôi không thể rời mắt khỏi mẹ. Tôi hiểu rằng đêm đó tôi sẽ thấy mẹ lần đầu tiên, thấy sức mạnh bí ẩn của mẹ.

Mẹ ra lệnh bằng những tiếng quát tháo và chúng tôi lặng lẽ làm theo lệnh của mẹ. Đứa trẻ chào đời mà không có bất kỳ biến chứng nào. Thật hoang đường và huyền tưởng khi làm người chứng kiến kín đáo bước ngoặt này trong vòng đời,

nhưng mẹ nói đúng, tôi không thích việc đó. Nó kéo dài và mệt mỏi, và toàn mùi mồ hôi hăng.

Tôi không nằng nặc đòi theo mẹ đến cuộc đỡ đẻ tiếp theo. Mẹ trở về nhà, nhọt nhọt và run rẩy. Giọng mẹ run run khi mẹ kể cho tôi và chị tôi nghe chuyện: nhịp tim của đứa trẻ chậm đi một cách đáng ngại, tới mức chỉ rung rung; mẹ gọi xe cứu thương, sau đó quyết định họ không thể đợi được nữa nên liền đưa sản phụ tới bệnh viện bằng xe của mẹ. Mẹ lái xe với tốc độ cao đến mức trước khi mẹ tới bệnh viện mẹ bị cảnh sát truy đuổi. Trong phòng cấp cứu, mẹ cố cung cấp cho các bác sĩ thông tin họ cần mà không tỏ ra quá rành rẽ, để họ khỏi nghi ngờ mẹ là bà đỡ chui.

Một ca mổ để cấp cứu đã diễn ra. Người mẹ và đứa bé phải nằm viện vài ngày, và trước khi mẹ con họ được ra viện mẹ đã hết run. Thực ra, mẹ dường như đã vui vẻ và bắt đầu kể chuyện ấy theo cách khác, nôm vào đó chi tiết mẹ bị viên cảnh sát bắt phải tấp vào lề đường, và ông ta ngạc nhiên khi thấy một người phụ nữ đang rên rỉ, rõ là đang đau đẻ, ở băng ghế sau. “Mẹ dựa ngay vào cái tạt hay quên của đàn bà con gái chúng mình,” mẹ kể với Audrey và tôi, giọng mẹ oang oang, gấp gáp. “Đàn ông thích nghĩ rằng mình đang giải cứu một phụ nữ đang trí gấp khó khăn. Tất cả những gì mẹ phải làm là đứng sang một bên và để *ông ta* đóng vai anh hùng!”

Thời điểm nguy hiểm nhất đối với mẹ đến vài phút sau đó, trong bệnh viện, sau khi người phụ nữ ấy được đẩy đi bằng cáng. Một bác sĩ chặn mẹ lại và hỏi tại sao mẹ lại có mặt đầu tiên tại hiện trường. Mẹ mỉm cười khi nhớ lại khoảnh khắc ấy. “Mẹ hỏi ông ấy những câu hỏi ngớ ngẩn nhất mà mẹ có thể nghĩ ra.” Mẹ giả giọng quỵên rũ, véo von chẳng giống giọng mẹ chút nào. “Ôi, là đầu đứa bé ư? Chẳng phải chân ra trước sao?” Vị bác sĩ đó tin rằng không thể có chuyện mẹ là một bà đỡ được.

Chẳng có người chế thảo dược nào ở Wyoming giỏi như mẹ, vậy nên vài tháng sau sự cố ở bệnh viện, Judy đến núi Buck để lấy hàng. Hai người phụ nữ

tán chuyện trong bếp, Judy ngồi trên chiếc ghế đầu, mẹ rướn người qua bàn quây, tựa đầu vào bàn tay. Tôi mang danh sách các loại thảo dược vào buồng kho. Maria, bế cắp nách một đứa bé khác, lẻo đẻo theo sau. Tôi lôi những túi lá khô và những lọ chất lỏng đục ngầu từ trên các giá gác xuống, trong khi thao thao bất tuyệt về kỳ tích của mẹ, kết thúc bằng cuộc chạm trán của mẹ ở bệnh viện. Maria cũng có những câu chuyện của nó về cuộc lẩn tránh người của Liên bang, nhưng khi nó bắt đầu kể một chuyện tôi bèn ngắt lời nó.

“Mẹ cậu là một bà đỡ giỏi,” tôi nói, ưỡn ngực ra. “Nhưng khi đương đầu với bác sĩ và cảnh sát, thì không ai đóng vai ngốc giống như mẹ tớ.”

Chương 3

Đôi Giày Màu Kem

MẸ TÔI, FAYE, là con gái của một người bưu tá. Mẹ lớn lên ở thị trấn, trong một ngôi nhà màu vàng với hàng rào bằng cọc nhọn màu trắng được viền bởi những bông hoa diên vĩ màu tím. Bà ngoại tôi là thợ may, có người nói bà là thợ may giỏi nhất thung lũng, vậy nên cô gái trẻ Faye thường mặc những bộ đồ đẹp, tất cả đều được may khéo đến mức không chê vào đâu được, từ những chiếc áo khoác nhẹ bằng vải nhung, những chiếc quần bằng vải nhân tạo đến những bộ âu phục bằng vải len và những chiếc váy đầm bằng vải gabardine[Ⓢ]. Mẹ đi lễ nhà thờ, đi học ở trường và tham gia các hoạt động cộng đồng. Cuộc sống của mẹ thấm đẫm nề nếp, chuẩn tắc hết mức và sự đứng đắn không thể nghi ngờ.

Về đứng đắn ấy được bà ngoại tôi chăm chút cẩn thận. Bà, LaRue, bước vào tuổi thành niên trong những năm 1950, thập kỷ của cơn sốt duy tâm bùng phát sau Thế chiến thứ hai. Cha bà là người nghiện rượu ở cái thời chả mấy ai quan tâm phải gọi thói nghiện ngập ra làm sao, bấy giờ người nghiện rượu không được gọi là “người nghiện rượu” mà là “quá chén” thôi. Bà xuất thân từ một gia đình thuộc loại “có vấn đề” nhưng lại nằm trong một cộng đồng Mặc Môn sùng đạo mà, cũng giống như nhiều cộng đồng khác, đã trừng phạt những đứa con vì tội lỗi của cha mẹ chúng. Người ta cho rằng chẳng người đàn ông đảng hoàng nào ở thị trấn thèm lấy bà. Khi bà gặp và kết hôn với ông ngoại tôi – một người đàn ông trẻ đôn hậu là lính thủy vừa mới xuất ngũ – bà tận tâm tận lực cho việc kiến tạo một gia đình hoàn hảo, hoặc ít nhất na ná như thế. Bà tin rằng điều này sẽ bảo vệ các con gái bà khỏi nỗi khinh miệt của xã hội vốn đã làm bà tổn thương.

Một kết quả của nỗ lực này chính là cái hàng rào cọc nhọn màu trắng và tủ quần áo toàn đồ tự may. Một kết quả khác là, cô con gái cả của bà cưới một chàng trai trẻ rất khắt khe, có mái tóc đen nhánh, và ham thích sự độc đáo.

Nói chính xác, mẹ tôi cũng phản ứng một cách bướng bỉnh trước tiêu chuẩn đứng đắn được chất đống lên mẹ. Bà tôi muốn dành cho con gái mình món quà

mà bản thân bà chưa bao giờ có, món quà mang tên “xuất thân từ một gia đình *tử tế*”. Nhưng mẹ tôi, Faye, không muốn có món quà đó. Mẹ không phải là nhà cách mạng xã hội – thậm chí ở đỉnh cao của nổi loạn mẹ vẫn duy trì đức tin của người theo giáo phái Mặc Môn, với mỗi tận tâm dành cho hôn nhân và thiên chức làm mẹ, nhưng những biến động đột ngột của xã hội ở thập kỷ 70 dường như đã có ít nhất một ảnh hưởng đối với mẹ: mẹ không muốn có cái hàng rào cọc nhọn màu trắng và những bộ váy đầm bằng vải gabardine.

Mẹ đã kể cho tôi nghe hàng chục câu chuyện thời thơ ấu của mẹ, chuyện bà tôi bực dọc về địa vị xã hội của cô con gái cả, về chiếc váy đầm bằng vải piqué[©] của mẹ có được cắt theo kiểu đứng đắn hay không, hoặc chiếc quần nhung của mẹ có tông xanh dương chuẩn hay không. Những câu chuyện này gần như luôn kết thúc bằng việc bố tôi lao vào và quần nhung được đổi thành quần bò xanh. Có một câu chuyện đặc biệt luôn ám ảnh tôi. Năm ấy tôi bảy hoặc tám tuổi và đang ở trong phòng thay quần áo để đi nhà thờ, tôi đưa tấm khăn ẩm lên lau mặt, lau tay và chân, chỉ kỳ cọ những chỗ để hờ. Mẹ nhìn tôi mặc chiếc váy vải bông qua đầu, chiếc váy mà tôi chọn vì nó dài tay để tôi khỏi phải rửa cánh tay, và mắt mẹ ánh lên nỗi ghen tị.

“Nếu con là con gái của bà,” mẹ nói, “thì chúng ta sẽ phải thức đến mờ sáng để sửa sang mái tóc của con. Sau đó cả buổi sáng sẽ được dành cho việc chọn đôi giày nào, màu trắng hay màu kem, để tạo ấn tượng phù hợp.”

Mặt mẹ nhăn nhó bởi nụ cười làm xấu. Mẹ cố tỏ ra hài hước nhưng ký ức đã khuấy động nỗi ghen tị. “Thậm chí sau khi đã chọn màu kem, bọn mẹ vẫn bị muộn bởi vì vào phút cuối bà hoảng sợ và lái xe tới nhà em họ Donna để mượn đôi giày màu kem có gót thấp hơn.”

Mẹ nhìn đăm đăm ra ngoài cửa sổ. Mẹ chìm vào suy tư.

“Màu trắng hay màu kem ư?” Tôi nói. “Chẳng phải đó là một màu sao ă?” Tôi chỉ có một đôi giày để đi nhà thờ. Đó là giày màu đen, hoặc ít nhất nó cũng đen khi nó còn là của chị gái tôi.

Mặc váy xong, tôi quay nhìn vào gương và phúi đất cát quanh ngắn cổ của mình, vừa phúi vừa nghĩ thật may mẹ đã thoát khỏi cái thế giới mà trong đó màu trắng và màu kem khác hẳn nhau, và thoát khỏi nơi mà những vấn đề như vậy có thể làm hỏng cả một buổi sáng tốt lành không chệ vào đâu được, một buổi sáng mà nếu ở một điều kiện khác, có thể dành để sục sạo trong bãi phế liệu của bố cùng với con dê của Luke.

Bố tôi, Gene, hồi đó là một trong những chàng trai trẻ dường như vừa nghiêm nghị lại vừa tinh quái. Về ngoài của bố gây chú ý, tóc đen như gỗ mun, khuôn mặt góc cạnh, cương nghị, cái mũi giống như một mũi tên hướng về phía đôi mắt sâu dữ tợn. Đôi môi của bố ép vào nhau thành một nụ cười hài hước, cứ như cả thế giới là để cho bố cười nhạo.

Mặc dù tôi cũng trải qua tuổi thơ ở chính quả núi mà bố đã sinh ra và lớn lên, cho lợn ăn bằng cùng một cái máng sắt, tôi biết rất ít về thời niên thiếu của bố. Bố chẳng bao giờ kể về nó, vậy nên tất cả những gì tôi có để lần theo là những gợi ý lơ mơ từ mẹ, người đã kể với tôi rằng, trong những năm còn trẻ, ông-ở-chân-đồi đã rất hung bạo, dễ nổi giận. Cách mẹ sử dụng từ *đã* luôn khiến tôi thấy buồn cười. Tất cả chúng tôi chẳng đại gì mà làm ông cháu. Ông nóng nảy, đó là sự thật và bất cứ ai trong thung lũng cũng có thể khẳng định với bạn như vậy. Ông là người phong trần cả ở bên trong lẫn bên ngoài, căng thẳng và vạm vỡ như những con ngựa ông thả rông trên núi.

Bà nội tôi làm việc cho Cục Nông nghiệp ở trong thị trấn. Đến lúc trưởng thành, bố luôn có quan điểm gay gắt về những người phụ nữ đi làm, kể cả là làm cho cộng đồng Mặc Môn ở vùng nông thôn của chúng tôi. “Chỗ của đàn bà là ở nhà,” bố nói mỗi khi nhìn thấy một phụ nữ đã có gia đình làm việc trong thị trấn. Bây giờ tôi đã lớn hơn, thỉnh thoảng tôi tự hỏi liệu thái độ gay gắt của bố liên quan đến mẹ đẻ của bố hơn hay đến giáo lý hơn. Tôi tự hỏi không biết có phải bố ước ngày trước mẹ của mình ở nhà, để bố không bị bỏ mặc ở nhà hàng giờ dài đằng đẳng với người cha nóng tính hay không.

Việc trông nom trang trại ngốn hết tuổi thơ của bố. Tôi ngờ rằng bố mong được đi học đại học. Tuy nhiên, theo như mẹ tôi kể, hồi đó bố tràn đầy năng lượng, tiếng cười và sự phô trương. Bố lái chiếc Volkswagen Beetle màu xanh nhạt, mặc những bộ complet lạ mắt được cắt từ những loại vải sặc sỡ, để ria mép rậm, hớp mót.

Họ gặp nhau trong thị trấn. Một tối thứ Sáu, nàng Faye đang làm nhân viên phục vụ tại một bãi chơi bowling thì chàng Gene cùng một nhóm bạn xuất hiện. Trước đó nàng chưa bao giờ gặp chàng vậy nên nàng biết chàng không phải là người thị trấn và chắc hẳn đến từ một khu dân cư trên núi quanh thung lũng. Đời sống nơi thôn dã đã khiến chàng Gene trông không giống những chàng trai trẻ khác: Ở tuổi của mình anh chàng Gene nghiêm túc, gây ấn tượng sâu sắc hơn cả về thân hình lẫn tính độc lập.

Sống ở trên núi, con người ta có ý thức về chủ quyền, về quyền riêng tư và lối sống tách biệt, thậm chí quyền thống trị. Trong không gian rộng lớn ấy bạn có thể lướt đi một mình trong nhiều giờ, lơ lửng phía trên những cây thông, bụi cây và những tảng đá. Ý thức đó được lặng lẽ sinh ra từ khung cảnh bao la ấy; nó yên bình mà mệnh mang, tạo nên những con người thuần phác. Bố Gene của tôi được sinh ra giữa khung cảnh thoi miên của núi cao, giữa cảnh yên bình không tranh đoạt.

Ở thung lũng, mẹ Faye cố không nghe những chuyện ngòi lê mách lẻo chẳng bao giờ hết của một thị trấn nhỏ có những tin đồn được đẩy vào nhà người ta qua những ô cửa sổ, luôn dưới những ô cửa chính. Mẹ tự nhận bản thân là người luôn đi làm hài lòng người khác: mẹ nói mẹ không thể không để ý xem mọi người muốn mẹ trở thành gì và không thể không miễn cưỡng điều chỉnh bản thân để trở thành người như người ta muốn. Sống trong ngôi nhà đầy áp sự đoan trang, nề nếp của mình ở trung tâm thị trấn, quây quần với bốn căn nhà khác, nhà này sát nhà kia đến nỗi bất kỳ ai cũng có thể ngó vào qua cửa sổ và thì thầm buông lời phán xét, Faya cảm thấy như bị mắc kẹt.

Tôi thường hình dung ra lúc bố Gene đưa mẹ lên núi Buck và mẹ, lần đầu tiên, không thể nhìn thấy những khuôn mặt hoặc nghe những giọng nói của người dân ở thị trấn phía dưới. Những khuôn mặt ấy, những giọng nói ấy thật xa, xa lắc xa lơ. Tất cả đã bị ngọn núi làm cho nhỏ xíu, câm lặng.

Chẳng bao lâu sau họ đính hôn.

Mẹ thường kể một chuyện từ dạo trước khi mẹ kết hôn. Mẹ thân với Lynn, anh trai của mẹ, đến nỗi mẹ dẫn anh đi gặp người đàn ông mà mẹ hy vọng sẽ trở thành chồng mình. Đó là mùa hè, trời tối, và các anh em họ của bố đang làm âm ỉ cả lên như họ vẫn thường thế sau vụ thu hoạch. Lynn tới và nhìn thấy một căn phòng toàn những kẻ hùng hổ chân vòng kiềng đang gào thét, giơ nắm đấm, đấm vun vút vào không khí, ngỡ mình đang chứng kiến một cuộc ẩu đả y hệt trong phim của John Wayne[®]. Lynn toan gọi cảnh sát.

“Mẹ bảo bác hãy cứ nghe cái đã,” mẹ nói, cười chảy cả nước mắt. Mẹ luôn kể đi kể lại chuyện này theo đúng một cách, và chúng tôi ưa thích câu chuyện đến mức nếu mẹ đi chệch khỏi nguyên bản thì chúng tôi kể lại nó cho mẹ. “Mẹ bảo bác hãy chú ý đến lời lẽ thực sự mà họ đang gào lên. Thoạt *nghe* thì ai cũng ồn ỉ như ong bắp cày, nhưng thực sự họ đang có một cuộc trò chuyện thú vị. ‘Anh phải nghe xem họ nói gì cơ, đừng chú ý đến cách họ nói.’ Mẹ bảo bác ấy, đó chỉ là cách người nhà Westover nói chuyện thôi mà!”

Mẹ chưa kể xong, chúng tôi đã cười bò trên sàn. Chúng tôi cười cho đến khi đau cả sườn, tưởng tượng ra cảnh ông bác đứng đần, đường đường giáo sư của chúng tôi gặp đám anh em hoang dã của bố. Bác Lynn thấy cảnh ấy khó chịu đến mức ông không bao giờ quay lại đó nữa, và từ bé đến giờ tôi chưa hề nhìn thấy ông ở cái núi này. Thật đáng đời bác, chúng tôi nghĩ, vì bác đã can thiệp và có kéo mẹ tôi trở lại cái thế giới của những chiếc váy đầm may bằng vải gabardine và giày màu kem. Chúng tôi hiểu rằng sự tan rã của gia đình đang mẹ là khởi đầu của gia đình chúng tôi. Hai gia đình, không thể cùng tồn tại. Chỉ một gia đình có được mẹ mà thôi.

Mẹ chưa bao giờ kể với chúng tôi rằng gia đình mẹ phản đối cuộc hôn nhân của bố mẹ nhưng chúng tôi biết điều đó. Có những dấu vết mà nhiều thập kỷ không thể xóa nhòa. Bố tôi hiếm khi bước chân vào nhà của bà-trong-thị-trần, và khi ở đó mặt bố sưng sía và bố chỉ nhìn đăm đăm ra cửa. Khi còn nhỏ, tôi hầu như không biết các bác trai, bác gái, các dì, các cậu họ ở đằng ngoài. Chúng tôi hiếm khi đi thăm họ – tôi thậm chí không biết hầu hết họ sống ở đâu – và họ còn hiếm khi đến núi này thăm chúng tôi hơn. Một ngoại lệ là dì Angie, em gái út của mẹ, sống ở thị trấn và vẫn khăng khăng gặp mẹ.

Tôi biết qua loa sự kiện bố mẹ đính hôn, hầu hết là từ những câu chuyện mẹ kể. Tôi biết mẹ có nhẫn đính hôn trước khi bố đi nghĩa vụ – một nhiệm vụ mà những người đàn ông Mặc Môn trung thành với đạo phải thực hiện – và dành hai năm đi truyền đạo ở Florida. Bác Lynn nhân lúc bố đi vắng đã giới thiệu em gái mình cho tất cả những người đàn ông đủ tuổi kết hôn mà bác có thể tìm thấy ở phía bên này của dãy Rockies, nhưng không ai có thể làm cho mẹ quên chàng trai nông thôn cương nghị thống trị cả một quả núi.

Chàng Gene từ Florida trở về và họ cưới nhau.

Bà LaRue may váy cưới.

Tôi chỉ thấy duy nhất một tấm ảnh cưới của bố mẹ. Trong ảnh bố mẹ đứng trước một tấm rèm mỏng như tơ màu vàng ngà. Mẹ mặc một chiếc váy truyền thống được may bằng lụa đính hạt phôi ren, với đường viền cổ cao che kín xương quai xanh. Một tấm mạng thêu được trùm quanh đầu mẹ. Bố mặc bộ complet màu kem có ve cổ rộng màu đen. Hai người say sưa trong hạnh phúc, mẹ nở nụ cười không vương bận, bố nở nụ cười rộng ngoác đến nỗi bộ ria mép rậm rì của bố chẳng thể che lấp được.

Thật khó để tôi tin rằng chàng trai trẻ vô ưu trong tấm ảnh đó là bố mình. Bố mà tôi biết ở ngoài đời rõ ràng là một người đàn ông trung niên mệt mỏi, đầy lo lắng và sợ hãi, tích trữ thực phẩm và đạn dược.

Tôi không biết chàng trai trong tấm ảnh đó đã trở thành người đàn ông mà tôi biết là bố mình từ khi nào. Có lẽ là ngay tắp lự. Bố kết hôn năm hai mươi tuổi, có con trai đầu lòng, anh Tony của tôi, năm bố hai mươi hai. Hai mươi bốn tuổi, bố hỏi mẹ liệu họ có thể thuê một thầy lang đỡ đẻ khi mẹ sinh anh Shawn của tôi không. Mẹ đồng ý. Đó là mách nước đầu tiên, hay đơn giản bố Gene là thế, lập dị và trái khoáy, cố tình làm cho những người nhà đằng vợ vốn không ủng hộ mình bị sốc? Dù gì, hai mươi tháng sau, khi Tyler chào đời, cuộc sinh nở ấy cũng diễn ra tại một bệnh viện. Khi bố hai mươi bảy tuổi, Luke chào đời, tại nhà, được một bà đỡ vườn ươm. Bố quyết định không làm giấy khai sinh, một quyết định mà bố lặp lại với Audrey, Richard và tôi. Vài năm sau, khi bố bước sang tuổi ba mươi, bố không cho các anh tôi đến trường nữa. Tôi không nhớ chuyện đó, bởi vì nó xảy ra trước khi tôi chào đời, nhưng tôi tự hỏi phải chăng đó là một bước ngoặt. Bốn năm sau, bố tháo bỏ điện thoại và chủ động không gia hạn bằng lái xe. Bố ngừng đăng ký và mua bảo hiểm cho ô tô gia đình. Sau đó bố bắt đầu tích trữ thực phẩm.

Phần sau cùng ấy nghe có vẻ giống bố tôi, nhưng không phải là người bố mà các anh trai của tôi nhớ. Bố vừa bước sang tuổi bốn mươi thì người của Liên bang bao vây gia đình Weaver, một sự kiện củng cố những nỗi sợ tệ hại nhất của bố. Sau đó bố luôn dự vào một cuộc chiến, dù cuộc chiến đó chỉ ở trong đầu bố. Có lẽ đó là lý do tại sao Tony nhìn tấm ảnh đó thấy bố của anh, còn tôi thì thấy một người lạ.

Mười bốn năm sau sự việc xảy ra với gia đình Weaver, tôi ngồi ở giảng đường của trường đại học nghe một vị giáo sư tâm lý học miêu tả cái gọi là “chứng rối loạn lưỡng cực”. Đó là lần đầu tiên tôi nghe nói về bệnh tinh thần. Tôi biết con người ta có thể phát điên – có người đội những con mèo chết trên đầu hoặc yêu mê cuồng một cây củ cải – nhưng tôi chưa bao giờ có ý niệm rằng một con người có thể vẫn làm việc bình thường, minh mẫn, đầy thuyết phục, mà lại mang bệnh tinh thần.

Vị giáo sư đọc các thông tin bằng giọng thô, buồn tẻ: tuổi phát bệnh trung bình là hai mươi lăm; có thể trước đó không hề có triệu chứng gì.

Điều mỉa mai là nếu bố tôi bị chứng rối loạn lưỡng cực – hoặc bất cứ bệnh gì trong số cả tá chứng rối loạn tâm thần có thể giải thích cho hành vi của bố – thì chính chứng hoang tưởng bộ phận là một triệu chứng của căn bệnh cản trở sự chẩn đoán và điều trị nó. Ai mà biết được.

Ba năm trước bà-trong-thị-trần qua đời ở tuổi tám mươi sáu.

Tôi không biết rõ về bà lắm.

Tất cả những năm ấy tôi ra vào căn bếp của bà, và bà chẳng bao giờ kể với tôi bà cảm thấy như thế nào khi nhìn con gái mình sống tách biệt, bị những bóng ma và chứng hoang tưởng vây quanh.

Bây giờ khi tôi hình dung về bà tôi chỉ nhớ một hình ảnh duy nhất, cứ như trí nhớ của tôi là một cái máy chiếu bị kẹt khay. Đó là cảnh bà đang ngồi trên chiếc sofa bọc nệm. Tóc bà được cuộn thành những lọn tóc xoắn tít, và môi bà giãn ra thành một nụ cười lịch sự, hợp với hoàn cảnh. Đôi mắt bà vui nhưng trống rỗng, cứ như thể bà đang theo dõi một vở kịch trên sân khấu.

Nụ cười ấy ám ảnh tôi. Nó là thứ bất biến, vĩnh hằng duy nhất, bí hiểm, vô tư, thần nhiên. Bây giờ, vì rằng đã lớn hơn và đã chịu khó tìm hiểu về bà, hầu như qua các cô dì, chú bác của mình, tôi biết bà chẳng phải là con người có những đặc tính ấy.

Tôi đã dự lễ tang của bà. Đó là một cái quan tài hạng tốt được mở nắp và tôi nhận ra mình đang tìm kiếm khuôn mặt của bà. Các chuyên gia bảo quản thi hài đã không giữ được đôi môi của bà như nó vốn thế – nụ cười lịch thiệp mà sinh thời bà giữ trên khuôn mặt chẳng khác gì cái mặt nạ sắt đã bị gỡ ra. Đó là lần đầu tiên tôi nhìn thấy bà không có nụ cười ấy và cuối cùng tôi chợt nghĩ: rằng bà là người duy nhất có thể hiểu chuyện gì đang xảy ra với tôi, hiểu chứng hoang tưởng và lòng tin tưởng tuyệt đối vào Kinh Thánh đã chia cắt cuộc sống của tôi như thế nào, cướp mất những người tôi quan tâm ra sao, và chỉ để lại cho tôi

những bằng cấp và chứng chỉ – cái vẻ đứng đắn. Những gì xảy ra bây giờ trước kia đã xảy ra. Đây là sự cắt đứt quan hệ thứ hai giữa mẹ và con gái. Cuộn băng đang được tua lại.

Chương 4

Những Người Phụ Nữ Của Bộ lạc Apache[©]

KHÔNG AI NHÌN THẤY CHIẾC XE lao khỏi đường cao tốc. Anh Tyler của tôi, mười bảy tuổi, ngủ gật trước vô-lăng. Lúc đó là sáu giờ sáng và anh đã lái xe trong im lặng gần như suốt cả đêm, điều khiển chiếc xe thùng qua Arizona, Nevada và Utah. Chúng tôi đã ở Cornish, một thị trấn vùng quê cách núi Buck hai mươi dặm về phía Nam, khi chiếc xe cán qua vạch kẻ làn đường lần sang làn đường khác, rồi rời đường cao tốc. Nó lao xuống một cái rãnh, đâm vào hai cột điện được dựng bằng thân cây tuyết tùng chắc nịch, và cuối cùng chỉ dừng lại khi đâm vào một chiếc máy gặt.

Chuyến đi đó là ý tưởng của mẹ. Vài tháng trước, khi những chiếc lá khô bắt đầu rơi xuống mặt đất, báo hiệu mùa hè kết thúc, bố trở nên phấn khích. Ngồi ăn sáng bố giậm chân theo nhịp nhạc, và vào bữa tối bố thường chỉ tay lên núi, mắt bố sáng lấp lánh, miêu tả chỗ bố sẽ đặt đường ống để dẫn nước xuống nhà chúng tôi. Bố hứa rằng khi đợt tuyết đầu tiên rơi, bố sẽ đắp một quả cầu tuyết lớn nhất bang Idaho. Bố nói việc bố sẽ làm là cuộc bộ tới chân núi và đắp một quả cầu tuyết nhỏ, bình thường rồi lăn nó xuống sườn đồi, và nhìn nó to lên gấp ba mỗi khi nó lăn qua một cái gò hoặc xuống một hẻm núi. Cho đến khi nó lăn tới nhà chúng tôi ở trên đỉnh ngọn đồi cuối cùng trước thung lũng, nó sẽ to cỡ bằng cái nhà kho của ông nội tôi, và mọi người ở trên đường cao tốc sẽ nhìn nó, đầy kinh ngạc. Chúng tôi chỉ cần có loại tuyết phù hợp. Những bông tuyết dày và dính. Sau mỗi trận tuyết rơi, chúng tôi mang hàng nắm tuyết cho bố, nhìn bố xoa xoa những bông tuyết giữa những ngón tay. Tuyết kia quá mịn. Tuyết này quá ướt. Bố nói, để sau Giáng sinh xem sao. Đó là khi ta có loại tuyết *thứ thiệt*.

Nhưng sau Giáng sinh bố dường như tụt cảm hứng, xuống tinh thần. Bố không nói về quả cầu tuyết nữa, sau đó bố chẳng nói chuyện nữa. Bóng tối dâng

đầy đôi mắt bố cho đến khi nó bao phủ chúng. Bố bước đi, hai cánh tay lòng không, đôi vai khom xuống, như thể có một lực nào đó túm lấy bố kéo bố về phía mặt đất.

Đến tháng Một bố không thể ra khỏi giường. Bố nằm ngửa, nhìn trần trần lên trần nhà trát vữa với những đường ngoằn ngoèo, gợn sóng. Hằng ngày, khi tôi mang bữa tối vào cho bố, bố không chớp mắt. Tôi không chắc bố biết tôi ở đó.

Đó là khi mẹ thông báo chúng tôi sẽ đi Arizona. Mẹ nói bố như một bông hoa hướng dương – ở trong tuyết bố sẽ chết – vì thế tháng Hai đó bố cần được đưa đi xa và “được trồng” trong ánh mặt trời. Vậy là chúng tôi chất đầy các thứ lên chiếc xe thùng và lái mười hai tiếng đồng hồ, luôn lách qua những hẻm núi, phóng trên các xa lộ, cho tới khi chúng tôi đến ngôi nhà lắp ghép ở sa mạc Arizona khô nẻ, nơi ông bà nội tôi đang đợi mùa đông trôi qua.

Chúng tôi đến nơi sau khi mặt trời mọc vài giờ. Bố trụ được cho tới khi bố tới hiên nhà bà, nơi bố nằm lại, với chiếc gối bằng sợi móc kê dưới đầu và một bàn tay đầy vết chai để trên bụng. Bố giữ nguyên tư thế đó suốt hai ngày, mắt mở chong chong, không nói một lời, im lìm như một bụi cây trong cái nóng khô khan vắng bật gió của sa mạc.

Vào ngày thứ ba dường như bố phục hồi, nhận thức được những gì diễn ra xung quanh, lắng nghe tiếng trò chuyện vào giờ ăn của chúng tôi thay vì chỉ nhìn trần trần xuống thảm, không phản ứng gì. Hôm đó, sau bữa tối, bà tôi chơi trò gửi tin nhắn qua điện thoại để bàn của bà, và hầu hết hàng xóm và những người bạn đều chào đáp lại. Sau đó, một giọng phụ nữ vang lên qua ống nghe khiến bà nhớ đến cuộc hẹn với bác sĩ vào ngày hôm sau. Tin nhắn đó có ảnh hưởng một cách đáng ngạc nhiên tới bố tôi.

Thoạt tiên bố hỏi bà: Bà hẹn gặp bác sĩ để làm gì, bác sĩ đó là ai, tại sao bà phải gặp bác sĩ khi mà mẹ của chúng tôi có thể cho bà các loại cần thuốc.

Bố luôn tin một cách sâu sắc vào các loại thảo dược của mẹ, nhưng tối hôm đó tôi cảm thấy có gì đó khang khác, như thể có điều gì đó bên trong bố đang thay đổi, một tín ngưỡng mới thống trị. Bố nói thảo dược là một học thuyết tâm

linh phân biệt lúa mì với đậu tằm, dân có đạo và dân ngoại đạo. Sau đó, bố dùng một từ mà tôi chưa từng nghe: hội Illuminati[®]. Từ đó nghe lạ hoắc, đầy sức mạnh, bất kể nó có nghĩa gì. Bố nói bà là một đại diện vô thức của hội Illuminati.

Bố nói Chúa không thể chịu nổi “dân ngoại”. Đó là lý do tại sao những kẻ tội lỗi đáng ghét nhất lại là những kẻ không biết chọn một, cứ sử dụng cả thảo dược lẫn thuốc tây, thứ Tư đến gặp mẹ tôi, thứ Sáu lại đi gặp bác sĩ – hoặc như bố miêu tả, “những kẻ hôm trước thờ Chúa, hôm sau lại cúng quỷ Satan.” Những kẻ đó giống như dân Israel thời cổ đại bởi vì họ đã được ban cho một tôn giáo thực sự nhưng cứ khát khao những thần tượng giả tạo.

“Bọn bác sĩ và những viên thuốc tây,” bố nói, gần như la lối, “là thánh thần của họ và họ cứ đánh đi theo.”

Mẹ nhìn chăm chăm đĩa thức ăn của mình. Mẹ khựng lại trước từ “đánh đi,” ném về phía bố một cái nhìn giận dữ, sau đó đi về phòng, đóng sập cửa lại. Không phải lúc nào mẹ cũng đồng tình với bố. Khi không có bố ở đó, tôi nghe thấy mẹ nói những điều mà bố – hoặc chí ít sự hiện thân mới của bố – chắc hẳn sẽ coi là báng bổ, những câu chẳng hạn “Thảo dược chỉ là phụ thêm thôi. Với những bệnh nghiêm trọng, ta nên đi bác sĩ.”

Bố không thềm chú ý đến cái ghế trống của mẹ. “Bọn bác sĩ không cố cứu sống ta đâu,” bố nói với bà. “Bọn chúng cố *giết* ta thì có.

Khi tôi nghĩ đến bữa ăn tối đó, cảnh tượng ấy hiện lên trong đầu tôi thật rõ. Tôi đang ngồi tại bàn ăn. Bố đang nói, bằng giọng gấp gáp. Bà ngồi đối diện với tôi ở phía bên kia bàn, nhai trệu trạo món măng tây bằng hàm răng khấp khểnh hệt như bò nhai rơm, uống những ngụm nước đá, không hề có biểu hiện gì cho thấy bà có nghe một lời nào bố nói, ngoại trừ việc thỉnh thoảng lại liếc xéo cái đồng hồ treo tường bằng ánh mắt bức dọc khi nó báo cho bà biết vẫn còn quá sớm để đi ngủ. “Mẹ là một người tham gia vào các kế hoạch của quỷ Satan,” bố nói.

Cảnh này cứ hiện lên trong đầu tôi hằng ngày, đôi khi vài lần một ngày, trong thời gian còn lại của chuyến đi. Lần nào cũng như lần nào. Bố, bùng bùng hăng

hái, nói triền miên suốt một giờ hoặc hơn, trích dẫn đi trích dẫn lại những câu không đổi, được tiếp năng lượng bởi cảm xúc mãnh liệt từ bên trong mà sau khi chúng tôi nghe thuyết giảng đã rơi vào trạng thái ngẩn ngơ đờ đẫn, vẫn cứ chảy hoài.

Bà tôi cười vào những bài thuyết giảng đó của bố theo một cách khó quên. Đó là tiếng thở dài, một kiểu thở ra kéo dài qua kẽ răng kết thúc bằng việc đảo mắt lên phía trên như thể giả bộ câu tiết một cách uể oải, cứ như bà muốn giơ hai cánh tay lên trời nhưng quá mệt không thể thực hiện động tác đó. Sau đó bà mỉm cười – không phải nụ cười ngọt ngào dành cho bất cứ ai khác mà cho bản thân bà, nụ cười của niềm thích thú bị cản trở, một nụ cười mà đối với tôi dường như luôn có nghĩa là, *Ta sẽ nói gì với các cháu nhi, chẳng phải không có gì buồn cười bằng cuộc sống thực ư.*

Đó là một buổi trưa nóng như thiêu đốt, nóng đến nỗi bạn không thể đi chân trần trên vỉa hè, khi bà lái xe đưa tôi và Richard qua sa mạc, bắt chúng tôi phải thắt dây an toàn mà trước đó chúng tôi chẳng bao giờ chịu thắt. Chúng tôi lái xe cho tới khi con đường bắt đầu dốc xuống, sau đó tiếp tục lái đi khi nhựa đường bắt đầu biến thành bụi dưới lớp xe và vẫn tiếp tục đi. Bà cho xe chạy quanh co lên cao hơn, cao hơn nữa tới những ngọn đồi trắng lóa, chỉ dừng lại khi con đường đất kết thúc và một đường mòn mở ra. Sau đó chúng tôi đi bộ. Đi được vài phút bà hết hơi, vậy nên bà ngồi xuống một hòn đá đỏ phẳng lì và chỉ một dãy sa thạch phía xa xa, xếp thành hình xoắn ốc, khối nào cũng đã ít nhiều đỏ nát, và bảo chúng tôi hãy cuộc bộ tới đó. Khi tới đó, chúng tôi sẽ tìm thấy những viên đá quặng đen.

“Chúng được gọi là những giọt lệ Apache,” bà nói. Bà cho tay vào túi áo và lấy ra một viên đá đen nhỏ, bản và nham nhở, có những đường vân như kính vỡ màu xám và trắng. “Loại đá đó sau khi được đánh bóng chút ít trông như thế này này.” Bà lấy từ trong túi áo khác ra viên đá thứ hai, có màu đen như mực, nhẵn thín.

Richard nhận ra cả hai viên đó đều là đá vô chai. “Đó là đá từ núi lửa,” anh nói bằng giọng hiểu biết. “Nhưng đá này thì không phải.” Anh đá một hòn đá bị xói lở và phẩy tay trước thông tin vừa rồi. “Đây là trầm tích.” Richard là người thông thạo những điều vật vãn trong lĩnh vực khoa học. Thường thì tôi chẳng để ý đến giảng giải của anh, nhưng hôm nay tôi bị thu hút, và bởi địa hình khô nẻ, lạ lùng này. Chúng tôi đi vòng quanh dãy sa thạch trong một tiếng đồng hồ, quay trở lại chỗ bà với vạt áo đang trước vũng xuống vì đọng những viên đá. Bà vui; bà có thể bán chúng. Bà cất chúng vào cốp xe và trên đường trở về nhà bà kể cho chúng tôi nghe huyền thoại về những giọt lệ Apache.

Theo lời bà kể, một trăm năm trước, trên những tảng đá bạc màu đó một bộ lạc người Apache đã đấu tranh chống lại kỵ binh Hoa Kỳ. Bộ lạc ấy không đông bằng lực lượng kia. Họ thua, và cuộc chiến kết thúc. Tất cả những gì còn có thể làm là chờ chết. Chẳng bao lâu sau khi trận đánh bắt đầu, các chiến binh bị mắc kẹt trên một rìa đá. Không muốn chịu thất bại nhục nhã, không muốn mất từng người, từng người một, khi cố gắng phá vòng vây của lực lượng kỵ binh, họ lên ngựa và lao thẳng vào vách núi. Khi các phụ nữ Apache tìm thấy thi thể tan nát của họ trên bãi đá phía dưới, họ khóc và những giọt nước mắt lớn chất chứa niềm tuyệt vọng của họ hóa thành đá khi rơi xuống mặt đất.

Bà không bao giờ kể cho chúng tôi nghe chuyện gì đã xảy ra với những người phụ nữ ấy. Người Apache đang có chiến tranh nhưng không còn các chiến binh, vậy nên có lẽ bà nghĩ kết chuyện quá buồn để mà kể. Từ “tàn sát” nảy ra trong đầu tôi, bởi vì đó là từ thích hợp cho một cuộc chiến khi mà một bên không chống cự nổi. Đó là từ chúng tôi vẫn hay dùng ở trang trại. Chúng tôi tàn sát những con gà, chúng tôi không chiến đấu với chúng. Một cuộc tàn sát có thể là hậu quả từ lòng dũng cảm của các chiến binh. Họ chết như những anh hùng, vợ của họ chết như nô lệ.

Khi chúng tôi lái xe về ngôi nhà lắp ghép của bà, mặt trời sắp lặn, những tia nắng cuối cùng vắt ngang đường cao tốc, tôi nghĩ về những phụ nữ Apache. Họ đã chết ở nơi giống như bàn thờ sa thạch, cuộc đời họ đã được định đoạt từ nhiều

năm trước – trước khi những con ngựa bắt đầu phi nước kiệu, thân hình nâu đỏ của chúng uốn cong đợi trận xung đột cuối cùng. Trước khi các chiến binh lao mình vào vách núi từ rất lâu rồi, chuyện sống như thế nào, chết ra sao của những người phụ nữ ấy đã được định đoạt. Bởi các chiến binh, bởi chính bản thân những người phụ nữ. Đã được định đoạt. Những lựa chọn, vô kể như cát, đã xếp thành tầng tầng, lớp lớp và được lèn chặt, hợp thành trầm tích, rồi thành đá tảng, cho đến khi tất cả an bài dưới dạng những viên đá.

Trước đó tôi chưa bao giờ rời khỏi núi Buck và tôi nhớ nó đến quay quắt, nhớ hình ảnh nàng công chúa được khắc trong rừng thông vắt ngang khối núi. Tôi nhận thấy mình đang liếc nhìn bầu trời Arizona trống trải, hy vọng nhìn thấy hình hài đen sẫm của nàng nhô lên từ mặt đất, tuyên bố một nửa bản thân thuộc về thiên đường. Nhưng tôi chẳng thấy nàng ở đó. Hơn cả hình ảnh của nàng, tôi nhớ sự âu yếm vuốt ve của nàng – những cơn gió nàng gửi xuống qua các hẻm núi và khe suối mỏng manh làn tóc tôi mỗi buổi sáng. Ở Arizona chẳng có gió máy gì. Chỉ có cái nóng tấp túa hết giờ này đến giờ khác.

Tôi dùng những ngày của mình đi lang thang từ phía bên này sang phía bên kia của ngôi nhà lắp ghép, ra khỏi nhà bằng cửa sau, đi qua hiên sau, bước qua cái vũng, sau đó đi vòng ra hiên trước nơi tôi bước qua chỗ bố đang nằm nửa tỉnh nửa mê rồi lại quay vào trong nhà. Tôi nhẹ cả người, khi mà vào ngày thứ Sáu, chiếc xe bốn bánh của bà bị hỏng và Tyler cùng Luke tháo tung nó ra để xem nó trục trặc ở đâu. Tôi ngồi trên cái thùng nhựa màu xanh dương to tướng, xem các anh ấy làm, tự hỏi khi nào chúng tôi có thể về nhà. Khi nào bố thôi nói về Illuminati nữa. Khi nào mẹ thôi bỏ ra khỏi phòng khi bố bước vào.

Tối hôm đó sau bữa ăn bố nói đã đến lúc phải đi. “Thu dọn đồ đạc của các con đi,” bố nói. “Nửa giờ nữa chúng ta sẽ ra đến đường cao tốc.” Lúc đó mới là đầu buổi tối, thời điểm mà bà bảo rằng thật là tệ để bắt đầu một cuộc lái xe kéo dài mười hai giờ. Mẹ nói chúng tôi nên đợi tới sáng hôm sau, nhưng bố muốn về

nhà để bố và các anh tôi có thể làm phế liệu vào sáng hôm sau. “Tôi không thể bỏ lỡ thêm một ngày làm việc nào nữa,” bố nói.

Mắt mẹ tôi sầm lại vì lo âu, nhưng mẹ không nói gì.

Tôi choàng tỉnh khi chiếc xe đâm vào cột điện thứ nhất. Tôi ngủ trên sàn xe dưới chân chị gái với một tấm chăn trùm kín đầu. Tôi cố ngồi dậy nhưng xe lắc kinh khủng quá – tôi có cảm giác nó sắp vỡ bung – và Audrey ngã lăn xuống đè lên người tôi. Tôi không nhìn được nhưng tôi có thể cảm thấy và nghe được chuyện gì đang xảy ra. Sau một tiếng *uych* rõ to, một đợt trông tránh, tiếng kêu của mẹ tôi vang lên, “Tyler!” từ ghế trước, và một cú xóc nảy khủng khiếp cuối cùng trước khi tất cả dừng lại và chìm vào im lặng.

Vài giây trôi qua không có bất cứ điều gì xảy ra.

Thế rồi tôi nghe thấy giọng nói của chị Audrey. Chị gọi tên từng người một. Sau đó chị nói, “Mọi người đây rồi, trừ Tara!”

Tôi cố kêu lên nhưng mặt tôi bị ép dưới ghế xe, má tôi bị ép xuống sàn. Tôi cố giãy dưới sức nặng của Audrey khi chị gọi tên tôi. Cuối cùng tôi cong lưng và đẩy được chị ấy xuống, sau đó thò đầu ra khỏi chăn và nói, “Đây.”

Tôi nhìn quanh. Tyler đã vắn nửa người trên để anh có thể gần như trèo được sang băng ghế sau, mắt anh lồi ra khi anh nhìn từng vết rách, vết bầm dập, từng đôi mắt hoang dại. Tôi có thể nhìn thấy khuôn mặt của anh nhưng nó trông không giống mặt anh. Máu trào ra miệng anh, chảy xuống áo sơ mi của anh. Tôi nhắm mắt lại, cố quên đi những góc méo mó của những chiếc răng dính máu của Tyler. Khi tôi mở mắt ra, đó là để kiểm tra những người khác có sao không. Richard đang ôm đầu, mỗi tay bịt một bên tai như thể anh đang cố chặn một tiếng ồn. Mũi của Audrey khoằm xuống kỳ cục và máu chảy từ đó xuống cánh tay chị. Luke đang run rẩy nhưng tôi không thể nhìn thấy máu. Tôi bị rách một vết dài và sâu ở cánh tay khung ghế xe bập vào tôi.

“Cả nhà mình ổn chứ?” Đó là giọng bố tôi. Chúng tôi thì thảo đáp lại đồng loạt.

“Có dây điện ở trên xe,” bố nói. “Không ai được ra khỏi xe cho đến khi ngắt điện.” Cửa xe ở phía bố bật mở, và trong chốc lát tôi nghĩ bố đã bị điện giật chết, nhưng sau đó tôi nhìn thấy bố lao mình ra đủ xa để người bố không chạm vào xe và mặt đất cùng lúc. Tôi nhớ mình đã nhìn theo bố qua cửa kính vỡ khi bố đi vòng quanh xe, chiếc mũ lưỡi trai màu đỏ của bố bị hất về phía sau đến nỗi phần lưỡi trai dựng đứng lên, liêm không khí. Bố trông giống trẻ con lạ lùng.

Bố đi vòng quanh xe sau đó dừng lại, cúi thấp người, để đầu bố ngang tầm với ghế khách. “Mọi người ổn cả chứ?” Bố hỏi. Rồi bố lặp lại câu hỏi đó. Lần thứ ba bố nói câu đó, giọng bố run run.

Tôi rướn người trên ghế để xem bố đang nói với ai, và chỉ khi đó tôi mới hiểu vụ tai nạn nghiêm trọng đến mức nào. Nửa đằng trước của xe bị bẹp rúm, động cơ bị bẻ cong, cuộn về phía trong, giống như một nếp gấp trong đá núi.

Mặt trời buổi sáng chiếu lấp lóa trên kính chắn gió. Tôi nhìn thấy những vết nứt, vết rạn đan chéo nhau. Hình ảnh ấy quen thuộc, tôi đã nhìn thấy hàng trăm tấm kính chắn gió xe hơi nứt vỡ trong bãi phế liệu, mỗi tấm đều độc nhất vô nhị, với những chùm vết nứt như tơ nhện lộ ra từ điểm va đập, biên niên sử về một vụ đâm xe. Những vết nứt trên tấm kính chắn gió của chúng tôi kể câu chuyện của riêng nó. Tấm chắn là một vòng tròn nhỏ với những vết nứt tỏa ra theo hình vòng tròn. Vòng tròn đó ở ngay phía trước ghế khách.

“Em không sao chứ?” Bố hỏi giọng van vãn. “Em à, em có nghe anh nói không?”

Mẹ đang ngồi ở ghế khách. Người mẹ không hướng ra cửa sổ. Tôi không thể nhìn thấy mặt mẹ, nhưng có gì đó đáng sợ trong cái cách mẹ ngồi lún sâu trong ghế.

“Em có thể nghe anh nói không đấy?” Bố nói. Bố nhắc lại câu đó vài lần. Cuối cùng, bằng một cử động nhỏ đến nỗi gần như không thể nhận ra, tôi thấy túm tóc cột kiêu đuôi ngựa của mẹ hơi hạ xuống rồi lại trở về vị trí cũ khi mẹ gập đầu.

Bố đứng đó, nhìn những sợi dây điện đang dẫn điện, nhìn mặt đất, nhìn mẹ. Trông bố đầy vẻ bất lực. “Em có nghĩ – anh nên gọi xe cứu thương không?”

Tôi *nghĩ* mình đã nghe thấy bố nói như vậy. Và nếu bố đã nói như vậy, và chắc hẳn bố đã nói, mẹ chắc hẳn đã thêu thào trả lời, hoặc có lẽ mẹ không thể thêu thào bất cứ điều gì, tôi không biết nữa. Tôi luôn mừng tượng rằng mẹ bảo mọi người đưa về nhà.

Sau này tôi được kể cho biết rằng người chủ trang trại có chiếc máy gặt bị xe của chúng tôi đâm vào vệt chạy từ nhà ông ta ra. Ông gọi cảnh sát, điều mà chúng tôi biết sẽ mang đến phiền phức bởi vì xe của chúng tôi không có bảo hiểm, và không ai trong chúng tôi thắt dây an toàn. Có lẽ phải mất tới hai mươi phút sau khi người chủ trang trại đó thông báo về vụ tai nạn cho cơ quan điện lực Utah họ mới cắt điện trên tuyến đường dây đó. Sau đó, bố nhắc mẹ ra khỏi chiếc xe thùng và tôi nhìn thấy khuôn mặt của mẹ – đôi mắt mẹ, ẩn dưới những vết thâm tím cỡ bằng những quả mận, và những chỗ sưng to khiến những đường nét mềm mại trên mặt mẹ trở nên méo mó, vài nét bị kéo dài, vài nét khác rúm rỏ.

Tôi không biết chúng tôi đã về nhà bằng cách nào, hoặc khi nào, nhưng tôi nhớ mặt núi ánh lên màu da cam trong ánh mặt trời buổi sáng. Vừa vào trong nhà tôi nhìn Tyler nhô cả suối chất lỏng màu đỏ sẫm xuống bồn rửa trong phòng vệ sinh. Răng của anh bị đập vào bánh lái, lộn xộn hết cả, đến mức chúng thụt vào trong, nhô về phía vòm miệng của anh. Mẹ nằm trên sofa. Mẹ lau bầu rằng ánh sáng làm mẹ nhức mắt. Chúng tôi kéo rèm lại. Mẹ muốn ở dưới tầng hầm, nơi không có cửa sổ, vậy nên bố đưa mẹ xuống cầu thang và trong vài giờ tôi không nhìn thấy mẹ, cho đến tối hôm đó, khi tôi dùng chiếc đèn pin lờ mờ để mang bữa tối xuống cho mẹ. Khi tôi nhìn thấy mẹ, mẹ như một người lạ đối với tôi. Cả hai mắt mẹ tím sẫm, tím đến mức trông chúng như toàn một màu đen, và sung đến nỗi tôi không biết mắt mẹ đang mở hay nhắm. Mẹ gọi tôi là Audrey, thậm chí sau khi tôi đính chính cho mẹ hai lần. “Cảm ơn con, Audrey, ở đây tối và yên tĩnh, thế là tốt rồi. Tối. Yên tĩnh. Cảm ơn con. Một lúc nữa hãy quay trở lại xem mẹ ra sao nhé, Audrey.”

Trong suốt một tuần mẹ không ra khỏi hầm. Mỗi ngày chỗ sưng của mẹ lại tệ hơn, những vết bầm càng ngày càng trở nên thâm đen hơn. Tôi nào tôi cũng chắc chắn rằng mắt mẹ đã bầm tím và biến dạng hết mức có thể rồi, nhưng sáng nào tôi cũng thấy nó thâm đen hơn, sưng húp hơn. Sau một tuần, khi mặt trời lặn, tôi tắt đèn đi và mẹ bước lên cầu thang. Trông mẹ như có hai trái táo, đen như quả ô liu được gắn vào trán.

Không ai bàn thêm về bệnh viện nữa. Thời điểm để quyết định đã trôi qua, và quay trở lại với chủ đề đó chẳng khác nào quay trở lại với tất cả nỗi giận dữ và sợ hãi mà vụ tai nạn gây ra. Bố nói rằng sao các bác sĩ cũng chẳng thể làm gì cho mẹ được. Mẹ đang ở trong tay của Chúa.

Trong những tháng sau đó, mẹ gọi tôi bằng nhiều cái tên. Khi mẹ gọi tôi là Audrey tôi không lo lắng, nhưng nó thật sự là vấn đề khi mẹ cứ ám chỉ tôi là Luke hoặc Tony, và trong gia đình chúng tôi mọi người, thậm chí bản thân mẹ, luôn nhất trí rằng kể từ vụ tai nạn đó mẹ sẽ không bao giờ còn được như trước nữa. Bọn trẻ chúng tôi gọi mẹ là Mắt Gấu Trúc. Chúng tôi cứ nghĩ đó chỉ là đùa thôi, khi những quầng đen hiển hiện trên mắt mẹ trong vài tuần, đủ lâu để chúng tôi quen với chúng và khiến chúng trở thành đối tượng để trêu đùa. Chúng tôi không biết đó là một thuật ngữ y khoa. Mắt gấu trúc. Một dấu hiệu của tổn thương não nghiêm trọng.

Tyler bị ám ảnh bởi cảm giác có lỗi. Anh trách bản thân vì vụ tai nạn, rồi tiếp tục trách mình về mọi quyết định được đưa ra sau đó, về mọi hậu quả, mọi ảnh hưởng lay lắt qua nhiều năm. Anh tuyên bố cái khoảnh khắc đó và mọi hậu quả của nó đều thuộc trách nhiệm của mình, như thể chính thời gian đã khởi đầu khoảnh khắc chiếc xe thùng của chúng tôi chạy ra khỏi đường cái, mà không có lịch sử, bối cảnh, hay bất kỳ lực nào cho tới khi anh bắt đầu mọi chuyện, ở tuổi mười bảy, bằng việc ngủ gật trước vô lăng. Thậm chí bây giờ, khi mẹ đã quên bất kỳ chi tiết nào, dù là vật vãnh, về hồi lỗi ấy vẫn xuất hiện trong mắt anh – nó xuất hiện ở anh sau vụ tai nạn, khi máu tuôn ra từ miệng anh khi anh nhìn thấy

cảnh đó, đảo mắt lục tìm những gì anh hình dung là do mình gây ra, chỉ do mình anh thôi.

Cá nhân tôi, tôi chưa bao giờ trách ai vì vụ tai nạn đó, chí ít không đổ toàn bộ lỗi cho Tyler. Việc anh ngủ gật chỉ là một trong nhiều yếu tố. Một thập kỷ sau, sự hiểu biết của tôi thay đổi, một phần vì tôi đã có bước chuyển nhọc nhằn sang tuổi trưởng thành, rồi sau đó vụ tai nạn luôn khiến tôi nghĩ đến những người Phụ nữ Apache, và tất cả những quyết định ảnh hưởng đến một cuộc đời – những lựa chọn mà con người ta làm cùng nhau hoặc đơn lẻ, dẫn đến bất cứ một sự kiện nào. Những hạt cát, nhiều vô kể, nén lại thành trầm tích, rồi hóa đá.

Chương 5

Đời Lắm Lem Lương Thiện

NÚI RỪ DÀN LỚP TUYẾT PHỦ TRÊN MÌNH và nàng công chúa xuất hiện trên bề mặt của núi với mái đầu chạm nhẹ vào bầu trời. Đó là ngày Chủ nhật, một tháng sau vụ tai nạn, và cả nhà tôi đều đã tập trung trong phòng khách. Bố vừa mới bắt đầu giải nghĩa một đoạn Kinh Thánh thì Tyler hăng giọng nói rằng anh sẽ đi. “Con sẽ đi-đi học đi-đi học,” anh nói, mặt anh đanh lại. Một đường gân trên cổ anh nổi rõ khi anh cố ép cho lời nói bật ra, và cứ vài giây đường gân ấy lại xuất hiện rồi biến mất, như một con rắn đang bò lên lõi.

Tất cả mọi người đều nhìn bố. Vẻ mặt bố không lộ cảm xúc, dửng dưng. Im lặng còn khó chịu hơn cả quát tháo.

Tyler sẽ là người thứ ba trong số các anh của tôi đi khỏi nhà. Tony, anh cả của tôi, chuyên chở thiết bị, cát sỏi hoặc phế liệu, cố kỵ có được đủ tiền để cưới cô gái nhà ở ngoài đường cái. Shawn, anh thứ hai, vài tháng trước đã to tiếng với bố và bỏ đi. Từ đó tôi chưa gặp anh mặc dù cứ vài tuần mẹ lại nhận được một cú điện thoại chớp nhoáng của anh thông báo rằng anh ổn, rằng anh đang hàn xì hoặc chở các thứ. Nếu Tyler cũng bỏ đi thì bố sẽ không có một đội lao động nữa, và không có ai làm cùng, bố không thể xây dựng chuồng trại hay lán chứa cỏ khô cho người ta. Bố sẽ phải quay lại với việc gom phế liệu.

“Trường gì vậy?” Tôi hỏi.

“Trường đặc biệt dành cho những đứa quá ngu không thể học thẳng một lèo,” bố nói. Tyler nhìn trân trân xuống nền nhà, mặt anh căng thẳng. Sau đó vai anh chùng xuống, mặt anh nhẹ nhõm và anh ngược lên nhìn; đối với tôi dường như về mặt tinh thần anh không còn ở đó nữa. Đôi mắt anh dịu dàng và vui vẻ. Tôi không thể nhìn thấy anh ở trong đó.

Anh lắng nghe bố bắt đầu bài thuyết giáo của mình. “Có hai loại giáo sư đại học,” bố nói. “Một loại biết mình đang nói dối, và một loại nghĩ mình đang nói thật.” Bố cười xéch đến mang tai. “Không biết loại nào tồi hơn, hãy nghĩ mà

xem, một người theo hội Illuminati thành thật, chí ít cũng biết mình ở phía quý dữ, hay một tay giáo sư kiêu căng luôn nghĩ trí khôn của mình vĩ đại hơn của Chúa.” Bố vẫn cười ngoác miệng. Tình huống không nghiêm trọng; chỉ là bố cần giúp con trai của bố nhìn nhận vấn đề một cách hợp lý thôi mà.

Mẹ nói bố đang lãng phí thời gian, rằng một khi Tyler đã quyết định điều gì thì không ai có thể thuyết phục anh thay đổi. “Anh cũng có thể cầm chổi và bắt đầu quét bụi trên núi kia mà,” mẹ nói. Sau đó mẹ đứng dậy, mất vài giây để đứng vững, rồi lê bước xuống cầu thang.

Mẹ bị chứng đau nửa đầu. Mẹ gần như luôn bị chứng bệnh đó hành hạ. Ban ngày mẹ vẫn ở dưới tầng hầm, chỉ lên trên sau khi mặt trời lặn, và thậm chí mẹ hiếm khi ở trên nhà hơn một tiếng đồng hồ bởi vì khi mẹ nghe tiếng ồn và mẹ phải gắng sức cử động thì đầu mẹ đau nhức. Tôi nhìn mẹ cẩn thận và chậm chạp bước xuống các bậc thang, lưng mẹ khòng khòng, hai bàn tay mẹ bám chặt thanh vịn cầu thang, như thể mẹ bị mù và phải lần đường đi. Mẹ đợi cả hai chân đứng vững trên một bậc thang rồi mới lần tới bậc tiếp theo. Mặt mẹ đã gần hết sung, và mẹ trông gần giống như trước, ngoại trừ những quầng đen quanh mắt, đã nhạt dần, chuyển từ màu đen sang màu tím sẫm, và bây giờ có thêm sắc tím hoa cà và màu nho khô.

Một giờ sau bố thôi cười ngoác miệng. Tyler không nhắc lại ý muốn đi học đại học, nhưng anh cũng chẳng hứa sẽ ở nhà. Anh chỉ ngồi đó, với vẻ mặt trống rỗng đó, để vượt qua cơn sóng gió. “Một người đàn ông không thể kiếm sống từ sách vở và giấy vụn được,” bố nói. “Con sẽ là chủ một gia đình. Làm thế nào con có thể nuôi nổi vợ con mình bằng *sách vở* hả?” Tyler dỏng tai lên, cho thấy anh đang nghe, và không nói gì.

“Một đứa con trai của bố, đứng xếp hàng để được bọn theo xã hội chủ nghĩa và các gián điệp của hội Illuminati tẩy não...”

“Cái tr-tr-trường ấy do một nhà thờ quản lý,” Tyler ngắt lời bố, “Làm sao nó có thể x-x-xấu xa được cơ chứ?”

Bố há hốc miệng và một luồng hơi được phả ra. “Mày không nghĩ hội Illuminati đã thâm nhập vào nhà thờ đó sao?” Giọng bố oang oang; từng từ dội lại với sức mạnh của quyền lực. “Mày không nghĩ nơi đầu tiên bọn người kia sẽ tìm đến là cái trường đó, nơi bọn họ có thể nuôi cả một thế hệ những người Mặc Môn theo chủ nghĩa xã hội sao? Bố nuôi dạy mày hơn thế chứ!”

Tôi luôn nhớ bố mình lúc đó, cũng như uy quyền, nỗi tuyệt vọng của bố. Bố rướn người về phía trước, cầm bệnh ra, mắt nhú lại, tìm kiếm trên khuôn mặt của con trai mình dấu hiệu của thái độ tán thành, của niềm chia sẻ. Nhưng bố chẳng tìm thấy gì.

Chuyện Tyler quyết định rời khỏi núi là chuyện lạ, đầy những khoảng trống và những khúc quanh. Nó bắt đầu với bản thân Tyler, với thực tế lạ lùng về anh. Chuyện đó đôi khi xảy ra trong các gia đình: một đứa con không hòa hợp, nhịp của nó bị ngắt, lạc điệu. Trong gia đình của chúng tôi, đứa con ấy là Tyler. Anh nhảy valse trong khi những người còn lại trong gia đình nhảy điệu jig. Anh bị *điếc* trước thứ “âm nhạc” xôn xao náo động trong cuộc sống của chúng tôi, và chúng tôi bị *điếc* trước loại nhạc đa âm trầm lắng của anh.

Tyler thích sách, anh thích yên tĩnh. Anh thích việc bài trí, sắp xếp và dán nhãn. Có lần, mẹ tìm thấy cả một ngăn đầy bao diêm được xếp theo năm trong tủ quần áo của anh. Tyler nói rằng chúng chứa những chiếc gọt chì của anh trong năm năm qua, mà anh đã sưu tầm để chế bột lửa cho những chiếc ba lô “thoát hiểm” của chúng tôi. Ngoài ngăn tủ đó, những chỗ khác trong nhà lộn xộn không chối cãi được: những đồng quần áo bẩn, dính dầu mỡ lem nhem từ bãi phế thải, rong róc khắp sàn các phòng ngủ; trong bếp, những lọ rượu thuốc đục ngầu xếp hàng trên mọi cái bàn, mọi cái tủ, và chúng chỉ được dọn đi để lấy chỗ cho những công trình thậm chí còn gây bừa bộn hơn, chẳng hạn để lột da một con nai chết hoặc để lột dấu niêm cất của một khẩu súng trường. Nhưng giữa trung tâm của mớ lộn xộn này, Tyler đã có bộ sưu tập gọt chì nửa thế kỷ, được sắp xếp đầu ra đáy theo năm.

Các anh tôi giống như một bầy sói. Họ liên tục thử thách nhau, bằng những cuộc ẩu đả nổ ra mỗi lần người nào đó phát triển nhảy vọt và mơ đến việc tiến lên. Khi tôi còn nhỏ, những cuộc ẩu đả này thường kết thúc bằng việc mẹ gào lên át cả tiếng loảng xoảng của một chiếc đèn hoặc bình hoa vỡ, nhưng khi tôi lớn hơn chẳng còn lại nhiều thứ để mà đập vỡ. Mẹ kể rằng, khi tôi còn bé, nhà chúng tôi đã từng có một chiếc TV cho tới khi Shawn đúi đầu Tyler vào màn hình.

Trong khi các anh tôi vật nhau, Tyler nghe nhạc. Anh sở hữu chiếc máy nghe nhạc duy nhất mà tôi từng nhìn thấy tính cho đến lúc đó, và bên cạnh chiếc máy ấy anh để một chồng đĩa CD cao ngất với những từ lạ hoắc in trên đó, như *Mozart, Chopin*. Một buổi trưa Chủ nhật, khi anh khoảng mười sáu tuổi, anh bắt gặp tôi đang tròn mắt nhìn những đĩa nhạc ấy. Tôi cố chạy, bởi vì tôi nghĩ mình có thể bị anh nện cho một trận vì mò vào phòng anh, nhưng thay vì thế anh nắm tay tôi, dẫn tôi tới chỗ những đĩa nhạc đó. “E-em thích đĩa n-nào nhất?” Anh hỏi.

Tôi thích chiếc đĩa đen sì, với hình cả trăm người đàn ông và đàn bà mặc đồ trắng trên vỏ đĩa. Tôi chỉ vào nó. Tyler nhìn tôi vẻ hoài nghi. “Đ-đây là nhạc h-hợp xướng đấy,” anh nói.

Anh tra đĩa nhạc đó vào cái máy nghe nhạc đen sì, sau đó ngồi vào bàn đọc sách. Tôi ngồi xồm trên sàn nhà, cạo cạo những hoa văn trên tấm thảm. Nhạc bắt đầu ngân lên: một hơi của bộ dây, sau đó là tiếng trầm thì của những giọng người, trầm bổng, êm như lụa, nhưng không hiểu sao lại vang vọng. Bài thánh ca này quen thuộc đối với tôi – tôi đã hát nó tại nhà thờ, một dàn đồng ca của những giọng hát không ăn nhập với nhau mấy cất lên trong niềm tôn kính – nhưng nhạc này khác. Nó cũng ngập tràn niềm tôn kính, nhưng nó cũng là điều gì đó khác, một điều gì đó liên quan đến học tập, kỷ luật và hợp tác. Một điều gì đó tôi chưa hiểu được.

Bài thánh ca kết thúc và tôi ngồi im như tượng khi bản nhạc khác ngân lên, rồi bản tiếp theo, cho đến hết đĩa nhạc. Tôi có cảm giác thiếu âm nhạc căn phòng không có sinh khí. Tôi hỏi Tyler liệu chúng tôi có thể nghe lại đĩa nhạc đó không, và một giờ sau, khi nhạc dừng, tôi nài nỉ anh cho nghe lại. Đêm đã khuya, và

ngôi nhà trở nên im ắng, khi Tyler đứng dậy khỏi bàn và ấn nút “play,” nói rằng đó là lần cuối.

“Mai a-a-anh em mình lại ngh-nghe,” anh nói.

Âm nhạc trở thành ngôn ngữ của chúng tôi. Trở ngại về nói năng của Tyler khiến anh trầm lặng, làm lười anh nặng trĩu. Vì thế anh và tôi chưa bao nói chuyện nhiều; tôi không hiểu anh trai mình. Giờ đây, tối nào anh ở bãi phế liệu về, tôi cũng đợi anh. Sau khi anh tắm rửa, kỳ sạch bụi bẩn của ngày khỏi da mình, anh ngồi vào bàn và nói, “T-t-tối nay chúng ta sẽ ngh-nghe gì-gì nào?” Sau đó tôi chọn một đĩa nhạc còn anh ngồi đọc sách trong khi tôi nằm trên sàn ngay dưới chân anh, nhìn dán mắt vào đôi tất của anh và nghe nhạc.

Tôi cũng om xòm như bất cứ người anh nào của tôi, nhưng khi ở bên Tyler tôi đã thay đổi. Có lẽ chính âm nhạc, sự thanh cao của nó, hoặc có lẽ sự thanh cao của anh đã khiến tôi thay đổi. Bằng cách nào đó anh làm cho tôi thấy được bản thân qua con mắt của anh. Tôi cố nhớ không la hét. Tôi cố tránh các trận đánh nhau với Richard, nhất là loại ẩu đả kết thúc bằng cảnh hai đứa chúng tôi lăn trên sàn nhà, anh ấy bứt tóc tôi, tôi dùng móng tay cào lên gương mặt mịn màng của anh ấy.

Đáng lẽ tôi nên biết sẽ có ngày Tyler ra đi. Tony và Shawn đã ra đi, mà trước đó các anh ấy gắn bó với núi Buck theo cái cách chẳng bao giờ có ở Tyler. Tyler luôn thích điều bố tôi gọi là “học qua sách,” điều mà những người còn lại trong chúng tôi, trừ Richard, hoàn toàn dừng dừng.

Có dạo, khi Tyler còn bé, mẹ tôi nuôi ảo tưởng về giáo dục. Mẹ từng nói chúng tôi được giữ ở nhà để có thể hưởng sự giáo dục *tốt hơn* những đứa trẻ khác. Nhưng chỉ mẹ nói thế, vì bố nghĩ chúng tôi nên học các kỹ năng thực tế hơn. Khi tôi còn bé xíu, đó là một cuộc chiến giữa bố mẹ: sáng sáng mẹ cố gắng duy trì việc học của các con, còn bố thì hể mẹ quay đi là y như rằng lập tức lừa các con trai ra bãi phế liệu.

Nhưng cuối cùng mẹ thua. Chuyện đó bắt đầu với Luke, đứa con trai thứ tư của mẹ. Về những gì liên quan đến núi, Luke thông minh – anh tương tác với

những con thú hết như anh đang nói chuyện với chúng – nhưng anh khuyết tật nặng trong học hành và phải vật lộn rất vất vả để học đọc. Năm năm trời, sáng sáng mẹ tôi ngồi kèm anh học tại bàn ăn, giải thích đi giải thích lại các nguyên âm, nhưng đến khi Luke mười hai tuổi, tất cả những gì anh có thể làm là vừa ho sặc sụa vừa rặn ra một câu từ Kinh Thánh trong buổi học Kinh Thánh của gia đình. Mẹ không thể hiểu nổi điều đó. Mẹ không gặp khó khăn khi dạy Tony và Shawn học đọc, và những đứa con khác đơn giản học kỹ năng đó nhờ thực hành. Tony dạy tôi đọc khi tôi bốn tuổi, để thắng một vụ đánh cược với Shawn, tôi nghĩ vậy.

Khi Luke có thể viết nguệch ngoạc tên mình và đọc những cụm từ ngắn, đơn giản, mẹ chuyển sang dạy toán. Kiến thức toán mà tôi được dạy đều là trong bữa ăn sáng, vừa ăn vừa nghe mẹ giải thích đi giải thích lại phân số là gì hoặc sử dụng các số âm như thế nào. Luke chẳng tiến bộ chút nào và sau một năm mẹ bỏ cuộc. Mẹ thôi nói rằng chúng tôi đang được hưởng sự giáo dục tốt hơn so với những đứa trẻ khác. Mẹ bắt đầu lặp lại lời bố. “Tất cả những gì thực sự quan trọng,” một buổi sáng mẹ nói với tôi, “là các con hãy học đọc. Những thứ nhảm nhí khác chỉ là tẩy não mà thôi.” Bố bắt đầu xuất hiện ngày càng sớm hơn để lừa lũ con trai ra bãi phế liệu, cho đến khi tôi lên tám, và Tyler mười sáu, chúng tôi đã hình thành thói quen bỏ học cả lũ.

Tuy nhiên mẹ không ngả hoàn toàn theo triết lý của bố, và thỉnh thoảng con nhiệt tình cũ của mẹ lại nổi lên. Vào những ngày như thế, khi gia đình tôi tập trung quanh bàn, ăn sáng, mẹ thông báo hôm nay chúng tôi sẽ học. Mẹ có một giá sách trong tầng hầm, chứa đầy những cuốn sách về thảo dược, cùng với vài cuốn sách bìa mềm. Có vài cuốn giáo trình toán mà chúng tôi dùng chung, và một cuốn sách lịch sử nước Mỹ mà tôi chưa bao giờ nhìn thấy ai đọc trừ Richard. Cũng có một cuốn sách khoa học chắc hẳn dành cho trẻ con bởi vì nó đầy rẫy những hình minh họa bắt mắt.

Thường phải mất nửa giờ để tìm tất cả những cuốn sách, sau đó chúng tôi chia chúng cho nhau và ngồi trong những phòng riêng để học. Tôi không biết các

anh chị tôi làm gì trong giờ học, nhưng khi tôi học tôi mở cuốn sách toán của mình ra và dành mười phút để lật trang, miết ngón tay dọc đường gấp giữa quyển. Nếu ngón tay tôi chạm được tới năm mươi trang thì tôi báo cho mẹ biết rằng tôi đã học được năm mươi trang toán.

“Tuyệt!” mẹ nói. “Con thấy chưa? Ở trường công thì làm sao con học nhanh được như thế. Chỉ có học ở nhà, nơi con có thể ngồi thực sự tập trung, không sao lãng gì hết, con mới có thể đạt được tốc độ đó thôi.”

Mẹ chẳng bao giờ giảng bài hoặc ra bài kiểm tra hoặc bài thi. Mẹ chẳng bao giờ giao cho chúng tôi viết các bài luận. Có một chiếc máy tính trong tầng hầm cài một chương trình mang tên Mavis Beacon cung cấp các bài tập đánh máy.

Thỉnh thoảng, khi mẹ đi giao thảo dược, nếu chúng tôi đã làm xong các phần việc của mình, mẹ thả chúng tôi xuống thư viện Carnegie ở trung tâm thị trấn. Tầng hầm ở đó là một phòng đầy ắp những cuốn sách dành cho thiếu nhi mà chúng tôi đọc. Richard thậm chí lấy những cuốn sách ở tầng trên, những cuốn sách nghe tên đã thấy “khó nhằn” về lịch sử và khoa học.

Trong gia đình chúng tôi, chúng tôi hoàn toàn tự học: bạn học bất cứ thứ gì bạn có thể tự học lấy, sau khi bạn đã làm lụng xong. Vài người trong chúng tôi có kỷ luật tốt hơn những người khác. Tôi là đứa vô kỷ luật nhất, vậy nên khi tôi mười tuổi, môn học duy nhất mà tôi đã học một cách có hệ thống là mã Morse, bởi vì bố tôi khẳng khẳng bắt tôi học nó. “Nếu toàn bộ lưới điện bị cắt thì chúng ta sẽ là gia đình duy nhất ở thung lũng có thể duy trì thông tin liên lạc,” bố nói, mặc dù tôi không bao giờ hoàn toàn chắc chắn liệu có phải chúng tôi là những người duy nhất học mã Morse hay không, và chúng tôi sẽ liên lạc với ai kia chứ.

Đám con trai lớn – Tony, Shawn và Tyler – lớn lên ở một thập kỷ khác, và cứ như thể các anh không phải là anh cùng bố cùng mẹ với tôi. Bố của các anh chưa bao giờ nghe nói về gia đình Weaver; chẳng bao giờ nói về hội Illuminati. Bố của các anh cho ba đứa con trai lớn nhất đi học, và dù vài năm sau đó ông bắt chúng nghỉ học cả, thề rằng sẽ dạy chúng tại nhà, khi Tony đòi đi học trở lại, ông để cho

anh đi. Tony đến trường tới hết trung học, dù anh nghỉ học nhiều ngày để làm việc trong bãi phế liệu đến mức anh không thể tốt nghiệp.

Vì Tyler là con trai thứ ba, anh hầu như không nhớ trường và vui với việc học ở nhà. Cho tới khi anh bước sang tuổi mười ba. Sau đó, có lẽ vì mẹ dành toàn bộ thời gian để dạy Luke đọc chữ, nên Tyler hỏi bố liệu anh có thể đăng ký đi học lớp tám hay không.

Tyler học ở trường cả năm đó, từ mùa thu năm 1991 tới mùa xuân năm 1992. Anh học đại số, môn học mà anh cảm thấy gần gũi và tự nhiên đối với đầu óc của anh như không khí đối với buồng phổi vậy. Thế rồi tháng Tám năm ấy gia đình Weaver bị bao vây. Tôi không biết sau đó Tyler có đi học trở lại hay không, nhưng tôi biết rằng sau khi bố nghe tin về gia đình Weaver, bố không bao giờ cho phép các con mình đặt chân tới một lớp học của trường công nữa. Tuy nhiên, trí tưởng tượng của Tyler bị thu hút. Với số tiền mình có, anh mua một cuốn giáo trình lượng giác và mày mò tự học. Tiếp theo anh muốn học giải tích nhưng không đủ tiền để mua một cuốn sách khác, vậy nên anh tìm đến trường học, xin thầy giáo dạy toán của mình một cuốn. Ông thầy cười anh. “Cậu không thể tự học giải tích được đâu,” ông nói. “Việc đó bất khả thi.” Tyler xóc tới. “Thầy cứ cho em xin một cuốn, em nghĩ em có thể tự học.” Anh ra về với một cuốn sách kẹp nách.

Khó khăn thực sự là tìm được thời gian để học. Sáng nào cũng vậy, đúng bảy giờ bố tập trung các con trai mình lại, chia ra thành các đội và phân công công việc của ngày. Thường mất khoảng một giờ để bố nhận ra rằng Tyler không có mặt trong các đội lao động của mình. Sau đó, bố lao vào nhà bằng lối cửa sau và sải bước tới chỗ Tyler đang ngồi học trong phòng riêng của anh. “Mày làm cái quái gì ở đây thế hả?” Bố gào lên, để lại những cục đất nhỏ trên tấm thảm sạch không một vết bụi của Tyler.

“Luke đang chắt những cái dầm chữ I lên xe một mình kia kìa – một người làm việc của hai người – và tao vào đây thấy mày đang ngồi mài mòn hả?”

Nếu bố bắt gặp tôi đang *gặm* một cuốn sách khi mà đáng lẽ tôi đang phải làm việc thì tôi sẽ đứng dậy ngay tắp lự, nhưng Tyler vẫn bình tĩnh, không thay đổi. “Bố,” anh nói. “Sau bữa tr-tr-trưa con sẽ L-l-làm việc. Nhưng buổi sáng con c-c-cần phải h-h-học.” Hầu như sáng nào bố và anh Tyler cũng tranh cãi vài phút, sau đó Tyler buông bút, vai anh chùng xuống khi anh xỏ đôi giày ông vào chân và đi găng tay bảo hộ vào. Nhưng có những buổi sáng khác – những buổi sáng luôn luôn khiến tôi ngạc nhiên – khi bố hăm hăm đi ra khỏi nhà bằng cửa sau một mình.

Tôi không tin Tyler sẽ đi học đại học thật, không tin có khi nào anh lại bỏ núi để gia nhập hội Illuminati. Tôi nghĩ rằng bố có cả mùa hè để khiến Tyler cư xử bình thường trở lại, điều mà anh cố gắng đạt được trong hầu hết các ngày khi đội lao động của bố về nhà ăn trưa. Lũ con trai chạy lăng xăng quanh bếp, lấy đĩa thức ăn – thứ hai, rồi thứ ba, còn bố nằm thẳng đuồn trên vải sơn lót sàn cứng quèo – bởi vì bố mệt và cần nằm nghỉ, nhưng bố quá bản nên không thể ngả lưng trên sofa của mẹ – và bắt đầu bài giáo huấn của mình về hội Illuminati.

Một bữa trưa đặc biệt khiến tôi nhớ như in. Tyler đang xếp những chiếc bánh tacos từ các món hoa lá mà mẹ đã bày ra: anh xếp những cái vỏ bánh trên đĩa của mình, ba chiếc thành một hàng đẹp mắt, rồi cẩn thận thêm hamburger, rau diếp và những miếng cà chua, tính toán số lượng, chia đều kem chua. Bố giáo huấn bằng giọng đều đều. Thế rồi, đúng lúc bố vừa kết thúc bài giáo huấn và đang lấy hơi để bắt đầu lại, Tyler trút tất cả ba cái bánh tacos hoàn hảo vào cái máy xay sinh tố mà mẹ dùng để xay thảo dược, và bấm máy. Tiếng máy xay gầm lên trong bếp, áp đảo sự yên lặng. Tiếng gầm đó ngừng; bố tiếp tục giáo huấn. Tyler đổ món sinh tố ra ly và bắt đầu uống, cẩn trọng và chậm rãi bởi vì những chiếc răng cửa của anh vẫn lung lay, vẫn cố nhảy ra khỏi miệng anh. Nhiều ký ức có thể được gọi lại để đại diện cho giai đoạn này trong cuộc sống của chúng tôi, nhưng ký ức này cứ tồn tại cùng tôi: ký ức về giọng nói của bố cất cao từ dưới sàn nhà trong khi Tyler uống món tacos của anh.

Khi mùa xuân chuyển sang mùa hè, lòng quyết tâm của bố chuyển thành sự phủ nhận – bố hành động như thể cuộc “giăng co” đã kết thúc và bố đã thắng. Bố thôi nói về chuyện ra đi của Tyler và không chịu để người khác lao động thay anh.

Một buổi trưa ấm áp, Tyler dẫn tôi tới thăm bà-trong-thị-trấn, người vẫn sống trong chính ngôi nhà mà ông bà đã nuôi nấng mẹ tôi, ngôi nhà khác một trời một vực so với nhà chúng tôi. Nhìn bề ngoài nhà không đắt tiền, nhưng nó được chăm sóc kỹ lưỡng – thảm màu trắng kem trên sàn, giấy dán tường trang trí hình hoa lá trên tường, những tấm rèm xếp ly dày trên các ô cửa sổ. Họ hiếm khi thay các thứ. Thảm, giấy dán tường, mặt bàn bếp – mọi thứ đều y như trong những tấm ảnh mà tôi đã xem về thời thơ ấu của mẹ tôi.

Bố không thích chúng tôi dành nhiều thời gian ở đó. Trước khi ông ngoại tôi về hưu, ông là một bưu tá, và bố nói không ai đáng được chúng tôi tôn trọng lại làm việc cho Chính phủ. Bố nói bà thậm chí còn tệ hơn. Bà phù phiếm. Tôi không biết từ đó có nghĩa là gì, nhưng bố nói điều đó thường xuyên đến nỗi tôi đâm ra gắn nó với bà – với tấm thảm màu kem và giấy dán tường đầy hình hoa lá của bà.

Tyler thích mọi thứ ở đó. Anh thích không gian yên tĩnh, ngăn nắp, cái cách ông bà tôi nói năng với nhau thật nhẹ nhàng, hòa nhã. Trong ngôi nhà đó lúc nào cũng có mùi thơm thoang thoang khiến tôi cảm thấy một cách tự nhiên mà không cần ai bảo ban, rằng tôi sẽ không la hét, không đánh bất cứ ai hoặc chạy xé gió trong bếp. Tôi không cần phải ai bảo đi bảo lại để tháo đôi giày dính bùn của mình để ở ngoài cửa.

“Đi học đại học!” Một lần bà nói khi chúng tôi vừa yên vị trên chiếc sofa được bọc vải in hoa. Bà quay sang tôi. “Chắc cháu tự hào về anh cháu lắm!” Đôi mắt bà nheo lại cho khớp với nụ cười trên môi bà. Tôi có thể nhìn thấy từng chiếc răng của bà. *Hãy cứ để bà nghĩ bị tẩy não là điều gì đó đáng ca ngợi đi, tôi nghĩ.*

“Cháu cần đi vệ sinh,” tôi nói.

Một mình trong hành lang tôi bước chậm chậm, cứ bước một bước lại dừng lại để các ngón chân mình lún trong lớp thảm dày. Tôi mỉm cười, nhớ rằng bố đã nói bà có thể giữ thảm của nhà bà trắng như vậy chỉ vì ông ngoại chẳng bao giờ làm một việc gì thực sự. “Tay bố có thể lấm lem đấy,” bố nói, nháy mắt với tôi và chìa những móng tay đen đúa của bố ra. “Nhưng đó là đời lấm lem lương thiện.”

Nhiều tuần trôi qua và khi đó đã là giữa mùa hạ. Một ngày Chủ nhật bố gọi cả gia đình lại. “Chúng ta đã có đủ thức ăn dự trữ,” bố nói. “Chúng ta đã có nhiên liệu và nước dự trữ. Thứ mà chúng ta không có là tiền.” Bố lấy một tờ hai mươi đô-la từ trong túi ra và vò nhàu nó.

“Không phải thứ tiền này. Vào Ngày Tận Thế, cái thứ tiền này chẳng đáng giá gì hết. Người ta sẽ bỏ cả năm những tờ một trăm đô ra để mua một cuộn giấy vệ sinh.”

Tôi mừng tượng ra một thế giới nơi những tờ tiền xanh bị vứt bừa bãi trên đường cao tốc như đồng vỏ chai soda. Tôi nhìn quanh. Tất cả những người khác dường như cũng đang mừng tượng ra cảnh đó, đặc biệt là Tyler. Đôi mắt anh đây tập trung và kiên quyết. “Bố có một ít tiền tiết kiệm,” bố nói. “Và mẹ các con có một chút để riêng. Chúng ta sẽ đổi tiền thành bạc. Đó là thứ mà chẳng bao lâu nữa mọi người sẽ ước có được, bạc và vàng.”

Vài ngày sau bố về nhà với chỗ bạc đã đổi được, thậm chí một ít vàng. Số vàng bạc đó được đúc dưới dạng những đồng xu, được xếp trong những cái hộp nhỏ, nặng trĩu mà bố mang vào nhà và chôn dưới gầm. Bố không cho phép tôi mở những cái hộp đó ra. “Chúng không phải là thứ để chơi,” bố nói.

Một thời gian sau Tyler lấy vài nghìn đô-la – gần như tất cả số tiền tiết kiệm mà anh còn sau khi đã trả tiền thuê máy kéo của chủ trang trại và tiền sử dụng xe thùng của bố – và mua một đồng bạc của riêng mình, đồng bạc mà anh cất trong gầm bên cạnh tủ chứa súng. Anh đứng đó một lúc lâu, nghĩ về những cái hộp ấy, như thể anh đang lơ lửng giữa hai thế giới.

Tyler là một mục tiêu dễ chinh phục hơn. Tôi nài xin và anh đưa cho tôi một đồng xu bạc to bằng lòng bàn tay tôi. Dường như đối với tôi việc Tyler mua nó là tuyên bố về lòng trung thành, một lời thề đối với gia đình rằng dù sự điên rồ đang xâm chiếm anh, rằng dù anh muốn đến trường, cuối cùng anh sẽ chọn chúng tôi, chọn gia đình. Chọn sát cánh với chúng tôi trong đấu tranh khi Ngày Tận Thế đến. Khi những chiếc lá bắt đầu chuyển từ màu xanh rêu của mùa hè sang màu đỏ nâu và màu vàng đồng, đồng xu ấy lấp lánh thậm chí trong ánh sáng mờ nhạt nhất, được đánh bóng bởi cả nghìn cái miết ngón tay. Tôi được an ủi nhờ cái vật sờ thấy được đó, chắc chắn rằng đồng xu ấy là thật, và không thể có chuyện Tyler sẽ ra đi.

Một buổi sáng tháng Tám tôi thức dậy thấy Tyler đang xếp quần áo, những cuốn sách và đĩa CD của anh vào hộp. Cho đến khi chúng tôi ngồi xuống để ăn sáng, anh đã gần như làm xong việc đó. Tôi ăn thật nhanh, sau đó đi vào phòng anh, nhìn các ngăn giá để đồ giờ đây trống không, chỉ còn mỗi một đĩa CD, chiếc đĩa màu đen có ảnh những người mặc đồ trắng mà giờ đây tôi nhận ra là dàn đồng ca Tabernacle của giáo phái Mặc Môn. Tyler xuất hiện ở cửa. “Anh đ-đ-để lại cái đĩa đó cho em đây,” anh nói. Rồi anh bước ra ngoài và dùng vòi rửa chiếc xe hơi của anh, xối sạch hết bụi của Idaho cho tới khi chiếc xe trông như chưa bao giờ thấy một con đường đất.

Bỏ ăn sáng xong, chẳng nói chẳng rằng, bước ra khỏi nhà. Tôi hiểu tại sao. Cảnh Tyler chất những cái hộp vào xe của anh khiến tôi phát điên. Tôi muốn gào lên nhưng thay vì thế tôi chạy, chạy ra ngoài qua lối cửa sau và chạy lên những ngọn đồi về phía núi. Tôi chạy cho tới khi tiếng mạch đập trong tai tôi vang hơn cả những ý nghĩ trong đầu tôi; sau đó tôi quay người chạy ngược trở lại, ngoặt vào quanh đồng cỏ tới chỗ cái toa tàu hỏa màu đỏ. Tôi leo lên nóc toa tàu vừa đúng lúc để nhìn thấy Tyler đóng cốp xe của anh, đi một vòng quanh như muốn chào tạm biệt nhưng chẳng có ai ở đó để mà chào. Tôi mừng tượng anh đang gọi tên tôi và hình dung ra mặt anh ỉu xiu khi tôi không trả lời.

Lúc tôi trèo xuống khỏi nóc toa tàu anh đã ngồi vào ghế lái, và chiếc xe chạy âm âm dọc con đường đất khi tôi nhảy ra từ sau một chiếc thùng phi. Tyler dừng lại, bước ra khỏi xe và ôm tôi – không phải ôm kiểu cúi xuống như người lớn thường ôm trẻ con mà ôm theo kiểu khác, cả hai chúng tôi đều đứng, anh kéo tôi lên phía anh và áp mặt anh vào mặt tôi. Anh nói anh sẽ nhớ tôi, rồi buông tôi ra, bước vào trong xe, phóng xuống đồi, rồi ra đường cao tốc. Tôi đứng nhìn bụi lắng xuống.

Từ sau đó Tyler hiếm khi trở về nhà. Anh đang xây dựng một cuộc sống mới cho bản thân ở phía bên kia chiến tuyến. Anh ít khi trở lại phía chúng tôi. Tôi hầu như không có kỷ niệm về anh cho tới năm năm sau, khi tôi mười lăm tuổi, và anh đột ngột xuất hiện trong cuộc sống của tôi vào một thời điểm quan trọng. Khi đó chúng tôi là những người xa lạ.

Nhiều năm sau tôi mới hiểu anh đã phải trả giá như thế nào cho việc ra đi, mà anh gần như chẳng hiểu mình sẽ đi đâu. Tony và Shawn đã rời núi, nhưng các anh ấy rời khỏi đó đi làm những gì mà bố đã dạy các anh làm: lái xe bán tải, hàn xì, gom phế liệu. Tyler đã bước vào một khoảng không. Tôi không biết tại sao anh lại làm thế và anh cũng chẳng biết. Anh chẳng thể giải thích niềm tin ấy bắt nguồn từ đâu, hoặc làm thế nào nó cháy sáng đủ để lấp lánh giữa màn đen của sự không chắc chắn. Nhưng tôi luôn cho rằng đó chính là âm nhạc ở trong đầu anh, một giai điệu đầy hy vọng mà những người khác trong gia đình không thể nghe thấy, chính giai điệu bí mật mà anh đã ngâm nga khi anh mua cuốn sách lượng giác đó, hoặc giữ lại tất cả những chiếc gọt chì kia.

Mùa hè dần tàn, dường như bốc hơi qua chính cái nóng của nó. Ngày vẫn nóng nhưng buổi tối đã bắt đầu mát mẻ, những giờ lạnh lẽo sau khi mặt trời lặn mỗi ngày một rõ rệt hơn. Tyler đã đi được một tháng.

Tôi ở với bà-trong-thị-trần cả buổi trưa. Sáng hôm đó tôi đã tắm rửa, mặc dù hôm đó không phải là Chủ nhật, và tôi mặc bộ quần áo đặc biệt không thùng chỗ nào, không có một vết bẩn, đã kỳ cọ thật sạch sẽ để có thể ngồi trong bếp của bà

xem bà làm bánh quy bí ngô. Mặt trời mùa thu rót nắng qua những tấm rèm nhẹ như tơ, lên những viên gạch màu vạn thọ, khiến cả căn phòng ngập tràn ánh sáng màu hồ phách.

Sau khi bà trút mẻ bánh đầu tiên vào lò nướng, tôi đi vào phòng vệ sinh. Tôi đi qua hành lang được trải thảm mềm màu trắng, và cảm thấy cơn tức giận dâng lên trong lòng khi tôi nhớ đến lần gần nhất tôi nhìn thấy tấm thảm, tôi đã ở đây cùng với Tyler. Phòng vệ sinh khiến tôi có cảm giác lạ lẫm. Tôi nhìn bồn rửa màu ngọc trai, sắc phớt hồng của thảm trải sàn, và tấm thảm màu trái đào trải ở cửa buồng vệ sinh. Thậm chí cái bồn cầu lộ ra từ dưới cái nắp dây màu vàng nhạt. Tôi nhìn vào hình ảnh mình trong tấm gương được đóng khung bởi những viên gạch men màu kem. Tôi chẳng thấy gì giống mình hết, và trong chốc lát tôi tự hỏi liệu đây có phải là những gì Tyler muốn không, một ngôi nhà đẹp mắt với một phòng vệ sinh đẹp mắt và một đứa em gái xinh xắn đến thăm anh. Vì điều đó mà anh ra đi chẳng. Tôi ghét anh vì điều đó.

Gần vòi nước có một tá bánh xà phòng thơm màu hồng và trắng, được xếp như những con thiên nga và những bông hoa hồng trong cái khay hình vỏ sò trắng ngà. Tôi nhắc một con thiên nga lên, cảm nhận thân hình mềm mại của nó dưới sức ép của những ngón tay mình. Nó thật đẹp và tôi muốn lấy bánh xà phòng thơm đó. Tôi hình dung ra nó trong phòng vệ sinh ở tầng hầm nhà mình, đôi cánh thanh nhã của nó chạm xuống bề mặt xi măng thô kệch. Tôi tưởng tượng ra nó nằm trong vũng nước đục ngầu trong bồn rửa bị những mảnh giấy dán tường màu vàng cong queo bao quanh. Tôi đặt bánh xà phòng trở lại cái khay của nó.

Ra khỏi đó, tôi bước tới chỗ bà đang đợi tôi trong hành lang.

“Cháu đã rửa tay rồi chứ?” Bà hỏi, giọng bà ngọt ngào như kem bơ.

“Không ạ,” tôi đáp.

Lời đáp của tôi làm chua chất kem trong giọng nói của bà. “Tại sao không?”

“Tay cháu không bẩn.”

“Cháu nên rửa tay sau khi sử dụng toa-lét chứ.”

“Không quan trọng đến thế đâu ạ,” tôi nói. “Ở nhà chúng cháu thậm chí không có xà phòng thơm trong phòng vệ sinh.”

“Không đúng,” bà nói. “Ta nuôi dạy mẹ cháu tử tế hơn thế.”

Tôi đứng dưng chân, sẵn sàng đấu khẩu, cãi lại bà rằng chúng tôi không dùng xà phòng thơm, nhưng khi tôi nhìn lên, người phụ nữ mà tôi thấy không phải là người mà tôi nghĩ sẽ thấy. Bà dường như không lòe loẹt, không giống tí người lãng phí cả một ngày để bận rộn về tấm thảm trắng của mình. Lúc đó bà đã thay đổi. Có thể có điều gì đó trong hình dạng đôi mắt bà, cách chúng nheo lại nhìn tôi đầy vẻ hoài nghi, hoặc có lẽ đó là nét cứng rắn của khuôn miệng mím lại của bà, đầy kiên quyết. Hoặc có lẽ nó chẳng là gì cả, đó vẫn là bà như mọi khi, nói những điều mà bà luôn nói. Có lẽ sự thay đổi ở bà đơn thuần là sự đổi góc nhìn tạm thời từ phía tôi – bởi vì lúc đó, có lẽ góc nhìn ấy là góc nhìn của Tyler, của người anh trai mà tôi vừa ghét vừa yêu.

Bà dẫn tôi vào phòng vệ sinh và nhìn tôi rửa tay, sau đó bảo tôi lau khô tay vào chiếc khăn tắm màu hồng. Tai tôi nóng bừng, họng tôi bỏng rát.

Trên đường đi làm về bố ghé qua đón tôi. Bố dừng chiếc xe tải của mình lại, ngồi yên trong buồng lái, bấm còi inh ỏi gọi tôi ra, và tôi đi ra, đầu cúi gằm. Bà đi ra theo. Tôi chạy thật nhanh tới, leo lên ghế khách, chuyển cái hộp dụng cụ và đôi găng tay lao động ra chỗ khác trong khi bà nói với bố tôi về việc tôi không rửa tay. Bố nghe, làm động tác hóp má lại trong khi tay phải mân mê cần số. Một tiếng cười khùng khục nổi lên bên trong bố.

Quay sang bố mình, tôi cảm nhận được sức mạnh của con người bố. Một thấu kính quen thuộc trượt nhẹ trước mắt tôi và bà ngoại tôi mất đi bất cứ sức mạnh kỳ lạ nào mà bà đã có đối với tôi một giờ trước đó.

“Anh chị không dạy các con mình rửa tay sau khi sử dụng toa-lét sao?” Bà hỏi.

Bố vào số xe. Khi nó lăn bánh về phía trước, bố phẩy tay và nói, “Con dạy chúng không đái lên tay.”

Chương 6

Khiên Nhỏ Và Khiên Lớn

MÙA ĐÔNG SAU KHI TYLER RA ĐI, Audrey bước sang tuổi mười lăm. Chị lấy được bằng xe do hạt cấp, và trên đường về nhà, chị kiếm được việc làm ở tiệm bánh hamburger. Sau đó chị kiếm được việc làm thứ hai, vắt sữa bò lúc bốn giờ sáng hằng ngày. Trong suốt một năm chị đã đấu tranh với bố, *nhảy* loạn lên dưới vòng cương tỏa mà bố áp đặt lên chị. Bây giờ chị có tiền; chị có xe riêng; chúng tôi hầu như không thấy mặt chị đâu. Gia đình đang teo nhỏ lại, hệ thống cấp bậc cũ đang bị nén lại.

Bố không có đủ người cho một đội lao động để xây dựng lán trại, vậy nên bố quay lại với việc làm phế liệu. Tyler đi rồi, mấy anh em tôi đều được thăng cấp: Luke, mười sáu tuổi, trở thành con trai lớn nhất trong gia đình, cánh tay phải của bố, còn Richard và tôi thay vị trí của anh, làm lính trơn.

Tôi nhớ buổi sáng đầu tiên tôi bước vào bãi phế liệu như một người lao động thứ thiệt trong đội của bố. Mặt đất đóng băng, thậm chí tôi có cảm giác không khí cũng đông cứng. Chúng tôi ở trong cái bãi phía trên đồng cỏ đã quá tải bởi hàng trăm chiếc xe con và xe tải. Một số chiếc đã cũ kỹ và hỏng hóc, hầu hết đều ọp ẹp và trông chúng méo mó, cong queo, bị xoắn vặn, khiến người ta có cảm giác chúng được làm bằng chất liệu giấy nhàu nhĩ chứ không phải bằng sắt. Ở giữa bãi có một cái hồ phế liệu, rộng mênh mông và sâu: để lộ ra cơ man nào là ắc-quy ô tô, những mớ dây đồng cách điện, những hộp truyền động bị vứt bỏ, những tấm thiếc múi han gỉ, những cái vòi nước cổ lỗ sĩ, những bộ tản nhiệt bị vỡ, những đoạn ống đồng sáng loáng, và nhiều thứ khác. Đó là một đồng hồ lớn khổng lồ, vô tận, chẳng ra hình thù gì.

Bố dẫn tôi tới bên rìa của đồng phế liệu đó.

“Con biết phân biệt nhôm với thép không gỉ chứ?” Bố hỏi.

“Con nghĩ con biết.”

“Lại đây.” Giọng của bố nôn nóng. Bố đã quen ra lệnh cho những người đàn ông trưởng thành. Phải giải thích việc của mình cho một đứa con gái mười tuổi đầu sao cũng khiến bố con tôi cảm thấy tủi hổ ít nhiều.

Bố rút mạnh một miếng kim loại sáng lung linh khỏi đám phế liệu. “Đây là nhôm,” bố nói. “Hãy nhìn xem nó sáng như thế nào nhé? Sờ xem nó nhẹ như thế nào.” Bố đặt một miếng kim loại vào tay tôi. Bố nói đúng; nó không nặng như ta tưởng. Tiếp theo bố đưa cho tôi một đoạn ống có răng cưa. “Đây là thép,” bố nói.

Chúng tôi bắt đầu phân loại phế liệu thành các đồng – nhôm, sắt, thép, đồng – để có thể bán. Tôi nhặt một miếng sắt lên. Nó đầy gỉ sắt màu đồng thối, và các cạnh nhám nhở của nó đâm vào lòng bàn tay tôi. Tôi có một đôi găng tay da, nhưng khi bố nhìn thấy tôi đeo găng tay bố bảo rằng chúng sẽ khiến tốc độ làm việc của tôi chậm đi. “Tay con sẽ chai đi rất nhanh,” bố hứa khi tôi nộp đôi găng tay cho bố. Tôi đã tìm được một chiếc mũ cứng ở cửa hàng, nhưng bố cũng tịch thu nốt. “Con sẽ di chuyển chậm chạp hơn khi cứ cố giữ cái thứ ngớ ngẩn này ở trên đầu,” bố nói.

Bố sống trong nỗi sợ thời gian. Bố cảm thấy nó truy đuổi mình. Tôi có thể thấy nỗi sợ đó trong những cái liếc nhìn đầy lo lắng của bố về phía mặt trời khi nó trôi trên bầu trời, trong cách bố định giá từng đoạn ống hoặc từng miếng thép đầy nôn nóng. Bố nhìn mỗi mẫu phế liệu như nhìn số tiền mà nó có thể mang lại cho bố khi bố bán nó, trừ lượng thời gian cần để phân loại, cắt và vận chuyển đi. Mỗi tấm sắt, mỗi khoanh đồng là một xu, một hào, một đô-la – ít hơn thế nếu ta mất hơn hai giây để rút và phân loại – và bố liên tục cân nhắc những khoản lợi nhuận còm này với chi phí cho gia đình tính theo giờ. Bố tính rằng để các bóng điện đều sáng, để ngôi nhà được sưởi ấm, bố cần làm việc với tốc độ cực nhanh. Tôi chưa bao giờ thấy bố chậm rãi mang bất cứ thứ gì tới thùng rác; bố chỉ quăng một phát, bằng tất cả sức lực bố có, từ bất cứ chỗ nào bố đang đứng.

Lần đầu tiên nhìn thấy bố làm thế, tôi cứ nghĩ đó là do vô tình, một lần lỡ tay sẽ được sửa chữa. Tôi chưa nắm được các luật lệ của thế giới mới này. Tôi cúi xuống, và đang đưa tay để nhặt một cuộn dây đồng thì một vật gì đó rất lớn bay

sạt qua tôi. Khi tôi quay lại nhìn xem vật đó bắt nguồn từ đâu, tôi bị một vật hình trụ bằng thép đập trúng bụng.

Cú đập đó khiến tôi ngã lăn xuống đất. “Ồi!” Bố kêu lên. Tôi lăn lộn trên mặt đất đóng băng, quần quai. Tôi vừa mới lồm cồm bò dậy thì bố đã lại quăng một vật khác. Tôi vội cúi xuống nhưng trượt chân ngã nhoài. Lần này tôi cứ nằm đó. Tôi run nhưng không phải vì lạnh. Da tôi vẫn còn cảm giác và nhoi nhói vì mối nguy hiểm sờ sờ, tuy nhiên khi tôi tìm người gây ra mối nguy hiểm đó, tất cả những gì tôi có thể thấy là một người đàn ông luống tuổi mệt mỏi, đang giật một bộ đèn điện vỡ.

Tôi nhớ tất cả những lần tôi nhìn thấy một trong những người anh của mình lao vào nhà qua cửa sau, hú lên, ôm một phần nào đó của cơ thể bị rách, bị bầm dập hoặc gãy, bồng. Tôi nhớ hai năm trước, một người đàn ông tên là Robert làm việc cho bố đã bị mất một ngón tay. Tôi nhớ tiếng kêu man dại chói gắt mà ông phát ra khi ông chạy bỏ vào nhà. Tôi nhớ mình đã nhìn trừng trừng vào cái mẫu ngón tay cụt đầy máu, và sau đó, vào ngón tay giập nát mà Luke mang vào nhà, đặt lên bàn bếp. Nó trông giống như một đạo cụ dành cho trò ảo thuật. Mẹ tôi lập tức đặt nó vào khay đá và vội vã đưa Robert tới thị trấn để các bác sĩ khâu nối lại ngón tay cho ông ta. Ngón tay của Robert không phải là ngón tay duy nhất mà bãi phế liệu đã làm đứt. Một năm trước vụ tai nạn của Robert, bạn gái của Shawn, Emma, cũng lao vào nhà qua cửa sau, gào thét. Chị đang giúp Shawn thì bị mất nửa ngón trỏ. Mẹ cũng vội vàng đưa Emma vào thị trấn, nhưng thịt trên ngón tay chị đã bị dập nát đến mức các bác sĩ chẳng thể làm gì được.

Tôi nhìn những ngón tay hồng hào của mình, và giờ đây bãi phế liệu đã khác. Khi còn nhỏ, Richard và tôi đã ở bãi phế liệu này hàng giờ vô tận, nhảy từ chiếc xe hồng này tới chiếc xe hồng khác, lấy thứ này, bỏ lại thứ khác. Bãi phế liệu là chiến địa cho cả nghìn cuộc chiến được tưởng tượng ra – giữa những con quỷ và các pháp sư, những nàng tiên và những kẻ khủng bố thuê, những chú lùn ranh mãnh và những người khổng lồ. Giờ đây nó đã thay đổi. Nó không còn là sân

chơi tuổi thơ của tôi nữa mà đã trở về hiện thực vốn có của nó, một hiện thực với các quy luật vật chất đầy huyền bí, thù địch.

Tôi đang nhớ lại cái vệt lạ lùng mà máu đã tạo ra khi nó chảy xuống từ cổ tay của Emma, dây dợ dọc cánh tay chị, khi tôi đứng đó và, vẫn còn run, cố nhìn xem cái cuộn dây đồng ban nãy ở đâu. Tôi gần như đã nhặt được nó lên thì bố quăng một bộ xúc tác khí thải. Tôi vội nhảy sang bên để tránh, khiến bàn tay bị cạnh có răng cưa của một thùng phi thùng cửa rách. Tôi lau máu vào quần và kêu lên, “Đừng ném chúng sang đây! Con đang ở đây!”

Bố nhìn lên, ngạc nhiên. Bố đã quên tôi đang ở đó. Nhìn thấy máu, bố bước tới chỗ tôi và đặt tay lên vai tôi. “Đừng lo, con ạ,” bố nói, “Chúa và các thiên thần của Người ở đây, làm việc ngay bên cạnh chúng ta. Chúa không để con bị thương đâu mà lo.”

Tôi chẳng phải là người duy nhất đang tìm mặt đất vững chắc cho đôi chân của mình. Sau vụ tai nạn, trong sáu tháng, mẹ tôi đã dần dần khá lên và chúng tôi cứ nghĩ mẹ sẽ hoàn toàn bình phục. Những cơn đau đầu của mẹ thưa hơn, vậy nên mẹ chỉ giam mình dưới tầng hầm hai hoặc ba ngày một tuần. Sau đó quá trình phục hồi chậm lại. Bảy giờ đã là chín tháng. Những cơn đau đầu vẫn dai dẳng, và mẹ lúc nhớ lúc quên. Ít nhất hai lần một tuần, sau khi mọi người đã ăn sáng được một lúc và bát đĩa đã được dọn sạch, mẹ lại bảo tôi nấu bữa sáng. Mẹ bảo tôi cân một cân cỏ thi cho một khách hàng, và tôi nhắc mẹ rằng chúng tôi đã mang cỏ thi đến cho người ấy từ ngày hôm trước rồi. Mẹ bắt đầu pha chế thảo dược, rồi chỉ một phút sau, không thể nhớ nổi các thành phần mẹ đã bỏ sung, để rồi toàn bộ mẻ thuốc đó bị quăng đi. Thỉnh thoảng mẹ bảo tôi đứng bên cạnh mẹ và theo dõi mẹ làm để nhắc, “Mẹ đã cho lobelia vào rồi mà. Tiếp theo là cỏ đuôi ngựa xanh.”

Mẹ bắt đầu hoài nghi không biết mình có còn làm bà đỡ được nữa không, và trong khi mẹ buồn thiu vì điều đó, bố thất vọng. Mặt bố xị ra mỗi lần mẹ từ chối đỡ đẻ cho một người phụ nữ. “Chuyện gì sẽ xảy ra nếu em lên cơn đau nửa đầu

đúng lúc cô ta để chứ?” Mẹ nói với bố. “Chuyện gì sẽ xảy ra nếu em không thể nhớ mình đã cho cô ta uống những thứ thảo dược gì, hoặc không thể nhớ nhịp tim của đứa bé có bình thường hay không?”

Cuối cùng không phải bố là người đã thuyết phục mẹ đi đỡ đẻ trở lại. Chính mẹ tự thuyết phục mình, có lẽ bởi đó là một phần trong con người mẹ mà mẹ chẳng thể nhượng bộ mà không đấu tranh. Mùa đông ấy, tôi nhớ mẹ đã đỡ cho hai đứa trẻ chào đời. Sau ca thứ nhất mẹ về nhà, yếu lả và nhợt nhạt, như thể việc giúp sinh linh ấy đến với thế giới này đã lấy đi toàn bộ sinh lực của mẹ. Mẹ giam mình trong tầng hầm khi cuộc gọi thứ hai đến. Mẹ lái xe đi đỡ đẻ với đôi kính đen, cố nhìn qua những vân sóng gây biến dạng tầm nhìn của mẹ. Khi mẹ đến nơi, cơn đau đầu khiến mẹ mụ mị, áp đảo và xua đuổi toàn bộ suy nghĩ của mẹ. Mẹ giam mình ở phòng trong và người phụ tá của mẹ đỡ đẻ ca đó. Sau đó, mẹ không làm bà đỡ nữa. Trong ca tiếp theo, mẹ dùng phần lớn số tiền thù lao mà mẹ được trả để thuê một bà đỡ phụ giúp và giám sát mình. Dường như giờ đây tất cả mọi người đều giám sát mẹ.

Mẹ đã từng là một chuyên gia, một người có năng lực không thể phủ nhận; giờ đây mẹ phải hỏi đứa con gái mười tuổi của mình để biết mẹ đã ăn trưa chưa. Mùa đông năm ấy dài lê thê, đầy u ám, và tôi tự hỏi phải chăng có những hôm chẳng đau đầu mẹ cũng nằm lì trên giường.

Vào Giáng sinh, ai đó tặng mẹ một lọ tinh dầu hỗn hợp đắt tiền. Nó giúp mẹ giảm đau đầu, nhưng với giá năm mươi đô-la cho khoảng bảy gram thì chúng tôi không có tiền để mua loại dầu đó. Mẹ quyết định tự làm tinh dầu. Mẹ bắt đầu mua những loại tinh dầu riêng biệt chưa pha trộn – khuynh diệp, và cúc bất tử, tinh dầu gỗ đàn hương và tinh dầu ravensara và ngôi nhà của chúng tôi, trong nhiều năm đã sức mùi vỏ cây và mùi của những loại lá đắng, bỗng nhiên đầy mùi oải hương và cúc La Mã. Mẹ dành nhiều ngày pha các loại tinh dầu, điều chỉnh để đạt được thuộc tính và mùi thơm đặc biệt. Mẹ dùng giấy bút để ghi lại từng bước mình đã thực hiện. Các loại tinh dầu đắt hơn thảo dược ngâm rượu nhiều; sẽ thật tai hại nếu mẹ phải ném cả một mẻ tinh dầu đi vì không thể nhớ đã cho

tinh dầu vân sam vào hay chưa. Mẹ làm một loại tinh dầu dành cho chứng đau nửa đầu và một loại dành cho chứng thống kinh, một loại trị đau cơ và một loại để trị chứng tim đập nhanh, hồi hộp. Trong những năm sau mẹ chế thêm hàng chục loại nữa.

Để tạo ra các công thức, mẹ bắt đầu “thử nghiệm cơ bắp,” việc mẹ giải thích với tôi là “hỏi cơ thể xem nó cần gì và để nó trả lời.” Mẹ nói với chính mình, nói to, “Mình bị chứng đau nửa đầu. Thứ gì sẽ làm cho bệnh đỡ hơn?” Sau đó mẹ cầm một lọ tinh dầu lên, áp nó vào ngực và, với đôi mắt nhắm nghiền, mẹ nói, “Mình cần thứ này đúng không nhỉ?” Nếu người mẹ lắc lư về phía trước thì như thế có nghĩa là đúng, lọ tinh dầu ấy sẽ giúp mẹ trị chứng đau đầu. Nếu người mẹ lắc lư về phía sau thì như thế có nghĩa là không, và mẹ sẽ thử loại khác.

Khi đã trở nên thành thạo hơn, mẹ không cần lấy cả thân người để thử nữa mà chỉ dùng các ngón tay. Mẹ vắt chéo ngón giữa và ngón trỏ, sau đó hơi cong ngón tay lại để chúng không vắt chéo nữa, và tự hỏi mình một câu. Nếu các ngón tay vẫn cứ bện vào nhau thì như thế có nghĩa là đúng; nếu chúng tách ra thì có nghĩa là không. Âm thanh phát ra từ phương pháp thử này nghe không rõ, nhưng không thể lẫn được: mỗi lần đầu ngón giữa của mẹ trượt qua móng của ngón trỏ, lại có một tiếng *tách* khe khẽ.

Mẹ dùng phương pháp thử nghiệm cơ bắp để thí nghiệm những cách chữa bệnh khác. Khắp nhà chúng tôi chỗ nào cũng có biểu đồ luân xa và sơ đồ huyết đạo, và mẹ bắt đầu thu tiền các khách hàng được “truyền năng lượng”. Tôi không biết đó là gì cho đến một buổi trưa khi mẹ gọi tôi và Richard vào phòng trong. Một người phụ nữ tên là Susan đang ở đó. Đôi mắt mẹ nhắm lại và bàn tay trái của mẹ đặt trên bàn tay trái của Susan. Các ngón tay thuộc bàn tay kia của mẹ vắt chéo nhau, và mẹ thì thầm những câu hỏi với chính mình. Sau vài câu hỏi mẹ quay sang người phụ nữ đó và nói, “Mối quan hệ của cô với cha cô đang làm hại thận của cô. Hãy nghĩ đến ông ấy trong khi chúng ta điều chỉnh luân xa.” Mẹ giải thích rằng việc truyền năng lượng đạt được hiệu quả cao nhất khi có vài người hiện diện ở đó. “Để chúng ta có thể thu năng lượng của mọi người,” mẹ nói. Mẹ

chỉ tay vào trán tôi và bảo tôi gõ vào điểm chính giữa hai lông mày, trong khi dùng tay kia nắm lấy cánh tay Susan. Richard gõ vào một huyệt đạo trên ngực anh trong khi tay kia của anh chạm vào tôi, còn mẹ ấn một huyệt trên lòng bàn tay mẹ trong khi để chân mẹ và chân Richard chạm nhau. “Nó đấy,” mẹ nói khi Richard nắm tay tôi. Chúng tôi đứng im lặng trong mười phút, làm một sợi xích bằng người.

Khi nghĩ đến buổi trưa hôm ấy, những gì tôi nhớ trước tiên là nỗi ngượng ngịu: mẹ nói mẹ có thể cảm nhận được nguồn năng lượng nóng ấm truyền qua người chúng tôi, nhưng tôi chẳng cảm thấy gì hết. Mẹ và Richard đứng im, mắt nhắm nghiền, thở nong. Mẹ và anh có thể cảm nhận được năng lượng và sự truyền năng lượng. Tôi bồn chồn, ngộ nguây. Tôi cố tập trung, sau đó lo rằng mình sẽ làm hỏng những điều dành cho Susan, rằng tôi sẽ làm gián đoạn đường truyền, rằng năng lượng chữa bệnh của mẹ và Richard sẽ chẳng thể đến được với Susan chỉ vì tôi không dẫn truyền nó. Hết mười phút Susan đưa cho mẹ hai mươi đô-la và khách hàng tiếp theo của mẹ bước vào phòng.

Nếu tôi hoài nghi thì mỗi hoài nghi đó không hoàn toàn là lỗi ở tôi. Nó là kết quả của việc tôi không thể quyết định người mẹ nào của tôi đáng tin cậy. Một năm trước vụ tai nạn, khi lần đầu tiên mẹ nghe về thử nghiệm cơ bắp và truyền năng lượng, mẹ gạt toẹt cả hai, coi đó là những suy nghĩ hão huyền. “Người ta muốn một phép màu,” khi đó mẹ nói với tôi. “Họ sẽ uống bất cứ thứ gì nếu nó mang đến cho họ hy vọng, nếu nó khiến họ tin rằng họ sẽ khỏe lên. Nhưng làm gì có phép màu cơ chứ. Nghiên cứu dinh dưỡng, tập luyện và nghiên cứu cẩn thận về các đặc tính của thảo dược, đó là tất cả. Nhưng khi người ta đau ốm, họ không thể chấp nhận điều đó.”

Bây giờ mẹ nói việc chữa bệnh thuộc về thế giới tâm linh và là vô hạn. Mẹ giải thích với tôi rằng thử nghiệm cơ bắp là một kiểu cầu nguyện, một sự khẩn cầu thánh thần. Một hành động của đức tin mà trong đó Chúa nói qua những ngón tay của mẹ. Đôi lúc tôi tin mẹ, người phụ nữ khôn ngoan với một câu trả lời cho mọi câu hỏi; nhưng tôi không bao giờ có thể hoàn toàn quên những lời nói

của người phụ nữ khác trong mẹ, cái người cũng khôn ngoan chẳng kém. *Làm gì có phép màu cơ chứ.*

Một hôm mẹ thông báo rằng mẹ đã đạt đến một trình độ mới. “Mẹ không cần phải đặt câu hỏi thành lời nữa,” mẹ nói. “Mẹ chỉ cần nghĩ câu hỏi trong đầu.”

Đó là khi tôi bắt đầu để ý thấy mẹ đi lại quanh nhà, khẽ đặt tay lên các vật rồi lăm bắm một mình, các ngón tay mẹ uốn cong theo một nhịp đều đặn. Nếu mẹ đang làm bánh mì và không chắc mình đã cho bao nhiêu bột. *Tách tách tách.* Nếu mẹ đang pha các loại tinh dầu với nhau và không thể nhớ mẹ đã thêm hương trầm hay chưa. *Tách tách tách.* Mẹ ngồi xuống đọc Kinh Thánh ba mươi phút, quên khuấy mình đã bắt đầu đọc lúc mấy giờ, cuộc thử nghiệm cơ bắp đã kéo dài bao lâu. *Tách tách tách.*

Mẹ bắt đầu làm thử nghiệm cơ bắp như chẳng thể dừng được, không ý thức được mình đang làm điều đó, bất cứ khi nào mẹ mệt mỏi vì một cuộc trò chuyện, bất cứ khi nào trí nhớ lơ mơ của mẹ, hoặc thậm chí những chuyện vặt của cuộc sống đời thường, khiến mẹ không hài lòng. Vẻ mặt mẹ trở nên trống rỗng, và những ngón tay mẹ bật tanh tách như những con dế trong đêm tối.

Bố rất khoái. “Chỉ chạm vào người ta thôi, lũ bác sĩ không thể nói được cái gì không ổn,” bố hăng hái nói. “Nhưng mẹ con có thể!”

Mùa đông ấy ký ức về Tyler cứ ám ảnh tôi. Tôi nhớ hôm anh ra đi, nhớ cảm giác lạ lùng khi nhìn chiếc xe của anh với những cái hộp linh kính xóc nảy trên đường xuống đồi. Tôi không thể hình dung nổi bây giờ anh đang ở đâu, nhưng thỉnh thoảng tôi tự hỏi phải chăng trường học không xấu xa như bố nghĩ, bởi vì Tyler là người ít xấu xa nhất mà tôi biết, và anh yêu trường học – dường như yêu trường học hơn yêu chúng tôi.

Hạt giống của tò mò đã được gieo; nó chẳng cần gì hơn ngoài thời gian và nỗi buồn chán để nảy nở. Thỉnh thoảng, khi tôi tháo đồng từ một bộ tản nhiệt hoặc ném cục sắt thứ năm trăm vào thùng, tôi nhận thấy mình đang tưởng tượng ra những tiết học mà Tyler dành cho hết ngày này tới ngày khác của anh.

Mỗi quan tâm của tôi ngày càng trở nên sâu sắc theo từng giờ trôi qua trong bãi phế liệu, cho tới một ngày tôi có một ý nghĩ lạ lùng: rằng tôi sẽ đăng ký vào trường công.

Mẹ luôn nói chúng tôi có thể đến trường nếu muốn. Mẹ nói chúng tôi chỉ phải hỏi bố. Sau đó có thể đi.

Nhưng tôi không hỏi. Có điều gì đó trong vẻ mặt nghiêm nghị, trong tiếng thở dài lặng lẽ của bố vào mỗi buổi sáng trước khi bố bắt đầu lời cầu nguyện của gia đình, khiến tôi nghĩ nỗi tò mò của mình là lão toét, là sự lãng mạn đối với tất cả những gì bố đã hy sinh để nuôi nấng tôi.

Tôi cố gắng duy trì việc học vào khoảng thời gian rảnh rỗi mà tôi có được giữa lúc gom phế liệu và thời gian giúp mẹ chế rượu thảo dược và tinh dầu hỗn hợp. Cho đến lúc đó mẹ đã bỏ hẳn việc dạy học tại nhà, nhưng vẫn có một chiếc máy tính, và những cuốn sách trong tầng hầm. Tôi tìm được cuốn sách khoa học, với những hình minh họa đầy màu sắc, và cuốn sách toán mà tôi nhớ đã có ở đó từ nhiều năm trước. Tôi thậm chí tìm được một cuốn sách lịch sử có bìa màu xanh lá đã bạc phéch. Nhưng khi tôi ngồi xuống để học gần như lần nào tôi cũng buồn ngủ rũ mắt. Những trang sách bóng loáng và nhẵn nhụi bị những giờ tôi dùng để gom phế liệu làm cho nhẵn nhụi hơn.

Khi bố nhìn thấy tôi cầm một trong những quyển sách đó, bố cố tách tôi ra khỏi chúng. Có lẽ bố nhớ đến Tyler. Có lẽ bố nghĩ nếu bố có thể khiến tôi sao lãng trong vài năm thì nguy cơ sẽ trôi qua. Vậy nên bố vẽ việc ra cho tôi làm, dù đó là những việc cần làm hay không. Một buổi trưa, sau khi bắt gặp tôi đang lúi húi với cuốn sách toán, bố và tôi dùng một giờ chờ những xô nước qua cánh đồng tới đám cây ăn quả của bố, một việc sẽ không bất thường chút nào trừ một điều rằng lúc đó đang có mưa giông.

Nhưng nếu bố cố ngăn các con mình quan tâm thái quá đến trường học và sách vở – không bị hội Illuminati dụ dỗ, như Tyler đã bị – thì đáng lẽ bố nên dồn sự chú ý sang Richard. Richard đáng lý cũng phải dành các buổi trưa làm rượu thuốc cho mẹ, nhưng anh hầu như không làm. Thay vì thế, anh biến mất. Tôi

không chắc mẹ biết anh đi đâu, nhưng tôi biết. Vào các buổi trưa, Richard gần như luôn được tìm thấy trong căn hầm tối, nhét mình trong khoảng trống chật hẹp giữa cái trường kỷ và bức tường, một cuốn bách khoa thư để mở trước mặt anh. Nếu bố tình cờ xuất hiện ở đó, bố sẽ tắt đèn, lau bầu về thói lãng phí điện.

Sau đó tôi sẽ kiểm soát đi xuống hầm để có thể bật điện lại. Nếu bố lại xuống dưới đó thì tiếng gập sẽ vang khắp nhà, và mẹ sẽ phải ngồi nghe một bài lên lớp về việc để đèn điện sáng trong các phòng không người. Mẹ chẳng bao giờ mắng tôi, và điều đó khiến tôi tự hỏi liệu mẹ có biết Richard ở đâu không. Nếu tôi không thể xuống tầng hầm để bật đèn thì Richard ghé sát mặt vào cuốn sách và đọc trong bóng tối; anh ham đọc quá. Anh muốn đọc cuốn bách khoa thư đó quá.

Tyler đi rồi. Hầu như không có dấu vết nào cho thấy anh đã từng sống trong ngôi nhà của chúng tôi, trừ một thứ: đêm nào cũng vậy, sau bữa tối, tôi đóng cửa phòng riêng và lôi chiếc máy nghe nhạc cũ của Tyler từ dưới gầm giường ra. Tôi kéo cái bàn của anh sang phòng tôi, và trong khi tiếng đồng ca vang lên tôi ngồi vào chiếc ghế của anh và học, giống y như tôi đã thấy anh học trong cả trăm buổi tối. Tôi không học lịch sử hay toán. Tôi học tôn giáo.

Tôi đã đọc cuốn Sách Mặc Môn hai lần. Tôi đã đọc Kinh Tân Ước, một lần đọc nhanh, sau đó lần thứ hai đọc chậm, dừng lại để ghi những điều đáng lưu ý, để tham khảo chéo, và thậm chí viết những bài luận ngắn về các học thuyết như đức tin và sự hy sinh. Không ai đọc các bài luận ấy của tôi; tôi viết chúng cho chính mình, như tôi hình dung ra Tyler đã học cho chính anh và chỉ cho anh mà thôi. Tiếp theo tôi đọc trọn cuốn Kinh Cựu Ước, sau đó tôi đọc các cuốn sách của bố, mà phần lớn là những tài liệu sưu tập gồm bài diễn thuyết, các bức thư và bài báo của các nhà tiên tri Mặc Môn tiên phong. Ngôn ngữ của họ được dùng trong thế kỷ mười chín – cứng nhắc, khó nắm bắt, nhưng chính xác – và thoát đầu tôi chẳng hiểu mô tê gì. Nhưng qua thời gian mất và tai tôi đã thích nghi, để tôi bắt đầu cảm thấy quen thuộc với những đoạn lịch sử của người Mặc Môn chúng tôi: những câu chuyện về những người tiên phong, tổ tiên của tôi, bốn ba khắp xứ Mỹ thời kỳ hoang dã. Những câu chuyện sao mà sống động, còn những bài giảng thì

đến là trù tượng, thường xoay quanh các chủ đề triết học mơ hồ, và tôi lại phải dành hết thời gian mà nghiền ngẫm cái mơ hồ ấy.

Hồi tưởng quá khứ, tôi thấy *đây* là cách mà tôi học, và nó rất quan trọng: những giờ tôi ngồi tại chiếc bàn đi mượn, cố phân tích những phần nhỏ của học thuyết Mặc Môn khi bắt chước một người anh đã bỏ tôi mà đi. Kỹ năng tôi học là một kỹ năng cốt yếu, tính kiên nhẫn để đọc những gì mà mình chưa thể hiểu được.

Khi tuyết trên núi bắt đầu tan, tay tôi bị chai thành lớp dày. Một mùa ở bãi phế liệu đã mài giũa các phản xạ của tôi: tôi đã học nghe tiếng gầm gừ khe khẽ thoát ra từ miệng bố mỗi khi bố quăng một vật nặng, và khi tôi nghe thấy âm thanh đó tôi vội nằm ép người xuống mặt đất. Tôi mất nhiều thời gian nằm trong bùn đến nỗi tôi chẳng kiếm được bao nhiêu phế liệu. Bố nói đùa rằng tôi chậm như mật đường chảy ngược lên đồi[Ⓢ]. Ký ức về Tyler đã nhạt nhòa, và cùng với nó âm nhạc của anh cũng nhạt đi, bị nhấn chìm bởi tiếng loảng xoảng của kim loại va đập. Giờ đây đó là những âm thanh vang vang trong đầu tôi vào buổi tối – tiếng leng keng của thiếc múi, tiếng *tách* cụt ngùn của dây đồng, tiếng rầm rầm như sấm nổ của sắt.

Tôi đã bước vào một hiện thực mới. Tôi nhìn thế giới qua con mắt của bố mình. Tôi thấy những thiên thần, hoặc ít nhất tôi đã tưởng tượng rằng mình nhìn thấy thiên thần, đang dõi theo chúng tôi, gom phế liệu, bước về phía trước, chộp lấy những bộ ắc-quy ô tô hoặc cắt nham nhờ những đoạn ống thép mà bố để chèn ềnh trong bãi. Tôi đã thôi gào lên với bố vì đã quăng chúng. Thay vì thế, tôi cầu nguyện.

Khi gom phế liệu một mình, tôi làm việc nhanh hơn, vậy nên một buổi sáng khi bố đang ở đầu phía bắc của bãi, gần núi, tôi bước về đầu phía nam, gần đồng cỏ. Tôi lượm được đầy một thùng hai nghìn cân[Ⓢ] sắt; sau đó hai cánh tay tôi đau mỏi, tôi chạy đi tìm bố. Thùng chứa cần được giải phóng, mà tôi thì không biết điều khiển thiết bị xếp dỡ – một cái xe nâng khổng lồ với cần cầu di động và

bánh xe màu đen rộng và cao hơn cả tôi. Thiết bị xếp dỡ đó sẽ nâng cái thùng lên độ cao khoảng tám mét rưỡi trong không khí, sau đó, với cần trục vươn ra, làm nghiêng cái chạc cần cầu để phế liệu có thể trượt ra ngoài, rơi xuống xe đầu kéo với tiếng ồn khủng khiếp. Cái xe đầu kéo ấy là một xe rơ-moóc dài hơn mười sáu mét được thiết kế để chở phế liệu, về cơ bản là một cái thùng khổng lồ. Thành của rơ-moóc được tạo bằng các tấm sắt dày cao khoảng hai mét rưỡi tính từ sàn xe. Cái rơ-moóc ấy có thể chứa được từ mười lăm đến hai mươi thùng phế liệu, hoặc khoảng bốn mươi nghìn cân sắt.

Tôi tìm thấy bố trên cánh đồng, đang nhóm lửa để đốt lớp cách nhiệt từ một mớ dây đồng. Tôi nói với bố rằng thùng phế liệu đã đầy, và bố đi cùng tôi trở lại chỗ đó, trèo vào trong xe nâng. Bố phẩy tay trước cái rơ-moóc. “Chúng ta sẽ chở được nhiều hơn, nếu con sắp xếp chỗ sắt sau khi nó được đổ. Nhảy lên đi.”

Tôi không hiểu. Bố muốn đổ cái thùng phế liệu có tôi ở bên trong ư? “Con sẽ trèo lên đó sau khi bố đổ thùng phế liệu này,” tôi nói.

“Không, làm thế này sẽ nhanh hơn,” bố nói. “Bố sẽ dùng cần cầu lại khi cái thùng ngang bằng với rơ-moóc để con có thể trèo ra. Sau đó, con có thể chạy dọc thành rơ-moóc và ngồi trên nóc ca-bin cho đến khi bố đổ xong.

Tôi ngồi trên một đoạn sắt. Bố nhồi chạc cần cầu xuống bên dưới thùng phế liệu, sau đó nhắc tôi và cả khối phế liệu đó lên và bắt đầu lái cần cầu, với tốc độ cao nhất, về phía xe kéo. Tôi gần như không thể bám chặt. Ở khúc ngoặt cuối cùng, cái thùng lắc lư mạnh đến nỗi một thanh sắt nhọn lao về phía tôi. Nó xuyên vào chân tôi, phía dưới đầu gối khoảng hơn hai phân, trượt thành một đường như một lưỡi dao bập xuống tầng bơ còn ấm. Tôi cố rút nó ra nhưng cái khối phế liệu đó chuyển động, mà một phần thanh sắt ấy lại bị những thứ khác đè lên. Tôi nghe thấy tiếng rì rì của máy bơm thủy lực khi cần cầu vươn ra. Tiếng rì rì đó chấm dứt khi thùng phế liệu cao ngang bằng với sàn rơ-moóc. Bố cho tôi thời gian để trèo lên thành rơ-moóc nhưng tôi đã bị thanh sắt đó ghim lại. “Con bị kẹt!” Tôi gào lên, chỉ có điều tiếng gầm của động cơ xe nâng quá ồn. Tôi tự hỏi liệu bố có đợi cho tới khi bố nhìn thấy tôi ngồi an toàn trên nóc ca-bin rồi mới đổ thùng phế

liệu xuống hay không, nhưng đồng thời tôi biết bố sẽ không đợi. Thời gian vẫn róng riết truy đuổi bố.

Tiếng rì rì như tiếng máy bơm lại vang lên và thùng phế liệu được nâng lên thêm tám phút nữa. Vị trí để đồ phế liệu. Tôi lại gào lên, giọng cao hơn lần trước, sau đó thấp hơn, cố tìm một cường độ có thể xuyên qua tiếng ồn đều đều của động cơ. Thùng phế liệu bắt đầu nghiêng, thoát đầu chậm, sau đó nhanh. Tôi bị ghim ở gần phía trong thùng. Tay tôi đặt trên mép thùng, biết rằng bằng cách này tôi sẽ có một chỗ để bám khi thùng thẳng đứng. Khi thùng phế liệu tiếp tục được đổ, đám phế liệu ở trên bắt đầu trượt về phía trước, từng chút từng chút, một sông băng sắt bắt đầu vỡ ra. Thanh sắt nhọn kia vẫn cắm trong chân tôi, ghim tôi xuống phía dưới. Tay tôi bị trượt khỏi chỗ bám và người tôi bắt đầu trượt khi thanh sắt đó cuối cùng cũng rút khỏi chân tôi, rơi xuống, đập mạnh vào rơ-moóc tạo ra âm thanh ghê tai. Bây giờ tôi tự do, nhưng tôi đang rơi. Tôi đập đập cánh tay, ước gì chúng túm được thứ gì đó không đang trên đà lao xuống. Lòng bàn tay tôi bám được vào cạnh của thành thùng, giờ đây gần như ở vị trí thẳng đứng. Tôi cố rướn người về phía đó, đẩy người lên mép thùng, sau đó tiếp tục cú rơi. Bởi vì giờ đây tôi đang rơi từ cạnh thùng chứ không phải từ miệng thùng, tôi hy vọng – tôi cầu nguyện – rằng mình đang rơi về phía mặt đất chứ không phải về phía chiếc xe nâng mà lúc này đang nghiêng kim loại ken kết. Tôi chìm xuống, chìm xuống chỉ nhìn thấy bầu trời xanh thẳm, đợi để cảm nhận cú đâm thọc của một thanh sắt nhọn hoặc cú xóc nảy từ mặt đất cứng.

Lưng tôi đập vào sắt: thành của rơ-moóc. Hai bàn chân tôi gập lên phía trên đầu và tôi tiếp tục cú rơi vô duyên xuống đất. Cú rơi đầu tiên là khoảng hơn hai mét hoặc hai mét rưỡi, cú rơi thứ hai có lẽ là từ độ cao khoảng hơn ba mét. Tôi nhẹ cả người khi cuối cùng mình cũng cảm nhận thấy mặt đất.

Tôi nằm ngửa, có lẽ trong khoảng mười lăm giây trước khi động cơ xe gầm gừ để trở về im lặng và tôi nghe thấy tiếng bước chân nặng nề của bố.

“Chuyện gì thế?” Bố hỏi, quỳ xuống bên tôi.

“Con bị ngã,” tôi vừa thở khò khè vừa nói. Gió đã quạt tôi, và lưng tôi nhói đau, như thể người tôi bị cắt ra làm đôi.

“Làm thế nào con xoay xở được như thế này?” Bố nói. Giọng bố có cảm thông nhưng cũng có nỗi thất vọng. Tôi cảm thấy mình thật ngu xuẩn. *Đáng lẽ ra mình có thể làm được, tôi nghĩ. Đó là một việc đơn giản kia mà.*

Bố kiểm tra vết rách sâu ở chân tôi, một vết rạch rộng hoác khi thanh sắt nhọn tự rút khỏi chân tôi, rơi ra xa. Vết thương trông giống như một cái hố trên mặt đường; mô cơ đã lún xuống chẳng nhìn thấy đầu cả. Bố cởi chiếc áo sơ mi bằng vải ni lông của ông ra và ấn nó vào chân tôi. “Về nhà đi,” bố nói. “Mẹ sẽ cầm máu cho.”

Tôi đi cà nhắc qua đồng cỏ cho tới khi bố ở ngoài tầm nhìn, sau đó tôi đổ gục xuống đám cỏ lúa mì mọc cao. Tôi run rẩy, ngợp những ngum không khí mà chẳng thể khiến nó tràn vào buồng phổi của mình. Tôi không hiểu tại sao mình lại khóc. Tôi còn sống. Tôi sẽ ổn. Các thiên thần đã làm phần việc của họ. Vậy tại sao tôi không thể ngừng run?

Đầu óc tôi quay cuồng khi tôi vượt qua cánh đồng cuối cùng và về đến nhà, nhưng tôi lao vào nhà bằng cửa sau, như tôi từng thấy các anh tôi, như Robert và Emma đã làm, gào lên gọi mẹ. Khi mẹ nhìn thấy những dấu chân đỏ lôm trên lớp vải sơn trải sàn, mẹ chạy đi lấy thuốc vi lượng đồng căn mà mẹ thường dùng để trị xuất huyết và sốc, loại thuốc mà mẹ gọi là Phương Thuốc Giải Cứu, và nhỏ mười hai giọt chất lỏng trong suốt, không mùi vị xuống dưới lưỡi tôi. Mẹ đặt nhẹ bàn tay trái lên vết thương và vắt chéo những ngón tay của bàn tay phải mẹ. Mẹ nhắm mắt lại. *Tách tách tách.* “Không có trùng uốn ván,” mẹ nói. “Vết thương sẽ liền miệng. Sớm muộn cũng sẽ liền miệng. Nhưng nó sẽ để lại sẹo xấu đấy.”

Mẹ chuyển sang kiểm tra bụng tôi và các vết bầm tím – một mảng thâm tím cỡ bằng đầu người – đã hình thành phía trên hông tôi vài phân. Ngón tay mẹ lại vắt chéo và mắt mẹ nhắm lại. *Tách tách tách.*

“Con bị tổn thương thật rồi,” mẹ nói. “Chúng ta nên làm một mẻ thuốc mới từ cây bách xù và hoa thảo bản.”

Vết thương phía dưới đầu gối tôi đã thành sẹo – một dòng sông đen bóng chảy qua lớp da màu hồng – khi tôi đi đến một quyết định.

Tôi chọn một buổi tối Chủ nhật khi bố đang nằm nghỉ trên sofa với cuốn Kinh Thánh mở sẵn trong lòng. Tôi đứng trước mặt bố trong một khoảng thời gian mà tôi có cảm giác như kéo dài nhiều giờ, nhưng bố không nhìn lên, vậy nên tôi thốt ra những điều tôi quyết định nói: “Con muốn đến trường.” Bố dường như không nghe thấy tôi nói. “Con đã cầu nguyện, và con muốn đến trường,” tôi nói. Cuối cùng, bố ngược lên nhìn, nhìn thẳng về phía trước, dán mắt vào thứ gì đó phía sau tôi. Nỗi im lặng bao trùm, không khí thật nặng nề. “Trong gia đình này,” bố nói, “chúng ta tuân theo các mệnh lệnh của Chúa.”

Bố cầm cuốn Kinh Thánh lên và mắt bố giật giật khi chúng nhảy từ dòng này tới dòng khác. Tôi quay gót để đi, nhưng trước khi tôi bước ra tới cửa bố lại nói. “Con nhớ Jacob và Esau ☺ chứ!”

“Con nhớ,” tôi nói.

Bố đọc tiếp Kinh Thánh, và tôi lặng lẽ bước ra khỏi nhà. Tôi không cần bất cứ sự giảng giải nào; tôi biết câu chuyện đó có nghĩa gì. Nó có nghĩa rằng tôi không phải là đứa con gái mà bố đã nuôi nấng, đứa con gái của đức tin. Tôi đã cố bán quyền con trưởng của mình để lấy món súp hồ lớn.

Chương 7

Chúa Sẽ Đáp Ứng

ĐÓ LÀ MỘT MÙA HÈ VẮNG NHỮNG CÓN MƯA. Mỗi buổi trưa mặt trời chiếu nắng chói chang trên bầu trời, làm cháy xém ngọn núi bằng cái nóng khô khan và thiêu đốt, để mỗi sáng khi tôi đi qua cánh đồng tới khu chuồng trại, tôi cảm thấy những thân lúa mì mọc hoang kêu rãch rãch và ngã rạp dưới chân tôi.

Tôi dành một buổi sáng nắng vàng như hổ phách làm Thuốc Giải Cứu cho mẹ. Tôi đã lấy mười lăm giọt từ chỗ thuốc gốc – được cất trong tủ đựng đồ khâu vá của mẹ, nơi nó sẽ không được sử dụng hoặc bị làm bẩn – và đựng chúng vào một lọ nước cất nhỏ. Sau đó, tôi dùng ngón tay trỏ và ngón tay cái tạo thành một vòng tròn, và đưa cái lọ qua vòng tròn đó. Mẹ nói rằng sức mạnh của thuốc vi lượng đồng căn phụ thuộc vào việc lọ thuốc được đưa qua các ngón tay tôi bao nhiêu lần, hút năng lượng của tôi bao nhiêu lần. Thường thì đến lần thứ năm mười tôi dừng.

Bố và Luke đang ở trên núi, trong bãi phế liệu phía trên đồng cỏ, cách nhà một phần tư dặm. Bố và anh tôi đang chuẩn bị những chiếc ô tô thải cho cái máy nghiền phế liệu mà bố đã thuê vào cuối tuần đó. Luke mười bảy tuổi. Anh có thân hình rắn chắc và nụ cười thoải mái khi ở ngoài trời. Luke và bố đang rút xăng từ các bình xăng. Cái máy nghiền đó sẽ không nghiền một chiếc ô tô có gắn bình xăng, bởi nguy cơ cháy nổ nên mỗi bình xăng phải được rút cạn và tháo rời. Việc ấy tốn thời gian, phải dùng búa và đe để chọc thủng bình, sau đó đợi nhiên liệu chảy ra rồi mới dùng đèn cắt để tháo bình, như vậy mới an toàn. Bố đã nghĩ ra một cách, làm tắt: một cái xiên to tướng, cao hai mét rưỡi bằng sắt dày. Bố sẽ nhấc chiếc xe lên bằng xe nâng, còn Luke sẽ hướng dẫn bố cho tới khi bình nhiên liệu của xe lơ lửng ngay phía trên cái xiên. Sau đó bố sẽ nhả chạc nâng. Nếu tắt cả diễn ra suôn sẻ thì chiếc xe sẽ bị cái xiên đâm thủng và nhiên liệu sẽ chảy ra khỏi bình, chảy dọc cái xiên xuống thùng chứa đáy phẳng mà bố đã gắn đúng vị trí để hứng nhiên liệu.

Đến trưa, bố và Luke đã rút hết nhiên liệu từ khoảng ba mươi đến bốn mươi ô tô. Luke đã thu được nhiên liệu vào những cái thùng năm gallon[®] mà anh bắt đầu chở qua bãi phế liệu tới chỗ chiếc xe chuyên chở của bố. Trong một chuyến chở nhiên liệu anh bị trượt chân, làm ướt sũng chiếc quần bò của anh bằng một gallon xăng. Mặt trời mùa hè làm khô lớp vải denim trong vài phút. Anh chuyển xong những thùng xăng, sau đó về nhà ăn trưa.

Tôi nhớ bữa trưa hôm đó rõ đến mức đáng ngại. Tôi nhớ mùi của món thịt bò hầm khoai tây sền sệt, và tiếng leng keng của đá lạnh rơi vào những chiếc ly cao, với những giọt nước ngưng đọng trong cái nóng mùa hè. Tôi nhớ mẹ bảo tôi rửa bát, bởi vì sau bữa ăn mẹ sẽ lên đường đi Utah để tư vấn cho một bà đỡ khác trong một ca mang bầu phức tạp. Mẹ nói có thể mẹ không kịp về nấu bữa tối nhưng có hamburger trong tủ trữ đông.

Tôi nhớ đã cười suốt cả tiếng đồng hồ. Bố nằm trên sàn phòng bếp buông những câu bông đùa về một sắc lệnh gần đây đã được thông qua trong cái làng nhỏ của chúng tôi. Một con chó hoang đã cắn một cậu bé và tất cả mọi người đều nổi giận. Thị trưởng quyết định mỗi gia đình chỉ được sở hữu tối đa hai con mặc dù con chó cắn người đó không thuộc về bất cứ ai.

“Các nhà xã hội chủ nghĩa thiên tài,” bố nói. “Nếu con không dựng mái che trên đầu họ thì họ cứ mãi mê ngắm mưa đến chết đuối mất.” Tôi cười đau cả bụng.

Khi Luke và bố quay lên núi chuẩn bị đèn cắt, anh đã hoàn toàn quên chuyện thùng xăng đổ vào quần mình, nhưng khi anh giắt cái đèn cắt vào cạp quần bên hông, làm cho đèn đánh lửa, tia lửa nhỏ bùng lên, nhấn chìm bên chân đó của anh.

Những gì chúng tôi nhớ, được kể đi kể lại nhiều lần đến nỗi nó trở thành giai thoại của gia đình, là Luke không thể thoát ra khỏi chiếc quần bò *tắm* xăng của anh. Buổi sáng hôm đó, giống như mọi sáng, anh đã vớ vội chiếc quần bò có dây buộc bằng sợi se dài cả thước, nhấn và tron, và cần phải thắt một nút thật chặt để cố định cạp quần.

Giày của anh chẳng giúp ích gì: đôi giày ống mũi thép quá tã đến nỗi trong nhiều tuần sáng nào anh cũng phải dùng băng keo để dán giày, và tôi nào cũng phải dùng con dao bỏ túi cắt lớp băng keo đó ra. Luke có thể đã cắt dây buộc giày và thoát khỏi nó trong nháy mắt, nhưng anh quẫn trí vì hoảng sợ, cứ cầm đầu chạy, lao như một con hoẵng bị phát hiện, khiến lửa lan ra đám ngải đắng và cỏ lúa mì vốn đã bị mùa hè khô nẻ làm cho khô giòn.

Tôi đang xếp những chồng bát đĩa bẩn và chất chúng vào bồn rửa thì nghe thấy âm thanh đó – tiếng kêu lạ lùng, chói tai bắt đầu bằng một âm điệu và kết thúc bằng một âm điệu khác. Không thể nào đó lại là tiếng người. Tôi chưa bao giờ nghe thấy một con thú hú lên như thế, với âm thanh và cường độ thay đổi bất thường như vậy.

Tôi chạy ra ngoài và nhìn thấy Luke đang đi cà nhắc qua bãi cỏ. Anh gào gọi mẹ, sau đó đổ sập xuống. Khi tôi nhìn thấy anh, ống quần bò ở một bên chân của anh đã biến mất. Các phần của cẳng chân anh có màu xám chì, đỏ và đẫm máu; những phần khác trắng bệch, như chết. Lớp da như những sợi dây thừng bằng giấy mỏng tinh xảo quấn quanh đùi xuống tới tận bắp chân anh, giống như sáp đang chảy nhỏ giọt từ một ngọn nến rẻ tiền.

Mắt anh trợn ngược.

Tôi lao vào nhà. Tôi đã xếp vào hộp vài lọ thuốc giải cứu, nhưng lúc đó tôi lấy lọ thuốc gốc vẫn để trong tủ ra. Tôi chộp lấy nó và chạy ra ngoài, sau đó đổ nửa lọ vào giữa hai bờ môi méo mó của Luke. Chẳng có gì thay đổi. Mắt anh vẫn trắng như cẩm thạch.

Thế rồi con người màu nâu xuất hiện, sau đó là con người còn lại. Anh bắt đầu lảm bảm, rồi gào lên. “Cháy! Cháy!” Anh rống lên, Một cơn ớn lạnh lan khắp người anh và răng anh va vào nhau cầm cập; anh đang run.

Tôi mới mười tuổi, và vào lúc đó tôi cảm thấy mình mới trẻ con làm sao. Luke là anh trai tôi; tôi cứ nghĩ anh sẽ biết phải làm gì, vậy nên tôi nắm lấy vai

anh lay mạnh. “Em nên làm anh mát hay làm cho anh nóng người lên?” Tôi gào lên. Anh trả lời bằng tiếng thở hắt ra.

Tôi suy luận rằng chỗ bỏng là một vết thương. Sẽ hợp lý nếu điều trị vết bỏng trước tiên. Tôi lấy một khay đá từ trong ngăn tủ trữ đông để ở trong hiên ra, nhưng khi khay đá đó chạm vào chân anh, anh thét lên – một tiếng thét kinh dị khiến tôi long óc. Tôi cần một cách khác để làm mát chân của anh. Tôi tính dỡ đồ trong tủ trữ đông ra và để Luke nằm vào trong đó, nhưng cái tủ ấy chỉ hoạt động nếu nắp tủ được đóng lại, và như vậy anh sẽ chết ngạt.

Tôi cuống cuống tìm kiếm khắp nhà, Chúng tôi có một thùng rác, một cái thùng to như cá voi xanh. Chúng tôi ném vào đó tung tóe những mẫu thức ăn thiu có mùi khó chịu đến mức phải cất nó trong buồng kho. Tôi lao vào nhà, đổ rác lên lớp vải sơn lót sàn, để ý thấy con chuột chết mà hôm trước Richard đã ném vào đó, rồi bê cái thùng đó ra ngoài, dùng vòi tưới cây phun nước rửa. Tôi biết tôi nên rửa sạch nó cẩn thận hơn, có lẽ bằng nước rửa bát, nhưng nhìn Luke, cảnh tượng anh quần quai trên cỏ, tôi cảm thấy mình không có thời gian. Sau khi đổ chỗ nước bẩn cuối cùng ra khỏi thùng, tôi dựng thùng lên, bơm nước vào đầy thùng.

Luke đang bò về phía tôi để cho chân vào thùng thì tôi nghe thấy tiếng nói của mẹ vang vọng trong đầu. Mẹ đang nói với ai đó rằng điều đáng lo ngại thực sự đối với một vết bỏng không phải là mô bị thương tổn, mà là nhiễm trùng.

“Luke!” Tôi kêu lên. “Đừng! Đừng cho chân vào thùng!” Anh phớt lờ tôi, tiếp tục bò đến chỗ cái thùng. Cái nhìn lạnh lùng từ đôi mắt anh nói rằng trong đầu anh chẳng có gì quan trọng ngoài lửa thiêu đốt chân anh. Tôi lao đến thật nhanh. Tôi đẩy mạnh cái thùng, và nước sánh ra khỏi thùng dội lên cỏ. Luke bật ra một âm thanh khủng khiếp, như thể anh đang ngộp thở.

Tôi chạy trở lại bếp và tìm thấy những cái túi vừa với cái thùng rác, sau đó mở một chiếc ra và bảo Luke cho chân vào. Anh không nhúc nhích nhưng cho phép tôi lòng cái túi ra ngoài lớp da thịt bị bỏng của anh. Tôi dựng thẳng cái thùng lên và nhồi cái vòi nước tưới cây vào. Trong khi cái thùng được làm đầy,

tôi giúp Luke đứng bằng một chân và đưa cái chân bị bỏng đã được bọc trong cái túi giấy bóng vào thùng. Không khí buổi trưa ngọt ngào; nước sẽ nhanh chóng ấm lên; tôi ném một túi đá vào đó.

Không mất nhiều thời gian – hai mươi phút, có lẽ là ba mươi – Luke dường như đã bình tĩnh trở lại và có thể tự đứng được. Sau đó Richard từ dưới hầm đi lên. Cái thùng rác ở giữa bãi cỏ, cạnh chỗ bóng râm gần nhất ba mét, mà mặt trời buổi trưa thì quá gay gắt. Chứa đầy nước, cái thùng ấy quá nặng nên chúng tôi đều thể chuyển nó ra chỗ khác, và Luke thì không chịu bỏ chân ra khỏi thùng, dù chỉ một phút. Tôi chạy đi lấy cái mũ rộng vành mà bà nội đã cho chúng tôi hồi ở Arizona. Răng của Luke vẫn va vào nhau cảm cập vậy nên tôi cũng mang ra một tấm chăn len. Và anh đứng đó, với chiếc mũ rộng vành trên đầu, chiếc chăn len quấn quanh vai, một chân để ở trong thùng rác. Anh trông vừa giống một người vô gia cư vừa giống một người đang đi nghỉ mát.

Mặt trời làm nước trong thùng ấm lên; Luke bắt đầu cựa quậy một cách khó chịu. Tôi quay trở lại chỗ tủ trữ đông, nhưng không còn đá nữa, chỉ còn hơn chục túi rau để trong ngăn đông, vậy nên tôi trút những cái túi đó vào thùng. Kết quả là một món súp đục ngầu với vài mẫu đậu và cà rốt.

Một lúc sau, tôi không thể nói chính xác là bao lâu, bố về nhà, trông có vẻ hốc hác và thất vọng. Luke đã bình tĩnh lại, và đang nghỉ, hoặc gần như đang nghỉ như anh có thể trong tư thế đứng. Bố đẩy thùng rác vào chỗ có bóng râm, bởi vì, dù đã đội mũ, hai tay Luke vẫn đỏ ửng lên vì cháy nắng. Bố nói tốt nhất nên để yên cái chân như thế cho tới khi mẹ về.

Khoảng sáu giờ xe của mẹ xuất hiện trên đường cao tốc. Tôi đón mẹ ở giữa đường lên đồi và kể cho mẹ nghe chuyện đã xảy ra. Mẹ vội chạy đến với Luke và nói mẹ cần xem cái chân, Vậy nên anh nhấc cái chân đang nhỏ nước rùng rùng ra khỏi thùng. Cái túi bóng dính vào vết thương. Mẹ không muốn làm rách những mô cơ dễ tổn thương của anh, nên mẹ thận trọng cắt cái túi giấy bóng ấy, cho tới khi chân anh lộ ra. Có rất ít máu và thậm chí có ít chỗ bỏng rộp hơn, bởi vì cả hai cái đó đều cần da mà Luke thì chẳng còn nhiều da. Mặt mẹ chuyển sang vàng tái,

nhưng mẹ bình tĩnh. Mẹ nhắm mắt lại, vắt chéo ngón tay, sau đó hỏi to liệu vết thương có bị nhiễm trùng không. *Tách tách tách.*

“Lần này con may đấy, Tara,” mẹ nói, “Nhưng con nghĩ gì mà lại cho cái chân bị bỏng của anh con vào thùng rác hả?” Bố đưa Luke vào trong nhà và mẹ đi lấy con dao mổ của mẹ. Bố mẹ phải mất gần như cả buổi tối để cắt bỏ những chỗ thịt không còn sự sống ở chân Luke. Luke cố không hét lên, nhưng khi họ nâng và kéo căng những mảng da của anh lên cố xem chỗ thịt chết kết thúc ở đâu và đâu là điểm bắt đầu có máu nuôi, anh trút ra những tiếng nức nở và những giọt lệ ứa ra từ mắt anh. Mẹ băng chân anh trong lớp thảo dược chế từ cây thảo bản địa vàng và thuốc mỡ chế từ cây liên mộc, bài thuốc của mẹ.

Mẹ giỏi điều trị các vết bỏng – đó là chuyên môn của mẹ – nhưng tôi có thể thấy mẹ lo lắng. Mẹ nói mẹ chưa từng thấy vết bỏng nào tệ như vết bỏng của Luke. Mẹ không biết chuyện gì sẽ xảy ra.

Đêm đầu tiên đó mẹ và tôi túc trực bên giường của Luke. Anh hầu như không ngủ, anh mê sảng vì sốt và đau. Để giảm sốt cho anh chúng tôi chườm đá lên trán và ngực anh; chúng tôi cho anh dùng thảo dược lobelia, cỏ đuôi ngựa xanh và bán chi liên. Đây là một bài thuốc khác của mẹ. Tôi đã dùng bài thuốc đó khi tôi bị ngã khỏi thùng phế liệu, để giảm đau ở chân trong khi đợi vết thương liền miệng, nhưng tôi gần như có thể nói nó chẳng có tác dụng gì.

Tôi đã tin các loại thuốc ở bệnh viện là thứ kinh tởm đối với Chúa, nhưng nếu đêm hôm đó tôi có morphine thì tôi đã cho Luke dùng. Đau đớn đã cướp đoạt hơi thở của anh. Anh nằm kê cao đầu trên giường, những giọt mồ hôi từ trên trán lăn xuống ngực anh, nín thở cho tới khi mặt anh đỏ ửng, rồi tím tái, như thể tước oxy của não là cách duy nhất anh có thể làm để sống đến phút tiếp theo. Khi cái đau trong phổi anh át cả cái đau từ vết bỏng, anh bật ra một tiếng kêu rõ to – một tiếng kêu nhằm giải phóng buồng phổi và cảm giác đau đớn ở chân anh.

Đêm thứ hai, một mình tôi chăm sóc anh để mẹ có thể nghỉ ngơi. Tôi ngủ lơ mơ, choàng tỉnh trước tiếng rên đầu tiên, trước cái cựa quậy nhẹ nhất, để tôi có

thể lấy đá chườm và thảo dược trước khi Luke trở nên tỉnh hẳn và bị đau đớn hành hạ. Trong đêm thứ ba mẹ trông anh và tôi đứng ở cửa, nghe tiếng thở hổn hển của anh, nhìn mẹ theo dõi anh, nhìn khuôn mặt hóp vào, đôi mắt căng ra vì lo lắng và kiệt sức của mẹ.

Khi tôi ngủ, tôi mơ. Tôi mơ về ngọn lửa mà tôi không nhìn thấy. Tôi mơ chính tôi nằm trên cái giường đó, người tôi được quấn trong những lớp băng lỏng, khô héo như xác ướp. Mẹ quỳ trên sàn bên cạnh tôi, ấn tay lên bàn tay bó bột của tôi theo cái cách mẹ đã làm với Luke, vỗ nhẹ lên trán tôi và cầu nguyện.

Chủ nhật đó Luke không đi lễ nhà thờ, Chủ nhật sau đó, sau đó nữa cũng vậy. Bố bảo chúng tôi nói với mọi người rằng Luke bị ốm. Bố nói sẽ có rầy rà nếu Chính phủ phát hiện ra chuyện về cái chân của Luke, rằng người của Liên bang sẽ bắt cả lũ chúng tôi đi. Rằng họ sẽ tống Luke vào một bệnh viện, nơi chân của anh sẽ bị nhiễm trùng và anh sẽ chết.

Khoảng ba tuần sau vụ cháy, mẹ thông báo rằng vết bỏng của anh bắt đầu lên da non, và rằng mẹ có hy vọng cho thậm chí cả những chỗ bị tổn thương nặng nề nhất. Cho đến khi Luke ngồi dậy, và một tuần sau, khi đợt lạnh đầu tiên tràn tới, anh đã có thể đứng được một hoặc hai phút trên đôi nạng. Không lâu sau, anh chống nạng đi quanh nhà, gầy như quả đậu, ăn như thường luồng để bù lại trọng lượng mà anh đã mất. Cho đến lúc đó cái dây quần trở thành truyền thuyết của gia đình.

“Một người đàn ông thì phải có một cái thắt lưng tử tế chứ,” hôm Luke đủ khỏe để trở lại bãi phế liệu, bố nói và đưa cho anh một chiếc thắt lưng da có khóa thép.

“Luke thì không,” Richard nói. “Luke thích dây quần bện hơn, bố biết anh ấy sành điệu như thế nào mà.”

Luke cười ngoác miệng. “Đẹp là tất cả,” anh nói.

Trong mười tám năm tôi chưa bao giờ nghĩ về ngày hôm đó, theo bất cứ lối dò xét nào. Vài lần dòng hồi tưởng đưa tôi trở lại cái buổi trưa nóng như thiêu

đốt ấy, và điều đầu tiên tôi nhớ đến là cái dây quần. *Luke*, tôi nghĩ. *Anh gan lì như chó hoang. Em tự hỏi liệu bây giờ anh có còn mang dây quần như thế không?*

Bây giờ, ở tuổi hai mươi chín, tôi ngồi viết, mừng tượng vụ tai nạn đó từ những tiếng kêu gào vọng lại của một ký ức mệt mỏi. Tôi cào bới nó. Đến đoạn cuối tôi dừng lại. Có điều gì đó không ổn, một bóng ma trong câu chuyện này.

Tôi đã đọc nó. Rồi tôi đọc lại lần nữa. Và nó ở đó.

Ai đã dập lửa?

Một giọng nói âm ỉ kéo dài vang lên, bố đã làm điều đó.

Nhưng khi tôi phát hiện ra *Luke*, anh ấy chỉ có một mình. Nếu bố ở cùng *Luke* trên núi thì bố đã đưa anh ấy về nhà, sẽ xử lý vết bỏng cho anh ấy. Bố mãi làm việc ở chỗ nào đó, đó là lý do tại sao *Luke* tự xoay xở để xuống núi. Tại sao chân anh lại được một đứa trẻ mười tuổi sơ cứu. Tại sao kết cục việc sơ cứu lại diễn ra trong một thùng rác.

Tôi quyết định hỏi *Richard*. Anh nhiều tuổi hơn tôi, và có trí nhớ tốt hơn. Và lại, gần đây tôi nghe nói *Luke* không dùng điện thoại nữa.

Tôi gọi điện. Điều đầu tiên *Richard* nhớ là cái dây quần, có sao nói vậy, anh nhắc đến “cái dây sợi xe.” Sau đó anh nhớ đến chi tiết xăng bị đổ. Tôi hỏi làm thế nào *Luke* có thể dập lửa và tự mình xuống núi, khi mà thực tế cho thấy anh bị sốc khi tôi phát hiện ra anh. *Richard* nói dứt khoát rằng bố đã ở bên cạnh *Luke*.

Đúng vậy.

Vậy thì tại sao khi đó bố không có mặt ở nhà?

Richard nói, bởi vì *Luke* đã chạy qua đám cỏ lúa mì và khiến núi bị cháy. Tôi nhớ mùa hè đó. Khô hạn, nóng như thiêu đốt. Bạn không được châm ngòi cho những vụ cháy rừng ở vùng nông trang trong một mùa hè khô hạn. Vậy nên bố đưa *Luke* lên xe tải và bảo anh lái xe về nhà, về với mẹ. Chỉ có điều mẹ đi vắng.

Đúng.

Tôi nghĩ về chuyện ấy trong vài ngày, sau đó ngồi viết ra. Lúc đầu bố ở đó – bố với những câu bông đùa về đám người xã hội chủ nghĩa, về lũ chó và cái mái

che giúp cho những người theo chủ nghĩa tự do khỏi chết đuối. Sau đó bố và Luke trở lại núi, mẹ lái xe đi, còn tôi chất bát đĩa bẩn vào bồn rửa. Tôi viết lại một lần nữa. Lần thứ ba tôi cảm thấy chuyện xảy ra như thế này.

Ở trên núi có chuyện gì đó đang xảy ra. Tôi chỉ có thể mừng tượng ra nó nhưng tôi có thể nhìn thấy nó rõ ràng, rõ hơn, nếu nó là một ký ức. Những chiếc ô tô được chất đống, nằm đợi bình xăng của chúng bị chọc thủng và rút hết nhiên liệu. Bố phẩy tay trước cả một đống xe và nói, “Luke, cắt những cái bình xăng này ra, được chứ?” Và Luke nói, “Được, bố.” Anh nhét cái đèn hàn cắt vào cặp quần và vô tình làm nó đánh lửa. Lửa bùng lên từ chỗ nào đó và bèn vào anh. Anh kêu lên, sờ soạng tìm dây buộc cặp quần, rồi lại kêu lên, và bỏ chạy qua đám cỏ lúa mì.

Bố đuổi theo anh, bắt anh phải đứng yên. Có thể đó là lần đầu tiên trong suốt cuộc đời mình Luke không làm những gì mà bố bảo anh phải làm. Luke nhanh như cắt nhưng bố thông minh. Bố chạy theo đường tắt qua cả núi xe và chặn đầu Luke, đánh anh ngã xuống đất.

Tôi không thể hình dung ra những gì xảy ra tiếp theo, bởi vì không ai kể cho tôi biết bố đã dập lửa ở chân Luke như thế nào. Sau đó một ký ức hiện lên trong đầu tôi – về bố, đêm hôm đó ở trong bếp, nhắm mắt khi mẹ bôi thuốc mỡ vô tội vạ lên hai bàn tay đỏ ửng và bóng rộp của bố – và tôi biết chắc bố đã làm gì.

Luke không bị lửa đốt nữa.

Tôi cố mừng tượng ra khoảnh khắc quyết định ấy. Bố nhìn đám cỏ lúa mì, đang cháy rất nhanh, khát lửa trong cái nóng thiêu đốt ấy. Bố nhìn con trai mình. Bố nghĩ nếu bố có thể không chế những ngọn lửa khi chúng còn nhỏ, thì bố có thể ngăn được đám cháy lan rộng, có thể cứu được ngôi nhà của chúng tôi. Luke dường như tỉnh táo. Não của anh chưa kịp hiểu điều gì đã xảy ra; cơn đau chưa bắt đầu. *Chúa sẽ đáp ứng*, tôi mừng tượng bố nghĩ vậy. *Chúa để thằng bé tỉnh táo*. Tôi mừng tượng bố cầu nguyện thành lời, đôi mắt bố hướng lên trời, khi bố mang con trai mình tới chiếc xe tải và đặt anh vào ghế lái. Bố vào số một, và chiếc xe bắt đầu lăn bánh. Bây giờ nó sẽ chạy nhờ may mắn và Luke sẽ cầm lái.

Bố nhảy ra khỏi chiếc xe đang chuyển động, ngã xuống đất đánh *uỵch* và lăn ra xa, sau đó chạy trở lại phía những đám cỏ đang cháy lan. Bố cầu nguyện, *Chúa sẽ đáp ứng*, rồi bố cởi áo và bắt đầu dập lửa[⊕].

Chương 8

Những Á Điểm Tí Hon

TÔI MUỐN THOÁT KHỎI CÁI BÃI PHÉ LIỆU ẤY và chỉ có một cách duy nhất, đó là cách mà Audrey đã làm: kiếm việc để tôi không có mặt ở nhà khi bố tập trung đội lao động của bố. Vấn đề là tôi mới mười một tuổi.

Tôi đạp xe một dặm tới khu trung tâm bụi bặm của làng. Chẳng có nhiều thứ ở đó, chỉ có một nhà thờ, một bưu điện, và một trạm xăng được gọi là “Cây xăng của Papa Jay”. Tôi đi vào bưu điện. Đằng sau bàn lễ tân là một phụ nữ luống tuổi mà tôi biết có tên là Myrna Moyle, bởi vì Myrna và ông Jay (Papa Jay), chồng bà sở hữu trạm xăng kia. Bố nói họ đứng đằng sau quy định giới hạn sở hữu chó xuống còn hai con trong mỗi gia đình. Họ cũng đề xuất những quy định khác, và bây giờ mỗi Chủ nhật hề bố đi nhà thờ về là lại nói oang oang về Myrna và Jay Moyle, rằng họ đã từ Monterey hoặc Seattle hoặc bất cứ nơi đâu tới như thế nào, và họ nghĩ có thể áp đặt chủ nghĩa xã hội của vùng duyên hải miền tây lên những người dân tử tế của Idaho ra sao.

Tôi hỏi Myrna liệu tôi có thể viết một mẫu quảng cáo lên bảng thông báo được không. Bà hỏi tôi quảng cáo cho cái gì. Tôi nói tôi hy vọng có thể tìm được việc trông trẻ.

“Khi nào cháu có thể bắt đầu làm việc?” Bà hỏi.

“Bất cứ khi nào, mọi lúc ạ.”

“Cháu muốn nói là sau giờ tan trường ư?”

“Cháu muốn nói là mọi lúc ạ.”

Myrna nhìn tôi, hơi hếch đầu lên. “Con gái tôi, Mary, cần người trông đứa con út của nó. Tôi sẽ hỏi Mary xem sao.”

Mary dạy điều dưỡng tại cái trường mà bố tôi nói là tẩy não con người ta hết mức có thể để làm việc cho cả các cơ sở y tế và Chính phủ. Tôi đã nghĩ có lẽ bố sẽ không để tôi làm việc cho cô ấy, nhưng bố cho phép, và tôi mau chóng bắt đầu việc trông con gái của Mary vào các ngày thứ Hai, thứ Tư, và sáng thứ Sáu. Sau

đó Mary có một người bạn, cô Eve, cần người trông ba đứa con của cô vào các ngày thứ Ba và thứ Năm.

Cách đó một dặm, ở ngoài đường lớn, một người đàn ông tên là Randy có cơ sở kinh doanh tại nhà, bán hạt điều, hạnh nhân và mắc-ca. Ông ghé qua bưu điện vào một buổi trưa và than phiền với Myrna ông mệt như thế nào khi phải tự mình đóng gói hàng, rằng ông ước có thể thuê vài đứa trẻ nhưng tất cả trẻ con đều chơi bóng đá hoặc tham gia ban nhạc.

“Có ít nhất một đứa trong thị trấn này không bận với những thứ đó,” Myrna nói. “Và tôi nghĩ con bé thực sự nhiệt tình đấy.” Bà chỉ vào mẫu quảng cáo tìm việc của tôi, và chẳng bao lâu sau tôi trông trẻ từ trưa thứ Hai đến thứ Sáu, sau đó đến cửa hàng của Randy gói hạt điều cho đến bữa tối. Tôi được trả không nhiều, nhưng trước đó tôi chưa từng được trả công lao động, vậy nên tôi cảm thấy đó là một số tiền khá khá.

Ở nhà thờ mọi người nói rằng Mary có thể chơi dương cầm rất hay. Họ dùng từ “chuyên nghiệp.” Tôi không biết như thế có nghĩa là gì cho đến một ngày Chủ nhật khi Mary chơi một bản nhạc dương cầm cho giáo đoàn nghe. Âm nhạc khiến tôi ngừng thở. Tôi đã nghe dương cầm đệm cho các bản thánh ca không biết bao lần, nhưng khi Mary chơi đàn, âm thanh mà cô tạo ra không giống tiếng va chạm lộn xộn của kim loại chút nào. Nó mượt mà, tuôn chảy, nó là không khí. Phút trước nó là đá, phút sau là gió.

Ngày hôm sau, khi Mary từ trường trở về, tôi hỏi cô liệu thay vì trả tiền công trông trẻ cho tôi, cô có thể dạy đàn cho tôi được không. Chúng tôi ngồi trên băng ghế và cô dạy tôi một số bài luyện ngón. Sau đó cô hỏi ngoài dương cầm thì tôi học gì. Bố đã nói với tôi những gì cần phải nói khi người ta hỏi về chuyện học hành của chúng tôi. “Cháu học hằng ngày,” tôi nói.

“Cháu có gặp những đứa trẻ khác không?” Cô hỏi. “Cháu có bạn không?”

“Có ạ,” tôi nói. Mary quay lại với bài học. Khi chúng tôi kết thúc bài học và tôi chuẩn bị rời khỏi nhà cô, cô nói, “Em gái tôi, Caroline, dạy múa vào các tối

thứ Tư ở phía sau trạm xăng của Papa Jay. Có nhiều bé gái ở tuổi cháu học đây. Cháu có thể tham gia.”

Thứ Tư tuần đó, tôi rời cửa hàng của Randy sớm và đạp xe tới trạm xăng. Tôi mặc quần bò và một chiếc áo phông màu xám rộng thùng thình, đi đôi giày ống mũi thép; những đứa con gái khác mặc áo nịt đen và váy voan mỏng nhẹ, óng ánh, mặc quần tất màu trắng, đi giày ba lê màu hồng nhạt nhỏ xíu. Caroline trẻ hơn Mary. Cách trang điểm của cô không chệch vào đâu được và đôi khuyên tai bằng vàng của cô lóe sáng qua những lọn tóc quăn màu hạt dẻ.

Cô xếp chúng tôi thành các hàng, sau đó dạy chúng tôi những động tác đơn giản. Một bài hát vang lên từ chiếc máy nghe nhạc để ở góc phòng. Tôi chưa bao giờ nghe bài hát đó nhưng những đứa con gái khác đều biết nó. Tôi nhìn hình ảnh phản chiếu của chúng tôi trong gương, nhìn mười hai đứa con gái, mỡ màng và rạn rở, những cái bóng màu đen, trắng và hồng xoay tròn. Sau đó tôi nhìn mình, to bè bè và xám xịt.

Khi bài học kết thúc, cô Caroline bảo tôi hãy mua áo nịt và giày múa.

“Cháu không thể,” tôi nói.

“Ồ.” Trông cô không được thoải mái cho lắm. “Có lẽ bạn gái nào đó có thể cho cháu mượn một bộ.”

Cô không hiểu. Cô nghĩ tôi không có tiền. “Vấn đề là những thứ đó không đứng đắn,” tôi nói. Cô há hốc miệng vì ngạc nhiên. Tôi nghĩ, *Những người mang họ Moyle gốc California này thật là.*

“Hừm, cháu không thể đi giày ống mà múa được,” cô nói. “Tôi sẽ nói chuyện với mẹ cháu.”

Vài ngày sau, mẹ lái xe bốn mươi dặm đưa tôi tới một cửa hàng nhỏ có những giá bày hàng xếp đầy những đôi giày đẹp và những bộ trang phục lạ mắt được làm từ sợi dệt. Chẳng bộ nào trông đứng đắn cả. Mẹ đi thẳng tới quầy và nói với người bán hàng rằng chúng tôi cần một chiếc áo nịt màu đen, quần tất trắng và một đôi giày khiêu vũ.

“Hãy giữ những thứ này trong phòng của con,” mẹ nói khi chúng tôi rời cửa hàng. Mẹ không cần phải nói bất cứ điều gì khác. Tôi đã hiểu rằng tôi không nên để bố nhìn thấy chiếc áo nịt.

Thứ Tư đó tôi mặc áo nịt và quần tất và mặc chiếc áo phông màu xám ra ngoài. Chiếc áo phông dài gần đến đầu gối, nhưng tôi vẫn cảm thấy ngượng khi thấy mình để lộ chân nhiều như vậy. Bố nói một người phụ nữ đứng đắn không để lộ bất cứ gì ở phía trên mắt cá chân.

Những đứa con gái khác hiếm khi nói chuyện với tôi, nhưng tôi thích ở đó với bọn chúng. Tôi thích cảm giác hòa đồng. Học múa cũng giống như học để thuộc về một nơi nào đó. Tôi có thể ghi nhớ các động tác và, như vậy, đọc được suy nghĩ của chúng, lướt về phía trước khi chúng lướt, giơ tay lên cao cùng nhịp với chúng, Thỉnh thoảng, khi tôi liếc nhìn vào gương, thấy một đám lộn xộn gồm những cái bóng xoay tròn của chúng tôi, tôi không thể ngay lập tức nhận ra chính mình trong đám đông. Tôi đang mặc một chiếc áo phông màu xám – một con ngỗng giữa bầy thiên nga – điều đó chẳng quan trọng. Chúng tôi chuyển động cùng nhau, là một đàn.

Chúng tôi bắt đầu tập cho buổi biểu diễn vào Giáng sinh, và cô Caroline gọi điện cho mẹ tôi để bàn về trang phục. “Váy cần phải dài bao nhiêu?” Mẹ hỏi. “Mỏng ư? Không, như vậy không được đâu.” Tôi nghe thấy cô Caroline nói điều gì đó về trang phục mà những đứa con gái khác trong lớp muốn mặc. “Tara không thể mặc thứ đó,” mẹ nói. “Nếu đó là thứ những đứa con gái khác sẽ mặc thì con bé sẽ ở nhà.”

Vào ngày thứ Tư sau khi cô Caroline gọi điện cho mẹ tôi, tôi tới trạm xăng của Papa Jay sớm hơn vài phút. Lớp múa dành cho những đứa con gái nhỏ tuổi hơn vừa mới kết thúc, và căn phòng đầy những đứa trẻ sáu tuổi, nhảy cẫng về phía mẹ chúng trong những chiếc mũ nhung đỏ lấp lánh được gắn đồ trang trí hình đồng xu màu đỏ đậm. Tôi nhìn chúng lắc người và nhảy nhót trên lối đi, những đôi chân mảnh khảnh được phủ bởi lớp tất mỏng bó chặt. Tôi nghĩ chúng trông như những ả điểm tí hon.

Những đứa con gái còn lại của lớp tôi đã đến. Khi chúng nhìn thấy bọn nhỏ hơn có trang phục mới, chúng chạy ào vào phòng tập xem cô Caroline có gì cho *chúng*. Cô Caroline đang đứng cạnh một cái hộp bằng bìa cứng chứa đầy những chiếc áo ni chui đầu màu xám rộng thùng thình. Cô bắt đầu phát áo. “Trang phục của các em đây!” cô nói. Lũ con gái giơ những chiếc áo ni của chúng lên, nhướn mày, không thể tin nổi. Chúng đã hy vọng được mặc trang phục mỏng nhẹ bằng sợi the hoặc được cài ruy-băng, ai ngờ lại là áo ni của hãng Fruit of the Loom. Cô Caroline đã cố làm cho những chiếc áo ni chui đầu đó trông hấp dẫn hơn bằng cách may đắp hình ông già tuyết rõ to với nhũ viền xung quanh ở đằng trước, nhưng điều này chỉ càng làm cho mặt vải bông xám xịt dường như trở nên bẩn thỉu hơn.

Mẹ tôi không nói với bố về buổi diễn đó, và tôi cũng không. Tôi không mời bố đến xem. Một bản năng trời dậy trong tôi, một dạng trực giác có được nhờ trải nghiệm mà có. Vào ngày biểu diễn, mẹ nói với bố rằng tối hôm đó tôi có *việc*. Bố đặt ra một loạt câu hỏi khiến mẹ ngạc nhiên, và sau vài phút mẹ thú nhận rằng việc đó là biểu diễn múa. Bố nhăn mặt khi mẹ nói với bố rằng tôi đã học múa tại lớp học của cô Caroline Moyle, và tôi cứ nghĩ bố sẽ lại bắt đầu lên lớp về chủ nghĩa xã hội ở California, nhưng bố không nói. Thay vì thế bố lấy áo khoác và ba chúng tôi bước ra xe.

Buổi biểu diễn ấy được tổ chức tại nhà thờ. Tất cả mọi người đều có mặt ở đó, với những chiếc máy ảnh lóe sáng và những chiếc máy ghi hình công kênh. Tôi thay trang phục trong chính căn phòng mà tôi học giáo lý vào ngày Chủ nhật.

Những đứa con gái khác tán chuyện rôm rả; tôi mặc chiếc áo ni chui đầu vào, cố gắng kéo giãn nó về phía dưới thêm vài phân. Khi chúng tôi xếp hàng để ra sân khấu, tôi vẫn cố làm thế.

Âm nhạc từ một chiếc loa vang lên và chúng tôi bắt đầu múa, chân chúng tôi giậm theo thứ tự lần lượt. Tiếp theo chúng tôi phải nhảy, nhảy lên cao và xoay tròn. Chân tôi vẫn như chôn trên mặt đất. Thay vì đưa tay lên qua đầu, tôi chỉ nhấc tay lên ngang vai. Khi những đứa con gái khác cúi người để chạm sàn sân

khẩu bằng lòng bàn tay, tôi chỉ nghiêng người; khi chúng tôi chuẩn bị nhào lộn, tôi lắc lư, không chịu cho phép lực hấp dẫn làm phần việc của nó, không cho phép chiếc áo nỉ bị kéo lên cao hơn trên đùi mình.

Tiếng nhạc ngừng. Những đứa con gái trong đội nhìn tôi trừng trừng khi chúng tôi rời sân khấu – tôi đã làm hỏng tiết mục biểu diễn – nhưng tôi hầu như không nhìn thấy các bạn diễn của mình, Chỉ một người duy nhất trong phòng mà tôi cảm thấy là có thật, và đó là bố tôi. Tôi tìm kiếm trong đám khán giả và dễ dàng nhận ra bố. Bố đứng ở phía cuối phòng, những ngọn đèn sân khấu sáng lung linh qua đôi kính mắt vuông của bố. Vẻ mặt của bố bất động, dửng dưng, nhưng tôi có thể thấy cơn tức giận trong đó.

Đường về nhà dài chỉ một dặm mà tôi có cảm giác nó dài cả trăm dặm. Tôi ngồi ở ghế sau, nghe bố la lối. Sao mẹ có thể để tôi mắc tội lỗi một cách công khai như thế? Tại sao mẹ giấu bố về buổi biểu diễn này? Mẹ nghe bố la lối một lát, cắn môi, sau đó giơ hai tay lên trời và nói rằng mẹ không biết trang phục biểu diễn lại thiếu đúng đến mức ấy. “Em giận cái cô Caroline Moyle đó quá!” mẹ nói.

Tôi rướn người về phía trước để có thể nhìn mặt mẹ, muốn mẹ nhìn tôi, để thấy câu hỏi mà tôi ngầm hỏi mẹ, bởi vì tôi không hiểu, không hiểu chút nào. Tôi biết mẹ không giận cô Caroline, bởi vì tôi biết những ngày trước đó mẹ đã nhìn thấy cái áo nỉ chui đầu đó rồi. Mẹ thậm chí đã gọi điện cho cô Caroline, cảm ơn cô vì đã chọn một bộ trang phục mà tôi có thể mặc. Mẹ quay mặt ra cửa sổ.

Tôi nhìn trân trân những đám tóc màu muối tiêu sau gáy của bố. Bố ngồi im lặng, lắng nghe mẹ tiếp tục nhục mạ cô Caroline, nói rằng những trang phục đó gây sốc và phản cảm như thế nào. Bố gật đầu khi chúng tôi rẽ vào đường đỗ xe trước nhà đang bị đóng băng, trở nên bớt giận dữ sau từng lời mẹ nói.

Thời gian còn lại của buổi tối hôm đó được dành cho bài lên lớp của bố. Bố nói, giống như trường công, lớp học của cô Caroline là một trong những mảnh khốe lừa gạt của Quỷ Satan. Bởi vì nó nhận là cái này, nhưng thực chất lại là cái khác. Nó nhận là dạy múa, nhưng thay vì thế nó dạy thói thiếu đúng đắn, chung

chạ bừa bãi. Bố nói quỷ Satan xảo quyệt lắm. Bằng cách gọi đó là “múa,” quỷ đã làm cho những người Mặc Môn tử tế chấp nhận cảnh con gái họ nhảy nhót như những con đỉm trong ngôi nhà của Chúa. Điều đó khiến bố bực mình hơn bất cứ điều gì khác: một tiết mục biểu diễn dâm dật như thế mà lại diễn ra ở một nhà thờ.

Sau khi bố đã mệt lử và đi ngủ, tôi chui vào chăn và nhìn đăm đăm vào bóng tối. Có tiếng gõ cửa phòng. Đó là mẹ. “Đáng lẽ mẹ phải biết nhiều hơn,” mẹ nói. “Đáng lẽ mẹ phải thấy rằng cái lớp đó thực chất có mục đích gì.”

Sau buổi biểu diễn đó mẹ chắc hẳn cảm thấy có lỗi, bởi vì những tuần sau đó mẹ tìm kiếm thứ gì đó khác mà tôi có thể làm, thứ gì đó mà bố sẽ không cấm. Mẹ để ý thấy tôi dành nhiều giờ ở trong phòng với cái máy nghe nhạc của Tyler, nghe dàn đồng ca Mặc Môn Tabernacle hát, vậy nên mẹ bắt đầu tìm một giáo viên dạy hát. Mất vài tuần mẹ mới tìm được một người, và thêm vài tuần nữa để thuyết phục người đó nhận dạy tôi. Học hát đắt hơn học múa, nhưng mẹ dùng tiền bán tinh dầu để trả.

Cô giáo dạy hát của tôi là một người cao ráo và gầy gò, có những cái móng tay dài kêu tanh tách khi chúng lướt trên phím dương cầm. Cô bắt tôi đứng thẳng người bằng cách giật đám tóc phía sau gáy tôi cho tới khi tôi rụt cằm lại, sau đó cô bắt tôi nằm thẳng đặng trên sàn nhà và giẫm lên bụng tôi để làm thẳng cơ hoành của tôi. Cô bị ám ảnh bởi sự cân bằng và thường phát vào đầu gối tôi để nhắc tôi đứng thẳng thớm, hiên ngang, chiếm lĩnh không gian của riêng mình.

Sau vài bài học, cô thông báo rằng tôi đã sẵn sàng hát ở nhà thờ, Cô nói việc đó được sắp xếp rồi. Tôi sẽ hát một bài thánh ca trước giáo đoàn vào Chủ nhật đó.

Những ngày ấy trôi qua nhanh, như những ngày bạn khiếp sợ điều gì đó. Buổi sáng Chủ nhật ấy, tôi đứng tại bục giảng Kinh, nhìn đăm đăm vào mặt những người ở bên dưới. Có Myrna và Papa Jay, và phía sau họ là Mary và

Caroline. Họ trông có vẻ rất tiếc cho tôi, như thể họ nghĩ tôi có thể sẽ tự làm bản thân bẽ mặt, Mẹ chơi dương cầm đoạn mở đầu. Nhạc tạm dừng; đã đến lúc hát.

Lúc đó tôi có thể đã có nhiều ý nghĩ khác nhau. Tôi có thể đã nghĩ về cô giáo của tôi và các kỹ thuật của cô – thể đứng vững chãi, thẳng thớm, hàm thả lỏng. Thay vì thế tôi nghĩ về Tyler, và về cảnh tôi nằm trên thảm bên cạnh bàn của anh, nhìn đắm đắm đôi chân đi tất len của anh trong khi dàn đồng ca Tabernacle Mặc Môn hát ngân nga và láy rền. Anh đã làm cho đầu tôi tràn ngập những giọng hát ấy, điều mà, đối với tôi, đẹp đẽ hơn bất cứ thứ gì trừ đỉnh núi Buck.

Những ngón tay của mẹ lơ lửng trên phím đàn. Quãng dừng đó mới kì quặc làm sao; giáo đoàn cựa quậy một cách khó chịu. Tôi nghĩ về những giọng hát, những mâu thuẫn lạ lùng của chúng – lúc thì chúng tạo ra âm thanh bay bổng trong không trung, âm thanh mượt mà như một làn gió ấm, lúc thì âm thanh lại thật thánh thót, thật sắc. Tôi tìm những giọng hát đó, tìm kiếm chúng trong đầu tôi – và chúng ở đó. Tôi cảm thấy không gì tự nhiên đến vậy; cứ như thể tôi đang *nghĩ* về âm thanh, và bằng cách nghĩ, tôi làm cho nó tồn tại. Nhưng trước đó hiện thực chưa bao giờ chịu nhường những ý nghĩ của tôi.

Bài thánh ca kết thúc và tôi trở về chỗ ngồi. Mọi người cầu nguyện để kết thúc buổi lễ, sau đó đám đông đổ xô đến chỗ tôi. Những người phụ nữ mặc váy hoa mỉm cười và siết chặt tay tôi, những người đàn ông mặc complet đen vỗ vai tôi, Người chỉ huy dàn đồng ca mời tôi tham gia dàn đồng ca, thầy dòng Davis mời tôi hát cho câu lạc bộ Rotary và giáo sĩ trưởng – vị trí tương đương với mục sư trong giáo phái Mặc Môn – nói ông muốn tôi hát bài thánh ca đó tại một đám tang. Tôi nhận lời tất cả.

Bố mỉm cười với mọi người, Không một người nào trong nhà thờ mà bố không gọi là dân ngoại – vì họ đi khám bác sĩ và vì họ bán các con mình cho trường công. Nhưng ngày hôm đó bố dường như quên cả chủ nghĩa xã hội ở California lẫn hội Illuminati. Bố đứng bên cạnh tôi, một tay đặt trên vai tôi, nhận những lời khen ngợi một cách hòa nhã. “Chúng ta thật có phước,” bố nói. “Thật có phước.” Papa Jay đi từ đầu kia của nhà nguyện, dừng lại trước hàng ghế của

chúng tôi. Ông nói tôi hát như một thiên sứ của Chúa. Bố tôi nhìn ông một lát, rồi mắt bố bắt đầu sáng long lanh, và bố bắt tay Papa Jay như thể họ là những người bạn cũ.

Tôi chưa bao giờ nhìn thấy mặt này của bố, nhưng sau đó tôi nhìn thấy nó nhiều lần – mỗi lần tôi hát. Bất kể bố đã làm việc ở bãi phế liệu lâu đến mức nào, bố chẳng bao giờ mệt với việc lái xe băng qua thung lũng để nghe tôi hát. Dù cảm nghĩ của bố đối với những người theo chủ nghĩa xã hội như Papa Jay gay gắt đến mức nào, những cảm nghĩ ấy chưa bao giờ gay gắt nếu những người đó khen ngợi tôi.

Bố sẽ gạt cuộc chiến quan trọng chống lại hội Illuminati sang một bên đủ lâu để nói, “Vâng, Chúa đã ban phước cho chúng ta, chúng ta thật có phước.” Cứ như thể khi tôi hát, trong chốc lát bố quên rằng thế giới là một nơi đáng sợ, rằng nó đã làm tôi hư hỏng, rằng tôi nên được giữ an toàn, ở nhà. Bố muốn giọng hát của tôi được mọi người lắng nghe.

Nhà hát trong thị trấn đang chuẩn bị cho vở kịch *Annie*, và cô giáo của tôi nói rằng nếu ông giám đốc nghe tôi hát thì ông sẽ giao cho tôi đóng vai chính. Mẹ cảnh báo tôi chớ có tưởng bở. Mẹ nói chúng tôi không đủ tiền để lái xe mười hai dặm tới thị trấn bốn đêm mỗi tuần để tôi tập kịch, và dù chúng tôi có thể thì bố sẽ không bao giờ cho phép tôi dùng thời gian ở thị trấn một mình, với loại người nào ai mà biết được.

Dẫu vậy tôi vẫn tập các bài hát bởi vì tôi thích chúng. Một buổi tối, tôi đang ở trong phòng hát bài *Ngày mai mặt trời sẽ mọc* thì bố tôi về nhà ăn tối. Bố vừa yên lặng nhai bánh mì kẹp thịt vừa lắng nghe.

“Anh sẽ lo tiền,” đêm hôm đó khi bố mẹ tôi đi ngủ, bố nói với mẹ. “Em đưa con bé đi thử vai đi.”

Chương 9

Con Người Toàn Vẹn

MÙA HÈ TÔI HÁT VAI CHÍNH CHO VỢ ANNIE là mùa hè năm 1999. Bố tôi đã thật sự sẵn sàng cho Ngày Tận Thế. Kể từ khi tôi năm tuổi, và nhà Weaver bị vây hãm, chưa khi nào bố tin chắc Ngày Tận Thế sắp xảy đến với chúng tôi như thế.

Bố gọi đó là Y2K. Bố nói, vào ngày 1 tháng Một hệ thống máy tính trên toàn thế giới sẽ ngừng hoạt động. Sẽ không có điện lưới, không có điện thoại. Tất cả sẽ chìm trong hỗn loạn, và điều này sẽ đánh dấu sự tái sinh lần thứ hai của Chúa Jesus.

“Làm thế nào bố biết chính xác là ngày đó?” Tôi hỏi.

Bố nói rằng Chính phủ đã lập trình các máy tính với lịch sáu ký tự, và như thế có nghĩa là năm chỉ có hai ký tự. “Khi 99 trở thành 00,” bố nói, “thì các máy tính sẽ không biết năm đó là năm nào. Chúng sẽ tự động tắt.”

“Người ta không thể sửa lỗi đó được sao?”

“Không, không thể,” bố nói. “Con người tin vào sức mạnh của mình, mà thứ sức mạnh đó thì yếu ẹp.”

Ở nhà thờ, bố cảnh báo mọi người về Y2K. Bố khuyên Papa Jay mua những cái khóa thật chắc cho trạm xăng của ông, và có lẽ nên mua một số vũ khí để phòng vệ. “Trạm xăng đó sẽ là nơi đầu tiên bị cướp phá trong nạn đói,” bố nói. Bố nói với thầy dòng Mumford rằng mọi người đàn ông ngay thẳng đều nên có nguồn dự trữ lương thực, nhiên liệu, súng và vàng cho ít nhất mười năm. Thầy Mumford nghe nói vậy chỉ huýt sáo suông. “Không phải tất cả chúng tôi đều ngay thẳng như anh đâu, Gene,” ông nói. “Một sẽ người trong chúng tôi là những kẻ tội lỗi!” Không ai nghe bố hết. Họ xoay xở để tồn tại trong cái nắng hè.

Trong khi đó, gia đình tôi lược và lột vỏ đào, tách hạt mơ và chưng tảo thành si-rô. Mọi thứ đều được hầm kỹ, đóng nắp kín, dán nhãn, và cất trong một cái hầm ngoài cánh đồng. Lối vào hầm được ngụy trang bởi một gò đất nhỏ; bố dặn tôi không bao giờ được nói cho bất cứ ai biết cái hầm ấy ở đâu.

Một buổi trưa, bố leo lên máy xúc và đào một cái hố cạnh một chuồng nuôi gia súc cũ. Sau đó, sử dụng thiết bị bốc xếp, bố hạ một cái thùng phi một nghìn gallon xuống hố đó và lấp kín nó, cẩn thận trồng những cây tầm ma và mấy cây kê xuống lớp đất vừa mới được ném xuống đó để chúng mọc lên, che thùng phi đi. Vừa dùng xẻng xúc đất bố vừa huýt sáo giai điệu bài *Sao mà tuyệt thế* từ bộ phim ca nhạc *Chuyện ở phía Tây*. Mũ bố hếch về phía sau đầu, và nụ cười rạng rỡ nở trên môi bố. “Chúng ta sẽ là những người duy nhất có nhiên liệu khi Ngày Tận Thế đến,” bố nói. “Chúng ta sẽ lái xe khi tất cả những người khác phải tắt tả chạy bộ. Chúng ta thậm chí sẽ đến tận Utah, để đón Tyler.”

Tôi tập kịch vào hầu hết các buổi tối ở Nhà hát Opera Worm Creek, một nhà hát tồi tàn ở gần trạm đèn giao thông duy nhất của thị trấn. Kịch là một thể giới khác. Không ai nói về Y2K.

Mối tương tác giữa mọi người ở nhà hát Worm Creek không giống những gì tôi đã quen trong gia đình mình chút nào. Tất nhiên, tôi dùng thời gian với những người không phải là người thân của mình, nhưng họ giống chúng tôi: những phụ nữ đã thuê mẹ tôi đỡ đẻ cho những đứa con của họ, hoặc những người đến gặp mẹ để mua thảo dược bởi vì họ không tin vào Tây y. Tôi có một người bạn duy nhất tên là Jessica. Vài năm trước, bố đã thuyết phục bố mẹ của Jessica, chú Rob và cô Diane, rằng trường học chẳng qua là các chương trình tuyên truyền của Chính phủ, và từ đó họ không cho Jessica đến trường nữa. Trước khi bố mẹ kéo Jessica ra khỏi trường học, cô bé là một người thuộc *quân nó*, và tôi chưa bao giờ cố nói chuyện với Jessica; nhưng sau đó, Jessica trở thành người thuộc *quân ta*. Những đứa trẻ bình thường không chơi với nó và nó bị bỏ lại với tôi.

Tôi chưa bao giờ học cách nói chuyện với những người không giống chúng tôi – những người đến trường, đi khám bác sĩ. Những người hằng ngày cứ bình chân như vại, chẳng chuẩn bị gì cho Ngày Tận Thế. Worm Creek đầy những người như thế, những người có lời nói dường như được bóc ra từ một hiện thực khác. Lần đầu tiên giám đốc nhà hát nói chuyện với tôi, tôi có cảm giác như ông

đang nói từ một chiều khác của không gian. Tất cả những gì ông nói là, “Đi tìm FDR.” Tôi đứng yên không nhúc nhích.

Ông ấy cố nói lại. “Tổng thống Roosevelt. FDR[®].”

“Cái đó có giống JCB[®] không ạ?” Tôi hỏi. “Ông có cần một cái xe nâng không ạ?”

Mọi người cười ồ lên.

Tôi đã thuộc lòng tất cả lời thoại cho vai diễn, nhưng trong các buổi tập kịch tôi ngồi một mình, vờ như đang học lời thoại từ cuốn sổ bìa đen của mình. Khi đến lượt diễn thử, tôi đọc to lời thoại, không chút ngập ngừng. Điều đó khiến tôi cảm thấy tự tin. Nếu *tôi* không có gì để nói thì ít nhất *Annie* có.

Một tuần trước buổi diễn mở màn, mẹ nhuộm tóc tôi thành màu quả anh đào. Giám đốc nhà hát nói màu tóc ấy tuyệt, rằng tất cả những gì tôi cần bây giờ là lo xong phần trang phục cho mình trước buổi tổng duyệt vào thứ Bảy.

Trong tầng hầm nhà mình, tôi tìm thấy một chiếc áo len móc rộng thùng thình, bản lem nhem, thùng lỗ chỗ, và một chiếc váy màu xanh dương xấu xí, mà mẹ đã đem tẩy khiến nó chuyển thành màu nâu bạc théch. Chiếc váy cực kỳ hợp với một đứa trẻ mồ côi, và tôi nhẹ cả người vì việc tìm trang phục hóa ra lại dễ dàng như vậy, cho đến khi tôi nhớ rằng ở màn hai Annie mặc những bộ váy đẹp, mà bố Warbucks đã mua cho cô. Tôi chẳng có chiếc váy nào như thế.

Tôi nói với mẹ và mặt mẹ xị ra. Chúng tôi lái xe một trăm dặm cả đi cả về, lùng sục khắp mọi cửa hàng đồ cũ dọc đường đi, nhưng chẳng tìm được gì. Ngồi trong bãi đỗ xe của cửa hàng cuối cùng, mẹ măm môi, rồi nói, “Có một chỗ nữa chúng ta có thể thử tìm xem sao.”

Chúng tôi lái xe tới nhà dì Angie và đỗ xe trước hàng rào cọc nhọn màu trắng giống y như nhà bà ngoại tôi. Mẹ gõ cửa, sau đó đứng lùi lại vuốt tóc. Thấy mẹ con tôi, dì Angie ngạc nhiên – mẹ hiếm khi đến thăm em gái mẹ – nhưng dì nở nụ cười ấm áp và mời chúng tôi vào nhà. Phòng khách nhà dì nhắc tôi nhớ đến những sảnh khách sạn tuyệt đẹp trong các bộ phim, nhiều lụa và đăng-ten. Mẹ và tôi ngồi trên chiếc sofa được bọc bằng vải lụa xếp ly màu hồng nhạt trong khi

giải thích lý do chúng tôi đến nhà dì. Dì Angie nói con gái dì có vài bộ váy có thể dùng được.

Mẹ ngồi đợi trên chiếc sofa màu hồng trong khi dì Angie dẫn tôi lên gác, tới phòng của con gái dì và bày ra cả một ôm váy, cái nào cũng đẹp, có đăng ten hoa văn và đính nơ xinh xắn, đến nỗi thoát đầu tôi sợ không dám chạm vào chúng. Dì Angie giúp tôi thử từng chiếc một, thắt đai lưng, cài cúc, chỉnh những cái nơ. “Cháu nên lấy cái này,” dì nói, đưa cho tôi một chiếc váy màu lam sẫm có dây tết được bố trí dọc phần trên của váy. “Bà đã may phần trang trí này đây.” Tôi mượn chiếc váy đó cùng với một chiếc khác được may bằng vải nhung đỏ có viền cổ bằng ren trắng, và mẹ lái xe đưa tôi về nhà.

Một tuần sau vở kịch được công chiếu. Bố ngồi ở hàng ghế đầu. Khi vở kịch kết thúc, bố đi thẳng ra quầy vé mua vé cho đêm diễn tiếp theo. Đó là tất cả những gì bố nói đến vào Chủ nhật tuần đó ở nhà thờ. Không nói về đám bác sĩ, hội Illuminati, hay Y2K. Chỉ nói về vở nhạc kịch ở thị trấn, nơi con gái út của bố hát vai chính.

Bố không ngăn tôi đi thử vai cho vở kịch tiếp theo, hoặc vở sau đó nữa, dù bố lo lắng về việc tôi ở bên ngoài quá nhiều. “Chẳng thể biết được thứ động cốn nào diễn ra trong cái nhà hát đó.” Bố nói. “Có thể đó là sào huyệt của bọn đàn ông ngoại tình và lũ gian dân.”

Khi đạo diễn của vở kịch tiếp theo li dị, điều đó xác nhận mọi nghi ngờ của bố. Bố nói bố không bắt tôi tránh xa trường công trong từng ấy năm để rồi thấy tôi bị làm cho trở nên đòi bại trên một sân khấu. Sau đó bố đích thân lái xe đưa tôi đi tập kịch. Gần như tối nào bố cũng nói bố sẽ không cho tôi diễn kịch nữa, rằng một tối nào đó bố sẽ xuất hiện tại nhà hát Worm Creek và lôi tôi về nhà. Nhưng mỗi lần một vở kịch được diễn mở màn bố đều có mặt ở đó, tại hàng ghế đầu.

Thỉnh thoảng bố vào vai một người đại diện hoặc ông bầu, sửa lỗi kỹ thuật của tôi hoặc gợi ý các bài hát cho vốn tiết mục của tôi, thậm chí khuyên tôi giữ

gìn sức khỏe. Mùa đông năm đó tôi bị đau họng liên miên và không thể hát được, và một tối bố gọi tôi đến chỗ bố, bảo tôi há miệng để nhìn a-mi-đan của tôi.

“Y rằng, chúng sung lên đây này,” bố nói. “To như những quả mơ,” Khi mẹ không thể làm cho chỗ sung xẹp xuống bằng thảo dược chế từ cây cúc đại và hoa cúc vạn thọ, bố gợi ý phương thuốc của mình. “Mọi người không biết đâu, nhưng mặt trời là thứ thuốc hiệu nghiệm mà chúng ta có. Đó là lý do tại sao người ta không bị viêm họng vào mùa hè.” Bố gật gù, như thể ủng hộ lập luận của chính mình, rồi nói, “Nếu bố bị sung a-mi-đan như của con, thì sáng nào bố cũng đi ra ngoài và đứng trong ánh mặt trời và há miệng ra – để những tia nắng thấm vào đó trong khoảng nửa giờ. Những chỗ sung ấy sẽ nhanh chóng xẹp lép cho mà xem.”

Tôi làm thế trong một tháng trời.

Đứng với cái hàm trễ xuống còn đầu thì héch lên để mặt trời có thể chiếu vào họng thật chẳng thoải mái chút nào. Tôi chưa bao giờ đứng nổi nửa giờ đồng hồ. Sau mười phút hàm tôi đau, và người tôi gần như đông cứng khi đứng bất động như thế giữa mùa đông Idaho. Tôi tiếp tục bị đau họng, và hể bất cứ lúc nào thấy tôi rên rỉ một chút thì y như rằng bố lại nói, “Hừm, con mong gì nào? Cả tuần bố có thấy con chữa trị theo cách bố bảo đâu!”

Chính tại Nhà hát Opera Worm Creek tôi nhìn thấy cậu lần đầu: một cậu con trai mà tôi không quen biết, cười với một nhóm học sinh trường công, đi giày trắng to tướng, mặc quần soóc bằng vải khaki và cười ngoác miệng. Cậu không ở trong nhóm diễn kịch, không có gì nhiều để làm trong thị trấn, và tuần đó tôi nhìn thấy cậu thêm vài lần nữa khi cậu đến để chơi với các bạn của cậu. Sau đó một tối, đang đi vợ vẫn một mình trong cánh gà mờ tối phía sau sân khấu, tôi rẽ vào một góc và thấy cậu đang ngồi trên chiếc thùng thừa bằng gỗ và là chỗ tôi hay lui tới. Cái thùng thừa ấy nằm tách biệt – đó là lý do tôi thích nó.

Cậu nhích về bên phải, lấy chỗ cho tôi ngồi. Chậm chạp và căng thẳng, tôi ngồi xuống như thể chỗ đó là một bàn chông.

“Tớ là Charles,” cậu mở lời. Cậu ngừng một lát trong khi đợi tôi giới thiệu tên mình, nhưng tôi không mở miệng, “Tớ thấy bạn trong vở kịch mới nhất,” lát sau cậu nói. “Tớ muốn nói với bạn một điều.” Tôi chuẩn bị tinh thần cho điều mà tôi không chắc chắn, thế rồi cậu nói, “Tớ muốn nói với bạn rằng tiết mục hát của bạn là tiết mục hay nhất tớ từng nghe.”

Trưa hôm đó tôi đi gói hạt mắc-ca về đến nhà, thấy bố tôi và Richard đang lúi húi bên một chiếc hộp sắt lớn, mà hai người vừa mới nhắc lên bàn ăn. Trong khi mẹ và tôi làm bánh mì kẹp thịt, bố và Richard lắp ráp những thứ trong hộp. Việc đó mất hơn một tiếng đồng hồ, và khi lắp xong, họ đứng lùi lại, làm lộ ra một thứ trông giống một cái ống nhòm màu xanh cỡ lớn của quân đội, với cái ống dài được gắn chắc chắn trên cái giá ba chân rộng và thấp. Richard phấn khích đến mức anh nhảy chân sáo, đọc chức năng của nó. “Có thể tiếp cận mục tiêu trong phạm vi hơn một dặm! Có thể bắn rơi máy bay trực thăng!”

Bố đứng lặng im, mắt lấp lánh.

“Cái gì thế ạ?” – Tôi hỏi.

“Đó là một khẩu súng trường năm mươi li,” bố nói. “Con muốn thử không?”

Tôi ghé mắt nhìn qua kính ngắm, tìm kiếm trên sườn núi, tập trung chú ý vào những thân lúa mì ở phía xa xa giữa tâm của ống ngắm.

Món bánh mì kẹp thịt bị quên phắt. Chúng tôi lao ra ngoài. Lúc đó mặt trời đã lặn; chân trời mờ tối. Tôi đứng nhìn khi bố ngồi xuống mặt đất đóng băng, một mắt nhìn vào ống kính và, sau khoảng thời gian tưởng như cả tiếng đồng hồ, bố kéo cò súng. Tiếng nổ vang như sấm. Tôi đã dùng cả hai tay bịt tai, nhưng sau tiếng nổ đầu tiên tôi bỏ tay xuống, nghe tiếng súng vọng lại qua các hẻm núi. Bố bắn rồi lại bắn, đến mức khi chúng tôi vào trong nhà rồi tôi vẫn bị ù tai, Tôi hầu như không thể nghe thấy tiếng bố trả lời khi tôi hỏi bố, khẩu súng ấy để làm gì.

“Để tự vệ,” bố nói.

Tối hôm sau tôi có buổi tập kịch tại Worm Creek. Tôi đang ngồi trên cái thùng thừa, lắng nghe phần độc thoại đang được thể hiện trên sân khấu thì

Charles xuất hiện, ngồi bên cạnh tôi.

“Bạn không đến trường,” cậu nói.

Đó không phải là một câu hỏi.

“Bạn nên tham gia đội hợp xướng. Bạn thích đội hợp xướng mà.”

“Có lẽ vậy,” tôi nói và cậu mỉm cười. Vài người bạn bước vào cánh gà và gọi cậu. Cậu đứng dậy, chào tạm biệt, và tôi nhìn cậu nhập bọn với các bạn, nhìn họ trêu đùa nhau thật thoải mái và tưởng tượng ra một hiện thực khác mà trong đó tôi là một người trong số họ. Tôi tưởng tượng Charles mời tôi tới nhà cậu, chơi trò chơi hoặc xem một bộ phim, và cảm thấy niềm vui thích dâng trào. Nhưng khi tôi hình dung Charles đến thăm núi Buck, tôi cảm thấy một điều gì đó khác, một cảm giác tựa như hoảng sợ. Nhớ cậu phát hiện ra cái hầm ở cánh đồng thì sao? Nhớ cậu phát hiện ra cái thùng phi chứa nhiên liệu thì sao? Cuối cùng tôi đã hiểu, khẩu súng trường ấy để làm gì. Cái nòng súng đồ sộ với tầm ngắm đặc biệt của nó có thể bắn từ trên núi xuống thung lũng, là một vành đai bảo vệ cho ngôi nhà, cho đồ dự trữ của chúng tôi, bởi vì bố nói chúng tôi sẽ lái xe khi tất cả mọi người cuộc bộ. Chúng tôi cũng sẽ có thức ăn, khi nhưng người khác chết đói, khi nạn cướp bóc hoành hành. Tôi lại tưởng tượng ra cảnh Charles leo lên đồi tới nhà chúng tôi. Nhưng trong tưởng tượng, tôi đang ở trên núi, quan sát cậu tiến đến qua tâm ống ngắm của khẩu súng trường.

Giáng sinh năm đó thật đậm bạc. Chúng tôi không nghèo – việc làm ăn của mẹ phát triển tốt và bố vẫn gom phế liệu – nhưng chúng tôi dùng tất cả tiền mình có để mua đồ dự trữ.

Trước Giáng sinh, chúng tôi tiếp tục chuẩn bị cho Ngày Tận Thế như thể mọi hành động, mọi bỏ sung nhỏ nhặt cho các kho dự trữ có thể tạo ra sự khác biệt giữa sự sống và cái chết; sau Giáng sinh chúng tôi đợi. “Đến lúc cần,” bố nói, “thì thời điểm chuẩn bị đã trôi qua.”

Ngày lại ngày chậm chạp trôi qua, và đã đến ngày 31 tháng Mười hai. Vào bữa sáng bố bình thản như không, nhưng đằng sau vẻ bình thản của bố, tôi cảm

thấy có nổi phẫn khích, và mong ngóng. Bố đã đợi nhiều năm rồi, chôn súng và dự trữ thực phẩm, cảnh báo mọi người hãy làm như mình. Ai đi nhà thờ mà chẳng đọc những lời tiên tri; họ biết Ngày Tận Thế sẽ đến. Nhưng họ vẫn trêu bố tôi, họ cười bố. Đêm nay bố sẽ được chứng minh.

Sau bữa tối, bố nghiên cứu Kinh thánh hàng giờ. Khoảng mười giờ bố gấp cuốn Kinh thánh lại và mở TV. Truyền hình đang phát bản tin. Chồng của dì Angie làm việc cho một công ty truyền hình vệ tinh, và chú ấy đã mời bố tôi đăng ký một gói truyền hình dài hạn. Không ai tin bố lại đồng ý, nhưng nghĩ lại tôi thấy cũng đúng với tính cách bố đấy chứ – để bố, chỉ trong một ngày, chuyển từ không dùng TV hay đài sang sử dụng dịch vụ truyền hình cáp đang nở rộ. Đôi khi tôi tự hỏi phải chăng năm đó bố cho phép nhà chúng tôi có truyền hình, là vì toàn bộ hệ thống truyền hình sẽ biến mất vào ngày mừng 1 tháng Một. Có lẽ bố làm vậy để cho chúng tôi nếm vị của thế giới một chút, trước khi nó bị quét sạch,

Chương trình yêu thích của bố là chương trình hài kịch tình huống *Những người hưởng tuần trăng mật*, và tối hôm đó có số đặc biệt, với các tập được điểm lại. Chúng tôi xem, đợi Ngày Tận Thế. Cứ vài phút tôi lại xem đồng hồ cho đến mười một giờ, sau đó cứ vài giây tôi lại xem đồng hồ cho đến nửa đêm. Ngay cả bố, người hiếm khi bị khuấy động bởi bất cứ chuyện gì bên ngoài bản thân, cũng liếc nhìn đồng hồ liên tục.

11 giờ 59 phút.

Tôi nín thở. Tôi nghĩ, chỉ một phút nữa thôi là tất cả sẽ biến mất,

12 giờ. Chương trình truyền hình vẫn sôi nổi, ánh sáng của nó nhảy nhót trên thảm. Tôi tự hỏi liệu đồng hồ của chúng tôi có chạy nhanh hay không.

Tôi đi vào bếp và vặn vòi nước. Chúng tôi vẫn có nước. Bố ngồi im, mắt nhìn lên màn hình. Tôi quay trở lại sofa.

12 giờ 5 phút.

Mất bao lâu để hệ thống điện lưới sập nhỉ? Có nguồn điện dự phòng ở đâu đó để hệ thống điện vẫn duy trì được thêm vài phút chẳng?

Hai cái bóng đen, trắng như ma của Ralph và Alice Kramden to tiếng vì một tảng thịt băm.

12 giờ 10 phút.

Tôi đợi màn hình chấp chờn và *chết* hẳn. Tôi đang cố cảm nhận trọn vẹn khoảnh khắc xa xỉ cuối cùng này – ánh điện vàng chói, không khí ấm áp từ lò sưởi. Tôi đang trải nghiệm nỗi luyến tiếc cuộc sống mà mình có trước đây, cuộc sống sẽ biến mất vào bất cứ giây nào, khi thế giới lộn nhào và bắt đầu tự hủy.

Tôi càng ngồi bất động, thở sâu, cố hít vào lồng ngực mùi hương cuối cùng của thế giới sụp đổ thì tôi càng bức bối trước sự vững chắc kéo dài của nó. Nỗi luyến tiếc biến thành một mối.

Khoảng sau 1 giờ 30 thì tôi đi ngủ. Lúc rời khỏi phòng tôi liếc nhìn bố, nhìn khuôn mặt bất động như đóng băng trong bóng tối của bố, ánh sáng từ chiếc TV nhảy nhót trên đôi kính mắt vuông của bố. Bố ngồi như ngồi làm mẫu, không âu lo, chẳng bối rối, như thể có một lời giải thích trần tục hoàn hảo cho việc tại sao bố lại ngồi đó, một mình, lúc gần hai giờ sáng, xem Ralph và Alice Kramden chuẩn bị một bữa tiệc Giáng sinh.

Sáng hôm đó với tôi bố dường như nhỏ bé hơn. Nỗi thất vọng trên mặt của bố ngây thơ đến nỗi bất chợt tôi tự hỏi sao Chúa nỡ từ chối bố điều đó. Bố, một đầy tớ trung thành, đã tự nguyện chịu đựng khổ cực như Noah đã sẵn sàng chịu khổ cực để đóng con thuyền cho Ngày Tận Thế.

Nhưng Chúa đã từ chối ban cho trận đại hồng thủy.

Chương 10

Tám Khiên Gắn Long Vũ

NGÀY MÙNG 1 THÁNG MỘT KHI BÌNH MINH HÉ RẠNG như bất cứ ngày nào khác, nó khiến tinh thần bố tôi suy sụp. Bố không bao giờ đả động đến Y2K nữa. Bố trở nên chán nản, tối tối lê bước từ bãi phế thải về nhà trong sự im lặng và nặng nề. Bố ngồi trước màn hình TV nhiều giờ, như thể ngồi dưới một đám mây đen lơ lửng.

Mẹ nói đã đến lúc cho một chuyến đi khác tới Arizona. Luke đang làm nghĩa vụ cho giáo hội, vậy nên chỉ tôi, Richard và Audrey chắt các thứ vào chiếc xe thùng Chevy Astro cũ kỹ mà bố đã sửa sang để dùng. Bố đã tháo bỏ các ghế, chỉ để lại hai ghế trên cùng, thay vào đó bố đặt một tấm đệm cỡ lớn; sau đó bố trèo lên đệm và không nhúc nhích trong suốt chuyến đi.

Giống như bao năm trước, mặt trời Arizona đã làm bố hồi sinh. Bố nằm trên hiên lát xi măng cứng, thấm đẫm ánh mặt trời, trong khi chúng tôi đọc báo hoặc xem TV. Sau vài ngày bố bắt đầu khá lên, và chúng tôi chuẩn bị tinh thần cho những cuộc tranh luận thâu đêm giữa bố và bà nội. Đạo này bà gặp nhiều bác sĩ, bởi vì bà bị ung thư tủy xương, “Lũ bác sĩ đó sẽ giết mẹ nhanh hơn,” một buổi tối khi bà đi khám bác sĩ về bố nói. Bà không chịu bỏ điều trị bằng hóa chất, nhưng bà đã hỏi mẹ tôi về các cách điều trị bằng thảo dược. Mẹ mang theo một ít thảo dược, hy vọng bà sẽ hồi, và bà thử dùng chúng – ngâm chân trong đất sét đỏ, những tách trà mùi tây hăng hắc, cỏ đuôi ngựa và hoa tú cầu ngâm rượu.

“Những loại thảo mộc này sẽ không gây hại gì cả,” bố nói. “Thảo mộc phát huy tác dụng nhờ niềm tin. Mẹ không thể đặt niềm tin vào một tay bác sĩ, sau đó lại xin Chúa chữa lành cho mẹ được.”

Bà không nói một lời. Bà chỉ lẳng lặng uống trà mùi tây.

Tôi nhớ mình đã quan sát bà, tìm kiếm những dấu hiệu cho thấy cơ thể bà đang suy sụp. Tôi chẳng thấy một dấu hiệu nào. Bà vẫn là người phụ nữ cứng rắn, bất khả chiến bại.

Phần còn lại của chuyến đi mờ nhạt trong ký ức của tôi, chỉ để lại trong tôi những hình ảnh thoáng qua – về các phương thuốc thử nghiệm cơ bắp của mẹ dành cho bà, cảnh bà im lặng nghe bố tôi nói, và cảnh bố nằm ườn ra trong cái nóng khô hanh.

Sau đó tôi nằm trên cái võng ở hiên sau, uể oải đưa võng trong ánh sáng màu cam của hoàng hôn sa mạc, và Audrey xuất hiện, nói rằng bố muốn chúng tôi thu xếp đồ đạc để rời khỏi đó. Bà tỏ vẻ hoài nghi. “Sau những gì xảy ra lần trước ư?” Bà gào lên. “Các người sẽ lái xe thuê đêm ư? Thế còn cơn bão thì sao?” Bố nói chúng tôi sẽ chiến thắng cơn bão. Trong khi chúng tôi chất đồ lên xe bà vừa đi đi lại lại vừa nguyên rủa. Bà nói bố không học được một điều gì sất.

Richard lái xe trong sáu giờ đầu tiên. Tôi nằm ở trên đệm phía sau cùng với bố và Audrey.

Lúc đó là ba giờ sáng, và chúng tôi đang từ bắc Utah đi về phía Nam thì thời tiết thay đổi, chuyển từ trạng thái lạnh khô của sa mạc sang kiểu thời tiết mùa đông của vùng núi cao với những cơn gió mạnh băng giá. Băng phủ trên mặt đường. Những bông tuyết đập vào kính chắn gió như bầy côn trùng nhỏ xíu, thoát tiên có vài bông, sau đó nhiều đến nỗi phủ trắng mặt đường. Chúng tôi tiến vào tâm của trận bão tuyết. Xe của chúng tôi trượt và giật. Gió thổi dữ dội, tầm nhìn ngoài cửa sổ trắng xóa. Richard tấp xe vào lề đường. Anh nói chúng tôi không thể đi thêm nữa.

Bố cầm lái, Richard chuyển sang ghế bên cạnh, còn mẹ nằm xuống bên tôi và Audrey trên tấm đệm. Bố lái xe ra giữa đường và tăng tốc, cho xe chạy nhanh, như thể để nêu rõ quan điểm, cho tới khi bố đạt tốc độ gấp đôi của Richard.

“Chúng ta không nên lái chậm hơn sao?” Mẹ hỏi.

Bố cười xéch đến mang tai. “Anh không lái nhanh hơn tốc độ mà các thiên thần có thể bay đâu.” Xe vẫn tăng tốc. Tới năm mươi, rồi sáu mươi ki-lô-mét một giờ.

Richard ngồi trong căng thẳng, tay bám chặt tay ghế, các khớp tay anh trắng bệch mỗi lần bánh xe trượt. Mẹ nằm nghiêng, mặt mẹ kề sát mặt tôi, ngóp không

khí mỗi lần đuôi xe lắc lư từ bên này sang bên kia, sau đó nín thở khi bố điều chỉnh và xe lại chạy ngoằn ngoèo vào đúng làn đường. Mẹ cứng người đến mức tôi nghĩ mẹ sẽ kiệt sức. Người tôi cũng cứng y hệt; hai mẹ con tôi cùng nhau chịu đựng cả trăm lần như thế. Thật nhẹ cả người khi xe cuối cùng cũng rời đường lớn.

Tôi tỉnh dậy giữa bóng tối bao trùm. Một thứ gì đó lạnh buốt đang chạy dọc lưng tôi. *Chúng ta đang ở trong một cái hồ!* Tôi nghĩ. Một thứ gì đó nặng nề ở trên người tôi. Tôi cố gắng đá nó xuống nhưng không thể, vậy nên tôi bò bên dưới nó, hai bàn tay và đầu gối tôi tì vào trần chiếc xe đã lộn ngược. Tôi lần tới một cái cửa sổ vỡ. Nó đầy tuyết. Sau đó tôi hiểu ra: chúng tôi đang ở trên một cánh đồng, chứ không phải một cái hồ. Tôi bò qua cửa sổ xe vỡ và đứng dậy, lao đảo. Dường như tôi không thể đứng vững nổi. Tôi nhìn quanh nhưng chẳng nhìn thấy ai. Chiếc xe trống không. Gia đình tôi đã biến mất.

Tôi đi vòng quanh chiếc xe đổ hai lần trước khi phát hiện ra cái bóng hơi lòng không của bố trên một gò đất phía xa xa. Tôi gọi bố, và bố gọi những người khác đang tỏa ra khắp cánh đồng tìm tôi. Bố lội về phía tôi qua màn tuyết, và khi bố bước vào vùng sáng từ những chiếc đèn pha vỡ tôi nhìn thấy một vết rách khoảng mười lăm cen-ti-mét ở cẳng tay bố và máu đang nhỏ giọt xuống tuyết. Sau này, tôi được kể cho biết rằng tôi bị cái đệm đè lên, bất tỉnh trong vài phút. Mọi người gọi tên tôi. Vì tôi không trả lời, mọi người nghĩ có lẽ tôi đã bị văng ra khỏi xe qua cửa sổ vỡ, vậy nên tất cả đổ đi tìm tôi. Mọi người quay lại chỗ cái xe đổ và đứng xung quanh nó, bối rối, run rẩy, vì lạnh hoặc vì sốc. Chúng tôi không nhìn bố, không muốn buộc tội. Cảnh sát tới, sau đó là một chiếc xe cứu thương. Tôi không biết ai đã gọi cảnh sát và xe cứu thương. Tôi không nói cho họ biết mình bị ngất – tôi sợ họ đưa tôi tới bệnh viện. Tôi ngồi im lặng trong xe cảnh sát bên cạnh Richard, quần tám chẵn phản quang giống như tám chẵn tôi có trong chiếc túi “thoát hiểm”. Chúng tôi nghe đài trong khi cảnh sát hỏi bố tôi tại sao xe

của chúng tôi không có bảo hiểm, và tại sao bỏ lại tháo bỏ những băng ghế và dây an toàn.

Chúng tôi ở cách xa núi Buck vì vậy cảnh sát đưa chúng tôi tới đồn cảnh sát gần nhất. Bố gọi điện cho Tony, nhưng Tony đang lái xe tải chạy đường dài. Bố thử gọi cho Shawn. Shawn không trả lời. Sau này, chúng tôi được biết rằng đêm đó Shawn đang ở trong tù, vì có liên quan đến một vụ xô xát.

Không thể liên lạc với các con trai mình, bố gọi cho Rob và Diane Hardy bởi vì mẹ đã đỡ đẻ cho năm trong số tám đứa con của họ. Vài giờ sau Rob đến, lâm bầm, “Chẳng phải lần trước các người đã suýt tự giết mình sao?”

Vài ngày sau vụ tai nạn, cổ tôi lạnh cứng.

Một buổi sáng tôi thức dậy, nhận thấy cổ mình không cử động được. Thoạt đầu nó không đau, nhưng dù tôi cố gắng tập trung để quay đầu, cái cổ không chịu xoay dù chỉ một li. Hiện tượng mất vận động đó lan xuống phía dưới, cho tới khi tôi cảm thấy như thể có một que sắt xuyên dọc sống lưng tôi lên đến tận sọ. Khi tôi không thể cúi người về phía trước hoặc quay đầu, hiện tượng đau nhức bắt đầu xuất hiện. Tôi bị đau đầu, đau tê liệt, đau liên miên và tôi không thể đứng nổi mà không bám vào một thứ gì đó.

Mẹ gọi một chuyên gia truyền năng lượng tên là Rosie đến. Tôi nằm trên giường trong phòng riêng, nơi tôi đã nằm trong hai tuần, khi bà ấy xuất hiện ở cửa, dập dờn, méo mó, như thể tôi đang nhìn bà ấy qua một bể nước. Giọng bà lạnh lạnh, vui vẻ. Giọng nói ấy bảo tôi hãy tưởng tượng bản thân mình, lành lặn và khỏe mạnh, được bảo vệ bởi một cái bong bóng màu trắng. Bên trong bong bóng đó tôi được để tất cả những vật mà tôi yêu thích, tất cả mọi màu sắc khiến tôi cảm thấy bình yên. Tôi tưởng tượng ra bong bóng; tôi tưởng tượng mình đang ở chính giữa cái bong bóng ấy, có thể đứng, có thể chạy. Phía sau tôi là một đèn thờ Mặc Môn, và Kamikaze, con dê già đã chết từ lâu của Luke. Một nguồn ánh sáng màu xanh lá tươi lên tất cả mọi thứ.

“Hãy tưởng tượng ra cái bong bóng này trong vài giờ mỗi ngày,” bà ấy nói, “và cháu sẽ khỏi bệnh.” Bà vỗ nhẹ lên cánh tay tôi và tôi nghe thấy cánh cửa đóng lại phía sau bà.

Ngày nào cũng vậy, sáng, trưa, chiều, tối tôi đều tưởng tượng ra cái bong bóng ấy, nhưng cổ tôi vẫn bất động. Dần dần, sau một tháng, tôi đã quen với những cơn đau đầu. Tôi tập đứng dậy, sau đó tập đi. Tôi dùng mắt để giữ thăng bằng; nếu tôi nhắm mắt lại dù chỉ trong một tích tắc thì thế giới sẽ chao đảo và tôi sẽ ngã. Tôi trở lại làm việc – tới cửa hàng của ông Randy và thỉnh thoảng tới bãi phế liệu. Và hằng đêm tôi trôi vào giấc ngủ trong khi tưởng tượng ra cái bong bóng màu xanh lá.

Trong cái tháng tôi ốm phải nằm trên giường, tôi nghe thấy một giọng nói khác. Tôi nhớ giọng nói ấy nhưng nó không còn quen thuộc với tôi nữa. Đã sáu năm kể từ khi tiếng cười đó vọng khắp hành lang.

Đó là tiếng cười của Shawn, anh trai tôi, người anh mà năm mười bảy tuổi đã cãi nhau với bố và bỏ nhà đi làm những việc linh tinh, chủ yếu là chở hàng bằng xe tải và hàn xì. Anh trở về bởi vì bố bảo anh về giúp gia đình. Từ giường bệnh, tôi nghe thấy Shawn nói rằng anh sẽ chỉ ở nhà cho tới khi bố có thể tập hợp được đội lao động. Anh nói như thể đã là chiều cố lắm rồi, cho tới khi bố có thể hoạt động bình thường trở lại.

Thật kỳ cục khi thấy người anh trai, gần như xa lạ đối với tôi, ở trong nhà. Mọi người trong thị trấn dường như đều biết anh rõ hơn tôi. Tôi đã nghe được những tin đồn về anh tại nhà hát Worm Creek. Người ta nói rằng anh chẳng ra gì, là một kẻ bất nạt, là thành phần bất hảo, rằng anh luôn sẵn lòng hoặc bị bọn du côn ở Utah hoặc thậm chí ở xa hơn nữa sẵn lòng. Người ta nói rằng anh mang súng, giấu súng trong người hoặc buộc vào chiếc xe mô tô màu đen to tướng của anh. Một lần có người nói rằng Shawn thực ra không tệ, rằng anh chỉ vướng vào những vụ xô xát bởi vì anh có tiếng là bất khả chiến bại – vì biết tuốt về võ thuật, vì đánh nhau như không biết đau – vậy nên mọi kẻ háo danh ưa cảm giác mạnh

trong thung lũng đều nghĩ mình có thể nổi tiếng bằng cách hạ gục anh. Thực sự đó không phải là lỗi của Shawn. Khi tôi nghe những lời đồn đại ấy, anh trở nên sống động trong tâm trí tôi như một huyền thoại hơn là một con người bằng xương bằng thịt.

Ký ức của riêng tôi về Shawn bắt đầu ở trong bếp, có lẽ hai tháng sau vụ tai nạn thứ hai.

Tôi đang làm món súp ngô. Cửa ra vào cọt kẹt và tôi xoay nửa người để nhìn xem ai vào, rồi tiếp tục thái hành.

“Nhóc sẽ là cái que kem di động mãi mãi ư?”

“Không.”

“Nhóc cần một chuyên gia nắn khớp,” anh nói.

“Mẹ sẽ chữa cho em.”

“Nhóc cần một chuyên gia nắn khớp,” anh nhắc lại.

Cả nhà tôi ngồi ăn, sau đó giải tán. Tôi bắt đầu rửa bát đĩa. Tay tôi đang nhúng trong làn nước rửa bát ấm đầy bọt thì tôi nghe thấy tiếng bước chân ở phía sau và cảm thấy đôi bàn tay dày, chai cứng giữ chặt lấy đầu mình. Trước khi tôi kịp phản ứng, anh vặn đầu tôi bằng một động tác cực nhanh, và mạnh. KHẶC! Tiếng *khắc* đó to đến nỗi tôi chắc đầu mình đã bị rụng và anh đang cầm nó trên tay. Tôi gập người lại, tôi đổ sập xuống. Mọi thứ toàn một màu đen nhưng lại quay tròn. Một lát sau, khi tôi mở mắt ra, đôi tay anh đang để dưới cánh tay tôi, và anh đang đỡ tôi đứng dậy.

“Có thể phải mất một lúc nhóc mới đứng dậy được,” anh nói. “Nhưng khi nhóc đứng dậy được, anh cần phải làm bên này nữa.”

Tôi chóng mặt quá, và buồn nôn quá vì hiệu ứng tức thời. Nhưng suốt buổi tối hôm ấy tôi thấy có những thay đổi nhỏ. Tôi có thể nhìn lên trần nhà. Tôi có thể héch đầu lên để trêu Richard. Ngồi trên sofa tôi có thể quay sang cười với người ở bên cạnh.

Người đó là Shawn, và tôi đang nhìn anh nhưng chẳng phải đang thấy anh. Tôi không biết tôi nhìn thấy gì – người mà tôi hình dung ra qua hành động dữ

dội, giàu xót thương ấy – nhưng tôi nghĩ đó là bố tôi kia, hoặc có lẽ tôi ước anh là bố cơ, một người bảo vệ mà tôi khao khát, một nhà vô địch trong tưởng tượng, một người không ném tôi vào một cơn bão, và sẽ chữa lành cho tôi nếu tôi bị thương.

Chương 11

Bản Năng

HỒI ÔNG-Ở-CHÂN-ĐỒI CÒN LÀ THANH NIÊN, có những đàn gia súc được chăn thả trên núi, và chúng được các cao bồi chăn. Những con ngựa chăn gia súc của ông là những con vật huyền thoại. Dày dặn gió sương như da thú lâu đời, chúng di chuyển thân hình vạm vỡ một cách uyển chuyển, như thể được điều khiển bởi ý nghĩ của người cưỡi.

Chí ít, đó là những gì tôi được nghe kể. Tôi chưa từng nhìn thấy chúng. Khi tuổi đã cao, ông chăn thả ít hơn, làm trang trại ít đi, cho đến một ngày ông thôi làm trang trại. Ông không cần ngựa vậy nên ông bán những con có giá đi và thả những con còn lại về với đời sống hoang dã. Chúng sinh sôi, và khi tôi chào đời đã có cả một đàn ngựa hoang trên núi.

Richard gọi chúng là những con ngựa làm thức ăn cho chó. Mỗi năm một lần, Luke, Richard và tôi giúp ông vây cả tá ngựa lại để bán đấu giá trong thị trấn, nơi chúng được bán cho lò mổ. Vài năm ông lại tia thấy giữa một bầy ngựa nhỏ sợ hãi di chuyển về hướng lò mổ những con ngựa giống non chạy nước kiệu, chấp nhận bị giam cầm lần đầu tiên, và nổi thèm muốn xuất hiện trong mắt ông. Sau đó ông chỉ vào một con và nói, “Đừng mang con này đi. Chúng tôi sẽ giữ lại con này.”

Nhưng những con ngựa hoang không dễ gì thuần phục, thậm chí trước một người như ông tôi. Các anh tôi và tôi phải mất nhiều ngày, thậm chí nhiều tuần, mới giành được lòng tin cậy của một con ngựa, chỉ để chạm vào nó. Sau đó chúng tôi từ từ vuốt cái mặt dài của nó, và thêm nhiều tuần nữa mới có thể để tay quanh cái cổ rộng của nó và vuốt ve thân hình rắn chắc của nó. Sau một tháng làm quen chúng tôi mang yên cương ra, và con ngựa sẽ bất ngờ hất đầu mạnh đến nỗi dây buộc cổ ngựa kêu răng rắc hoặc dây thừng bị đứt. Một lần, một con ngựa màu vàng đồng to lừng lững làm đổ hàng rào bãi quây gia súc, đâm mạnh qua

như thể cái hàng rào không tồn tại, và chạy sang phía bên kia, người bê bê máu và đầy những vết xây xước.

Chúng tôi không cố đặt tên cho chúng, những con vật mà chúng tôi hy vọng sẽ thuần hóa được, nhưng kiểu gì chúng tôi cũng phải nhắc đến chúng. Những cái tên chúng tôi chọn không bay bướm, cũng chẳng ủy mị: Đỏ Lớn, Cái Đen, Gộc Trắng. Tôi bị hất văng xuống từ lưng hàng chục con ngựa ấy khi chúng nhảy chồm bốn vó, lồng lên, lăn hoặc nhảy vọt. Tôi bị đập xuống đất trong cả trăm kiểu ngã, và mỗi lần đều phải lấy lại thăng bằng ngay lập tức và tìm một chỗ an toàn trên cây, một cái máy kéo hoặc bên trong hàng rào, phòng khi con ngựa trả thù.

Chúng tôi chưa bao giờ chiến thắng; sức mạnh ý chí của chúng tôi lung lay sớm hơn rất nhiều so với của chúng. Chúng tôi có vài con không nhảy chồm bốn vó khi chúng nhìn thấy yên cương, và vài con chịu được một con người cưỡi trên lưng chúng cho những cuộc dạo chơi quanh bãi vây súc vật, nhưng ngay cả ông tôi cũng không dám cưỡi chúng trên núi. Bản chất của chúng không thay đổi. Chúng là những thiên thần giáng thế đầy sức mạnh và nhấn tâm đến từ một thế giới khác. Trèo lên chúng là bạn từ bỏ chỗ đứng của mình để chuyển sang lãnh địa của chúng. Là đối mặt với rủi ro bị cuốn đi.

Con ngựa đầu tiên được thuần hóa mà tôi thấy là một con ngựa hồng đã bị thiến, và nó đang đứng gần bãi vây gia súc, gặm những miếng đường trên tay Shawn. Khi đó đang là mùa xuân, và tôi mười bốn tuổi. Đã nhiều năm rồi tôi chưa chạm vào một con ngựa.

Con ngựa thiến đó là của tôi, một món quà từ ông bác về đằng mẹ tôi. Tôi thận trọng tiến đến, tin chắc khi tôi đến gần con ngựa sẽ nhảy chồm, lồng lên hoặc sẽ tấn công. Thay vì thế nó ngửi ngửi áo của tôi, để lại một vệt ướt dài. Shawn ném cho tôi một miếng đường. Con ngựa ngửi thấy mùi đường liền cù tay tôi cho đến khi tôi mở lòng bàn tay ra.

“Muốn chinh phục nó không?” Shawn hỏi.

Tôi *không* muốn. Tôi sợ ngựa, hoặc tôi sợ những gì mà tôi nghĩ về những con ngựa – đó là, những con quỷ nặng nghìn cân có tham vọng đập đầu vào đá. Tôi nói với Shawn rằng anh có thể thuần phục con ngựa đó. Tôi sẽ đứng ở phía trong hàng rào theo dõi.

Tôi từ chối đặt tên cho con ngựa, vậy nên chúng tôi gọi nó là Một Tuổi. Con Một Tuổi đã làm đứt dây buộc đầu ngựa và dây dắt ngựa, vậy nên vào ngày đầu tiên ấy Shawn đã mua một bộ yên cương. Con Một Tuổi căng thẳng cào cào xuống đất khi nó nhìn thấy bộ yên cương; Shawn di chuyển chậm, để nó ngồi bần đạp và tò mò gặm cái đầu nhọn của bộ yên cương. Sau đó, Shawn cạo nhẹ mặt da nhẵn của yên cương vào vàng ngực rộng của nó, cạo đều đặn nhưng không vội vã.

“Giống ngựa không thích những thứ ở chỗ chúng không thể nhìn thấy,” Shawn nói. “Tốt nhất hãy để nó quen với bộ yên cương ở trước mắt. Sau đó, khi nó đã thực sự thoải mái với thứ đó, với mùi và cảm giác về vật ấy, chúng ta có thể chuyển yên cương về phía sau.”

Một giờ sau bộ yên cương đã được thắng đầu vào đấy. Shawn nói đã đến lúc trèo lên ngựa, và tôi trèo lên mái chuồng gia súc, chắc chắn rằng bãi quây sẽ chìm trong bạo lực. Nhưng khi Shawn trèo lên yên ngựa, con Một Tuổi chỉ nháy nhấp như. Móng guốc hai chân trước của nó nhấc lên khỏi mặt đất vài phân, như thể nó cân nhắc đến việc lồm lên một phen nhưng rồi nghĩ kỹ hơn, và cúi đầu xuống, để chân bất động. Trong chốc lát, nó chấp nhận cho chúng tôi cưỡi nó, chấp nhận bị cưỡi lên. Nó đã chấp nhận thế giới này như vốn có, cái thế giới mà trong đó nó là một vật bị sở hữu. Nó chưa bao giờ là ngựa hoang, vậy nên nó không thể nghe tiếng gọi điên cuồng của thế giới khác ở trên núi, mà ở đó nó không bị sở hữu, không bị cưỡi lên.

Tôi đặt tên cho nó là Bud. Trong một tuần tối nào tôi cũng xem Shawn và Bud chạy nước kiệu qua bãi quây gia súc trong sắc trời xám mờ của buổi chạng vạng. Thế rồi vào một buổi tối mùa hè êm ả, tôi đứng cạnh Bud, nắm dây cương trong khi Shawn giữ dây buộc cổ nó, và tôi lên yên cương.

Shawn nói rằng anh muốn trở về với cuộc sống xưa kia của anh, và đó là bước đầu tiên để tránh xa lũ bạn của anh. Bỗng nhiên tôi nào anh cũng ở nhà, tìm việc gì đó để làm. Anh bắt đầu lái xe đưa tôi đi tập kịch tại Worm Creek. Khi chỉ có hai anh em tôi chạy xe băng băng trên đường cao tốc, anh thật vui vẻ và hài hước. Anh pha trò, trêu chọc, và thỉnh thoảng cho tôi lời khuyên, chủ yếu là “Đừng làm những gì anh đã làm.” Nhưng khi chúng tôi tới nhà hát, anh thay đổi.

Thoạt đầu anh nhìn những đứa con trai nhỏ tuổi hơn mình với sự tập trung đầy cảnh giác, sau đó anh bắt đầu trêu chọc chúng. Đó không hẳn là thái độ hiếu chiến rõ rệt, chỉ là sự khiêu khích thoáng qua. Có thể anh búng mũi của một đứa con trai hoặc đá chai soda khỏi tay nó và cười khi vết bẩn lan trên quần bò của nó, Nếu anh bị thách thức – và thường thì anh không bị – anh sẽ nhập vai kẻ côn đồ, với vẻ mặt răn đe kiêu như “Mày định làm gì hả?” Nhưng sau đó, khi chỉ có hai anh em tôi với nhau, cái mặt nạ đó được hạ xuống, vẻ hiên ngang như một tấm giáp che ngực được gỡ bỏ, và anh trở về làm anh trai của tôi.

Tôi yêu nhất nụ cười của anh. Những chiếc răng nanh ở hàm trên của anh không phát triển, và cả đồng nha sĩ mà bố mẹ tôi đưa anh tới khi anh còn bé đều không nhận ra cho đến khi đã quá muộn để can thiệp. Khi đi phẫu thuật miệng ở tuổi hai mươi ba, những cái răng đó mọc xiên vào mô cơ phía dưới mũi anh. Bác sĩ phẫu thuật nhổ những cái răng đó cho anh bảo Shawn giữ gìn những cái răng sữa của anh lâu hết sức có thể, sau đó khi chúng rụng, anh sẽ được đóng chốt răng. Nhưng chúng chẳng bao giờ rụng. Chúng cứ ở nguyên đó, những phế tích ngoan cố, không đúng chỗ của tuổi thơ, nhắc bất cứ ai chứng kiến những cuộc ẩu đả thiếu suy nghĩ, liên miên, và vô tích sự của anh nhớ rằng người đàn ông này đã từng là một cậu bé.

Đó là một buổi tối mùa hè mù sương, một tháng trước khi tôi bước sang tuổi mười lăm. Mặt trời đã lặn xuống phía dưới đỉnh núi Buck nhưng bầu trời vẫn còn níu được ánh sáng thêm vài giờ nữa. Shawn và tôi đang ở trong bãi quây gia súc.

Sau khi đã chinh phục được con Bud vào mùa xuân đó, Shawn cai quản lũ ngựa một cách nghiêm túc. Suốt mùa hè anh bận với việc mua ngựa, những con ngựa thuần chủng, những con ngựa giống Paso Fino, hầu hết chưa được thuần dưỡng vì anh có thể chọn mua chúng với giá rẻ. Chúng tôi vẫn tiếp tục thuần dưỡng con Bud. Chúng tôi cưỡi nó cả chục lần qua đồng cỏ, nhưng nó thiếu kinh nghiệm, bất kham, và khó lường.

Tôi hôm đó, Shawn thắng yên cương cho con ngựa mới lần đầu tiên, một con ngựa cái màu vàng đồng. Shawn nói nó đã sẵn sàng cho một chuyến đi ngắn, vậy nên chúng tôi lên ngựa, anh cưỡi con ngựa cái, tôi cưỡi con Bud. Chúng tôi cưỡi ngựa đi được khoảng nửa dặm lên núi, đi chuyển thông thả để không làm những con ngựa hoảng sợ, đi vòng qua những cánh đồng lúa mì. Sau đó tôi làm một điều ngớ ngẩn. Tôi đi sát con ngựa cái quá. Nó không thích con ngựa thiến ở ngay sau mình, và không báo trước nó chồm lên phía trước, dồn hết trọng lượng cơ thể xuống hai chân trước, và dùng hai chân sau đá vào ngực con Bud.

Con Bud cáu tiết.

Tôi đã buộc một nút dây cương cho chúng chắc thêm nhưng vẫn không có chỗ bám chắc chắn. Con Bud giật người dữ dội, sau đó bắt đầu nhảy chum bốn vó, ném thân hình của nó vào những vòng tròn hẹp. Dây cương bay trên đầu nó. Tôi nắm chặt nệm yên cương và ép chặt hai đùi lại, dùng chân quặp lấy cái bụng phình ra của nó. Tôi chưa kịp nhận ra mình đang ở đâu thì con Bud bắt đầu chạy thẳng lên một hẻm núi, thỉnh thoảng đang chạy lại nhảy chum bốn vó. Bàn chân tôi trượt qua bàn đạp khiến nó bị đẩy lên tận bắp chân.

Trong tất cả những mùa hè thuần hóa ngựa cùng với ông nội, tôi chỉ nhớ được một lời khuyên duy nhất đó là, “Dù cháu làm gì chăng nữa, chớ có để chân cháu bị mắc kẹt trong một cái bàn đạp.” Tôi không cần ông phải giải thích. Tôi biết tôi có thể sẽ không sao cả miễn là tôi không bị vướng víu gì. Ít nhất tôi sẽ ở trên mặt đất. Nhưng nếu chân tôi bị kẹt thì tôi sẽ bị kéo đi cho tới khi bị vỡ đầu trên một tảng đá.

Shawn không thể giúp gì được, không thể giúp khi anh ngồi trên lưng một con ngựa chưa thuần. Tình trạng kích động ở một con ngựa sẽ khiến những con ngựa khác bị kích động theo, nhất là những con ngựa non, hăng máu. Trong tất cả những con ngựa của Shawn, có một con duy nhất – một con ngựa màu da báo bảy tuổi tên là Apollo – đủ già và đủ bình tĩnh để làm điều này: bùng nổ với tốc độ mãnh liệt, phi nước đại, sau đó len lỏi một cách điềm tĩnh trong khi người cưỡi ngựa tách ra khỏi nó, nhấc một chân ra khỏi bàn đạp và chạm đất để nắm dây cương của con ngựa khác đang cuồng lên vì sợ. Nhưng Apollo đang ở trong bãi vây súc vật, cách xa nửa dặm ở phía dưới núi.

Bản năng bảo tôi phải buông nắm yên cương ra – điều duy nhất giúp tôi ngồi trên yên ngựa. Nếu tôi buông tay ra, tôi sẽ ngã, nhưng tôi sẽ có một tích tắc quý giá để chạm tới dây cương đang bay phần phật hoặc là cố giật mạnh chân ra khỏi bàn đạp. *Cố lên*, bản năng của tôi gào lên.

Bản năng đó là thần hộ mệnh của tôi. Chính bản năng ấy trước đó đã cứu sống tôi, dẫn dắt các động tác của tôi trên lưng cả tá những con ngựa đang nhảy chum bốn vó, nói với tôi khi nào thì bám vào yên ngựa, khi nào thì ném mình để thoát khỏi những cái móng guốc đang giậm thành thịch. Đó cũng chính là bản năng mà nhiều năm trước đã thúc đẩy tôi đu lên khỏi cái thùng phế liệu khi bỏ đồ phế liệu, bởi vì bản năng của tôi đã hiểu, thậm chí tôi thì không, rằng thả rơi từ cái điểm cao ấy xuống còn hơn là hy vọng bố sẽ can thiệp. Trong suốt cuộc đời những bản năng đã dạy tôi thuyết này – rằng sẽ có lợi thế hơn nếu bạn dựa vào chính mình.

Bud lồng lên, hát đầu lên cao đến nỗi tôi nghĩ nó có thể lộn ngược. Nó tiếp đất thật mạnh và nhảy cong người. Tôi nắm chặt nắm cương, quyết định không bỏ chỗ bám của mình, dựa vào một bản năng khác.

Shawn sẽ đuổi kịp, thậm chí trên con ngựa chưa được thuần hóa đó. Anh sẽ tạo ra một phép màu. Con ngựa cái đó thậm chí không hiểu mệnh lệnh khi anh hô, “Hùuuuu!”; với một cú thúc giầy vào bụng nó, cú thúc mà nó chưa từng cảm thấy trước đó, nó sẽ chồm lên, vằn mình điên cuồng. Nhưng anh sẽ giật dây

cương kéo đầu nó xuống, và ngay khi móng guốc của nó chạm đất, anh sẽ đá nó lần thứ hai, đá mạnh hơn, biết chắc nó sẽ lại chồm lên. Anh sẽ làm điều này cho tới khi nó chịu chạy, sau đó anh sẽ lái nó về phía trước, khích lệ nó tăng tốc cuồng nhiệt, và bằng cách nào đó dẫn dắt nó dù nó chưa học các bước di chuyển của vũ điệu lạ mà qua thời gian sẽ trở thành một dạng ngôn ngữ giữa ngựa và người cưỡi ngựa. Toàn bộ chuyện này sẽ xảy ra trong vòng vài giây, một năm huấn luyện được cô đọng trong một khoảnh khắc cực kỳ quan trọng.

Tôi biết điều đó là bất khả thi. Thậm chí khi tôi tưởng tượng ra nó tôi đã biết vậy. Nhưng tôi vẫn nắm chặt núm yên cương.

Bud đã trở nên điên cuồng. Nó nhảy loạn lên, tự làm đau lưng mình khi nó nhảy lên cao, rồi hất đầu xuống khi nó đập móng guốc xuống đất. Hai con mắt tôi hầu như không thể dừng lại trật tự của những gì chúng nhìn thấy. Lúa mì vàng ruộm bay tứ phía, trong khi bầu trời xanh và ngọn núi chao đảo kỳ cục.

Tôi bị mất phương hướng đến nỗi tôi cảm thấy, hơn là nhìn, con ngựa cái màu đồng đang di chuyển tới một chỗ bên cạnh tôi. Shawn nhắc mình khỏi yên cương, nghiêng người về phía mặt đất, một tay nắm chặt dây cương ngựa của anh, tay kia chộp sợi dây cương của con Bud từ mặt cỏ. Cái dây da bị kéo căng; đầu của con Bud buộc phải ngẩng cao, hướng về phía trước. Với cái đầu ngẩng lên, Bud không thể nhảy chum bốn vó nữa và nó chuyển sang chạy nước kiệu nhịp nhàng và nhẹ nhàng hơn. Shawn giật mạnh dây cương của anh, kéo đầu con ngựa cái về phía đầu gối nó, buộc nó phải chạy vòng tròn. Cứ mỗi vòng anh lại kéo đầu nó chặt hơn, quấn dây cương quanh cổ tay anh, rút ngắn vòng tròn lại cho tới khi nó nhỏ đến nỗi những cái món guốc đập thành thạch buộc phải đứng yên. Tôi trượt từ trên yên cương xuống, nằm trong đám lúa mì, những cọng lúa đâm qua áo sơ-mi của tôi ngựa ngựa. Phía trên đầu tôi, những con ngựa thở hổn hển, bụng chúng phình lên, xẹp xuống, móng guốc của chúng cào cào vào đất.

Chương 12

Mắt Cá

ANH TONY CỦA TÔI ĐÃ VAY MỘT KHOẢN TIỀN để mua các thiết bị của riêng mình – một chiếc xe đầu kéo rơ-moóc – nhưng để trả khoản vay đó, anh phải cho xe chạy suốt, vậy nên nơi anh sống là ở trên đường. Cho đến khi vợ anh ốm và bác sĩ khuyên (chị ấy đi khám bác sĩ) chị nên nằm trên giường nghỉ ngơi. Tony gọi Shawn và hỏi liệu anh ấy có thể chạy xe thay mình khoảng một hoặc hai tuần không.

Shawn ghét lái xe tải đường dài, nhưng anh nói anh sẽ làm nếu tôi đi cùng. Bố không cần tôi ở bãi phế liệu, và ông Randy có thể cho tôi nghỉ vài ngày, vậy là chúng tôi lên đường, đến Las Vegas, sau đó chạy xe về phía đông tới Albuquerque, rồi đi về phía tây tới Los Angeles, sau đó tới bang Washington. Tôi cứ nghĩ mình sẽ được thấy các thành phố, nhưng hầu như tôi chỉ nhìn thấy những trạm dừng cho xe tải và những giao điểm giữa các tiểu bang. Kính chắn gió to tướng, ở trên cao như buồng lái của phi công khiến cho những chiếc ô tô ở phía dưới trông như đồ chơi vậy. Buồng ngủ trên xe có mùi ẩm mốc và tôi như hang Shawn lái xe trong nhiều ngày, ngủ rất ít, điều khiến chiếc xe rơ-moóc cao hơn mười lăm mét như thể nó là cánh tay anh. Anh sửa nhật ký hành trình mỗi khi chúng tôi đi qua một trạm kiểm tra để cho có vẻ anh ngủ nhiều hơn thực tế. Cứ cách ngày chúng tôi lại dừng xe để tắm rửa và ăn một bữa không gồm trái cây sấy khô và ngũ cốc.

Gần Albuquerque, kho hàng của Walmart quá tải và không thể dỡ hàng của chúng tôi trong hai ngày. Chúng tôi ở ngoại vi thành phố – chẳng có gì ngoài một trạm dừng cho xe tải và cát đổ trải dài khắp mọi hướng – vậy nên chúng tôi ăn bánh Cheetos và chơi Mario Kart trong buồng ngủ trên xe. Ngày thứ hai, tới lúc mặt trời lặn, người chúng tôi mới nhử vì ngồi nhiều, và Shawn nói anh sẽ dạy tôi võ thuật. Chúng tôi có bài học võ đầu tiên trong bóng tối ở bãi đỗ xe.

“Nếu em biết mình đang làm gì,” anh nói, “thì chỉ với nỗ lực nhỏ em cũng có thể vô hiệu hóa một gã đàn ông. Em có thể điều khiển toàn bộ cơ thể của người khác chỉ với hai ngón tay. Quan trọng là biết được các điểm yếu nằm ở đâu, và biết cách khai thác chúng.” Anh nắm cổ tay tôi mà vặn, khiến các ngón tay tôi chẳng mấy dễ chịu chạm vào mặt trong của cẳng tay tôi. Anh tiếp tục tạo thêm sức ép tới khi tôi hơi nhăn nhó, đưa cánh tay ra sau lưng để giảm bớt sức ép.

“Thấy không? Đây là một điểm yếu,” anh nói. “Nếu anh gấp nó lại thêm nữa, em sẽ không cử động được.” Anh nở nụ cười thiên thần của mình. “Mặc dù vậy anh sẽ không làm thế, bởi vì nó đau khủng khiếp.”

Anh buông tay ra và nói, “Bây giờ em thử đi.”

Tôi gấp cổ tay anh lại và ép mạnh, cố làm cho phần thân trên của anh gấp xuống như tôi ban nãy. Anh không nhúc nhích.

“Có thể có một chiến thuật khác dành cho em,” anh nói.

Anh nắm cổ tay tôi theo cách khác – cách mà một kẻ tấn công có thể sử dụng, anh nói. Anh dạy tôi làm thế nào để *phá* cái khóa tay đó, nơi mà các ngón tay yếu nhất và xương cánh tay tôi khỏe nhất, để sau vài phút tôi có thể thoát khỏi những ngón tay dày của anh. Anh dạy tôi cách dồn trọng lượng vào một cú đâm và nhảm vào đâu để đè nát khí quản.

Sáng hôm sau, xe hàng được bốc dỡ. Chúng tôi trèo lên xe tải, xếp một chuyến hàng mới và lái xe hai ngày nữa, nhìn những vạch kẻ làn đường trắng toát biến mất như thôi miên bên dưới mui xe. Chúng tôi có vài cách giải trí, vậy nên chúng tôi chơi trò đố chữ. Trò chơi chỉ có hai luật. Thứ nhất là mỗi lượt nói phải có ít nhất hai từ mà chữ cái đầu tiên của chúng được đổi chỗ cho nhau.

“Ê, em gái,” Shawn nói, “À không, một cái ‘gai ém’ chứ”. Anh phát âm những từ đó rề rề, luyến láy[Ⓢ]. Luật thứ hai là với mỗi từ nghe giống như một số đếm, hoặc như chứa một số đếm, thì sẽ được đổi thành một số to hơn[Ⓢ].

Khi đã chán trò đố, chúng tôi mở kênh CB và nghe những tay lái xe tải buông những lời giễu cợt suốt tuyến đường nối giữa các tiểu bang.

“Này các ông, coi chừng một con xe bốn bánh màu xanh lá,” một giọng nói thô lỗ vang lên, khi chúng tôi đang ở điểm nào đó giữa Sacramento và Portland. “Nó đã đi ‘dã ngoại’ trong điểm mù của tôi nửa giờ rồi.”

Shawn giải thích, “xe bốn bánh” là tên mà những tay lái xe tải hạng nặng gọi loại ô tô nhỏ và xe bán tải.

Một giọng nói khác vang lên qua kênh CB phàn nàn về một chiếc Ferrari màu đỏ đang lạng lách trong luồng giao thông với vận tốc 120 dặm một giờ. “Thằng con hoang khôn kiếp đó suýt tông phải một chiếc Chevy màu xanh bé xíu,” một giọng trầm gầm lên. “Cút thật, có trẻ con trong cái xe Chevy. Có ai ở đằng trước muốn cho thằng đó một bài học không hả?” Giọng nói kia cho biết địa điểm.

Shawn kiểm tra cột lý trình. Chúng tôi đang chạy phía trước cái xe bị nhắc đến. “Tôi là con Pete trắng đang kéo một cái tủ lạnh,” anh nói. Tất cả im lặng trong khi nhìn qua gương xe để tìm một chiếc Peterbilt có thùng đông lạnh. Thế rồi một giọng nói thứ ba, thô lỗ hơn giọng nói thứ nhất, trả lời: “Tôi là con KW xanh dương đang kéo thùng đồ khô.”

“Thấy ông rồi,” Shawn nói, và anh chỉ cho tôi thấy chiếc Kenworth màu lam sẫm phía trước, cách chúng tôi vài xe.

Khi chiếc Ferrari xuất hiện, được nhân hình ảnh trong nhiều chiếc gương của chúng tôi, Shawn cho xe chạy sang số cao hơn, cho động cơ rú lên và tiến đến bên cạnh chiếc Kenworth để hai chiếc xe moóc hơn mười lăm mét chạy song song với nhau, chiếm cả hai làn đường. Chiếc Ferrari bấm còi inh ỏi, lạng lách, hết hãm phanh lại bấm còi.

“Tôi với ông giữ thẳng ở phía sau bao lâu?” Giọng nói khàn khàn vang lên, cùng với tiếng cười khùng khục.

“Đến khi nó tĩnh lại,” Shawn đáp.

Chạy thêm năm dặm nữa, họ để xe đó vượt.

Chuyến đi kéo dài khoảng một tuần, sau đó chúng tôi bảo Tony tìm cho chúng tôi một chuyến hàng để chở về Idaho.

“Ê, ‘gai ém’ ,” Shawn nói khi chúng tôi lái xe vào bãi phế liệu và dừng lại, “làm việc tiếp nào.”

Nhà hát Opera Worm Creek thông báo có một vở kịch mới: vở *Carousel*. Shawn lái xe đưa tôi đi thử vai, sau đó làm tôi ngạc nhiên vì chính anh cũng vào thử vai. Charles cũng có mặt ở đó, đang nói chuyện với một cô gái tên là Sadie, mười bảy tuổi. Cô gật đầu trước những gì Charles nói, nhưng ánh mắt cô lại dán vào Shawn.

Trong buổi diễn thử đầu tiên cô đến và ngồi bên cạnh anh, đặt tay lên cánh tay anh, vừa cười vừa hát tót. Cô rất xinh, với đôi môi căng mọng, mềm mại và đôi mắt đen to láy, nhưng khi tôi hỏi Shawn có thích cô không, anh nói không.

“Cô ta có đôi mắt cá,” anh nói.

“Mắt cá ư?”

“Ờ, mắt cá. Loài cá, chúng ngóc chết đi được. Chúng cũng đẹp mắt đấy, nhưng đầu chúng rỗng như lốp xe vậy.”

Sadie bắt đầu ghé qua bãi phế liệu vào những giờ nghỉ, thường mang theo một hộp sữa lắc cho Shawn, hoặc bánh quy, bánh ngọt.

Shawn hầu như không nói chuyện với cô, chỉ chộp lấy bất cứ thứ gì cô mang đến cho anh và lảng lạng đi về phía bãi quây gia súc. Cô thường leo đèo đi theo anh, cố bắt chuyện với anh trong khi anh nhặng xị lên với mấy con ngựa, cho tới một buổi tối cô hỏi liệu anh có thể dạy cô cưỡi ngựa không. Tôi cố giải thích rằng lũ ngựa của chúng tôi chưa được thuần hóa, nhưng cô vẫn cố nài, vậy nên Shawn cho cô lên con Apollo và ba chúng tôi cùng lên núi. Shawn phớt lờ cô và con Apollo. Anh không buồn giúp đỡ cô như khi anh thể hiện với tôi, dạy tôi cách đứng trên bàn đạp trong khi di chuyển xuống những hẻm núi dốc hoặc cách ép hai đùi lại khi con ngựa nhảy qua cây cối. Sadie run lẩy bẩy trong suốt chuyến cưỡi ngựa đó, nhưng cô vờ thích thú, cố nặn ra nụ cười trên đôi môi tô son môi khi anh liếc nhìn về phía cô.

Trong buổi tập kịch tiếp theo, Charles hỏi Sadie về một cảnh trong kịch, và Shawn nhìn thấy họ đang nói chuyện. Vài phút sau Sadie tới chỗ Shawn nhưng anh không thèm nói chuyện với cô. Anh bỏ đi chỗ khác và cô vừa rời khỏi đó vừa khóc.

“Như thế là thế nào?”

“Có gì đâu,” anh nói.

Đến buổi tập kịch tiếp theo diễn ra sau đó vài ngày, Shawn dường như đã quên chuyện ấy. Sadie dè chừng bước tới chỗ anh, nhưng anh mỉm cười với cô, và vài phút sau họ nói cười vui vẻ, Shawn bảo cô đi sang bên kia đường mua cho anh một thanh sô-cô-la Snickers tại một cửa hàng giá rẻ. Dường như vui khi được anh sai bảo, cô chạy vội ra cửa, nhưng vài phút sau khi cô quay lại đưa cho Shawn thanh sô-cô-la, anh nói, “Cái khi gì thế này? Tôi bảo cô mua cho tôi một thanh Milky Way cơ mà.”

“Anh có bảo vậy đâu,” cô nói. “Anh bảo em mua Snickers mà.”

“Tôi muốn Milky Way.”

Sadie lại tất tả chạy đi mua một thanh sô-cô-la Milky Way. Cô cười căng thẳng, đưa nó cho anh, và Shawn nói, “Thế thanh Snickers của tôi đâu hả? Gì vậy, cô lại quên à?”

“Anh không muốn loại đó mà!” cô nói, mắt cô long lanh như thủy tinh. “Em đưa thanh đó cho Charles rồi!”

“Đi lấy nó về đây.”

“Em sẽ mua cho anh thanh khác.”

“Không,” Shawn nói, mắt anh lạnh lùng. Những cái răng sữa của anh, vẫn thường tạo cho anh vẻ quái quái, tinh nghịch, giờ đây khiến anh dường như trở nên khó đoán, dễ thay đổi. “Tôi muốn thanh đó. Đi lấy nó đi, nếu không đừng có quay lại đây nữa.”

Một giọt nước mắt lăn xuống má Sadie, làm hoen lớp chuốt mi của cô. Cô dừng lại trong giây lát để lau nước mắt và nở nụ cười. Sau đó Sadie bước tới chỗ Charles và, cười như chẳng có chuyện gì xảy ra, cô hỏi liệu cô có thể lấy lại

thanh Snickers được không. Anh cho tay vào túi áo và lấy thanh sô-cô-la ra, rồi nhìn cô bước trở lại chỗ Shawn. Sadie đặt thanh sô-cô-la vào tay Shawn như một lời đề nghị hòa bình và đợi trong khi nhìn đắm đắm xuống thăm. Shawn kéo cô vào lòng và ăn ba miếng hết thanh sô-cô-la.

“Em có đôi mắt đẹp,” anh nói. “Giống như mắt cá.”

Bố mẹ của Sadie đang làm thủ tục li dị và thị trấn ngập trong những tin đồn về bố cô. Khi mẹ tôi nghe được những tin đồn ấy, mẹ nói giờ thì có thể hiểu tại sao Shawn lại quan tâm đến Sadie. “Nó luôn che chở những thiên thần gãy cánh,” mẹ nói.

Shawn tìm ra thời khóa biểu của Sadie và ghi nhớ nó. Anh luôn lái xe đến trường trung học vài lần một ngày, đặc biệt vào những lúc anh biết cô đi lại giữa các tòa nhà. Anh tắt xe vào lề đường và nhìn cô từ xa, quá xa để cô có thể bước đến, nhưng không xa đến mức cô không nhìn thấy anh: Đó là điều anh em tôi làm cùng nhau, anh và tôi, gần như mỗi lần chúng tôi vào thị trấn, và thỉnh thoảng cả khi chúng tôi không cần vào thị trấn. Cho đến một ngày, Sadie xuất hiện trên bậc tam cấp của trường trung học cùng Charles. Họ cười với nhau; Sadie không để ý thấy chiếc xe tải của Shawn.

Tôi nhìn mặt anh rắn đanh lại, sau đó anh thả lỏng. Anh mỉm cười với tôi. “Anh có một hình phạt hoàn hảo,” anh nói. “Đơn giản là anh sẽ không gặp cô ta nữa. Tất cả những gì anh phải làm là không gặp cô ta nữa, và cô ta sẽ đau khổ.”

Anh nói đúng. Khi anh không trả lời các cuộc gọi của Sadie, cô trở nên tuyệt vọng. Cô bảo các cậu con trai ở trường đừng đi cùng cô, vì sợ Shawn sẽ nhìn thấy, và khi Shawn nói anh không thích một người bạn nào đó của cô, cô không gặp người đó nữa.

Ngày nào sau khi tan trường Sadie cũng đến nhà chúng tôi và tôi thấy vụ thanh sô-cô-la Snicker tái diễn hết lần này đến lần khác dưới những hình thức khác, với các vật khác. Shawn bảo cô lấy cho anh một ly nước. Khi Sadie mang nước đến, anh muốn có đá. Khi cô mang đá đến, anh đòi sữa, sau đó lại đòi nước,

không đá, rồi đòi sinh tố. Chuyện này có thể kéo dài tới ba mươi phút trước khi, trong lần thử thách cuối cùng, anh đòi một thứ gì đó mà chúng tôi không có. Sau đó Sadie lái xe vào thị trấn mua thứ đó – kem va-ni, khoai tây chiên, bánh burrito ☉ chỉ để khi cô trở về anh lại đòi một thứ khác. Những buổi tối họ ra ngoài, tôi cảm thấy biết ơn.

Một tối, anh về nhà muộn với tâm trạng lạ lùng. Mọi người đều đã ngủ trừ tôi, và tôi đang ngồi trên sofa, đọc một chương Kinh Thánh trước khi đi ngủ. Shawn ngồi phịch xuống cạnh tôi. “Lấy cho anh ly nước.”

“Anh bị gãy chân à?” Tôi hỏi.

“Lấy đi, nếu không mai anh sẽ không chở em vào thị trấn đâu.”

Tôi đi lấy nước. Khi tôi mang nước tới, tôi nhìn thấy nụ cười trên mặt anh và chả nghĩ ngợi gì nữa, tôi đổ cả ly nước lên đầu anh. Tôi bước ra hành lang và khi tôi gần về tới phòng mình, anh đuổi kịp tôi.

“Xin lỗi đi,” anh nói. Nước nhỏ từ mũi anh xuống áo phông của anh.

“Không.”

Anh túm tóc tôi, một nắm to, túm sát chân tóc để tạo cho anh lực đòn bẩy lớn hơn, và lôi tôi vào phòng vệ sinh. Tôi quờ quạng tìm cánh cửa, bám chặt lấy khung cửa, nhưng anh nhắc tôi khỏi mặt đất, ép hai cánh tay tôi vào sát người tôi, sau đó dúi đầu tôi vào bồn cầu. “Xin lỗi đi,” anh nhắc lại. Tôi không nói gì. Anh ấn đầu tôi xuống sâu hơn để mũi tôi đập vào mặt sứ bản lem nhem. Tôi nhắm mắt lại, nhưng cái mùi mà tôi nghĩ thấy không cho phép tôi quên mình đang ở đâu.

Tôi cố tưởng tượng ra điều gì đó khác có thể dồn tâm trí vào, nhưng xuất hiện trong đầu tôi là hình ảnh của Sadie, đang cúi mình, phục tùng. Nó làm tôi cáu tiết. Anh giữ tôi ở đó, mũi tôi chạm vào bồn cầu, có lẽ trong một phút, sau đó anh để tôi đứng dậy. Đuôi tóc tôi ướt, da đầu tôi đau.

Tôi nghĩ chuyện như thế đã xong. Tôi bắt đầu quay ra thì anh nắm cổ tay tôi và gập nó lại, bẻ cong các ngón tay và lòng bàn tay tôi theo kiểu tăng dần sức ép. Anh tiếp tục bẻ cho tới khi người tôi bắt đầu gập lại, sau đó anh tạo thêm sức ép,

để không nghĩ, không hiểu, tôi quần quai theo một kiểu cong người kỳ cục, lưng tôi cong, đầu tôi gần chạm sàn nhà, cánh tay tôi ở sau lưng.

Trong bãi đỗ xe ấy, khi Shawn chỉ cho tôi thấy kiểu không chế này, tôi chỉ nhúc nhích được chút ít, phản ứng trước sự miêu tả của anh hơn là trước bất cứ nhu cầu nào của cơ thể. Lần đó tôi dường như không có ấn tượng đặc biệt, nhưng bây giờ tôi hiểu bản chất của chiến thuật ấy: để không chế. Không giải phóng được cổ tay, tôi hầu như không thể cử động được, hầu như không thể thở nổi. Shawn giữ tôi trong tư thế đó bằng một tay; tay kia của anh buông thõng bên sườn, để tôi thấy việc không chế tôi dễ như bỡn.

Nếu mình là Sadie thì sẽ còn mạnh hơn, tôi nghĩ.

Anh như đọc được ý nghĩ của tôi, anh bẻ cổ tay tôi mạnh hơn; người tôi càng cuộn lại dữ dội hơn, mặt tôi chạm sàn nhà. Tôi đã làm tất cả những gì có thể để giảm sức ép ở cổ tay. Nếu anh tiếp tục bẻ tay tôi, nó sẽ gãy.

“Xin lỗi đi,” anh nói.

Có một khoảnh khắc dài lê thê trong đó lửa bùng lên trong cánh tay và trong não tôi. “Em xin lỗi,” tôi nói.

Anh buông cổ tay tôi ra và tôi ngã vật xuống sàn nhà. Tôi có thể nghe thấy tiếng bước chân anh trong hành lang. Tôi đứng dậy, lặng lẽ khóa cửa phòng vệ sinh lại, sau đó nhìn chằm chằm vào gương, vào đứa con gái đang ôm cổ tay mình. Mắt đứa con gái đó như thủy tinh và những giọt nước mắt rơi xuống má nó. Tôi ghét nó vì nỗi yếu đuối, vì có một trái tim dễ tan vỡ. Việc anh có thể làm tổn thương nó, và bất cứ ai cũng có thể làm tổn thương nó như vậy, là không thể biện minh nổi.

Tôi tự nhủ, mình chỉ khóc vì đau thôi mà. Vì đau cổ tay. Chứ không phải vì bất cứ điều gì khác.

Khoảnh khắc ấy định rõ ký ức của tôi về đêm đó, và về nhiều đêm giống như thế, trong một thập kỷ. Trong ký ức đó tôi nhìn thấy bản thân là không thể rạn vỡ, mềm như đá. Thoạt tiên tôi chỉ tin điều ấy đơn thuần, cho đến một ngày nó trở thành sự thật. Sau đó tôi có thể tự nhủ mà không dối trá, rằng chuyện đó

không gây ảnh hưởng đến tôi, rằng anh không gây hưởng gì cho tôi hết, bởi vì không điều gì ảnh hưởng đến tôi được. Tôi không hiểu mình đã đúng một cách thảm hại như thế nào. Tôi đã làm bản thân trống rỗng nhường nào. Vì toàn bộ nỗi ám ảnh của tôi về những hậu quả trong đêm đó, tôi đã hiểu sai một sự thật quan trọng: rằng nó không ảnh hưởng đến tôi, đó *là* hậu quả của nó.

Chương 13

Nỗi Im Lặng Trong Nhà Thờ

“THÁNG CHÍN TÒA THÁP ĐÔI SỤP ĐỔ. Tôi chưa từng nghe về chúng cho tới khi chúng biến mất. Sau đó tôi xem cảnh những chiếc máy bay đâm vào hai tòa tháp, và tôi nhìn không chớp mắt vào màn hình TV, không thể tin nổi khi những tòa kiến trúc cao đến mức không thể tưởng tượng nổi ấy lung lay, rồi oằn xuống. Bố ngồi cạnh tôi. Bố từ bãi phế liệu về nhà để xem tin đó. Bố không nói gì. Tối hôm đó bố đọc Kinh Thánh rõ to, đọc từ Sách Isaiah, Luke và Sách Khải huyền, về các cuộc chiến tranh và những tin đồn về chiến tranh.

Ba ngày sau, khi Audrey mười chín tuổi, chị kết hôn – với Benjamin, một anh chàng tóc vàng làm trang trại mà chị gặp khi chị làm bồi bàn trong thị trấn. Đám cưới trang trọng. Bố cầu nguyện và nhận sự mặc khải: “Sẽ có một cuộc xung đột, một cuộc đấu tranh cuối cùng vì miền đất Thánh,” bố nói. “Các con trai của ta sẽ được cử đi chiến đấu. Vài người sẽ không trở về.”

Từ cái đêm ở trong phòng vệ sinh tôi tránh Shawn. Anh đã xin lỗi. Một giờ sau anh tới phòng tôi, mắt róm rộ, giọng khàn khàn, bảo tôi hãy tha lỗi cho anh. Tôi nói tôi sẽ làm vậy, và tôi đã tha lỗi cho anh rồi. Nhưng thực tình tôi chưa.

Ở đám cưới của Audrey, nhìn các anh trai mình trong những bộ complet chẳng khác gì những bộ đồng phục màu đen, cơn tức giận trong tôi biến thành nỗi sợ hãi trước một mất mát đã được định trước, và tôi tha thứ cho Shawn. Tha thứ cũng dễ thôi. Suy cho cùng, sắp đến Ngày Tận Thế.

Trong một tháng tôi sống như nín thở. Thế rồi tôi chẳng thấy lệnh nhập ngũ, chẳng có cuộc chiến tranh nào cả. Bầu trời không tối sầm lại, mặt trăng vẫn thế, chẳng chuyển thành trăng máu.

Có tiếng ầm ầm của chiến tranh ở một nơi xa tít xa tắp nào đó nhưng cuộc sống ở trên núi vẫn thế, không thay đổi. Bố nói chúng tôi nên cảnh giác, nhưng cho đến mùa đông tôi trở lại với những chuyện lặt vặt của cuộc sống riêng.

Tôi mười lăm tuổi và tôi cảm nhận được điều đó, cảm thấy mình đang chạy đua với thời gian. Cơ thể tôi thay đổi, phồng phao, nhô lên, căng lên, dài ra. Tôi ước gì hiện tượng đó ngừng, nhưng dường như cơ thể tôi không còn là của tôi nữa. Bây giờ nó thuộc về chính nó, và không quan tâm tôi cảm thấy thế nào về những thay đổi lạ lùng ấy, không quan tâm tôi có muốn thôi làm trẻ con hay muốn trở thành gì đó khác.

Điều gì đó khác ấy khiến tôi hồi hộp và lo sợ. Tôi luôn biết rằng mình sẽ phát triển khác với các anh trai, nhưng tôi chưa bao giờ nghĩ khác biệt ấy có nghĩa là thế nào. Giờ đây, đó là tất cả những gì tôi nghĩ đến. Tôi bắt đầu tìm kiếm các manh mối để hiểu sự khác biệt này, và khi tôi bắt đầu tìm kiếm, tôi tìm thấy chúng ở khắp mọi nơi.

Một buổi trưa Chủ nhật tôi giúp mẹ chuẩn bị món thịt nướng. Bố đang đá giày khỏi chân và tháo cà vạt. Từ lúc chúng tôi ra khỏi nhà thờ bố cứ nói suốt.

“Gấu váy của Lori cao hơn đầu gối của cô ta những hơn sáu phân,” bố nói. “Một người đàn bà nghĩ gì khi mặc một cái váy như thế hả?” Mẹ gạt đầu lơ đãng trong khi thái cà rốt. Mẹ đã quen với những bài lên lớp kiểu này, “Còn Jeanette Barney nữa,” bố nói. “Nếu một người đàn bà mặc áo sơ mi cổ trễ như thế thì cô ta không nên cúi.” Mẹ đồng ý. Tôi hình dung ra chiếc sơ mi màu ngọc lam mà Jeanette đã mặc ngày hôm đó. Đường viền cổ áo thấp hơn xương quai xanh của cô chỉ khoảng hai phân, nhưng áo rộng thùng thình, và tôi mừng tượng ra nếu cô cúi xuống thì cổ áo sẽ để lộ hết. Khi tôi nghĩ về điều này tôi cảm thấy lo âu, bởi vì dù một chiếc áo sơ mi bó sẽ làm cho việc cúi xuống của Jeanette trở nên đứng đắn hơn, thì kiểu bó chặt của nó cũng sẽ khiến cô không được đoan trang cho lắm. Những người phụ nữ đoan trang không mặc quần áo bó. Phụ nữ thuộc loại khác mới mặc thế.

Tôi đang cố tính xem chính xác quần áo bó bao nhiêu mới là thích hợp thì bố nói, “Jeanette đợi cho đến khi anh nhìn, cô ta mới cúi xuống. Cô ta muốn anh thấy.” Mẹ bật ra một tiếng xì không tán thành qua hai hàm răng, sau đó mẹ thái một quả cà chua làm bốn.

Những lời nói đó cứ in vào đầu tôi theo cái cách mà cả trăm lời nói trước đó không. Trong nhiều năm tôi thường xuyên nhớ đến những lời nói đó và càng nghĩ đến chúng, tôi càng lo rằng mình có thể trở thành loại phụ nữ thiếu đứng đắn. Đôi khi, tôi tin chắc mình không thể di chuyển trong một căn phòng, tôi quá bận tâm đến việc mình không bước hoặc cúi như bọn họ. Nhưng tôi chưa từng được ai dạy cúi xuống như thế nào cho đứng đắn, vậy nên tôi biết mình có thể sẽ làm sai.

Shawn và tôi thử vai cho một vở kịch melodrama[©] tại Worm Creek. Tôi nhìn thấy Charles tại buổi diễn thử đầu tiên cho vở kịch đó và dành nửa buổi tối hôm ấy tập trung can đảm để nói chuyện với anh. Cuối cùng khi tôi làm được điều đó, anh tiết lộ với tôi rằng anh đang yêu Sadie. Điều đó không lý tưởng cho lắm nhưng nó trở thành chủ đề để chúng tôi trò chuyện.

Shawn và tôi lái xe về nhà cùng nhau. Anh ngồi sau tay lái, nhìn trừng trừng vào mặt đường như thể nó làm điều gì không phải với anh.

“Anh đã nhìn thấy mày nói chuyện với thằng Charles,” anh nói, “Mày không muốn mọi người nghĩ mày là loại gái đó chứ.”

“Loại biết nói chuyện ư?”

“Mày biết anh muốn nó gì mà,” anh nói.

Tối hôm sau, Shawn đột nhiên vào phòng tôi, thấy tôi đang chuốt lông mi bằng cây mascara cũ của Audrey.

“Bây giờ mày *trang điểm* cơ à?” Anh nói.

“Em nghĩ vậy.”

Anh quay người để đi ra nhưng dừng lại ở ngưỡng cửa. “Anh cứ nghĩ mày khá hơn cơ,” anh nói. “Nhưng mày cũng giống như lũ ấy thôi.”

Anh không gọi tôi là “gai ém” nữa. “Đi thôi, Mất Cá!” Một đêm anh gào lên trong nhà hát. Charles tò mò nhìn quanh. Shawn bắt đầu giải thích cái tên đó, vậy là tôi bắt đầu cười – cười đủ to, tôi hy vọng thế, để át tiếng Shawn đi. Tôi cười như thể tôi thích cái tên đó.

Lần đầu tiên tôi dùng son bóng, Shawn nói tôi là đồ đĩ. Tôi đang ở trong phòng ngủ, đứng trước gương, thử thoa son, thì Shawn xuất hiện ở cửa phòng. Anh nói anh đùa thôi nhưng tôi lau son đi. Sau đó tại nhà hát, khi tôi để ý thấy Charles đang nhìn Sadie đắm đắm, tôi lại tô son và thấy Shawn nhăn mặt. Chuyến lái xe về nhà tối hôm đó thật căng thẳng. Nhiệt độ ngoài trời đã giảm xuống dưới 0°C.

Tôi kêu lạnh và Shawn rướn người định bật hệ thống sưởi. Nhưng rồi anh dừng lại, cười với chính mình, và hạ tất cả các cửa sổ xuống. Gió thàng Một tấn công tôi như một xô đá lạnh buốt. Tôi cố vặn cửa lên, nhưng anh đã chốt khóa. Tôi bảo anh cho kính lên. “Em lạnh,” tôi tiếp tục nói, “Em thực sự, thực sự lạnh.” Anh chỉ cười. Anh lái xe suốt mười hai dặm như thế, cười khúc khích như thể đó là một trò chơi, như thể cả hai chúng tôi cùng chơi, như thể không phải rằng tôi đang va vào nhau canh cách.

Tôi cứ nghĩ mọi chuyện sẽ khá hơn khi Shawn đá Sadie – tôi nghĩ tôi đã tự thuyết phục bản thân tin rằng đó là lỗi của cô ấy, rằng vì cô mà anh làm những chuyện đó, và rằng không có cô anh sẽ khác. Sau Sadie, anh dành thời gian với một người bạn gái cũ, Erin. Cô lớn tuổi hơn, không sẵn sàng tham gia các trò chơi của anh, và ban đầu có vẻ như tôi đã đúng, anh cư xử khá hơn.

Sau đó Charles mời Sadie đi ăn tối, Sadie đồng ý, và Shawn nghe thấy. Tối muộn hôm ấy tôi đang làm việc tại cửa hàng của ông Randy thì Shawn xuất hiện, sùi bọt mép. Tôi ra ngoài cùng anh, nghĩ mình có thể làm anh bình tĩnh lại, nhưng tôi không thể. Anh lái xe quanh thị trấn suốt hai tiếng đồng hồ, tìm kiếm chiếc xe Jeep của Charles, chửi rủa và thề rằng khi anh tìm thấy “thằng con hoang đó” anh sẽ “tặng nó một khuôn mặt mới.” Tôi ngồi ở ghế khách trên xe tải của anh, nghe động cơ xe gầm rú khi nó uống dầu, nhìn những vạch kẻ màu vàng biến mất bên dưới capot. Tôi nghĩ về anh trai mình trước kia, như tôi nhớ được, khi tôi muốn nhớ. Tôi nghĩ đến Albuquerque và Los Angeles, và về những dặm đường xuyên bang giữa hai vùng đó.

Một khẩu súng lục được đặt trên ghế giữa chúng tôi, và khi Shawn sang số, anh cầm nó lên vuốt ve, thỉnh thoảng anh xoay tròn nó trên ngón tay trở như một xạ thủ trước khi đặt nó xuống ghế, nơi ánh đèn của những chiếc xe chạy qua làm nòng súng bằng thép sáng lấp lánh.

Tôi thức dậy với cảm giác có những cái kim trong não mình. Hàng nghìn cái, đâm chọc, che khuất tất cả mọi thứ. Sau đó chúng biến mất trong một khoảnh khắc choáng váng và tôi nhận thức được thế giới xung quanh.

Đó là buổi sáng, sáng sớm. Ánh mặt trời màu hồng phách tưới nắng vào phòng tôi qua ô cửa sổ. Tôi đang đứng nhưng không phải bằng sức lực của bản thân. Hai bàn tay túm lấy cổ họng tôi, và chúng bắt đầu lay người tôi. Những cái kim, đó là não của tôi va vào hộp sọ.

Tôi chỉ có vài giây để tự hỏi tại sao, trước khi những cái kim đó trở lại, xé vụn những ý nghĩ của tôi. Mắt tôi mở nhưng tôi chỉ nhìn thấy những ánh chớp trắng. Vài âm thanh vọng tới tôi.

“CON ĐIỂM!”

“ĐỒ ĐỈ!”

Sau đó một âm thanh khác vang lên. Mẹ. Mẹ đang khóc. “Thôi đi! Mày sẽ giết chết con bé mất! Dừng lại ngay!”

Chắc hẳn mẹ đã túm lấy anh bởi vì tôi cảm thấy người anh vặn vẹo. Tôi ngã xuống sàn nhà. Khi tôi mở mắt ra, mẹ và Shawn đang đối mặt với nhau, trên người mẹ chỉ có độc một chiếc áo choàng tắm nhàu nát.

Tôi cố đứng dậy. Shawn túm được một nắm tóc của tôi – sử dụng chiến thuật y như trước, túm sát chân tóc để anh có thể điều khiển tôi – và kéo tôi vào hành lang. Đầu tôi bị ép vào ngực anh. Tất cả những gì tôi có thể nhìn thấy là những phần nhỏ của tấm thảm bay qua đôi chân thoăn thoắt của mình. Đầu tôi đập thành thịch, tôi khó thở, nhưng tôi bắt đầu hiểu chuyện gì đang xảy ra. Thế rồi nước mắt tôi dâng trào.

Vì đau thôi mà, tôi nghĩ.

“Đồ chó cái, mày khóc,” Shawn nói. “Tại sao ư? Tại vì có người thấy mày là đồ đi hả?”

Tôi cố nhìn anh, cố tìm kiếm khuôn mặt của người anh trai, nhưng anh cúi đầu tôi xuống phía mặt đất và tôi ngã. Tôi trườn ra xa, sau đó cố đứng dậy. Phòng bếp quay quay, những đốm sáng kỳ lạ màu hồng và màu vàng trôi trước mắt tôi.

Mẹ đang khóc, vò đầu bứt tóc, “Tao đã thấy mày là gì rồi,” Shawn nói. Mắt anh đầy hoang dại. “Mày vờ thánh thiện và ngoan đạo. Nhưng tao đã thấy mày rồi. Tao đã thấy mày nhảy cõn quanh thằng Charles như một con đĩ.” Anh quay sang mẹ để quan sát lời anh nói tác động đến mẹ ra sao. Mẹ gục xuống bàn ăn.

“Con bé *không* phải thế,” mẹ thều thào.

Shawn vẫn hướng về phía mẹ. Anh nói mẹ không biết tôi đã dối trá như thế nào, tôi đã lừa dối mẹ ra sao, ở nhà tôi vờ làm một đứa con gái ngoan, nhưng ở thị trấn tôi là một con điểm lươn lẹo. Tôi nhích từng chút ra cửa sau.

Mẹ bảo tôi hãy lấy xe của mẹ mà đi. Shawn quay sang tôi. “Mày sẽ cần thứ này mới chuồn được,” anh nói, giơ chùm chìa khóa xe của mẹ lên.

“Nó sẽ không đi đâu hết cho đến khi nó thừa nhận nó là một con đĩ,” Shawn nói.

Anh chụp cổ tay tôi và người tôi trượt vào tư thế quen thuộc, đầu cúi về phía trước, cánh tay bị vặn ra sau lưng, cổ tay bị gấp lại. Giống như một bước nhảy, cơ bắp của tôi nhớ ra và căng lên để vượt lên trước âm nhạc. Không khí từ phổi tôi tràn ra khi tôi cúi sâu hơn để giảm nhẹ sức ép cho xương cổ tay mình từng li từng tí.

“Nói đi,” anh nói.

Nhưng tôi đã ở một nơi nào đó khác. Tôi đã ở tương lại. Trong vài tiếng nữa, Shawn sẽ quỳ bên giường tôi, và anh sẽ rất hối lỗi. Tôi biết điều ấy khi tôi đang cuộn người ở đó.

“Chuyện gì vậy?” Một giọng đàn ông vang lên từ phía cầu thang trong hành lang. Tôi quay đầu lại và nhìn thấy một khuôn mặt lơ lửng giữa hai thanh vịn cầu thang. Đó là Tyler.

Tôi bị ảo giác. Tyler chưa bao giờ về nhà. Khi tôi nghĩ vậy, tôi cười to, tiếng cười khúc khích, lạnh lớt. Anh điên hay sao mà đã thoát khỏi đây rồi còn quay lại? Giờ đây có rất nhiều đốm sáng màu vàng và màu hồng trong tầm nhìn của tôi, cứ như thể tôi đang ở bên trong một quả cầu tuyết. Tốt thôi. Như vậy có nghĩa là tôi sắp rơi vào trạng thái vô thức. Tôi mong thế.

Shawn buông cổ tay tôi ra, tôi lại ngã. Tôi nhìn lên và thấy anh đang dán mắt về phía cầu thang. Chỉ khi đó tôi mới chợt nghĩ rằng Tyler ở đó thật.

Shawn lùi lại một bước. Anh đợi cho tới khi bố và Luke ra khỏi nhà, đi làm, để sức mạnh thể chất của anh không bị thách thức. Đương đầu với người em trai – không nguy hiểm bằng mình nhưng mạnh mẽ hơn theo cách riêng – là việc vượt ngoài mong đợi của anh.

“Chuyện gì vậy?” Tyler nhắc lại. Anh nhìn Shawn, tiến lên từng chút một như thể đang đến gần một con rắn chuông.

Mẹ đã ngừng khóc. Mẹ bối rối. Tyler giờ đây đã là người ngoài. Anh đã đi khỏi nhà lâu đến mức anh bị liệt vào danh sách những người chúng tôi không tiết lộ các bí mật. Người mà chúng tôi không cho biết *chuyện này*.

Tyler di chuyển trên cầu thang, tiến về phía anh trai anh. Mặt anh căng, hơi thở của anh nông, nhưng vẻ mặt của anh không gọn chút ngạc nhiên. Tôi cảm thấy rằng Tyler biết chính xác mình đang làm gì, rằng trước đây anh đã làm điều này, khi các anh còn nhỏ và không hợp nhau lắm. Tyler tạm dừng tiến bước một lát nhưng anh không chớp mắt. Anh nhìn Shawn trùng trùng như muốn nói, *Dù chuyện gì đang xảy ra ở đây, nó phải chấm dứt*.

Shawn bắt đầu lèm bèm về quần áo của tôi và về những gì tôi đã làm ở thị trấn. Tyler ngắt lời anh bằng một cái phẩy tay. “Tôi không muốn biết,” anh nói. Rồi anh quay sang tôi: “Đi, đi khỏi đây đi.”

“Nó sẽ không đi đâu hết,” Shawn nhắc lại, giờ chiếc chìa khóa xe lên.

Tyler ném cho tôi chùm chìa khóa xe của anh. “Đi đi,” anh nói.

Tôi chạy tới xe của Tyler đang đỗ giữa chiếc xe tải của Shawn và chuồng gà. Tôi cố lùi ra xa, nhưng tôi nhấn ga quá mạnh và lốp xe trượt, khiến sỏi bay tung

tóc. Khi cô gắng lần thứ hai tôi đã thành công. Chiếc xe lao về phía sau và quay vòng tròn. Tôi chuyển sang chế độ lái và sắp sửa phóng xuống đồi thì Tyler xuất hiện trên hiên. Tôi hạ cửa kính xuống. “Đừng đi làm,” anh nói. “Anh ấy sẽ tìm thấy em ở đó đây.”

Tối hôm đó, khi tôi về nhà, Shawn đã đi rồi. Mẹ ở trong bếp đang pha chế tinh dầu. Mẹ không đưa động gì đến chuyện hồi sáng, và tôi biết mình không nên nhắc đến nó. Tôi đi ngủ, nhưng nhiều tiếng đồng hồ trôi qua tôi vẫn thức và tôi nghe thấy tiếng một chiếc xe hạng nặng rú ga lên đồi. Vài phút sau, cửa phòng ngủ của tôi bật mở. Tôi nghe thấy tiếng bật đèn, nhìn thấy ánh đèn trên các bức tường, và cảm thấy anh ném phịch người xuống giường tôi. Tôi quay người lại, đối diện với anh. Anh đặt một cái hộp bọc nhung đen xuống cạnh tôi. Thấy tôi không chạm vào nó, anh mở hộp và lấy ra một chuỗi hạt ngọc trai màu trắng sữa.

Anh nói anh có thể nhìn thấy con đường mà tôi đang sa vào và nó không tốt chút nào. Tôi sẽ đánh mất bản thân, trở thành loại gái khác, phù phiếm, mời gọi, tận dụng vẻ ngoài để đạt được mọi thứ.

Tôi đã nghĩ về cơ thể của mình, về sự thay đổi trên cơ thể. Tôi khó mà biết được mình cảm thấy thế nào: đôi khi tôi muốn nó được chú ý, được ngưỡng mộ, nhưng sau đó tôi lại nghĩ đến Jeanette Barney và tôi cảm thấy chán ghét.

“Em là một người đặc biệt, Tara ạ,” Shawn nói.

Tôi ư? Tôi muốn tin mình là như vậy. Nhiều năm trước, Tyler đã bảo tôi là một người đặc biệt. Anh đã đọc cho tôi nghe một đoạn trong Sách Mặc Môn, về một *đứa trẻ điếm tinh, có khả năng quan sát nhanh nhạy*. “Chi tiết này khiến anh nhớ đến em,” Tyler nói.

Đoạn đó miêu tả nhà tiên tri Mặc Môn vĩ đại, một chi tiết mà tôi phát hiện ra trong nỗi bối rối. Phụ nữ không thể trở thành nhà tiên tri được, ấy thế mà Tyler lại bảo với tôi rằng tôi khiến anh ấy nhớ đến một trong những nhà tiên tri vĩ đại. Tôi vẫn không biết anh muốn nói gì, nhưng những gì tôi hiểu lúc đó là, tôi có thể tin vào bản thân: rằng có điều gì đó trong tôi, một điều gì đó giống như những gì

ở trong những nhà tiên tri, và điều đó không phụ thuộc vào việc con người ta là đàn ông hay là đàn bà, già hay trẻ; một dạng giá trị cố hữu và không thể lung lay.

Nhưng giờ đây, khi tôi nhìn đăm đăm cái bóng của Shawn in trên tường, ý thức về cơ thể đang trưởng thành của tôi, về sự xấu xa của nó và về ham muốn làm điều xấu với nó, ý nghĩa của ký ức đó thay đổi. Bỗng nhiên tôi cảm thấy giá trị kia là có điều kiện, nó có thể bị chiếm đoạt hoặc bị bỏ phí. Nó chẳng phải là cố hữu; nó là nhất thời thôi. Điều có giá trị không phải là tôi, mà là vẻ ngoài bị đè nén và tuân phục đang bao bọc tôi.

Tôi nhìn anh trai mình. Lúc đó anh dường như già dặn và khôn ngoan. Anh hiểu đời. Anh biết về những hạng phụ nữ lọc lõi, vậy nên tôi bảo anh hãy ngăn tôi trở thành một kẻ như vậy.

“Được thôi, Mắt Cá,” anh nói. “Anh sẽ làm như vậy.”

Sáng hôm sau, khi tôi thức dậy, cổ tôi bầm tím, cổ tay tôi sưng tấy. Tôi bị đau đầu – không phải đau ở trong não mà là cơn đau đớn thực sự của não, như thể chính nó đau khi bị chạm vào. Tôi đi làm nhưng về sớm và nằm trong xô tối của tầng hầm, đợi chứng đau tan biến. Tôi đang nằm trên thảm, cảm nhận nhịp đập thành thịch trong não mình, thì Tyler tìm thấy tôi và cúi xuống bên tôi. Tôi không thích gặp anh. Điều duy nhất tệ hơn bị tóm tóc kéo đi dọc nhà là để Tyler nhìn thấy cảnh đó. Nếu được lựa chọn giữa việc để mặc mọi sự muốn ra sao thì ra, và việc có Tyler ở đó để ngăn chặn nó, tôi sẽ chọn điều thứ nhất. Dĩ nhiên tôi sẽ chọn điều đó. Dù gì thì lúc ấy tôi cũng sắp ngất, và khi ngất đi tôi có thể quên. Trong một hoặc hai ngày nó thậm chí không còn là thực nữa. Nó sẽ thành một giấc mơ xấu, và một tháng sau, nó chỉ còn là dư âm của ác mộng. Nhưng Tyler đã nhìn thấy, đã khiến nó trở nên thật.

“Đã nghĩ đến việc đi khỏi nhà chưa?” Tyler hỏi.

“Đi đâu kia chứ?”

“Đi học,” anh nói.

Tôi tươi tỉnh hẳn lên. “Tháng Chín em sẽ đăng ký vào trường trung học,” tôi nói. “Bố không thích điều đó đâu, nhưng em sẽ đi.” Tôi cứ nghĩ Tyler sẽ vui; thay vì thế anh nhăn mặt.

“Trước đây em đã nói điều đó rồi.”

“Em sẽ đi.”

“Có thể,” Tyler nói. “Nhưng chừng nào em còn sống dưới mái nhà của bố, thì khó mà đi được khi bố bảo em không được đi, để mà trì hoãn thêm một năm nữa, cho đến khi chẳng còn năm nào để mà trì hoãn sát. Nếu bắt đầu là một sinh viên năm thứ hai thì liệu em có thể tốt nghiệp được không hả?”

Cả hai chúng tôi đều biết tôi không thể.

“Tara, đã đến lúc phải đi,” Tyler nói. “Em càng ở nhà lâu thì em càng khó mà đi được.”

“Anh nghĩ em cần phải đi khỏi đây ư?”

Tyler không chớp mắt, không ngập ngừng. “Anh nghĩ đây là nơi tồi tệ nhất có thể dành cho em.” Anh nói nhẹ nhàng, nhưng tôi cảm thấy như thể anh gào lên khi nói những lời đó.

“Em có thể đi đâu được chứ?”

“Đến nơi anh đã đi,” Tyler nói. “Đi học đại học.”

Tôi khụt khịt.

“Trường BYU[®] nhận học sinh học ở nhà đây,” anh nói.

“Anh em mình là như vậy hả?” Tôi nói. “Là những học sinh học ở nhà ư?” Tôi cố nhớ lần cuối cùng tôi đọc một cuốn giáo trình là bao giờ.

“Ban giám hiệu sẽ không biết bất cứ điều gì ngoài những điều chúng ta kể với họ,” Tyler nói. “Nếu chúng ta nói rằng em học ở nhà thì họ sẽ tin là thế.”

“Em không được nhận đâu.”

“Em sẽ được nhận,” anh nói. “Chỉ cần qua kỳ thi ACT[®] thôi. Một kỳ thi ở mức thấp ấy mà.”

Tyler đứng dậy dợm bước đi. “Ở ngoài kia là cả một thế giới, Tara ạ,” anh nói. “Và nó trông khác nhiều khi bố không thì thâm ý của bố vào tai em nữa.”

Ngày hôm sau, tôi lái xe đến cửa hàng gia dụng trong thị trấn nua một cái khóa chốt cho cửa phòng ngủ của mình. Tôi đặt nó xuống giường, sau đó lấy một cái khoan và bắt đầu khoan lỗ chốt. Tôi cứ nghĩ Shawn ra ngoài – xe tải của anh không đậu trên lối cho xe vào nhà – nhưng khi tôi bắt đầu xoay mũi khoan, anh xuất hiện, đứng lù lù ở cửa phòng tôi.

“Em đang làm gì vậy?” Anh hỏi.

“Núm cửa bị vỡ,” tôi nói dối. “Cửa cứ tự động mở. Cái khóa này rẻ thôi, nhưng mẹo này sẽ có tác dụng.”

Shawn sờ cái chốt bằng thép dày mà tôi chắc rằng anh biết nó không hề rẻ. Tôi đứng lặng thinh, chờ người vì khiếp sợ nhưng cũng vì thương hại. Trong khoảnh khắc đó tôi ghét anh, và tôi muốn hét to vào mặt anh rằng tôi ghét anh. Tôi mừng tượng cảnh anh rúm người, tan nát dưới sức nặng của những lời tôi nói và nổi ghét bỏ chính bản thân. Thậm chí lúc đó tôi đã hiểu sự thật đó: rằng Shawn ghét chính mình hơn tôi có thể ghét anh.

“Em dùng đinh vít không hợp rồi,” anh nói. “Em cần đinh vít dài để bắt vào tường và vít kẹp cho cửa. Nếu không nó sẽ bung ra ngay.”

Chúng tôi đi bộ ra xưởng sửa chữa. Shawn đi loanh quanh vài phút, sau đó xuất hiện với một nắm đinh vít bằng thép. Chúng tôi quay về nhà và anh tra cái khóa chốt, vừa ngâm nga hát vừa mỉm cười, để lộ những chiếc răng sữa trắng bóng.

Chương 14

Chân Tôi Không Chạm Đất Nữa

THÁNG MƯỜI BỐ TÔI KÝ ĐƯỢC HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG một tổ hợp các kho chứa nông sản ở Malad, một thành phố bụi bặm có nhiều trang trại nằm ở phía bên kia núi Buck. Đó là một việc lớn đối với một đội lao động nhỏ – chỉ gồm bố, Shawn, Luke, Benjamin (chồng của Audrey) – nhưng Shawn là một thợ cả giỏi, và có anh cáng đáng công việc, đội của bố được tiếng là làm nhanh, đáng tin cậy.

Shawn không để bố làm tất. Nhiều lần đi qua xưởng làm sắt, tôi nghe thấy bố và Shawn to tiếng với nhau, bố nói Shawn lãng phí thời gian, Shawn gào lên rằng bố suýt nữa đã làm ai đó mất đầu.

Shawn làm việc suốt nhiều ngày dài, lau chùi, cắt, hàn những vật liệu thô cho tổ hợp nhà kho, và khi việc xây dựng bắt đầu anh thường có mặt tại công trường ở Malad. Khi anh và bố về nhà, thường sau lúc mặt trời lặn nhiều tiếng đồng hồ, họ gần như luôn chửi thề. Shawn muốn chuyên nghiệp hóa hoạt động xây dựng, đầu tư khoản lợi nhuận từ vụ làm ăn ở Malad cho các trang thiết bị mới; bố muốn mọi thứ vẫn như cũ. Shawn nói bố không hiểu rằng nghề xây dựng có tính cạnh tranh hơn làm phế liệu, và rằng nếu họ muốn có được những hợp đồng thực sự thì họ cần dùng những khoản tiền thực sự cho trang thiết bị thực sự – đặc biệt, một chiếc máy hàn mới và một cần cẩu có giỏ nâng người làm việc trên cao.

“Chúng ta không thể dùng một cái cần cẩu và một tấm nâng bằng gỗ cũ đỉn được,” Shawn nói. “Nó trông như cứt, và nó nguy hiểm lắm đấy bố.”

Bố cười rõ to trước ý tưởng về cái giỏ nâng người làm việc trên cao. Hai mươi năm nay bố toàn sử dụng cần cẩu với tấm nâng bằng gỗ.

Hầu như hôm nào tôi cũng làm việc đến tối mịt. Ông Randy có kế hoạch đi một chuyến dài ngày bằng đường bộ để tìm các nhà bán lẻ mới, và ông bảo tôi quản lý cửa hàng trong thời gian ông đi vắng. Ông dạy tôi cách sử dụng máy tính để nhập liệu, xử lý đơn hàng, cách lưu số liệu kiểm kê. Chính nhờ ông mà lần

đầu tiên tôi biết đến Internet. Ông chỉ cho tôi cách vào mạng, truy cập một trang web, cách viết thư điện tử. Hôm lên đường, ông đưa cho tôi một chiếc điện thoại di động để ông có thể liên lạc với tôi bất cứ lúc nào.

Một tối, tôi vừa mới đi làm về thì Tyler gọi điện. Anh hỏi tôi có đang học để thi ACT hay không. “Em không thể thi kỳ thi đó đâu,” tôi nói. “Em chẳng biết gì về toán cả.”

“Em có tiền mà,” Tyler nói. “Hãy mua sách mà học đi.”

Tôi nói không. Trường đại học đó không hợp với tôi. Tôi biết cuộc sống của mình rồi sẽ ra sao: mười tám hoặc mười chín tuổi, tôi sẽ lấy chồng. Bố muốn cho tôi một góc trang trại, và chồng tôi sẽ dựng nhà trên đó. Mẹ sẽ dạy tôi về thảo dược, và thuật đỡ đẻ vì bây giờ mẹ bị đau nửa đầu nên không hành nghề thường xuyên nữa. Khi tôi sinh con, mẹ sẽ là người đỡ đẻ, và một ngày nào đó tôi sẽ trở thành bà đỡ. Tôi thấy trường đại học chẳng khớp với chỗ nào trong cuộc sống đó.

Tyler dường như đọc được ý nghĩ của tôi. “Em biết sơ Sears chứ?” Anh nói. Sơ Sears là người chỉ huy dàn hợp xướng của nhà thờ. “Em nghĩ làm thế nào sơ biết chỉ huy một dàn hợp xướng chứ?”

Tôi luôn ngưỡng mộ sơ Sears, và luôn ghen tị với hiểu biết về âm nhạc của sơ. Tôi chưa bao giờ nghĩ sơ đã học như thế nào để có những kiến thức đó.

“Sơ đã học,” Tyler nói. “Em có biết em có thể lấy bằng về âm nhạc không? Nếu có bằng về âm nhạc thì em có thể dạy nhạc, em có thể chỉ huy dàn hợp xướng của nhà thờ. Dù bố sẽ không đồng ý, hoặc không hoàn toàn đồng ý.”

Mới đây mẹ tôi đã mua bản thử nghiệm AOL (gói Internet). Tôi chỉ vào mạng tại cửa hàng của ông Randy, cho công việc, nhưng sau khi Tyler gác máy, tôi mở máy tính của gia đình và đợi nó kết nối Internet. Tyler đã nói gì đó về trang web của BYU. Tôi chỉ mất vài phút để tìm ra trang ấy. Thế rồi màn hình đầy những bức ảnh – những tòa nhà bằng gạch xây quy củ mang màu đá mặt trời, được vây quanh bởi những cây xanh toàn màu ngọc lục bảo và những người đang vừa bước đi vừa cười, với những cuốn sách kẹp nách và những chiếc ba lô đeo trên vai. Cảnh trông như trong một bộ phim. Một bộ phim có nội dung vui vẻ.

Ngày hôm sau, tôi lái xe bốn mươi dặm tới hiệu sách gần nhất mua một bộ sách luyện thi ACT mới cóng. Tôi ngồi trên giường, mở bộ đề toán ra. Tôi nhìn sẫm soi trang đầu tiên. Không chỉ tôi không biết giải phương trình mà thậm chí còn không nhận biết được các ký hiệu. Trang thứ hai, trang thứ ba cũng thế.

Tôi cầm quyển bộ đề tới chỗ mẹ. “Cái gì đây hả mẹ?” Tôi hỏi.

“Toán,” mẹ nói.

“Vậy các con số ở đâu ạ?”

“Đó là đại số mà. Các chữ cái thay thế các con số.”

“Làm thế nào con giải được chứ?”

Mẹ loay hoay với tờ giấy và chiếc bút trong vài phút, nhưng mẹ không thể giải được phép tính nào trong năm phép tính đầu tiên. Ngày hôm sau, tôi lại lái xe bốn mươi dặm, tám mươi dặm cả đi cả về, và về nhà cùng với cuốn giáo trình đại số.

Mỗi tối, khi đội lao động của bố rời khỏi Malad, bố đều gọi điện về nhà để mẹ chuẩn bị bữa tối sẵn sàng khi chiếc xe tải của đội lên đồi. Tôi hóng cuộc gọi đó, và khi chuông reo, tôi ngồi vào xe của mẹ rồi lái đi. Tôi không biết tại sao. Tôi tới Worm Creek, ngồi ngoài ban công xem tập kịch, chân để trên gờ tường, một cuốn sách toán để mở trước mặt. Tôi không học toán kể từ khi học làm phép chia trên giấy và những khái niệm đều lạ lẫm đối với tôi. Tôi hiểu lý thuyết phân số nhưng vật vã thực hành những phép toán đó, và khi tôi nhìn thấy một số thập phân trên trang sách tim tôi đập loạn. Trong suốt một tháng đêm nào tôi cũng ngồi trong nhà hát, trên cái ghế bọc nhung đỏ, và làm những phép toán cơ bản – nhân các số thập phân, sử dụng phép nghịch đảo, cộng, nhân và chia số thập phân – trong khi trên sân khấu, các nhân vật tập đọc lời thoại của mình.

Tôi bắt đầu học lượng giác. Có chút an ủi trong các công thức và phương trình lạ lẫm của nó. Tôi bị cuốn hút bởi định lý Pythagore và định lý ấy hứa hẹn về một vũ trụ – khả năng dự đoán bản chất của ba điểm chứa một góc vuông, ở bất cứ đâu. Những gì về vật lý tôi đều học ở bãi phế liệu, nơi thế giới vật chất

đường như thường bất ổn, thất thường. Nhưng đây là một nguyên lý mà nhờ đó các chiều của cuộc sống có thể được xác định, nắm bắt. Có lẽ hiện thực không hẳn là luôn thay đổi đột ngột. Có lẽ ta có thể giải thích, dự đoán nó. Có lẽ nó có thể được làm cho trở nên hợp lý.

Nỗi khổ sở bắt đầu khi tôi chuyển từ định lý Pythagore sang "sin", "cos" và "tan". Tôi không thể hiểu được những khái niệm trừu tượng đó. Tôi có thể cảm nhận được tính logic trong chúng, có thể cảm nhận được khả năng thiết lập trật tự và sự đối xứng, nhưng tôi không thể mở khóa được. Chúng cứ giữ khư khư bí ẩn của mình, trở thành một cái cồng mà ở bên ngoài nó tôi tin rằng có mô thể giới của luật lệ và lý lẽ. Nhưng tôi không thể đi qua cánh cổng.

Mẹ nói rằng nếu tôi muốn học lượng giác thì mẹ có trách nhiệm dạy tôi. Mẹ dành ra một buổi tối, và hai mẹ con tôi ngồi tại bàn ăn, viết nguệch ngoạc lên những mảnh giấy và vò đầu bứt tóc. Chúng tôi dành ba tiếng đồng hồ cho một bài toán, và mọi câu trả lời mẹ con tôi tìm ra đều sai bét.

"Hồi học trung học mẹ không giỏi về lượng giác chút nào," mẹ rên rỉ, gấp cuốn sách lại rõ mạnh. "Và mẹ đã quên tiệt chút kiến thức ít ỏi mà mẹ biết rồi."

Bố ở trong phòng khách, vừa sắp xếp những bản thiết kế cho tổ hợp nhà kho vừa lảm bảm một mình. Tôi đã quan sát bố vẽ những bản thiết kế đó, nhìn bố làm những phép tính, chỉnh sửa góc này, kéo dài thanh xà nọ. Bố từng được học chút ít toán cơ bản nhưng rõ ràng bố có năng khiếu: bằng cách nào đó tôi biết rằng nếu tôi đặt phép toán phương trình trước mặt bố thì bố sẽ giải được nó.

Khi tôi nói với bố rằng tôi định đi học đại học, bố nói chỗ của đàn bà con gái là ở nhà, rằng tôi nên học về thảo dược. "Thuốc của Chúa," bố gọi như vậy, mỉm cười với chính mình, để tôi có thể nối nghiệp mẹ. Tất nhiên, bố nói nhiều hơn thế, về việc tôi đang đua đòi theo đuổi sự hiểu biết của con người thay vì sự hiểu biết của Chúa, nhưng tôi vẫn quyết định hỏi bố về lượng giác. Tôi chắc chắn bố sở hữu một chút ít hiểu biết của con người.

Tôi viết phép tính đó ra một tờ giấy trắng. Khi tôi nhẹ nhàng và chậm chạp bước tới, đặt tờ giấy lên trên tập bản vẽ, bố không ngẩng lên nhìn. "Bố, bố có thể

giải phép tính này không ạ?”

Bố nhìn tôi bằng cái nhìn nghiêm khắc, sau đó ánh mắt bố dịu lại. Bố xoay tờ giấy, nhìn chăm chăm vào nó một lát, rồi bắt đầu viết nguệch ngoạc, những con số, những vòng tròn và những đường kẻ hình vòng cung chồng lên nhau. Cách giải của bố không giống bất cứ thứ gì trong giáo trình của tôi, không giống bất cứ thứ gì tôi từng nhìn thấy. Rìa mép của bố giật giật, bố lẩm bẩm. Sau đó bố thôi viết nguệch ngoạc mà ngẩng lên, đưa ra đáp số đúng.

Tôi hỏi làm thế nào bố giải được phép tính đó. “Bố không biết giải nó như thế nào,” bố đưa tờ giấy cho tôi. “Tất cả những gì bố biết, đó là đáp án.”

Tôi quay vào trong bếp, so sánh phương trình rành mạch, đã được cân bằng ở trong sách với mớ rối rắm gồm những cách tính và những nét chữ nguệch ngoạc đến chóng mặt của bố. Tôi choáng váng bởi trang giấy kì cục đó: bố có thể làm chủ môn khoa học này, có thể giải đoán ngôn ngữ của nó, giải mã logic của nó, có thể bẻ cong, xoắn vặn, vắt ép ra chân lý từ nó. Nhưng khi đi qua bố, nó hóa thành một mớ lộn xộn, rối rắm.

Tôi học lượng giác trong một tháng. Thỉnh thoảng tôi mơ tới “sin,” “cos,” “tan,” những góc huyền bí và những phép tính gây choáng váng, nhưng thật sự với môn này tôi chẳng tiến bộ chút nào. Tôi không thể tự học môn lượng giác. Nhưng tôi biết một người có thể.

Tyler bảo tôi hãy gặp anh tại nhà bác Debbie của chúng tôi bởi vì bác sống gần trường Đại học Brigham Young. Lái xe tới đó mất ba tiếng đồng hồ. Tôi cảm thấy không thoải mái cho lắm khi gõ cửa nhà bác. Bác là chị của mẹ tôi, và Tyler sống với bác trong năm đầu tiên học ở BYU, nhưng đó là tất cả những gì tôi biết về bác.

Tyler ra mở cửa. Chúng tôi ngồi ở phòng khách trong khi bác Debbie chuẩn bị món thịt hầm. Tyler dễ dàng giải các phương trình, rồi tuần tự diễn giải phép toán. Anh đang học kỹ thuật cơ khí, có khả năng sẽ tốt nghiệp với kết quả đứng

đầu lớp, và chẳng bao lâu nữa sẽ bắt đầu chương trình đào tạo tiến sĩ tại Purdue. Những phương trình lượng giác của tôi chẳng nhằm nhò gì so với khả năng của anh, nhưng nếu anh chán ngấy nó, anh sẽ không thể hiện ra mặt; anh kiên nhẫn giảng giải các quy tắc, giảng giải đi giảng giải lại.

Cánh cổng đã hé mở một chút, và tôi ghé mắt nhìn qua nó.

Tyler đã đi rồi, và bác Debbie đang ấn đĩa thịt hầm vào tay tôi thì chuông điện thoại reo. Mẹ tôi gọi điện.

“Có chuyện ở Malad rồi,” mẹ nói.

Mẹ không biết gì nhiều. Shawn bị ngã. Anh ngã đập đầu xuống đất. Ai đó đã gọi 911, và anh được trực thăng đưa tới một bệnh viện ở Pocatello. Các bác sĩ không chắc anh có qua khỏi hay không. Đó là tất cả những gì mẹ biết.

Tôi muốn nhiều hơn thế, muốn người ta khẳng định xác suất thế nào đó, dù chỉ là để tôi có cơ mà cự lại. Tôi muốn mẹ nói, “Họ nghĩ thằng bé sẽ ổn thôi,” hoặc thậm chí, “Họ hy vọng chúng ta sẽ không mất anh con.” Bất cứ điều gì, nhưng những gì mẹ nói là, “Họ không biết.”

Mẹ nói tôi nên đến bệnh viện. Tôi mừng tượng Shawn nằm trên chiếc băng ca trắng, sự sống đang len lén trườn khỏi anh. Tôi cảm thấy nổi mát mát dâng lên khiến đầu gối tôi gần như khụy xuống, nhưng trong phút tiếp theo tôi lại cảm thấy một điều gì đó khác. Nhẹ nhõm.

Có một cơn bão đang đến, có thể sẽ phủ một lớp tuyết dày hơn một mét lên hẻm núi Sardine, án ngữ đường vào thung lũng của chúng tôi. Xe hơi của mẹ, chiếc xe mà tôi đã lái tới nhà bác Debbie, đã mòn lốp. Tôi bảo mẹ rằng tôi không thể lái xe qua đó được.

Chuyện Shawn đã ngã như thế nào được hé lộ với tôi từng chút, từng mẩu trong những lời kể qua loa của Luke và Benjamin, những người có mặt ở đó. Đó là một buổi trưa lạnh lẽo và gió thổi dữ dội, cuốn bụi lên thành những đám mây mỏng. Shawn đang đứng trên tấm nâng bằng gỗ ở độ cao khoảng tám mét trên

không trung. Cách anh gần bốn mét ở phía dưới là một bức tường xi-măng đang xây dở với cốt thép thò ra ngoài như những lưỡi gươm cùn. Tôi không biết chính xác Shawn đang làm gì trên tấm nâng đó, nhưng có thể anh đang chỉnh các cột hoặc đang hàn, bởi vì đó là những việc anh thường làm. Bố đang lái xe cầu.

Tôi nghe những lời kể mâu thuẫn nhau quanh nguyên cớ Shawn ngã[Ⓢ]. Người thì bảo tại bố bất ngờ cho cần cầu chuyển động và Shawn ngã lộn từ rìa tấm nâng. Nhưng hầu hết những người khác nói rằng Shawn đang đứng sát mép tấm nâng, và không hiểu sao lại lùi lại và bước hẫng. Anh ngã lộn từ độ cao tám mét, người anh xoay chầm chậm trong không trung, rồi khi anh va vào bức tường xi-măng có những thanh cốt thép thò ra, anh đập đầu xuống trước, sau đó rơi lộn nhào từ độ cao gần ba mét xuống đất.

Mọi người tả cú ngã cho tôi nghe như vậy, nhưng trí óc tôi phác họa nó khác kia – trên một tờ giấy trắng với những dòng kẻ bằng nhau. Anh trèo lên cao, ngã ở một chỗ dốc, đập vào thanh cốt thép và trở lại mặt đất. Tôi tưởng tượng một hình tam giác. Sự việc đó trở nên hợp lý khi tôi nghĩ theo lối này. Sau đó logic của kí ức này đầu hàng trước bố tôi.

Bố nhìn thấy Shawn. Shawn bị mất phương hướng. Một bên con người của anh giãn ra còn bên kia thì không, nhưng không ai biết điều đó nghĩa là gì. Không ai biết anh bị chảy máu não. Bố bảo Shawn hãy nghỉ một chút. Luke và Benjamin giúp anh dựa người vào chiếc xe bán tải, sau đó họ quay lại làm việc.

Những gì diễn ra sau thời điểm này thậm chí còn mơ hồ hơn. Chuyện mà tôi nghe được là mười lăm phút sau Shawn đi tha thẩn trên công trường. Bố nghĩ anh đã sẵn sàng làm việc trở lại liền bảo anh trèo lên tấm nâng, và Shawn, người vốn chẳng thích người khác bảo mình phải làm gì, bắt đầu la lối bố về mọi chuyện – về trang thiết bị, về cách thiết kế tổ hợp nhà kho, về cách trả công của bố. Bố cũng găm lên, sau đó – đúng lúc bố nghĩ Shawn đã bình tĩnh lại, thì anh bất ngờ túm lấy lưng bố và quăng bố như quăng một bao lúa mì. Trước khi bố kịp lồm cồm bò dậy thì Shawn đã bắt đầu chạy, nhảy, hú hét, cười sảng sặc rồi thì Luke cùng Benjamin, giờ đây đã biết chắc chắn có chuyện rất tồi tệ, liền đuổi theo anh.

Luke đuổi kịp anh trước nhưng không thể giữ nổi anh; sau đó Benjamin tới tiếp sức và Shawn di chuyển chậm hơn một chút. Nhưng phải đến khi cả ba người đàn ông cùng xử lý anh – ném anh xuống đất, anh bị đập đầu rất mạnh bởi vì anh kháng cự – cuối cùng anh mới nằm im.

Không ai miêu tả cho tôi nghe điều gì đã xảy ra khi đầu Shawn bị va đập lần thứ hai. Tôi không chắc anh có bị co giật, bị nôn hay bất tỉnh không. Nhưng rõ ràng tình hình đáng sợ đến mức ai đó – có thể là bố tôi, hoặc Benjamin – đã gọi 911, điều mà không thành viên nào trong gia đình tôi từng làm trước đó.

Họ được báo cho biết rằng một chiếc trực thăng sẽ đến trong vài phút nữa. Sau đó, các bác sĩ suy luận rằng khi bố tôi, Luke và Benjamin vật Shawn ngã lăn ra đất – Shawn đã bị một cơn chấn động – anh đã ở trong tình trạng nghiêm trọng sẵn rồi. Họ nói việc anh không chết ngay khi đập đầu xuống đất lần thứ hai thực sự là một phép màu.

Tôi cố hình dung ra cảnh tượng ở đó trong khi họ đợi máy bay trực thăng tới. Bố nói rằng khi những trợ tá y tế tới, Shawn đang khóc nức nở, đòi mẹ. Khi anh đến bệnh viện, trạng thái tinh thần của anh đã thay đổi. Anh đứng trần truồng trên băng ca, mắt lồi ra, vằn tia máu, gào lên rằng anh sẽ móc mắt bất cứ đồ khốn nào đến gần anh. Sau đó anh khóc nức nở và cuối cùng bất tỉnh.

Shawn sống sót qua đêm đó.

Buổi sáng tôi lái xe về núi Buck. Tôi không thể giải thích tại sao mình lại không chạy ngay đến bên giường của anh trai. Tôi nói với mẹ rằng tôi phải làm việc.

“Thằng bé đòi gặp con đây,” mẹ nói.

“Mẹ đã nói rằng anh ấy không nhận ra ai kia mà.”

“Nó không nhận ra ai,” mẹ nói. “Nhưng cô y tá vừa mới hỏi mẹ liệu Shawn có biết người nào tên là Tara không. Sáng nay nó cứ nhắc đi nhắc lại tên con, cả khi ngủ lẫn lúc thức. Mẹ nói với họ Tara là em gái nó, và họ nói bây giờ nếu con

đến được thì tốt. Nó có thể sẽ nhận ra con, và đó sẽ là điều quan trọng. Tên con là cái tên duy nhất nó nhắc đến kể từ khi nó vào viện. ”

Tôi im lặng.

“Mẹ sẽ trả tiền xăng,” mẹ nói. Mẹ nghĩ tôi không đến với anh vì ba mươi đô-la tiền xăng. Tôi phát ngượng khi mẹ nói điều ấy, nhưng, nếu không phải vì tiền thì tôi chẳng có lý do nào cả.

“Bây giờ con sẽ đi,” tôi nói.

Lạ thay tôi nhớ rất ít về cái bệnh viện đó, hoặc anh trai tôi trông như thế nào. Tôi chỉ nhớ lờ mờ đầu anh quấn băng, và rằng khi tôi hỏi tại sao, mẹ nói các bác sĩ đã phẫu thuật cho anh, mổ sọ anh để giảm sức ép, hoặc để cầm máu, hoặc để chữa một chỗ bị thương tổn – thực sự, tôi không thể nhớ nổi mẹ đã nói gì. Shawn vật vã như một đứa trẻ lên cơn sốt. Tôi ngồi với anh một tiếng đồng hồ. Vài lần anh mở mắt ra, nhưng nếu anh tỉnh thì anh cũng chẳng nhận ra tôi.

Ngày hôm sau khi tôi tới, anh thức. Tôi bước vào phòng, và anh chớp mắt nhìn mẹ, như thể để xem mẹ có nhìn thấy tôi hay không.

“Em đến rồi,” anh nói. “Anh không nghĩ em sẽ đến.” Anh cầm tay tôi rồi ngủ thiếp đi.

Tôi nhìn chăm chăm khuôn mặt anh, nhìn đám băng gạc băng quanh trán và tai anh, và nỗi cay đắng trong tôi tan biến. Lúc đó tôi hiểu tại sao mình lại không đến sớm hơn. Tôi sợ những gì mình sẽ cảm thấy, sợ rằng nếu anh chết thì tôi có thể sẽ mừng.

Tôi chắc rằng các bác sĩ muốn giữ anh ở lại bệnh viện, nhưng chúng tôi không có bảo hiểm, và số tiền điều trị phải thanh toán đã lớn đến mức Shawn trả cả chục năm sau mới hết. Ngay khi anh đủ ổn định để đi đường, chúng tôi đưa anh về nhà.

Trong hai tháng trời anh sống trên sofa ở phòng khách. Thể lực của anh yếu – anh chỉ đủ sức để di chuyển vào phòng vệ sinh rồi quay lại sofa. Một bên tai của anh điếc hoàn toàn, và tai còn lại thì nghe rất khó, vậy nên anh thường quay đầu khi người khác nói chuyện với anh, quay bên tai còn nghe được về phía người

nói, thay vì nhìn. Ngoài động tác lạ lòng đỏ và lớp băng gạc sau cuộc phẫu thuật, anh trông bình thường, không sưng phù, không bầm dập. Theo các bác sĩ, đó là bởi tổn thương rất nghiêm trọng: không có dấu hiệu tổn thương ở bên ngoài có nghĩa là mọi thương tổn đều ở bên trong.

Phải mất một thời gian tôi mới hiểu rằng dù Shawn trông không khác, thực ra anh không còn được như trước nữa. Anh dường như mình mẫn, nhưng nếu bạn chăm chú lắng nghe thì sẽ thấy những câu chuyện của anh chẳng đâu vào đâu cả, chỉ là hết đường tiếp tuyến này đến đường tiếp tuyến khác.

Tôi cảm thấy hối hận vì đã không đến bệnh viện với anh ngay lập tức, vậy nên để bù đắp cho anh tôi bỏ việc, chăm sóc anh ngày cũng như đêm. Khi anh muốn uống nước, tôi đi lấy nước cho anh; nếu anh đói, tôi nấu thức ăn cho anh.

Sadie bắt đầu ghé qua, và Shawn đón nhận cô. Tôi mong ngóng cô ghé thăm anh tôi bởi vì nhờ vậy tôi có thời gian để học. Mẹ tôi nghĩ việc tôi ở bên Shawn là quan trọng, vậy nên không ai ngăn cản tôi. Lần đầu tiên trong đời tôi có thời gian dài để học – mà không phải nhật phế liệu, hoặc lọc rượu thuốc, hoặc kiểm kê hàng hóa cho ông Randy. Tôi nghiền ngẫm các ghi chú của Tyler, đọc đi đọc lại những phần anh phân tích. Sau vài tuần như vậy, bằng một phép màu nào đó, tôi đã nắm bắt được các khái niệm. Tôi làm lại các bài luyện thi. Môn đại số nâng cao vẫn hóc búa – nó đến từ một thế giới nằm ngoài khả năng nhận thức của tôi – nhưng môn lượng giác đã trở nên dễ hiểu, các thông điệp được viết bằng một ngôn ngữ mà tôi có thể hiểu được, từ một thế giới của logic và trật tự chỉ tồn tại bằng mực đen, trên giấy trắng.

Trong khi đó, thế giới thực chìm ngập trong hỗn loạn. Các bác sĩ nói với mẹ tôi rằng chấn thương của Shawn có thể làm thay đổi tình tình của anh – rằng ở bệnh viện anh đã có xu hướng dễ thay đổi thất thường, thậm chí bạo lực, và tình trạng này có thể là vĩnh viễn.

Anh không kiểm soát nổi những cơn cuồng nộ, những lúc tức giận mù quáng khi tất cả những gì anh muốn là làm tổn thương ai đó. Anh có thiên bẩm cư xử và ăn nói thô tục, anh dễ dàng nói chỉ một điều tệ hại mà khiến mẹ tôi khóc nhiều

đêm. Những cơn cuồng nộ đó thay đổi, và trở nên tệ hơn khi thể lực của anh khá lên, và sáng nào tôi cũng cọ bồn cầu với ý thức rằng trước giờ ăn trưa đầu tôi có thể sẽ ở trong đó. Mẹ nói rằng tôi là người duy nhất có thể khiến anh bình tĩnh, và tôi tự thuyết phục bản thân tin rằng đúng thế thật. *Ai có thể làm tốt hơn kia chứ?* Tôi nghĩ. *Anh ấy không làm đau mình đâu.*

Bây giờ nghĩ lại, tôi không dám chắc chấn thương ấy đã thay đổi anh nhiều như thế, nhưng tôi thuyết phục bản thân rằng chính nó đã làm anh thay đổi, và rằng cái phần tàn nhẫn, thô bạo ở anh là hoàn toàn mới. Tôi có thể đọc những trang nhật ký của mình từ giai đoạn đó, lần ra sự tiến triển – về một đứa con gái đang viết lại lịch sử của mình. Trong cái hiện thực mà đứa con gái đó tự dựng lên cho bản thân chẳng có gì bất ổn trước khi người anh trai ngã khỏi tấm nâng bằng gỗ. *Mình ước gì anh, người bạn thân của mình, trở lại như xưa, cô gái đó viết. Trước khi anh ấy bị tai nạn, mình chưa từng bị tổn thương.*

Chương 15

Không Còn Là Đứa Trẻ

CÓ MỘT KHOẢNH KHẮC TRONG MÙA ĐÔNG ĐÓ. Tôi đang quỳ trên thảm, nghe bố truyền đạt sứ mệnh làm thầy thuốc của mẹ thì bỗng tôi bị nghẹt thở và cảm thấy mình như đang thoát xác. Tôi không còn nhìn thấy bố mẹ tôi hoặc phòng khách nhà chúng tôi nữa. Những gì tôi nhìn thấy là một phụ nữ trưởng thành, với suy nghĩ, với những lời cầu nguyện của riêng mình, không còn ngồi như một đứa trẻ dưới chân bố mình nữa.

Tôi nhìn thấy cái bụng to như trống của người phụ nữ ấy và đó là bụng tôi. Bên cạnh người phụ nữ, bà mẹ cũng là bà đỡ, ngồi đó. Cô cầm tay người mẹ và nói cô muốn đứa trẻ được sinh ra trong bệnh viện, có bác sỹ chăm sóc. Mẹ cô nói, mẹ sẽ lái xe đưa con đi. Hai người phụ nữ đi ra phía cửa, nhưng cánh cửa đã bị chặn – bởi lòng trung thành và thái độ phục tùng. Bởi bố cô. Ông đứng đó, không nhúc nhích. Nhưng người phụ nữ đó là con gái của ông, và cô hứng chịu mọi lời kết tội của ông, toàn bộ sức ép của ông. Cô gạt ông sang một bên và đi qua cửa.

Tôi cố tưởng tượng ra tương lai mà một phụ nữ như vậy có quyền đòi hỏi cho bản thân. Tôi cố hình dung ra những cảnh khác khi mà người phụ nữ và bố cô ta đều có suy nghĩ riêng, khi cô phớt lờ lời khuyên của ông và khẳng khái giữ ý mình. Nhưng bố tôi đã dạy tôi rằng không có hai ý kiến hợp lẽ trong bất cứ một chủ đề nào: chỉ có Chân Lý và Dối Trá. Tôi quỳ trên thảm, nghe bố mình, nhưng lại quan sát cái người lạ này, cảm thấy mình lơ lửng giữa họ, bị kéo về bên này, bên kia, bị cả hai cự tuyệt. Tôi hiểu rằng không tương lai nào có thể dung chứa họ; không định mệnh nào có thể chịu đựng cả ông và cô. Tôi sẽ vẫn là một đứa trẻ, vĩnh viễn, luôn luôn, hoặc tôi sẽ mất bố.

Tôi đang nằm trên giường, nhìn những cái bóng mà chiếc đèn đọc sách lơ lửng của tôi hắt lên tường thì chợt nghe thấy giọng nói của bố ở cửa. Theo phản xạ tôi

đứng bật dậy trong một tư thế chào, nhưng khi đứng dậy, tôi không biết phải làm gì. Chưa hề có tiền lệ cho điều này: trước đây bố chưa bao giờ đến phòng tôi.

Bố sải bước qua chỗ tôi và ngồi lên giường, sau đó vồ vồ xuống đệm bên cạnh ông. Tôi ngồi xuống, căng thẳng, hai bàn chân trần của tôi chạm sàn nhà. Tôi đợi bố nói, nhưng nhiều giây trôi qua trong im lặng. Mắt bố nhắm lại, hàm bố thả lỏng, như thể bố đang lắng nghe tiếng nói của các thiên sứ. “Bố cầu nguyện,” bố nói. Giọng bố nhẹ nhàng, đầy yêu thương. “Bố đang cầu nguyện về quyết định đi học đại học của con.”

Bố mở mắt ra. Con người mắt bố giãn ra trong ánh đèn, hấp thụ màu nâu đỏ của móng mắt. Tôi chưa từng nhìn thấy đôi mắt nào dâng hiến cho bóng tối đến thế; chúng dường như siêu phàm, như biểu tượng của sức mạnh tâm linh.

“Chúa đã gọi bố làm chứng,” bố nói. “Chúa không hài lòng đâu. Con đã vứt bỏ ân phước của Chúa để đua đòi theo đuổi sự hiểu biết của con người. Con giận của Người đang cuộn lên chống lại con đấy. Không lâu nữa con sẽ thấy cơn cuồng nộ đó.” Tôi không nhớ bố đã đứng dậy rời khỏi phòng tôi nhưng chắc hẳn là vậy, trong khi tôi ngồi, bị nỗi sợ hãi bóp nghẹt. Con giận của Chúa đã phá hủy các thành phố, làm cả trái đất ngập lụt. Tôi cảm thấy mình yếu ớt, và bất lực hoàn toàn. Tôi nhớ rằng cuộc đời tôi không phải là của tôi. Tôi có thể bị đưa đi khỏi thế xác mình bất cứ lúc nào, bị lôi tới thiên đường để đối diện với Chúa Cha đang nổi giận.

Sáng hôm sau tôi thấy mẹ đang pha tinh dầu trong bếp. “Con đã quyết định không đến học ở BYU nữa,” tôi nói.

Mẹ ngẩng lên nhìn dán mắt vào bức tường phía sau tôi, và thì thầm, “Đừng nói vậy. Mẹ không muốn nghe con nói thế đâu.”

Tôi không hiểu. Tôi cứ nghĩ mẹ sẽ vui khi tôi phục tùng Chúa.

Cái nhìn đăm đăm của mẹ chuyển sang tôi. Nhiều năm qua tôi không cảm nhận được sức mạnh của nó, và giờ đây nó làm tôi lúng túng. “Trong tất cả các con của mẹ,” mẹ nói, “con là đứa mẹ nghĩ sẽ thoát ra khỏi đây và tỏa sáng. Mẹ

không kỳ vọng điều đó ở Tyler – ngạc nhiên thật – mà là ở con. Đừng ở lại. Hãy đi đi. Đừng để bất cứ điều gì ngăn cản con đi.”

Tôi nghe thấy tiếng bố bước lên cầu thang. Mẹ thở dài và mắt mẹ hấp háy, như thể mẹ vừa mới thoát khỏi trạng thái thôi miên.

Bố ngồi vào ghế của bố tại bàn ăn và mẹ đứng dậy sắp bữa sáng cho bố. Bố bắt đầu bài giảng về các giáo sư có tư tưởng tự do, còn mẹ nhào bột để làm bánh ngọt, thỉnh thoảng lại thốt ra những tiếng lẩm bẩm đồng tình.

Không có Shawn làm thợ cả, việc xây dựng của bố suy giảm. Tôi đã bỏ việc tại cửa hàng của ông Randy để chăm sóc Shawn. Giờ đây tôi cần tiền, vậy nên mùa đông ấy khi bố quay lại nhật phế liệu, tôi cũng tham gia.

Đó là một buổi sáng băng giá, rất giống buổi sáng đầu tiên khi tôi quay lại bãi phế liệu. Cái bãi đó đã thay đổi. Vẫn có những đồng ô tô cũ hỏng nhưng chúng không còn thống trị quang cảnh đó nữa, Vài năm trước, cơ quan Điện lực Utah đã thuê bố tháo dỡ hàng trăm tháp đường dây điện. Bố được phép giữ lại những cây sắt vuông góc, và bây giờ chúng được chôn đóng ở đó – bốn trăm nghìn cân – trong những đồng sắt lộn xộn cao như núi trải ra khắp bãi. Sáng sáng tôi thức dậy lúc sáu giờ để học – bởi vì tôi dễ tập trung hơn khi học vào buổi sáng trước khi mệt nhoài vì nhật phế liệu. Dù vẫn sợ cơn cuồng nộ của Chúa, tôi lập luận với bản thân rằng không thể có chuyện tôi sẽ vượt qua kỳ thi ACT, và điều đó là do Chúa phạt. Nếu Chúa cho tôi đỗ thì chắc chắn việc tôi đi học là ý Chúa.

Kỳ thi ACT gồm bốn phần: toán, tiếng Anh, khoa học, và đọc. Kỹ năng toán của tôi được cải thiện nhưng vẫn không mạnh. Dù có thể trả lời hầu hết các câu hỏi trong bài luyện thi thì tôi vẫn làm bài rất chậm, cần gấp đôi hoặc gấp ba thời gian được giao. Tôi thiếu cả kiến thức cơ bản về ngữ pháp, mặc dù tôi cũng học đầy chữ, danh từ trước rồi chuyển sang giới từ và danh-động từ. Môn khoa học là một bí ẩn, có lẽ bởi vì cuốn sách khoa học duy nhất tôi từng đọc chỉ gồm những trang có thể tháo ra để tô màu. Trong số bốn phần này, đọc là phần duy nhất tôi cảm thấy tự tin.

BYU là một trường có tính cạnh tranh. Tôi cần phải đạt điểm cao – ít nhất hai mươi bảy điểm, lọt vào 15% thí sinh đứng đầu của khóa thi. Tôi mười sáu tuổi, chưa từng đi thi lần nào, và chỉ gần đây mới học một cách có hệ thống; tuy nhiên tôi vẫn đăng ký. Tôi cảm thấy như thể mình gieo xúc xắc, như thể xúc xắc đã lăn khỏi tay tôi. Chúa sẽ quyết định.

Đêm trước ngày thi tôi không ngủ. Đầu tôi gợi lên rất nhiều cảnh tượng hủy diệt, nóng bừng như bị sốt. Năm giờ sáng tôi dậy khỏi giường: ăn sáng, và lái xe bốn mươi dặm tới Đại học Quốc gia Utah. Tôi được dẫn vào một lớp học trắng toát với ba mươi thí sinh khác, đã yên vị và đặt sẵn bút chì của họ lên bàn. Một phụ nữ trung niên phát đề thi và những tờ giấy màu hồng rất lạ mà tôi chưa từng nhìn thấy bao giờ.

“Xin lỗi cho em hỏi,” tôi hỏi khi bà phát giấy cho tôi. “Cái gì đây ạ?”

“Đó là giấy thi trắc nghiệm. Để đánh dấu câu trả lời của em vào.”

“Như thế nào ạ?” Tôi hỏi.

“Nó cũng giống như bất kỳ loại giấy thi trắc nghiệm nào khác ấy.” Bà bắt đầu bước khỏi chỗ tôi, rõ là đang bực mình, như thể tôi đang đùa bỡn.

“Em chưa bao giờ sử dụng giấy này.”

Bà nhìn tôi dò xét trong chốc lát. “Chọn câu trả lời đúng,” bà nói. “Tô đen hết lỗ tròn ứng với câu trả lời em chọn. Hiểu chưa?”

Thời gian làm bài bắt đầu. Tôi chưa bao giờ ngồi lì tại bàn suốt bốn tiếng đồng hồ trong một căn phòng đầy người. Tiếng ồn thật không thể tin nổi, tuy nhiên tôi dường như là người duy nhất nghe thấy tiếng ồn, không thể thôi để tâm đến tiếng lật giấy sột soạt và tiếng ngòi bút cào trên mặt giấy. Thi xong, tôi ngỡ rằng mình trượt môn toán, và tôi tin chắc mình trượt môn khoa học. Các câu trả lời của tôi trong phần thi khoa học thậm chí không thể gọi là đoán. Tôi cứ làm đại đi, khoanh bừa vào những chấm tròn trên tờ giấy màu hồng lạ lùng đó.

Tôi lái xe về nhà. Tôi cảm thấy mình thật ngu đốt, nhưng hơn cả ngu đốt, tôi cảm thấy lố bịch. Giờ đây tôi đã thấy các học sinh khác – nhìn họ bước vào

phòng thi theo hàng ngay ngắn, tự tin ngồi ở chỗ của mình và bình tĩnh điền các câu trả lời, như thể họ đang làm một việc mà hằng ngày họ thường làm – dường như thật lố bịch khi tôi nghĩ mình có thể lọt vào 15% thí sinh đạt điểm cao nhất.

Đó là thế giới của họ. Tôi mặc bộ đồ lao động vào, trở về với thế giới của tôi.

Mùa xuân đó có một ngày nóng nực bất thường, và Luke cùng tôi chuyên chở những thanh xà gồ cả ngày – những thanh xà bằng sắt được đặt dọc mái nhà.

Những cái xà gồ ấy nặng ời là nặng mà mặt trời thì gay gắt. Mồ hôi từ cánh mũi của chúng tôi nhỏ xuống những thanh sắt đã được sơn. Luke lột áo sơ mi của anh ra, túm ống tay áo mà xé, tạo ra những chỗ hồng lớn để gió có thể luôn vào. Tôi không dám làm gì táo bạo, nhưng sau khi chuyển cái xà gồ thứ hai mươi, lưng tôi dính nham nháp vì mồ hôi, và tôi đập phành phạch lớp áo phông của mình làm quạt, rồi xắn tay áo lên để lộ chừng hơn hai xen-ti-mét bả vai. Vài phút sau, nhìn thấy tôi, bố phăm phăm bước tới, giật tay áo tôi xuống. “Đây không phải là nhà thổ nghe chưa,” bố nói.

Tôi nhìn bố bỏ đi chỗ khác, và như không cố ý, như một cái máy, tôi lại vén tay áo lên. Một giờ sau bố quay lại, và nhìn thấy tôi như vậy, bố khựng lại, bối rối. Bố đã bảo tôi phải làm gì, và tôi đã không làm. Bố đứng phân vân một lát, sau đó băng tới chỗ tôi, cầm cả hai ống tay áo của tôi giật mạnh xuống. Bố chưa đi được mười bước tôi lại xắn tay áo lên.

Tôi muốn tuân lệnh. Tôi định như vậy. Nhưng trưa hôm đó trời nóng quá, gió mơn man trên cánh tay tôi thật dễ chịu. Chỉ vài phân thôi chứ nhiều nhận gì. Từ thái dương đến ngón chân tôi đầy bụi bẩn. Tối hôm đó, phải mất nửa giờ tôi mới tổng khứ được hết bụi đen ra khỏi mi và tai mình. Tôi cảm thấy mình không thể gọi niềm khao khát, cũng chẳng quyến rũ chút nào. Tôi cảm thấy mình như một cái cần câu bằng xương bằng thịt. Vậy thì hai xen-ti-mét da thịt quan trọng gì chứ?

Tôi chắt chiu những tám ngàn phiếu phòng khi tôi cần tiền nộp học. Bố để ý thấy và bắt đầu bắt tôi phải đóng tiền cho những thứ lặt vặt. Sau vụ tai nạn xe hơi thứ hai mẹ tôi đã mua bảo hiểm trở hại, và bố nói tôi phải đóng phần của mình. Vậy là tôi đóng. Sau đó bố muốn hơn, bắt tôi đóng tiền đăng ký xe. “Các khoản phí của Chính phủ sẽ làm con phá sản đấy,” bố nói khi tôi đưa tiền cho bố.

Tôi cứ đưa tiền như thế khiến bố hài lòng cho tới khi tôi nhận được kết quả thi. Tôi từ bãi phế liệu trở về, thấy một chiếc phong bì màu trắng. Tôi xé nó ra, làm tờ giấy bên trong lem nhem vết dầu máy, và nhìn qua từng điểm riêng lẻ rồi đến tổng điểm. Hai mươi hai điểm. Tim tôi đập rộn, đập những nhịp vui mừng. Không phải hai mươi bảy điểm, nhưng nó cũng mở ra cơ hội. Có thể là Đại học Quốc gia Idaho.

Tôi cho mẹ xem giấy báo điểm và mẹ liền bảo với bố. Bố trở nên kích động, sau đó bố gào lên rằng đã đến lúc tôi ra khỏi nhà.

“Nếu nó đủ lớn để rút một tám ngàn phiếu thì nó cũng đủ lớn để trả tiền thuê nhà,” bố la lối. “Và nó có thể trả tiền thuê nhà ở một chỗ khác.” Thoạt đầu mẹ tranh luận với bố, nhưng trong vòng vài phút bố đã thuyết phục được mẹ.

Tôi đang đứng ở trong bếp, cân nhắc giữa các lựa chọn, tính tới việc đưa cho bố bốn trăm đô-la, một phần ba số tiền tiết kiệm của mình, thì mẹ quay sang tôi, nói, “Con nghĩ con có thể chuyển đi trước thứ Sáu không?”

Một thứ gì đó bất thành linh vỡ trong tôi, một đập nước hoặc một con đê. Tôi cảm thấy bị quăng quật, không thể giữ mình ở một chỗ. Tôi kêu lên, nhưng những tiếng kêu bị bóp nghẹt; tôi sắp chết đuối. Tôi chẳng có nơi nào mà đi. Tôi không thể trả tiền thuê một căn hộ, và dẫu tôi có thể thì chỉ ở thị trấn mới có những căn hộ cho thuê. Khi đó tôi cần một chiếc xe hơi. Tôi chỉ có tám trăm đô-la. Tôi tức tưởi, nói lắp ba lắp bắp điều đó với mẹ, rồi chạy về phòng mình, đóng sập cửa lại.

Một lát sau mẹ gõ cửa phòng tôi. “Mẹ biết con nghĩ bố mẹ không công bằng,” mẹ nói, “nhưng khi mẹ bằng tuổi con mẹ đã sống một mình, chuẩn bị lấy bố con rồi.”

"Mẹ lấy chồng ở tuổi mười sáu ư?" Tôi hỏi.

"Đừng ngớ ngẩn thế," mẹ nói. "Không phải con mới mười sáu tuổi."

Tôi nhìn mẹ chăm chăm. Mẹ nhìn lại tôi y như thế. "Phải đấy mẹ ạ. Con mới mười sáu tuổi."

Mẹ nhìn tôi sẫm soi. "Ít nhất con hai mươi tuổi rồi." Mẹ héch đầu lên.

"Chẳng phải như vậy sao?"

Chúng tôi im lặng. Tim tôi đập thành thịch trong lồng ngực. "Con mới bước sang tuổi mười sáu hồi tháng Chín." Tôi nói.

"Ồ." Mẹ cắn môi, sau đó mẹ đứng đó, mỉm cười. "Vậy thì đừng lo về chuyện đó. Con có thể ở lại. Thật, chẳng biết bố con đang nghĩ gì. Mẹ đoán bố mẹ đã quên. Thật khó mà nhớ được các con bao nhiêu tuổi."

Shawn trở lại làm việc, đi cà nhắc, liêu xiêu. Anh đội chiếc mũ cao bồi to tướng, rộng vành, được làm bằng chất liệu da phết dầu màu sô-cô-la. Trước khi bị tai nạn, anh chỉ đội mũ khi cưỡi ngựa, nhưng bây giờ lúc nào anh cũng đội mũ, thậm chí cả khi ở trong nhà, điều mà bố tôi nói là bất kính.

Bất kính đối với bố có thể là lý do khiến Shawn đội nó, nhưng tôi ngờ rằng còn một lý do khác là nó rộng và thoải mái, che những vết sẹo do phẫu thuật của anh.

Thời gian đầu anh không làm việc cả ngày được. Bố có hợp đồng xây dựng một trại bò sữa ở hạt Oneida, cách núi Buck khoảng hai mươi dặm, vậy nên Shawn lặn xăng quanh bãi phế liệu, chỉnh sửa các bản thiết kế, đo những thanh dầm chữ I.

Luke, Benjamin và tôi nhặt phế liệu. Bố quyết định rằng đã đến lúc thu nhặt những mảnh sắt vuông góc chất đống quanh trang trại. Muốn bán chúng thì phải đo xem mỗi mảnh có đủ độ dài hơn một mét hai không. Shawn gợi ý chúng tôi sử dụng đèn cắt để cắt sắt, nhưng bố nói làm theo cách đó quá chậm và phải tốn quá nhiều chi phí vào nhiên liệu.

Vài ngày sau, bố về nhà với một cái máy trông đáng sợ nhất mà tôi từng thấy. Bố gọi nó là Xén. Thoạt nhìn nó có vẻ giống một cái kéo ba tấn, và hóa ra nó đúng là một cái kéo thật. Những cái lưỡi xén của nó được làm bằng sắt nguyên khối, dày hơn hai mươi phân, độ mở của lưỡi xén rộng tới một mét rưỡi. Chúng không cắt nhờ độ sắc mà bằng lực và độ nặng. Chúng cắn, những cái hàm lớn của chúng được đẩy bởi một piston gắn với bánh xe bằng sắt cỡ lớn. Bánh xe này hoạt động nhờ một dây cu-roa và động cơ, điều đó nghĩa là nếu có thứ gì đó bị mắc trong máy thì sẽ mất từ ba mươi giây đến một phút để dừng bánh xe lại cũng như làm lưỡi xén ngừng hoạt động. Nó vừa hoạt động vừa gầm rú, ồn hơn cả một đoàn tàu hỏa khi nhai những thanh sắt dày bằng bắp tay người. Không phải là sắt được cắt đánh sột một cái. Đôi khi Xén chồm lên, đẩy bất cứ ai đang giữ nó về phía những lưỡi xén cùn đang nhai rào rào.

Trong những năm qua bố đã ấp ủ nhiều kế hoạch nguy hiểm, nhưng đây là kế hoạch đầu tiên thực sự khiến tôi bị sốc. Có lẽ đó là bởi khả năng gây chết người rất rõ rệt của nó, chắc chắn rằng chỉ một thao tác sai sẽ dẫn đến việc mất cánh tay như chơi. Hoặc có lẽ vì tôi thấy nó hoàn toàn không cần thiết. Thế này là nuông chiều. Giống như một món đồ chơi, dù món đồ chơi ấy có thể làm bạn mất đầu.

Shawn gọi nó là cái máy chết người và nói rằng bố mất trí nên mới mua nó. “Bố đang cố tình giết ai đó à?” Anh căn vặn. “Bởi vì con có một khẩu súng trong xe tải của con đấy, và thứ đó sẽ giết người nhanh gọn hơn nhiều.” Bố không kìm nổi nụ cười xéch đến mang tai. Tôi chưa bao giờ thấy bố thích thú như vậy.

Shawn lão đảo quay lại xưởng làm sắt, vừa đi vừa lắc đầu ngán ngẩm. Bố bắt đầu cắt sắt bằng cái máy Xén. Mỗi đoạn sắt dài lại khiến bố lao người về phía trước và hai lần bố suýt ném chòm đầu mình vào lưỡi xén. Tôi vội nhắm mắt lại, biết rằng nếu đầu bố bị vướng vào đó thì những lưỡi xén kia thậm chí không chậm một giây, sẽ phập xuống cổ bố và tiếp tục nhai rào rào.

Bây giờ vì bố đã biết chắc cái máy ấy hoạt động được, bố ra hiệu cho Luke tới đứng máy thay bố, và Luke, sột sắng như mọi khi, bước tới. Năm phút sau

cánh tay Luke bị một vết thương dài và sâu đến tận xương và anh chạy về nhà với cánh tay tuôn máu.

Bố nhìn khắp lượt đội lao động của mình. Bố ra hiệu cho Benjamin, nhưng anh lắc đầu, nói cảm ơn, anh thích giữ các ngón tay nguyên vẹn. Bố nhìn xa hơn về phía nhà chúng tôi, và tôi tưởng tượng bố đang tự hỏi mẹ mất bao lâu để cầm máu. Sau đó ánh mắt bố dừng lại ở chỗ tôi.

“Lại đây, Tara.”

Tôi không nhúc nhích.

“Tới đây,” bố nói.

Tôi chậm chậm bước về phía trước, không chớp mắt, nhìn cái máy Xén như thể nó có thể nhảy xổ vào tôi. Máu của Luke vẫn còn dính trên lưỡi xén. Bố cầm một cây sắt vuông góc dài hơn hai mét lên và đưa cho tôi. “Giữ chắc lấy nó,” bố nói. “Nhưng nếu nó bật lên thì hãy buông tay ra.”

Lưỡi xén nghiêng rào rào, gầm gừ khi nó nâng lên, phập xuống – tôi nghĩ, đó là một sự cảnh báo, giống như một con chó gầm gừ, rằng hãy tránh xa ra. Nhưng bố nghiêng cái máy mất rồi nên ông đã vượt khỏi phạm vi của lý trí.

“Dễ thôi mà,” bố nói.

Tôi cầu nguyện khi cầm thanh sắt đầu tiên đưa vào lưỡi xén. Không phải để tránh thương tích – không có khả năng tránh điều đó đâu – nhưng thương tích sẽ chỉ như vết thương của Luke thôi, một vết xẻ trên da thịt, để tôi cũng được về nhà. Tôi chọn những cây sắt nhỏ, hy vọng trọng lượng của tôi có thể kiểm soát tình trạng loạn choạng. Sau đó, tôi hết những cây sắt nhỏ. Tôi nhặt cây sắt nhỏ nhất còn lại, nhưng đó vẫn là một thanh sắt dày. Tôi nhét nó vào máy xén và đợi cái hàm của nó phập xuống. Tiếng sắt rần gẫy nghe rợn người. Cây sắt bật lên, khiến người tôi bị văng về phía trước và hai chân tôi đều không còn ở trên mặt đất. Tôi buông trôi và đổ sập xuống đất, còn cây sắt, giờ đây không bị nắm giữ, đang bị lưỡi xén nhai ngấu nghiến, lao vọt lên không trung rồi rơi phập xuống bên cạnh tôi.

“CHUYỆN QUÁI GÌ ĐANG XẢY RA THẾ?” Shawn xuất hiện ở góc tầm nhìn của tôi. Anh bước tới, kéo tôi đứng dậy, sau đó quay người lại đối mặt với bố.

“Năm phút trước, con quái vật này suýt nghiền đứt cánh tay Luke! Vậy mà bố để Tara đứng máy?”

“Nó khỏe mà,” bố nói, nháy mắt với tôi.

Mắt Shawn lồi ra. Những tưởng Shawn sẽ nguôi, nhưng anh trông có vẻ đang tức ngập máu.

“Nó sẽ làm con bé đứt đầu!” Anh gào lên. Anh quay sang tôi và vẫy tay về phía người thợ làm sắt ở trong xưởng. “Vào kia làm kẹp sắt cho những cái xà gồ này đi. Anh không muốn mày đến gần cái của nợ này nữa.”

Bố tiến đến. “Đây là đội của tao. Mày làm việc cho tao và Tara cũng vậy. Tao bảo nó điều khiển cái máy Xén, và nó sẽ làm thế.”

Họ to tiếng với nhau khoảng mười lăm phút. Cuộc cãi vã đó khác với những cuộc cãi vã giữa họ trước đó – không kiềm chế, đầy thù hận. Tôi chưa bao giờ thấy ai la lối bố như vậy, và tôi kinh ngạc, rồi sợ hãi, bởi sự thay đổi nét mặt của bố. Mặt bố biến sắc, trở nên rắn đanh, tuyệt vọng. Shawn đã đánh thức điều gì đó trong bố, một nhu cầu căn bản. Bố không thể thua trong trận cãi vã này và quyết giữ thể diện. Nếu tôi không nghe lời bố, điều khiển cái máy Xén, thì bố không còn là bố nữa.

Shawn lao tới, đẩy vào ngực bố. Bố loạng choạng lùi lại, vấp và ngã. Bố nằm trong bùn, bị sốc một lát, sau đó bố lồm cồm bò dậy lao về phía con trai mình. Shawn giơ hai cánh tay lên để đỡ cú đâm, nhưng khi bố nhìn thấy thế bố hạ thấp quả đấm, có lẽ bố nhớ rằng Shawn mới chỉ phục hồi khả năng đi lại cách đó không lâu.

“Tao bảo nó làm việc đó, và nó sẽ làm,” bố nói, giọng trầm đục, đầy giận dữ. “Nếu không, nó sẽ không sống trong nhà của tao.”

Shawn nhìn tôi. Trong chốc lát, anh dường như tính đến việc giúp tôi cuộn gói – suy cho cùng, bằng tuổi tôi anh đã chạy trốn khỏi bố rồi – nhưng tôi lắc

đầu. Tôi sẽ không đi, không như vậy. Tôi sẽ điều khiển cái máy Xén, và Shawn biết điều đó. Anh nhìn cái máy đó, sau đó nhìn đồng sắt khoảng năm mươi nghìn cân bên cạnh nó. “Con bé sẽ làm thế,” anh nói.

Bố dường như cao thêm cả chục phân nữa. Shawn lão đảo cúi xuống, cầm một thanh sắt nặng, sau đó nhấc nó về phía cái máy xén.

“Đừng ngóc thế,” bố nói.

“Nếu con bé làm việc đó, thì con cũng làm,” Shawn nói. Thịnh nộ không còn gọn trong giọng nói của anh. Tôi chưa bao giờ thấy Shawn chịu nhượng bộ trước bố, chưa một lần, nhưng anh đã quyết định thua trận này, Anh hiểu rằng nếu anh không phục tùng thì tôi chắc chắn sẽ phục tùng, “Mày là thợ cả trong đội của tao!” Bố hét lên. “Tao cần mày ở Oneida, đừng có dính đến việc thu phế liệu!”

“Vậy thì hãy đóng cái máy Xén lại.”

Bố bỏ đi, vừa đi vừa chửi rủa, giận điên tiết, nhưng có thể bố đang nghĩ rằng trước bữa tối Shawn sẽ thấm mệt và trở lại làm thợ cả. Shawn nhìn bố bỏ đi, sau đó anh quay sang tôi, nói. “Ồn rồi, ‘gai ém’. Nhóc chuyển những thanh sắt này cho anh và anh sẽ đút chúng vào máy. Nếu sắt dày, hơn một phân chẳng hạn, thì anh cần nhóc giữ ở phía sau để anh không bị văng vào lưỡi xén. Được chứ?”

Shawn và tôi điều khiển cái máy xén trong một tháng. Bố cứng đầu đến nỗi không chịu đóng cái máy đó lại, dù việc thiếu một thợ cả khiến bố tốn kém hơn là dùng đèn cắt để cắt sắt. Khi chúng tôi làm xong việc đó, tôi có vài vết thâm tím nhưng không bị thương. Shawn dường như cạn kiệt sinh lực. Mới có vài tháng kể từ khi anh ngã khỏi tấm nâng, và cơ thể anh không thể chịu đựng nổi bị ăn mòn. Nhiều lần anh bị quất trúng đầu khi một thanh sắt bật lên ở một góc bất ngờ. Khi điều đó xảy ra anh ngồi một phút trong bụi đất, hai tay bưng mắt, sau đó mới đứng dậy, đưa tay với thanh sắt tiếp theo. Buổi tối anh để nguyên chiếc sơ mi bẩn và chiếc quần bò đầy bụi đất nằm vật ra sàn bếp, mệt chẳng buồn tắm rửa.

Tôi mang tất cả thức ăn và nước uống anh bảo tôi lấy đến cho anh. Hầu hết các buổi tối Sadie đều đến, và hai chúng tôi cùng chạy lăng xăng khi anh sai đi lấy đá, sau đó bỏ đá đi, rồi lại lấy đá. Cả hai chúng tôi đều là Mất Cá.

Sáng hôm sau Shawn và tôi lại quay lại với cái máy xén, và anh lại đút sắt vào cái hàm biết nhai với một lực mạnh đến nỗi có thể hát văng anh dễ dàng, đầy bốn cột, như thể đó là một trò chơi, còn anh là một đứa trẻ.

Chương 16

Đưa Bất Trung, Trời Chẳng Chiều Lòng

VIỆC XÂY DỰNG TRẠI BÒ SỮA Ở ONEIDA BẮT ĐẦU. Shawn thiết kế và hàn khung của công trình – những cái xà lớn tạo thành bộ khung. Chúng quá nặng nên khó khuôn vác; chỉ cần cầu mới nhắc nổi chúng. Đó là một công đoạn tinh vi, đòi hỏi các thợ hàn phải cân bằng hai đầu của một thanh xà trong khi nó được hạ xuống các cột, sau đó được hàn cố định. Shawn khiến mọi người ngạc nhiên khi thông báo rằng anh muốn tôi điều khiển cần cầu.

“Tara không lái cần cầu được,” bố nói. “Phải mất nửa buổi sáng để dạy nó lái, và nó sẽ chẳng biết mình đang làm gì đâu.”

“Nhưng nó sẽ cẩn thận,” Shawn nói, “và con ngã như vậy đã đủ lắm rồi.”

Một giờ sau tôi ngồi trong buồng điều khiển cần cầu, trong khi Shawn và Luke mỗi người đứng trên một đầu thanh xà cách mặt đất bảy mét. Tôi gạt nhẹ cần gạt, lắng nghe tiếng xi-lanh thủy lực rít lên khe khẽ để kéo dài ra. “Giữ!” Shawn nói to khi thanh xà đã vào đúng vị trí, sau đó họ kéo mũ hàn xuống và bắt đầu hàn.

Chuyện tôi điều khiển cần cầu là một trong hàng trăm cuộc tranh cãi giữa bố và Shawn mà Shawn giành phần thắng trong mùa hè đó. Hầu hết những cuộc tranh cãi đều không được giải quyết êm thấm như vậy. Anh và bố hầu như ngày nào cũng cãi vã – về một thiếu sót trong các lược đồ, hoặc một dụng cụ bị bỏ quên ở nhà. Bố dường như hăm hờ tranh cãi, để chứng minh ai là người cầm trịch.

Một buổi trưa, bố bước tới và đứng ngay cạnh Shawn, nhìn anh hàn. Một phút sau, chẳng vì lý do gì, bố bắt đầu la lối: rằng Shawn đã ăn trưa quá lâu, rằng anh không thúc giục đội dậy đủ sớm hoặc không đôn đốc chúng tôi làm việc đủ chăm. Bố la lối trong vài phút, sau đó Shawn tháo mũ hàn xuống, nhìn bố điềm tĩnh và hỏi, “Bố có im đi để con làm việc không đây?”

Bố tiếp tục la lối. Bố nói rằng Shawn lười biếng, rằng anh không biết điều hành cả đội, không hiểu giá trị của việc lao động chăm chỉ. Shawn từ chỗ hàn bước xuống, thông thả đi tới chỗ chiếc xe bán tải sàn phẳng. Bố đi theo, vẫn la lối. Shawn tháo găng tay ra, chậm chạp, cẩn thận, tháo từng ngón một, như thể không có ai đang quát tháo vào mặt anh từ khoảng cách hơn chục phân. Trong vài phút anh đứng im, để cho cơn sỉ nhục kia tràn tới mình, sau đó anh bước lên xe tải và lái đi, bỏ bố ở đó la lối vào đám bụi.

Tôi nhớ cái cảm giác kính sợ mà tôi cảm thấy khi nhìn chiếc xe tải lăn bánh trên con đường bụi mù. Shawn là người duy nhất tôi từng thấy dám tranh đấu với bố, người duy nhất có sức mạnh ý chí, có lòng kiên quyết đủ nặng đô khiến bố nhượng bộ. Tôi đã thấy bố mình nổi nóng, quát mắng tất cả những người anh của tôi. Shawn là người duy nhất tôi từng thấy bỏ đi chỗ khác.

Đó là một tối thứ Bảy. Tôi đang ở nhà bà-trong-thị-trần với cuốn sách toán để mở trên bàn bếp và một đĩa bánh quy đặt bên cạnh. Tôi đang ôn đề thi ACT lần nữa. Tôi thường học bài ở nhà bà để bố không lên lớp tôi.

Chuông điện thoại reo. Đó là Shawn. Tôi có muốn xem phim không ư? Tôi nói có, và vài phút sau tôi nghe thấy tiếng ầm ầm bên nhìn ra ngoài cửa sổ. Với chiếc mô tô màu đen phát ra tiếng gầm rú và chiếc mũ cao bồi rộng vành, anh dường như hoàn toàn lạc lõng khi đỗ xe song song với hàng rào cọc nhọn màu trắng của nhà bà. Bà đang bắt đầu làm bánh ngọt, và Shawn cùng tôi đi lên gác chọn một bộ phim.

Chúng tôi tạm dừng phim khi bà mang bánh lên. Chúng tôi ăn bánh trong im lặng, những chiếc thìa chạm vào đĩa sứ của bà kêu rõ mồn một. “Rồi thì em cũng sẽ hai bảy,” Shawn đột nhiên nói khi chúng tôi ăn bánh xong.

“Có sao đâu,” tôi nói. “Dù sao em cũng không nghĩ là em sẽ đi. Biết đâu bố nói đúng? Nhỡ đâu em bị tẩy não thì sao?”

Shawn nhún vai. “Em cũng thông minh như bố vậy. Nếu bố đúng thì đến đó em sẽ biết.”

Bộ phim kết thúc. Chúng tôi chúc bà ngủ ngon và tạm biệt bà. Đó là một buổi tối mùa hè êm dịu, thật tuyệt khi đi mô tô, và Shawn nói rằng tôi sẽ đi mô tô về nhà cùng anh, hôm sau chúng tôi sẽ đến lấy ô tô. Anh nổ máy, đợi tôi trèo lên xe. Tôi bước một bước về phía anh, rồi tôi nhớ ra cuốn sách toán để trên bàn của bà.

“Anh đi đi,” tôi nói. “Em sẽ đi ngay sau anh.”

Shawn kéo chiếc mũ khít vào đầu, quay đầu xe và phóng ra đường phố vắng tanh.

Tôi lái xe trong cảm giác ngẩn ngơ hạnh phúc. Đêm đen – cái màu đen đậm đặc chỉ thuộc về vùng nông thôn hẻo lánh, nơi nhà cửa thưa thớt và thi thoảng mới có đèn đường, nơi ánh sao không bị lu mờ. Tôi lái xe trên con đường cao tốc uốn lượn như tôi đã làm vô số lần trước đó, phóng xuống đồi River Bear, men theo con đường phẳng lì nằm song song với con lạch Fivemile, Ở phía trên con đường leo lên cao dần và rẽ nhánh về bên phải. Không cần nhìn tôi cũng biết khúc cua ở đó, và tôi ngạc nhiên trước ánh đèn pha không dịch chuyển mà tôi nhìn thấy đang tỏa sáng trong bóng tối.

Tôi bắt đầu cho xe chạy ngược lên. Có một đồng cỏ phía bên trái, một con nương bên phải. Khi xe bắt đầu đổ dốc tôi nhìn thấy ba chiếc ô tô đỗ gần con nương. Những cánh cửa xe bật mở, đèn trong các xe bật sáng. Bảy hoặc tám người đang xúm lại quanh một thứ gì đó dưới đất. Tôi đổi làn đường và lái xe vòng qua họ, nhưng dừng lại khi nhìn thấy một vật nhỏ nằm giữa đường cao tốc.

Đó là chiếc mũ cao bồi rộng vành.

Tôi tắt xe vào lề đường, chạy tới chỗ đám người đang xúm lại gần con nương. “Shawn!” Tôi gào lên.

Đám đông giãn ra cho tôi bước tới. Shawn úp mặt xuống đất, nằm trong một vũng máu nhuộm màu hồng do ánh đèn pha từ những chiếc xe chiếu lên. Anh bắt động. “Cậu ta đâm phải một con bò từ góc kia lao ra,” một người đàn ông nói. “Tối nay trời rất tối, cậu ấy không nhìn thấy con bò. Chúng tôi đã gọi xe cứu thương rồi. Chúng tôi không dám di chuyển cậu ấy.”

Người Shawn cong queo, lưng anh cong vẹo. Tôi không biết mất bao lâu xe cứu thương mới tới. Và ở đó có nhiều máu quá. Tôi quyết định cầm máu cho anh. Tôi luồn tay xuống dưới vai anh và cố nhắc anh lên nhưng không nhắc nổi. Tôi nhìn đám người vây quanh và nhận ra một khuôn mặt. Dwain[®]. Chú là một người phe chúng tôi. Mẹ tôi đã đỡ đẻ bốn trong tám đứa con của chú.

“Chú Dwain! Giúp cháu lật người anh ấy lên với.”

Dwain lật Shawn nằm ngửa lên. Trong một giây tưởng chừng dài như một giờ, tôi nhìn anh trai mình không chớp mắt, nhìn máu chảy ra từ thái dương anh, chảy xuống gò má bên phải, chảy xuống tai và xuống chiếc áo phông trắng. Mắt anh nhắm, miệng anh há hốc. Máu rỉ ra từ một cái lỗ to bằng lỗ gôn trên trán anh. Trông như thể thái dương của anh bị kéo lê trên mặt đường trải nhựa, khiến da bị tróc hết, sau đó đến xương. Tôi ghé sát xuống nhìn vào trong vết thương. Một thứ gì đó mềm và lỗ rỗng lấp lánh trước mặt tôi. Tôi cởi áo ra và ấn nó vào đầu Shawn.

Khi tôi chạm vào chỗ trầy da trên đầu Shawn, anh trút một tiếng thở dài và mở mắt ra.

“Gai ém,” anh lẩm bẩm. Rồi anh dường như bất tỉnh.

Điện thoại di động ở trong túi tôi. Tôi bấm số. Bố trả lời.

Lúc đó chắc hẳn tôi bán loạn, nói liu lười. Tôi nói Shawn bị ngã xe máy, rằng anh bị thương thành lỗ ở trên đầu.

“Nói chậm thôi. Chuyện gì thế?”

Tôi nói tất cả trong khoảng một giây. “Con nên làm gì đây?”

“Đưa nó về nhà đi,” bố nói. “Mẹ mày sẽ xử lý vết thương.”

Tôi mở miệng nhưng không thốt nên lời. Cuối cùng, tôi nói, “Con không đùa đâu. Óc của anh ấy, con có thể nhìn thấy óc của anh ấy!”

Dwain nghe lỏm được. “Tôi sống ở phía bên kia cánh đồng này,” chú nói.

“Mẹ cháu có thể xử lý vết thương cho cậu ấy ở đó.”

“Không,” tôi nói. “Bố cháu muốn anh ấy về nhà. Hãy giúp cháu đưa anh ấy lên xe.”

Shawn rên rỉ khi chúng tôi nhắc anh lên nhưng anh không nói. Ai đó nói chúng tôi nên đợi xe cứu thương. Một người khác nói chúng tôi nên tự lái xe đưa anh ấy tới bệnh viện. Tôi không nghĩ có ai tin chúng tôi sẽ đưa anh ấy về nhà trong tình trạng não anh chảy nhỏ giọt khỏi đầu.

Chúng tôi cho Shawn nằm gập người trên ghế sau. Tôi ngồi sau tay lái, và chú Dwain trèo lên ghế khách bên cạnh. Tôi kiểm tra gương chiếu hậu để cho xe chạy ra đường cao tốc, sau đó đưa tay đẩy gương xuống phía dưới để nó phản chiếu khuôn mặt của Shawn, trống rỗng, đầy máu. Bàn chân tôi để hờ trên bàn đạp ga.

Ba giây trôi qua, cho lẽ bốn giây. Đó là tất cả.

Dwain kêu lên, “Đi thôi chứ!” nhưng tôi gần như không nghe thấy chú nói. Tôi rối trí vì hoảng sợ. Ý nghĩ của tôi lang thang giữa màn sương của cơn phản uất một cách điên cuồng và luống cuống. Trạng thái đó hết như trong mơ, như thể nỗi cuồng loạn vừa mới giải thoát tôi khỏi một chuyện hư cấu mà mới năm phút trước thôi tôi cần phải tin.

Tôi chưa bao giờ nghĩ về cái ngày Shawn ngã từ trên tám tầng đó. Chẳng có gì để nghĩ hết. Anh ngã bởi vì Chúa muốn anh ngã; chẳng có ý nghĩa nào sâu xa hơn. Tôi chưa bao giờ tưởng tượng nếu mình ở đó thì sẽ như thế nào. Ở đó để thấy Shawn lộn nhào xuống, cổ túm lấy không khí. Ở đó để thấy anh va đập, gập người, rồi nằm bất động. Tôi chưa bao giờ cho phép mình tưởng tượng điều gì đã xảy ra *sau* đó – quyết định của bố để anh ở bên chiếc xe bán tải, hoặc những cái nhìn đầy lo lắng chắc chắn đã được trao đổi qua lại giữa Luke và Benjamin.

Giờ đây, nhìn những vết rách trên gương mặt anh trai mình, mỗi vết là một dòng sông máu nhỏ, tôi nhớ rằng Shawn đã ngồi bên chiếc xe bán tải trong tận mười lăm phút, chảy máu não. Sau đó anh lên con, và mấy người anh em vật anh xuống đất, để anh ngã, chịu chấn thương thứ hai, chấn thương mà các bác sĩ nói đáng lẽ đã giết chết anh. Đó là lý do Shawn không bao giờ còn là Shawn trước kia nữa.

Nếu cú ngã đầu tiên là ý Chúa thì cú ngã thứ hai là ý của ai?

Tôi chưa bao giờ đến bệnh viện trong thị trấn, nhưng nó dễ tìm. Khi tôi cho xe quay ngược 180 độ và để nó chạy nhanh xuống sườn đồi, Dwain hỏi tôi đang làm cái quái gì vậy. Tôi lắng nghe nhịp thở nông của Shawn khi phóng xe qua thung lũng, dọc theo lạch Fivemile, sau đó phóng lên đồi Bear River. Tại bệnh viện, tôi đỗ xe ở làn dành cho trường hợp cấp cứu, và chú Dwain cùng tôi đưa Shawn qua những cái cửa kính. Tôi gào lên xin giúp. Một y tá xuất hiện, chạy tới, rồi đến một y tá khác. Lúc đó Shawn đã tỉnh, Họ đưa anh đi và ai đó lớn tiếng bảo tôi vào phòng đợi.

Chẳng có cách nào để tránh điều phải làm tiếp theo. Tôi gọi điện cho bố.

“Con sắp về đến nhà chưa?” Bố nói.

“Con đang ở bệnh viện.”

Im lặng bao trùm, rồi bố nói, “Bố mẹ sẽ đến.”

Mười lăm phút sau bố mẹ có mặt ở đó, và ba chúng tôi cùng đợi trong lũng túng, tôi thì cắn móng tay trên chiếc sofa màu xanh nhạt, mẹ vừa đi đi lại lại vừa búng ngón tay, còn bố thì ngồi bất động phía dưới chiếc đồng hồ treo tường phát ra những tiếng tích tắc nghe rõ mồn một.

Bác sĩ cho Shawn chụp CAT. Ông ấy nói vết thương trông rất tệ, nhưng thực ra tổn thương không nghiêm trọng, và sau đó tôi nhớ lại những gì các bác sĩ đã nói với tôi – rằng ở vùng đầu, thường những vết thương trông tệ nhất lại ít nghiêm trọng nhất – và tôi cảm thấy thật ngốc vì đã hoảng sợ đưa anh đến bệnh viện. Bác sĩ nói lỗ thủng trong xương đầu anh nhỏ thôi. Nó có thể tự lành, hoặc một bác sĩ phẫu thuật có thể đặt một tấm kim loại vào đó. Shawn nói anh muốn thấy nó tự lành, vậy nên bác sĩ khâu da ở chỗ thủng lại.

Chúng tôi đưa Shawn về nhà vào khoảng ba giờ sáng. Bố lái xe, mẹ ngồi bên cạnh bố, còn tôi ngồi ở ghế sau với Shawn. Không ai nói năng gì. Bố không la lối hay lên lớp; thực ra, bố chưa bao giờ nhắc đến cái đêm ấy. Nhưng có một điều gì đó trong cách bố liếc nhìn, không bao giờ nhìn thẳng vào tôi, khiến tôi nghĩ rằng một ngã rẽ đã xuất hiện, và tôi đi một đường, còn bố đi đường khác. Sau đêm đó,

chuyện tôi sẽ đi hay ở không thành vấn đề nữa. Cứ như thể chúng tôi đang sống ở tương lai, và tôi đã đi rồi.

Giờ đây, khi nghĩ về đêm hôm đó, tôi không nghĩ đến con đường cao tốc tôi om áy, hoặc cảnh anh trai mình nằm trong vũng máu của chính anh. Tôi nghĩ đến phòng đợi ở bệnh viện với chiếc sofa màu xanh nhạt và những bức tường trắng. Tôi nghĩ thấy không khí đầy mùi thuốc khử trùng. Tôi nghe thấy tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ nhựa.

Ngồi ở đầu kia là bố tôi, và khi tôi nhìn khuôn mặt mệt mỏi của bố, một sự thật đầy sức mạnh, một sự thật mà tôi không hiểu tại sao trước đó tôi chưa từng hiểu ra, tấn công tôi. Sự thật đó là: tôi không phải là một đứa con gái ngoan ngoãn. Tôi là một kẻ phản bội, một con sói giữa bầy cừu; có điều gì đó khác về tôi và cái điều khác ấy chẳng tốt đẹp gì.

Tôi muốn rống lên, muốn gục xuống đầu gối bố mình mà khóc và hứa sẽ không bao giờ làm như thế nữa. Nhưng tôi là sói nên bản chất của tôi vẫn là gian trá, và dù gì bố cũng sẽ đánh hơi thấy mùi gian trá. Và cả hai chúng tôi đều biết rằng nếu tôi lại tìm thấy Shawn trên đường cao tốc, nằm trong vũng máu, thì tôi sẽ lại làm y như những gì tôi đã làm mà thôi.

Tôi không hối tiếc, chỉ cảm thấy hổ thẹn.

Cái phong bì ấy đến vào ba tuần sau đó, khi Shawn vừa mới tự đứng dậy được. Tôi xé phong bì, chết lặng, như thể sắp đọc bản án sau khi lời tuyên án có tội được ấn định. Tôi nhìn lướt xuống mục tổng điểm. Hai mươi tám. Tôi kiểm tra lại. Không nhầm lẫn. Không hiểu bằng cách nào – và phép màu là cách duy nhất tôi có thể giải thích cho điều đó – tôi đã đạt được từng ấy điểm.

Ý nghĩ đầu tiên của tôi là phải quyết tâm: tôi quyết tâm để không bao giờ làm việc cho bố mình nữa. Tôi lái xe đến cửa hàng tạp hóa Stokes trong thị trấn xin một chân đóng gói hàng. Tôi mới mười sáu tuổi, nhưng tôi không nói với người quản lý điều đó và ông ấy thuê tôi làm việc bốn mươi giờ một tuần. Ca làm việc đầu tiên của tôi bắt đầu lúc bốn giờ sáng hôm sau.

Khi tôi về nhà, bố đang lái chiếc xe bốc xếp qua bãi phế liệu. Tôi bước lên thang xe, bám chặt tay vịn. Qua tiếng gầm của động cơ, tôi nói với bố rằng tôi đã tìm được việc làm nhưng tôi sẽ lái cần cẩu vào các buổi trưa, cho đến khi bố thuê được ai đó. Bố buông cần trục, nhìn đăm đăm về phía trước.

“Mày đã quyết định rồi còn gì,” bố nói mà không liếc nhìn tôi. “Câu giờ thì ích gì.”

Một tuần sau tôi đăng ký vào trường BYU. Tôi không biết viết đơn, vậy nên Tyler viết hộ tôi. Anh viết rằng tôi đã được giáo dục theo một chương trình khắc khe do mẹ tôi chuẩn bị, nhằm bảo đảm rằng tôi đáp ứng được mọi yêu cầu để tốt nghiệp.

Cảm giác của tôi về cái đơn xin học đó thay đổi theo ngày, gần như theo phút. Đôi lúc tôi chắc chắn rằng Chúa muốn tôi đi học đại học, bởi vì Chúa đã cho tôi hai mươi tám điểm. Những lúc khác tôi chắc chắn rằng mình sẽ bị từ chối, và rằng Chúa sẽ trừng phạt tôi vì đã nộp đơn xin nhập học, vì đã cố tình bỏ gia đình. Nhưng dù kết quả là gì, tôi biết mình vẫn sẽ đi.

Tôi sẽ đi đến một nơi nào đó, dù đó không phải là trường học. Gia đình đã thay đổi từ phút tôi đưa Shawn tới bệnh viện thay vì đưa anh về cho mẹ chữa trị. Tôi đã chối bỏ một phần của nó; bây giờ nó chối bỏ tôi.

Ban giám hiệu của trường ấy làm việc rất hiệu quả; tôi không phải đợi lâu. Thư của nhà trường đến trong một cái phong bì bình thường. Tim tôi như ngừng đập khi tôi nhìn thấy nó. Thường thì những bức thư từ chối trông chẳng có gì đặc biệt, tôi nghĩ. Tôi mở nó ra và đọc: “Chúc mừng.” Tôi đã được nhận vào trường, kỳ học bắt đầu vào ngày 5 tháng Một.

Mẹ ôm tôi. Bố cố tỏ ra vui mừng. “Ít ra nó cũng chứng tỏ một điều,” bố nói. “Rằng việc giáo dục ở nhà chúng ta tốt như ở bất cứ trường công nào.”

Ba ngày trước khi tôi bước sang tuổi mười bảy, mẹ lái xe đưa tôi đến Utah để tìm một căn hộ. Việc tìm nhà ngốn mất cả ngày, và chúng tôi lái xe về nhà lúc tối muộn, thấy bố đang ăn bữa tối đông lạnh. Bố không thạo nấu ăn và đó là món

cháo bột mì. Bầu không khí quanh bố căng thẳng, dễ kích động. Có cảm giác như bố có thể bùng nổ bất cứ lúc nào. Mẹ thậm chí không tháo giày, cứ thế chạy vào bếp và bắt đầu sắp chảo ra để làm một bữa tối tử tế. Bố đi vào phòng khách và bắt đầu chửi rửa cái đầu máy video. Từ hành lang tôi có thể thấy dây cáp không được nối. Khi tôi nói ra điều đó, bố bùng nổ. Bố chửi rửa và vung tay, gầm lên rằng trong nhà của một người đàn ông cấp phải luôn được cắm, rằng đáng lẽ không bao giờ có chuyện một người đàn ông bước vào phòng mà lại thấy cáp nối với đầu máy video không được cắm. Tại sao tôi lại tháo cáp ra?

Mẹ vội chạy từ trong bếp ra. “*Em đã tháo đây,*” mẹ nói.

Bố quay sang mẹ, thở phì phò. “Tại sao bà luôn bênh nó thế! Một người đàn ông phải luôn được vợ mình ủng hộ chứ!”

Tôi quờ quạng tìm dây cáp trong khi bố đứng ngay phía trên tôi, la lối. Tôi tiếp tục đánh rơi dây cáp. Đầu tôi giật giật vì nỗi sợ lẫn át mọi ý nghĩ, đến mức tôi thậm chí không nhớ nổi cách cắm dây đỏ vào với đỏ, trắng vào với trắng.

Rồi cảm giác đó trôi qua. Tôi ngược lên nhìn bố, nhìn khuôn mặt tái đi của bố, đường gân trên cổ bố. Tôi vẫn không cắm được mấy dây cáp. Tôi đứng lên, và ngay khi đứng lên, tôi không quan tâm cáp đã được nối hay chưa. Tôi bước ra khỏi phòng. Bố vẫn chửi rửa khi tôi bước vào bếp. Bước ra hành lang tôi quay đầu lại nhìn. Mẹ đã thế chỗ tôi, đang cúi lom khom xuống đầu máy video, mò mẫm tìm dây cắm trong khi bố đứng lù lù ngay phía trên.

Năm đó đợi Giáng sinh mà như đợi để bước qua rìa một vách núi. Kể từ sự cố Y2K tôi mới lại có cảm giác chắc chắn rằng điều gì đó khủng khiếp sắp xảy ra, một điều gì đó sẽ xóa sạch mọi thứ mà tôi biết trước đó. Và điều gì sẽ đến thế chỗ? Tôi cố hình dung ra tương lai, với sự hiện diện của các giáo sư, bài tập về nhà, các lớp học, nhưng đầu tôi không thể mừng tượng nổi. Trong hình dung của tôi, *đã* chẳng có tương lai nào hết. Có đêm trước Giáng sinh, sau đó chẳng có gì nữa cả.

Tôi biết tôi nên chuẩn bị, cố đạt được trình độ trung học mà Tyler đã trình bày với trường đại học là tôi có. Nhưng tôi không biết làm thế nào để đạt được nó, và tôi không muốn nhờ Tyler giúp. Anh đang bắt đầu cuộc sống mới ở trường Purdue – anh sắp kết hôn – và tôi không dám chắc anh muốn chịu trách nhiệm về cuộc sống của tôi.

Dẫu vậy tôi để ý thấy khi anh về nhà nghỉ Giáng sinh, anh đọc một cuốn sách có tên là *Những người khốn khổ*, và tôi quyết định rằng chắc đó phải là cuốn sách mà một sinh viên đại học đọc. Tôi mua một cuốn cho riêng mình, hy vọng nó sẽ dạy tôi về lịch sử hoặc văn học, nhưng không phải vậy. Cuốn sách không thể, bởi vì tôi không thể phân biệt nổi một câu chuyện hư cấu với một chuyện có thật. Tôi cảm thấy, đối với tôi, Napoleon cũng không thật hơn Jean Valjean. Tôi chưa từng nghe nói về ai trong hai người đó.

Phần 2

Chương 17

Làm Nên Ngày Thánh[©]

NGÀY ĐẦU NĂM MỚI, MẸ LÁI XE đưa tôi đến với cuộc sống mới của tôi. Tôi không mang theo nhiều thứ: hơn chục lọ mứt đào nhà làm, bộ chăn ga, và một chiếc túi sạch thường để đựng rác chứa đầy quần áo. Khi chúng tôi phóng xe trên con đường nối giữa hai bang tôi nhìn phong cảnh vỡ ra từng mảng, lởm chởm, những đỉnh núi đen sẫm của dãy Bear River trôi trước mắt tôi nhường chỗ cho dãy Rockies lô nhô. Trường đại học tọa lạc ngay trung tâm của dãy Wasatch với những khối núi trắng xóa sừng sững – nhô lên khỏi mặt đất. Chúng thật đẹp, nhưng đối với tôi vẻ đẹp của chúng dường như ẩn chứa sự hiếu chiến và uy hiếp.

Căn hộ của tôi cách trường một dặm về phía nam. Có bếp, phòng khách và ba phòng ngủ nhỏ. Có những phụ nữ khác sống ở đó – tôi biết họ là phụ nữ bởi vì ở BYU nhà ở được phân theo giới tính – và vẫn đi nghỉ Giáng sinh chưa quay lại. Mất vài phút để mang các thứ của tôi từ ô tô lên. Mẹ và tôi lúng túng đứng trong bếp một lát, rồi mẹ ôm tôi và lái xe đi.

Ba ngày tôi sống một mình trong căn hộ yên tĩnh. Bên ngoài không yên tĩnh chút nào. Chẳng đâu yên tĩnh cả. Tôi chưa bao giờ ở trong một thành phố quá vài giờ và nhận thấy không thể nào bảo vệ bản thân khỏi những tiếng ồn không ngừng xâm chiếm. Tiếng chít chít của tín hiệu báo sang đường, tiếng còi tầm inh tai, tiếng rít của phanh xe, thậm chí tiếng nói bị hãm bớt âm lượng của những người đi bộ trên vỉa hè – tôi nghe thấy từng âm thanh riêng biệt. Đôi tai tôi vốn đã quen với sự tĩnh lặng của núi, có cảm giác bị những âm thanh đó tấn công tới tấp.

Tôi đang thềm ngủ thì bạn cùng phòng đầu tiên của tôi đến. Tên cô là Shannon, đang học trường thẩm mỹ ở bên kia đường. Cô mặc chiếc quần ngủ màu hồng phấn bằng vải nhung lông và chiếc áo hai dây màu trắng bó sát người. Tôi nhìn không chớp mắt đôi vai trần của cô. Tôi đã từng nhìn thấy những người phụ nữ mặc kiểu này – bố tôi gọi họ là dân ngoại – và tôi luôn tránh đến gần họ,

như thể sự phóng đảng của họ có thể lây. Giờ đây có một người như thế trong nhà tôi.

Shannon quan sát tôi với nỗi thất vọng không che giấu, nhìn chiếc áo khoác nỉ rộng thùng thình và chiếc quần bò ngoại cỡ của đàn ông mà tôi mặc trên người. “Đằng ấy bao nhiêu tuổi?” Cô hỏi.

“Mình học năm thứ nhất,” tôi nói. Tôi không muốn thừa nhận rằng mình mới mười bảy tuổi và rằng đáng lẽ tôi đang là học sinh trung học, vừa mới học xong năm thứ hai ở trường trung học mới phải.

Shannon đi tới bồn rửa và tôi nhìn thấy từ “Mộng nước” được viết trên lưng cô. Điều đó vượt quá sức chịu đựng của tôi. Tôi lui về phòng mình, lẩm bẩm rằng mình sẽ đi ngủ.

“Hay đây,” cô nói. “Nhà thờ làm lễ sớm. Tớ thường ngủ muộn.”

“*Bạn* có đi nhà thờ?”

“Có chứ,” cô nói. “*Bạn* không đi à?”

“Tất nhiên là có. Nhưng *bạn*, *bạn* có đi nhà thờ thật chứ?”

Cô nhìn tôi trừng trừng, cắn môi, rồi nói, “Nhà thờ làm lễ lúc tám giờ. Chúc ngủ ngon!”

Đầu óc tôi quay cuồng khi tôi đóng cửa phòng ngủ lại. Sao cô ta có thể là một tín đồ Mặc Môn được cơ chứ?

Bố tôi nói có dân ngoại ở khắp mọi nơi – rằng hầu hết những người Mặc Môn là dân ngoại, họ chỉ không biết điều đó mà thôi. Tôi nghĩ về cái áo hai dây và chiếc quần ngủ của Shannon, và bỗng nhiên hiểu ra rằng có thể tất cả mọi người ở trường BYU đều là dân ngoại.

Ngày hôm sau một người bạn chung nhà khác của tôi đến. Tên cô là Mary và cô đang học năm thứ nhất ngành giáo dục mầm non. Cô mặc giống như những gì tôi nghĩ một người Mặc Môn mặc vào ngày Chủ nhật, một chiếc váy hoa dài chấm sàn nhà. Quần áo của cô là một dạng khẩu hiệu lỗi thời đối với tôi; chúng báo hiệu cô không phải là dân ngoại, và trong vài giờ tôi cảm thấy bớt đơn độc hơn.

Cho đến buổi tối hôm đó. Mary bất ngờ đứng dậy khỏi sofa và nói, “Ngày mai bắt đầu phải đi học rồi. Đã đến lúc dự trữ đồ ăn.” Cô rời khỏi nhà và một giờ sau trở về với hai chiếc túi giấy. Mua sắm vào ngày lễ Sabbath là cấm kỵ – và tôi chưa bao giờ mua nhiều hơn một thanh kẹo gồm vào ngày Chủ nhật – nhưng Mary điềm nhiên mở trứng, sữa, mì sợi mà không biết rằng mỗi thứ cô đang đặt vào tủ lạnh chung đều là một sự vi phạm Những lời răn của Chúa. Khi cô lấy ra một lon Coca Cola, thứ mà bố tôi nói là biểu hiện vi phạm lời răn của Chúa về sức khỏe, tôi lại lui về phòng riêng.

Sáng hôm sau, tôi lên xe buýt nhưng đi nhầm hướng. Khi tôi sửa sai thì buổi học đã sắp kết thúc. Tôi đứng lúng túng ở cuối lớp cho tới khi vị giáo sư, một phụ nữ gầy gò với khuôn mặt mang những nét thanh tú, ra hiệu cho tôi ngồi vào ghế trống duy nhất ở gần hàng đầu. Tôi ngồi xuống, cảm thấy sức nặng từ ánh mắt của mọi người đang đổ dồn vào mình. Đó là loạt bài giảng đến Shakespeare và tôi chọn nó bởi vì tôi đã nghe đến Shakespeare và nghĩ đó là một dấu hiệu tốt. Nhưng bây giờ, ở đây, tôi hiểu ra rằng mình chẳng biết gì về ông ấy. Ngoài cái tên Shakespeare ra, tôi chẳng biết gì về ông ấy hết.

Khi chuông reo, bà giáo sư đi tới bàn của tôi. “Em không nên ở lớp học này,” bà nói.

Tôi nhìn bà, bối rối. Tất nhiên tôi không thuộc về nơi này, nhưng làm thế nào bà lại biết điều đó cơ chứ? Tôi sắp sửa thú nhận tất cả mọi điều – rằng tôi chưa bao giờ đến trường, rằng thực ra tôi không đáp ứng được các yêu cầu để tốt nghiệp – thì bà nói thêm, “Lớp này dành cho những sinh viên năm cuối.”

“Có những lớp dành cho sinh viên năm cuối ạ?” Tôi hỏi.

Bà đảo mắt như thể tôi đang cố trở nên vui tính. “Đây là lớp 382. Em thì phải ở lớp 110.”

Tôi cuốc bộ từ đầu này sang đầu kia khuôn viên trường đại học trước khi tôi hiểu những gì bà giáo sư nói, sau đó tôi kiểm tra lịch học và, lần đầu tiên, chú ý tới các con số ở bên cạnh tên khóa học.

Tôi tới phòng đào tạo, nơi tôi được thông báo rằng tất cả các khóa học dành cho sinh viên năm thứ nhất đều đã kín chỗ. Họ nói, điều tôi nên làm là cứ vài giờ lại kiểm tra qua hệ thống trực tuyến để xem nếu có ai bỏ thì mình thế chỗ. Đến cuối tuần tôi đã chen được vào khóa học Nhập môn tiếng Anh, Lịch sử nước Mỹ, Âm nhạc và Tôn giáo, nhưng tôi bị sa lầy trong khóa học Sơ cấp về nghệ thuật trong nền văn minh phương Tây.

Môn tiếng Anh dành cho sinh viên năm thứ nhất do một cô giáo vui tính sắp bước sang tuổi ba mươi giảng dạy, người luôn nói về “mẫu bài luận” mà cô quá quyết với chúng tôi rằng chúng tôi đã được học ở trường trung học.

Lớp học tiếp theo của tôi, lớp Lịch sử nước Mỹ, được tổ chức trong một giảng đường mang tên của nhà tiên tri Joseph Smith. Tôi cứ nghĩ Lịch sử nước Mỹ sẽ là môn học dễ bởi vì bố tôi đã dạy chúng tôi về các nhà lập quốc – tôi biết đầy đủ về Washington, Jefferson, Madison. Nhưng vị giáo sư giảng môn này hầu như không nhắc đến tất cả những người đó, thay vì thế ông nói về “những nền móng triết học” và các công trình của Cicero, Hume, những cái tên mà tôi chưa từng nghe nói đến.

Trong bài giảng đầu tiên, vị giáo sư nói với chúng tôi rằng buổi học tiếp theo sẽ bắt đầu bằng một bài kiểm tra vấn đáp xem sinh viên tự đọc sách ra sao. Trong hai ngày tôi đánh vật để cố gắng hiểu của các đoạn khó hiểu trong cuốn giáo trình, nhưng những thuật ngữ như “chủ nghĩa nhân đạo công dân” và “thời kỳ khai sáng của Scotland” nằm rải rác trên trang sách như những hố đen, hút tất cả mọi từ khác vào đó. Tôi bước vào cuộc kiểm tra vấn đáp và không trả lời được câu nào.

Thất bại đó cứ bám chặt trong đầu tôi, gây bứt rứt. Đó là dấu hiệu đầu tiên cho biết tôi có ổn hay không, bất cứ điều gì tôi có trong đầu bằng con đường *giáo dục* có đủ hay không. Sau cuộc vấn đáp, câu trả lời dường như rõ ràng: tất cả những gì tôi có trong đầu là không đủ. Hiểu ra điều này, tôi có thể phần nộ vì cách dạy dỗ con cái ở gia đình mình lắm chứ, nhưng không. Lòng trung thành của tôi đối với bố tôi đã tăng lên theo những dặm dài giữa chúng tôi. Ở trên núi,

tôi có thể nổi loạn. Nhưng ở đây, ở cái nơi sáng sủa và ồn ào bị dân ngoại nguy trang thành những vị thánh vây quanh, tôi bám lấy mọi chân lý, mọi học thuyết mà bố đã trao truyền cho tôi. Các bác sĩ là con đẻ của diệt vong. Học ở nhà là một lời răn của Chúa.

Thất bại trong bài kiểm tra vấn đáp chẳng hề làm hao mòn niềm sùng bái mới mẻ của tôi đối với tín ngưỡng cũ, nhưng một bài giảng về Nghệ thuật phương Tây đã làm được điều đó.

Khi tôi đến, phòng học sáng sủa, ánh mặt trời buổi sáng ấm áp rót vào phòng qua bức tường cao có những ô cửa sổ. Tôi chọn chỗ ngồi cạnh một cô gái mặc áo sơ mi cao cổ. Tên cô là Vanessa. “Chúng mình là bộ đôi đấy,” cô nói. “Tớ nghĩ trong lớp chỉ có tớ với cậu là sinh viên năm nhất.”

Bài giảng bắt đầu khi một người đàn ông lớn tuổi có đôi mắt nhỏ và cái mũi nhọn đóng các ô cửa sổ lại. Ông bấm công tắc và chiếc máy chiếu làm cho căn phòng tràn ngập ánh sáng trắng. Một bức tranh hiện lên. Vị giáo sư nói về bố cục, các nét vẽ, và lịch sử của bức tranh. Sau đó ông chuyển sang bức tiếp theo, bức tiếp theo, và tiếp theo.

Sau đó máy chiếu cho thấy một tấm ảnh đặc biệt, ảnh một người đàn ông đội chiếc mũ bạc phéch, mặc áo bành tô. Phía sau ông là một bức tường xi măng hiện ra lơ mơ. Ông cầm một tờ giấy nhỏ đưa lên sát mặt nhưng ông không nhìn vào nó. Ông đang nhìn chúng tôi.

Tôi mở cuốn sách tranh mà tôi mua cho môn này để có thể nhìn rõ hơn. Có một dòng chữ in nghiêng bên dưới tấm ảnh nhưng tôi không thể hiểu. Đó là một trong những từ thuộc loại “hồ đen,” ở chính giữa, nuốt hết những từ còn lại. Tôi đã thấy những sinh viên khác đặt câu hỏi, vì thế tôi gờ tay.

Vị giáo sư gọi tôi, và tôi đọc to câu đó lên. Khi đọc đến từ đó, tôi dừng lại. “Em không biết từ này,” tôi nói. “Nó có nghĩa là gì ạ?”

Im lặng bao trùm. Không có một tiếng “suyt,” không có hành động ngăn tiếng ồn, mà là sự im lặng gần như tuyệt đối. Không có tiếng giấy sột soạt, không có tiếng bút cạo trên giấy.

Vị giáo sư mím môi. “Cảm ơn vì câu hỏi *đó*,” ông nói, rồi trở lại với những lưu ý của mình.

Tôi ngồi im không nhúc nhích trong suốt thời gian còn lại của bài giảng. Tôi nhìn trần trần xuống giày, tự hỏi điều gì đã xảy ra và tại sao bất cứ khi nào tôi ngẩng lên, đều có ai đó nhìn chằm chằm vào tôi như thể tôi là một con quái vật. Hẳn rồi, tôi là quái vật, và tôi biết điều đó, nhưng tôi không hiểu làm thế nào mà họ lại biết điều đó, Khi chuông reo, Vanessa nhét vở vào ba lô. Sau đó cô dừng lại và nói, “Cậu không nên đem chuyện đó ra đùa. Đó không phải là chuyện đùa đâu.” Tôi chưa kịp trả lời thì cô đã bước đi.

Tôi ngồi tại chỗ cho đến khi tất cả mọi người đều đã rời khỏi phòng, giả vờ rằng khóa áo khoác của mình bị kẹt để tôi có thể tránh nhìn vào mắt bất cứ ai. Sau đó tôi đi thẳng đến phòng máy tính để tra từ “Diệt chủng.”[Ⓢ]

Tôi không biết mình đã ngồi đó bao lâu và đọc, nhưng tôi đã đọc đủ. Tôi ngồi ngả người ra phía sau, nhìn đăm đăm lên trần nhà. Tôi nghĩ mình bị sốc, nhưng tôi không chắc đó là sốc vì biết một thảm kịch, hay sốc vì nhận ra sự dốt nát của bản thân. Tôi nhớ rằng mình ngồi đó tưởng tượng ra, không phải các trại tập trung, không phải các hồ chôn người hay các buồng hơi ngạt, mà là khuôn mặt mẹ tôi. Một làn sóng cảm xúc xâm chiếm tôi, một cảm giác căng thẳng, thật lạ lẫm, mà tôi không biết là gì. Nó khiến tôi muốn quát tháo mẹ, quát tháo chính mẹ đẻ của mình, và điều đó khiến tôi sợ hãi.

Tôi lục tìm trong ký ức. Từ “Diệt chủng” hoàn toàn xa lạ. Có lẽ mẹ đã giảng giải cho tôi về từ đó, khi mẹ con tôi hái nụ tầm xuân hoặc chế thảo dược từ cây táo gai. Hình như tôi lơ mơ biết rằng người Do Thái bị giết ở một nơi nào đó, lâu lắm rồi. Nhưng tôi cứ nghĩ đó chỉ là một cuộc xung đột nhỏ, như cuộc thảm sát ở Boston mà bố tôi đã nói đến rất nhiều, trong đó năm người đã tử vì đạo dưới một Chính phủ chuyên chế. Hiểu nó theo quy mô đó – năm người so với sáu triệu người – dường như là không thể.

Trước khi bài giảng tiếp theo bắt đầu, tôi tìm Vanessa và xin lỗi vì trò đùa hôm trước. Tôi không giải thích, bởi vì tôi không thể giải thích nổi. Tôi chỉ nói

rằng tôi xin lỗi và sẽ không lặp lại nó nữa. Để giữ lời hứa ấy, từ đó cho đến khi kết thúc học kỳ tôi không giơ tay lần nào.

Thứ Bảy đó tôi ngồi vào bàn với một đồng bài tập về nhà. Tôi phải làm xong tất cả bài tập trong ngày hôm đó bởi vì tôi không thể xâm phạm thời gian của ngày Sabbath.

Tôi dành buổi sáng và buổi chiều cố giải mã cuốn giáo trình lịch sử, mà không thành công cho lắm. Buổi tối tôi cố viết một bài luận cho môn tiếng Anh, nhưng tôi chưa từng viết luận bao giờ – trừ vài bài về tội lỗi và lòng ăn năn mà chẳng ai thèm đọc – và tôi không biết phải viết như thế nào. Tôi không biết giáo viên nói “mẫu bài luận” là sao. Tôi viết nguệch ngoạc ra vài câu, rồi gạch chúng đi, rồi lại viết lại. Tôi cứ viết ra rồi lại gạch đi cho đến quá nửa đêm.

Tôi biết tôi nên dừng – đó là thời gian của Chúa – nhưng tôi thậm chí chưa bắt đầu với bài tập Lý thuyết âm nhạc được giao, mà bảy giờ sáng thứ Hai tôi có tiết học môn đó. Tôi lập luận rằng khi thức dậy vào ngày lễ Sabbath tôi sẽ làm tiếp.

Tôi tỉnh dậy nhận ra mình đang úp mặt xuống bàn. Căn phòng tràn đầy ánh sáng. Tôi có thể nghe thấy tiếng Shannon và Mary ở trong bếp. Tôi mặc bộ đồ ngày Chủ nhật vào và ba chúng tôi cùng đi bộ đến nhà thờ. Vì giáo đoàn ở đó gồm toàn sinh viên, nên ai cũng ngồi với bạn cùng phòng của mình, và tôi ngồi ở băng ghế cùng với các bạn cùng phòng của tôi. Vừa ngồi xuống Shannon lập tức tán gẫu với cô gái ngồi sau chúng tôi. Tôi nhìn quanh thánh đường và một lần nữa sửng sốt vì có nhiều phụ nữ mặc váy ngắn trên đầu gối đến thế.

Cô gái đang tán gẫu với Shannon rủ chúng tôi trưa hôm đó ghé qua chỗ cô xem phim. Mary và Shannon đồng ý nhưng tôi lắc đầu. Tôi không xem phim vào ngày Chủ nhật.

Shannon đảo mắt. “Bạn ấy mộ đạo *lắm*,” cô thì thầm.

Tôi luôn biết rằng bố mình tin sùng một vị Chúa khác. Khi còn nhỏ, tôi ý thức được rằng mặc dù gia đình tôi đi lễ ở cùng một nhà thờ như mọi người khác

trong thị trấn, tôn giáo của chúng tôi không giống của họ. Họ tin vào lối sống giản dị; còn chúng tôi làm theo nó. Họ tin vào sức mạnh chữa lành của Chúa; chúng tôi phó mặc các vết thương vào tay Chúa. Họ tin vào việc chuẩn bị cho Giáng sinh thứ hai; chúng tôi thực sự đã bắt tay chuẩn bị. Từ lâu lắm rồi, tôi hiểu rằng các thành viên của gia đình tôi là những người Mặc Môn đích thực mà tôi từng biết, tuy nhiên vì một lý do nào đó, ở đây, tại trường đại học này, trong nhà thờ này, lần đầu tiên tôi cảm thấy một khoảng cách mênh mông. Bây giờ tôi hiểu: tôi có thể đứng cùng gia đình mình, hoặc với dân ngoại, đứng ở bên này hoặc ở bên kia, nhưng không có chỗ đứng nào ở giữa hết.

Buổi lễ kết thúc và chúng tôi đi thành hàng vào lớp học giáo lý. Shannon và Mary chọn chỗ ngồi gần trên cùng. Họ nhận cho tôi một chỗ nhưng tôi lưỡng lự, nghĩ mình đã xâm phạm ngày Sabbath như thế nào. Tôi đã ở đây gần một tuần, và đã lấy trộm của Chúa một giờ đồng hồ. Có lẽ đó là lý do tại sao bố tôi không muốn tôi tới đây: bởi vì bố biết, sống với họ, với những người ít đức tin hơn, tôi có nguy cơ trở thành giống như bọn họ.

Shannon vẫy tay với tôi và cổ áo chữ V của cô trễ xuống. Tôi bước qua chỗ cô, ngồi thu mình ở một góc cách xa Shannon và Mary nhất có thể. Tôi cảm thấy dễ chịu với vị trí quen thuộc: tôi, ngồi nép vào một góc, cách xa những đứa trẻ khác, trong bài giảng giáo lý hồi tôi còn bé. Đó là cảm giác quen thuộc duy nhất mà tôi cảm thấy kể từ khi tôi đến nơi này, và tôi tận hưởng nó.

Chương 18

Máu Và Lông

SAU ĐÓ TÔI HIẾM KHI NÓI CHUYỆN với Shannon hay Mary và họ hiếm khi trò chuyện với tôi, trừ khi nhắc tôi làm việc nhà được phân công mà tôi chưa làm. Đối với tôi căn hộ đó trông khá ổn. Vậy thì quan trọng gì nếu có vài quả đào thối trong tủ lạnh và mấy cái đĩa bẩn trong bồn chứ? Có hề gì nếu mùi thối tấp vào mặt bạn khi bạn đi qua cửa? Đối với tôi nếu mùi thối ở ngưỡng có thể chịu đựng được, thì có nghĩa là nhà vẫn sạch, và tôi mở rộng cái thuyết đó với cá nhân mình. Tôi chưa bao giờ sử dụng xà phòng thơm trừ khi tắm, thường thì một hoặc hai lần một tuần, và thỉnh thoảng cả khi tắm tôi cũng không dùng thứ đó. Buổi sáng khi bước ra khỏi phòng vệ sinh, tôi điềm nhiên đi qua bồn rửa ở hành lang nơi Shannon và Mary luôn – *luôn luôn* – rửa tay. Tôi thấy họ nhướn mày lên và tôi nghĩ tới bà-trong-thị-trấn. *Về chuyện, tôi tự nhủ. Mình có đái lên tay đâu.*

Bầu không khí trong căn hộ khá căng thẳng. Shannon nhìn tôi như thể tôi là một con chó dại, và tôi chẳng làm gì để trấn an cô.

Tài khoản ngân hàng của tôi teo dần đều. Tôi đã lo rằng mình có thể không qua được các môn học, nhưng sau một tháng, sau khi đã trả học phí, tiền thuê nhà, tiền mua thức ăn và sách vở, tôi bắt đầu nghĩ rằng dù có thi đỗ tất cả các môn thì tôi cũng sẽ chẳng thể học tiếp được vì một lý do hiển nhiên: Tôi không lo nổi tiền học. Tôi tìm kiếm học bổng qua mạng Internet. Để được miễn học phí toàn phần tôi cần phải đạt điểm trung bình môn gần như hoàn hảo.

Tôi mới chỉ học được một tháng của kỳ học này, nhưng dẫu vậy tôi biết học bổng nằm ngoài tầm với của mình. Môn Lịch sử nước Mỹ dễ hơn, nhưng chỉ ở môn đó tôi mới không trượt các bài kiểm tra vấn đáp. Tôi học tốt môn Lý thuyết âm nhạc, nhưng tôi chật vật với môn tiếng Anh. Giảng viên của tôi nói tôi có khiếu viết nhưng ngôn ngữ của tôi trang trọng và cứng nhắc đến kỳ cục. Tôi không nói cho bà biết rằng từ bé đến giờ tôi chỉ học đọc và viết qua Kinh Thánh, Sách Mặc Môn, hoặc các bài diễn văn của Joseph Smith và Brigham Young.

Tuy nhiên, trở ngại thực sự là môn Văn minh phương Tây. Đối với tôi, các bài giảng môn đó thật vô lý, có lẽ bởi trong hầu hết thời gian của tháng Một, tôi cứ nghĩ châu Âu là một quốc gia, chứ không phải là một lục địa, vậy nên đối với tôi hầu hết những gì giáo sư nói đều vô lý, khó hiểu. Và sau sự cố “Diệt chủng” tôi không giờ tay yêu cầu ông ấy giảng giải bất cứ điều gì nữa.

Dẫu vậy, nhờ có Vanessa, đó lại là các tiết học yêu thích của tôi. Chúng tôi luôn ngồi cạnh nhau khi học môn đó. Tôi thích cô bởi vì cô dường như cũng là người theo giáo phái Mặc Môn như tôi: cô mặc áo cổ cao, mặc đồ vừa phải, không bó sát quá, và cô nói với tôi rằng cô chưa bao giờ uống Coca hoặc làm bài tập về nhà vào Chủ nhật. Cô là người duy nhất dường như không phải là dân ngoại mà tôi gặp ở trường đại học.

Vào tháng Hai, giáo sư của chúng tôi thông báo rằng thay vì chỉ một bài kiểm tra giữa kỳ, tháng nào ông cũng sẽ cho chúng tôi làm một bài kiểm tra, và bài kiểm tra đầu tiên của chúng tôi là vào tuần sau. Tôi không biết phải chuẩn bị như thế nào. Không có giáo trình, chỉ có cuốn sách tranh và vài đĩa CD âm nhạc cổ điển. Tôi nghe nhạc trong khi lật qua lật lại các bức tranh. Tôi cố gắng nhớ ai đã vẽ bức tranh nào hoặc soạn bản nhạc gì, nhưng tôi không nhớ nổi cách đánh vần. Kỳ thi ACT là kỳ thi duy nhất tôi từng trải qua, và đó là thi trắc nghiệm, vậy nên tôi cho rằng tất cả các bài thi đều là thi trắc nghiệm cả.

Buổi sáng hôm chúng tôi có bài kiểm tra, vị giáo sư bảo chúng tôi lấy cuốn sách màu xanh lam ra. Tôi hầu như không có thời gian để tự hỏi cuốn sách màu xanh là cuốn gì trước khi mọi người đều lấy cuốn sách của họ khỏi ba lô. Hành động đó nhuần nhuyễn, đồng bộ, như thể họ đã thực hành nó quá nhiều rồi. Tôi là diễn viên múa duy nhất trên sân khấu dường như đã bỏ các buổi tập. Tôi hỏi Vanessa liệu cô có thừa cuốn nào không, và cô có. Tôi mở sách ra, tưởng rằng sẽ thấy bài thi trắc nghiệm, nhưng nó toàn giấy trắng.

Những ô cửa sổ đóng lại; máy chiếu được bật lên, hiển thị một bức tranh. Chúng tôi có sáu mươi giây để viết tên của tác phẩm và tên đầy đủ của họa sĩ

sáng tác. Đầu óc tôi ong ong, mụ mị. Tình trạng đó kéo dài suốt mấy câu hỏi: tôi ngồi hoàn toàn bất động, chẳng viết được câu trả lời nào.

Một tác phẩm của Caravaggio hiện lên lập lòe trên màn hình – bức *Judith Chặt Đầu Holofernes*. Tôi nhìn chăm chăm hình ảnh đó, hình ảnh một cô gái trẻ bình tĩnh rút một thanh gươm bên sườn ra, đẩy lưỡi gươm qua cổ một người đàn ông như kéo một sợi dây cửa qua tảng pho mát. Tôi đã từng giúp bố chặt đầu những con gà, cầm chặt cẳng chân chúng trong khi bố giơ rìu lên và bỏ xuống đánh “phập,” sau đó siết chặt nắm tay, giữ chân gà bằng tất cả sức lực mình, khi những con gà giãy chết, làm lông bay lung tung và máu bắn tóe lên quần bò của tôi. Nhớ đến những con gà, tôi lấy làm lạ trước sự có lý trong cảnh mà Caravaggio đã vẽ: không ai có cái vẻ đó trên khuôn mặt – vẻ vô tư, thư thái – khi chặt đầu một sinh vật.

Tôi biết bức tranh đó là do Caravaggio vẽ nhưng tôi chỉ nhớ được tên thật của ông và thậm chí tôi không thể đánh vần nó. Tôi chắc chắn tên bức tranh là *Judith Chặt Đầu Ai Đó* nhưng tôi không thể nặn ra được từ *Holofernes*, ngay cả khi chính tôi là người bị hành quyết.

Còn ba mươi giây. Có lẽ tôi có thể ghi được vài điểm nếu viết được gì đó – bất cứ điều gì – lên trang giấy, vậy nên tôi lẩm bẩm đọc cái tên “Carevagio.” Trông có vẻ không đúng. Tôi nhớ cái tên ấy có một chữ cái được gấp đôi, vậy nên tôi viết nguệch ngoạc ra chữ “Carrevagio.” Lại sai. Tôi lẩm bẩm đọc theo cách khác, mỗi kiểu đọc sau lại tệ hơn kiểu đọc trước. Hai mươi giây.

Ngồi cạnh tôi, Vanessa đang đều đặn viết. Tất nhiên rồi. Cô thuộc về nơi này. Chữ viết của cô rõ ràng, ngay ngắn, và tôi có thể đọc những gì cô viết: Michelangelo Merisi da Caravaggio. Và bên cạnh cái tên đó, Judith Chặt Đầu Holofernes. Mười giây. Tôi chép những chữ đó của cô, không gồm tên đầy đủ của Caravaggio bởi vì, muốn thể hiện mình là người chính trực một cách có chọn lọc, tôi xác định rằng viết như thế là lừa đảo. Máy chiếu chuyển sang hình ảnh tiếp theo.

Trong thời gian còn lại tôi liếc sang tờ giấy của Vanessa thêm vài lần nữa, nhưng vô vọng. Tôi không thể chép các đoạn luận của cô, mà tôi thì thiếu cả kỹ năng thực hành lẫn văn phong để tự viết bài của mình. Trong tình trạng thiếu cả kỹ năng và kiến thức, tôi chắc hẳn đã viết nguệch ngoạc những gì bất chợt nảy ra trong đầu. Tôi không nhớ chúng tôi có được yêu cầu đánh giá bức Judith chặt đầu Holefernes hay không, nhưng nếu có thì chắc chắn tôi đã phát biểu cảm tưởng rằng vẻ bình thản trên mặt cô gái không tương đồng với trải nghiệm giết gà của tôi. Giả sử được diễn đạt theo ngôn ngữ thích hợp, cảm tưởng của tôi có thể trở thành câu trả lời hay lắm chứ – một điều gì đó toát lên qua thể đứng bình thản của người phụ nữ tương phản mãnh liệt với chủ nghĩa hiện thực bao trùm tác phẩm. Nhưng tôi không tin giáo sư sẽ ấn tượng nhiều trước nhận xét của tôi: “Khi chặt đầu một con gà, bạn sẽ không mỉm cười bởi vì bạn có thể bị máu và lông bắn vào miệng. ”

Thời gian làm bài đã hết. Các cánh cửa sổ lại mở ra. Tôi bước ra ngoài, đứng trong thời tiết lạnh giá của mùa đông, nhìn lên những đỉnh nhọn của dãy núi Wasatch. Tôi muốn ở lại. Dãy núi ấy xa lạ và đầy vẻ uy hiếp như mọi khi, nhưng tôi muốn ở lại.

Tôi đợi một tuần để biết kết quả, và trong thời gian đó hai lần tôi mơ thấy Shawn, tôi phát hiện thấy anh nằm bất động trên mặt đường nhựa, tôi lật người anh lên và nhìn thấy mặt anh rực lên màu máu đỏ. Lơ lửng giữa nỗi hoảng sợ quá khứ và nỗi sợ tương lai, tôi ghi lại giấc mơ đó vào nhật ký. Sau đó, không một lời giải thích, như thể mối liên hệ giữa hai nỗi sợ đó là hiển nhiên, tôi viết, *Mình không hiểu tại sao khi còn nhỏ mình lại không được học hành đến nơi đến chốn.*

Vài ngày sau thầy trả bài kiểm tra. Tôi trượt.

Một mùa đông, khi tôi còn rất nhỏ, Luke phát hiện thấy trên đồng cỏ một con cú sừng nằm bất động, gần như chết cứng. Nó có bộ lông màu bồ hóng, và trong con mắt trẻ thơ của tôi nó dường như to bằng tôi. Luke mang nó vào nhà, rồi chúng tôi kinh ngạc trước bộ lông mềm mượt và những cái móng vuốt găm ghiếc

của nó. Tôi nhớ đã vuốt ve bộ lông tớp tấp của nó, những cái lông mượt đến nỗi giống như nước, khi bố tôi giữ cơ thể mềm oặt của nó. Tôi biết rằng nếu nó tỉnh, tôi sẽ chẳng thể lại gần nó như thế. Bằng cách chạm vào nó tôi thách thức tự nhiên.

Lông của nó đậm máu. Cánh nó bị gai đâm. “Mẹ không phải là bác sĩ thú y,” mẹ nói. “Mẹ chữa cho người.” Nhưng mẹ rút cái gai ra và làm sạch vết thương. Bố nói phải mất nhiều tuần cánh nó mới lành lại, và rằng trước thời điểm đó rất lâu con cú sẽ tỉnh lại. Nhận ra mình bị mắc kẹt, bị các động vật ăn thịt vây quanh, nó sẽ đấu tranh đến chết để thoát ra. Bố nói nó là động vật hoang dã, và trong thế giới hoang dã vết thương đó là vết thương chí mạng.

Chúng tôi đặt con cú trên lớp vải sơn lót sàn gần cửa sau và, khi nó tỉnh, chúng tôi bảo mẹ đừng ở trong bếp. Mẹ nói địa ngục sẽ đóng băng trước khi mẹ nhường bếp của mình cho một con cú, sau đó bước vào bếp và bắt đầu đặt xoong chảo loảng xoảng để làm bữa sáng. Con cú đi lạch bạch quanh đó trông thật tội nghiệp, móng vuốt của nó cào cào lên cánh cửa, đập mạnh đầu vào đó trong cơn hoảng loạn. Chúng tôi kêu lên và mẹ rút lui. Hai giờ sau bố ngăn một nửa phòng bếp lại bằng những tấm gỗ dán. Con cú hồi phục sau vài tuần. Chúng tôi đánh bẫy chuột để nuôi nó, nhưng đôi khi nó không ăn, và chúng tôi không thể dọn những xác chuột chết đi. Mùi chuột chết thật khủng khiếp, không thể chịu nổi.

Con cú càng ngày càng mạnh động. Khi nó bắt đầu không chịu ăn, chúng tôi mở cửa sau để nó thoát ra ngoài. Nó chưa lành hẳn vết thương, nhưng bố nói cơ hội của nó ở trên núi tốt hơn ở chỗ chúng tôi. Nó không thuộc về nơi này. Nó không được dạy để thuộc về nơi này.

Tôi muốn nói với ai đó rằng tôi đã thi trượt, nhưng một điều gì đó đã ngăn cản tôi gọi điện cho Tyler. Có thể là cảm giác xấu hổ. Hoặc có thể là vì Tyler đang chuẩn bị làm cha. Anh đã gặp vợ anh, Stefanie, tại trường Purdue, và họ nhanh chóng kết hôn. Chị không biết tí gì về gia đình chúng tôi. Đối với tôi, có vẻ như anh thích cuộc sống mới – gia đình mới của anh – hơn cuộc sống cũ.

Tôi gọi điện về nhà. Bố trả lời điện thoại. Mẹ tôi đang đi đỡ đẻ, việc mà mẹ làm càng ngày càng thường xuyên hơn khi những cơn đau nửa đầu của mẹ đã ngưng.

“Khi nào mẹ về ạ?” Tôi hỏi.

“Không biết,” bố nói. “Hỏi Chúa ấy, bởi vì Chúa là người quyết định.” Bố cười khùng khục, sau đó hỏi, “Học hành thế nào?”

Kể từ khi bố quát tháo tôi về dây cáp cắm đầu video, bố con tôi không nói chuyện với nhau. Có thể nói rằng bố đang cố giúp đỡ, nhưng tôi không nghĩ mình có thể thú nhận với bố rằng tôi thất bại. Tôi muốn nói với bố rằng chuyện học hành ỏn cả. Tôi tưởng tượng ra mình đang nói, *để ấy mà*.

“Không tuyệt lắm ạ,” thay vào đó tôi nói. “Con không biết lại khó đến thế.”

Đường dây im lặng, và tôi hình dung ra khuôn mặt nghiêm nghị của bố rắn đanh lại. Tôi đợi bố công kích tôi, nhưng rồi một giọng điềm tĩnh cất lên, “Sẽ ổn thôi, con yêu ạ.”

“Không đâu ạ,” tôi nói. “Sẽ không có học bổng đâu. Con thậm chí sẽ không qua môn được.” Giọng tôi run run.

“Nếu không có học bổng, không có học bổng,” bố nói. “Thì có lẽ bố sẽ giúp chuyện tiền nong. Bố mẹ sẽ tính. Cứ vui vẻ nhé, được chứ?”

“Vâng,” tôi đáp.

“Cứ về nhà nếu con cần.”

Tôi gác máy, không tin những gì mình vừa mới nghe. Tôi biết thái độ ngọt ngào này sẽ không kéo dài, rằng lần tới khi bố con tôi nói với nhau, mọi chuyện sẽ khác, sự dịu dàng của phút này sẽ bị lãng quên, cuộc xung đột bất tận giữa chúng tôi sẽ lại chiếm thế thượng phong. Nhưng tôi nay bố muốn giúp đỡ. Và đó là điều đặc biệt.

Tháng Ba tôi có một bài kiểm tra khác, vẫn là môn Văn minh phương Tây. Lần này tôi làm những tám thẻ học nhanh. Tôi dành nhiều giờ ghi nhớ các từ có phiên âm lạ, nhiều từ trong số đó là tiếng Pháp (bây giờ thì tôi đã hiểu nước Pháp

là một phần của châu Âu). Jacques-Louis David và Erancois Boucher: Tôi không thể đọc những cái tên đó nhưng tôi có thể đánh vần chúng.

Vở ghi của tôi rất những thứ vô nghĩa, vậy nên tôi hỏi Vanessa liệu tôi có thể ngó qua vở của cô không. Cô nhìn tôi vẻ hoài nghi, và trong chốc lát tôi tự hỏi liệu có phải cô đã để ý thấy tôi nhìn trộm và chép bài cô trong lần kiểm tra trước hay không. Cô nói sẽ không đưa cho tôi vở ghi của cô, nhưng nói rằng chúng tôi có thể học cùng nhau, vậy nên sau buổi học tôi theo Vanessa tới phòng ký túc xá của cô. Chúng tôi ngồi trên sàn, khoanh chân vòng tròn với những cuốn vở ghi để mở trước mặt.

Tôi cố đọc các ghi chép của mình nhưng chúng đều lừng lờ, lộn xộn. “Đừng lo,” Vanessa nói. Những gì cậu ghi không quan trọng bằng giáo trình đâu.”

“Giáo trình gì cơ?” Tôi hỏi.

“*Giáo trình* ấy,” Vanessa nói. Cô cười phá lên như thể tôi đang đùa cô. Tôi căng thẳng bởi vì quả thực tôi không đùa.

“Mình không có giáo trình,” tôi nói.

“Chắc chắn cậu có!” Cô cầm cuốn sách tranh dày cộp mà tôi đã dùng để học thuộc lòng tên tác phẩm và tên họa sĩ lên.

“Ô, cuốn đó á,” tôi nói. “Tớ toàn xem nó mà.”

“Cậu *xem* á? Cậu không đọc nó sao?”

Tôi tròn mắt nhìn cô. Tôi không hiểu. Chúng tôi đang học về âm nhạc và nghệ thuật kia mà. Chúng tôi được phát cho những đĩa CD nhạc để nghe, và một cuốn sách tranh để xem. Tôi không hề nghĩ đến việc đọc một cuốn sách mỹ thuật cũng như nghe các đĩa CD.

“Tớ cứ nghĩ chúng ta chỉ phải xem tranh thôi.” Khi tôi thốt ra câu đó, lời tôi nói nghe thật ngớ ngẩn.

“Vậy khi giáo trình chia từ trang năm mươi đến trang tám mươi lăm, cậu không nghĩ cậu phải đọc gì sao?”

“Tớ có xem tranh mà,” tôi lại nói. Lần thứ hai câu đó nghe càng tệ hơn.

Vanessa bắt đầu lật cuốn sách mà bỗng nhiên nó trông rất giống một cuốn giáo trình.

“Vậy thì đó là vấn đề của cậu đấy,” cô nói. “Cậu phải đọc giáo trình đi chứ.” Khi cô nói điều đó, giọng cô du dương đầy vẻ châm chọc, như thể sự ngớ ngẩn này, sau tất cả mọi sự việc khác – sau trò đùa về “Diệt chủng” và trò liếc trộm bài kiểm tra của cô – là quá quắt lắm và cô chịu đựng tôi bấy nhiêu là quá đủ. Cô nói đã đến lúc tôi phải đi; cô phải học môn khác. Tôi cầm vở của mình lên và rời khỏi đó.

“Hãy đọc giáo trình” hóa ra là một lời khuyên tuyệt vời. Trong lần kiểm tra tiếp theo tôi đạt điểm B, và đến cuối kỳ tôi giành được điểm A. Đó là một phép màu và tôi giải thích kết quả đó như vậy. Hằng đêm tôi học cho tới hai, ba giờ sáng, tin rằng đó là cái giá mà tôi phải trả để được Chúa ủng hộ. Tôi học tốt môn Lịch sử, tốt hơn đôi với môn tiếng Anh, và trong tất cả các môn, tôi học môn Lý thuyết âm nhạc tốt nhất. Chắc tôi không thể giành học bổng toàn phần, nhưng tôi có thể giành được học bổng bán phần.

Trong bài giảng cuối cùng của môn Văn minh phương Tây, giáo sư của chúng tôi thông báo rằng có rất nhiều sinh viên trượt kỳ kiểm tra đầu tiên, vì thế ông quyết định không tính bài kiểm tra đó. Như có *phép thần*. Điểm trượt của tôi biến mất. Tôi muốn nhảy lên đám không khí, muốn đập tay ăn mừng với Vanessa. Thế rồi tôi nhớ ra rằng cô không còn ngồi cạnh tôi nữa.

Chương 19

Khởi Đầu

HỌC KỲ KẾT THÚC, TÔI TRỞ VỀ NÚI BUCK. Vài tuần nữa BYU sẽ công bố điểm, sau đó tôi sẽ biết mình có thể trở lại trường vào mùa thu hay không. Tôi đã viết vào nhật ký đầy những lời hứa rằng tôi sẽ không bước chân đến bãi phế liệu nữa. Tôi cần tiền – bố sẽ nói tôi nghèo kiệt xác – vậy nên tôi đến cửa hàng tạp hóa Stokes để xin làm việc mà trước kia tôi đã làm. Tôi xuất hiện vào giờ bận rộn nhất trong buổi chiều, khi tôi biết họ thiếu nhân viên, và quả thật, khi tôi tìm được người quản lý, ông ấy đang gói hàng. Tôi hỏi ông có muốn tôi làm việc đó không, và ông nhìn tôi trong ba giây, sau đó ông tháo tạp dề qua đầu và đưa nó cho tôi. Người trợ lý của ông nháy mắt với tôi: cô là người đã gợi ý tôi nên đến xin việc vào giờ cao điểm. Có điều gì đó về cửa hàng bách hóa Stokes – sự ngăn nắp, những lối đi sạch sẽ, và những con người nồng hậu làm việc ở đó – khiến tôi cảm thấy thanh thản, hạnh phúc. Thật lạ khi nói như vậy về một cửa hàng bách hóa, nhưng quả thật tôi cảm thấy như ở nhà.

Khi tôi bước vào nhà qua cửa sau, bố đang đợi tôi. Bố nhìn thấy cái tạp dề bèn nói, “Mùa hè này mày sẽ làm việc cho bố.”

“Con đang làm việc tại cửa hàng Stokes mà,” tôi đáp.

“Mày nghĩ mày quá giỏi nên không thèm nhặt phế liệu phỏng?” Bố cao giọng. “Đây là gia đình của mày. Mày thuộc về nơi này.” Mặt bố hốc hác, mắt bố đỏ sọng. Bố đã có một mùa đông tồi tệ. Hồi mùa thu, bố đã đầu tư một số tiền lớn vào trang thiết bị xây dựng – một cái máy xúc, một xe nâng người và một xe kéo dành cho thợ hàn. Bây giờ là mùa xuân và tất cả những thứ đó biến mất. Luke vô tình làm lửa bùng lên, thiêu cháy xe hàn; chiếc xe nâng người đứt lìa khỏi đầu kéo bởi vì ai đó – tôi chưa bao giờ hỏi đó là ai – không chốt chặt nó đúng cách; còn cái máy xúc gia nhập đồng phế liệu khi Shawn, kéo nó bằng một chiếc đầu kéo hạng nặng, cua gấp với tốc độ cao khiến cả đầu kéo lẫn máy xúc lộn tưng phèo. May mắn lắm Shawn mới bò ra khỏi đồng đồ nát được, mặc dù

đầu anh bị va đập và không thể nhớ được những ngày trước khi xảy ra vụ tai nạn. Xe tải, đầu kéo và máy xúc, tất cả.

Thái độ quả quyết hẳn sâu trên khuôn mặt bố. Thái độ quả quyết tràn ngập trong giọng nói khàn khàn của bố. Bố phải chiến thắng tình cảnh bế tắc này. Bố tự thuyết phục bản thân rằng nếu tôi ở trong đội lao động của bố thì sẽ có ít tai nạn xảy ra hơn, và tình trạng đình trệ sẽ giảm đi. “Mày chậm như nhựa đường leo dốc☺,” bố nói với tôi hơn chục lần. “Nhưng mày làm xong việc mà không làm sứt mẻ thứ gì cả.”

Nhưng tôi không thể làm việc đó, bởi làm vậy nghĩa là thụt lùi. Tôi đã trở về nhà, về căn phòng cũ của tôi, về với cuộc sống cũ. Nếu tôi trở lại làm việc cho bố, thức dậy mỗi buổi sáng và xỏ đôi giày mũi thép vào, bước ra bãi phế liệu, thì bốn tháng vừa qua như không có thực, như thể tôi chưa bao giờ rời khỏi nơi này.

Tôi bước nhanh qua chỗ bố, chạy về phòng, giam mình trong đó. Lát sau mẹ gõ cửa. Mẹ lặng lẽ bước vào, ngồi xuống giường khế kháng đến nỗi tôi hầu như không cảm thấy sức nặng của mẹ bên cạnh mình. Tôi cứ nghĩ mẹ sẽ nói những gì mà mẹ đã nói lần trước. Khi tôi nhắc mẹ nhớ rằng tôi chỉ mới mười bảy tuổi, và mẹ sẽ bảo rằng tôi có thể ở lại.

“Con có cơ hội để giúp bố của con,” mẹ nói. “Bố cần con. Bố sẽ không bao giờ nói ra điều đó, nhưng bố cần con. Làm gì thì làm, tùy con lựa chọn.” Nổi im lặng bao trùm, rồi mẹ nói thêm, “Nhưng nếu con không giúp bố thì con không thể ở lại đây. Con sẽ phải sống ở một nơi khác.”

Sáng hôm sau, lúc bốn giờ sáng, tôi lái xe tới cửa hàng bách hóa Stokes và bắt đầu ca làm việc mười tiếng. Đó là đầu buổi chiều, và trời mưa nặng hạt, khi tôi trở về nhà thì thấy quần áo của mình bị vứt trên bãi cỏ trước nhà. Tôi mang chúng vào trong nhà. Mẹ đang pha chế tinh dầu trong bếp, mẹ không nói gì khi tôi đi qua chỗ mẹ với mớ quần áo nhỏ nước ròng ròng.

Tôi ngồi trên giường trong khi nước từ quần áo của tôi làm ướt sũng cả thảm. Tôi có một chiếc điện thoại và tôi nhìn chăm chăm vào nó, không biết nó có thể

giúp được gì cho tôi. Chẳng có ai để mà gọi điện. Chẳng có nơi nào để đi và chẳng có ai để gọi.

Tôi bấm số gọi cho Tyler ở Indiana. “Em không muốn làm việc ở bãi phế liệu,” tôi nói khi anh nhắc máy. Giọng tôi khàn khàn.

“Chuyện gì xảy ra vậy?” Anh hỏi. Anh có vẻ lo lắng; anh cứ nghĩ lại có một vụ tai nạn nữa. “Mọi người khỏe cả chứ?”

“Khỏe cả,” tôi nói. “Nhưng bố nói em không thể ở đây trừ khi em làm việc ở bãi phế liệu, mà em thì không thể làm việc đó nữa.” Giọng tôi run run, lên cao một cách thiếu tự nhiên.

Tyler hỏi, “Em muốn anh làm gì?”

Nhớ lại cuộc gọi đó, tôi chắc chắn anh đã nói thật lòng, rằng anh có thể giúp tôi bằng cách nào, nhưng tai tôi, trong nỗi cô độc và hoài nghi, lại nghe thấy điều gì đó khác: *Em trông đợi anh làm gì cơ chứ?* Tôi bắt đầu run; tôi cảm thấy choáng váng. Tyler vốn là dây cứu sinh của tôi. Trong nhiều năm anh sống trong tâm trí tôi như giải pháp cuối cùng, một độ cao mà tôi có thể rướn tới khi tôi bị dón vào chân tường. Nhưng bây giờ khi tôi rướn tới chỗ đó, tôi hiểu ra nó vô ích đến nhường nào. Suy cho cùng, nó chẳng thể giúp gì tôi được.

“Chuyện gì đã xảy ra vậy?” Tyler lại hỏi.

“Không có gì đâu. Mọi chuyện ổn cả.”

Tôi gác máy, rồi bấm số gọi tới cửa hàng Stokes. Người trợ lý của ông quản lý trả lời điện thoại. “Em hết ca làm việc hôm nay rồi đúng không?” Cô ấy vui vẻ nói. Tôi nói với cô rằng tôi nghỉ việc, tôi xin lỗi, rồi cúp máy. Tôi mở tủ quần áo và thấy thứ ấy vẫn ở trong đó, nơi tôi đã cất bốn tháng trước: đôi giày gom phế liệu của tôi. Tôi đi giày vào. Tôi cảm thấy như chưa bao giờ tháo đôi giày ra khỏi chân.

Bố đang lái xe nâng, xúc một đồng thiếc múi. Bố sẽ cần ai đó đặt những cái chặn bằng gỗ cho đầu kéo để bố bốc dỡ đám phế liệu. Khi bố nhìn thấy tôi, bố hạ đồng thiếc xuống để tôi có thể bước lên trên chúng, và tôi sẽ ở trên cái đồng ấy và trên đầu kéo.

Ký ức của tôi về trường đại học nhanh chóng mờ nhạt. Tiếng bút cạo trên giấy, tiếng máy chiếu chuyển *xoẹt* từ hình ảnh này sang hình ảnh tiếp theo, tiếng chuông đồ hồi báo hiệu hết giờ – tất cả bị tiếng loảng xoảng của sắt thép và tiếng gầm của động cơ diesel nhấn chìm. Sau một tháng ở bãi rác, BYU giống như một giấc mơ, một điều gì đó tôi tưởng tượng ra trong đầu. Giờ đây tôi đã tỉnh.

Thời gian biểu của tôi hằng ngày giống y như trước: sau bữa sáng tôi phân loại phế liệu và rút đồng ra khỏi các bộ tản nhiệt. Nếu cánh đàn ông con trai làm việc trên công trường thì thỉnh thoảng tôi đi cùng họ để lái xe tải hoặc xe nâng, hoặc cần cẩu. Vào bữa trưa tôi giúp mẹ nấu ăn, rửa bát đĩa, sau đó quay lại bãi phế liệu hoặc đi lái cần cẩu.

Điều khác biệt duy nhất là Shawn. Anh không còn là anh như tôi nhớ. Anh không bao giờ nói một lời khó nghe, dường như anh đã cảm thấy bình yên. Anh đang học để thi GED[®], và một đêm khi chúng tôi lái xe từ chỗ làm về, anh nói với tôi rằng anh sẽ thử học một kỳ tại trường cao đẳng cộng đồng. Anh muốn học luật.

Mùa hè đó có một vở kịch được diễn tại Nhà hát Opera Worm Creek, và anh em tôi mua vé đi xem. Charles cũng có mặt ở đó, ngồi phía trên cách chúng tôi vài hàng ghế, và vào thời gian giải lao, khi Shawn đi ra tán gẫu với một cô gái, Charles chậm chậm bước tới. Lần đầu tiên tôi không lú lẫm. Tôi nghĩ đến Shannon và cách cô nói chuyện với mọi người ở nhà thờ, thái độ vui vẻ thân thiện của cô, cách cô mỉm cười và cười thành tiếng. Hãy là Shannon, tôi tự nhủ. Và trong năm phút, tôi làm như vậy.

Charles nhìn tôi rất lạ, theo cách những người đàn ông nhìn Shannon. Anh hỏi liệu tôi có thích xem phim vào thứ Bảy không. Phim anh gợi ý là một bộ phim bình dân, trần tục mà tôi chưa bao giờ muốn xem nhưng tôi đang là Shannon, vậy nên tôi nói tôi thích.

Tối thứ Bảy tôi cố làm Shannon. Bộ phim rất tệ, tệ hơn tôi tưởng, loại phim mà chỉ dân ngoại mới xem. Nhưng tôi khó có thể coi Charles là dân ngoại. Anh là Charles. Tôi định nói với anh rằng bộ phim này trái đạo đức, rằng anh không

nên xem những thứ như thế, nhưng – vẫn là Shannon – tôi không nói gì, chỉ mỉm cười khi anh hỏi tôi có thích ăn kem không.

Shawn là người duy nhất vẫn còn thức khi tôi về nhà. Tôi vẫn đang mỉm cười khi bước vào cửa. Shawn đùa rằng tôi đã có bạn trai, và đó là nói đùa thật – anh muốn tôi cười. Anh nói Charles có gu tốt, rằng tôi là người đứng đắn nhất mà anh biết, rồi anh đi ngủ.

Ở phòng riêng, tôi nhìn mình trong gương một lúc lâu. Điều đầu tiên tôi chú ý là chiếc quần bò của đàn ông mà tôi đang mặc và nhận ra nó chẳng giống quần bò mà những cô gái khác mặc chút nào. Điều thứ hai là, áo sơ mi của tôi quá rộng và nó khiến tôi dường như thành người vuông.

Vài ngày sau Charles gọi điện tới. Tôi đang đứng trong phòng mình sau một ngày đi lợp mái công trình. Người tôi có mùi chất pha sơn và một lớp bụi màu tro, nhưng anh không biết điều đó. Chúng tôi nói chuyện suốt hai tiếng đồng hồ. Tối hôm sau anh lại gọi điện, và tối hôm sau nữa cũng thế. Anh nói thứ Sáu chúng tôi sẽ đi ăn bánh kẹp thịt.

Thứ Năm, sau khi thu phế liệu xong, tôi lái xe bốn mươi dặm tới siêu thị Walmart gần nhất mua một chiếc quần bò nữ và hai chiếc áo sơ mi, đều là màu xanh dương. Khi tôi mặc chúng vào người tôi hầu như không thể nhận ra cơ thể của mình, những chỗ thắt lại, những đường cong. Tôi cởi chúng ra ngay lập tức, cảm thấy mặc như vậy thiếu đứng đắn thế nào ấy. Thực ra, bộ quần áo đâu phải như vậy, nhưng tôi biết tại sao tôi lại muốn có chúng – cho cơ thể của tôi, để cơ thể tôi được chú ý – và điều đó dường như thiếu đứng đắn dù bản thân những bộ quần áo thì không.

Chiều hôm sau, khi đội lao động của chúng tôi kết thúc công việc của ngày, tôi chạy về nhà. Tôi tắm rửa, dội hết bụi đất khỏi người mình, sau đó đặt bộ quần áo mới lên giường và nhìn chúng trừng trừng. Sau vài phút, tôi mặc chúng vào và lại sốc trước hình ảnh mình trong gương. Không còn thời gian để thay quần áo nữa, vậy nên tôi khoác chiếc áo khoác mặc dù đó là một buổi tối ấm áp, và vào

một khoảnh khắc nào đó, mặc dù tôi không thể nói chính xác khi nào hoặc tại sao, tôi đã quyết định rằng tôi hoàn toàn không cần chiếc áo khoác ấy. Trong suốt thời gian còn lại của tôi hôm đó, tôi không phải nhớ làm Shannon; tôi nói cười mà không phải giả vờ chút nào.

Tuần đó tôi nào Charles và tôi cũng đi chơi với nhau. Chúng tôi tới các công viên, các cửa hàng kem, các điểm bán bánh kẹp thịt và các trạm xăng. Tôi dẫn anh đến Stokes, bởi vì tôi thích chỗ đó, và bởi cô trợ lý cửa hàng luôn cho tôi những chiếc bánh rán chưa bán được từ lò bánh. Chúng tôi chuyện trò với nhau về âm nhạc – về các ban nhạc mà tôi chưa từng nghe nói tới và về chuyện anh muốn trở thành một nhạc sĩ đi khắp thế giới. Chúng tôi chưa bao giờ nói về chính chúng tôi – không hề đề cập đến chuyện chúng tôi là bạn của nhau hay là gì khác. Tôi ước anh sẽ nói đến chuyện đó nhưng anh không nói. Tôi ước gì anh để tôi biết theo cách khác – bằng cách khẽ nắm bàn tay tôi hoặc khẽ ôm tôi – nhưng anh cũng không làm những điều ấy.

Tối thứ Sáu chúng tôi đi chơi khuya, và khi tôi về nhà, trong nhà tôi om. Máy tính của mẹ đang để mở, màn hình ở chế độ tiết kiệm điện hắt ánh sáng xanh khắp phòng khách. Tôi ngồi xuống, kiểm tra trang web của trường BYU. Điểm đã được đưa lên trang. Tôi đỗ. Hơn cả đỗ. Tôi đạt điểm A ở tất cả các môn trừ môn Văn minh phương Tây. Tôi sẽ nhận được học bổng bằng nửa số tiền học phí. Tôi có thể trở lại trường.

Chiều hôm sau Charles và tôi ở công viên, ngồi đung đưa trên những xích đu lớp xe. Tôi nói với anh chuyện tôi được học bổng. Tôi muốn khoe, nhưng vì lý do nào đó điều tôi nói lại cho thấy những nỗi sợ hãi trong tôi. Tôi nói tôi không nên học đại học, rằng tôi nên học xong trung học trước đã. Hoặc ít nhất nên bắt đầu học trung học, Charles ngồi lặng yên trong khi tôi nói một lúc lâu. Sau đó anh hỏi, “Em giận bố mẹ em đã không cho em đến trường đúng không?”

“Đó là một lợi thế!” Tôi nói, gần như reo lên. Phản ứng của tôi là theo bản năng. Giống như nghe thấy một cụm từ trong một bài hát bắt tai: Tôi không thể

ngăn mình đọc những ca từ tiếp theo. Charles nhìn tôi về hoài nghi, như bảo tôi hãy khớp điều đó với những gì mà chỉ vài phút trước tôi đã nói.

“Anh giận,” anh nói. “Cho dù em không.”

Tôi không nói gì. Tôi chưa bao giờ nghe thấy ai chỉ trích bố tôi trừ Shawn, và tôi không thể phản ứng trước những gì Charles vừa nói. Tôi muốn nói với Charles về hội Illuminati, nhưng những lời đó thuộc về bố tôi, và dù ở trong đầu tôi, chúng nghe có vẻ rời rắm, vay mượn. Tôi xấu hổ chẳng thể nắm giữ chúng. Khi đó tôi tin – và tôi phần nào sẽ luôn tin – rằng những lời của bố tôi phải là của tôi.

Trong vòng một tháng, tôi nào cũng vậy, từ bãi phế liệu trở về, tôi dành cả tiếng đồng hồ kỳ cẩu ghét khỏi móng tay và bụi đất khỏi tai mình. Tôi chải những mớ tóc rối và trang điểm một cách vụng về. Tôi thoa cả vốc kem dưỡng lên các đầu ngón tay để làm mềm những vết chai, để biết đâu đấy, một tôi nào đó Charles sẽ chạm vào chúng.

Cuối cùng khi anh làm điều ấy, đó là vào đầu buổi tối và chúng tôi đang ở trên xe jeep của anh, tới nhà anh để xem phim. Chúng tôi đang chạy xe dọc theo lạch Fivemile thì anh đưa tay với cần sang số, rồi đặt tay anh lên tay tôi. Bàn tay anh ấm và tôi muốn nắm lấy nó, nhưng thay vì thế tôi giật tay ra như phải bỏng. Phản ứng ấy là không có ý, và ngay lập tức tôi ước rằng tôi có thể để tay lại chỗ cũ. Điều đó lại xảy ra khi anh thử lần thứ hai. Người tôi giật lên, đầu hàng trước một bản năng lạ lùng, đầy uy lực.

Bản năng đó tràn qua tôi dưới dạng một từ, một từ in đậm, đầy sức mạnh, có tính chất tuyên bố. Từ đó không mới. Nó đã ở trong tôi một thời gian, im lặng, bất động, như thể đang thiếp đi, trong một góc xa xăm của ký ức. Bằng cách chạm vào tôi Charles đã đánh thức nó, và nó rộn ràng sức sống.

Tôi luôn cả hai tay xuống dưới đầu gối và nghiêng người ra phía cửa sổ xe. Tôi không thể để anh gần tôi – tối hôm đó, và bất cứ tối nào trong nhiều tháng – mà không rùng mình khi từ đó, cái từ của tôi, xuất hiện trong trí nhớ. *Đồ Đĩ*.

Chúng tôi đến nhà anh. Charles bật TV lên và ngồi xuống sofa; tôi nhẹ nhàng ngồi xuống đầu kia của sofa. Những ánh đèn mờ mờ, phản chiếu trôi trên màn hình. Charles nhích lại phía tôi một chút, ban đầu chậm, sau đó tự tin hơn, cho tới khi chân anh cọ vào chân tôi. Trong tưởng tượng, tôi bật dậy, chạy với vận tốc một nghìn dặm trên mỗi nhịp tim đập. Trong thực tế, tôi chỉ hơi chùn lại. Charles cũng chùn lại – tôi đã làm anh giật mình. Tôi xác định lại vị trí, ngồi nghiêng người về phía thành sofa, thu gọn chân tay lại để chúng cách xa anh. Tôi giữ tư thế ngồi gò bó đó có lẽ trong hai mươi giây, cho đến khi anh hiểu, nghe thấy những lời mà tôi không thể nói, và chuyển xuống ngồi dưới sàn.

Chương 20

Chuyện Kể

Của Những Người Cha[Ⓢ]

CHARLES LÀ NGƯỜI BẠN ĐẦU TIÊN CỦA TÔI đến từ cái thế giới khác ấy, thế giới mà bố tôi đã cố ngăn sức ảnh hưởng đối với tôi. Xét về mọi mặt anh đều theo lẽ thường mà bố tôi thì coi khinh lẽ thường vì mọi lý do: anh nói về bóng đá và các ban nhạc nổi tiếng nhiều hơn là về Ngày Tận Thế; anh yêu tất cả mọi điều trong đời sống ở trường trung học; anh đi nhà thờ, nhưng giống như hầu hết những người Mặc Môn, nếu ốm, có lẽ anh gọi bác sĩ là mục sư của giáo hội Mặc Môn.

Tôi không thể dung hòa thế giới của anh với thế giới của mình vậy nên tôi tách chúng ra. Tối nào tôi cũng đứng bên cửa sổ trông ngắm chiếc xe jeep màu đỏ của anh, và khi nó xuất hiện trên đường cao tốc, tôi chạy vội ra cửa. Anh chưa cho xe chạy lên đồi tôi đã đợi sẵn ngoài bãi cỏ, và trước khi anh kịp bước ra khỏi xe, tôi đã yên vị trên xe anh, tranh luận với anh về dây an toàn của tôi. (Anh không chịu lái xe nếu tôi không thắt dây an toàn).

Một lần, anh đến sớm và bước về phía cửa trước nhà tôi. Tôi lúng búng, căng thẳng giới thiệu anh với mẹ tôi, người đang pha tinh dầu bergamot[Ⓢ] với tinh dầu hoàng lan, búng ngón tay tanh tách để thử liều lượng. Mẹ cất tiếng chào nhưng mấy ngón tay mẹ vẫn búng tanh tách. “Hôm qua mẹ thử xem nếu mẹ không tắm bằng dầu oải hương thì hôm nay có lên cơn đau nửa đầu không,” mẹ nói. “Mẹ đã tắm, và đoán xem? Không đau đầu đâu nhé!”

“Lũ bác sĩ không thể điều trị chứng đau nửa đầu trước khi nó phát tác,” bố xen vào, “nhưng Chúa có thể!”

Khi chúng tôi đi ra xe của anh, Charles nói, “Nhà em luôn có mùi như vậy sao?”

“Như gì cơ?”

“Như mùi cây thối.”

Tôi nhún vai.

“Chắc hẳn em phải ngửi thấy mùi đó,” anh nói. “Mùi đó nặng đấy. Anh đã từng ngửi thấy nó rồi. Từ người em. Em luôn có mùi đó. Ôi, có lẽ bây giờ người anh cũng có mùi đó rồi.” Anh ngửi áo sơ mi của mình. Tôi lặng thinh. Tôi chẳng ngửi thấy mùi gì cả.

Bố nói tôi đang trở nên “tự cao tự đại.” Bố không thích tôi vừa làm xong việc là chạy bỏ về nhà, cũng chẳng thích tôi tẩy mọi vết dầu mỡ trước khi đi chơi với Charles. Bố biết tôi thích gói hàng ở cửa hàng tạp hóa Stokes hơn là lái xe bốc dỡ ở Blackfoot, cái thị trấn bụi bặm cách nhà chúng tôi một giờ chạy xe về phía bắc, nơi bố đang xây dựng một trại bò sữa. Bố bực mình khi biết tôi muốn ở một nơi khác, ăn mặc như những người khác.

Tại nơi thi công công trình ở Blackfoot, bố nung nấu những việc kỳ cục cho tôi làm, bố nghĩ làm những việc ấy sẽ nhắc tôi nhớ mình là ai. Một lần, khi chúng tôi đang ở trên không trung cách mặt đất hơn mười mét, bò nhào trên những thanh xà gỗ của mái nhà đang lợp dở, không đội mũ bảo hiểm bởi vì chúng tôi chẳng bao giờ đội cái thứ ấy, thì bố chợt nhận ra đã để cuộn dây bật phán ở đầu kia của tòa nhà. “Sang bên kia lấy cuộn dây bật phán lại đây cho bố, Tara,” bố nói. Tôi phác đường đi nước bước trong đầu. Tôi sẽ cần phải nhảy từ thanh xà gỗ này sang thanh xà gỗ khác, khoảng mười lăm thanh cả thảy, mỗi thanh cách nhau gần một mét rưỡi, để lấy dây bật phán, sau đó lại phải nhảy qua từng ấy thanh đòn tay để quay về. Những mệnh lệnh như thế của bố thường vấp phải câu nói này của Shawn, “Nó sẽ không làm việc đó đâu.”

“Shawn, anh sẽ đưa em sang đó bằng xe nâng, được chứ?”

“Mày có thể đi lấy nó mà,” Shawn nói. “Trừ khi cái trường yêu thích và thằng bạn trai yêu thích của mày đã khiến mày trở nên quá tuyệt nên đêch thèm làm việc đó.” Về mặt anh rắn danh trông vừa mới mẻ lại vừa quen thuộc.

Tôi lay lay thanh xà gỗ có thể đưa tôi tới thanh xà khung ở rìa công trình. Xét theo một khía cạnh nào đó, việc này nguy hiểm hơn – nếu tôi ngã về phía bên

phải thì sẽ không có thanh xà gỗ nào đỡ tôi hết – nhưng nếu thanh xà khung dày hơn thì tôi có thể bước trên đó như đi trên dây.

Bố và Shawn đã trở thành đồng chí của nhau như thế đó, dù họ chỉ đồng ý với nhau ở một điểm: rằng cuộc chạm trán chớp nhoáng của tôi với nền giáo dục đã khiến tôi trở nên tự cao tự đại, và rằng điều tôi cần là được kéo ngược trở lại là tôi trước kia. Được cố định, được neo chặt lại với phiên bản cũ ấy.

Shawn có khiếu về ngôn ngữ, có khiếu dùng ngôn ngữ để định nghĩa người khác. Anh bắt đầu lục lợi vốn tên nhại mà anh có trong đầu. *Đĩ* là cái tên ưa thích của anh trong vài tuần. “*Đĩ*, lấy cho tao cái bánh mì,” anh quát, hoặc “*Nâng* cần cầu lên, *Đĩ*!” Rồi anh nhìn mặt tôi để xem tôi có phản ứng không. Anh chưa bao giờ tìm thấy, Tiếp theo anh thử dùng từ *Wilbur*®. Bởi vì tôi ăn rất nhiều nên anh nói. “*Đồ lợn* kia,” anh gào lên kèm với tiếng huýt sáo khi tôi cúi xuống để bắt một cái vít hoặc để đo đạc.

Shawn cứ nắn nà ở bên ngoài sau khi cả đội đã làm xong việc trong ngày. Tôi ngờ rằng anh muốn ở gần lối cho xe chạy vào khi Charles lái xe tới. Dường như anh thay dầu mãi không xong cho xe tải của anh. Tối đầu tiên chúng tôi ở đó, tôi chạy ra ngoài và nhảy lên xe jeep của Charles trước khi anh kịp nói một lời. Tôi tiếp theo anh nhanh hơn. “*Chẳng phải Tara đẹp sao?*” Anh gào lên với Charles. “*Mắt như mắt cá và nó cũng thông minh gần bằng một con cá đấy.*” Đó là lời chế nhạo cũ rích, đã mòn vì bị dùng quá nhiều. Chắc hẳn anh biết tôi sẽ không phản ứng ở công trường vậy nên anh để dành, hy vọng rằng trước mặt Charles những lời đó sẽ có nọc độc.

Tối hôm sau: “*Cậu sẽ đi ăn tối à? Đừng có chen vào giữa Wilbur và thức ăn của nó nhé. Cậu sẽ bẹp dí như một tấm ván lót vỉa hè cho mà xem.*”

Charles chẳng bao giờ phản ứng. Chúng tôi thỏa thuận ngầm rằng những buổi tối của chúng tôi chỉ bắt đầu khi ngọn núi biến mất trong gương chiếu hậu của xe anh. Trong vũ trụ mà chúng tôi cùng nhau khám phá có những trạm xăng và các nhà hát; có những chiếc ô tô rải rác trên đường cao tốc như những món nữ trang rẻ tiền, những đám người cười hoặc bầm còi, luôn vẫy tay, bởi vì đây là một thị

trần nhỏ và mọi người đều biết Charles; có những con đường bụi trắng như phấn, những con kênh màu thịt bò hầm, và những cánh đồng lúa mì mênh mông bát ngát ánh lên màu vàng đồng. Nhưng không có núi Buck.

Ban ngày, đỉnh núi Buck là tất cả những gì tồn tại ở đó – nó và công trường xây dựng ở Blackfoot. Shawn và tôi dùng khoảng thời gian để chịu hơn của một tuần làm những xà gồ để hoàn thành cái mái cho trại bò sữa. Chúng tôi sử dụng một cái máy cõ bằng một ngôi nhà di động để uốn chúng thành hình chữ Z, sau đó gắn bàn chải điện vào máy mài đánh hết gỉ sắt để có thể sơn chúng. Khi sơn khô chúng tôi chắt đồng những thanh xà gồ đó cạnh xưởng, nhưng trong vòng một ngày hoặc hai, gió từ trên đỉnh núi đã phủ lên chúng một lớp bụi đen, và lớp bụi đen ấy sẽ biến thành nhọ nồi khi nó kết hợp với dầu trên sắt. Shawn nói phải rửa trước khi chắt chúng lên xe, vậy nên tôi đi lấy một mảnh giẻ lau và một xô nước.

Đó là một ngày nóng nực, và tôi quạt những giọt mồ hôi trên trán mình. Dây buộc tóc của tôi bị đứt. Tôi không có dây dự trữ. Gió quạt từ trên núi xuống, thổi những lọn tóc vào mắt tôi, và tôi đưa tay lên mặt vén. Tay tôi đầy dầu mỡ đen sì, và mỗi lần vén tóc tôi để lại một vệt đen trên mặt.

Tôi nói to để báo với Shawn khi những thanh xà gồ đã được lau sạch. Anh xuất hiện từ phía sau một chiếc dầm chữ I và nâng cái mặt nạ của thợ hàn lên. Khi anh nhìn thấy tôi, mặt anh nở một nụ cười rộng ngoác. “Con mọi của chúng ta đây!” anh nói.

Trong mùa hè Shawn và tôi làm việc với cái máy xén, có một buổi chiều tôi quạt mồ hôi trên mặt nhiều lần đến nỗi khi chúng tôi tạm dừng để ăn tối, mũi và má tôi đen sì. Đó là lần đầu tiên Shawn gọi tôi là “Mọi.” Từ đó gây ngạc nhiên nhưng không lạ. Tôi đã nghe thấy bố dùng từ đó, vậy nên ở một khía cạnh nào đó tôi biết nó có nghĩa là gì. Nhưng ở một khía cạnh khác, tôi không hiểu nó có nghĩa gì. Duy nhất một lần tôi nhìn thấy một người da đen, một bé gái da đen, đứa con nuôi của một gia đình ở nhà thờ. Bố tôi dĩ nhiên không ám chỉ đứa bé ấy.

Suốt mùa hè đó Shawn gọi tôi là Mọi. “Mọi, chạy đi lấy mấy cái kẹp chữ C đi!” hoặc “Đến giờ ăn trưa rồi, Mọi!” Cái tên đó chưa bao giờ khiến tôi khựng lại dù chỉ một giây.

Thế rồi thế giới đảo lộn: Tôi đã vào trường đại học, nơi tôi lang thang tới một giảng đường và nghe các bài giảng về lịch sử nước Mỹ, mắt mở to, não ong ong. Người giảng môn đó là tiến sĩ Richard Kimball, và ông có giọng nói vang sâu. Thế là tôi biết về chế độ chiếm hữu nô lệ; tôi đã nghe bố tôi nói, và tôi đã đọc về chế độ chiếm hữu nô lệ trong cuốn sách yêu thích của bố lý giải nước Mỹ đã ra đời thế nào. Tôi đã đọc thấy rằng các nô lệ trong thời kỳ thuộc địa hạnh phúc và tự do hơn chủ của họ, bởi vì các chủ nô phải chịu gánh nặng chi phí nuôi họ ăn ở. Đối với tôi, điều đó nghe có lý. Hôm tiến sĩ Kimball giảng về chế độ nô lệ, ông lấp đầy màn hình bằng một bức phác họa chợ nô lệ. Màn hình rộng; nó thống trị căn phòng như màn hình trong rạp chiếu phim. Bức phác họa rồi rầm. Những người phụ nữ đứng trần truồng, hoặc nửa trần truồng, bị xích, trong khi đàn ông vây quanh họ. Máy chiếu kêu lách tách. Tiếp theo là một bức ảnh đen trắng nhòe mờ vì thời gian. Đã phai màu vì bị để quá lâu, bức ảnh chỉ có tính chất hình tượng. Trong ảnh một người đàn ông ngồi, bị lột áo, để lộ ra trước ống kính máy ảnh tám bản đồ những vết sẹo chằng chịt, sần sùi. Thịt da của ông ta trông chẳng còn giống thịt da nữa, sau những gì người ta đã làm với nó.

Những tuần sau đó tôi nhìn thấy thêm nhiều hình ảnh nữa. Nhiều năm trước khi đóng vai Annie, tôi đã nghe nói về cuộc Đại Khủng Hoảng, nhưng những hình ảnh hiện lên qua máy chiếu – những người đàn ông đội mũ, mặc áo khoác dài xếp hàng trước những bếp nấu súp quả là mới mẻ đối với tôi. Khi tiến sĩ Kimball giảng về Thế Chiến thứ hai, màn hình hiện lên những dây máy bay chiến đấu nằm rải rác giữa tàn tích của những thành phố bị ném bom. Có những khuôn mặt liên quan – FDR, Hitler, Stalin. Rồi Thế Chiến thứ hai nhòa đi trong ánh đèn của máy chiếu.

Lần tiếp theo tôi bước vào giảng đường có những khuôn mặt mới trên màn hình và họ là người da đen. Trước đó không có một khuôn mặt da đen nào trên

màn hình ấy – ít nhất tôi nhớ là không có – kể từ sau các bài giảng về chế độ nô lệ. Tôi đã quên bằng họ, những người Mỹ khác, xa lạ đối với tôi. Tôi đã không cố tưởng tượng xem chế độ chiếm hữu nô lệ kết thúc ra sao: chắc chắn tất cả đều đã nghe thấy tiếng gọi của công lý, và vấn đề đã được giải quyết.

Đó là trạng thái tinh thần của tôi khi tiến sĩ Kimball bắt đầu giảng về phong trào dân quyền. Một mốc thời gian hiện lên trên màn hình: 1963. Tôi nghĩ đó là nhầm lẫn. Tôi nhớ Tuyên ngôn Giải phóng Nô lệ ra đời năm 1863. Tôi không thể giải thích cho một trăm năm đó, vậy nên tôi cho rằng đó là lỗi in ấn. Tôi chép mốc thời gian đó vào vở ghi cùng với một dấu hỏi, nhưng khi nhiều bức ảnh nữa hiện ra trên màn hình, điều mà giáo sư của chúng tôi muốn nói trở nên rõ ràng. Những bức ảnh đó là ảnh đen trắng nhưng đối tượng của chúng hiện đại – sống động, sắc nét. Đó không phải là những hình ảnh tĩnh khô khan của kỉ nguyên khác; chúng dường như chuyển động. Các cuộc tuần hành. Cảnh sát. Lính cứu hỏa phun nước vào những người đàn ông trẻ.

Tiến sĩ Kimball đọc những cái tên mà tôi chưa từng nghe. Đầu tiên là Rosa Parks. Hình ảnh một cảnh sát ấn ngón tay một người phụ nữ vào hộp mực xộp. Tiến sĩ Kimball nói người phụ nữ đó đã chiếm một ghế trên xe buýt. Tôi hiểu ý ông là cô đã “lấy cắp” một cái ghế trên xe buýt, mặc dù trộm cắp thứ đó mới kỳ cục làm sao. Hình ảnh đó được thay thế bằng hình ảnh thứ hai – một cậu bé da đen mặc áo sơ mi trắng, đeo cà vạt, đội mũ có vành tròn, Tôi không nghe câu chuyện của cậu. Tôi vẫn đang băn khoăn về chuyện của Rosa Parks, tự hỏi làm thế nào người ta lại có thể lấy trộm một cái ghế xe buýt. Sau đó, trên màn hình là một thi hài và tôi nghe thấy tiến sĩ Kimball nói, “Họ kéo xác cậu ta từ dưới sông lên.”

Có một mốc thời gian bên dưới bức ảnh đó: 1955. Tôi chợt nhận ra rằng năm 1955 mẹ tôi mới lên bốn, và khi hiểu ra điều đó khoảng cách giữa tôi và Emmett Till rút ngắn lại. Cảm giác gần gũi giữa tôi và cậu bé bị giết hại này có thể được đo bằng cuộc đời của những người tôi biết. Tôi không tính khoảng cách đó qua những thay đổi lớn về lịch sử và địa chất – khi các nền văn minh sụp đổ, khi

những dãy núi xói mòn. Khoảng cách đó được đo bằng nếp nhăn trên da thịt con người. Bằng những nếp nhăn trên khuôn mặt của mẹ tôi.

Cái tên tiếp theo là Martin Luther King Jr. Trước đó tôi chưa từng nhìn thấy khuôn mặt của ông, hoặc nghe tên ông, và mất vài phút tôi mới hiểu rằng người mà tiến sĩ Kimball muốn nói đến không phải là Martin Luther mà tôi biết. Phải mất thêm vài phút nữa để tôi liên hệ cái tên đó với hình ảnh trên màn hình – một người da đen đứng trước một đền thờ bằng đá cẩm thạch trắng, vây quanh ông là một biển người. Tôi chỉ vừa mới hiểu ra ông là ai và tại sao ông lại đang phát biểu thì tôi được biết thêm rằng ông đã bị giết hại. Tôi vẫn đủ dốt nát để ngạc nhiên.

“Con mọi của chúng ta đã về!”

Tôi không biết Shawn đã nhìn thấy gì trên mặt tôi – cảm giác sốc, tức giận, hay nổi trống rỗng. Dù nó là gì, anh cũng thích thú.

Anh thấy nó dễ tổn thương, một điểm yếu. Đã quá muộn để giả vờ dừng dung.

“Đừng gọi em bằng cái tên đó,” tôi nói. “Anh không biết nó có nghĩa là gì đâu.”

“Tao biết chứ,” anh nói. “Mặt mày đen nhẻm, như mọi!”

Trong suốt thời gian còn lại của buổi chiều hôm đó – trong suốt mùa hè ấy – tôi là Mọi. Trước đó, hàng nghìn lần tôi đã trả lời bằng thái độ dửng dưng. Nếu có phản ứng thì tôi đã tỏ ra thích thú và nghĩ rằng Shawn thật vui tính. Bây giờ trò cợt nhả đó khiến tôi muốn khóa miệng anh. Hoặc bắt anh ngồi xuống với một cuốn sách lịch sử, miễn sao đó không phải là cuốn mà bố tôi vẫn để trong phòng khách bên dưới bản sao Hiến pháp được đóng khung.

Tôi không thể diễn tả nổi cách gọi đó khiến tôi cảm thấy như thế nào. Shawn gọi tôi như vậy là muốn nhục mạ tôi, muốn nhốt tôi lại trước khi quá muộn, vào khái niệm cũ về bản thân tôi. Nhưng thay vì nhốt tôi ở một chỗ, cái từ đó lại chở tôi đi. Mỗi lần anh nói từ đó – “Này Mọi, nâng cần câu lên.” hoặc “Lấy cho tao

cái xà beng, Mọi.” – tôi lại trở lại trường đại học, tới giảng đường đó, nơi tôi thấy lịch sử loài người trải ra và ngạc nhiên về chỗ của mình trong đó. Những câu chuyện về Emmett Till, Rosa Parks và Martin Luther King được gọi về trong tâm trí tôi mỗi lần Shawn quát lên, “Mọi, chuyển sang hàng tiếp theo đi.” Tôi nhìn thấy gương mặt họ được đặt ở trên mỗi thanh xà gồ mà Shawn đã hàn vào vị trí cố định trong mùa hè đó, để khi kết thúc chuyện ấy, cuối cùng tôi cũng bắt đầu nắm bắt được điều gì đó mà đáng lẽ phải rõ ràng ràng ngay lập tức: rằng kẻ nào đó đã chống lại cuộc tiến bước vĩ đại về phía công bằng; người ta phải giành giật tự do từ kẻ đó. Tôi không nghĩ anh trai mình là kẻ đó; tôi không tin có khi nào mình lại nghĩ về anh như thế. Nhưng đâu sao có điều gì đó đã thay đổi. Tôi đã bắt đầu đi trên con đường của nhận thức, đã hiểu được điều gì đó căn bản về anh trai mình, về bố mình, và bản thân mình, Tôi đã nhận thức được rằng chúng tôi bị tiêm nhiễm qua truyền miệng – người khác nói thì chúng tôi cũng nói, chúng tôi vô tình hoặc tảng lờ đi nó là gì. Tôi bắt đầu hiểu ra rằng chúng tôi đã cho một bài diễn văn có mục đích duy nhất là làm mất tính người và đối xử thô bạo với kẻ khác vay mượn tiếng nói của mình – bởi vì dung dưỡng bài diễn văn đó dễ hơn, bởi vì việc duy trì quyền lực luôn tạo *cảm giác như* con đường phía trước.

Tôi không thể nói rõ cảm giác này, không thể khi tôi đổ mồ hôi suốt những buổi trưa khô nẻ trên xe nâng. Hồi đó tôi chưa có ngôn từ như bây giờ. Nhưng tôi hiểu điều này: rằng một nghìn lần tôi bị gọi là Mọi, tôi đã cười, và bây giờ tôi không thể cười nổi. Từ đó và cái cách Shawn nói từ đó không thay đổi: chỉ có tai tôi đã khác trước. Không còn tiếng leng keng đùa cợt trong đó nữa. Những gì mà đôi tai tôi nghe thấy là một dấu hiệu, một tiếng gọi qua thời gian, được đáp lại bằng nhận thức về tội lỗi chất chồng: rằng tôi sẽ không bao giờ cho phép mình bị biến thành lính bộ binh trong một cuộc xung đột mà tôi không hiểu.

Chương 21

Cỏ Long Ba

Hôm trước ngày tôi trở lại BYU, bố trả công lao động cho tôi. Bố không đủ tiền để đưa cho tôi khoản mà bố đã hứa, nhưng bấy nhiêu cũng đủ để trả nửa tiền học phí mà tôi nợ. Tôi dùng ngày cuối cùng ở Idaho với Charles. Đó là một ngày Chủ nhật, nhưng tôi không đi nhà thờ. Tôi bị đau tai đã hai ngày, và tối hôm đó tôi chuyển từ bị đau nhôn nhốt vừa phải sang đau như bị đâm chọc dữ dội, liên miên. Tôi bị sốt. Tôi nhìn gì cũng thấy méo mó, rất nhạy với ánh sáng. Tôi đang ở trong tình trạng đó thì Charles gọi điện tới. Tôi có muốn đến nhà anh không ư? Tôi nói tôi nhìn mờ mờ lấm lấm nên chẳng lái xe được. Mười lăm phút sau anh đến đón tôi.

Tôi khum khum bàn tay bưng cái tai đau và lừ đừ ngồi vào ghế khách, sau đó cởi áo khoác trùm lên đầu để che ánh sáng. Charles hỏi tôi đã uống thuốc gì rồi.

“Hoa cúc lobelia,” tôi nói. “Và cỏ long ba.”

“Anh không nghĩ chúng có tác dụng,” anh nói.

“Chúng sẽ có tác dụng. Phải mất vài ngày chúng mới có tác dụng.”

Anh nhướn mày, nhưng không nói gì.

Nhà của Charles ngăn nắp, thoáng rộng với những ô cửa sổ lớn, sáng sủa và sàn nhà bóng loáng. Nó khiến tôi nhớ tới nhà bà-trong-thị-trấn. Tôi ngồi trên ghế đầu, đầu tôi áp xuống mặt bàn quây mát lạnh. Tôi nghe thấy tiếng cánh tủ mở đánh *cạch* và tiếng mở nắp lọ đánh *bốp*. Khi tôi mở mắt ra, hai viên thuốc màu đỏ được đặt trên mặt bàn trước mặt tôi.

“Đây là thuốc mọi người thường dùng để giảm đau,” Charles nói.

“Không phải chúng em.”

“*Chúng em* là ai?” Charles nói. “Mai em đi rồi. Em không còn là một người trong số họ nữa.”

Tôi nhắm mắt lại, hy vọng anh sẽ không tiếp tục chủ đề đó.

“Em nghĩ chuyện gì sẽ xảy ra nếu em uống những viên thuốc này chứ?” Anh nói.

Tôi không trả lời. Tôi không biết chuyện gì sẽ xảy ra. Mẹ tôi luôn nói rằng thuốc tây là một loại thuốc độc đặc biệt không bao giờ ra khỏi cơ thể bạn mà làm cho bạn thối rữa dần ở bên trong, suốt cuộc đời. Mẹ bảo nếu tôi uống thuốc bây giờ thì dù mười năm nữa tôi mới sinh con, những đứa con của tôi cũng bị dị dạng.

“Người ta vẫn uống thuốc khi đau ốm đấy thôi,” anh nói. “Đó là điều *bình thường* mà.”

Tôi chắc hẳn đã nhăn mặt trước từ “bình thường,” bởi vì sau đó anh trở nên im lặng. Anh rót một ly nước và đặt nó trước mặt tôi, sau đó nhẹ nhàng đẩy những viên thuốc về phía trước cho tới khi chúng chạm đến cánh tay tôi. Tôi cầm một viên lên. Tôi chưa bao giờ nhìn một viên thuốc ở khoảng cách gần đến thế. Nó nhỏ hơn tôi nghĩ.

Tôi nuốt viên thuốc đó, rồi nuốt viên còn lại.

Từ lâu lắm rồi, bất cứ khi nào tôi đau ốm, dù bị đứt chân tay hay bị đau răng, mẹ đều làm rượu ngâm cây cúc lobelia và cỏ long ba cho tôi dùng. Thứ đó chưa bao giờ làm giảm chứng đau, không một chút nào. Vì thế, tôi đâm ra kính nể cơn đau đớn, thậm chí tôn sùng nó, coi đó là cần thiết và bất khả xâm phạm.

Hai mươi phút sau khi tôi nuốt những viên thuốc màu đỏ ấy, cảm giác đau tai biến mất. Tôi không thể hiểu nổi. Cả buổi chiều hôm đó tôi lắc đầu từ trái sang phải, cố xóc cho cái đau long ra. Tôi nghĩ nếu tôi có thể hét lên đủ to, hoặc chuyển động nhanh, thì có lẽ chứng đau tai sẽ quay lại và tôi sẽ biết những viên thuốc tây ấy chỉ là lừa dối.

Charles lặng lẽ quan sát nhưng chắc hẳn anh nhận thấy hành vi của tôi thật tức cười, nhất là khi tôi bắt đầu cảm cái tai vẫn biết đau của mình mà giật, để tôi có thể thử giới hạn của “trò phù thủy” kỳ lạ này.

Đáng lẽ sáng hôm sau mẹ lái xe đưa tôi đến BYU, nhưng trong đêm đó mẹ được gọi đi đỡ đẻ. Có một chiếc xe đậu ở lối vào nhà – một chiếc KIA Sephia mà bố tôi đã mua của Tony mấy tuần trước. Xe khởi động bằng chìa khóa. Tôi chất hành lý của mình lên xe và lái đến Utah, tính rằng chiếc xe đó bù vào số tiền mà bố nợ tôi. Tôi đoán bố cũng tính thế, bởi vì bố chẳng bao giờ nói một lời về chuyện đó.

Tôi chuyển tới một căn hộ cách trường đại học nửa dặm. Tôi có bạn chung nhà mới. Robin cao ráo, trông như vận động viên điền kinh, và trong lần đầu tiên tôi nhìn thấy chị, chị mặc quần soóc để chạy bộ, chiếc quần quá ngắn, nhưng tôi không thể há hốc miệng ra với chị. Khi tôi gặp Jenni, cô đang uống Coca Cola. Tôi cũng không nhìn trừng trừng thứ đó, bởi vì tôi đã thấy Charles uống nó hàng chục lần.

Robin là người nhiều tuổi nhất, và vì lý do nào đó chị thông cảm với tôi. Bằng cách nào đó chị hiểu rằng những lỗi sơ sẩy của tôi là do đốt nát, không cố ý, và chị góp ý cho tôi một cách nhẹ nhàng nhưng thẳng thắn. Chị bảo cho tôi biết chính xác những gì tôi cần làm, hoặc không, để hòa hợp với các cô gái khác trong căn hộ. Không để thức ăn ôi thiu trong tủ đựng bát đĩa hoặc để bát đĩa bẩn trong bồn rửa quá lâu.

Robin giải thích điều này trong cuộc gặp mặt giữa những người sống chung nhà. Khi chị nói xong, một người bạn cùng nhà khác, Megan, hắng giọng.

“Tôi muốn nhắc nhở tất cả mọi người rửa tay sau khi đi vệ sinh,” cô nói. “Và không chỉ rửa bằng nước, mà bằng xà phòng thơm.”

Robin đảo mắt. “Chắc chắn là *mọi người* ở đây đều rửa tay.”

Tối hôm đó, khi ra khỏi phòng vệ sinh, tôi dừng lại trước bồn rửa trong hành lang và rửa tay. Rửa bằng xà phòng thơm.

Ngày hôm sau là ngày học đầu tiên ở trường. Charles đã sắp xếp lịch học cho tôi. Anh đăng ký cho tôi học hai lớp về âm nhạc và một lớp về tôn giáo, tất cả, theo anh nói, đều dễ đối với tôi. Sau đó anh đăng ký cho tôi học thêm hai khóa

“khó nhằn” nữa – Đại số dành cho sinh viên, khóa học khiến tôi khiếp sợ, và Sinh học, môn tôi không sợ chỉ bởi tôi không biết nó là gì.

Môn Đại số đe dọa đặt dấu chấm hết cho học bổng của tôi. Vị giáo sư giảng môn đó nói nhỏ đến mức không thể nghe rõ mọi bài giảng khi ông đi đi lại lại trước tấm bảng đen. Tôi chẳng phải là người duy nhất không nghe được bài giảng, nhưng là người nghe được ít hơn bất cứ ai khác. Charles cố gắng giúp, nhưng anh đang bắt đầu năm cuối ở trường trung học và cũng có nhiều bài tập phải làm. Vào tháng Mười tôi thi giữa kỳ và trượt.

Tôi ngừng ngủ. Tôi thức khuya, vò đầu bứt tóc, cố moi nghĩa từ cuốn giáo trình, sau đó nằm trên giường nghiền ngẫm những gì cần lưu ý. Tôi bị viêm loét dạ dày. Một lần, Jenni phát hiện thấy tôi gập người trên bãi cỏ nhà một người lạ trên đoạn đường giữa trường đại học và căn hộ của chúng tôi. Dạ dày của tôi như đang bị cháy; tôi đau đến mức run lẩy bẩy, nhưng tôi không để cô đưa đến bệnh viện. Cô ngồi đó với tôi nửa tiếng, sau đó dìu tôi về nhà.

Chúng đau dạ dày của tôi trầm trọng lên, thiêu đốt suốt đêm, khiến tôi không ngủ được. Tôi cần tiền để trả tiền thuê nhà, vậy nên tôi xin làm bảo vệ cho tòa nhà kỹ thuật. Ca của tôi bắt đầu vào bốn giờ sáng. Kẹt giữa những cơn đau dạ dày và việc gác cổng, tôi hầu như không ngủ. Jenni và Robin liên tục giục tôi đi khám bác sĩ nhưng tôi không đi. Tôi nói với họ rằng tôi sẽ về nhà vào Lễ Tạ Ơn và rằng mẹ tôi sẽ chữa cho tôi. Họ lặng nhìn nhau lo lắng.

Charles nói rằng cách xử lý của tôi là tự hại bản thân, rằng tôi bị khuyết mất khả năng đề nghị người khác giúp đỡ, một khiếm khuyết gần như là bệnh lý. Anh nói với tôi điều này trên điện thoại, và anh nói khẽ đến mức nó gần như là một lời thì thầm.

Tôi bảo anh bị điên.

“Vậy thì hãy đi nói chuyện với ông giáo sư Đại số của em đi,” anh nói. “Em sẽ trượt đấy. Hãy đề nghị ông ấy giúp đỡ đi.”

Chỉ nghĩ thôi tôi cũng chẳng bao giờ cho rằng mình sẽ nói chuyện với một vị giáo sư – tôi không hiểu rằng chúng tôi được phép nói chuyện với họ – vậy nên

tôi quyết định thử, dù chỉ để chứng minh với Charles rằng tôi có thể làm việc đó.

Vài ngày trước Lễ Tạ Ôn tôi gõ cửa phòng làm việc của ông. Trong văn phòng ông trông bé nhỏ hơn trên giảng đường, và sáng láng hơn: bóng đèn điện phía trên bàn làm việc của ông phản chiếu mái đầu và đôi kính của ông. Ông đang lật giở tập giấy tờ trên bàn, và không nhìn lên khi tôi ngồi xuống. “Nếu em thi trượt môn này,” tôi nói, “thì em sẽ mất học bổng.” Tôi không giải thích rằng không có học bổng thì tôi không thể trở lại trường.

“Tôi rất tiếc,” ông nói, hầu như không nhìn tôi. “Đây là một trường khó. Có lẽ tốt hơn là em nên trở lại đây khi em lớn hơn. Hoặc em chuyển đi.”

Tôi chẳng biết ông nói *chuyển* là có ý gì, vậy nên tôi im lặng. Tôi đứng dậy dợm bước đi, và vì một lý do nào đó điều này khiến ông mềm lòng. “Thực ra,” ông nói, “nhiều sinh viên bị trượt đấy,” Ông ngồi ngả người vào lưng ghế. “Thế này: kỳ thi cuối sẽ bao hàm kiến thức của cả kỳ. Tôi sẽ thông báo trước lớp rằng bất cứ ai đạt được điểm tối đa trong kỳ thi cuối – không phải chín mươi tám điểm đâu nhé mà là một trăm – thì sẽ được điểm A, dù kết quả thi giữa kỳ của sinh viên đó ra sao. Nghe có vẻ khả quan chứ?”

Tôi đáp vâng. Có vẻ như điều đó thật xa vời, nhưng tôi là chúa của những điều có vẻ xa vời. Tôi gọi điện cho Charles. Tôi nói với anh rằng tôi sẽ về Idaho vào Lễ Tạ Ôn và cần một người dạy kèm môn Đại số. Anh nói sẽ gặp tôi ở núi Buck.

Chương 22

Điều Ta Thì Thầm Và Điều Ta Hét Lên

KHI TÔI VỀ TỚI NÚI BUCK, mẹ tôi đang làm bữa ăn cho Lễ Tạ Ôn. Chiếc bàn gỗ sồi lớn bày la liệt những bình rượu thuốc và những lọ tinh dầu nhỏ mà sau đó tôi dọn đi. Charles sẽ đến ăn tối.

Shawn đang bực mình. Anh ngồi trên chiếc ghế dài ở bàn, nhìn tôi nhặt đám chai lọ và giấu chúng đi. Tôi đã rửa bộ đồ ăn bằng sứ chưa bao giờ được dùng của mẹ, và bắt đầu bày chúng ra bàn, ngắt khoảng cách giữa mỗi chiếc đĩa và dao.

Shawn bực bội vì tôi quá chú trọng đến việc đó. “Chỉ là Charles thôi mà,” anh nói. “Tiêu chuẩn của cậu ta không cao đến thế đâu. Quan trọng là cậu ta ở bên mày.”

Tôi đi lấy những chiếc ly. Khi tôi đặt một chiếc ly trước mặt Shawn, anh chọc ngón tay vào mạng sườn tôi, xoáy mạnh. “Đừng động vào em!” Tôi hét lên. Sau đó căn phòng lộn ngược. Chân tôi không còn ở bên dưới tôi nữa, và tôi bị nhấc vào phòng khách, ra khỏi tầm nhìn của mẹ.

Shawn lật người tôi nằm ngửa, và ngồi lên bụng tôi, dùng đầu gối ghì chặt tay tôi xuống sát hai bên sườn. Sức ép của trọng lượng cơ thể anh khiến tôi thở dốc. Anh ép căng tay lên khí quản tôi. Tôi ngắc ngứ, cố ngóp đủ không khí để kêu lên, nhưng đường thở đã bị chặn.

“Khi mày hành động như một con ranh thì mày buộc tao phải đối xử với mày như với một con ranh.”

Shawn nói to, gần như gào lên. Anh nói điều đó với tôi, nhưng anh không nói điều đó cho tôi. Anh nói điều đó cho mẹ, để định rõ khoảnh khắc ấy: tôi là một đứa trẻ hư; anh đang dạy cho nó một bài học. Sức ép lên khí quản của tôi giảm bớt và tôi cảm thấy phổi lại căng tràn dễ chịu. Anh biết tôi sẽ không hô hoán lên.

“Dừng ngay,” mẹ hét lên từ trong bếp, mặc dù tôi không chắc mẹ muốn nói Shawn hay tôi.

“La hét là bất lịch sự,” Shawn nói, và một lần nữa anh lại nói về phía bếp. “Mày sẽ nằm yên như thế cho tới khi mày xin lỗi.” Tôi nói tôi xin lỗi vì đã hét lên với anh. Một lát sau tôi đứng dậy.

Tôi gấp những tờ khăn giấy làm khăn ăn và đặt mỗi chiếc khăn vào một bộ đồ ăn. Khi tôi đặt một chiếc cạnh đĩa của Shawn, anh lại dùng ngón tay chọc vào mạng sườn tôi. Tôi không nói gì.

Charles đến sớm – bố tôi thậm chí chưa từ bãi phế liệu về – và ngồi vào bàn, đối diện với Shawn, người đang nhìn anh trừng trừng, không chớp mắt. Tôi không muốn để họ ngồi với nhau, nhưng mẹ cần người phụ giúp nấu nướng, vậy nên tôi quay vào bếp nhưng nghĩ ra những việc lặt vặt để có thể trở lại bàn. Vào một trong những lần chạy đi chạy lại giữa bếp và bàn ăn, tôi nghe thấy Shawn đang kể cho Charles nghe về những khẩu súng của anh, và lần khác, anh nói về tất cả những cách mà anh có thể giết người.

Tôi cười rõ to trước cả hai câu chuyện, hy vọng Charles sẽ nghĩ đó là chuyện đùa. Lần thứ ba tôi trở lại bàn, Shawn kéo tôi vào lòng anh. Tôi cũng cười.

Trò đánh đồ không thể kéo dài, thậm chí không kéo dài đến bữa tối. Tôi đi qua chỗ Shawn bê một đĩa sứ to bày bánh cuộn, và anh dùng ngón tay chọc vào bụng tôi mạnh đến nỗi khiến tôi vãi rắm. Tôi buông rơi chiếc đĩa. Nó vỡ tan tành.

“Tại sao anh lại làm thế?” Tôi gào lên.

Chuyện xảy ra nhanh đến mức tôi không biết anh vật ngéo tôi xuống sàn lúc nào, nhưng một lần nữa tôi lại nằm ngửa và anh ngồi trên người tôi. Anh yêu cầu tôi xin lỗi vì đã đánh vỡ đĩa. Tôi lí nhí thốt ra lời xin lỗi, để Charles không nghe thấy, nhưng điều này lại khiến Shawn điên tiết. Anh túm tóc tôi, và lại túm sát da đầu, vì lực đòn bẩy, và giật, sau đó lôi tôi về phía phòng tắm. Chuyển động đột ngột đến nỗi Charles không kịp phản ứng. Điều cuối cùng tôi nhìn thấy khi đầu tôi bị dúi mạnh về phía hành lang là Charles đứng bật dậy, mắt mở to, mặt trắng bệch.

Cổ tay tôi bị gấp lại, cánh tay tôi bị vịn ra sau lưng. Đầu tôi bị ấn vào bồn cầu đến mức mũi tôi lơ lửng ngay trên mặt nước trong bồn cầu. Shawn quát tháo gì đó nhưng tôi không nghe đó là gì. Tôi đang lắng nghe tiếng chân bước trong hành lang, và khi tôi nghe thấy tiếng bước chân ấy tôi loạn trí. Không thể để Charles nhìn thấy mình như thế này. Không thể để anh biết, sau tất cả mọi sự giả vờ – việc tôi trang điểm, quần áo mới của tôi, bộ đồ ăn bằng sứ – đây mới là con người thật của tôi.

Tôi co giật, cong người và gỡ cổ tay khỏi sự khống chế của Shawn. Tôi làm anh bị bất ngờ; tôi khỏe hơn anh tưởng, hoặc có lẽ mạnh động hơn, và anh để tuột tay. Tôi lao ra cửa. Tôi vừa mới vượt qua ô cửa và bước được một bước ra hành lang thì đầu tôi bị giật về phía sau. Shawn đã túm được tóc tôi lôi lại, và kéo tôi về phía anh bằng một lực mạnh đến nỗi cả hai chúng tôi đều ngã nhào vào bồn tắm.

Điều tiếp theo tôi nhớ, Charles nâng tôi dậy và tôi cười – tiếng cười nghe như tiếng hú điên dại, nhức óc. Tôi cứ nghĩ nếu tôi cười đủ to thì tình thế có thể được cứu vãn, rằng Charles có thể sẽ tin rằng tất cả chỉ là một trò đùa. Nước mắt tôi trào ra – ngón chân cái của tôi bị gãy – nhưng tôi vẫn tiếp tục cười khúc khích. Shawn đứng ở cửa trông có vẻ bối rối.

“Em ổn chứ?” Charles hỏi.

“Tất nhiên em ổn! Shawn thật, thật, thật – vui tính quá đi.” Giọng tôi nghẹn lại ở từ cuối cùng khi tôi dồn trọng lượng xuống bàn chân và cảm giác đau như một đợt sóng tràn qua tôi. Charles cố bế tôi, nhưng tôi đẩy anh ra và đi cà nhắc, nghiêng răng để ngăn mình không hét lên vì đau, trong khi vồ nhẹ lên người anh trai mình theo kiểu trêu đùa.

Charles không ở lại ăn tối. Anh chuồn ra xe jeep và trong vài tiếng đồng hồ anh không gọi cho tôi, sau đó anh gọi điện bảo tôi hãy gặp anh tại nhà thờ. Anh sẽ không đến núi Buck. Chúng tôi ngồi trên xe của anh trong bóng tối, giữa bãi xe trống trải. Anh khóc.

“Những gì anh nghĩ anh đã thấy không phải như vậy đâu,” tôi nói.

Nếu ai đó hỏi tôi, tôi sẽ nói, đối với tôi, Charles là điều quan trọng nhất trên thế giới này. Nhưng anh không phải là như vậy. Và tôi sẽ chứng minh điều đó với anh. Điều quan trọng đối với tôi không phải là tình yêu hay tình bạn, mà là khả năng tự lừa dối bản thân một cách thuyết phục: để tin rằng tôi mạnh mẽ. Tôi không bao giờ có thể tha thứ cho Charles vì tội biết rằng tôi không mạnh mẽ.

Tôi trở thành người có tính khí thất thường, khắt khe và thù địch. Tôi nghĩ ra các bảng tiêu chuẩn đánh giá không ngừng tăng tiến và kỳ quặc để đánh giá tình yêu của anh dành cho tôi, và khi anh không đáp ứng nổi, tôi trở nên hoang tưởng. Tôi để cho những cơn tức giận lấn át mình, trút tất cả cơn tức giận điên rồ của mình, mọi nỗi oán giận đáng sợ mà tôi cảm thấy đối với bố hoặc Shawn, vào anh, kẻ ngoài cuộc ngỡ ngàng, người duy nhất từng giúp đỡ tôi. Khi chúng tôi cãi nhau, tôi gào lên rằng tôi không bao giờ muốn gặp lại anh nữa, và tôi gào lên như thế nhiều lần đến nỗi một buổi tối, khi tôi gọi điện tới để thay đổi quyết định, như tôi luôn làm thế, anh không cho phép tôi thay đổi nữa.

Chúng tôi gặp nhau lần cuối, trên một cánh đồng bên đường cao tốc. Núi Buck lù lù hiện ra phía trên chúng tôi. Anh nói anh yêu tôi nhưng chuyện này vượt quá khả năng của anh. Anh không thể cứu tôi được. Chỉ tôi mới có thể tự cứu mình.

Tôi không biết anh đang nói gì.

Mùa đông phủ lên khuôn viên trường đại học một lớp tuyết dày. Tôi ở trong nhà, học thuộc các phương trình đại số, cố sống như tôi đã sống trước đây – tưởng tượng cuộc sống của mình ở trường đại học tách rời khỏi cuộc sống ở núi Buck. Bức tường ngăn cách giữa hai cuộc sống đó không gì lay chuyển được. Charles là một cái lỗ trên bức tường đó.

Chúng loét dạ dày của tôi tái phát, thiêu đốt và làm tôi đau vật vã suốt đêm. Có lần tôi tỉnh dậy thấy Robin đang lay người tôi. Chị nói rằng tôi gào thét trong giấc ngủ. Tôi đưa tay sờ lên mặt mình, thấy mặt ửng đỏ. Chị ôm tôi, ôm chặt đến nỗi tôi cảm thấy mình được bọc trong một cái kén.

Sáng hôm sau, Robin bảo tôi hãy đi cùng chị đến gặp bác sĩ – vì chúng loét da dày nhưng cũng là để chụp X-quang bàn chân tôi, vì ngón chân cái của tôi đã đen sẫm lại. Tôi nói tôi không cần bác sĩ. Chỗ loét da dày sẽ lành, và có người đã chữa trị ngón chân cho tôi rồi.

Robin nhướn mày. “Ai? Ai đã chữa nó?”

Tôi nhún vai. Chị đoán rằng mẹ tôi đã chữa chân cho tôi, và tôi cứ để chị tin như vậy. Sự thật là, buổi sáng sau Lễ Tạ Ơn, tôi đã bảo Shawn nói cho tôi biết ngón chân đó có bị gãy hay không. Anh quỳ trên sàn bếp và tôi đặt bàn chân vào lòng anh. Trong tư thế đó anh dường như bé lại. Anh kiểm tra ngón chân đó một lát, rồi ngẩng lên nhìn tôi và tôi nhận thấy điều gì đó trong đôi mắt màu xanh của anh. Tôi nghĩ anh sắp sửa nói rằng anh xin lỗi, nhưng đúng lúc tôi nghĩ môi anh mấp máy thì anh cầm chặt đầu ngón chân của tôi và kéo mạnh. Tôi cảm thấy như thể bàn chân mình nổ tung, cảm giác sốc khủng khiếp xuyên khắp cẳng chân tôi. Tôi vẫn đang cố nuốt những cơn đau thì Shawn đã đứng dậy, đặt tay lên vai tôi và nói, “Xin lỗi, ‘gai ém’, nó sẽ đau ít hơn nếu như nhóc không nhìn đấy.”

Một tuần sau khi Robin đề nghị đưa tôi đến bác sĩ, tôi choàng tỉnh để thấy chị đang lay người tôi. Chị nâng tôi dậy, ôm chặt lấy tôi, như cơ thể chị có thể bảo vệ tôi, có thể giữ tôi khỏi vỡ vụn ra.

“Chị nghĩ em cần gặp đức giám mục,” sáng hôm sau chị nói.

“Em khỏe mà,” tôi đáp, đưa ra sáo ngữ của bản thân giống như những người không được ỗn lăm thường nói. “Em chỉ cần ngủ thôi.”

Chẳng bao lâu sau tôi thấy một cuốn sách mỏng giới thiệu về dịch vụ tư vấn của trường đại học trên bàn mình. Không thèm ngó qua, tôi ném nó vào thùng rác. Tôi không thể gặp tư vấn viên. Gặp tư vấn viên là để xin được giúp đỡ, mà tôi thì bất khả chiến bại kia mà. Đó là sự lừa phỉnh tinh vi, một động tác múa xoay tròn bằng trí tưởng tượng. Ngón chân tôi không gãy bởi vì nó không thể gãy. Chỉ một lần chụp X-quang là có thể chứng minh điều ngược lại. Vậy nên, cuộc chiếu X-quang sẽ làm gãy ngón chân tôi.

Kỳ thi kết thúc môn Đại số của tôi ập đến trong tình trạng mê tín này. Trong suy nghĩ của tôi, nó có một dạng sức mạnh thần bí. Tôi học với cường độ điên cuồng, tin rằng nếu mình có thể thắng kỳ thi này, giành được điểm số hoàn hảo không tưởng đó, thậm chí với ngón chân gãy và không được Charles giúp, thì chứng tỏ rằng tôi cao hơn nó một bậc. Bất khả xâm phạm.

Sáng hôm thi tôi đi cà nhắc tới phòng thi và ngồi trong phòng thi hút gió. Bài thi ở trước mặt tôi. Các câu hỏi đều trở nên dễ giải; chúng nhượng bộ trước tôi, hóa thành các đáp án, hết câu này đến câu khác. Tôi nộp bài, rồi đứng trong hành lang lạnh lẽo, nhìn đăm đăm lên màn hình sẽ hiển thị điểm của mình. Khi điểm của tôi hiện lên, tôi chớp mắt, rồi lại chớp mắt. Một trăm điểm. Điểm số hoàn hảo.

Trong tôi ngập tràn niềm phấn khích tê liệt. Tôi cảm thấy ngất ngây vì nó và muốn hét lên với cả thế giới: Đây là bằng chứng, chứ đâu: không gì có thể *xâm phạm tôi*.

Vào Giáng sinh núi Buck trông vẫn y như thế – một tháp tuyết, được tô điểm bởi màu thông xanh – và tôi, đang ngày càng quen nhìn gạch và xi măng, gần như bị vẻ hùng vĩ và trong trẻo của nó làm lóa mắt.

Khi tôi lái xe lên đồi, Richard đang ở trên xe nâng, chuyển một đồng xà gồ cho cái xưởng mà bố đang xây dựng ở Franklin, gần thị trấn. Richard hai mươi tư tuổi, và là người thông minh nhất mà tôi biết, nhưng anh không có bằng tốt nghiệp phổ thông trung học.

Khi tôi lái xe qua chỗ anh, tôi chợt nảy ra ý nghĩ rằng có lẽ anh sẽ lái xe nâng đến cuối đời.

Tôi vừa về đến nhà vài phút thì Tyler gọi điện. “Anh đang tìm hiểu,” anh nói. “Để xem liệu Richard có ôn thi ACT được không.”

“Anh ấy sẽ đi thi ư?”

“Anh không biết,” Tyler nói. “Có thể. Bố và anh đang thuyết phục nó.”

“Bố á!”

Tyler cười thành tiếng. “Đúng vậy, bố. Bố muốn Richard đi học đại học.”

Tôi cứ nghĩ Tyler nói đùa cho đến một giờ sau khi chúng tôi ngồi ăn tối. Chúng tôi chỉ vừa mới bắt đầu ăn thì bố, miệng đầy khoai tây, nói, “Richard, tuần tới bố sẽ cho mày nghỉ, trả tiền công cho mày, nếu mày muốn dùng nó cho sách vở.”

Tôi đợi một lời giải thích. Tôi không phải đợi lâu. “Richard là thiên tài đấy,” lát sau bố nháy mắt, nói với tôi. “Nó thông minh hơn Einstein gấp năm lần. Nó có thể bác bỏ tất cả mớ học thuyết và suy đoán vô thần của lũ người theo chủ nghĩa xã hội. Nó sẽ xuống dưới đó và đánh sập toàn bộ cái hệ thống chết tiệt ấy.”

Bố tiếp tục phân khích nói, không thêm biết những gì bố nói ảnh hưởng như thế nào đối với người nghe. Shawn ngồi uể oải trên ghế, dựa lưng vào tường, cảm mắt xuống sàn nhà. Nhìn anh tôi liên tưởng tới một bức tượng đàn ông được đeo bằng đá, trông nặng nề đến mức dường như không thể nhúc nhích. Richard là một đứa con trai tuyệt vời, một món quà của Chúa, là một Einstein để bác bỏ Einstein. Richard sẽ chuyển dời thế giới. Shawn thì không. Anh đã mất quá nhiều trí khôn khi anh ngã từ tám năm đó. Một trong những người con trai của bố suốt đời sẽ lái xe nâng, nhưng đó không phải là Richard.

Richard thậm chí trông còn thảm hại hơn Shawn. Vai anh khom xuống, cổ anh rụt lại giữa hai vai, như thể anh đang nén người lại dưới sức nặng của những lời khen từ bố. Sau khi bố đi ngủ, Richard nói với tôi rằng anh đã thử làm bài thi ACT. Anh đạt điểm thấp đến mức anh sẽ không nói cho tôi biết anh được bao nhiêu điểm.

“Hình như anh là Einstein,” Richard nói, trong khi ôm đầu. “Anh làm gì chứ? Bố nói anh sẽ đội đá vá trời, trong khi anh thậm chí không chắc mình có thể thi đỗ.”

Tôi nào chuyện cũng diễn ra y như vậy. Trong suốt bữa ăn, bố liệt kê tất cả những học thuyết khoa học sai lầm mà đứa con trai thiên tài của ông sẽ bác bỏ; sau bữa tối, tôi nói với Richard về trường đại học, các môn học, những cuốn sách, các giáo sư, những điều mà tôi biết sẽ cuốn hút anh học như nhu cầu tự

thân. Tôi lo lắng: những kỳ vọng của bố quá cao, mà nỗi sợ làm bố thất vọng của Richard thì lớn đến mức dường như có khả năng anh sẽ không thi ACT.

Nhà xưởng ở Franklin đã sẵn sàng để lợp mái, vậy nên hai ngày sau Giáng sinh tôi buộc phải nhét ngón chân vẫn còn cong vẹo và thâm đen của mình vào đôi giày mũi thép, rồi ở trên mái cả buổi sáng, bắt ốc vít vào những tấm sắt tây được mạ điện. Xế trưa Shawn buông cái súng bắn vít và hạ chạc cần cầu xuống chỗ tôi. “Nghỉ đã, ‘gai ém’,” anh nói vọng lên từ dưới đất. “Vào thị trấn đi.”

Tôi nhảy lò cò lên tấm nâng và Shawn hạ cần cầu xuống đất. “Nhóc lái xe đi,” anh nói, rồi ngồi vào ghế cạnh ghế lái, nhắm mắt lại. Tôi nhắm cửa hàng tạp hóa Stokes thẳng tiến.

Tôi nhớ những chi tiết kỳ cục về khoảnh khắc chúng tôi lái xe vào bãi đỗ – mùi dầu phăng phát từ găng tay da của chúng tôi, cảm giác ram ráp của bụi trên các đầu ngón tay tôi. Và Shawn, cười ngoác miệng với tôi từ ghế khách. Giữa bạt ngàn xe tôi phát hiện ra một chiếc xe, một chiếc xe jeep màu đỏ. Charles. Tôi cho xe chạy qua bãi đỗ chính và rẽ vào một bãi trái nhựa lộ thiên ở phía bắc của cửa hàng, nơi các nhân viên thường đỗ xe. Tôi bỏ mũ chống nắng xuống để xem mình trông như thế nào, nhận thấy cái mái nhà lộng gió ấy đã làm tóc tôi rối bù, và dầu mỡ từ những tấm sắt tây đã kịp cư trú trong những lỗ chân lông trên mặt tôi, khiến chúng trở nên bóng nhẫy và nâu xỉn. Quần áo tôi đầy bụi đất.

Shawn nhìn thấy chiếc xe jeep màu đỏ. Anh quan sát tôi liếm ngón tay cái và kỳ bụi đất trên mặt, rồi anh trở nên phấn khích. “Đi thôi!” Anh nói.

“Em sẽ đợi ở trong xe.”

“Nhóc sẽ đi,” Shawn nói.

Shawn có thể nghĩ thấy mùi của nỗi xấu hổ. Anh biết rằng Charles chưa bao giờ nhìn thấy tôi như thế này – rằng mùa hè trước ngày nào tôi cũng chạy mãi về nhà, rửa sạch mọi vết bẩn, che những vết sứt xước và vết chai dưới bộ quần áo mới và lớp phấn trang điểm. Cả trăm lần Shawn đã nhìn thấy tôi ló ra từ phòng

tắm trông không thể nhận ra nổi, đã dội sạch tất cả những gì của bãi phế liệu dưới vòi nước.

“Nhóc sẽ đi, nhóc ạ,” Shawn nhắc lại. Anh đi vòng sang phía bên này, mở cửa xe của tôi. Cử chỉ đó lỗi thời, và có hơi hướng hiệp sĩ.

“Em không muốn,” tôi nói.

“Không muốn bạn trai của mày nhìn thấy mày trông quyến rũ đến vậy chứ gì?” Anh mỉm cười, dùng ngón tay chọc vào người tôi. Anh nhìn tôi rất lạ, như thể muốn nói, *Đây mới chính là mày. Trước giờ mày cứ giả vờ làm người khác. Một người trông khá hơn. Nhưng đây mới chính là mày.*

Anh bắt đầu cười, cười to và hoang dại như thể một chuyện gì đó rất buồn cười đã xảy ra. Vẫn cười, anh túm cánh tay tôi, kéo tôi đứng dậy, như thể anh sẽ xốc tôi lên lưng anh và vác tôi theo kiểu lính cứu hỏa. Tôi không muốn Charles nhìn thấy cảnh đó vậy nên tôi kết thúc trò chơi. Tôi nói dứt khoát, “Đừng động vào em.”

Những gì xảy ra tiếp theo nhòa đi trong trí nhớ của tôi. Tôi chỉ nhìn thấy những hình ảnh thoáng qua – về bầu trời lộn tung phèo một cách phi lý, về những quả đấm nhằm vào tôi, về vẻ man rợ, lạ lùng trong đôi mắt của một người đàn ông mà tôi không nhận ra. Tôi nhìn thấy hai bàn tay mình nắm chặt vô-lăng và tôi cảm thấy hai cánh tay chắc khỏe giật mạnh hai cẳng chân tôi. Thứ gì đó trượt xuống mắt cá chân tôi, một tiếng *cách* hoặc *bốp*. Nắm tay tôi trên vô-lăng tuột ra. Tôi bị kéo khỏi xe.

Tôi cảm thấy vĩa hè đóng băng dưới lưng mình; những viên sỏi đang cọ vào da tôi. Quần bò của tôi tụt xuống qua hông. Tôi cảm thấy nó bị lột khỏi người tôi, từng phân, từng phân, khi Shawn cầm cẳng chân tôi giật mạnh. Áo sơ mi của tôi bị tóc lên và tôi nhìn mình, nhìn cơ thể mình nằm thẳng đặng trên lớp nhựa đường, nhìn áo nịt ngực và chiếc quần lót bạc màu của mình. Tôi muốn che thân thể mình nhưng Shawn ghì chặt tay tôi lên trên đầu. Tôi nằm im, cảm thấy cái lạnh luồn vào người. Tôi nghe thấy tiếng mình van xin anh buông tôi ra, nhưng

nghe không giống tôi lắm. Tôi đang nghe những tiếng nức nở của một đứa con gái khác.

Tôi bị kéo lên và đứng trên đôi chân của mình. Tôi cuống cuống kéo quần áo. Sau đó người tôi bị gấp lại, cổ tay tôi bị bẻ về phía sau, gấp cong hết mức có thể và bị giữ yên trong tư thế gấp cong ấy. Mũi tôi gần chạm vĩa hè khi xương cổ tay tôi bắt đầu cong. Tôi cố lấy lại thăng bằng, sử dụng sức lực ở hai chân để đẩy về phía sau, nhưng khi mất cá chân tôi chịu tải, nó khuyu xuống. Tôi thét lên. Những cái đầu quay về phía chúng tôi. Mọi người dừng lại nhìn xem cảnh ồn ào đó là gì. Ngay lập tức tôi bắt đầu cười – tiếng cười cuống loạn, man dại mà bất chấp mọi nỗ lực của tôi, nghe vẫn na ná như tiếng thét gào.

“Mày sẽ vào trong cửa hàng,” Shawn nói, và tôi cảm thấy xương cổ tay mình kêu răng rắc.

Tôi đi cùng anh, bước vào chỗ có những bóng đèn sáng chói. Tôi cười khi chúng tôi qua hết lối đi này đến lối đi khác, nhặt những thứ anh muốn mua. Dù anh nói gì thì tôi cũng cười, tôi cố thuyết phục bất cứ ai lúc trước có thể đã ở ngoài bãi đỗ xe rằng tất cả chỉ là đùa thôi. Tôi bước đi với một bên cổ chân bị bong gân, nhưng cái đau hầu như không được biểu lộ.

Chúng tôi không nhìn thấy Charles.

Khi lái xe quay về nơi thi công công trình, chúng tôi hoàn toàn im lặng. Chỉ có năm dặm đường mà tôi có cảm giác như năm mươi dặm. Chúng tôi về đến nơi và tôi đi cà nhắc về phía nhà xưởng. Bố và Richard đang ở bên trong. Trước tôi đã đi tập tễnh bởi vì ngón chân cái của tôi đau, vậy nên dáng đi khập khiễng của tôi bây giờ không gây chú ý. Tuy nhiên, Richard nhìn khuôn mặt nhể nhại dầu mỡ và nước mắt của tôi thì biết có chuyện gì đó không ổn; bố chẳng thấy gì hết.

Tôi cảm máy bắn ốc vít lên và bắt ốc vít bằng tay trái, nhưng sức ép tôi tạo ra không ổn định, và với trọng lượng cơ thể dồn lên một bàn chân, tôi giữ thăng bằng rất kém. Những chiếc ốc vít bắn ra khỏi những tấm sắt tây đã được sơn, để lại những vết dài ngoằn ngoèo như những đoạn ruy-băng lộn xoăn. Sau khi tôi làm hỏng hai tấm sắt tây bỏ đuôi tôi về nhà.

Tôi hôm đó, với cái cổ tay được đắp thuốc nặng trĩu, tôi viết nguệch ngoạc những dòng nhật ký. Tôi tự đặt ra các câu hỏi cho mình. *Tại sao khi tôi van xin, anh không dừng lại? Cảm giác giống như bị một thầy ma sống tấn công*, tôi viết. *Như thể anh không thể nghe thấy mình nói.*

Shawn gõ cửa. Tôi giấu cuốn nhật ký xuống dưới gối. Vai anh vòng lên khi anh bước vào. Anh nói khẽ. Anh nói, đó là một trò chơi. Anh không biết anh đã làm tôi đau cho đến khi anh nhìn thấy tôi ôm cánh tay ở chỗ xây dựng. Anh kiểm tra xương cổ tay của tôi, kiểm tra mắt cá chân tôi. Anh mang đá được bọc trong một chiếc khăn rửa bát tới cho tôi chườm và nói rằng lần tới nếu chúng tôi chơi đùa như vậy, tôi nên nói cho anh biết khi có điều gì đó không ổn. Nói rồi anh đi ra. Tôi trở lại với cuốn nhật ký. *Đó thực sự là trò chơi, là vui đùa ư?* Tôi viết. *Lúc đó anh không thể biết anh đang làm mình đau chẳng? Mình không biết. Mình thực sự không biết.*

Tôi bắt đầu lý sự với chính mình, không dám chắc lúc đó mình có nói rõ ràng không: tôi đã thì thầm điều gì và đã thét lên điều gì? Tôi quyết định rằng nếu tôi đã đề nghị khác đi, nếu tôi bình tĩnh hơn, thì anh đã dừng lại. Tôi viết điều này cho tới khi tôi tin nó, và tôi không mất nhiều thời gian bởi vì tôi muốn tin nó. Quả là được an ủi khi nghĩ rằng lỗi là ở tôi, bởi vì như thế có nghĩa là chuyện đó nằm trong khả năng của tôi.

Tôi cất cuốn nhật ký đi và nằm xuống giường, đọc lại chuyện mình vừa ghi ra nhật ký như thể nó là một bài thơ mà tôi đã quyết định học thuộc lòng. Tôi gằn như giao phó nó cho trí nhớ thì dòng ý nghĩ bị gián đoạn. Những hình ảnh xâm chiếm trí óc tôi – hình ảnh về tôi nằm ngửa, hai cánh tay bị ép chặt phía trên đầu. Sau đó là hình ảnh tôi đang ở trong bãi đỗ xe. Tôi nhìn xuống cái bụng trắng hếu của mình, sau đó nhìn người anh trai. Vẻ mặt của anh không thể quên được: không bức tức hay giận dữ. Không có cơn thịnh nộ nào trong vẻ mặt ấy. Chỉ có niềm thích thú, vô lo. Sau đó tôi phần nào hiểu ra rằng nỗi nhục nhã của mình là nguyên nhân của niềm thích thú đó, dù tôi bắt đầu phản bác lại điều ấy. Đó không phải là hành động vô tình hay tác dụng phụ. Đó là chủ đích.

Nhận thức nửa vời này cứ hoạt động trong tôi như một kiểu chiếm hữu, và trong vài phút tôi bị nó chế ngự. Tôi ngồi dậy trên giường, lấy cuốn nhật ký ra và làm điều mà trước đó tôi chưa từng làm: tôi viết những gì đã xảy ra. Tôi không dùng thứ ngôn ngữ lập lờ, mơ hồ, như tôi đã dùng cho những lần ghi nhật ký khác: tôi không giấu mình đằng sau những sự mách nước và gợi ý. Tôi viết ra những gì tôi nhớ: *Lúc anh buộc mình ra khỏi xe, anh ghim cả hai tay mình lên phía trên đầu và áo của mình bị kéo xé rách lên. Minh bảo anh hãy để mình kéo áo xuống nhưng cứ như anh không nghe thấy mình nói vậy. Anh nhìn chăm chăm vào đó như một thằng đàn. Thật may là mình bé nhỏ như vốn dĩ. Nếu mình cao lớn hơn thì lúc đó mình, đã xé xác anh ra.*

“Bố không biết mày đã làm gì với cái cổ tay mà ra nông nổi ấy,” sáng hôm sau bố nói, “nhưng mày như thế thì chẳng còn làm được tích sự gì nữa. Mày có thể trở lại Utah được rồi đấy.”

Tôi lái xe đến BYU như đi trong cơn mê; khi tôi đến nơi, các ký ức của tôi về ngày hôm trước đã mờ nhạt. Thế rồi chúng lại trở nên rõ nét khi tôi kiểm tra hòm thư điện tử của mình. Có thư của Shawn. Thư xin lỗi. Nhưng hôm trước, trong phòng tôi anh đã xin lỗi rồi kia mà. Tôi chưa bao giờ thấy Shawn xin lỗi hai lần. Tôi lấy nhật ký ra và viết những dòng nhật ký mới, đối lập với đoạn nhật ký trước, trong đó tôi xét lại trí nhớ. Tôi viết, *đó là sự hiểu lầm*. Nếu lúc đó tôi yêu cầu anh dừng lại thì anh đã dừng.

Nhưng, tuy nhiên tôi lại chọn ghi nhớ nó, ghi nhớ sự việc sẽ làm thay đổi tất cả. Bây giờ nhớ lại sự việc đó tôi vẫn kinh ngạc lắm, không phải bởi những gì đã xảy ra, mà bởi những gì tôi viết là đã xảy ra. Rằng từ một nơi nào đó bên trong lớp vỏ giòn dễ vỡ ấy – bên trong đứa con gái đã bị ảo tưởng về tính bất khả chiến bại đó làm cho trống rỗng – vẫn còn một tia sáng le lói.

Từ ngữ của phiên bản thứ hai về chuyện đó mà tôi ghi trong nhật ký không mập mờ như ngôn từ của phiên bản thứ nhất. Cả hai cùng tồn tại, những ký ức của tôi được đặt bên cạnh những ký ức của anh. Quả là can đảm khi tôi không

thêm bớt gì để câu chuyện được nhất quán, không xé trang này hoặc trang kia đi. Thừa nhận tính chất không chắc chắn là thừa nhận cái yếu kém, bất lực, và là việc tin vào bản thân bất chấp cả hai. Đó là nỗi nhu nhược, nhưng trong nỗi nhu nhược này có điểm mạnh: học cách thừa nhận là để sống bằng suy nghĩ của chính mình chứ không phải bằng suy nghĩ của người khác. Tôi thường tự hỏi, phải chăng những từ có sức mạnh nhất mà tôi viết ra đêm đó không bắt nguồn từ cơn bực dọc hay tức giận, mà từ nỗi hoài nghi: *Mình không biết. Mình thực sự không biết.*

Không biết chắc chắn, nhưng không chịu nhường chỗ cho người dám tuyên bố chắc chắn, là một đặc quyền mà tôi không bao giờ dành cho bản thân. Cuộc đời tôi được người khác thuật lại cho tôi nghe. Tiếng nói của họ mạnh mẽ, dứt khoát, tuyệt đối. Tôi chưa bao giờ nảy ra ý nghĩ rằng tiếng nói của chính tôi có thể cũng mạnh mẽ như của họ.

Chương 23

Tớ Ở Idaho

MỘT TUẦN SAU, VÀO NGÀY CHỦ NHẬT, một người đàn ông ở nhà thờ mời tôi đi ăn tối. Tôi nói không. Vài ngày sau chuyện này xảy ra lần thứ hai với một người đàn ông khác. Tôi lại nói không. Tôi không thể đồng ý. Tôi không muốn ai trong hai người đó gần gũi tôi ở bất cứ đâu.

Lời đồn bay đến tai giám mục của chúng tôi rằng, có một phụ nữ trong số giáo dân của ông bài trừ hôn nhân. Phụ tá của ông đến gặp tôi sau buổi lễ ngày Chủ nhật và nói giám mục muốn gặp tôi tại văn phòng của ông.

Cổ tay tôi vẫn đau khi tôi bắt tay giám mục. Ông là một người đàn ông trung tuổi có khuôn mặt tròn, ngăm đen, và mái tóc được rẽ ngôi gọn gàng. Giọng ông mượt như sa tanh. Dường như ông biết tôi thậm chí trước khi tôi mở miệng. (Hẳn là ông đã biết tôi: Robin đã kể với ông về tôi nhiều rồi.) Ông nói tôi nên đăng ký dịch vụ tư vấn của trường đại học để một ngày nào đó tôi có thể tận hưởng một cuộc hôn nhân vĩnh cửu với một người đàn ông chân chính.

Ông nói và tôi ngồi xuống, im thin thít như một viên gạch. ☺

Ông hỏi về gia đình tôi. Tôi không trả lời. Tôi đã phản bội những người trong gia đình bằng cách không thể yêu họ như đáng ra tôi nên thế; điều tối thiểu tôi có thể làm bây giờ là giữ im lặng.

“Hôn nhân là kế hoạch của Chúa,” vị giám mục nói, sau đó ông đứng dậy. Cuộc gặp kết thúc. Ông bảo tôi Chủ nhật sau hãy quay lại. Tôi nói tôi sẽ quay lại, nhưng tôi biết mình sẽ không làm thế.

Tôi cảm thấy người mình nặng như đeo đá khi lê bước về căn hộ. Từ bé tôi luôn được dạy rằng hôn nhân là ý Chúa, rằng từ chối hôn nhân là một tội lỗi. Tôi đã coi thường Chúa. Tuy nhiên, tôi không muốn như vậy. Tôi muốn có con, muốn có gia đình riêng, nhưng dù tôi khát khao điều đó tôi biết mình sẽ chẳng bao giờ có được nó. Tôi không có khả năng. Tôi không thể gần gũi bất cứ người đàn ông nào mà không khinh bỉ bản thân.

Tôi luôn phi báng cái từ *đĩ*. Đối với tôi từ đó nghe đặc sệt âm họng và cổ lỗ sĩ. Nhưng dù tôi thâm nhạo báng Shawn vì dùng từ đó, tôi đã trở nên gắn bó chặt chẽ với nó. Về lỗi thời chỉ làm cho mỗi gắn bó đó thêm khăng khít, bởi vì điều ấy có nghĩa rằng tôi thường chỉ nghe thấy từ đó liên hệ với bản thân mình.

Một lần, khi tôi mười lăm tuổi, sau khi tôi bắt đầu dùng mascara và son môi, Shawn đã nói với bố rằng anh nghe được những tin đồn về tôi trong thị trấn, rằng tôi có tiếng xấu. Ngay lập tức bố nghĩ tôi có thai. Bố quát tháo mẹ rằng đáng lẽ không bao giờ nên cho phép tôi đi tập kịch trong thị trấn. Mẹ nói tôi đáng tin cậy và đứng đắn. Shawn nói chẳng có đứa con gái nào ở tuổi mới lớn đáng tin cậy hết và rằng theo kinh nghiệm của anh, những đứa có vẻ ngoan đạo đôi khi lại là những đứa hư hỏng nhất.

Tôi ngồi trên giường, ôm đầu gối, nghe họ quát tháo, Tôi có thai ư? Tôi không chắc lắm. Tôi soát lại mọi tương tác mà tôi có với một người con trai, mọi cái liếc nhìn, mọi lần đụng chạm. Tôi bước tới chiếc gương soi và cuộn áo lên, rồi miết tay khắp bụng mình, kiểm tra từng phân và nghĩ, *Có thể đây*.

Tôi chưa từng hôn một người con trai.

Tôi đã chứng kiến những ca sinh nở, nhưng tôi không được cho biết một chi tiết nào của việc thụ thai. Trong khi bố và anh trai tôi quát tháo, thói dốt nát khiến tôi im lặng: tôi không thể tự biện hộ cho bản thân, bởi vì tôi không hiểu sự buộc tội.

Nhiều ngày sau, khi thực tế khẳng định rằng tôi không có thai, tôi rút ra hiểu biết mới về từ *đĩ*, một từ ám chỉ về hành động thì ít mà nói về bản chất thì nhiều. Vấn đề không phải là tôi đã làm điều gì đó sai, mà là tôi tồn tại theo cách sai lầm.

Thật lạ là bạn cho phép những người bạn yêu thương có nhiều quyền lực như vậy đối với bạn. Tôi đã viết trong nhật ký như thế. Nhưng Shawn có nhiều quyền lực đối với tôi hơn tôi có thể tưởng tượng. Anh đã định nghĩa bản thân tôi hộ tôi, và không có quyền lực nào lớn hơn thế.

Một tối tháng Hai lạnh giá tôi đứng bên ngoài văn phòng của giám mục. Tôi không biết điều gì đã đưa tôi đến đó.

Vị giám mục ngồi điềm tĩnh tại bàn làm việc của ông. Ông hỏi ông có thể làm gì cho tôi, và tôi nói tôi không biết. Không ai có thể cho tôi điều tôi muốn bởi vì điều tôi muốn là được tái sinh.

“Ta có thể giúp,” ông nói, “nhưng con cần phải nói cho ta biết điều gì đang khiến con phiền lòng.” Giọng ông dịu dàng, và thái độ ân cần đó thật phù phàng. Tôi ước gì ông quát tháo. Nếu ông quát tháo, điều đó sẽ khiến tôi nổi giận, và khi tôi nổi giận tôi cảm thấy mình có sức mạnh. Tôi không biết, không cảm thấy mạnh mẽ thì liệu tôi có thể làm được điều đó hay không

Tôi hắng giọng, rồi nói trong suốt một tiếng liền, Chủ nhật nào giám mục và tôi cũng gặp nhau cho đến tận mùa xuân. Đối với tôi ông là vị giáo trưởng có uy quyền đối với tôi, nhưng dường như khi tôi bước vào cửa văn phòng ông, ông lập tức từ bỏ uy quyền đó. Tôi nói hoài nói hoài còn ông lắng nghe, lời nổi xấu hổ ra khỏi tôi như một thầy thuốc loại bỏ ổ nhiễm trùng khỏi một vết thương.

Khi kỳ học kết thúc, tôi nói với ông rằng tôi sẽ về nhà trong dịp nghỉ hè. Tôi hết tiền; tôi không thể trả tiền thuê nhà. Khi tôi nói điều đó ông trông có vẻ mệt mỏi. Ông nói, “Tara, đừng về nhà. Giáo hội sẽ trả tiền thuê nhà cho con.”

Tôi không muốn nhận tiền của giáo hội. Tôi đã quyết định rồi. Giám mục bắt tôi hứa duy nhất một điều: rằng tôi sẽ không làm việc cho bố tôi.

Ngày đầu tiên ở Idaho, tôi kiếm được việc làm trước kia của mình tại cửa hàng Stokes. Bố cười nhạo, nói rằng tôi sẽ chẳng bao giờ kiếm được đủ tiền để trở lại trường. Bố nói đúng, nhưng giám mục nói rằng Chúa sẽ bày cách cho tôi và tôi tin điều đó. Suốt mùa hè tôi bày hàng hóa lên giá và xách giúp đồ ra xe cho các phụ nữ lớn tuổi.

Tôi tránh gặp Shawn. Việc đó cũng dễ thôi bởi vì anh đã có bạn gái mới, Emily, và đã bàn đến chuyện cưới xin. Shawn hai mươi tám tuổi; Emily đang học năm cuối ở trường trung học. Tính cô nhu mì, dễ bảo. Shawn đem cô ra làm trò chơi y như đã làm với Sadie, thử nghiệm khả năng điều khiển người khác của

anh. Cô chưa bao giờ thất bại khi tuân theo các mệnh lệnh của anh tôi, run như cầy sấy khi anh cao giọng, cuống quýt xin lỗi khi bị anh la mắng. Tôi ngờ rằng cuộc hôn nhân của họ sẽ đầy mảnh khoe và bạo lực – mặc dù những lời này không phải là của tôi. Đó là lời mà vị giám mục đã truyền cho tôi, và tôi vẫn đang cố moi ý nghĩa từ những từ đó.

Mùa hè kết thúc, tôi quay trở lại BYU với vốn vụn hai nghìn đô-la. Trong tối đầu tiên trở lại đó, tôi viết trong nhật ký: *Mình có nhiều hóa đơn đến nỗi mình không thể tưởng tượng nổi sẽ thanh toán chúng bằng cách nào. Nhưng Chúa gieo những thử thách để con người trưởng thành lên, hoặc là Người ban cho những phương cách để con người dựa vào đó mà thành công.* Giọng điệu của những dòng nhật ký đó dường như kiêu ngạo, kẻ cả, nhưng trong đó tôi phát hiện thấy hơi hướng của thuyết định mệnh. Có thể tôi sẽ phải nghỉ học. Được thôi. Có những cửa hàng bách hóa ở Utah. Tôi sẽ làm người gói hàng, và một ngày nào đó tôi sẽ trở thành nhà quản lý.

Tôi bị sốc vì sự thoái lui này trong hai tuần đầu của kỳ học mới, và rồi một đêm tôi tỉnh giấc vì đau ở đâu đó trong hàm. Tôi chưa bao giờ cảm thấy nhức buốt và bị kích thích như thế. Tôi muốn xé hàm mình khỏi miệng, chỉ để tổng khứ cái đau. Tôi loạng choạng tìm tới một chiếc gương. Một chân răng đã vỡ từ nhiều năm trước, nhưng bây giờ nó lại vỡ tiếp, và vỡ sâu. Tôi đến nha sĩ và ông ấy nói rằng cái răng đó bị sâu nhiều năm rồi. Chi phí chữa cái răng đó là một nghìn bốn trăm đô-la. Tôi chẳng thể trả nổi nửa khoản đó và vẫn tiếp tục học.

Tôi gọi điện về nhà. Mẹ đồng ý cho tôi mượn tiền, nhưng bố đưa ra một điều kiện kèm theo: Mùa hè tới tôi sẽ phải làm việc cho bố. Tôi thậm chí không suy nghĩ. Tôi nói tôi đã xong việc với cái bãi phế liệu đó rồi, kết thúc vĩnh viễn, và gác máy.

Tôi cố quên đau và tập trung vào các môn học, nhưng tôi có cảm giác như tôi đang buộc phải ngồi nghe giảng trong khi một con sói gặm hàm mình.

Tôi chưa bao giờ dùng thêm một viên thuốc giảm đau nào kể từ hôm ở nhà Charles, nhưng khi đau răng tôi bắt đầu nuốt chúng như những viên bạc hà dùng

để làm hơi thở thơm tho. Chúng chỉ giúp ích được chút ít. Cái đau ở trong dây thần kinh và nó gây nhức buốt quá. Tôi không thể ngủ được từ khi chứng đau bắt đầu, và tôi bắt đầu bỏ bữa bởi vì tôi nào dám nghĩ đến chuyện nhai. Rồi Robin kể với giám mục.

Ông gọi tôi đến văn phòng vào một buổi chiều nắng ráo. Từ phía bên kia bàn làm việc ông điềm tĩnh nhìn tôi và nói, “Chúng ta sẽ làm gì với những cái răng của con đây?” Tôi cố gắng giữ vẻ mặt thư giãn.

“Con không thể trải qua cả năm học trong tình trạng như thế này,” ông nói. “Nhưng có một giải pháp dễ dàng hơn. Thực ra, rất dễ. Bố của con kiếm được bao nhiêu?”

“Không nhiều đâu ạ,” tôi nói. “Bố con nợ nần từ khi các anh con làm hỏng các thiết bị hồi năm ngoái.”

“Tốt,” ông nói. “Ta có hồ sơ xin trợ cấp ở đây. Ta chắc chắn con đủ điều kiện nhận trợ cấp, và điều tốt nhất là, con sẽ không phải lo trả khoản trợ cấp này.”

Tôi đã nghe nói về các khoản trợ cấp của Chính phủ. Bố tôi nói rằng nhận trợ cấp là đem bản thân mình đi gán nợ cho hội Illuminati. “Đó là cách bọn chúng có được con,” bố nói. “Bọn chúng cho con tiền, sau đó thì điều tiếp theo con biết là, bọn chúng *sở hữu* con.”

Những lời đó vang vọng trong đầu tôi. Tôi đã nghe các sinh viên khác nói về các khoản trợ cấp của họ, và tôi tránh xa họ. Tôi thà bỏ học còn hơn cho phép mình bị mua chuộc.

“Con không tin vào các khoản trợ cấp của Chính phủ,” tôi nói.

“Tại sao không?”

Tôi kể với ông những gì bố tôi đã nói. Ông thở dài và ngược nhìn lên cao, “Tiền chữa răng hết bao nhiêu hả con?”

“Một nghìn bốn trăm đô-la ạ,” tôi nói. “Con sẽ kiếm tiền.”

“Giáo hội sẽ trả,” ông nói khẽ. “Ta có một quỹ được tùy ý sử dụng.”

“Tiền đó là bất khả xâm phạm.”

Giám mục giờ hai tay lên không khí. Chúng tôi ngồi im lặng, sau đó ông mở ngăn kéo bàn và lấy ra một tập ngân phiếu. Tôi nhìn vào đó. Đó là tài khoản cá nhân của ông. Ông điền thông tin vào một tấm ngân phiếu, cho tôi, một nghìn năm trăm đô-la.

“Ta sẽ không cho phép con bỏ học vì chuyện này,” ông nói.

Tám ngân phiếu ở trong tay tôi. Tôi bị cảm sốt, cái đau trong hàm tôi khủng khiếp đến nỗi tôi cầm tám ngân phiếu trong mười giây rồi mới đưa trả lại giám mục.

Tôi tìm được việc làm ở hiệu bánh và sản phẩm bơ sữa của khu đại học, chuyên lật bánh kẹp thịt và xúc kem. Tôi tồn tại bằng những đồng tiền công tính theo ngày và phớt lờ những hóa đơn quá hạn thanh toán, mượn tiền của Robin, để mỗi tháng hai lần, khi vài trăm đô-la được chuyển vào tài khoản của tôi, tiền biến mất trong vòng vài giờ. Cuối tháng Chín tôi bước sang tuổi mười chín, không một xu dính túi. Tôi đã từ bỏ việc chữa răng; tôi biết mình sẽ chẳng bao giờ có nổi một nghìn bốn trăm đô-la. Ngoài ra, cơn đau đã giảm: vì dây thần kinh đã chết hoặc vì não tôi đã thích nghi với những cơn sốc đau răng.

Tuy nhiên, tôi vẫn có những hóa đơn khác phải thanh toán, vậy nên tôi quyết định bán thứ duy nhất có chút giá trị mà tôi có – con ngựa của tôi, con Bud. Tôi gọi điện cho Shawn và hỏi anh con ngựa của tôi có thể bán được bao nhiêu tiền. Shawn nói một con ngựa giống lai chẳng có giá lắm đâu, nhưng tôi có thể đem nó đi bán đấu giá như những con ngựa làm thức ăn cho chó của ông nội. Tôi hình dung Bud ở trong một cái máy xay thịt, rồi nói, “Hãy thử tìm xem có ai mua nó không đã.” Vài tuần sau Shawn gửi cho tôi một tấm ngân phiếu trị giá vài trăm đô. Khi tôi gọi điện cho Shawn hỏi anh đã bán con Bud cho ai, anh lảm bảm điều gì đó nghe không rõ về một người đàn ông đến từ Tooele.

Kỳ học đó tôi không phải là một sinh viên ham hiểu biết. Sự ham hiểu biết là điều xa xỉ dành riêng cho những ai chẳng vướng bận gì về tài chính: tâm trí tôi rồi bời với những mối lo trước mắt, phải cân đối tài khoản ngân hàng, tôi nợ ai

bao nhiêu, và liệu có gì trong phòng mình mà tôi có thể bán được mười hoặc hai mươi đô-la hay không. Tôi nộp bài tập về nhà và ôn thi, nhưng tôi làm những việc đó vì sợ – sợ mất học bổng nếu điểm trung bình môn của tôi giảm dù chỉ một phần mấy điểm – chứ không phải vì thực sự quan tâm đến các môn học.

Vào tháng Mười Hai, sau khi nhận khoản tiền công lao động cuối cùng của tháng, tôi có 60 đô-la trong tài khoản. Tiền thuê nhà là 110 đô-la, hạn nộp là ngày 7 tháng Một. Tôi cần tiền mặt gấp. Tôi nghe nói một bệnh viện tư ở gần khu mua sắm trả tiền cho những người cung cấp huyết tương. Một bệnh viện tư nghe như một phần của hệ thống y tế, nhưng tôi lập luận rằng miễn là họ lấy thứ gì đó ra chứ không bơm thứ gì vào người tôi, thì tôi sẽ chẳng sao cả. Người y tá chọc ven của tôi khoảng hai mươi phút, rồi nói ven của tôi quá nhỏ.

Với 30 đô-la cuối cùng của mình tôi mua đầy bình xăng và lái xe về nhà nghỉ Giáng sinh. Vào buổi sáng ngày Giáng sinh, bố tặng tôi một khẩu súng trường – tôi để nguyên nó trong hộp, vậy nên tôi không biết nó là loại gì. Tôi hỏi Shawn có muốn mua khẩu súng đó không, nhưng bố tịch thu khẩu súng và nói bố sẽ giữ nó an toàn.

Thế đấy. Chẳng còn gì để bán, không có những người bạn thời thơ ấu, cũng chẳng có quà Giáng sinh. Đã đến lúc bỏ học và tìm việc làm. Tôi chấp nhận điều đó. Anh trai Tony của tôi sống ở Las Vegas, là lái xe tải đường dài, vậy nên vào ngày Giáng sinh tôi gọi điện cho anh. Anh nói tôi có thể sống với anh vài tháng và làm việc cho tiệm bánh In-N-Out ở bên kia đường.

Tôi gác máy và bước dọc hành lang, đang ước giá mà trong lúc nói chuyện điện thoại tôi đã hỏi mượn tiền anh để đến Vegas, thì một giọng cốc cần gọi tôi. “Này, ‘gai ém’. Lại đây một lát.”

Phòng ngủ của Shawn như ổ lợn. Quần áo bẩn nằm rải rác trên sàn, và tôi có thể nhìn thấy đầu của một khẩu súng ngắn thò ra dưới một đồng áo phong bản. Các ngăn giá sách quá tải dưới sức nặng của những hộp đạn và những tập truyện Louis L’Amour. Shawn đang ngồi trên giường, khom vai, chân giăng ra hai bên. Anh trông như đã ngồi trong tư thế đó một lúc lâu, suy ngẫm về tình trạng bản

thiu. Anh trút ra một tiếng thở dài, rồi đứng dậy và bước về phía tôi, gơ cánh tay phải của anh lên. Tôi bước lùi lại một bước theo phản xạ, nhưng anh chỉ nhắc cánh tay lên để cho tay vào túi áo. Anh mở ví, rút ra tờ một trăm đô-la nhàu nhò.

“Chúc Giáng sinh vui vẻ,” anh nói. “Nhóc sẽ không lãng phí nó như anh.”

Tôi tin 100 đô-la đó là dấu hiệu của Chúa. Tôi phải học tiếp. Tôi lái xe trở lại BYU và trả tiền thuê nhà. Sau đó, vì biết mình sẽ không có khả năng trả tiền thuê nhà vào tháng Hai, tôi làm thêm một việc làm nữa, việc dọn dẹp nhà cửa, tôi lái xe hai mươi phút về phía Bắc ba ngày mỗi tuần để lau dọn những ngôi nhà đất tiền ở Draper.

Giám mục và tôi vẫn gặp nhau vào mỗi Chủ nhật. Robin đã kể với ông rằng tôi không mua giáo trình cho kỳ học mới. “Thật buồn cười,” ông nói. “Hãy đăng ký xin trợ cấp đi! Con nghèo mà! Đó là lý do tại sao các khoản trợ cấp tồn tại!”

Sự phản đối của tôi nằm ngoài lý trí, nó là bản năng.

“Ta kiếm được nhiều tiền,” giám mục nói. “Ta đã đóng thuế nhiều. Hãy nghĩ đó là tiền của ta.” Ông in mẫu đơn xin trợ cấp ra và đưa cho tôi. “Hãy suy nghĩ đi. Con cần học cách nhận giúp đỡ, thậm chí từ Chính phủ.”

Tôi cầm lấy tờ mẫu đơn. Robin điền vào đơn cho tôi. Tôi không chịu gửi chúng đi.

“Hãy cứ lo giấy tờ,” chị nói. “Rồi hãy xem cảm giác đó như thế nào.”

Tôi cần tờ khai thuế của bố mẹ mình. Tôi thậm chí không chắc bố mẹ có khai thuế, nhưng nếu họ có thì tôi biết bố sẽ không đưa tờ khai cho tôi nếu bố biết lý do tôi muốn có nó. Tôi ngẫm nghĩ cả tá lý do giải thích tại sao tôi lại cần giấy tờ đó, nhưng không lý do nào đáng tin cả. Tôi hình dung ra tờ khai thuế nằm trong cái tủ lớn đựng giấy tờ ở trong bếp. Rồi tôi quyết định lấy trộm.

Tôi lên đường về Idaho ngay trước lúc nửa đêm, hy vọng sẽ về đến nhà quãng ba giờ sáng và lúc đó nhà vẫn im ắng. Về tới núi Buck, tôi cho xe bò lên lối dành cho xe đỗ, co rúm người lại trước mỗi viên sỏi bật lách tách dưới lốp xe của mình.

Tôi mở cửa xe thật khẽ để không gây tiếng động, sau đó đi bộ qua bãi cỏ, luôn vào nhà bằng lối cửa sau, di chuyển lặng lẽ trong nhà, dùng tay lần tìm đường tới cái tủ đựng giấy tờ.

Tôi chỉ vừa mới bước được vài bước thì nghe thấy tiếng *cách* quen thuộc.

“Đừng bắn!” Tôi kêu lên. “Em đây mà!”

“Ai?”

Tôi bật đèn lên và nhìn thấy Shawn đang ngồi ở đầu kia của căn phòng chĩa súng vào tôi. Anh hạ khẩu súng xuống. “Anh cứ nghĩ mày là... ai khác.”

“Hắn thế,” tôi nói.

Chúng tôi đứng trong lúng túng một lát, sau đó tôi đi ngủ, Sáng hôm sau, sau khi bố đã rời khỏi nhà đến bãi phế liệu, tôi nói dối mẹ rằng trường BYU cần tờ khai thuế của mẹ. Mẹ biết tôi nói dối – tôi có thể biết điều đó bởi vì bố đột nhiên bước vào và hỏi tại sao mẹ lại in tờ khai thuế, mẹ nói mẹ in để lưu.

Tôi cảm bản sao tờ khai thuế và trở lại BYU. Shawn và tôi không nói với nhau lời nào trước khi tôi lên đường. Anh không bao giờ hỏi tại sao tôi lại lén lút mò vào nhà của chính mình lúc ba giờ sáng, còn tôi chưa bao giờ hỏi anh đang đợi ai mà đêm hôm ngồi đó với khẩu súng đã nạp đạn.

Đơn xin trợ cấp nằm trên bàn của tôi trong một tuần trước khi Robin đi cùng tôi đến bưu điện và nhìn tôi đưa chúng cho nhân viên ở đó. Không mất nhiều thời gian, một tuần, có lẽ là hai. Tôi đang lau nhà ở Draper thì thư đến, vậy nên Robin để lá thư lên giường của tôi cùng với mảnh giấy ghi rằng giờ đây tôi đã là một người cộng sản.

Tôi xé phong bì thư và một tấm ngân phiếu rơi xuống giường tôi. Tấm ngân phiếu bốn nghìn đô-la. Tôi cảm thấy mình tham lam, sau đó tôi sợ lòng tham của mình. Có số điện thoại để liên lạc. Tôi bấm số.

“Có vấn đề ạ,” tôi nói với người phụ nữ trả lời điện thoại. “Tấm ngân phiếu trị giá bốn nghìn đô-la, nhưng tôi chỉ cần một nghìn bốn trăm đô-la thôi.”

Đường dây im lặng.

“A lô? A lô?”

“Cho phép tôi nói thẳng nhé,” người phụ nữ nói. “Cô nói rằng tấm ngân phiếu đó trị giá quá nhiều tiền ư? Cô muốn tôi làm gì nào?”

“Tôi sẽ gửi trả lại tấm ngân phiếu này, bà có thể gửi cho tôi một tấm khác không ạ? Tôi chỉ cần một nghìn bốn trăm đô-la thôi. Để chữa tủy răng.”

“Nghe này, cung,” bà nói, “Cô được nhận trợ cấp nhiều như vậy bởi vì đó là số tiền cô được nhận. Đổi nó ra tiền mặt hoặc không, tùy cô thôi.”

Tôi đi chữa răng. Tôi mua giáo trình, trả tiền thuê nhà, mà vẫn còn tiền. Giám mục nói tôi nên mua cho bản thân một thứ gì đó, nhưng tôi nói tôi không thể, tôi phải tiết kiệm tiền. Ông nói tôi có thể chi tiêu nhiều hơn một chút. “Nhớ nhé,” ông nói, “con có thể xin một khoản trợ cấp như thế vào năm tới.” Tôi mua một chiếc váy mới để mặc đi nhà thờ.

Tôi tin rằng khoản tiền đó được sử dụng để điều khiển tôi, nhưng điều mà nó làm là cho phép tôi giữ lời hứa với bản thân: lần đầu tiên, khi tôi nói tôi sẽ không bao giờ làm việc cho bố mình nữa, tôi tin điều đó.

Bây giờ tôi tự hỏi phải chăng cái ngày tôi lấy trộm tờ khai thuế không phải là lần đầu tiên tôi rời khỏi nhà để đi lên núi Buck. Đêm đó tôi đã bước vào nhà của bố mình như một kẻ xâm nhập. Đó là một thay đổi trong ngôn ngữ tinh thần, một sự từ bỏ nơi mình xuất thân.

Ngôn từ của chính tôi đã xác nhận điều đó. Khi những sinh viên khác hỏi quê quán tôi, tôi đáp, “Tớ ở Idaho,” một câu nói chưa từng thuận miệng tôi dù tôi đã nhắc đi nhắc lại nó bao năm qua. Khi bạn là một phần của nơi đâu, khi đất đai nơi đó trở thành máu thịt bạn, sẽ chẳng cần phải nói bạn từ đâu đến. Tôi chưa bao giờ thốt ra câu “Tớ ở Idaho.” cho đến khi tôi rời khỏi đó.

Chương 24

Hiệp Sĩ, Giang Hồ

TÔI CÓ MỘT NGHÌN ĐÔ-LA TRONG TÀI KHOẢN. Chỉ nghĩ đến điều đó thôi tôi đã thấy lạ lùng, chứ nói gì đến việc đọc số tiền ấy lên. Một nghìn đô-la. Không chỉ có vậy. Tôi đâu có cần khoản tiền đó ngay lập tức. Phải mất nhiều tuần tôi mới chấp nhận sự thật đó và khi tôi chấp nhận nó, tôi bắt đầu trải nghiệm lợi thế lớn nhất của tiền bạc: cơ hội để nghĩ về những điều ngoài tiền.

Các giáo sư của tôi đột ngột trở thành tâm điểm; cứ như trước khi có khoản trợ cấp tôi nhìn họ qua ống kính bị mờ. Tôi dần hiểu được các cuốn giáo trình, và tôi nhận thấy mình chịu khó tìm tòi nhiều hơn những gì mà tôi được yêu cầu phải đọc.

Chính trong trạng thái đó, lần đầu tiên tôi biết đến thuật ngữ rối loạn lưỡng cực. Tôi đang ngồi ở lớp học môn Tâm lý 101 thì giáo sư của chúng tôi đọc to các triệu chứng từ màn hình phía trên: chán nản, gàn dở, hoang tưởng bộ phận, tính gàn dở, chứng hoang tưởng về uy quyền và chứng lo sợ bị khủng bố, ngược đãi. Tôi đóng tai nghe.

Bố mình đấy, tôi viết vào sổ ghi. Ông ấy đang miêu tả bố mình.

Vài phút sau chuông reo, một sinh viên hỏi về vai trò mà các chứng rối loạn tâm thần có thể có trong những phong trào ly khai. “Em đang nghĩ đến những cuộc xung đột nổi tiếng như vụ Waco ở Texas, hoặc vụ Ruby Ridge ở Idaho,” cậu ta nói.

Idaho chẳng có mấy sự kiện nổi tiếng, vậy nên tôi nghĩ mình cũng từng nghe lảng máng “Ruby Ridge” là gì. Cậu ấy đang nói về một cuộc xung đột. Tôi lục tìm trong trí nhớ, cố nhớ mình đã nghe thấy những từ đó hay chưa. Có điều gì đó quen thuộc trong những từ đó. Thế rồi những hình ảnh xuất hiện trong đầu tôi, mờ nhạt và méo mó, cứ như đường truyền bị vỡ ở nguồn. Tôi nhắm mắt lại và hình ảnh trở nên sống động. Tôi đang ở trong nhà mình, núp đằng sau cái tủ gỗ phong. Mẹ quý cạnh tôi, nhịp thở của mẹ chậm và mệt nhọc. Mẹ liếm môi và nói

mẹ khát, sau đó, trước khi tôi kịp ngăn lại, mẹ đứng dậy mở vòi nước. Tôi cảm thấy súng máy rung chuyển và nghe thấy tiếng mình thét lên. Có tiếng *uych* khi một vật gì đó rất nặng rơi xuống sàn nhà. Tôi nhắc cánh tay mẹ sang một bên và bế đứa bé lên.

Chuông reo. Giảng đường vắng tanh. Tôi đến phòng máy tính. Tôi lưỡng lự một lát trước bàn phím – sợ hãi trước linh cảm rằng đây là thông tin mình sẽ tiếc vì đã biết – sau đó gõ từ khóa “Ruby Ridge” vào ô tìm kiếm. Theo trang bách khoa thư Wikipedia, Ruby Ridge là địa điểm diễn ra cuộc đối đầu chết chóc giữa Randy Weaver và số đông người của liên bang, bao gồm lực lượng Cảnh sát Tư pháp Hoa Kỳ và FBI.

Cái tên Randy Weaver quen thuộc với tôi, và thậm chí khi đọc nó tôi vẫn nghe thấy nó thoát ra từ miệng bố tôi. Sau đó câu chuyện – dường như đã sống trong trí tưởng tượng của tôi mười ba năm – bắt đầu được tái hiện trong đầu tôi: một đứa con trai bị bắn, sau đó đến ông bố, rồi đến bà mẹ. Chính phủ đã giết cả gia đình đó, người bố người mẹ và những đứa con, để bưng bít những gì người của Chính phủ làm.

Tôi lục tìm nơi kí ức máu chót dẫn đến phát súng đầu tiên. Nhân viên mật vụ của Liên bang đã bao vây nhà Weaver. Nhiệm vụ của họ chỉ là theo dõi đối tượng bị tình nghi, và gia đình Weaver không hề biết về nhóm mật vụ của Liên bang cho đến khi một con chó bắt đầu sủa. Tin rằng con chó đã đánh hơi thấy một con thú hoang lớn vờn quanh đó, Sammy, đứa con trai mười bốn tuổi của Randy, lao vào rừng. Nhân viên mật vụ của Liên bang đã bắn con chó, và Sammy, bấy giờ đang cầm súng, bắt đầu bắn trả. Cuộc xung đột làm hai người thiệt mạng: một mật vụ của Liên bang và Sammy, cậu trai đang bỏ chạy lên đồi về phía nhà mình thì bị bắn vào lưng.

Tôi đọc tiếp. Ngày hôm sau, Randy Weaver bị bắn, cũng vào lưng, trong khi ông cố tìm đến chỗ xác con mình. Thi thể đó ở trong cái lán, và Randy vừa mới nhắc then cửa lán ra thì một tay súng bắn tia nhằm vào cột sống ông bóp cò nhưng bắn trượt. Vợ ông, Vicki, chạy ra cửa để giúp chồng và tay súng bắn tia đó

lại nổ súng. Viên đạn xuyên vào đầu bà, giết chết bà ngay lập tức khi bà đang bế trên tay đứa con gái mười tháng tuổi.

Trong chín ngày gia đình đó đã túm tụm nhau lại trong căn nhà nhỏ cùng với xác của người mẹ, cho tới khi các nhà thương thuyết kết thúc cuộc đối đầu và Randy Weaver bị bắt.

Tôi đọc vài lần mới hiểu được dòng cuối cùng này của câu chuyện. Randy Weaver còn sống ư? Bố tôi có biết điều đó không?

Tôi tiếp tục đọc. Quốc gia phản nộ. Các bài báo xuất hiện trên hầu hết mọi tờ báo lớn đều lên án hành vi coi thường mạng sống một cách nhẫn tâm của Chính phủ. Bộ Tư pháp đã mở một cuộc điều tra và Thượng viện tổ chức các phiên điều trần. Cả hai cơ quan này đều đề nghị sửa đổi luật giao chiến, đặc biệt là những điều luật liên quan đến việc sử dụng vũ lực gây tử vong.

Gia đình Weaver đã đệ đơn kiện tội ngộ sát, đòi bồi thường 200 triệu đô-la nhưng đã chịu hòa giải khi Chính phủ đề nghị cấp cho ba người con gái của Vicki mỗi người một triệu đô-la. Randy Weaver được bồi thường 100 nghìn đô-la và mọi phí tổn pháp lý, trừ hai khoản phí trình diện trước tòa, được hủy bỏ. Randy Weaver được các tổ chức truyền thông lớn phỏng vấn và thậm chí còn cùng con gái ông viết một cuốn sách. Hiện giờ ông ta kiếm sống bằng việc đi nói chuyện tại các cuộc triển lãm súng.

Nếu đây là một vụ bùng bít thì quả là dở tệ. Báo chí đưa tin, có các cuộc điều tra chính thức, rồi lại thêm quy trình giám sát. Chẳng phải đó là thước đo của một nền dân chủ ư?

Có một điều tôi vẫn không hiểu: Tại sao ngay từ đầu mật vụ Liên bang lại bao vây nhà của Randy Weaver? Tại sao Randy lại trở thành mục tiêu? Tôi nhớ bố nói rằng chúng tôi cũng rất dễ thành mục tiêu. Bố luôn nói rằng một ngày nào đó Chính phủ sẽ bắt những người chống tẩy não, những người không chịu cho con họ đi học. Suốt mười ba năm, tôi cứ thế mà tin Chính phủ ập đến nhà Randy để buộc con ông ta đến trường công.

Tôi trở lại đầu trang và đọc toàn bộ trang đó một lần nữa, nhưng lần này tôi không bỏ qua tiền truyện. Theo tất cả các nguồn, bao gồm chính bản thân Randy Weaver, cuộc xung đột này bắt đầu khi Randy bán hai khẩu súng đã cưa nòng cho một tay chỉ điểm mà ông ta gặp tại một cuộc họp mặt của Hội anh em chủng tộc Aryan. Tôi đọc câu này hơn một lần, chính xác là nhiều lần. Và tôi đã hiểu: uy thế của người da trắng là cốt lõi của câu chuyện này, chứ không phải chuyện giáo dục tại gia. Dường như Chính phủ chưa bao giờ có thói quen giết người vì không giao con của họ cho hệ thống giáo dục công. Rõ rồi, và tại sao bấy lâu nay tôi lại tin bất cứ điều gì khác, chứ không phải điều này.

Trong phút giây cay đắng, tôi nghĩ bố đã nói dối. Sau đó, tôi nhớ lại nỗi sợ hãi trên mặt bố, nhịp thở nhanh, nặng nề của bố, và tôi cảm thấy chắc chắn rằng bố thực sự tin gia đình tôi đang gặp nguy hiểm. Tôi dần dần lý giải được, và những từ lạ lùng xuất hiện trong đầu tôi, những từ mà tôi chỉ vừa mới biết vài phút trước đó: *hoang tưởng bộ phận, tính gàn dở, chứng hoang tưởng về uy quyền và chứng lo sợ bị khủng bố, ngược đãi*. Và cuối cùng câu chuyện trở nên sáng tỏ – câu chuyện trên trang này, và câu chuyện đã sống trong tôi suốt thời thơ ấu. Bố chắc hẳn đã đọc về Ruby Ridge, hoặc theo dõi sự kiện đó qua bản tin, và bằng cách nào đó khi nó đi qua bộ não bất an của bố, nó đã thôi không còn là chuyện về một người nào đó khác mà đã trở thành chuyện về bố. Nếu Chính phủ vây bắt Randy Weaver thì chắc chắn cũng vây bắt Gene Westover, người đang đứng ở tuyến đầu trong cuộc chiến chống lại hội Illuminati suốt nhiều năm. Không còn hài lòng khi đọc về hành động dũng cảm của người khác nữa, bố đã tự rèn cho mình mũ sắt và lên ngựa.

Tôi đâm ra bị ám ảnh bởi chứng rối loạn lưỡng cực. Chúng tôi được giao viết một bài luận môn Tâm lý học và tôi chọn chứng rối loạn lưỡng cực, sau đó lấy bài luận làm cái cớ để cật vấn mọi nhà thần kinh học và mọi chuyên gia về nhận thức tại trường đại học. Tôi miêu tả các triệu chứng của bố mình, nhưng không quy những đặc tính đó cho bố tôi mà nói rằng đó là một người chú của tôi. Một

số triệu chứng hoàn toàn khớp; những triệu chứng khác thì không. Các giáo sư nói với tôi rằng mỗi trường hợp mỗi khác.

“Những gì em miêu tả nghe giống bệnh tâm thần phân liệt hơn,” một vị nói. “Chú của em đã bao giờ được chữa trị chưa?”

“Chưa ạ,” tôi nói. “Chú ấy nghĩ các bác sĩ là một phần âm mưu của Chính phủ.”

“Điều đó làm cho vấn đề phức tạp đấy,” ông nói.

Cố gắng hành văn cho khéo ở vị trí của một kẻ đe dọa đến thanh danh gia đình, tôi viết bài luận phân tích ảnh hưởng mà cha mẹ bị chứng rối loạn lưỡng cực gây ra đối với con cái. Bài viết đầy tính buộc tội, tàn bạo. Tôi viết rằng con cái của những người bị rối loạn lưỡng cực phải hứng chịu các nhân tố rủi ro kép: thứ nhất, bởi vì chúng có xu hướng rối loạn tâm trạng theo di truyền, và thứ hai, *vì môi trường sống căng thẳng cũng như vì khi cha mẹ chúng đã mắc các rối loạn này thì họ không thể làm cha mẹ tốt.*

Ở trên lớp tôi được dạy về các dẫn truyền thần kinh và tác động của chúng đối với tính chất hóa học của não bộ; tôi hiểu chứng bệnh đó không phải là một lựa chọn. Căn cứ này lẽ ra có thể khiến tôi cảm thông với bố mình, nhưng không. Tôi chỉ cảm thấy giận. Tôi nghĩ, chúng tôi phải trả giá cho nó. Mẹ. Luke. Shawn. Chúng tôi đã bị bầm dập, bị thương, bị đe dọa, bị bỏng chân và bị vỡ đầu. Chúng tôi đã sống trong tình trạng báo động, trong nỗi kinh hoàng triền miên, não của chúng tôi ngập hormone cortisol[®] bởi vì chúng tôi biết bất cứ tai họa nào trong những điều ấy cũng có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Bởi vì bố của chúng tôi luôn đặt niềm tin lên trên sự an toàn. Bởi vì bố tin bản thân bố đúng, và bố luôn luôn tin như thế – sau tai nạn xe lần thứ nhất, sau tai nạn xe lần thứ hai, sau vụ cái thùng rác, vụ cháy, vụ tấm nâng. Và chúng tôi là những người phải trả giá.

Cuối tuần sau khi nộp bài luận, tôi về thăm núi Buck. Tôi ở nhà được gần một tiếng đồng hồ thì bố và tôi cãi vã. Bố nói tôi nợ bố tiền cái ô tô. Thực ra bố chỉ nhắc đến chuyện đó thôi, nhưng tôi nổi điên, trở nên quá kích động. Lần đầu tiên trong đời tôi la lối bố mình – không phải vì chiếc xe, mà vì nhà Weaver. Tôi

nghe ngào vì tức giận, lời nói của tôi không bật ra thành lời nói, mà thành những tiếng nức nở lấp bắp, ngắc ngứ. Tại sao bố lại như thế này? Tại sao bố lại làm chúng con khiếp sợ như thế? Tại sao bố lại đấu tranh chống lại những quái vật mà bố tưởng tượng ra gay gắt đến thế, mà chẳng làm gì với những quái vật trong nhà của chúng ta?

Bố há hốc miệng nhìn tôi, kinh ngạc. Miệng bố trễ xuống, hai bàn tay bố buông thõng bên sườn, giật giật, như thể bố muốn đưa tay lên để làm điều gì đó. Tôi chưa bao giờ thấy bố trông yếu ớt như thế kể từ khi bố cúi lom khom bên cạnh chiếc xe thùng đồ nát của chúng tôi, nhìn mặt mẹ sưng to, mà thậm chí chẳng thể chạm vào mẹ bởi vì những sợi dây điện đang truyền điện qua thành xe bằng kim loại.

Tôi tháo chạy khỏi nỗi xấu hổ hoặc tức giận. Tôi lái xe quay lại BYU mà không hề dừng lại. Vài giờ sau bố gọi điện. Tôi không trả lời. To tiếng với bố chẳng ích gì; có thể lờ bố đi thì hơn.

Kỳ học kết thúc, tôi ở lại Utah. Đó là mùa hè đầu tiên tôi không trở về núi Buck. Tôi không nói chuyện với bố, thậm chí qua điện thoại cũng không. Thái độ ghẻ lạnh này không phải là làm bộ. Chỉ là tôi cảm thấy không muốn gặp bố hoặc nghe giọng nói của bố, vậy thôi.

Tôi quyết định thử sống bình thường. Mười chín năm tôi đã sống theo cách bố tôi muốn. Bây giờ tôi muốn thử sống khác đi.

Tôi chuyển tới một căn hộ mới ở đầu kia của thành phố nơi không ai biết tôi. Tôi muốn bắt đầu cuộc sống mới. Trong tuần đầu tiên tôi ở đó, tại nhà thờ, vị giám mục mới đón tôi với cái bắt tay ấm áp, sau đó chuyển sang người mới đến tiếp theo. Tôi thích thú với thái độ hờ hững của ông. Nếu có thể giả vờ bình thường trong một thời gian thì biết đâu tôi sẽ cảm thấy như thật.

Chính tại nhà thờ đó tôi gặp Nick. Nick có cặp kính vuông và mái tóc đen mà anh vuốt keo thành những lọn tóc nhỏ giống như những cái gai nhọn gọn ghẽ. Bố tôi đã chế giễu một người đàn ông dùng keo xịt tóc, và đó có thể là lý do tôi lại

thích điều ấy. Tôi cũng thích một điều rằng Nick không biết máy phát điện quay tay. Những gì anh biết là những cuốn sách, các trò chơi video và các nhãn hiệu quần áo. Và ngôn từ. Anh có vốn từ vựng đáng kinh ngạc.

Ngay từ đầu Nick và tôi đã là một đôi. Lần thứ hai chúng tôi gặp nhau anh cầm tay tôi. Khi da anh chạm vào da tôi, tôi chuẩn bị đấu tranh với sự thôi thúc thuộc về bản năng muốn đẩy anh ra, nhưng điều đó đã không xảy ra. Điều tôi trải nghiệm mới lạ và thú vị, và tôi hoàn toàn không muốn nó kết thúc. Tôi ước mình vẫn ở trong giáo đoàn cũ, để tôi có thể chạy tới vị giám mục trước kia và kể với ông rằng tôi không bỏ chạy nữa.

Tôi đã đánh giá quá cao tiến bộ của mình. Tôi tập trung vào những gì đang tiến triển, tôi chẳng chú ý đến những gì không. Chúng tôi gắn bó với nhau vài tháng, và nhiều buổi tôi ở cùng gia đình anh, trước khi tôi thốt ra một lời về gia đình của tôi. Tôi nhắc đến gia đình tôi mà không hề suy nghĩ, vô tình đề cập đến một trong những loại dầu của mẹ tôi khi Nick nói rằng anh bị đau vai. Anh bị hấp dẫn – anh đợi tôi nói về gia đình tôi – nhưng tôi giận bản thân vì lỗi sơ sẩy đó, và không để nó xảy ra nữa.

Cuối tháng Năm tôi bắt đầu cảm thấy khó ở. Một tuần trôi qua trong đó tôi hầu như không thể nhắc thân đi làm thực tập sinh tại một công ty luật. Tôi ngủ từ chập tối đến tận gần trưa hôm sau mà cả ngày vẫn ngáp. Họng tôi bắt đầu đau và giọng tôi nhỏ lí nhí, chỉ còn là những tiếng lọc khọc sâu trong cổ, cứ như dây thanh quản đã biến thành giấy ráp.

Thoạt đầu Nick thích thú khi biết tôi sẽ không đi bác sĩ, nhưng khi chứng bệnh trở nặng niềm thích thú của anh biến thành nỗi lo lắng, sau đó thành thái độ khó hiểu. Tôi lờ anh đi. “Nó không nghiêm trọng đến thế đâu,” tôi nói. “Em sẽ đi nếu nó nghiêm trọng.”

Một tuần nữa trôi qua. Tôi bỏ việc thực tập và bắt đầu ngủ cả ngày cũng như đêm. Một buổi sáng, Nick bất ngờ xuất hiện, “Chúng ta sẽ đi gặp bác sĩ,” anh nói.

Tôi bắt đầu nói tôi sẽ không đi, nhưng sau đó tôi nhìn khuôn mặt của anh. Anh trông như đang có một câu hỏi nhưng biết rằng có hỏi cũng chẳng ích gì. Nổi căng thẳng trên nét mặt anh, trong đôi mắt nheo lại. Tôi nghĩ, *con ngờ vực trông như vậy đó*.

Phải lựa chọn giữa việc gặp một bác sĩ theo chủ nghĩa xã hội xấu xa và việc thừa nhận với bạn trai rằng tôi tin các bác sĩ là những kẻ theo chủ nghĩa xã hội xấu xa, tôi chọn đi gặp bác sĩ.

“Hôm nay em sẽ đi,” tôi nói. “Em hứa. Nhưng em sẽ đi một mình.”

“Tốt,” anh nói.

Anh rời khỏi đó, nhưng tôi có một vấn đề khác. Tôi không biết đi bác sĩ như thế nào. Tôi gọi điện cho một bạn học và hỏi liệu cô có thể lái xe đưa tôi đi không. Một giờ sau cô đến đón tôi còn tôi thì quan sát, bối rối khi cô lái xe qua cái bệnh viện cách căn hộ của tôi vài khối nhà. Cô đưa tôi tới một tòa nhà nhỏ nằm ở phía Bắc của khu đại học mà cô gọi là “phòng khám chữa bệnh”. Tôi cố giả vờ lãnh đạm, làm như trước đây mình đã đi khám bệnh rồi, nhưng khi chúng tôi đi qua bãi đỗ xe tôi cảm thấy như mẹ tôi đang nhìn tôi.

Tôi không biết phải nói gì với nhân viên tiếp tân. Cô bạn nghĩ tôi im lặng là do tôi đau họng và giải thích các triệu chứng của tôi cho người của bệnh viện nghe. Người ta bảo chúng tôi chờ. Cuối cùng, một cô y tá dẫn tôi vào một phòng nhỏ toàn màu trắng nơi cô kiểm tra cân nặng, đo huyết áp và vệ sinh lưỡi cho tôi. Cô nói chúng viêm họng nặng như vậy thường do khuẩn liên cầu hoặc virus mono gây ra. Vài ngày nữa họ sẽ biết cụ thể.

Khi có kết quả xét nghiệm, tôi lái xe đến phòng khám chữa bệnh đó một mình. Một vị bác sĩ trung tuổi hỏi đầu trao kết quả cho tôi.

“Chúc mừng,” ông nói. “Cô dương tính với cả khuẩn liên cầu lẫn virus mono. Bệnh nhân duy nhất tôi từng thấy trong vòng một tháng nhiễm cả hai loại này.”

“Cả hai ư?” Tôi thều thào. “Làm sao tôi lại bị nhiễm cả hai được cơ chứ?”

“Rất, rất xui,” ông nói. “Tôi có thể cho cô dùng penicillin để trị khuẩn liên cầu, nhưng tôi không thể làm gì nhiều với virus mono. Cô sẽ phải đợi nó tự hết.

Tuy nhiên, khi chúng ta diệt hết khuẩn liên cầu, cô sẽ cảm thấy khá hơn.”

Bác sĩ bảo y tá mang thuốc penicillin tới. “Cô nên dùng kháng sinh ngay,” ông nói. Tôi cầm những viên thuốc trong tay và nhớ đến buổi trưa khi Charles đưa cho tôi mấy viên giảm đau. Tôi nghĩ về mẹ tôi, và về nhiều lần mẹ đã nói với tôi rằng thuốc kháng sinh sẽ đầu độc cơ thể, rằng chúng gây vô sinh và gây ra các dị tật bẩm sinh. Rằng tinh thần của Chúa không thể ở trong những mạch máu bẩn, và rằng không mạch máu nào sạch sẽ khi nó từ bỏ Chúa và dựa vào con người. Hoặc có lẽ bố tôi đã nói phần cuối.

Tôi nuốt những viên thuốc. Có lẽ đó là vì nỗi tuyệt vọng bởi tôi cảm thấy thật tệ, nhưng tôi nghĩ đó là vì lý do trần tục hơn: tò mò.

Tôi ở đó, trung tâm của một cơ sở y tế, và tôi muốn xem xem, rốt cuộc điều mà tôi luôn sợ bấy lâu nay là gì. Mắt tôi sẽ chảy máu tư? Lưỡi tôi sẽ rụng chẳng? Chắc chắn một điều gì đó đáng sợ sẽ xảy ra. Tôi cần biết đó là gì.

Tôi trở về căn hộ của mình và gọi điện cho mẹ. Tôi nghĩ việc tự thú sẽ làm giảm nhẹ tội lỗi nơi tôi. Tôi nói với mẹ rằng tôi đã đi khám bác sĩ, và rằng tôi bị nhiễm cả khuẩn liên cầu lẫn virus mono. “Con đang uống penicillin,” tôi nói. “Con chỉ muốn mẹ biết thôi.”

Mẹ bắt đầu nói dồn dập, nhưng tôi không nghe được nhiều, tôi mệt quá. Khi mẹ dường như đã giảm tốc, tôi nói “Con yêu mẹ.” và cúp máy.

Hai ngày sau tôi nhận được một gói bưu phẩm gửi từ Idaho tới, Bên trong là sáu lọ rượu ngâm thảo dược, hai lọ nhỏ tinh dầu, và một túi đất sét trắng. Tôi nhận ra những công thức – tinh dầu và rượu thuốc là để làm gan và thận khỏe, còn đất sét để ngâm chân rút độc tố khỏi cơ thể. Có một mảnh giấy của mẹ: *Những thảo dược này sẽ rửa sạch kháng sinh khỏi cơ thể của con. Hãy dùng chúng chừng nào con còn uống thuốc kháng sinh. Yêu con.*

Tôi nằm xuống và ngủ gục như ngay lập tức, nhưng trước khi ngủ tôi cười rõ to. Mẹ không gửi một phương thuốc nào để diệt khuẩn liên cầu hay virus mono. Mẹ chỉ gửi thuốc để xử lý penicillin.

Sáng hôm sau tôi thức dậy vì tiếng chuông điện thoại reo. Đó là Audrey gọi.

“Có tai nạn rồi em ạ,” chị nói. Lời nói của chị đưa tôi đến một thời điểm khác, đến với lần gần nhất tôi trả lời một cuộc điện thoại và nghe thấy những lời này thay cho một lời chào. Tôi nghĩ về ngày hôm ấy, và những gì mẹ đã nói tiếp theo đó. Tôi hy vọng Audrey đang đọc một kịch bản khác.

“Là bố,” chị nói. “Nếu em về mau, lên đường ngay lập tức, thì em còn kịp vĩnh biệt bố.”

Chương 25

Thuốc Mỡ Lư Huỳnh

CÓ MỘT CÂU CHUYỆN TÔI ĐƯỢC KỂ CHO NGHE HỒI BÉ, được kể nhiều lần đến nỗi tôi không nhớ nổi ai đã kể nó cho tôi nghe đầu tiên. Đó là chuyện về ông-ở-chân-đồi và về vết lõm ở ngay trên thái dương bên phải của ông.

Khi còn trẻ, ông từng có một mùa hè nóng nực ở trên núi, ông cưỡi con ngựa cái màu trắng để chăn thả gia súc. Nó là một con ngựa dáng cao, điềm tĩnh vì đã có tuổi. Mẹ tôi kể rằng con ngựa đó điềm tĩnh như một tảng đá, và ông không phải để ý nhiều khi ông cưỡi nó. Nếu thích, ông thả dây cương ra, có lẽ để nhặt một mẫu đá mài ra khỏi chiếc giày cao cổ của ông hoặc để bỏ cái mũ đỏ trên đầu ông và dùng ống tay áo lau mặt. Con ngựa vẫn đứng yên. Nhưng dù nó bình tĩnh, nó vẫn sợ rấn.

“Chắc nó đã nhìn thấy vật gì đó đang trườn trong đám cỏ,” mẹ kể chuyện đó theo trí nhớ của mẹ, “bởi vì nó hất ông xuống đất.” Có một bộ răng bừa cũ ở phía sau ông. Ông ngã vào đó và bị một vết lõm hình tròn trên trán.

Mỗi lần tôi nghe câu chuyện đó thì cái vật làm vỡ sọ ông thay đổi. Vài lần tôi nghe kể đó là bộ răng bừa, nhưng vào những lần khác nó là một tảng đá. Tôi ngờ rằng chẳng ai biết chắc chắn đó là gì. Chẳng có ai ở đó chứng kiến tai nạn. Cú hất ấy khiến ông bất tỉnh, và ông chẳng nhớ được gì nhiều cho tới khi bà phát hiện thấy ông trước hiên nhà, từ đầu đến chân đầy máu me.

Không ai biết làm thế nào ông lại ở hiên nhà được.

Từ đồng cỏ ở phía trên tới nhà ông bà là khoảng cách chừng một dặm – địa hình có đá lởm chởm với những ngọn đồi dốc, khúc khuỷu, mà trong tình trạng đó ông không thể vượt qua được. Nhưng ông đã ở trên hiên. Bà nghe thấy tiếng kẹt cửa yếu ớt, và khi mở cửa ra bà thấy ông ở đó, nằm một đống, óc rỉ ra khỏi đầu. Bà vội đưa ông vào thị trấn và họ dùng miếng kim loại vá chỗ thủng ở đầu ông.

Sau khi ông về nhà và đang trong quá trình hồi phục, bà đi tìm con ngựa cái trắng. Bà đi khắp núi nhưng rồi lại tìm thấy nó được buộc ở hàng rào phía sau bãi quây gia súc, được buộc thắt nút theo kiểu rắc rối mà không ai sử dụng ngoài cha của bà, cụ Lott.

Thỉnh thoảng, khi tôi ở nhà bà chén những thứ bị cấm như bánh bột ngô với sữa, tôi đòi ông kể cho nghe lần đó ông đã xuống núi như thế nào. Ông luôn nói rằng ông không biết. Rồi ông hít vào một hơi thật sâu – dài và chậm, như ông sắp sửa bắt đầu một trạng thái cảm xúc hơn là một câu chuyện – và ông kể lại chuyện đó từ đầu đến cuối. Ông là một người trầm lặng, gần như im lặng. Bạn có thể trải qua cả một buổi trưa phát quang những mảnh ruộng cùng ông mà không bao giờ nghe thấy mười từ được nói với nhau. Chỉ rất những “Ừ” và “Không phải thế” và “Ông nghĩ vậy.”

Nhưng hãy hỏi ngày hôm đó ông đã xuống núi thế nào và ông sẽ nói trong mười phút, mặc dù tất cả những gì ông nhớ là nằm trên cánh đồng, không thể mở mắt ra được, trong khi ánh mặt trời bóng râm làm máu trên mắt ông khô đi.

“Nhưng ông kể cho cháu nghe điều này,” ông thường nói, bỏ mũ ra và lướt ngón tay quanh chỗ lõm trên sọ của ông. “Trong khi ông nằm trong đám cỏ, ông nghe thấy những điều ấy. Những giọng nói, và họ đang nói. Ông nhận ra tiếng của một người, bởi vì đó là cụ Lott của cháu. Cụ đang nói với ai đó rằng con trai của Albert đang gặp chuyện chẳng lành. Cụ Lott nói vậy đấy, ông biết chắc chắn như chính ông đứng ở đó vậy.” Mắt ông sáng lấp lánh một lát, rồi ông nói. “Chỉ có điều, cụ Lott đã chết mười năm trước đó.”

Phần này của câu chuyện khiến người nghe trầm trồ tôn kính. Cả mẹ tôi và bà đều muốn kể câu chuyện này nhưng tôi thích lời kể của mẹ nhất. Giọng mẹ *suyt* ở những chỗ cần phải *suyt*. Đó là những thiên sứ, mẹ thường nói, và một giọt lệ nhỏ rơi xuống khóe miệng hé cười của mẹ. Cụ Lott đã gửi các thiên sứ xuống và họ đưa ông xuống núi.

Vết lõm đó là một cái hố xấu xí khoảng chừng năm phân trên trán ông. Khi còn nhỏ, nhìn chỗ đó đôi khi tôi tưởng tượng ra một bác sĩ dong dỏng cao, mặc

áo choàng trắng dùng búa đóng một miếng kim loại choang choang. Trong trí tưởng tượng của tôi ông bác sĩ sử dụng chính những miếng sắt tây mà bố dùng để lợp mái các lán, xưởng. Nhưng chỉ thỉnh thoảng thôi. Thường thì tôi nhìn thấy thứ khác kia. Bằng chứng cho thấy tổ tiên của tôi đi trên đỉnh núi, theo dõi, chờ đợi, và các thiên sứ làm theo lệnh của họ.

Tôi không biết tại sao ngày hôm đó bố tôi lại ở trên núi một mình.

Cái máy nghiền xe làm phế liệu đang tới. Tôi cho rằng bố muốn tháo rời bình xăng cuối cùng, nhưng tôi không thể tưởng tượng nổi điều gì đã xui khiến bố khiến bố đốt cái đèn cật mà không rút sạch xăng trong bình trước đã. Tôi không biết bố làm được đến đâu, đã cố cắt được bao nhiêu dây cột bằng sắt trước khi một tia lửa từ đèn hàn bén vào bình xăng. Nhưng tôi biết bố đang đứng cạnh chiếc xe, người bố ép sát ngọn lửa, khi bình xăng phát nổ.

Lúc ấy bố mặc chiếc áo sơ mi dài tay, đeo găng tay da và tấm che của thợ hàn. Mặt và các ngón tay bố bị thương nặng nhất từ vụ nổ. Nhiệt vụ nổ làm nóng chảy tấm che như thể nó là một cái thìa nhựa. Nửa dưới mặt bố hóa lỏng: lửa phá hủy nhựa, rồi đến da, sau đó đến cơ. Quá trình đó lặp lại với các ngón tay của bố – đôi găng tay da không phải là đối thủ của ngọn lửa đã tràn tới và xuyên qua chúng – sau đó các lưỡi lửa liếm ngang vai và ngực bố. Khi bố bò ra khỏi đám cháy ngùn ngụt đó, tôi mừng tượng bố trông giống một xác chết hơn là một người sống.

Tôi không thể hiểu nổi trong tình trạng đó bố lại có thể di chuyển, tự mình lết một phần tư dặm qua những cánh đồng và những con mương. Nếu có người nào cần các thiên sứ thì người đó chính là bố. Nhưng bất luận vì lý do gì bố đã làm được điều đó – cũng như bố của bố nhiều năm trước – và nằm một đồng ngoài cửa của vợ mình, không thể gõ cửa.

Hôm đó chị họ của tôi, Kylie, đến giúp mẹ tôi pha chế tinh dầu. Vài người phụ nữ khác làm việc gần đó, cân thảo dược phơi khô và lọc rượu thuốc.

Kylie nghe thấy tiếng gõ yếu ớt ở cửa sau, như thể ai đó va khuỷu tay vào cánh cửa. Chị mở cửa ra nhưng chẳng nhớ tạo nào về những gì bên ngoài cánh cửa. “Chị thấy cửa bị gì đó chặn ở bên ngoài,” về sau chị kể cho tôi nghe.

“Chị không thể nhớ mình đã nhìn thấy gì. Chị chỉ nhớ những gì mình nghĩ, chị nghĩ, *Chú ấy không có da.*”

Bố tôi được đưa vào ghế sofa. Thuốc giải cứu – thuốc vi lượng đồng căn để chống sốc – được đổ vào cái hốc đã từng là miệng bố. Mọi người cho bố uống thảo dược lobelia và cỏ long ba để giảm đau, y như mẹ đã cho Luke dùng nhiều năm trước.

Bố sặc thuốc. Bố không thể nuốt được. Bố hít phải khí từ vụ nổ khủng khiếp đó và các bộ phận bên trong của bố thấm carbon. Mẹ cố đưa bố đến bệnh viện, nhưng giữa những hơi thở khò khè bố thều thào rằng bố thà chết còn hơn gặp bác sĩ. Trước uy quyền của bố, mẹ đành chịu.

Lớp da chết được thận trọng và nhẹ nhàng hết sức cắt đi, và bố được bôi cơ man nào là thuốc mỡ – chính loại thuốc mỡ mà mẹ đã dùng cho cái chân của Luke nhiều năm trước – bôi từ thắt lưng tới đỉnh đầu, sau đó được quấn băng. Mẹ đưa cho bố những cục đá lạnh để mát, hy vọng cung cấp đủ nước cho cơ thể bố, nhưng bên trong miệng và họng bố bị bỏng nặng, không hấp thu chất lỏng được, và lại không có môi và cơ bố không thể ngậm đá trong miệng. Đá cứ trượt xuống họng bố và làm bố nghẹn.

Đêm đầu tiên ấy nhiều lần gia đình tôi suýt mất bố. Nhịp thở của bố chậm, sau đó dừng, và mẹ – và cánh phụ nữ làm việc cho mẹ – chạy như chong chóng, điều chỉnh các luân xa, bấm huyệt, làm bất cứ điều gì để dỗ dành hai lá phổi mong manh của bố khôi phục những tiếng khò khè của chúng.

Sáng ra Audrey gọi điện cho tôi.☺ Chị nói trong đêm tim bố đã ngừng đập hai lần. Có thể bố chết vì tim chứ không phải vì phổi. Dù vì điều gì đi nữa, Audrey chắc chắn bố sẽ không sống nổi đến trưa.

Tôi gọi điện cho Nick. Tôi nói với anh rằng tôi phải về Idaho vài ngày vì chuyện gia đình, và rằng không phải chuyện nghiêm trọng. Anh biết tôi sẽ chẳng

nói cho anh hay đó là chuyện gì – tôi có thể nghe thấy sự tổn thương trong giọng nói của anh khi anh nói rằng tôi không tin tưởng anh – nhưng tôi gạt anh ra khỏi tâm trí và cúp máy.

Tôi đứng đó, chìa khóa trong tay, tay đặt trên núm cửa, và lưỡng lự. Khuẩn liên cầu. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu tôi làm nó lây sang bố? Tôi đã uống penicillin gần ba ngày rồi. Bác sĩ nói sau hai mươi tư giờ tôi sẽ không truyền bệnh nữa, nhưng ông ta là một bác sĩ và tôi không tin tưởng ông ta.

Tôi đợi một ngày. Tôi đã uống penicillin theo đơn vài lần, sau đó tôi gọi điện cho mẹ hỏi bây giờ tôi nên làm gì.

“Con nên về nhà,” mẹ nói, và giọng mẹ đứt quãng. “Mẹ không nghĩ ngày mai khuẩn liên cầu sẽ là vấn đề quan trọng đâu.”

Tôi không nhớ quang cảnh trong lúc tôi lái xe. Mắt tôi hầu như không để ý đến những ruộng ngô, những cánh đồng khoai tây hoặc những ngọn đồi xanh sẫm phủ đầy thông. Thay vào đó tôi nhìn thấy bố mình, cách bố nhìn tôi trong lần gần nhất khi tôi gặp bố, vẻ mặt nhăn nhó của bố. Tôi nhớ cái giọng chói tai, bùng bùng tức giận của tôi khi tôi gào lên với bố.

Giống như Kylie, tôi không nhớ những gì mình đã thấy khi tôi nhìn bố lần đầu tiên lúc tôi về đến nhà. Tôi biết rằng khi mẹ thay gạc cho bố sáng hôm đó, mẹ phát hiện ra tai bố bị bỏng nặng, da dính như keo, bởi chúng đã bị nóng chảy như si-rô và dính về phía sau. Khi tôi bước vào qua cửa sau, điều đầu tiên tôi nhìn thấy là mẹ đang cầm con dao cắt bơ để cạy tai bố khỏi sọ bố. Giờ đây, tôi vẫn có thể hình dung ra cảnh mẹ cầm con dao, mắt mẹ nhìn chăm chú, tập trung, nhưng trong ký ức của tôi chỗ mà đáng lẽ có hình ảnh của bố lúc đó lại chỉ là một lỗ hổng.

Mùi trong phòng xộc vào mũi tôi – mùi da thịt cháy, mùi liên mộc, mùi cây thảo bản bông vàng và cây mã đề. Tôi nhìn mẹ và Audrey thay những mảnh băng còn lại cho bố. Họ bắt đầu với hai bàn tay của bố. Những ngón tay đầy nhót, được phủ lớp dịch từ da nóng chảy, hoặc mủ. Cánh tay bố không bị bỏng, vai và lưng bố cũng không, nhưng bụng và ngực bố được băng một lớp gạc dày. Có vài

lỗ thủng ở những chỗ chắc hẳn đã bị ngọn lửa phun vào với một lực rất mạnh. Những chỗ đó bốc ra mùi giống như mùi thịt thiu, và đầy dịch trắng.

Nhưng chính khuôn mặt bố cứ ám ảnh tôi hằng đêm. Bố vẫn có trán và mũi. Da quanh mắt bố và một phần da phía gò má bố hồng hồng, trông có vẻ có sức sống. Nhưng ở dưới mũi, chẳng có gì như trước. Phần đó đỏ lôm, nham nhở, võng xuống trông như một tấm mặt nạ bằng nhựa bị đặt quá gần một ngọn nến.

Bố không nuốt được thứ gì – không nuốt được thức ăn, chẳng nuốt được nước – trong gần ba ngày. Mẹ gọi điện tới một bệnh viện ở Utah xin họ một bộ truyền nước. “Tôi cần bù nước cho ông ấy,” mẹ nói. “Nếu không được truyền nước, ông ấy sẽ chết.”

Bác sĩ nói ông sẽ điều máy bay trực thăng tới ngay nhưng mẹ nói không. “Vậy thì tôi không thể giúp bà được,” bác sĩ nói. “Bà sẽ giết chết ông ấy mất, và tôi không hề muốn chuyện đó xảy ra chút nào.”

Mẹ cuống lên. Trong một động thái tuyệt vọng cuối cùng, mẹ chọn dùng cách bơm thụt cho bố, đẩy ông vào sâu hết mức mà mẹ dám, cố đưa đủ chất lỏng qua trực tràng để giữ mạng sống cho bố. Mẹ không biết cách đó có tác dụng hay không – liệu có đủ chỉ một bộ phận ở phần đó của cơ thể bố có thể hấp thu nước hay không – nhưng đó là đường vào duy nhất không bị tổn thương vì bỏng.

Đêm đó tôi ngủ trên sàn phòng khách để có thể có mặt khi chúng tôi mất bố. Tôi choàng tỉnh vài lần trước những tiếng thở gấp và những bóng người lướt qua, những tiếng lầm bầm rằng chuyện đó lại xảy ra nữa rồi, bố lại ngừng thở.

Một lần, một tiếng trước bình minh, bố dứt hơi thở và tôi chắc chắn rằng thế là hết: bố mình chết rồi và sẽ không bao giờ thức dậy nữa. Tôi đặt tay lên những mảng gạc băng trong khi Audrey và mẹ vội chạy đến quanh tôi, cầu kinh và gõ gõ. Căn phòng không bình yên, có lẽ nó như vậy là bởi tôi không bình yên. Trong nhiều năm tôi và bố bị kẹt trong xung đột, một cuộc chiến không hồi kết của những ý muốn. Tôi cứ nghĩ mình đã chấp nhận nó, chấp nhận mối quan hệ của chúng tôi như nó vốn thế. Nhưng lúc đó, tôi mới hiểu mình mong mỗi cuộc xung

đột đó kết thúc biết nhường nào, tin tưởng sâu sắc bao nhiêu vào một tương lai mà khi đó chúng tôi sẽ là cha con trong hòa bình.

Tôi nhìn khuôn ngực của bố, nguyện cầu bố thở được, nhưng bố không. Thời gian đằng đằng trôi qua. Tôi đã toan bước ra chỗ khác để mẹ và chị tôi từ biệt bố, thì bố ho – tiếng ho lộc khộc, giòn nghe như tiếng giấy kếp bị vò nhàu. Thế rồi, như thể hiện tượng Lazarus[Ⓢ] xảy ra, ngực của bố bắt đầu phập phồng.

Tôi bảo mẹ rằng tôi sẽ đi. Bố có thể sẽ qua khỏi, tôi nói vậy. Và nếu bố qua khỏi thì không thể để khuôn liên cầu giết chết bố được.

Việc kinh doanh của mẹ buộc phải tạm dừng. Những người phụ nữ làm việc cho mẹ dừng pha chế rượu thuốc và đóng chai tinh dầu, chuyển sang chế những hũ thuốc mỡ – một bài thuốc mới từ cây liên mộc, cây thảo bản hoa vàng và cây mã đề mà mẹ đã chế riêng cho bố tôi. Ngày hai lần mẹ bôi thuốc mỡ lên khắp phần cơ thể phía trên của bố. Tôi không nhớ những bài thuốc khác mà họ sử dụng, và tôi không biết đủ về việc truyền năng lượng để mà kể. Tôi chỉ biết rằng họ đã sử dụng mười bảy gallon thuốc mỡ trong hai tuần đầu tiên và rằng mẹ đã đặt mua một số lượng lớn băng gạc.

Tyler bay từ Purdue về. Sáng sáng anh thay mẹ thay băng trên các ngón tay bố, ban tối loại bỏ những lớp da và cơ chết. Nó không gây đau nữa, Các dây thần kinh đã chết. “Anh đã cắt bỏ nhiều lớp da,” Tyler kể với tôi, “Anh chắc chắn rằng có một buổi sáng anh đã cắt đến xương bố.”

Các ngón tay bố đã bắt đầu cong về phía sau một cách bất thường ở chỗ khớp ngón. Đó là bởi gân đã bắt đầu co rút lại. Tyler cố nắn các ngón tay bố lại, để kéo giãn gân và ngăn không cho cơn biến dạng đó trở thành cố tật, nhưng bố không thể chịu được đau.

Tôi trở về núi Buck khi tôi chắc chắn mình không còn khuôn liên cầu. Tôi ngồi bên giường bố, dùng cái ống nhỏ thuốc nhỏ nước vào miệng bố và cho bố ăn tinh chất rau quả như thể bố là một đứa trẻ mới chập chững. Bố hiếm khi nói. Đau đớn khiến bố khó tập trung. Bố hầu như không thể nói nổi một câu trước khi

cái đầu của bố đầu hàng. Mẹ gợi ý mua dược phẩm cho bố dùng, loại thuốc giảm đau mạnh nhất mà mẹ có thể tìm được, nhưng bố từ chối. Bố nói, đây là cơn đau đốn của Chúa, và bố sẽ cảm nhận mọi phần của nó.

Trong khi vắng nhà, tôi đã sục sạo mọi cửa hàng bán video trong phạm vi một trăm dặm cho tới khi tôi tìm được trọn bộ băng video hài kịch tình huống *Những người nghỉ tuần trăng mật*. Tôi giờ bộ băng video lên cho bố xem. Bố chớp mắt để cho tôi biết bố đã xem phim đó rồi. Tôi hỏi liệu bố có muốn xem một tập không. Bố lại chớp mắt. Tôi tra cuộn băng đầu tiên vào đầu máy và ngồi bên bố, quan sát khuôn mặt biến dạng của bố, lắng nghe những tiếng rên khe khẽ của bố trong khi trên màn hình Alice Kramden hết lần này đến lần khác tỏ ra láu cá hơn chồng cô ta.

Chương 26

Chờ Nước Động[©]

SUỐT HAI THÁNG TRỜI BỐ TÔI KHÔNG RỜI KHỎI GIƯỜNG trừ khi một trong số các anh trai của tôi bế bố khỏi đó. Bố đi tiểu vào một cái chai, và việc dùng ống thật cho bố vẫn tiếp diễn. Mặc dù sau đó tình hình cho thấy rõ rằng bố sẽ sống, chúng tôi không biết bố sẽ sống kiểu gì. Tất cả những gì chúng tôi có thể làm là đợi, và chẳng bao lâu sau chúng tôi cảm thấy như mọi thứ chúng tôi làm chỉ là một kiểu chờ đợi khác – đợi để cho bố ăn, đợi để thay băng cho bố. Đợi để xem bao nhiêu phần của bố chúng tôi sẽ hồi sinh.

Thật khó tưởng tượng một người đàn ông như bố – kiêu hãnh, mạnh mẽ, cường tráng – lại bị tàn tật vĩnh viễn. Tôi tự hỏi làm thế nào bố có thể thích nghi được nếu như mẹ cứ mãi mãi cắt thức ăn cho bố; bố có thể sống một cuộc sống vui vẻ hay không nếu như bố không thể cầm nổi cái búa. Mất mát sao mà nặng nề.

Nhưng trong nỗi buồn tôi cũng cảm thấy niềm hy vọng. Bố đã luôn là một người khó tính – một người dường như biết sự thật về bất cứ chủ đề gì và không quan tâm bất cứ điều gì người khác phải nói. *Chúng tôi nghe bố*, không bao giờ có chuyện ngược lại: khi bố không nói, bố cần sự im lặng.

Vụ nổ đó đã khiến bố chuyển từ vị trí của người thuyết giảng sang vị trí của người quan sát. Bố chẳng nói được mấy, bởi vì bố đau liên miên nhưng cũng bởi họng bố bị bỏng. Vậy nên bố quan sát, bố nghe. Bố nằm hết giờ này đến giờ khác, hết ngày này sang ngày khác, mắt bố lạnh lợi, miệng bố ngậm lại.

Trong vài tuần, bố tôi – người mà nhiều năm trước không đoán nổi tuổi của tôi trong nửa thập kỷ – đã biết về các môn học của tôi, bạn trai của tôi, việc làm của tôi trong mùa hè.

Tôi không kể gì về những điều đó với bố, nhưng bố nghe tôi và chị Audrey nói chuyện với nhau khi chúng tôi thay băng cho bố, và bố nhớ.

“Bố muốn nghe về các môn học của con nhiều hơn,” một buổi sáng cuối mùa hè bố nói với tôi bằng giọng the thé. “Nghe có vẻ thú vị thật đấy.”

Tôi cảm thấy như có một khởi đầu mới.

Shawn và Emily thông báo anh chị sẽ đính hôn khi bố vẫn nằm liệt giường. Đó là lúc ăn tối, và gia đình tôi đang quây quần bên bàn ăn, thì Shawn nói anh tính sẽ cưới Emily. Im lặng bao trùm trong khi những cái nĩa cào trên những cái đĩa. Mẹ hỏi liệu anh có nghiêm túc hay không. Anh nói không, rằng anh đã tính tìm một người nào đó khác hơn trước khi anh thực sự phải làm việc đó. Emily ngồi cạnh anh, nở nụ cười méo xệch.

Đêm đó tôi không ngủ. Tôi liên tục kiểm tra chốt cửa. Hiện tại dường như rất dễ bị quá khứ làm tổn thương, cứ như nó bị quá khứ áp đảo, như thể tôi chớp mắt một cái và khi mở mắt ra tôi đã quay về tuổi mười lăm.

Sáng hôm sau Shawn nói anh và Emily định cưới ngựa hai mươi dặm tới hồ Bloomington. Tôi khiến cả chính mình lẫn anh ngạc nhiên khi nói rằng tôi muốn đi. Tôi cảm thấy lo khi tôi tưởng tượng ra từng ấy thời gian ở nơi hoang dã cùng với Shawn nhưng tôi gạt nỗi lo âu sang một bên. Có điều gì đó tôi cần phải làm.

Năm mươi dặm trên ngựa có cảm giác như năm trăm dặm, nhất là khi cơ thể của bạn đã quen với ghế ngồi hơn là với yên cương. Khi chúng tôi đến hồ, Shawn và Emily lập tức xuống ngựa và bắt đầu dựng trại; tất cả những gì tôi có thể làm là tháo yên cương cho con Apollo và đi tiểu bên một cái cây đỏ. Tôi nhìn Emily dựng cái lều mà tôi và chị sẽ ngủ chung. Chị cao ráo và mảnh khảnh đến mức không thể tưởng tượng được, với mái tóc suôn thẳng buông dài, vàng hoe đến nỗi nó gần giống màu sáng bạc.

Chúng tôi nhóm một đồng lửa và hát những bài hát lửa trại. Chúng tôi chơi bài. Sau đó chui vào lều. Tôi nằm thức trong bóng tối bên cạnh Emily, nghe tiếng dế kêu. Tôi đang cố nghĩ cách để bắt đầu trò chuyện với chị – cách để nói với chị rằng chị không nên kết hôn với anh trai tôi – thì chị lên tiếng. “Chị muốn nói chuyện với em về Shawn,” chị nói. “Chị biết anh ấy có một số vấn đề.”

“Đúng vậy,” tôi nói.

“Anh ấy là một người thiêng liêng,” Emily nói. “Chúa đã trao cho anh ấy sứ mệnh đặc biệt. Để giúp mọi người. Anh ấy đã kể với chị anh ấy giúp Sadie như thế nào. Và anh ấy đã giúp em ra sao.”

“Anh ấy không giúp em.” Tôi muốn nói nhiều hơn, để giải thích cho Emily những gì mà giám mục đã giải thích cho tôi. Nhưng đó là những lời của giám mục, không phải của tôi. Tôi không có lời để nói. Tôi đã đi năm mươi dặm để nói, thế mà tôi câm như hén.

“Quý dữ cảm ơn anh ấy hơn những người khác,” Emily nói. “Bởi vì những thiên phú của anh ấy, bởi vì anh ấy là mối đe dọa đối với quỷ Satan. Đó là lý do tại sao anh ấy lại có vấn đề. Bởi vì lòng ngay thẳng của anh ấy.”

Chị ngồi dậy. Tôi có thể nhìn thấy đường nét mờ của mái tóc dài được cột kiểu đuôi ngựa của chị trong bóng tối. “Shawn nói anh ấy sẽ làm tổn thương chị,” chị nói. “Chị biết đó là do quỷ Satan. Nhưng đôi khi chị sợ anh ấy, chị sợ những gì anh ấy sẽ làm.”

Tôi nói với Emily rằng chị không nên kết hôn với người làm chị sợ, rằng không ai nên kết hôn như thế, nhưng những lời ấy rời khỏi môi tôi đều chết yểu. Tôi tin những lời ấy nhưng tôi không hiểu chúng đủ để làm chúng sống.

Tôi nhìn chăm chăm vào bóng tối, tìm khuôn mặt chị trong bóng tối, cố hiểu anh tôi có uy quyền gì đối với chị. Tôi biết anh đã có uy quyền đối với tôi. Và bây giờ anh vẫn có. Chẳng phải tôi trúng bùa chú của anh, cũng chẳng phải không.

“Anh ấy là một người thiêng liêng,” chị nhắc lại. Rồi chị nằm vào túi ngủ của chị, và tôi biết cuộc trò chuyện đã kết thúc.

Tôi quay lại BYU vài ngày trước khi học kỳ mùa thu bắt đầu. Tôi lái xe thẳng tới căn hộ của Nick. Trong thời gian tôi về Idaho anh và tôi hầu như không nói chuyện. Bất cứ khi nào anh gọi điện dường như tôi đều đang bận thay băng hoặc làm thuốc mỡ. Nick biết bố tôi bị bỏng, nhưng anh không biết tình trạng của bố

tôi lại nghiêm trọng như vậy. Tôi giấu thông tin thay vì chia sẻ với anh, không bao giờ nói rằng đã có một vụ nổ xảy ra, hoặc rằng khi tôi “vào thăm” bố tôi, thì đó không phải là thăm ở bệnh viện mà là ở phòng khách nhà tôi. Tôi không nói với Nick về những lần tìm bố tôi ngừng đập. Tôi không tả cho anh nghe đôi bàn tay xương xẩu, hoặc việc dùng ống thụt, cũng như hàng cân mô hóa lỏng mà chúng tôi đã cạo khỏi người bố.

Tôi gõ cửa và Nick ra mở cửa. Anh có vẻ ngạc nhiên khi thấy tôi. “Bố em thế nào rồi?” anh hỏi sau khi tôi đã ngồi với anh trên sofa. Nghĩ lại, tôi thấy đó có thể là thời khắc quan trọng của tình bạn giữa chúng tôi, thời khắc mà tôi đáng lẽ có thể đã làm một điều, một điều tốt hơn, và tôi đã làm điều khác. Đó là lần đầu tiên tôi gặp Nick kể từ khi vụ nổ xảy ra. Tôi có thể đã kể với anh mọi chuyện ngay lúc đó: rằng gia đình tôi không tin vào y học hiện đại; rằng chúng tôi tự điều trị bằng tại nhà bằng thuốc mỡ và phép vi lượng đồng căn; rằng chuyện thật đáng sợ, còn hơn cả sợ; rằng chừng nào còn sống tôi sẽ không bao giờ quên được mùi thịt cháy thành than. Tôi có thể đã kể với anh tất cả, có thể trút bỏ gánh nặng, để mối quan hệ của chúng tôi gánh lấy nó và trở nên vững bền hơn. Thay vì làm thế tôi giữ gánh nặng cho riêng mình, và tình bạn của tôi với Nick, vốn đã xanh xao, bị bỏ đói và không được dựa vào, dần suy yếu, tàn kiệt.

Tôi tin mình có thể sửa chữa hư hại – giờ đây khi tôi đã trở lại, đây sẽ là cuộc sống của tôi, và dù Nick không hiểu gì về núi Buck thì điều đó cũng chẳng quan trọng. Nhưng đỉnh núi ấy không chịu buông tôi ra. Nó giữ chặt lấy tôi. Những hồ đen trong ngực bố tôi giờ đây thường hiện ra trên những tấm bảng đen, và tôi nhìn thấy khoang miệng vỗng xuống của bố trên những trang giáo trình. Cái thế giới được nhớ tới này không hiểu sao lại sống động hơn thế giới thực mà tôi đang sống, và tôi đảo qua đảo lại giữa chúng. Nick sẽ nắm tay tôi, và tôi sẽ ở bên anh một lát như thế, cảm nhận nỗi ngạc nhiên của bàn tay anh trên tay tôi. Nhưng khi tôi nhìn vào những ngón tay chúng tôi đan vào nhau, điều gì đó đã thay đổi để đến nỗi bàn tay ấy không phải là tay Nick. Nó đầy máu và móng vuốt, chẳng phải là một bàn tay.

Khi ngủ tôi hoàn toàn hướng về núi. Tôi mơ thấy Luke, thấy đôi mắt anh trợn ngược. Tôi mơ thấy bố, thấy tiếng ran trong phổi bố. Tôi mơ thấy Shawn, thấy lúc cô tay tôi kêu răng rắc ở bãi đậu xe. Tôi mơ thấy tôi, đi khắp khiêng bên cạnh anh, cười tiếng cười the thé, ghê rợn. Nhưng trong những giấc mơ tôi có mái tóc dài màu sáng bạc.

Đám cưới diễn ra vào tháng Chín.

Tôi đến nhà thờ trong lòng đầy lo âu, cứ như tôi được điều đi xuyên thời gian từ một tương lai thảm khốc đến thời khắc này, khi các hành động của tôi vẫn còn có trọng lượng và suy nghĩ của tôi cũng vậy. Tôi không biết mình được gửi tới để làm gì, vậy nên tôi vò hai bàn tay vào nhau và nhai bên trong má mình, đợi thời khắc quan trọng. Năm phút trước khi nghi lễ bắt đầu, tôi nôn trong phòng vệ sinh nữ.

Khi Emily nói, “Con đồng ý,” tôi cảm thấy sinh khí rời bỏ tôi. Tôi lại trở thành một linh hồn, bay trở lại BYU. Từ cửa sổ phòng ngủ của mình, tôi nhìn đăm đăm dãy Rockies và sừng sốt bởi những ngọn núi ấy dường như trông thật phi lý. Giống như những bức tranh.

Một tuần sau đám cưới của Shawn, tôi chia tay Nick – một cách tàn nhẫn, tôi xấu hổ thừa nhận. Trước đó tôi chưa bao giờ kể với anh cuộc sống của mình, chưa bao giờ phác họa cho anh biết cái thế giới đã xâm lấn và xóa bỏ cái thế giới mà anh và tôi đã chia sẻ. Tôi đã có thể giải thích. Tôi đã có thể nói, “Nơi đó có ảnh hưởng lớn đối với em, và ngộ nhỡ em không bao giờ thoát ra được.” Biết đâu đó lại là cốt lõi. Thay vì thế tôi chìm qua thời gian. Đã quá muộn để giải bày tâm sự với Nick, để đưa anh đi cùng tôi đến bất cứ nơi nào tôi đi. Vậy nên tôi nói lời chia tay.

Chương 27

Nếu Tôi Là Phụ Nữ

TÔI ĐÃ ĐẾN BYU ĐỂ HỌC ÂM NHẠC, để một ngày nào đó tôi có thể chỉ huy dàn hợp xướng của nhà thờ. Nhưng kỳ học đó – kỳ học mùa thu của năm thứ nhất – tôi đã không đăng ký một khóa học âm nhạc nào. Tôi không thể giải thích tại sao tôi lại bỏ môn Lý thuyết âm nhạc nâng cao để nghiêng về môn Địa lý và Chính trị đối sánh, hoặc bỏ học xướng âm để học Lịch sử về người Do Thái. Nhưng khi tôi thấy những khóa học này trong danh mục, và đọc to tên của chúng lên, tôi cảm thấy một điều gì đó vô tận, và tôi muốn ném trái sự vô tận đó.

Trong bốn tháng tôi dự các lớp địa lý, lịch sử và chính trị. Tôi biết về Margaret Thatcher và vĩ tuyến 38, Cách mạng Văn hóa; tôi biết về chính trị Nghị viện và các hệ thống bầu cử trên thế giới. Tôi biết về cộng đồng người Do Thái và lịch sử lạ lùng của *Nghị định thư của các bô lão Zion*. Đến cuối kỳ học tôi cảm thấy thế giới thật rộng lớn, và thật khó mà tưởng tượng nổi việc quay trở về núi, về với phòng bếp, hoặc thậm chí với một chiếc đàn dương cầm trong căn phòng cạnh bếp.

Điều này gây ra một cuộc khủng hoảng trong tôi. Tình yêu âm nhạc của tôi, và khát khao học nhạc, tương thích với ý niệm của tôi về một phụ nữ là gì. Tình yêu đối với môn lịch sử và chính trị, các sự kiện thế giới thì không. Tuy nhiên chúng vẫn gọi tôi.

Vài ngày trước kỳ thi cuối năm, tôi ngồi một tiếng đồng hồ với Josh, một người bạn của tôi, trong một phòng trống. Cậu ấy đang xem lại đơn đăng ký vào trường luật của mình. Tôi đang chọn các khóa học cho kỳ tới.

“Nếu cậu là một phụ nữ,” tôi hỏi, “thì cậu vẫn học luật chứ?”

Josh không nhìn lên. “Nếu tớ là phụ nữ,” cậu nói, “tớ sẽ không *muốn* học luật.”

“Nhưng trong suốt thời gian quen biết cậu, tớ thấy cậu chẳng nói gì ngoài trường luật,” tôi nói. “Đó là ước mơ của cậu, đúng không?”

“Đúng vậy,” cậu thừa nhận. “Nhưng nó sẽ không phải là mơ ước của tớ nếu tớ là phụ nữ. Phụ nữ được tạo ra khác cơ. Họ không có tham vọng này. Tham vọng của họ là dành cho những đứa con.” Cậu mỉm cười với tôi như thể tôi biết cậu đang nói về điều gì. Tôi biết chứ. Tôi mỉm cười, và trong vài giây chúng tôi đồng tình với nhau.

Sau đó: “Nhưng điều gì xảy ra nếu cậu là một phụ nữ, và chẳng hiểu sao cậu vẫn cảm nhận y hệt như bây giờ, khi cậu là đàn ông con trai?”

Đôi mắt Josh nhìn dán vào tường một lát. Rồi cậu nói, “Vậy thì tớ biết có điều gì đó không ổn đối với tớ.”

Tôi thì từ đầu kỳ học đã tự hỏi phải chăng có điều gì đó không ổn đối với tôi, khi tôi dự bài giảng đầu tiên về các vấn đề thế giới. Tôi cứ tự hỏi làm sao tôi có thể là phụ nữ mà lại bị cuốn hút bởi những thứ không hợp với phụ nữ cơ chứ.

Tôi biết người chắc hẳn có câu trả lời, vậy nên tôi quyết định hỏi một trong những vị giáo sư của mình. Tôi chọn giáo sư giảng dạy Lịch sử Do Thái, bởi vì ông trầm tĩnh và nói năng hòa nhã. Tiến sĩ Kerry thấp người, ông có đôi mắt thâm màu và vẻ mặt nghiêm nghị. Ông giảng bài, mặc một áo khoác len dày thậm chí trong tiết trời nóng nực. Tôi gõ cửa văn phòng ông rất khẽ, như thể tôi hy vọng ông sẽ không trả lời, và lát sau tôi đã ngồi im lặng đối diện với ông. Tôi không biết vấn đề của mình là gì, và tiến sĩ Kerry không hỏi. Thay vì thế ông đưa ra những câu hỏi chung chung – về điểm của tôi, về những khóa học mà tôi chọn. Ông hỏi tại sao tôi lại chọn học Lịch sử Do Thái, và không nghĩ một giây tôi thốt ra rằng, chỉ vài kỳ học trước thôi tôi mới biết về “Diệt chủng” (Holocaust) và muốn biết phần còn lại của câu chuyện.

“Em biết về ‘Diệt chủng’ khi nào?” ông hỏi.

“Ở BYU ạ.”

“Ở trường phổ thông các thầy cô không dạy về nó tư?”

“Có thể họ có dạy,” tôi nói. “Chỉ có điều em không đến trường.”

“Vậy em đã ở đâu?”

Tôi giải thích một cách rõ nhất có thể, rằng bố mẹ tôi không tin tưởng hệ thống giáo dục công, rằng bố mẹ giữ anh chị em tôi ở nhà. Khi tôi kể xong, ông đan các ngón tay của mình lại như thể ông đang suy ngẫm về một vấn đề hóc búa. “Tôi nghĩ em nên nỗ lực vươn tới. Rồi hãy xem chuyện gì xảy ra.”

“Vươn tới bằng cách nào ạ?”

Bỗng nhiên ông rướn người về phía trước, như thể ông có một ý tưởng. “Em đã từng nghe về Cambridge rồi chứ?” Tôi chưa. “Đó là một trường đại học ở Anh,” ông nói. “Một trong những trường đại học tốt nhất thế giới. Tôi đã tổ chức một chương trình du học ở đó cho sinh viên. Chương trình đó có tính cạnh tranh và đòi hỏi rất cao. Em có thể sẽ không được chấp nhận, nhưng nếu em được chấp nhận, thì nó có thể cho em một ý niệm nào đó về các khả năng của em.”

Tôi cuộc bộ về căn hộ của mình, băn khoăn không hiểu cuộc trò chuyện ấy có ý nghĩa gì. Tôi muốn một lời khuyên về đạo đức, muốn ai đó điều hòa thiên hướng làm vợ, làm mẹ của tôi với sự vấy gọi của một điều khác mà tôi nghe thấy. Nhưng ông đã gạt chuyện đó sang một bên. Dường như ông nói, “Trước hết hãy khám phá xem khả năng của em là gì, sau đó hãy quyết định em là ai.”

Tôi nộp đơn ứng viên cho chương trình đào tạo đó.

Emily có mang, nhưng không ổn lắm. Chị đã suýt sảy thai trong ba tháng đầu tiên, và giờ khi cái thai sắp được hai mươi tuần, chị bắt đầu có những cơn co thắt. Mẹ tôi, một bà đỡ, đã cho chị dùng cỏ thánh John và các bài thuốc khác. Chúng co thắt giảm đi nhưng vẫn tiếp diễn.

Khi tôi về núi Buck nghỉ Giáng sinh, tôi nghĩ sẽ thấy Emily nằm trên giường nghỉ ngơi. Nhưng không. Chị đang đứng ở bàn bếp lọc thảo dược cùng với nửa tá phụ nữ khác. Chị hiếm khi nói, cười lại càng hiếm hơn, chỉ đi lại trong nhà bê những hũ vỏ cây kim ngân và cây ích mẫu. Chị lặng lẽ đến mức như vô hình, và sau vài phút tôi quên rằng chị có mặt ở đó.

Đã sáu tháng kể từ vụ nổ ấy, và trong khi bố tôi đã đi lại được, rõ ràng bố không bao giờ trở lại như bố trước kia. Bố thậm chí không thể đi từ đầu này sang

đầu kia của một căn phòng mà không thở dốc, phổi của bố đã bị tổn thương quá nặng.

Da ở nửa dưới mặt bố đã tái sinh, nhưng nó mỏng và nhợt nhạt, như thể ai đó đã cầm giấy ráp và chà lên nó đến mức nó trở nên trong suốt. Tai bố dày đặc những vết sẹo. Bố vốn dĩ có đôi môi mỏng và miệng bố trễ xuống, tạo cho bố vẻ phờ phạc của một người đàn ông nhiều tuổi hơn biết bao. Nhưng hơn cả khuôn mặt, chính bàn tay phải của bố thu hút những cái nhìn chòng chọc: mỗi ngón tay cứng lại theo một kiểu, ngón thì vắn vẹo, ngón thì cong queo, xoắn vào nhau thành bộ móng vuốt xương xẩu. Bố có thể cầm thìa bằng cách chèn nó vào giữa ngón tay trở cong lên phía trên, và ngón đeo nhẫn vẹo xuống phía dưới, nhưng bố ăn rất vất vả. Tuy nhiên, tôi băn khoăn không biết có phải với các loại thảo dược như liên mộc và thuốc mỡ chế từ hoa cây cúc lobelia, mẹ đã thành công trong việc cấy ghép da hay không. Mọi người nói đó là một điều kỳ diệu, vậy nên họ đặt cho bài thuốc của mẹ một cái tên mới: sau vụ bố bị bỏng loại thuốc mỡ của mẹ được gọi là Thuốc Mỡ Thần Kỳ.

Đêm đầu tiên tôi về núi, vào bữa tối, bố miêu tả vụ nổ là một niềm hạnh phúc dịu dàng Chúa ban cho. “Đó là một điểm phúc,” bố nói. “Một phép màu. Chúa tha mạng cho bố và dành cho bố một sứ mệnh quan trọng. Để làm chứng cho sức mạnh của Chúa. Để mọi người thấy ngoài bệnh viện còn có cách khác.”

Tôi nhìn bố cố gắng mà không kẹp nổi con dao đủ chặt để cắt miếng thịt nướng. “Bố chưa bao giờ gặp nguy hiểm,” bố nói. “Bố sẽ chứng minh điều đó cho các con thấy. Ngay khi bố đi bộ được từ bên này sang bên kia bãi phế liệu mà không choáng váng ngất xỉu, bố sẽ cầm đèn hàn và cắt một bình xăng khác.”

Sáng hôm sau, khi tôi ra ăn sáng, có một đám phụ nữ vây quanh bố tôi. Họ lắng nghe với những tiếng *suyt* và đôi mắt lấp lánh khi bố kể về những cuộc thăm viếng từ thiên đường mà bố nhận được trong khi bố ở giữa lằn ranh sinh tử. Bố nói rằng bố được các thiên sứ, giống như các nhà tiên tri thời xa xưa, che chở. Có điều gì đó trong mắt những người phụ nữ khi họ nhìn bố. Một điều gì đó giống như lòng tôn sùng.

Suốt buổi sáng tôi quan sát những người phụ nữ ấy và nhận ra rằng chuyện kỳ diệu của bố tôi đã tác động đến họ ra sao. Trước đó, những người phụ nữ làm việc cho mẹ tôi luôn tỏ ra xuề xòa trước mẹ, với những câu hỏi thường nhật về công việc của họ. Giờ đây họ nói năng khê khàng, đầy ngưỡng mộ. Kịch tính nổ ra giữa họ khi họ ganh đua để chiếm cảm tình của mẹ tôi, và của bố tôi. Sự thay đổi có thể được tóm tắt đơn giản như sau: trước đây họ là người làm thuê; bây giờ họ là môn đồ.

Chuyện bố bị bỏng đã gần như trở thành một thần thoại: nó được kể đi kể lại, cho những người mới đến nhưng cũng cho những người quen cũ. Thực ra, ở trong nhà của chúng tôi một buổi trưa mà không nghe kể lại chuyện kỳ diệu đó là hiếm thấy, và thỉnh thoảng những lời kể ấy không chính xác cho lắm. Tôi nghe mẹ kể cho cả một phòng đầy những gương mặt sốt sắng rằng 65% nửa người trên của bố bị bỏng độ ba. Đó không phải là những gì tôi nhớ được. Trong ký ức của tôi phần tổn thương chính là tổn thương ngoài da – cánh tay, lưng, và vai bố không bị bỏng. Chính nửa dưới khuôn mặt và hai bàn tay bố mới bị bỏng độ ba. Nhưng tôi im lặng.

Lần đầu tiên bố mẹ tôi dường như có cùng quan điểm. Mẹ không còn làm giảm nhẹ những tuyên bố của bố sau khi bố rời khỏi phòng, không khe khẽ đưa ra ý kiến cá nhân của mình nữa. Mẹ đã bị “phép màu” ấy làm biến đổi – biến thành bố. Tôi nhớ mẹ từng là một bà đỡ trẻ, rất thận trọng, không ồn ào khoa trương về những mạng sống mà mẹ đón chào. Bây giờ mẹ chẳng mấy trầm tĩnh như vậy nữa. Chính Chúa đã hướng dẫn đôi bàn tay mẹ, và không có rủi ro nào xảy ra trừ khi đó là ý Chúa.

Một tuần sau Giáng sinh, Đại học Cambridge viết thư cho tiến sĩ Kerry, từ chối đơn của tôi.

“Cạnh tranh rất gay gắt,” tiến sĩ Kerry nói với tôi khi tôi đến văn phòng ông. Tôi cảm ơn ông và đứng dậy dậm bước đi.

“Khoan đã,” ông nói. “Trường Cambridge yêu cầu tôi viết thư phản ánh nếu tôi cảm thấy có bất cứ biểu hiện thiếu công bằng rõ rệt nào.”

Tôi không hiểu, vậy nên ông nhắc lại. “Tôi chỉ có thể giúp một sinh viên,” ông nói. “Họ dành cho em một chỗ, nếu em muốn.”

Thật không thể tin nổi tôi sẽ được nhận. Sau đó tôi hiểu rằng mình cần hộ chiếu, rằng không có giấy khai sinh thật tôi sẽ không thể lấy hộ chiếu. Một người như tôi không thuộc về trường Cambridge. Cứ như vũ trụ hiểu điều đó và cố ngăn tôi đi du học bởi việc đó khôì hài và báng bổ quá.

Tôi trực tiếp đi làm hộ chiếu. Người thư ký cười rõ to trước giấy khai sinh chậm trễ của tôi. “Chín năm!” bà ấy nói. “Chín năm thì *đâu phải* là chậm trễ nữa cơ chứ. Cô có giấy tờ gì khác không?”

“Có ạ,” tôi nói. “Nhưng trong mỗi giấy tờ đó ngày sinh của tôi một khác. Mỗi cái có một cái tên khác.”

Bà vẫn cười. “Ngày khác và tên khác ư? Không, như vậy không được đâu. Cô không thể làm hộ chiếu được đâu.”

Tôi đến gặp người thư ký đó thêm vài lần nữa, càng ngày càng trở nên thất vọng hơn cho tới khi, cuối cùng, một giải pháp được tìm ra. Bác Debbie của tôi đến tòa án và làm một bản khai có tuyên thệ rằng tôi là người mà tôi đã khai. Tôi được cấp hộ chiếu.

Emily sinh con vào tháng Hai. Đứa bé chỉ nặng sáu trăm gam.

Hồi Giáng sinh khi Emily bắt đầu có những cơn co thắt, mẹ tôi nói rằng cái thai sẽ phát triển theo ý Chúa. Hóa ra ý Chúa là Emily sinh tại nhà vào tuần thứ hai mươi sáu của thai kỳ.

Đêm đó có một trận bão tuyết, một trong những trận bão tuyết lớn ở vùng núi khiến các con đường vắng tanh và các thị trấn gần như khép kín. Emily sắp đẻ đến nơi mẹ tôi mới hiểu ra rằng chị cần bệnh viện. Đứa bé, mà gia đình tôi đặt tên là Peter, chào đời vài phút sau đó, tụt ra khỏi Emily dễ dàng đến mức mẹ tôi nói mẹ *tóm* được nó hơn là đỡ nó. Nó bất động, và xám đen như tro. Shawn nghĩ

nó đã chết. Sau đó mẹ sờ và cảm nhận được nhịp tim yếu ớt của nó – thực ra mẹ nhìn thấy tim nó đập qua lớp da mỏng. Bố vội chạy tới cái xe bán tải và bắt đầu cào tuyết và băng. Shawn bế Emily và đặt chị vào băng ghế sau, sau đó mẹ để đứa bé lên ngực Emily và bọc khăn cho nó, tạo một lồng ấp tạm thời. Sau này mẹ gọi đó là phương pháp Kangaroo.

Bố tôi lái xe; bão tuyết dữ dội. Ở Idaho chúng tôi gọi đó là “bão trắng”: khi gió quét tuyết rơi mạnh đến mức nó tẩy trắng, bao phủ các con đường như bằng một tấm mạng, và bạn không thể nhìn thấy lớp nhựa đường, cũng như đồng ruộng và sông ngòi; bạn không thể nhìn thấy bất cứ thứ gì ngoài những lớp sóng tuyết trắng xóa. Bằng cách nào đó, trượt qua tuyết và mưa đá, họ vẫn đến thị trấn được, nhưng bệnh viện ở đó là bệnh viện ở vùng nông thôn, không có đủ trang thiết bị để chăm sóc cho sinh linh yếu ớt ấy. Các bác sĩ nói rằng họ phải chuyển thằng bé tới bệnh viện McKay-Dee ở Ogden sớm nhất có thể, rằng không còn thời gian. Vì bão tuyết người ta không thể đưa nó tới đó bằng máy bay trực thăng được, vậy nên các bác sĩ đưa nó tới đó bằng xe cứu thương. Thực ra họ điều hai xe cứu thương, chiếc thứ hai để phòng trường hợp chiếc thứ nhất không chống chọi nổi với bão tuyết.

Nhiều tháng trôi qua, vô số các cuộc phẫu thuật tim và phổi cho thằng bé được tiến hành trước khi Shawn và Emily mang về nhà một sinh linh bé xíu mà tôi được bảo cho biết là cháu trai mình. Khi ấy thằng bé đã qua giai đoạn nguy hiểm, nhưng các bác sĩ nói phổi của nó có thể không bao giờ phát triển đầy đủ. Có thể nó sẽ luôn ốm yếu.

Bố tôi nói Chúa đã sắp xếp cuộc chào đời này ngay khi Ngài sắp xếp vụ nổ đó. Mẹ tôi phụ họa, nói rằng Chúa đã đặt một tấm mạng lên mắt mẹ để mẹ không can thiệp vào những cơn co thắt của Emily. “Peter phải chào đời theo cách này,” mẹ nói. “Nó là một món quà từ Chúa, và Chúa ban những món quà của Ngài theo bất cứ cách nào Ngài chọn.”

Chương 28

Vở Kịch Pygmalion

LẦN ĐẦU TIÊN NHÌN THẤY TRƯỜNG KING'S COLLEGE TẠI CAMBRIDGE, tôi nghĩ mình đang mơ, chỉ có điều trí tưởng tượng của tôi chưa bao giờ tưởng tượng ra thứ gì đồ sộ đến thế. Ánh mắt tôi đậu trên tháp đồng hồ có những hình chạm khắc bằng đá. Tôi được dẫn đến cái tháp này, sau đó chúng tôi đi qua nó vào trường. Có một bãi cỏ được cắt xén không thể chê vào đâu được, và bên kia bãi cỏ, một tòa nhà màu trắng ngà mà tôi lơ mơ nhận ra kiểu kiến trúc Hy Lạp – La Mã. Nhưng đó là một nhà thờ kiểu Gothic, dài hơn một trăm mét, cao hơn ba mươi mét, một ngọn núi đá nổi bật giữa cảnh quan.

Tôi được dẫn đi qua nhà thờ, tới một cái sân khác, sau đó lên một cầu thang xoáy tròn ốc. Một cánh cửa được mở ra, và người dẫn đường nói cho tôi biết đó là phòng của tôi. Anh ta để tôi lại một mình để tôi được tự nhiên thoải mái. Người đàn ông dẫn đường cho tôi không biết những gì đang xảy ra với tôi là không thể hình dung nổi.

Bữa sáng của ngày hôm sau được phục vụ trong một phòng lớn. Tôi cảm thấy như đang ăn trong một nhà thờ, trần nhà như hang động, và tôi cảm thấy mình bị nhìn chăm chăm, như thể cả phòng đều biết tôi ở đó mà tôi thì không nên ở đó. Tôi chọn một bàn dài đầy các sinh viên khác đến từ BYU. Cánh phụ nữ nói chuyện với nhau về những bộ quần áo họ đã mua. Marianne đã đi mua sắm khi cô biết mình được chương trình đào tạo này nhận. “Các cậu cần những bộ đồ khác khi ở châu Âu đấy,” cô nói.

Heather đồng tình. Bà của cô đã trả tiền vé máy bay cho cô, vậy nên cô dùng số tiền đáng lẽ dành để mua vé vào việc làm mới tủ đồ của mình. “Cách ăn mặc của mọi người ở đây,” cô nói, “tinh tế hơn. Các cậu không thể mặc quần bò đi ra ngoài được.”

Tôi đã nghĩ đến việc chạy về phòng để thay chiếc áo dài tay và quần bò cùng đôi giày vải bố hiệu Keds của mình ra, nhưng tôi chẳng có gì để thay cả. Tôi

chẳng có thứ gì giống như Marianne và Heather đang mặc – những chiếc áo khoác len màu tươi sáng phối rất hợp với những chiếc khăn quàng cổ trang nhã. Tôi không mua quần áo mới để tới Cambridge, bởi vì tôi phải dùng khoản vay dành cho sinh viên chỉ để trả học phí. Và lại, tôi hiểu rằng dù tôi có những bộ đồ của Heather và Marianne chẳng nữa, tôi cũng chẳng biết mặc chúng như thế nào.

Tiến sĩ Kerry xuất hiện, thông báo rằng chúng tôi được mời đi tham quan nhà thờ một vòng. Chúng tôi thậm chí được phép lên mái nhà. Chúng tôi trả khay đựng đồ ăn và đồ xô theo tiến sĩ Kerry. Tôi ở gần cuối nhóm khi chúng tôi đi sang bên kia sân.

Bước vào trong nhà thờ, tôi cảm thấy nghẹt thở. Căn phòng – nếu khoảng không gian này được gọi là một căn phòng – rộng mênh mông như có thể chứa cả đại dương. Chúng tôi được dẫn vào trong qua một cánh cửa gỗ nhỏ, sau đó bước lên cầu thang hẹp xoáy tròn ốc có những bậc đá dốc dường như không đếm xuể. Cuối cùng, cầu thang ấy dẫn tới mái nhà có độ nghiêng khá lớn, kiểu mái hình chữ V nghịch đảo được viền bởi lan can bằng đá. Gió thổi mạnh, những đám mây vùn vụt trên bầu trời; quang cảnh thật ngoạn mục, thành phố như một bức tiểu họa, bị nhà nguyện thu nhỏ lại một cách tuyệt đối. Tôi quên bản thân mình, trèo lên mái dốc, rồi bước đi dọc chóp mái, để mặc gió đưa mình đi trong khi nhìn không chớp mắt những đường phố quanh co và những khoảng sân bằng đá trải ra.

“Em không sợ ngã,” một giọng nói vang lên. Tôi quay đầu lại. Đó là tiến sĩ Kerry. Ông đi theo tôi, nhưng dường như không đứng vững trên đôi chân của mình, gần như quăng người xuống mỗi khi một trận gió ào qua.

“Chúng ta có thể đi xuống ạ,” tôi nói. Tôi chạy từ chóp mái xuống lối đi bằng phẳng gần trụ tường. Tiến sĩ Kerry lại theo sau tôi nhưng những bước chân của ông không được tự nhiên cho lắm. Thay vì bước về phía trước, ông xoay người và di chuyển theo kiểu xiên nghiêng, như một con cua. Gió tiếp tục những đợt tấn công. Tôi chìa một cánh tay ra phía ông cho những bước cuối cùng dường như rất loạng choạng của ông, và ông bám lấy nó.

“Chỉ là một nhận xét thôi nhé,” ông nói khi chúng tôi đã xuống khỏi cái mái dốc. “Em đứng đó, đứng thẳng, tay xỏ túi.” Ông chỉ tay về phía những sinh viên khác. “Em có thấy họ gập người lại không? Có thấy họ bám vào tường không?” Ông nói đúng. Vài người đang đánh liều đi trên chóp mái nhưng họ đi rất rón rén, bước những bước lóng ngóng như tiến sĩ Kerry ban nãy, đi xiên nghiêng và xoay người trong gió; tất cả những người khác bám chặt lấy lan can đá, đầu gối không khòng, lưng cúi lom khom, như không chắc để bước đi hay bò.

Tôi đưa tay ra bám vào tường.

“Em không cần làm thế đâu,” ông nói. “Tôi không hề có ý chỉ trích.” Ông ngừng lời, như không biết nên nói gì thêm. “Tất cả các sinh viên đều thay đổi cả,” ông nói. “Các sinh viên khác tỏ ra khá thoải mái cho tới khi chúng ta lên đến độ cao này. Giờ đây, ở rìa cao này, họ không thoải mái. Em dường như trái ngược hẳn. Đây là lần đầu tiên tôi thấy em thoải mái với bản thân em. Điều đó bộc lộ trong cách em di chuyển: cứ như em đã ở trên mái nhà này cả đời.”

Một trận gió thổi qua lan can và tiến sĩ Kerry lão đảo, vội bám vào tường. Tôi bước lên chóp mái để ông có thể đứng dựa người vào trụ tường. Ông tròn mắt nhìn tôi, đợi một lời giải thích.

“Em đã từng lợp mái cho các lán trũ cỏ khô,” cuối cùng tôi nói.

“Vậy nên chân em khỏe hơn ư? Đó là lý do tại sao em có thể đứng vững được trong gió mạnh như thế này chẳng?”

Tôi phải nghĩ trước khi tôi có thể trả lời. “Em có thể đứng được trong cơn gió mạnh như thế này, bởi vì em không cố đứng như thế,” tôi nói. “Gió chỉ là gió mà thôi. Thầy có thể đứng vững được trên mặt đất trong những cơn gió mạnh nhường này, vậy thì thầy cũng có thể đứng vững trong những cơn gió ở trên cao. Không có gì khác biệt đâu ạ. Trừ khác biệt mà ta tự nghĩ trong đầu.”

Ông nhìn tôi không chớp. Ông không hiểu.

“Em cứ thế mà đứng thôi ạ,” tôi nói. “Mọi người thì cố gắng giữ thăng bằng, khom người xuống bởi vì độ cao làm họ sợ. Nhưng cúi co ro hoặc bước xiên nghiêng như vậy là không tự nhiên. Mọi người chỉ làm cho bản thân dễ tổn

thương mà thôi. Nếu mọi người có thể kiểm soát nỗi hoảng sợ thì cơn gió này chẳng là gì cả.”

“Trận gió này chẳng là gì đối với em,” ông nói.

Tôi muốn có tư duy của một học giả, nhưng dường như tiến sĩ Kerry nhìn thấy ở tôi tư duy của một thợ lợp nhà. Các sinh viên khác ở trong thư viện; tôi thì ở trong buồng lái cần cầu.

Tuần đầu tiên trôi qua trong cảm giác lơ mơ về những bài giảng. Trong tuần thứ hai, tất cả các sinh viên được chỉ định một người thầy hướng dẫn họ làm nghiên cứu. Tôi được biết thầy hướng dẫn của mình là vị giáo sư lỗi lạc Jonathan Steinberg, nguyên phó Hiệu trưởng một trường thuộc Đại học Cambridge, người nổi tiếng nhờ những bài viết về nạn tàn sát người Do Thái thời Hitler.

Tôi gặp giáo sư Steinberg lần đầu vài ngày sau đó. Tôi đợi ở phòng bảo vệ cho tới khi một người đàn ông gầy gò xuất hiện, lấy ra một bộ chìa khóa nặng trĩu và mở cánh cửa gỗ được gắn vào bức tường đá. Tôi đi theo ông lên một cầu thang xoáy tròn ốc và vào tháp đồng hồ, nơi có một căn phòng tràn ngập ánh sáng với những đồ nội thất đơn giản: hai chiếc ghế tựa và một chiếc bàn gỗ.

Tôi có thể nghe thấy máu dồn lên qua mạch đập dồn dập phía sau tai mình khi tôi ngồi xuống. Giáo sư Steinberg ngoài bảy mươi tuổi nhưng tôi sẽ không miêu tả ông là một ông già. Ông nhanh nhẹn, và đôi mắt ông bao quát căn phòng đầy tinh anh. Ông nói năng lưu loát và có chừng mực.

“Tôi là giáo sư Steinberg,” ông nói. “Em muốn đọc gì?”

Tôi nói lí nhí gì đó về việc chép sử. Tôi đã quyết định nghiên cứu không phải lịch sử mà là các nhà sử học. Tôi cho rằng mối quan tâm của tôi bắt nguồn từ việc tôi cảm thấy sự vô căn cứ khi tôi học về cuộc tàn sát người Do Thái thời Hitler và phong trào dân quyền – từ khi tôi hiểu ra rằng những gì con người ta biết về quá khứ bị giới hạn, và sẽ luôn bị giới hạn, trong phạm vi những gì mà ta được những người khác kể cho biết. Tôi đã hiểu quan niệm sai lầm được sửa lại cho đúng nghĩa là gì – một quan niệm trọng đại nhường ấy mà đời nó là đời

dời thế giới. Giờ đây, tôi cần hiểu những người gác cổng vĩ đại của lịch sử đã chịu chấp nhận sự đốt nát và phiền diện của bản thân họ như thế nào. Tôi nghĩ nếu tôi có thể chấp nhận rằng những gì họ đã viết ra là không hoàn toàn đúng sự thật mà là kết quả một quá trình thiên lệch của những đàm luận và duyệt xét, thì có lẽ tôi có thể làm cho chính mình chấp nhận sự thật rằng lịch sử mà hầu hết mọi người đều tán thành không phải là lịch sử mà tôi đã được dạy. Bỏ tôi có thể đã sai, và các nhà sử học vĩ đại như Carlyle, Macaulay và Trevelyan có thể đã sai, nhưng từ tro tàn của cuộc bàn cãi giữa họ, tôi có thể xây dựng một thế giới để sống trong đó. Biết mặt đất hóa ra chẳng phải là mặt đất, tôi hy vọng mình có thể đứng trên đó.

Tôi không tin mình có thể diễn đạt điều này. Khi tôi nói xong, giáo sư Steinberg nhìn tôi một lát, rồi nói, “Hãy kể cho tôi nghe về quá trình giáo dục của em. Em đã học phổ thông ở đâu?”

Ngay lập tức căn phòng như bị rút hết không khí.

“Em lớn lên ở Idaho,” tôi nói.

“Và em học phổ thông ở đó?”

Nhớ lại cuộc gặp gỡ ấy tôi chợt nảy ra ý nghĩ có thể ai đó đã kể với giáo sư Steinberg về tôi, có lẽ tiến sĩ Kerry đã kể. Hoặc có lẽ ông nhận thấy rằng tôi đang lảng tránh câu hỏi của ông, và điều đó khiến ông tò mò. Dù vì lý do gì chẳng nữa, ông cũng không hài lòng cho tới khi tôi thú nhận rằng tôi chưa từng học phổ thông.

“Thật tuyệt,” ông mỉm cười và nói. “Cứ như tôi lạc vào vở *Pygmalion* của Shaw.”

Tôi gặp giáo sư Steinberg hằng tuần trong hai tháng. Tôi chưa bao giờ được giao cho đọc bất cứ thứ gì. Tôi chỉ đọc những gì tôi xin được đọc, dù là một cuốn sách hoặc một trang tài liệu.

Không vị giáo sư nào của tôi ở BYU từng xem xét các bài viết của tôi như cách giáo sư Steinberg đã làm. Không dấu phẩy, dấu chấm, không tính từ hay

trạng từ nào là không đáng quan tâm đối với ông. Ông không phân biệt giữa ngữ pháp và nội dung, giữa hình thức và bản chất. Một câu viết dở là một ý tưởng được hình thành dở ẹc, và theo quan điểm của ông logic ngữ pháp cần được chỉnh sửa nhiều. “Hãy nói cho tôi biết,” ông thường nói, “tại sao em lại đặt dấu phẩy ở đây? Em hy vọng thiết lập mối quan hệ gì giữa những cụm từ này?” Thỉnh thoảng khi tôi đưa ra lời giải thích ông nói, “Hoàn toàn chính xác,” và những lần khác ông sửa cho tôi bằng cách giảng giải rõ dài về cú pháp.

Sau khi gặp giáo sư Steinberg trong một tháng trời, tôi viết một bài luận so sánh Edmund Burke với Publius, bút danh được James Madison, Alexander Hamilton và John Jay sử dụng để viết *Tập tiểu luận Liên bang*. Trong hai tuần tôi hầu như không ngủ: bất cứ lúc nào mắt tôi mở, tôi đều đọc hoặc nghĩ về tập tiểu luận đó.

Nhờ bố mình, tôi biết rằng những cuốn sách ra đời nếu không được yêu thích thì là để bị đày ải. Những cuốn sách của Chúa – những cuốn sách được các nhà tiên tri Mặc Môn hoặc những nhà lập quốc viết – là để nâng niu hơn là để mổ xẻ, bởi nó vốn đã hoàn hảo. Tôi đã được dạy cách đọc ngôn từ của những con người như Madison, đó tựa như chiếc khuôn mà tôi phải đồ thứ vữa của trí óc mình vào đó, để được tạo hình lại theo những đường nét của hình mẫu hoàn hảo. Tôi đọc họ để biết phải nghĩ gì, chứ không phải nghĩ như thế nào cho bản thân tôi.

Những cuốn sách không thuộc về Chúa thì phải bị lánh xa; những cuốn sách đó là hiểm họa, chứa đựng sự xảo trá đầy sức mạnh và mời gọi.

Để viết bài luận tôi phải đọc sách theo cách khác, không để bản thân bị chi phối bởi nỗi sợ hãi hay niềm yêu thích. Vì Burke bảo vệ chế độ quân chủ Anh, bố tôi nói ông là tay sai của chính thể bạo chúa. Bố sẽ không muốn có cuốn sách như vậy trong nhà bố. Tôi cảm thấy rất hồi hộp khi tin tưởng vào bản thân và đọc cuốn sách này. Tôi có cảm giác hồi hộp y như vậy khi đọc Madison, Hamilton và Jay, đặc biệt vào những dịp tôi bác bỏ lập luận của họ vì ủng hộ ý kiến của Burker, hoặc khi dường như đối với tôi ý kiến của họ không thực sự khác biệt ở nội dung, mà chỉ ở hình thức. Có những giả thiết tuyệt vời trong phương pháp

đọc này: rằng những cuốn sách không phải là trò bịp bợm, và rằng tôi không phải là kẻ nhu nhược.

Tôi hoàn thành bài luận và gửi nó cho giáo sư Steinberg. Hai ngày sau, khi tôi đến gặp ông theo lịch, ông bình thản như không. Ông chăm chú nhìn tôi từ phía bên kia bàn. Tôi đợi ông nói rằng bài luận của tôi là một thảm họa, một sản phẩm của bộ óc dốt nát, rằng tôi đã chắt lượng sức mình, đã tham rút ra quá nhiều kết luận từ những tài liệu quá ít ỏi.

“Tôi đã dạy ở Cambridge ba mươi năm,” ông nói. “Và đây là một trong những bài luận xuất sắc nhất mà tôi từng đọc.”

Tôi đã chuẩn bị tinh thần cho những lời bài bác chứ không phải cho lời khen ngợi này.

Giáo sư Steinberg chắc hẳn đã nói nhiều hơn về bài luận, nhưng tôi không nghe thấy gì cả. Đầu óc tôi tập trung toàn bộ cho nhu cầu khẩn thiết muốn thoát khỏi căn phòng đó. Vào khoảnh khắc ấy tôi không còn ở trong tháp đồng hồ của trường Cambridge nữa. Tôi mười bảy tuổi, trong một chiếc xe jeep màu đỏ, và chàng trai tôi yêu vừa mới chạm vào tay tôi. Tôi chạy trốn.

Tôi có thể chịu đựng bất cứ kiểu tàn nhẫn nào hơn là chịu đựng lòng tốt. Lời ngợi khen là độc dược đối với tôi; tôi không nuốt nổi nó. Tôi muốn giáo sư trách mắng tôi, tha thiết muốn đến nỗi tôi cảm thấy choáng váng vì bị tước đoạt điều đó. Cần có ai đó vạch trần sự xấu xa của tôi. Nếu nó không được biểu đạt trong giọng nói của ông thì tôi cần biểu đạt nó trong giọng nói của chính mình.

Tôi không nhớ mình đã rời khỏi tháp đồng hồ, hoặc đã vượt qua được buổi chiều hôm đó như thế nào. Tối hôm đó có một bữa tối trang trọng. Phòng ăn tắp trong ánh nến, đẹp lung linh, nhưng nó khiến tôi hớn hờ vì lý do khác: tôi không ăn vận trang trọng, chỉ mặc một chiếc sơ mi đen và quần tây màu đen, và tôi ngồi trong ánh sáng mờ mịt mọi người sẽ không chú ý. Laura, bạn của tôi, đến muộn. Cô giải thích rằng bố mẹ cô đến thăm và đưa cô sang Pháp. Cô chỉ vừa mới trở lại trường. Cô mặc một chiếc váy màu tím rím xếp ly cứng ở phần chân váy. Diềm váy bông bành phía trên đầu gối cô vài phân, và trong phút chốc tôi nghĩ

chiếc váy đó trông đậm đăng thế nào ấy, cho tới khi cô nói bố cô đã mua nó cho cô ở Paris. Món quà từ bố của một người thì không thể đậm đăng được. Món quà bố mua cho con, đối với tôi, dường như là dấu hiệu rõ ràng rằng người con ấy không phải là dĩ điểm. Tôi đấu tranh với mâu thuẫn này – một bộ váy đậm đăng, được tặng cho đứa con gái yêu – cho tới khi bữa ăn kết thúc và những chiếc đĩa được dọn đi.

Trong buổi hướng dẫn tiếp theo, giáo sư Steinberg nói rằng khi tôi nộp đơn đăng ký học sau đại học, ông chắc chắn tôi sẽ được nhận dù tôi chọn trường nào. “Em đã đến thăm Harvard chưa?” Ông hỏi. “Hay em thích Cambridge hơn?”

Tôi mừng rỡ tưởng ra mình ở Cambridge, một sinh viên tốt nghiệp đại học mặc chiếc áo choàng đen dài lưng thụng kêu sột soạt khi tôi sải bước qua những hành lang cổ kính. Sau đó tôi mừng rỡ tưởng mình gặp người trong phòng vệ sinh, một cánh tay để sau lưng, đầu ở trong bồn cầu. Tôi cố tập trung vào hình ảnh sinh viên nhưng không thể. Tôi không thể hình dung ra cô gái trong chiếc áo choàng đen xoay tròn mà không nhìn thấy đứa con gái kia. Học giả hay con dĩ, cả hai không thể đều là thực. Một trong hai người đó là giả.

“Em không thể học cao học,” tôi nói. “Em không trả nổi học phí ạ.”

“Cứ để chuyện học phí tôi lo,” giáo sư Steinberg nói.

Vào cuối tháng Tám, trong đêm cuối cùng của chúng tôi ở Cambridge, có một bữa tối chia tay ở hội trường. Những chiếc bàn được bày biện nhiều dao nĩa và ly cốc mà tôi chưa từng thấy; những bức tranh trên tường dường như trông đầy vẻ ma mị trong ánh nến. Tôi cảm thấy bị vẽ tào nhả ở đó bóc trần, nhưng đồng thời cũng được nó làm cho trở nên vô hình. Tôi nhìn không chớp mắt những sinh viên khác khi họ đi qua, dán mắt vào từng chiếc váy lụa, từng con mắt được kẻ mi đậm. Tôi bị vẻ đẹp của chúng ám ảnh.

Trong bữa tối, tôi lắng nghe những cuộc tán gẫu vui vẻ của bạn bè trong khi khát khao được cô lập trong phòng riêng của mình. Giáo sư Steinberg ngồi tại

chiếc bàn cao. Mỗi lần tôi liếc nhìn ông, tôi cảm thấy một bản năng cũ trỗi dậy trong tôi, làm cơ bắp của tôi căng lên, chuẩn bị cho tôi trốn chạy.

Tôi rời khỏi phòng lúc món tráng miệng được mang tới. Thật nhẹ cả người khi trốn khỏi khung cảnh tao nhã và đẹp đẽ đó – để được phép vô duyên và không còn là cái tương phản. Tiến sĩ Kerry nhìn thấy tôi rời khỏi phòng bèn đi theo tôi.

Trời tối. Bãi cỏ đen sẫm, bầu trời còn đen hơn. Những cột ánh sáng trắng lóa vươn cao từ mặt đất khiến nhà thờ tắm trong ánh sáng lung linh như ánh trăng trên nền trời đêm.

“Em đã gây ấn tượng với giáo sư Steinberg đấy,” tiến sĩ Kerry nói trong khi bước đi song song với tôi. “Tôi chỉ hy vọng ông ấy gây ấn tượng với em.”

Tôi không hiểu.

“Đi lối này,” ông nói, rẽ về phía nhà thờ. “Tôi có điều muốn nói với em.”

Tôi bước đi sau ông, nhận thấy mình bước đi thật lặng lẽ, ý thức được rằng đôi giày vải của hãng Keds gõ xuống lối đi lát đá không được tao nhã như giày cao gót của các cô gái khác.

Tiến sĩ Kerry nói rằng ông đã quan sát tôi. “Em hành động như người đóng vai kẻ khác. Cứ như em nghĩ cuộc sống của em phụ thuộc vào điều đó.”

Tôi không biết phải nói gì, vậy nên tôi im lặng.

“Em không bao giờ chột nghĩ rằng,” ông nói, “có lẽ em cũng có quyền ở đây như bất cứ ai khác.”

Ông đợi lời giải thích.

“Em thích phục vụ bữa tối,” tôi nói, “hơn là ăn ạ.”

Tiến sĩ Kerry mỉm cười. “Em nên tin giáo sư Steinberg. Ông ấy nói em là một học giả – ‘là vàng ròng’ – tôi đã nghe thấy ông ấy nói, em là vàng ròng đấy.”

“Nơi đây thật kỳ diệu,” tôi nói. “Ở đây mọi thứ đều tỏa sáng.”

“Em đừng cho phép bản thân mình nghĩ như vậy,” tiến sĩ Kerry nói, giọng ông lên cao. “Em không phải là vàng của kẻ ngốc, chỉ lấp lánh dưới một thứ ánh sáng tầm thường đâu. Dù em trở thành ai, dù em biến bản thân thành điều gì, thì

em cũng luôn là vậy. Nó luôn ở trong em. Không phải ở Cambridge. Mà là ở trong em. Em là vàng. Và việc trở lại BYU, hoặc thậm chí trở về dãy núi nơi em sinh ra, cũng sẽ không thay đổi con người thực sự của em. Việc đó có thể làm thay đổi cách nhìn của người khác về em, việc đó thậm chí có thể thay đổi cách em nhìn nhận bản thân – thậm chí vàng có vẻ mờ xỉn trong thứ ánh sáng nào đó – nhưng đó là người ta tưởng vậy thôi. Vàng vẫn cứ là vàng.”

Tôi muốn tin ông, muốn giữ lấy những lời ông nói để làm mới bản thân, nhưng tôi chưa bao giờ có thứ niềm tin đó. Dù tôi chôn vùi những ký ức sâu bao nhiêu, dù tôi nhắm mắt chặt đến mức nào để ngăn chặn chúng, khi tôi nghĩ về bản thân, những hình ảnh về *đứa con gái ấy* cứ hiện lên trong đầu tôi, những hình ảnh về đứa con gái trong phòng vệ sinh, trong bãi đỗ xe.

Tôi không thể kể với tiến sĩ Kerry về đứa con gái đó. Tôi không thể nói cho ông biết lý do tôi không thể trở lại Cambridge – là vì ở đây mỗi giây phút hứng chịu bạo lực và bị mất giá trị của đời tôi trở nên nổi bật quá. Ở BYU tôi gần như có thể quên, cho phép những gì thuộc về thời gian trước kia hòa trộn vào những gì ở đó. Nhưng ngược lại, ở đây quá tuyệt, thế giới trước mắt tôi tuyệt diệu quá. Những ký ức ấy càng trở nên thật hơn, đáng tin hơn cả những tháp nhọn bằng đá.

Đối với bản thân, tôi giả vờ rằng có những lý do khác mà tôi không thể ở Cambridge được, những lý do liên quan đến đẳng cấp và thân phận: rằng vì tôi nghèo, tôi lớn lên trong cảnh nghèo. Bởi vì tôi có thể đứng trong gió trên nóc nhà thờ mà không nghiêng ngả. Tôi là người không thuộc về Cambridge: một đứa lợp nhà, không phải là con đĩ. *Mình có thể đến trường*, tôi đã viết trong nhật ký vào buổi trưa hôm đó. *Và mình có thể mua những bộ đồ mới. Nhưng mình vẫn là Tara Westover. Mình đã làm những công việc mà không sinh viên Cambridge nào làm. Cứ cho chúng ta ăn vận theo bất cứ cách nào mà bạn thích, nhưng chúng ta vẫn đâu có giống nhau.* Quần áo không thể khắc phục được những gì sai hỏng trong tôi. Có gì đó đã thối rữa ở bên trong tôi, và mùi hôi thối quá nặng, cái lỗi cũng đã thối hoặc không thể lấy quần áo mà che đậy được.

Tôi không biết tiến sĩ Kerry có nghi ngờ chút nào về phần đó ở tôi hay không. Nhưng ông hiểu rằng tôi đã coi quần áo là biểu tượng cho thấy tại sao tôi đã không và không thể thuộc về nơi này. Đó là điều cuối cùng ông nói với tôi trước khi ông bước đi, bỏ lại tôi đứng chôn chân trong kinh ngạc bên thánh đường đồ sộ ấy.

“Yếu tố quan trọng nhất quyết định em là ai ở bên trong con người em,” ông lên tiếng, Giáo sư Steinberg nói, nơi đây chính là vở *Pygmalion* đấy. Hãy nghĩ về câu chuyện đó, Tara ạ.” Ông ngừng một lát, ánh mắt sôi sục, giọng nói nhúc nhối. “Nàng chỉ là một cô gái quê mùa khoác lên mình bộ cánh đẹp. Cho tới khi nàng tin vào bản thân. Khi đó, nàng ăn vận như thế nào không còn quan trọng.”[Ⓢ]

Chương 29

Tốt Nghiệp

CHƯƠNG TRÌNH HỌC KẾT THÚC VÀ TÔI TRỞ VỀ BYU. Khu đại học trông như nó vốn thế, và luôn thật dễ để quên trường Cambridge và trở lại với cuộc sống mà tôi đã sống ở đó. Nhưng giáo sư Steinberg đã bảo đảm rằng tôi sẽ không quên. Ông gửi cho tôi mẫu đơn xin một thứ được gọi là Học bổng Gates Cambridge, mà ông giải thích là khá giống học bổng Rhodes, nhưng tại trường Cambridge thay vì Oxford. Học bổng đó cung cấp toàn bộ tài chính cho tôi học tại Cambridge, gồm tiền học phí, tiền ăn ở. Theo những gì tôi biết nó nằm ngoài tầm với của những người như tôi, nhưng ông cứ khẳng định rằng không phải vậy, thế nên tôi nộp đơn.

Không lâu sau, tôi nhận thấy điều sự khác biệt, một sự thay đổi nhỏ nữa. Một buổi tối tôi ngồi với Mark, người bạn đang nghiên cứu ngôn ngữ cổ. Giống như tôi và hầu hết mọi sinh viên ở BYU, Mark là người Mặc Môn.

“Cậu nghĩ người ta có nên nghiên cứu lịch sử hội thánh không?” Cậu hỏi.

“Có,” tôi nói.

“Ngộ nhờ cái đó khiến họ không vui thì sao?” Tôi nghĩ rằng tôi biết cậu muốn nói gì, nhưng tôi đợi cậu giải thích. “Nhiều phụ nữ đã đấu tranh với đức tin của họ sau khi họ biết về chế độ đa thê,” cậu nói. “Mẹ mình chẳng hạn. Mình không nghĩ mẹ hiểu nó.

“Thì mình cũng có hiểu nó đâu,” tôi nói.

Có một quãng im lặng căng thẳng. Cậu đợi tôi nói câu của mình: rằng tôi đang cầu nguyện cho đức tin. Tôi đã cầu nguyện như thế nhiều, nhiều lần rồi.

Có lẽ cả hai chúng tôi đều đang nghĩ về lịch sử của mình, hoặc có lẽ chỉ tôi nghĩ mà thôi. Tôi nghĩ về Joseph Smith, người có tới bốn mươi bà vợ. Brigham Young có năm mươi lăm người vợ và năm mươi sáu người con. Giáo hội đã xóa bỏ tục đa thê trong thế tục vào năm 1890, nhưng chưa bao giờ công khai xóa bỏ học thuyết này. Khi còn nhỏ tôi đã được dạy – được bố tôi dạy cũng như được

dạy ở lớp học giáo lý – rằng cuối cùng Chúa sẽ khôi phục tục đa thê, và ở kiếp sau tôi sẽ là vợ của một người chồng đa thê. Số chị em chung chồng với tôi sẽ phụ thuộc vào sự công bình của chồng tôi: chồng tôi càng sống cao thượng thì anh càng được ban cho nhiều vợ.

Tôi chưa bao giờ chấp nhận điều đó. Khi còn là một cô bé, tôi thường tưởng tượng mình ở trên thiên đường, mặc chiếc váy bông trắng muốt, đứng đối diện với chồng mình trong màn sương lung linh như ngọc trai. Nhưng khi quang cảnh mở rộng ra tôi thấy có mười người phụ nữ đứng sau chúng tôi, cũng mặc váy trắng y hệt. Trong trí tưởng tượng của mình tôi là vợ cả nhưng tôi biết chẳng có gì bảo đảm điều đó; tôi có thể bị giấu ở bất cứ đâu trong chuỗi dài thê thiếp ấy. Tôi nhớ từ lâu lắm rồi hình ảnh này đã nằm ở trung tâm ý niệm của tôi về thiên đường: chồng tôi và những người vợ của chồng tôi. Có nỗi chua chát trong phép toán này: nhờ sự sắp đặt linh thiêng của thiên đường, một người đàn ông có thể cân bằng phương trình cho vô số phụ nữ.

Tôi nhớ đến cụ tổ của tôi. Lần đầu tiên tôi nghe tên cụ khi tôi mười hai tuổi, cái tuổi mà theo thuyết Mặc Môn, bạn chuyển từ trẻ con sang một phụ nữ. Ở tuổi mười hai, chúng tôi bắt đầu học các bài học giáo lý xuất hiện những từ như trong trắng và trinh bạch.

Đó cũng là độ tuổi mà tôi được yêu cầu tìm hiểu về một trong những bậc tổ tiên của mình – như được giáo hội phân công vậy. Tôi hỏi mẹ tôi nên chọn cụ tổ nào, và không nghĩ ngợi mẹ nói, “Anna Mathea.” Tôi nói to cái tên đó. Nó lơ lửng trên lưỡi tôi như mở ra một câu chuyện cổ tích. Mẹ nói tôi nên tôn kính Anna Mathea bởi vì cụ đã tặng tôi một món quà: giọng của cụ.

“Chính giọng nói của cụ đã đưa gia đình ta đến với giáo hội,” mẹ nói. “Cụ nghe các nhà truyền giáo Mặc Môn giảng đạo trên các đường phố ở Na Uy. Cụ cầu nguyện, và Chúa đã ban cho cụ đức tin, cùng với sự hiểu biết rằng Joseph Smith là nhà tiên tri của Chúa. Cụ nói với cha cụ, nhưng cha cụ đã nghe những câu chuyện về những người Mặc Môn và không cho phép cụ được rửa tội. Vậy nên cụ hát cho cha nghe. Cụ hát một bài thánh ca Mặc Môn có tên là “Cha tôi.”

Khi cụ hát xong, mắt cha cụ róm lệ. Người cha nói rằng bất cứ tôn giáo nào có âm nhạc tuyệt vời như vậy chắc hẳn phải là công việc của Chúa. Cha con cụ rửa tội cùng nhau.”

Sau khi cụ Anna Mathea cải đạo cho cha mẹ mình, gia đình cảm thấy được Chúa kêu gọi đến Mỹ và gặp nhà tiên tri Joseph. Họ tiết kiệm tiền cho hành trình đó, nhưng sau hai năm họ chỉ có thể đưa được nửa gia đình đi. Anna Mathea bị bỏ lại.

Cuộc hành trình dài, đầy gian nan và khi họ đến được Idaho, tới một khu định cư của người Mặc Môn có tên là Worm Creek, mẹ của Anna bị ốm thập tử nhất sinh. Nguyên vọng cuối cùng của cụ là được gặp lại con gái, vậy nên người cha viết thư cho Anna, khẩn nài cụ dùng tất cả những đồng tiền mà cụ có để sang Mỹ. Anna khi ấy đang yêu và sắp kết hôn, nhưng cụ bỏ người yêu ở lại Na Uy và vượt biển. Mẹ của cụ qua đời trước khi cụ đặt chân lên đất Mỹ.

Gia đình lúc bấy giờ rất nghèo túng; không có tiền để Anna về với chồng chưa cưới, về với cuộc hôn nhân mà cụ đã gác lại. Anna là một gánh nặng tài chính đối với cha cụ vậy nên một vị giám mục thuyết phục cụ kết hôn với một chủ trang trại giàu có và làm vợ lẽ của người đó. Người vợ đầu không sinh nở được, và bà ta ghen lỏng ghen lộn khi Anna có mang. Anna lo người vợ cả sẽ làm hại con của mình, vậy nên cụ trở về sống với cha, và ở đó cụ sinh đôi, dù chỉ một trong hai đứa con của cụ sống sót qua mùa đông khắc nghiệt ở miền biên viễn.

Mark vẫn đang đợi. Sau đó cậu bỏ cuộc và lẩm bầm những lời mà đáng lẽ tôi sẽ nói, rằng cậu không hiểu một cách đầy đủ, nhưng cậu biết tục đa thê là một nguyên tắc của Chúa.

Tôi đồng ý. Tôi nói những lời ấy, sau đó tôi gồng mình chuẩn bị chống đỡ cơn sóng nhục nhã tràn tới – vì hình ảnh đó xâm chiếm những ý nghĩ của tôi, về tôi, một trong nhiều người vợ đứng sau một người đàn ông vô danh, cô độc – nhưng nó không tới. Tôi tìm kiếm trong tâm trí và khám phá ra một niềm tin mới: tôi sẽ không bao giờ làm vợ của một người chồng đa thê. Một giọng nói dứt

khoát tuyên bố điều này, không nhượng bộ; lời tuyên bố khiến tôi run rẩy. *Ngộ nhỡ Chúa bắt phải làm thế thì sao?* Tôi hỏi. *Mi sẽ không làm*, giọng nói đó trả lời. Và tôi biết đó là sự thật.

Tôi lại nghĩ đến cụ tổ Anna Mathea của mình, tự hỏi đó là thế giới kiểu gì mà ở đó cụ, theo một nhà tiên tri, có thể bỏ người yêu, vượt đại dương, bước vào một cuộc hôn nhân không tình yêu, làm vợ lẽ, rồi chôn đứa con đầu lòng, chỉ để rồi sau hai thế hệ, đứa cháu gái của cụ, cũng vượt qua chính đại dương ấy, trở thành một kẻ hoài nghi.

Tôi là hậu duệ của Anna Mathea: cụ đã cho tôi giọng của cụ. Phải chăng cụ đã không cho tôi đức tin?

Tôi lọt vào danh sách chung khảo cho học bổng Gates. Sẽ có một cuộc phỏng vấn vào tháng Hai ở Annapolis. Tôi không biết phải chuẩn bị cho cuộc phỏng vấn đó như thế nào. Robin lái xe đưa tôi tới Park City, nơi có một cửa hàng giảm giá của hãng Ann Taylor, và giúp tôi mua một bộ âu phục màu xanh hải quân để kết hợp với giày lười. Tôi chẳng có một chiếc túi xách tay nào vậy nên Robin cho tôi mượn chiếc túi của chị.

Hai tuần trước cuộc phỏng vấn, bố mẹ tôi đến BYU. Trước đó bố mẹ chưa bao giờ đến thăm tôi, nhưng họ đang trên đường đi Arizona nên dừng chân để ăn tối. Tôi đưa bố mẹ đến một tiệm ăn của người Ấn ở bên kia đường, đối diện với căn hộ của tôi.

Người bồi bàn nhìn khuôn mặt của bố tôi không chớp một lúc khá lâu, sau đó đôi mắt cô ta lờ ra khi nhìn xuống hai bàn tay của bố. Bố gọi nửa thực đơn. Tôi nói ba món chính là đủ, nhưng bố nháy mắt nói tiền không thành vấn đề. Dường như tin đồn về khả năng hồi phục kỳ diệu của bố đã lan đi, khiến bố mẹ tôi ngày càng có nhiều khách hàng. Các sản phẩm của mẹ được gần như mọi bà đỡ và các thầy lang ở Mountain West lấy về bán.

Chúng tôi đợi thức ăn, và bố hỏi về chuyện học hành của tôi. Tôi nói tôi đang học tiếng Pháp. “Đó là ngôn ngữ của lũ theo chủ nghĩa xã hội,” bố nói, rồi bố

giảng hai mươi phút về lịch sử của thế kỷ hai mươi. Bố nói các chủ nhà băng người Do Thái ở châu Âu đã ký những thỏa thuận bí mật châm ngòi Thế Chiến thứ hai, và rằng họ đã thông đồng với người Do Thái ở Mỹ để trả tiền cho cuộc chiến đó. Bố nói bọn họ đã sắp đặt “Diệt chủng”, bởi vì họ sẽ kiếm lợi từ tình hình bất ổn trên khắp thế giới. Vì tiền, họ điều người của họ tới những buồng hơi ngạt.

Những ý kiến này khá quen thuộc đối với tôi, nhưng tôi phải mất một lát để nhớ xem mình đã nghe chúng ở đâu rồi: trong một bài giảng của tiến sĩ Kerry về tập *Nghị định thư của các bô lão Zion*. Tập Nghị định thư được xuất bản năm 1903, được cho là ghi lại một cuộc gặp bí mật giữa những người Do Thái có quyền lực lập kế hoạch thống trị thế giới. Người ta nghi tài liệu đó bị làm giả nhưng nó vẫn lan truyền, kích động chủ nghĩa bài Do Thái trong nhiều thập kỷ trước Thế Chiến thứ hai. Adolf Hitler đã viết về tập Nghị định thư này trong cuốn *Cuộc tranh đấu của tôi*, tuyên bố rằng tài liệu đó là thật, rằng chúng tiết lộ bản chất thật của người Do Thái.

Bố nói to, âm lượng phù hợp với vùng núi non trùng điệp đầy nhưng lại như sấm nổ trong một nhà hàng nhỏ. Những người ngồi ở các bàn gần đó đều dừng trò chuyện và im lặng, lắng nghe cuộc trò chuyện của chúng tôi. Tôi tiếc là đã chọn một nhà hàng gần căn hộ của mình như thế.

Từ Thế Chiến thứ hai, bố chuyển sang nói về Liên hợp quốc, về Liên minh châu Âu, và sự hủy diệt sắp xảy ra đối với thế giới. Bố nói như đó là ba từ đồng nghĩa. Món cà ri được mang tới và tôi tập trung vào nó. Mẹ đã mệt với bài giảng của bố, và bảo bố hãy nói chuyện khác.

“Nhưng sắp đến ngày tận thế rồi!” bố nói. Thực ra không phải là nói, mà bố gào lên.

“Hắn thế,” mẹ nói. “Nhưng đừng bàn về nó suốt bữa tối của chúng ta có được không.”

Tôi đặt nĩa xuống, nhìn bố mẹ chăm chăm. Trong tất cả những câu nói tuôn ra suốt nửa giờ qua, không hiểu sao câu này là câu khiến tôi bị sốc. Sự thật đơn

thuần về họ chưa từng khiến tôi bị sốc. Tất cả những gì họ đã làm đối với tôi luôn hợp lý, trung thành với một logic mà tôi hiểu được. Có lẽ đó là tấm phong nền: núi Buck là của họ và nó nguy trang cho họ, để khi tôi thấy họ ở đó, với những di tích của tuổi thơ tôi vây quanh, họ dường như bị môi trường hấp thu. Chỉ ít nó cũng hấp thu cái ồn ào. Nhưng ở đây, rất gần trường đại học, họ dường như không có thực đến mức gần như thuộc về thần thoại.

Bố nhìn tôi, đợi tôi đưa ra ý kiến, nhưng tôi cảm thấy bị chính bản thân xa lánh. Tôi không biết mình phải là ai. Ở trên núi, tôi tự động lẫn vào giọng nói của con gái họ và người theo hầu của họ. Nhưng ở đây, dường như tôi không thể tìm thấy cái giọng nói mà, dưới bóng núi Buck, thường đến dễ dàng.

Chúng tôi cuộc bộ về căn hộ của tôi và tôi dẫn bố mẹ tới phòng mình. Mẹ đóng cửa, phát hiện ra một tấm áp-phích chân dung Martin Luther King Jr. mà bốn năm trước tôi đã dán lên khi tôi học về phong trào dân quyền.

“Đó là Martin Luther King phải không?” Bố hỏi. “Con không biết ông ta có quan hệ với cộng sản sao?” Bố căn mẩu mô như sáp mà trước kia từng là môi bố.

Bố mẹ mau chóng rời khỏi đó để lái xe xuyên đêm. Tôi nhìn họ đi, rồi lấy cuốn nhật ký ra. *Thật kinh ngạc là mình đã từng tin điều này mà không gợn chút nghi ngờ, tôi viết. Cả thế giới sai; chỉ bố đúng.*

Tôi đã nghĩ về điều mà Stefanie, vợ của Tyler, từng nói với tôi qua điện thoại vài ngày trước. Stefanie nói chị phải mất nhiều năm mới thuyết phục được Tyler cho phép chị đưa các con của anh chị đi tiêm chủng, bởi vì anh phần nào vẫn tin vaccine là một âm mưu của hệ thống y tế. Giờ đây nhớ lại điều đó, với giọng nói của bố vẫn ong ong trong đầu, tôi cười nhạo anh trai mình. *Anh ấy là một nhà khoa học cơ đấy!* Tôi viết. *Sao anh lại không thể vượt thoát chứng hoang tưởng của bố mẹ nhỉ!* Tôi đọc lại những gì mình đã viết, và khi tôi làm vậy thái độ khinh thường của tôi nhường chỗ cho nỗi mỉa mai. *Có nghĩa là, tôi viết. Hẳn mình có thể chế nhạo Tyler một cách thuyết phục nếu mình không nhớ, như mình vừa mới nhớ, rằng cho đến ngày hôm nay mình chưa từng được tiêm chủng.*

Cuộc phỏng vấn giành học bổng Gates của tôi diễn ra tại trường Đại học St. John ở Annapolis. Khuôn viên của nó khiến tôi choáng, với những bãi cỏ không chẻ vào đâu được và lối kiến trúc thời thuộc địa cầu kỳ. Tôi căng thẳng ngồi ở hành lang, đợi được gọi vào phỏng vấn. Tôi cảm thấy cứng người trong bộ đồ tây và tôi ngượng nghịu cầm chiếc túi xách tay của Robin. Nhưng cuối cùng giáo sư Steinberg đã viết một bức thư giới thiệu thuyết phục đến nỗi tôi chẳng còn gì nhiều để làm.

Ngày hôm sau tôi nhận được thư xác nhận: tôi đã giành được học bổng đó.

Những cuộc gọi bắt đầu – từ báo sinh viên của trường BYU và từ các báo địa phương. Tôi trả lời phỏng vấn năm, sáu cuộc. Tôi lên truyền hình. Tôi thức dậy lúc một giờ sáng thấy ảnh mình tràn ngập trên trang web của BYU. Tôi là sinh viên thứ ba của BYU từng giành học bổng Gates, và trường đại học đang tận dụng báo chí. Tôi được phỏng vấn xem tôi đã học trung học ra sao, và giáo viên nào đã giúp tôi đạt được thành tích như ngày nay. Tôi lẩn tránh, đánh trống lảng, nói dối khi tôi buộc phải thế. Tôi không nói cho bất cứ phóng viên nào biết mình chưa từng học phổ thông.

Tôi không biết tại sao mình lại không thể kể với họ. Tôi chỉ không thể chịu nổi ý nghĩ mọi người vỗ lưng tôi, nói với tôi rằng tôi thật ấn tượng. Tôi không muốn là Horatio Alger trong sự thần phục đắm nước mắt đối với giấc mơ Mỹ. Tôi muốn cuộc đời mình là có thể hiểu được, mà với tôi trong chuyện đó chẳng gì có thể hiểu nổi.

Một tháng trước khi tốt nghiệp đại học, tôi về thăm núi Buck. Bố đã đọc các bài báo về học bổng của tôi, và những gì bố nói là, “Con chẳng nhắc đến chuyện con học ở nhà gì cả. Bố nghĩ con nên tỏ ra biết ơn hơn vì mẹ con và bố đã không để con đi học ở những cái trường đó, và con thấy thành quả rồi đấy. Con nên kể với mọi người nguồn cơn của thành quả đó: học ở nhà.”

Tôi không nói gì. Bố hiểu đó là một lời xin lỗi.

Bố không ủng hộ việc tôi đến Cambridge. “Tổ tiên của chúng ta đã đánh liều mạng sống mà vượt đại dương, trốn khỏi đất nước của bọn theo chủ nghĩa xã hội. Còn con thì làm gì nào? Con lại đâm đầu trở lại đó ư?”

Một lần nữa, tôi im lặng.

“Bố mong chờ lễ tốt nghiệp của con,” bố nói. “Chúa truyền đến bố vài lời quở trách để dành cho lũ giáo sư đây.”

“Bố sẽ không làm thế, bố ạ” tôi điềm tĩnh nói.

“Nếu Chúa giao phó cho bố thì bố sẽ đứng lên và nói.”

“Bố sẽ không làm thế,” tôi nhắc lại.

“Bố sẽ không đến bất cứ đâu mà tinh thần của Chúa không được hoan nghênh.”

Chuyện là như vậy đó. Tôi hy vọng nó sẽ qua đi, nhưng bố bị tổn thương vì trong các cuộc phỏng vấn tôi không nhắc đến chuyện học ở nhà đến mức vết thương mới này mưng mủ.

Đêm trước lễ tốt nghiệp của tôi có một bữa tiệc mà tôi sẽ được trao phần thưởng “sinh viên xuất sắc nhất” của khoa Lịch sử. Tôi đợi bố mẹ ở cổng, nhưng bố mẹ không xuất hiện. Tôi gọi điện cho mẹ, nghĩ rằng bố mẹ đến muộn. Mẹ nói bố mẹ không đến. Tôi tới dự tiệc và được trao tặng tấm bằng đồng. Bàn của tôi là bàn duy nhất trong phòng tiệc có ghế trống. Tôi nói bố mẹ tôi bị hỏng xe.

Sau bữa tiệc trưa tôi gọi điện cho mẹ.

“Bố sẽ không đến trừ khi con xin lỗi,” mẹ nói. “Và mẹ cũng sẽ không đến.”

Tôi xin lỗi. “Bố có thể nói bất cứ điều gì bố muốn. Nhưng làm ơn hãy đến.”

Bố mẹ để lỡ mất phần lớn buổi lễ; tôi không biết họ có nhìn thấy tôi nhận bằng hay không. Những gì tôi nhớ được là tôi đứng đợi cùng bạn bè trước khi tiếng nhạc nổi lên, nhìn các ông bố chụp ảnh còn các bà mẹ thì sửa tóc cho con cái. Tôi nhớ bạn bè tôi đeo tràng hoa rực rỡ quanh cổ cùng những món đồ trang sức mới được tặng.

Sau buổi lễ tôi đứng một mình trên bãi cỏ, nhìn những sinh viên khác ríu rít bên gia đình. Cuối cùng tôi nhìn thấy bố mẹ. Mẹ ôm tôi. Laura, bạn tôi chụp hai

bức ảnh. Một bức tôi và mẹ gương cười; một bức tôi đứng giữa bố mẹ tôi, trông căng thẳng, cứng đờ.

Đêm hôm đó tôi rời khỏi Mountain West. Trước lễ tốt nghiệp tôi đã gói ghém đồ đạc rồi. Căn hộ của tôi trống không, những chiếc túi của tôi để ở bên cửa. Laura ngó ý lái xe đưa tôi ra sân bay, nhưng bố mẹ hỏi liệu họ có thể chở tôi tới đó không.

Tôi nghĩ bố mẹ sẽ thả tôi xuống lề đường, nhưng bố khẳng định rằng bố mẹ sẽ đi cùng tôi vào trong sân bay. Họ đợi tôi kiểm tra những túi hành lý, sau đó đi theo tôi đến cổng an ninh. Cứ như bố muốn chờ đến giây cuối cùng để tôi thay đổi quyết định. Chúng tôi bước đi trong im lặng. Khi tới cổng an ninh tôi ôm bố, ôm mẹ và nói lời tạm biệt. Tôi tháo giày, bỏ máy tính, máy ảnh lên bàn kiểm tra, sau đó đi qua cửa kiểm soát, nhặt hành lý, và bước về phía phòng chờ.

Chỉ đến lúc đó tôi mới liếc nhìn lại phía sau và thấy bố, vẫn đang đứng ở cổng kiểm soát, dõi theo tôi bước đi xa dần, hai tay bố xỏ túi quần, đôi vai bố chùng xuống, miệng bố cũng trễ xuống. Tôi vẫy chào và bố bước về phía trước, như để đi theo tôi, và tôi chợt nhớ đến khoảnh khắc của nhiều năm trước, khi những sợi dây điện giăng trên chiếc xe thùng có mẹ ngồi bên trong, và bố đứng bên ngoài, gần cạnh mẹ, trợ trợ.

Bố giữ nguyên tư thế đó khi tôi rẽ đi khuất. Hình ảnh bố sẽ luôn ở trong tôi: vẻ mặt bố, vẻ mặt ẩn chứa tình yêu thương, nỗi sợ hãi và mất mát. Tôi biết tại sao bố sợ. Bố đã để lộ điều đó trong đêm cuối cùng tôi ở núi Buck, chính cái đêm bố nói bố sẽ không đến dự lễ tốt nghiệp của tôi.

“Nếu con ở lại Mỹ,” bố thì thầm, “thì bố mẹ có thể đến đón con. Dù con ở đâu trên đất Mỹ. Bố có hàng nghìn gallon xăng chôn ở ngoài cánh đồng. Bố có thể đến đón con vào Ngày Tận Thế, và đưa con về nhà, để con được an toàn. Nhưng nếu con vượt đại dương thì...”

Phần 3

Chương 30

Bàn Tay Của Đấng Toàn Năng

MỘT CÁI CỔNG ĐÁ CHẴN NGANG LỐI VÀO TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRINITY. Một cánh cửa gỗ nhỏ gắn vào cổng. Tôi bước qua nó. Người bảo vệ mặc áo bành tô đen, đội mũ quả dưa đưa tôi đi thăm trường, dẫn tôi qua Great Court, khoảng sân rộng nhất trong các sân của trường đại học. Chúng tôi cuộc bộ qua một lối đi lát đá và bước vào một hành lang ốp đá màu lúa mì chín có mái che.

“Đây là hành lang phía bắc,” người bảo vệ nói. “Ở chính nơi đây Newton đã giậm chân để đo âm thanh dội lại, lần đầu tiên ông tính được tốc độ âm thanh.”

Chúng tôi quay lại cổng lớn. Phòng tôi đối diện với nó, ở phía trên ba dãy bậc thang. Người bảo vệ đi rồi tôi đứng đó, giữa những chiếc vali và nhìn cái cổng đá như trong thần thoại và những bức tường lỗ châu mai kỳ dị của nó không chớp mắt qua ô cửa nhỏ. Cambridge vẫn thế, như tôi hằng nhớ: cổ kính và đẹp đẽ. Chỉ tôi đã khác. Tôi không còn là người tham quan, không còn là khách nữa. Tôi là thành viên của trường. Tên tôi được sơn trên cánh cửa. Trên giấy tờ, tôi thuộc về nơi này.

Tôi mặc đồ tối màu để đi nghe giảng buổi đầu tiên, hy vọng mình không nổi bật, nhưng dẫu thế tôi không nghĩ mình trông giống các sinh viên khác. Tôi chắc chắn rằng mình ăn nói nghe không giống họ, và đó chẳng phải chỉ bởi vì tôi không phải là người Anh. Họ có ngữ điệu du dương khiến tôi nghĩ họ hát hơn là nói. Đối với đôi tai của tôi họ nói năng nghe tinh tế và lịch thiệp; ; tôi có thói quen lẩm bẩm, và khi căng thẳng tôi nói lắp.

Tôi chọn chỗ ngồi quanh một chiếc bàn hình vuông lớn và lắng nghe hai sinh viên ngồi gần tôi nhất trao đổi với nhau chủ đề bài giảng – hai khái niệm về tự do của Isaiah Berlin. Người sinh viên ngồi cạnh tôi nói anh đã nghiên cứu Isaiah Berlin tại Oxford; còn người kia nói anh đã nghe giảng viên này nhận định về Berlin khi anh là sinh viên năm cuối tại Cambridge. Tôi chưa bao giờ nghe nói đến Isaiah Berlin.

Giảng viên bắt đầu phân trình chiếu. Ông nói điềm tĩnh nhưng chuyển học liệu rất nhanh, như thể ông cho rằng chúng tôi đã quen với nó. Điều này được những sinh viên khác xác nhận, hầu hết họ không ghi chép gì cả. Tôi viết vội từng chữ.

“Vậy hai khái niệm của Isaiah Berlin là gì?” Giảng viên của chúng tôi hỏi. Gần như tất cả mọi người đều giơ tay. Giảng viên gọi người sinh viên đã từng học ở Oxford. “Tự do tiêu cực,” anh nói, “là tự do khỏi những trở ngại hoặc ràng buộc từ bên ngoài. Một cá nhân là tự do theo nghĩa này nếu về mặt thể chất anh ta không bị ngăn cản thực hiện các hành động.” Trong chốc lát tôi nhớ đến Richard, người dường như luôn có thể đọc thuộc lòng chính xác bất cứ điều gì anh đã từng đọc.

“Rất tốt,” giảng viên nói. “Vậy còn khái niệm thứ hai?”

“Tự do tích cực,” một sinh viên khác nói, “là tự do khỏi những ràng buộc từ bên trong.”

Tôi viết định nghĩa này vào vở ghi, nhưng tôi không hiểu.

Giảng viên của chúng tôi cố làm rõ khái niệm đó. Ông nói tự do tích cực là tự chủ – phép tắc của bản thân, do bản thân. Ông giải thích, có tự do tích cực nghĩa là kiểm soát suy nghĩ của bản thân; được giải phóng khỏi những nỗi sợ hãi phi lý và những tín điều, khỏi say cuồng, mê tín và tất cả mọi hình thức áp chế bản thân khác.

Tôi không hiểu áp chế bản thân nghĩa là gì. Tôi nhìn quanh phòng. Dường như chẳng ai mù tịt như tôi. Tôi là một trong số ít sinh viên cầm cúi ghi chép. Tôi muốn đề nghị giảng viên giải thích thêm, nhưng một điều gì đó đã ngăn tôi lại – vì làm như vậy có nghĩa là nói lớn cho cả phòng biết tôi không thuộc về nơi này.

Sau bài giảng, tôi trở về phòng, đứng nhìn đăm đăm ra cái cổng đá với những lỗ châu mai. Tôi nghĩ về tự do tích cực, rồi tự hỏi áp chế bản thân có thể có nghĩa là gì, cho tới khi đầu tôi giật giật vì cảm giác đau âm ỉ.

Tôi gọi điện về nhà. Mẹ trả lời. Giọng mẹ lạnh lạnh đầy phản kích khi mẹ nhận ra hai tiếng “Chào mẹ.” ghen ngạo. Tôi nói với mẹ rằng đáng lẽ tôi không

nên đến Cambridge, rằng tôi chẳng hiểu gì cả. Mẹ nói mẹ đã thử trên cơ bắp và phát hiện ra một trong những luân xa của tôi không cân bằng. Mẹ nói sẽ điều chỉnh nó. Tôi nhắc mẹ nhớ rằng tôi đang ở cách xa năm nghìn dặm.

“Điều đó không quan trọng,” mẹ nói. “Mẹ sẽ điều chỉnh luân xa trên người Audrey và chấp cánh cho nó đến với con.”

“Mẹ sẽ làm gì đến với con cơ?”

“*Chấp cánh* cho nó,” mẹ nói. “Khoảng cách chẳng là gì đối với năng lượng sống. Mẹ có thể truyền năng lượng điều chỉnh tới con từ đây.”

“Năng lượng đi với vận tốc nhanh thế cơ ả?” Tôi hỏi, “Bằng vận tốc âm thanh, hoặc nhanh hơn cả máy bay phản lực cơ ả? Nó bay thẳng, hay nó dừng ở Minneapolis vậy mẹ?”

Mẹ cười và gác máy.

Hầu hết các buổi sáng tôi học trong thư viện của trường, ngồi gần một ô cửa sổ nhỏ. Một buổi sáng tôi đang ở đó thì Drew, một người bạn từ BYU, gửi cho tôi một bài hát qua email. Anh nói đó là một tác phẩm âm nhạc cổ điển nhưng tôi chưa từng biết đến nó cũng như ca sĩ. Tôi nghe bài hát đó qua tai nghe. Nó lôi cuốn tôi ngay lập tức. Tôi nghe đi nghe lại trong khi nhìn đắm đắm ra hành lang phía bắc.

Hãy giải phóng bản thân khỏi đời nô lệ tinh thần.

Không ai ngoài chúng ta có thể giải phóng tinh thần của chính mình.

Tôi viết thâu những dòng này vào vở ghi, bên lề của bài luận mà tôi đang viết dở. Khi mà đáng lẽ tôi phải đang đọc sách thì tôi lại ngồi bần khoản về chúng. Qua Internet tôi đã biết về bệnh ung thư mà bác sỹ phát hiện ở bàn chân của Bob Marley. Tôi cũng biết Marley là một tín đồ theo đạo Rastafari[®] và rằng người Rasta tin vào “một cơ thể toàn vẹn”, và đó là lý do tại sao ông từ chối phẫu thuật cắt bỏ ngón chân. Bốn năm sau, ở tuổi ba mươi sáu, ông qua đời.

Hãy giải phóng bản thân khỏi đời nô lệ tinh thần. Marley đã viết dòng đó một năm trước khi ông chết, khi mà chứng bệnh ung thư hắc tố có thể phẫu thuật

được đang di căn vào phổi, gan, dạ dày và não của ông. Tôi hình dung ra một bác sĩ phẫu thuật tham lam với những chiếc răng dài và nhọn, những ngón tay xương xẩu hời thúc Marley chịu phẫu thuật cắt bỏ ngón chân. Tôi co rúm người trước hình ảnh tay bác sĩ đáng sợ và thứ thuốc tây bản thảo của ông ta, và chỉ khi đó tôi mới hiểu, bởi vì trước đó tôi không hiểu, rằng dù tôi đã từ bỏ thế giới của bố mình, tôi vẫn không bao giờ có đủ can đảm để sống trong thế giới này.

Tôi lật cuốn vở tới trang tôi ghi chép bài giảng về khái niệm tự do tích cực và tiêu cực. Tôi viết nguệch ngoạc dòng chữ, *Không ai ngoài chúng ta có thể giải phóng tinh thần của chính mình* lên một góc giấy trắng. Sau đó tôi cầm điện thoại lên và bấm số.

“Tôi cần tiêm vaccine,” tôi nói với người y tá.

Vào các buổi trưa tôi tham dự những hội thảo chuyên đề, và ở đó tôi để ý thấy hai phụ nữ, Katrina và Sophie, gần như luôn ngồi cùng nhau. Tôi chưa bao giờ nói chuyện với họ cho tới một buổi chiều trước Giáng sinh vài tuần, khi họ rủ tôi đi uống cà phê. Trước đó tôi chưa bao giờ “đi uống cà phê” – tôi chưa từng nếm vị cà phê, bởi vì đó là thứ mà giáo hội cấm – nhưng tôi đi theo họ sang bên kia đường, tới một quán cà phê. Người đứng quầy sốt ruột đến nỗi tôi chọn bừa. Cô ta mang cho tôi một cốc nhỏ xíu chứa khoảng một thìa canh chất lỏng màu bùn, và tôi nhìn tách cà phê trào bọt Katrina và Shophia bê ra bàn mà thèm. Họ tranh luận về các khái niệm trong bài giảng; tôi tranh luận với bản thân có nên uống tách cà phê của mình hay không.

Họ tự nhiên và thoải mái dùng những thuật ngữ phức tạp. Tôi từng nghe đến vài từ như “làn sóng thứ hai”, dù chẳng hiểu nổi; còn thì tôi không phát âm cho ra hồn những từ khác, như “nam tính bá quyền”, chứ nói gì đến hiểu. Tôi nhấp vài ngụm nhỏ thứ chất lỏng hăng hăng, lẩn nhẩn trước khi tôi hiểu rằng họ đang nói về thuyết nam nữ bình quyền. Tôi nhìn họ chăm chăm như họ ở đằng sau tấm kính. Tôi chưa bao giờ nghe bất cứ ai sử dụng từ “nam nữ bình quyền” với một ý

gì khác ngoài quả trách. Ở BYU, câu nói “Cậu nói nghe cứ như nhà nữ quyền ý nhi.” báo hiệu cuộc tranh luận kết thúc. Nó cũng báo hiệu rằng tôi đã thua.

Tôi rời quán cà phê và tới thư viện. Sau năm phút vào mạng Internet và vài lần chạy tới các chồng sách, tôi ngồi ở chỗ quen thuộc với một đồng sách được các tác giả mà giờ đây tôi đã hiểu là thuộc làn sóng thứ hai viết – Betty Friedan, Germaine Greer, Simone de Beauvoir. Mỗi cuốn tôi chỉ đọc vài trang rồi gấp sách lại. Tôi chưa bao giờ thấy từ “âm đạo” được in trong sách, chưa bao giờ nói từ đó thành tiếng.

Tôi lại vào Internet, rồi lại đi tới các giá sách, nơi tôi đổi những cuốn sách bàn về làn sóng thứ hai để lấy những cuốn sách bàn về làn sóng thứ nhất – Mary Wollstonecraft và John Stuart Mill. Tôi đọc xuyên trưa tới chiều tối, lần đầu tiên thu nạp được một vốn từ vựng mà tôi từng cảm thấy không thoải mái thốt lên từ tấm bé.

Từ lần đầu tiên tôi hiểu ra rằng anh Richard của tôi là con trai, còn tôi là con gái, tôi muốn đối tượng lai của anh lấy tương lai của tôi. Tương lai của tôi là làm mẹ; tương lai của anh là làm cha. Nghe thì giống nhau đấy nhưng thực ra không phải vậy. Làm người này là làm người quyết định. Chỉ huy. Ra lệnh cho cả gia đình. Làm người kia là để nằm trong số những người phục tùng mệnh lệnh.

Tôi biết nỗi khao khát của mình là quái đản. Nhận thức này, cũng giống nhiều lần tự nhận thức khác, đến với tôi bằng giọng của những người tôi biết, những người tôi yêu. Trong từng ấy năm giọng nói đó ở trong tôi, thì thầm, bắn khoả, lo lắng. Rằng tôi *không đúng*. Rằng những mơ ước của tôi là lầm lạc. Cái giọng đó có nhiều âm sắc, nhiều sắc thái. Đôi khi đó là giọng bố tôi; phần nhiều là giọng tôi.

Tôi mang những cuốn sách về phòng mình và đọc thâu đêm. Tôi thích những trang sách dữ dội của Mary Wollstonecraft, nhưng có một dòng do John Stuart Mill viết, mà khi đọc tôi thấy nó làm rung chuyển thế giới: “Đó là một chủ thể mà trong đó rốt cuộc ta chẳng thể biết được gì.” Chủ thể mà Mill nói đến là bản chất của phụ nữ. Mill khẳng định rằng phụ nữ bị tán tỉnh, phỉnh phờ, bị xô đẩy và

chèn ép vào một loạt tình trạng méo mó kiểu nữ tính trong nhiều thế kỷ đến mức giờ đây hoàn toàn không thể xác định được khả năng tự nhiên hay khát vọng của họ.

Máu dồn lên não tôi; tôi cảm thấy sự dâng trào dữ dội của adrenalin, của khả năng, của một giới hạn bị đẩy về phía trước. *Về bản chất của phụ nữ, rốt cuộc ta chẳng thể biết được gì.* Tôi chưa bao giờ tìm thấy niềm an ủi như thế trong tình trạng thiếu hiểu biết đến vô vọng và trống rỗng như vậy. Dường như nó nói rằng: bất kể bạn là gì, bạn cũng là phụ nữ.

Vào tháng Mười hai, sau khi nộp bài luận cuối cùng, tôi bắt tàu hỏa đi London rồi lên máy bay. Mẹ tôi, Audrey và Emily đón tôi tại sân bay ở Salt Lake City, và chúng tôi cùng trượt tuyết bằng xe hơi trên đường xuyên bang. Gần nửa đêm núi lở mờ hiện ra trong tầm nhìn. Tôi chỉ có thể nhận ra hình dáng đồ sộ của núi in lên bầu trời đen như mực.

Khi bước vào bếp tôi để ý thấy một khoảng trống trên tường dẫn tới phần mở rộng mà bố tôi đang xây dựng. Mẹ đi với tôi qua chỗ đó và bật đèn lên.

“Ngạc nhiên chưa?” mẹ nói. “Ngạc nhiên” là từ chính xác.

Đó là một phòng lớn cỡ bằng một cái nhà nguyen, với trần nhà kiểu mái vòm vươn cao tới năm mét trong không khí. Kích thước của căn phòng phi lý đến mức tôi phải mất một lúc mới để ý tới cách trang trí. Các bức tường bằng đá phiến không trát tương phản lộ lộ với lớp gỗ ván trên trần vòm. Những bộ sofa bằng da lộn màu đỏ thẫm yên vị một cách thân mật bên cạnh chiếc sofa nhồi hai chỗ thẫm màu mà bố đã lôi từ bãi phế liệu về từ nhiều năm trước. Những tấm thảm dày có họa tiết rối rắm phủ một nửa diện tích sàn, trong khi nửa kia là nền xi măng trần trụi. Có mấy chiếc đàn piano, mà trong đó chỉ có một chiếc trông có vẻ có thể chơi được, và một chiếc TV cỡ bằng bàn ăn. Căn phòng hợp với bố một cách hoàn hảo: nó đồ sộ khác thường và cực kỳ phi lý.

Bố luôn nói rằng bố muốn xây một căn phòng to bằng một con tàu tuần tra nhưng tôi chưa bao giờ nghĩ bố sẽ có đủ tiền. Tôi nhìn mẹ, mong mẹ giải thích

nhưng chính bố là người trả lời. Bố bảo việc sản xuất kinh doanh của bố mẹ thành công vang dội. Các loại tinh dầu trở nên nổi tiếng, và mẹ là nhà cung cấp tốt nhất trên thị trường. “Tinh dầu của bố mẹ tốt,” bố nói, “bố mẹ bắt đầu kiếm được cả lợi nhuận của những nhà sản xuất lớn. Tất cả mọi người đều biết về tinh dầu của nhà Westover ở Idaho.” Bố kể với tôi rằng một công ty đã hoảng sợ trước thành công của mẹ đến mức họ đề nghị trả mẹ ba triệu đô-la để mẹ khỏi làm tinh dầu nữa. Bố mẹ thậm chí không thèm quan tâm đến lời đề nghị đó. Chữa lành là sứ mệnh của bố mẹ. Bao nhiêu tiền cũng không cám dỗ nổi họ. Bố giải thích rằng bố mẹ đang dùng phần lớn lợi nhuận để dâng Chúa dưới dạng các đồ dự trữ như thức ăn, xăng dầu, và thậm chí một hầm tránh bom. Tôi cố nén để khỏi cười ngoác miệng. Theo như tôi biết, bố đang trở thành người điên có kinh tế rủng rinh nhất ở Mountain West.

Richard xuất hiện ở đầu cầu thang. Anh sắp lấy bằng cử nhân ngành hóa học tại Đại học Quốc gia Idaho. Anh về nhà nghỉ Giáng sinh, và anh đưa Kami, vợ anh cùng đứa con trai một tháng tuổi Donovan về cùng. Một năm trước, ngay trước đám cưới của họ, gặp Kami, tôi sửng sốt trước sự bình thường của chị. Giống như Stefanie, vợ của Tyler, Kami là dân ngoại: chị theo phái Mặc Môn, nhưng chị là người mà bố tôi gọi là “số đông chủ đạo”. Chị cảm ơn mẹ vì đã khuyên chị dùng thảo dược nhưng dường như quên bém niềng kỳ vọng rằng chị sẽ bỏ các bác sĩ. Donovan chào đời ở bệnh viện.

Tôi tự hỏi làm thế nào Richard có thể vượt qua những bất đồng không kiểm soát được giữa người vợ bình thường và người bố người mẹ bất thường của anh. Tối hôm đó tôi quan sát anh thật kỹ, và đối với tôi dường như anh đang cố gắng sống ở cả hai thế giới, để làm môn đồ trung thành với mọi tín điều. Khi bố tôi quy kết các bác sĩ là tay sai của quỷ Satan, Richard quay sang Kami trao một tiếng cười khe khẽ, như thể bố nói đùa ấy mà. Nhưng khi bố tôi nhướn mày, mặt của Richard chuyển sang vẻ trầm tư và nghiêm túc chấp nhận. Anh dường như ở trong trạng thái chuyển đổi liên tục, ở bên trong hoặc bên ngoài các chiều, không dám chắc mình là con trai của bố tôi hay là chồng của vợ anh.

Mẹ bị quá tải với các đơn đặt hàng vào dịp nghỉ lễ, vậy nên tôi dành những ngày của mình ở núi Buck y như khi tôi còn bé: ở trong bếp, làm thuốc vi lượng đồng căn. Tôi rót nước cất và thêm vài giọt từ công thức cơ bản, sau đó đưa cái lọ thủy tinh nhỏ xíu qua ngón cái và ngón trỏ đang chụm vòng, đếm đến năm mươi hoặc một trăm, sau đó chuyển sang lọ tiếp theo. Bố vào bếp uống nước. Bố mỉm cười khi nhìn thấy tôi.

“Ai biết bố mẹ cho con đến Cambridge để rồi lại có con ở trong căn bếp nơi con thuộc về nhỉ?” Bố nói.

Vào các buổi trưa, tôi và Shawn đóng yên cương cho ngựa và xoay xở để lên núi, những con ngựa nửa đi nửa nhảy qua những đồng tuyết chát cao đến bụng chúng. Núi đẹp và khô lạnh. Không khí có mùi da thú và mùi gỗ thông. Shawn nói về những con ngựa, về việc huấn luyện chúng, về những con ngựa non mà anh mong đợi ra đời vào mùa xuân, và tôi nhớ rằng anh luôn tốt đẹp nhất khi ở bên những con ngựa.

Tôi đã ở nhà khoảng một tuần khi núi bị kìm kẹp bởi cái lạnh khủng khiếp. Nhiệt độ giảm sâu, xuống tới 0 độ, sau đó vẫn tiếp tục giảm. Chúng tôi cho lũ ngựa ở trong chuồng, biết rằng nếu chúng đổ mồ hôi thì mồ hôi sẽ đóng băng trên lưng chúng. Máng ăn đóng băng cứng. Chúng tôi đập băng ra nhưng nó lại mau chóng đóng băng trở lại, vậy nên chúng tôi mang từng xô nước cho mỗi con ngựa.

Đêm đó mọi người đều ở trong nhà. Mẹ tôi pha tinh dầu trong bếp. Bố ở trong cái phòng được xây thêm mà tôi bắt đầu gọi đùa là Nhà nguyện. Bố nằm trên ghế sofa màu đỏ thẫm, với cuốn Kinh Thánh để trên bụng, trong khi Kami và Richard chơi vài bản thánh ca trên đàn dương cầm. Tôi ngồi với máy tính xách tay đặt trên chiếc ghế tôi yêu thích ở gần bố, và nghe nhạc. Tôi vừa mới bắt đầu nhắn tin cho Drew thì thứ gì đó đập vào cửa sau. Cánh cửa bật mở, và Emily lao vào phòng.

Đôi cánh tay gầy của chị ôm quanh người chị và chị vừa run rẩy vừa há mồm để thở. Chị không mặc áo khoác, không đi giày, chẳng mặc gì ngoài chiếc quần

bò cũ mà tôi để lại cùng chiếc áo phong sồn cũ. Mẹ diu chị vào ngồi trên sofa, choàng chiếc chăn gòn nhất lên người chị. Emily khóc nức nở, và trong vài phút ngay cả mẹ cũng không thể khiến chị nói rõ chuyện gì đã xảy ra. Mọi người ồn cả chứ? Peter đâu? Thằng bé yếu ớt, người chỉ bằng nửa những đứa cùng tuổi, và nó phải mang ống thở oxy bởi vì phổi nó không phát triển đầy đủ. Hai lá phổi nhỏ xíu của nó xẹp, và nó ngừng thở rồi chẳng?

Chuyện được kể ngắt quãng, giữa những tiếng nức nở lúc to lúc nhỏ và tiếng răng va vào nhau lập cập. Theo như tôi biết, khi tới cửa hàng tạp hóa Stokes để mua các thứ, Emily trở về với những túi bánh quy không thích hợp cho Peter. Shawn nổi điên. “Làm sao thằng bé phát triển được nếu cô không thể mua loại thức ăn thích hợp cho nó!” Anh gào lên, rồi túm lấy chị, ném chị ra khỏi xe, ném vào một đồng tuyết. Chị đập cửa xe, van xin anh cho chị lên xe, sau đó chị chạy lên đồi vào nhà. Tôi nhìn đăm đăm đôi chân trần của chị trong khi chị kể điều này. Chân chị đỏ ửng, trông như bị bỏng.

Bố mẹ tôi ngồi với Emily trên sofa, mỗi người ngồi một bên, vỗ vai chị, siết chặt tay chị. Richard đi đi lại lại phía sau họ. Anh dường như đang chán nản, lo âu, như thể anh muốn bùng nổ thành hành động và chỉ đang kiềm chế mà thôi.

Kami vẫn ngồi trước cây đàn dương cầm. Chị nhìn không chớp mắt mấy người đang túm tụm vào nhau trên ghế sofa, chẳng hiểu đầu cua tai nheo gì. Chị không thể hiểu Emily. Chị không thể hiểu tại sao Richard cứ đi đi lại lại, cũng chẳng hiểu tại sao anh dừng lại vài giây để liếc nhìn bố, đợi một lời nói hoặc một cử chỉ – bất cứ dấu hiệu nào cho thấy nên làm gì.

Tôi nhìn Kami và cảm thấy lồng ngực bị bóp nghẹt. Tôi giận chị vì đã chứng kiến cảnh này. Tôi hình dung mình ở vào vị trí của Emily, điều thật dễ làm – tôi không thể không đặt mình vào vị trí của chị – và trong chốc lát tôi thấy mình đang ở một bãi đỗ xe, cười tiếng cười the thé, cố thuyết phục thế giới rằng cổ tay mình không bị gãy. Tôi bước tới trước khi kịp có ý thức mình đang làm gì. Tôi nắm cánh tay anh trai mình, kéo anh đi cùng tới chỗ cây đàn. Emily vẫn đang khóc, và tôi dùng tiếng nức nở của chị để lấn át tiếng thì thầm của mình. Tôi nói

với Kami rằng những gì chúng tôi đang chứng kiến là chuyện riêng, và rằng ngày mai Emily sẽ cảm thấy ngượng. Tôi nói rằng, vì Emily, tất cả chúng tôi nên về phòng mình và để việc đó cho bố giải quyết.

Kami đứng dậy. Chị đã quyết định tin tôi. Richard lưỡng lự, trao cho bố một cái nhìn thật lâu, rồi bước theo chị ra khỏi phòng.

Tôi đi với họ dọc hành lang rồi quay lại. Tôi ngồi ở bàn bếp nhìn đồng hồ treo tường. Năm phút trôi qua, rồi mười phút. *Đến đây nào, Shawn, tôi lắm bầm. Đến đi.*

Tôi đã thuyết phục bản thân rằng nếu Shawn xuất hiện trong vài phút tới thì đó là bởi anh muốn chắc chắn Emily đã về được tới nhà – rằng chị không bị trượt ngã trên băng, không bị gãy chân, không bị chết còng trên cánh đồng. Nhưng anh không xuất hiện.

Hai mươi phút sau, khi Emily cuối cùng đã ngừng run, bố nhắc điện thoại lên. “Đến đón vợ mày đi!” Bố quát vào máy. Mẹ đang ôm đầu Emily để chị gục vào vai mẹ. Bố trở lại ghế sofa và vỗ vỗ cánh tay Emily. Khi tôi nhìn ba người túm tụm vào nhau, tôi có cảm giác rằng trước đây chuyện này đã từng xảy ra, và rằng vai của mỗi người đều được thể hiện lại thuần thục. Thậm chí của tôi.

Nhiều năm trước tôi đã hiểu những gì sẽ xảy ra đêm đó, và vai trò của tôi trong chuyện ấy là gì. Tôi đã mở miệng khi đáng lẽ tôi nên im lặng, và đã câm như hến khi mà đáng lẽ tôi phải lên tiếng. Những gì chúng tôi cần là một cuộc cách mạng, một thay đổi hoàn toàn các vai mông manh, cũ rích mà chúng tôi đã đóng từ khi tôi còn bé. Những gì chúng tôi cần – những gì Emily cần – là một phụ nữ được giải phóng khỏi nếp giả vờ, một phụ nữ có thể bộc lộ bản thân là một người đàn ông. Nói lên một quan điểm. Hành động trong thái độ khinh miệt sự phục tùng. Một người cha.

Hai cánh cửa kiểu Pháp mà bố tôi đã lắp kêu kèn kẹt khi mở ra. Shawn lúng túng trong đôi giày ông nặng trĩu và chiếc áo khoác dày. Peter lấp ló từ sau những vòng quần của tấm chăn len dày. Shawn đã che cho thằng bé khỏi lạnh, để đi tìm Emily. Chị ôm chặt lấy thằng bé. Bố đứng dậy. Bố ra hiệu cho Shawn ngồi

xuống cạnh Emily. Tôi đứng dậy đi về phòng mình, dừng lại một lát để nhìn bố tôi lần cuối đang lấy hơi thật sâu, chuẩn bị cho bài lên lớp thật dài của bố.

“Rất nghiêm khắc,” hai mươi phút sau mẹ quả quyết với tôi khi mẹ xuất hiện ở cửa phòng, bảo tôi cho Emily mượn một đôi giày và một chiếc áo khoác. Tôi lấy những thứ đó mang ra cho họ, và từ phòng bếp tôi nhìn chị đi khuất, rúc người dưới cánh tay anh trai tôi.

Chương 31

Bi Kịch Rồi Thì Trò Hề

TRƯỚC NGÀY QUAY LẠI NƯỚC ANH, tôi lái xe mười bảy dặm dọc dãy núi, sau đó rẽ vào một con đường đất hẹp và dừng trước một ngôi nhà màu xanh lơ. Tôi đỗ xe đằng sau một chiếc RV rộng gần bằng ngôi nhà. Tôi gõ cửa; chị gái tôi ra mở cửa.

Chị đứng ở cửa trong bộ đồ ngủ bằng nỉ, một đứa bé đang tuổi chập chững ở trên hông chị và hai đứa con gái nhỏ bám lấy chân chị. Con trai chị, khoảng sáu tuổi, đứng phía sau. Audrey bước sang một bên để lấy chỗ cho tôi bước vào, nhưng các động tác của chị thiếu tự nhiên, và chị tránh nhìn thẳng vào mắt tôi. Từ khi chị lấy chồng chị em tôi ít có thời gian ở bên nhau.

Tôi bước vào trong nhà, dừng khựng lại ở lối đi khi nhìn thấy một hồ rộng khoảng một mét trên lớp vải sơn lót sàn ăn sâu xuống gian hầm. Tôi bước qua cái hồ đó và vào trong căn bếp sực mùi các loại tinh dầu của mẹ tôi – tinh dầu bạch dương, khuynh diệp, tinh dầu nguyệt quế.

Cuộc trò chuyện rề rà, ngắc ngứ. Audrey chẳng hỏi tôi câu nào về nước Anh hay Cambridge. Chị không có hệ quy chiếu cho cuộc sống của tôi, vậy nên chúng tôi nói về cuộc sống của chị – hệ thống trường công thối nát vậy nên chị tự dạy các con, tại nhà. Giống như tôi, Audrey chưa bao giờ đi học ở trường công. Mười bảy tuổi, chị đã nỗ lực chớp nhoáng để thi lấy chứng chỉ GED. Chị thậm chí còn nhờ Missy, chị họ của chúng tôi, giúp đỡ; vậy là Missy đã từ thành phố Salt Lake đến dạy kèm cho chị. Missy dạy kèm cho Audrey suốt mùa hè, và khi mùa hè qua đi chị tuyên bố rằng trình độ của Audrey ở khoảng giữa lớp bốn và lớp năm, và rằng việc lấy chứng chỉ GED là không thể. Tôi cắn môi, nhìn con gái chị mang ra cho mình một bức vẽ, tự hỏi nó có thể hy vọng được giáo dục thế nào nhờ một người mẹ chẳng được học hành gì.

Chúng tôi làm bữa sáng cho bọn trẻ, sau đó chơi với chúng trong tuyết. Chúng tôi nướng bánh, xem phim trinh thám và kết những chiếc vòng đeo tay

bằng hạt. Cứ như tôi đã bước qua một tấm gương và đang sống một ngày trong cuộc đời mà tôi có lẽ đã sống, nếu tôi ở lại núi. Nhưng tôi đã không ở lại. Cuộc sống của tôi khác cuộc sống của chị, và tôi có cảm giác như không có nền tảng chung nào giữa chúng tôi. Nhiều giờ trôi qua; đã quá trưa; và chị vẫn cảm thấy xa cách với tôi, chị vẫn không chịu nhìn thẳng vào mắt tôi.

Tôi mang tới cho bọn trẻ một bộ đồ trà nhỏ bằng sứ, và khi chúng bắt đầu tranh nhau cái ấm trà, tôi thu cả bộ lại. Đứa con gái lớn nhất của chị nhắc tôi nhớ rằng nó lên năm tuổi rồi, và nó muốn nói rằng nó đủ lớn nên tôi không được tước đồ của con bé. “Nếu con cư xử như trẻ ranh,” tôi nói, “thì di sẽ đối xử với con như với một đứa trẻ ranh.”

Tôi không biết tại sao mình lại nói thế; tôi cho rằng Shawn ở trong đầu tôi. Vừa buột miệng nói ra những lời đó tôi đã ân hận, ghét bản thân mình vì đã nói thế. Tôi đưa bộ đồ trà cho chị gái mình, để chị có thể phân xử công bằng và thích hợp, nhưng khi nhìn thấy vẻ mặt chị tôi suýt đánh rơi bộ đồ trà. Miệng chị há hốc, tròn vo.

“Shawn đã từng nói câu đó,” chị nói, nhìn thẳng vào mắt tôi.

Giây phút đó ám ảnh tôi mãi. Ngày hôm sau, khi tôi lên máy bay ở thành phố Salt Lake tôi nhớ đến nó, và nó vẫn ở trong đầu tôi khi tôi hạ cánh xuống London. Chính sức ép của nó khiến tôi không thể lung lay. Không hiểu sao tôi chưa bao giờ chợt nghĩ rằng chị gái tôi có thể đã sống cuộc đời của tôi trước khi tôi sống.

Học kỳ đó, tôi đến trường đại học như chất dẻo tổng hợp đến với nhà điêu khắc. Tôi tin mình có thể được tái tạo, tâm trí tôi được đúc lại. Tôi ép bản thân làm bạn với các sinh viên khác, lúng túng giới thiệu mình hết lần này đến lần khác cho tới khi tôi có một vòng tròn nhỏ bạn bè. Sau đó, tôi xóa bỏ những rào chắn giữa tôi và họ. Tôi ném rượu vang đỏ lần đầu tiên và những người bạn mới của tôi cười ồ lên trước vẻ mặt nhăn như bị cấu của tôi. Tôi bỏ những chiếc áo sơ mi cổ cao và bắt đầu mặc những chiếc áo hợp mốt hơn – những chiếc áo bó sát

người, thường là áo khoét nách, với cổ áo thoáng rộng hơn. Trong những bức ảnh ở giai đoạn này tôi choáng váng trước vẻ tương xứng ấy: tôi trông giống như tất cả những người khác.

Tháng Tư tôi bắt đầu làm tốt. Tôi viết một bài luận về khái niệm quyền tự quyết của John Stuart Mill, và thầy hướng dẫn của tôi, tiến sĩ David Ruciman, nói rằng nếu luận văn của tôi cũng đạt được chất lượng như thế thì trường Cambridge sẽ nhận tôi vào chương trình đào tạo tiến sĩ. Tôi choáng váng: tôi, cái đứa len lén thò mặt tới nơi tuyệt vời này như một kẻ mạo danh, bây giờ lại có thể dàng hoàng bước vào qua cửa chính cơ đấy. Tôi bắt đầu làm luận văn, lại chọn Mill làm chủ đề.

Gần cuối học kỳ, một buổi trưa, khi tôi đang ăn trưa tại quán ăn tự phục vụ của thư viện, tôi nhận ra một nhóm sinh viên học chung chương trình với tôi. Họ ngồi cùng nhau tại một chiếc bàn nhỏ. Tôi hỏi liệu tôi có thể ngồi cùng họ không và một người Ý cao lớn tên là Nick gật đầu. Qua cuộc trò chuyện tôi được biết rằng Nick đã mời những người khác tới thăm anh ở Rome vào kỳ nghỉ xuân. “Bạn cũng có thể đến,” anh nói.

Chúng tôi nộp những bài luận cuối cùng cho kỳ học, sau đó lên máy bay. Trong buổi tối đầu tiên tôi ở Rome, chúng tôi leo lên một trong bảy quả đồi, nhìn ra thành phố. Những mái vòm của đế chế Đông La Mã lơ lửng phía trên thành phố như những quả khinh khí cầu đang bay lên. Lúc đó trời đã gần tối; các đường phố tắm trong ánh sáng màu hổ phách. Đó không phải là màu của một thành phố hiện đại, của thép, thủy tinh và xi măng. Đó là màu hoàng hôn. Nó trông thật hư ảo. Nick hỏi tôi nghĩ gì về thành phố quê hương anh, và đó là tất cả những gì tôi có thể nói: trông thật hư ảo.

Hôm sau, vào bữa sáng, những người khác nói về gia đình họ. Bố của một người là nhà ngoại giao; bố của một người khác là giảng viên ở trường Oxford. Họ hỏi về bố mẹ tôi. Tôi nói bố tôi sở hữu một bãi phế liệu.

Nick đưa chúng tôi tới trường âm nhạc nơi anh học chơi vĩ cầm. Nó nằm ở trung tâm thành Rome và được trang bị đồ nội thất phong phú với cầu thang đồ

sộ và những phòng cộng hưởng âm thanh. Tôi cố hình dung học nhạc ở một nơi như thế này sẽ như thế nào, cảm giác hằng ngày rảo bước trên sàn lát đá cẩm thạch mỗi buổi sáng, để kết hợp việc học tập với cái đẹp ra sao. Nhưng tôi chịu, không hình dung nổi. Tôi chỉ có thể mừng tượng ra ngôi trường tôi đang trải nghiệm, một dạng bảo tàng, một di tích từ cuộc sống của ai đó khác.

Chúng tôi khám phá Rome trong hai ngày, một thành phố vừa là một sinh thể vừa là một hóa thạch. Những tòa kiến trúc đã bạc màu vì cổ kính nằm đó như những khúc xương khô, với những dây cáp điện được gắn chìm và mạng lưới giao thông âm ỉ, những huyết mạch của cuộc sống hiện đại. Chúng tôi thăm đền Pantheon, quảng trường Roman Forum, nhà nguyện Sistine. Bản năng của tôi là tôn thờ, sùng kính. Đó là cảm xúc của tôi về toàn thành phố: tôi cảm thấy nó nên được đặt vào sau khung kính, để chiêm ngưỡng từ xa, không bao giờ bị chạm vào, không bao giờ bị sửa đổi. Những người bạn đồng hành của tôi đi thăm thành phố theo cách khác, ý thức được tầm quan trọng của nó nhưng không bị nó chinh phục. Họ không bị đài phun nước Trevi làm cho nín thính, không bị đấu trường Colosseum làm cho im lặng. Thay vì thế khi chúng tôi di chuyển từ di tích này đến di tích tiếp theo, họ bàn luận – về triết học – Hobbes và Descarts, Aquinas và Machiavelli. Có sự cộng sinh trong mối quan hệ của họ với những nơi cổ kính này: họ truyền sự sống cho kiến trúc cổ bằng cách biến nó thành nền tảng cho bài thuyết trình của họ, bằng cách không chịu sùng bái trước bề thờ của nó như thể nó là một thứ đã chết.

Vào đêm thứ ba có một cơn mưa giông. Tôi đứng trên ban công của Nick nhìn những tia chớp rạch kèm theo tiếng sấm nổ vang trời. Cứ như tôi đang ở núi Buck, cảm nhận sức mạnh đó ở trái đất và trên bầu trời.

Sáng hôm sau trời trong vắt không một gợn mây. Chúng tôi có một bữa ăn dã ngoại với rượu vang và bánh bột nhồi trong vườn Villa Borghese. Mặt trời ấm nóng, những chiếc bánh bột nhồi thơm ngon như thức ăn của thiên sứ. Tôi không nhớ có bao giờ mình cảm nhận sâu sắc hơn thế về hiện tại như khi đó hay không. Một người bạn nói điều gì đó về Hobbes và không nghĩ ngợi tôi đọc một dòng

của Mill. Đường như đưa tiếng nói này từ quá khứ tới một khoảnh khắc vốn đã thấm đẫm quá khứ là tự nhiên, dù tiếng nói đó trộn lẫn với tiếng của tôi. Mọi người im lặng một lát khi họ nhìn xem ai vừa nói, rồi một người hỏi câu đó trích từ đâu, và cuộc trò chuyện tiếp tục.

Trong thời gian còn lại của tuần đó, tôi trải nghiệm Rome giống như họ: như một địa danh lịch sử, nhưng cũng là một nơi của đời sống, của ẩm thực, giao thông, của xung đột và đe dọa. Thành phố không còn là một viện bảo tàng nữa; đối với tôi nó sống động như núi Buck. Quảng trường Piazza del Pololo. Nhà tắm Caracalla. Bảo tàng Castel Sant'Angelo. Những điểm đến này trở nên rất thật đối với trí óc tôi, như nàng công chúa da đỏ, như toa tàu hỏa màu đỏ, như cái máy Xén. Thế giới mà chúng đại diện, thế giới của triết học, khoa học, văn học – cả một nền văn minh – mang một đời sống khác biệt so với đời sống mà tôi đã biết. Tại phòng Trưng bày Nghệ thuật Cổ đại Quốc gia, tôi đứng trước tác phẩm *Judith chặt đầu Holoferner* của Caravaggio mà không một lần nghĩ tới những con gà.

Tôi không biết điều gì đã tạo ra thay đổi này, tại sao bỗng nhiên tôi có thể tiếp xúc với những nhà tư tưởng vĩ đại của quá khứ hơn là tôn sùng họ đến mức im bật. Nhưng có điều gì đó về thành phố này, với lớp nhựa đường đen và đá cẩm thạch trắng đậm màu lịch sử, sáng chói trong ánh đèn giao thông, đã cho tôi thấy tôi có thể thán phục quá khứ mà không bị nó làm cho câm lặng.

Tôi vẫn đang thở trong mùi ẩm mốc của những lớp đá cổ kính khi tôi đến Cambridge. Tôi chạy vội lên cầu thang, lo lắng kiểm tra hộp thư điện tử, biết rằng thế nào cũng sẽ có thư của Drew. Khi mở máy tính ra, tôi thấy quả là Drew có gửi thư cho tôi, nhưng cũng có thư của người khác nữa: chị của tôi.

Tôi mở thư nhắn của chị Audrey. Bức thư được viết thành một đoạn dài, hầu như không có chấm câu, đầy lỗi chính tả, và thoát đầu tôi quanh quẩn với những lỗi ngữ pháp kì cục mà nhờ đó bức thư trở nên cảm bật. Nhưng từ ngữ trong thư không hề cảm bật; chúng gào lên với tôi từ màn hình máy tính.

Audrey nói đáng lẽ chị nên ngăn chặn Shawn từ nhiều năm trước, trước khi anh có thể làm với tôi những gì mà anh đã làm với chị. Chị nói rằng khi chị còn nhỏ, chị muốn kể cho mẹ biết, muốn cầu cứu mẹ, nhưng chị nghĩ mẹ sẽ không tin chị. Chị nói đúng. Trước đám cưới của chị, chị đã trải nghiệm những cơn ác mộng, những cảnh hồi tưởng, và chị đã kể với mẹ. Mẹ nói rằng những ký ức đó là tưởng tượng, không thể có chuyện đó được. *Đáng lẽ chị nên giúp em, Audrey viết. Nhưng khi chính mẹ đẻ của chị không tin chị, chị không tin vào bản thân mình nữa.* ☺

Đó là một sai lầm mà chị định sửa chữa. Chị viết, Chị tin rằng Chúa sẽ truy cứu trách nhiệm của chị nếu chị không ngăn Shawn gây tổn thương cho người khác. Chị sẽ đương đầu với Shawn, với bố mẹ, và chị bảo tôi hãy đứng về phía chị. Em đứng về phía chị hay không thì chị vẫn sẽ làm. Nhưng không có em, có thể chị sẽ thất bại.

Tôi ngồi trong bóng tối hồi lâu. Tôi giận chị vì đã viết thư cho tôi. Tôi cảm thấy chị đã giật tôi khỏi một cuộc sống, nơi tôi đang hạnh phúc, và kéo tôi trở lại một cuộc sống khác.

Tôi gõ thư trả lời. Tôi bảo với chị rằng chị đúng, rằng tất nhiên chúng tôi nên ngăn Shawn lại, nhưng tôi bảo chị đừng làm gì hết cho tới khi tôi có thể trở về Idaho. Tôi không biết tại sao tôi lại bảo chị đợi, tôi không biết tôi nghĩ thời gian sẽ mang lại lợi ích gì mà bảo chị đợi. Tôi không biết tôi nghĩ chuyện gì sẽ xảy ra khi chúng tôi nói chuyện với bố mẹ, nhưng bằng trực giác tôi hiểu những gì đang bị đe dọa. Chừng nào chúng tôi chưa hỏi thì chừng đó vẫn còn khả năng để tin rằng bố mẹ sẽ giúp. Nói với bố mẹ là đánh liều với điều không thể tưởng tượng nổi: đó là đánh liều với rủi ro của việc biết rằng bố mẹ đã biết tất cả rồi.

Audrey đã không đợi, dù chỉ một ngày. Sáng hôm sau chị cho mẹ xem thư của tôi. Tôi không thể hình dung ra mọi chi tiết của cuộc trò chuyện đó, nhưng tôi biết rằng, đối với Audrey, quả là nhẹ nhõm khôn tả khi đặt những lời lẽ của tôi trước mẹ, cuối cùng để có thể nói, *con không điên. Và Tara cũng vậy.*

Suốt ngày hôm đó, mẹ ngẫm nghĩ về bức thư của tôi. Tầm chiều ở Idaho, tức là gần nửa đêm ở Anh, mẹ, vốn không biết gọi điện thoại quốc tế, lại có thể tìm được tôi trên mạng. Những con chữ trên màn hình nhỏ xíu, bị giới hạn trong hộp nhắn tin nhỏ xíu ở góc trình duyệt, nhưng bằng cách nào đó chúng dường như nuốt cả căn phòng. Mẹ kể với tôi rằng mẹ đã đọc thư của tôi. Tôi gồng mình chuẩn bị hứng cơn tam bành của mẹ.

Mẹ viết, *thật khó để đối mặt với hiện thực. Để hiểu ra rằng có một điều gì đó thật xấu xí, và mẹ đã từ chối nhìn nhận nó.*

Tôi phải đọc những dòng này không biết bao nhiêu lần trước khi tôi hiểu. Trước khi tôi hiểu ra rằng mẹ không tức giận, không trách tôi, cũng không cố thuyết phục tôi tin rằng chỉ là tôi tưởng tượng ra chuyện ấy. Mẹ tin tôi.

Tôi nói với mẹ, mẹ đừng tự trách bản thân. Từ khi bị tai nạn đầu óc mẹ không còn được như trước nữa.

Có lẽ vậy, mẹ nói. Nhưng đôi khi mẹ nghĩ chúng ta đã chọn căn bệnh của mình, bởi vì về một mặt nào đó chúng có lợi cho chúng ta.

Tôi hỏi mẹ tại sao mẹ chưa bao giờ ngăn Shawn làm tổn thương tôi.

Shawn luôn nói con chọn đối đầu, và mẹ nghĩ mẹ tin điều đó, bởi vì điều đó dễ hơn. Bởi vì con mạnh mẽ, có lý trí, và bất cứ ai cũng có thể thấy. Shawn thì không.

Mẹ giải thích không hợp lý chút nào. Nếu tôi dường như có lý trí thì tại sao mẹ lại tin Shawn khi anh nói với mẹ rằng tôi chọn đối đầu? Rằng tôi cần bị khuất phục, bị trừng phạt.

Mẹ nói[☺], *mẹ là một người mẹ. Những người mẹ che chở. Mà Shawn là đứa bị hư tổn như thế.*

Tôi muốn nói rằng mẹ cũng là mẹ của tôi nhưng tôi không nói. Tôi nhấn rằng tôi không nghĩ bố sẽ tin chuyện này.

Mẹ viết, *Bố sẽ tin. Nhưng thật khó cho bố. Nó nhắc bố nhớ đến những thương tổn mà chứng rối loạn lưỡng cực của bố đã gây ra cho gia đình ta.*

Trước đó tôi chưa từng nghe thấy mẹ thừa nhận rằng bố có thể bị bệnh tâm thần. Nhiều năm trước tôi đã nói với mẹ những gì tôi học được ở lớp học tâm lý về chứng rối loạn lưỡng cực và tâm thần phân liệt, nhưng mẹ gạt đi. Giờ đây, nghe mẹ nói đến chứng bệnh đó tôi có cảm giác như được giải phóng. Chứng bệnh ấy đã cho tôi một lý do để lao vào bên cạnh bố, vậy nên khi mẹ hỏi tại sao tôi không tìm đến mẹ sớm hơn, tại sao tôi không xin mẹ giúp, tôi đã trả lời thật lòng.

Tôi nói, bởi vì mẹ cũng bị bố bắt nạt. Ở trong nhà chúng tôi, mẹ không có sức mạnh. Bố cầm trích tất cả và bố sẽ không giúp chúng tôi.

Mẹ nói, *bây giờ mẹ mạnh mẽ hơn rồi. Mẹ không sợ hãi nữa.*

Khi tôi đọc dòng đó, tôi hình dung ra mẹ mình là một phụ nữ trẻ, thông minh, đầy năng lượng, nhưng cũng đầy lo âu và dễ phục tùng. Sau đó hình ảnh ấy thay đổi, mẹ gầy, thon, tóc mẹ buông dài, thẳng mượt và có màu sáng bạc.

Tôi viết, *Emily đang bị bắt nạt.*

Mẹ viết, *Đúng vậy. Giống như mẹ.*

Chị ấy là mẹ, tôi nói.

Nó là mẹ đấy. Nhưng bây giờ chúng ta biết nhiều hơn rồi. Chúng ta có thể viết lại câu chuyện này.

Tôi hỏi về một chuyện cũ. Đó là chuyện xảy ra nhiều tuần trước khi tôi rời nhà đến BYU, sau khi Shawn có một đêm đặc biệt tồi tệ. Anh làm mẹ khóc, sau đó ngồi phịch xuống sofa bật TV. Tôi thấy mẹ khóc ở bàn bếp, và mẹ bảo tôi đừng tới BYU. “Con là người duy nhất đủ mạnh mẽ để điều khiển nó,” mẹ nói. “Mẹ không thể, bố con cũng không thể. Chỉ có con.”

Tôi gõ chậm, ngập ngừng: *Mẹ có nhớ đã bảo con đừng đi học, rằng con là người duy nhất có thể điều khiển Shawn không?*

Có, mẹ nhớ.

Tạm ngừng, sau đó những con chữ xuất hiện – những từ mà tôi không biết là mình cần nghe, nhưng khi nhìn thấy chúng, tôi hiểu rằng cả đời tôi đã tìm kiếm chúng.

Con là con của mẹ. Đáng lẽ mẹ nên bảo vệ con.

Tôi tưởng chừng mình đã sống cả một cuộc đời trong khoảnh khắc tôi đọc những dòng chữ đó, một cuộc đời khác với cuộc đời mà tôi thực sự đã sống. Tôi trở thành một con người khác, nhớ một tuổi thơ khác. Lúc đó tôi không hiểu được sự màu nhiệm của những từ đó, và bây giờ tôi cũng không hiểu được. Tôi chỉ biết điều này: rằng khi mẹ nói với tôi rằng mẹ không phải là người mẹ mà mẹ mong ước trở thành đối với tôi, lần đầu tiên mẹ đã trở thành người mẹ đó.

Con yêu mẹ, tôi viết, và đóng máy tính lại.

Mẹ và tôi chỉ nhắc đến cuộc chuyện trò đó duy nhất một lần, trên điện thoại, một tuần sau đó. “Chuyện sẽ được giải quyết thôi con,” mẹ nói. “Mẹ đã kể với bố con điều mà con và chị con nói rồi. Shawn sẽ được giúp đỡ.”

Tôi gạt chuyện đó ra khỏi đầu. Mẹ đã đứng lên đấu tranh. Mẹ mạnh mẽ. Mẹ đã gây dựng cơ sở kinh doanh của mình, với tất cả những người ấy làm việc cho mẹ, và nó vượt trội so với việc của bố cũng như các cơ sở kinh doanh khác trong thị trấn. Mẹ, người phụ nữ để phục tùng ấy, có nội lực mà tất cả những người còn lại trong gia đình tôi không thể đoán trước được. Còn bố. Bố đã thay đổi. Bố đã ôn hòa hơn, dễ cười hơn. Tương lai có thể khác quá khứ: tôi không còn nhớ mẹ ở trong bếp lắng nghe khi Shawn ghim tôi xuống sàn nhà, ép chặt khí quản tôi. Tôi không còn nhớ hình ảnh mẹ quay nhìn đi chỗ khác nữa.

Cuộc sống của tôi ở Cambridge đã thay đổi – hoặc đúng hơn, tôi đã thay đổi thành một người khác biết tin tưởng rằng mình thuộc về Cambridge. Gần như chỉ sau một đêm nổi hổ thẹn mà tôi cảm thấy về gia đình đã chuồn khỏi tôi. Lần đầu tiên trong đời tôi có thể thoải mái giới thiệu mình từ đâu đến. Tôi thừa nhận với các bạn mình rằng tôi chưa bao giờ đến trường học phổ thông. Tôi miêu tả núi Buck, với những bãi phế liệu, khu chuồng trại và bãi quây gia súc. Tôi thậm chí kể với họ về cái hầm chứa đầy đồ dự trữ ở ngoài cánh đồng lúa mì, và thùng phuy xăng được chôn ở gần nhà kho cũ.

Tôi kể với họ rằng tôi nghèo, tôi kể với họ tôi từng dốt nát lắm, và khi kể những điều đó tôi không gợn chút xấu hổ. Chỉ khi đó tôi mới hiểu cảm giác xấu hổ bắt nguồn từ đâu: đó không phải là bởi tôi đã không học ở một trường nhạc xây bằng đá cẩm thạch hay bởi bố tôi không phải là một nhà ngoại giao. Đó không phải bởi bố tôi điên điên dở dở, hay bởi mẹ tôi phục tùng bố. Cảm giác xấu hổ bắt nguồn từ việc có một người cha đã đẩy tôi về phía những lưỡi xén rào rào của cái máy Xén, thay vì đẩy tôi ra xa khỏi nó. Cảm giác xấu hổ bắt nguồn từ những lúc tôi bị ghìm trên sàn nhà, biết rằng mẹ ở ngay phòng bên, nhắm mắt, bịt tai, trong khoảnh khắc đó lựa chọn tuyệt nhiên không làm mẹ của tôi.

Tôi tạo một lịch sử mới cho bản thân. Tôi trở thành một vị khách thường xuyên của những bữa tối, với những câu chuyện săn bắn và về loài ngựa, về việc thu phế liệu, đấu tranh với những trận hỏa hoạn trên núi. Về người mẹ thông minh của tôi, một bà đỡ, một doanh nhân; về người cha lập dị của tôi, một người bán đồng nát và là người cuồng tín. Tôi nghĩ cuối cùng tôi cũng đã trung thực về cuộc sống mà tôi đã sống trước kia. Đó không phải là sự thật tuyệt đối, nhưng nó thật theo một nghĩa rộng hơn: thật đối với những gì sẽ diễn ra trong tương lai, giờ thì mọi chuyện đã thay đổi theo hướng tốt đẹp hơn. Bởi giờ đây mẹ tôi đã tìm được sức mạnh của bản thân.

Quá khứ là một bóng ma, không có thực, không có sức ảnh hưởng. Chỉ tương lai mới có trọng lượng mà thôi.

Chương 32
Cánh Phụ Nữ Ôn Áo
Trong Một Ngôi Nhà Rộng

LẦN TIẾP THEO KHI TÔI TRỞ VỀ NÚI BUCK, đó là mùa thu và bà-ở-chân-đồi sắp mất. Bà đã chống chọi với bệnh ung thư tủy xương trong chín năm; giờ đây cuộc chiến sắp kết thúc. Tôi vừa mới biết rằng mình đã giành được một suất học tiến sĩ tại Cambridge thì mẹ viết thư cho tôi. “Bà lại vào viện rồi,” mẹ thông báo. “Về mau đi. Mẹ nghĩ đây sẽ là lần cuối.”

Khi tôi xuống sân bay ở Salt Lake, bà lúc tỉnh lúc mê. Drew đón tôi ở sân bay. Khi đó quan hệ của chúng tôi đã vượt trên mức bạn bè, và Drew nói rằng anh sẽ lái xe đưa tôi về Idaho, tới bệnh viện của thị trấn.

Từ khi đưa Shawn tới bệnh viện ấy nhiều năm trước, tôi chưa quay lại đó, và khi tôi bước đi trong hành lang trắng toát sức mùi thuốc khử trùng, tôi khó mà không nghĩ đến anh. Tôi tìm thấy phòng của bà. Ông tôi đang ngồi bên giường bà, nắm bàn tay trơ xương của bà. Mắt bà mở và bà nhìn tôi. “Tara bé bỏng của bà từ tận bên Anh đã về đây rồi,” bà nói, rồi mắt bà nhắm lại. Ông siết tay bà nhưng bà đã thiếp đi. Người y tá nói với chúng tôi rằng bà có thể sẽ ngủ trong nhiều giờ.

Drew nói rằng anh sẽ lái xe đưa tôi về núi Buck. Tôi đồng ý và khi ngọn núi chưa hiện ra trong tầm nhìn tôi đã tự hỏi liệu có phải mình đã phạm một sai lầm hay không. Drew đã nghe những câu chuyện của tôi, nhưng vẫn có rủi ro trong việc đưa anh tới đây: đây không phải là một câu chuyện, và tôi không chắc những ai sẽ đóng vai mà tôi đã viết sẵn cho họ.

Nhà tôi nhốn nháo, lộn xộn. Chỗ nào cũng có những phụ nữ, vài người đang nhận đơn đặt hàng qua điện thoại, những người khác pha chế tinh dầu hoặc lọc rượu thuốc. Có một phòng mới được xây thêm ở phía nam của ngôi nhà, nơi những phụ nữ trẻ đang đóng chai và gói hàng để chuyển đi. Tôi để Drew ngồi trong phòng khách và đi vào phòng vệ sinh, nơi duy nhất trong nhà trông có vẻ

vẫn như những gì tôi đã nhớ. Khi tôi bước ra khỏi đó tôi gặp một bà già có mái tóc xơ loăn xoăn, đeo đôi kính mắt vuông to tướng.

“Buồng vệ sinh này chỉ dành cho người quản lý cấp cao,” bà nói. “Thợ đóng chai dùng buồng vệ sinh ở phòng phụ kia.”

“Cháu không làm việc ở đây,” tôi nói.

Bà nhìn tôi chăm chăm. Tất nhiên tôi làm việc ở đây. Mọi người đều làm việc ở đây.

“Buồng vệ sinh này chỉ dành cho người quản lý cấp cao,” bà nhắc lại, cố đứng thẳng người hết mức có thể. “Cô không được phép rời khỏi phòng phụ.”

Bà bỏ đi trước khi tôi kịp trả lời.

Tôi vẫn chưa nhìn thấy bố hay mẹ đâu cả. Tôi quay vào trong nhà và thấy Drew đang ngồi trên sofa nghe một phụ nữ giải thích rằng thuốc giảm đau aspirin có thể gây vô sinh. Tôi nắm tay anh, kéo anh đi theo mình, mở đường đi qua chỗ những người lạ.

“Nơi này là thật đấy chứ?” Anh hỏi.

Tôi tìm thấy mẹ trong một phòng không có cửa sổ ở dưới tầng hầm. Tôi có cảm giác rằng mẹ đang trốn ở dưới đó. Tôi giới thiệu mẹ với Drew và mẹ nở nụ cười ấm áp. “Bố đâu ạ?” Tôi hỏi. Tôi ngờ rằng bố ốm phải nằm trên giường, bởi vì bố hay bị các bệnh về phổi từ khi vụ nổ làm tổn thương phổi của bố.

“Mẹ chắc chắn bố đang phản kích đấy,” mẹ nói, ngược nhìn lên trần nhà có những tiếng bước chân thỉnh thoảng.

Mẹ cùng chúng tôi đi lên cầu thang. Vừa thò mặt ra khỏi tầng hầm, mẹ bị mấy nhân viên gọi dồn dập để trả lời thắc mắc của khách hàng. Tất cả mọi người dường như đều muốn hỏi ý kiến của mẹ – về các vết bỏng, về chúng hồi hộp, về những đứa trẻ sơ sinh thiếu cân của họ. Mẹ phẩy tay bảo họ đi chỗ khác và dần bước về phía trước. Ấn tượng mà mẹ cho thấy khi mẹ di chuyển trong nhà của mình là ấn tượng về một người nổi tiếng trong một nhà hàng đông khách, cố gắng không để ai nhận ra mình.

Bàn của bố tôi to cỡ bằng một chiếc ô tô. Nó được đặt ở trung tâm của đồng lộn xộn. Bố đang nói chuyện qua chiếc điện thoại mà bố kẹp giữa má và vai để nó không trượt qua hai bàn tay nhợt nhạt của bố. “Với bệnh tiểu đường thì lũ bác sĩ chẳng thể giúp gì được đâu,” bố nói oang oang. “Nhưng Chúa có thể!”

Tôi liếc nhìn Drew đang mỉm cười. Bố gác máy quay sang chúng tôi. Bố đón chào Drew với nụ cười rộng đến mang tai. Bố tỏa ra thứ năng lượng được cảnh hỗn loạn ồn ào trong nhà làm tiếp cho. Drew nói rằng anh ấn tượng với việc kinh doanh của gia đình, và bố dường như cao thêm hơn chục phân. “Chúng tôi được ban phước vì làm công việc của Chúa,” bố nói.

Điện thoại lại đổ chuông. Ít nhất ba nhân viên có nhiệm vụ trả lời điện thoại, nhưng bố nhảy bổ tới, chớp lấy ống nghe như thể bố đang đợi một cuộc gọi quan trọng. Tôi chưa bao giờ thấy bố đầy sinh lực như thế.

“Sức mạnh của Chúa trên trái đất,” bố gào vào điện thoại. “Những loại tinh dầu đó là thế đấy: Thuộc của Chúa!”

Không khí ồn ào trong nhà khiến tôi mất phương hướng, vậy nên tôi dẫn Drew lên núi. Chúng tôi đi dạo qua những cánh đồng lúa mì mọc hoang và từ đó tới vạt thông ở chân núi. Sắc màu của mùa thu thật dịu êm, chúng tôi ở trên đó nhiều giờ nhìn xuống thung lũng yên tĩnh. Xế trưa chúng tôi mới quay về nhà và Drew lên đường trở về thành phố Salt Lake.

Tôi bước vào Nhà nguyện qua ô cửa kiểu Pháp và ngạc nhiên bởi sự tĩnh lặng. Nhà tôi vắng vẻ, điện thoại đều bị tháo cáp hết, mọi phòng thuốc đều bị bỏ không. Mẹ tôi ngồi một mình ở giữa phòng.

“Bệnh viện gọi điện tới,” mẹ nói. “Bà mất rồi.”

Bố tôi mất hứng làm ăn. Bố bắt đầu dậy muộn, càng ngày càng muộn hơn, và khi bố dậy, dường như chỉ để xỉ nhục và buộc tội. Bố gào lên với Shawn về bãi phế liệu, lên lớp cho mẹ về cách quản lý nhân viên của bà. Bố tát Audrey khi chị cố làm bữa trưa cho bố, và quát mắng tôi vì gõ bàn phím quá ồn. Cứ như thể bố muốn đánh nhau, muốn trừng phạt bản thân vì cái chết của bà tôi. Hoặc có lẽ sự

trừng phạt là dành cho cuộc đời bà, cho cuộc xung đột giữa họ, cuộc xung đột mà chỉ bây giờ, khi bà chết, mới kết thúc.

Ngôi nhà dần dần đông đúc trở lại. Những chiếc máy điện thoại lại được kết nối, và những phụ nữ xuất hiện để trả lời điện thoại. Bàn của bố tôi vẫn trống không. Bố nằm lì trên giường hết ngày này qua ngày khác, nhìn đăm đăm lên trần nhà trát vữa. Tôi mang bữa tối vào cho bố, như tôi vẫn làm khi còn bé, và y như hồi bé – bây giờ tôi cũng tự hỏi liệu bố có biết tôi đang ở đó hay không.

Mẹ tôi chạy qua chạy lại với sinh lực của mười người, pha rượu thuốc và tinh dầu, chỉ đạo các nhân viên thu xếp tang lễ và nấu ăn cho từng người anh em họ, từng bà cô ghé qua để tưởng nhớ bà tôi mà không báo trước. Trong hầu hết thời gian tôi thấy mẹ đeo tạp dề, đứng trông một mẻ thịt nướng, mỗi tay cầm một chiếc điện thoại, một dành cho khách hàng, chiếc còn lại để trả lời một ông chú hoặc một người bạn gọi tới chia buồn. Trong khi tất cả những việc đó diễn ra, bố tôi vẫn nằm lì trên giường.

Bố phát biểu tại đám tang. Bài diếu văn của bố là một bài giảng đạo kéo dài hai mươi phút về những lời hứa của Chúa với Abraham. Bố nhắc đến bà hai lần. Đối với những người lạ, dường như bố tôi hầu như không bị ảnh hưởng khi mất đi mẹ đẻ của bố, nhưng chúng tôi biết rõ hơn, chúng tôi có thể thấy được nỗi suy sụp.

Sau lễ tang, khi chúng tôi về đến nhà, bố nổi giận vì bữa trưa chưa được chuẩn bị xong. Mẹ nhào ra để phục vụ món thịt hầm mà mẹ đã để chế độ nấu chậm, nhưng sau bữa ăn bố dường như vẫn tức giận không kém vì đồng bát đĩa bẩn, và mẹ vội vã cất dọn, sau đó lại bực tức vì mấy đứa cháu chơi đùa quá ồn ào trong khi mẹ vội lao ra, cố bảo chúng trật tự.

Tối hôm đó, khi nhà đã vắng vẻ và im ắng, từ phòng khách tôi lắng nghe bố mẹ mình to tiếng ở trong bếp.

“Việc tôi thiếu ông có thể làm,” mẹ nói, “là điền chữ vào những tấm thiệp cảm ơn. Dù sao đó cũng là *mẹ* của ông.”

“Đó là việc của người vợ,” bố nói. “Tôi chưa bao giờ nghe nói một người đàn ông nào lại ngồi viết thiệp cả.”

Bố nói không phải chút nào. Trong mười năm, mẹ là lao động chính có thu nhập trong gia đình, trong khi vẫn phải nấu ăn, lau dọn nhà cửa, giặt giũ, và tôi chưa bao giờ nghe thấy mẹ biểu lộ điều gì có thể gọi là oán giận. Cho đến bây giờ.

“Vậy thì ông nên làm việc của *người chồng* đi,” mẹ nói, giọng mẹ cất cao.

Chẳng bao lâu sau cả bố và mẹ đều gầm lên. Bố cố dồn mẹ, cố khuất phục mẹ bằng cơn giận dữ, như bố thường thể hiện, nhưng điều này chỉ càng khiến mẹ bướng bỉnh hơn. Cuối cùng mẹ quăng những tấm thiệp lên bàn và nói, “Viết hay không thì tùy. Nhưng nếu ông không viết thì chẳng ai viết đâu.” Rồi mẹ bước xuống cầu thang. Bố đi theo, và trong một tiếng đồng hồ tiếng quát tháo của họ vọng lên qua sàn nhà.

Tôi chưa bao giờ nghe thấy bố mẹ mình gầm lên như thế – ít nhất, mẹ không như vậy. Tôi chưa bao giờ thấy mẹ không chịu nhượng bộ.

Sáng hôm sau tôi thấy bố ở trong bếp, đồ bột ra thành thứ gì đó trông như keo dán mà tôi đoán chắc là bột nhào để làm bánh kếp. Nhìn thấy tôi, bố bỏ túi bột xuống và ngồi vào bàn. “Mày là phụ nữ, đúng không nhỉ?” Bố hỏi. “Vậy thì đây là bếp đây.” Bố con tôi nhìn nhau trừng trừng và tôi nghĩ về khoảng cách vừa mới nảy nòi ra giữa chúng tôi – những từ đó đối với đôi tai của bố nghe mới tự nhiên làm sao, còn đối với đôi tai của tôi thì khó chịu biết nhường nào.

Không có vẻ như mẹ để kệ bố tự làm bữa sáng. Tôi nghĩ có lẽ mẹ ốm, vậy nên tôi đi xuống cầu thang để xem mẹ ra sao. Vừa mới tới đầu cầu thang tôi đã nghe thấy âm thanh đó: tiếng nước nở nghẹn ngào vọng ra từ buồng vệ sinh, bị tiếng máy sấy tóc dim xuống. Tôi đứng bên ngoài cánh cửa, lắng nghe hơn một phút và chết lặng. Mẹ muốn tôi đi khỏi đó, làm như tôi không nghe thấy gì chẳng? Tôi đợi mẹ bình tĩnh lại, nhưng những tiếng nước nở của mẹ chỉ càng dữ dội hơn.

Tôi gõ cửa. “Con đây,” tôi nói.

Cánh cửa mở, và mẹ tôi ở đó, thoát đầu là một phần sau đó là một phần lớn hơn, da mẹ sáng lấp lánh khi vừa tắm, chiếc khăn tắm quá nhỏ để che phủ người mẹ. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy mẹ mình như thế này và theo bản năng tôi nhắm mắt lại. Thế giới biến thành màu đen. Tôi nghe thấy một tiếng *thịch*, tiếng *cạch* của nhựa, và mở mắt ra. Mẹ đánh rơi chiếc máy sấy và nó đập xuống sàn nhà, tiếng ồn mà nó gây ra được nhân đôi khi nó nảy lên trên sàn xi măng không trải thảm. Tôi nhìn mẹ, và nhìn mẹ, khi mẹ kéo tôi về phía mẹ và ôm tôi. Nước từ người mẹ thấm vào quần áo tôi, và tôi cảm thấy từng giọt nước từ tóc mẹ nhỏ xuống vai mình.

Chương 33

Bùa Phép Của Vật Lý

TÔI KHÔNG Ở LẠI NÚI BUCK LÂU, có lẽ chỉ một tuần. Hôm tôi rời núi, Audrey bảo tôi đừng đi. Tôi không nhớ cuộc trò chuyện đó, nhưng tôi nhớ đã viết nhật ký về nó. Tôi viết về nó trong buổi tối đầu tiên tôi trở lại Cambridge, trong khi ngồi trên cây cầu đá nhìn lên Nhà thờ ở trường Kings College. Tôi nhớ khi đó dòng sông phẳng lặng; tôi nhớ những chiếc lá thu bay la đà đậu xuống mặt nước trong như gương. Tôi nhớ tiếng ngòi bút của mình lạo xạo trên mặt giấy, kể lại kín tám trang, kể chính xác những gì chị gái tôi đã nói. Nhưng ký ức về chị nói rằng cuộc trò chuyện đó đã biến mất rồi: như thể tôi viết ra để quên.

Audrey bảo tôi hãy ở lại. Chị nói, Shawn khỏe quá, có sức thuyết phục quá nên một mình chị không thể đương đầu với anh. Tôi bảo chị rằng chị không cô đơn, chị có mẹ. Audrey nói tôi không hiểu. Rốt cuộc không ai tin chúng tôi hết. Nếu chúng tôi đề nghị bố giúp thì chị dám chắc bố sẽ gọi cả hai chúng tôi là lũ điêu trá. Tôi bảo chị rằng bố mẹ đã thay đổi và chúng tôi nên tin tưởng họ. Rồi tôi lên máy bay và đi cách xa đó năm nghìn dặm.

Nếu tôi cảm thấy có lỗi vì đã ghi lại những nỗi sợ hãi của chị gái mình từ một khoảng cách an toàn, được vây quanh bởi những thư viện lớn và những nhà thờ cổ kính, thì tôi chỉ bộc lộ một dấu hiệu duy nhất về điều đó, ở dòng cuối mà tôi đã viết tối hôm ấy: *tối nay Cambridge bớt đẹp hơn*.

Drew đã đến Cambridge với tôi, anh được nhận vào chương trình đào tạo thạc sĩ nghiên cứu về Trung Đông. Tôi đã kể với anh cuộc trò chuyện giữa tôi và Audrey. Anh là người bạn trai đầu tiên được tôi kể cho nghe về gia đình tôi – kể thật sự, kể sự thật chứ không phải là những chuyện vặt vãnh gây cười. Tôi nói, tất nhiên toàn bộ những chuyện tôi kể đều thuộc về quá khứ. Gia đình em bây giờ khác rồi. Nhưng anh vẫn nên biết. Để anh có thể trông chừng em. Phòng khi em làm chuyện gì đó điên rồ.

Kỳ học đầu tiên trôi qua trong những bữa tối nhộn nhịp và những bữa tiệc khuya, bị ngắt quãng bởi những tối thậm chí còn khuya hơn ở trong thư viện. Để đạt tiêu chuẩn lấy bằng tiến sĩ, tôi phải tạo ra một nghiên cứu học thuật nguyên bản của chính mình. Nói cách khác, đã dành năm năm đọc lịch sử, bây giờ tôi được yêu cầu phải viết về nó.

Nhưng viết về cái gì cơ chứ? Trong khi đọc để làm luận văn thạc sĩ, tôi đã ngạc nhiên khi phát hiện ra dư âm của thuyết thần học Mặc Môn ở những nhà triết học nổi tiếng của thế kỷ mười chín. Tôi đề cập điều này với thầy hướng dẫn, giáo sư David Runciman. “Đó là công trình của em đấy,” ông nói. “Em có thể làm điều mà chưa ai từng làm: em có thể nghiên cứu chủ nghĩa Mặc Môn không chỉ dưới góc độ là một phong trào tôn giáo, mà là phong trào trí thức.”

Tôi bắt đầu đọc lại những bức thư của Joseph Smith và Brigham Young. Khi còn nhỏ tôi đã đọc những bức thư này – để tỏ lòng thờ phụng; giờ đây tôi đọc chúng bằng con mắt khác, không phải con mắt của một nhà phê bình, nhưng cũng chẳng phải con mắt của một môn đồ. Tôi nghiên cứu tục đa thê, không phải dưới góc độ là một học thuyết mà là một chính sách xã hội. Tôi so sánh nó với những mục tiêu của riêng mình, cũng như với những phong trào và học thuyết khác trong cùng giai đoạn. Tôi cảm thấy việc đó giống như một hành động cực đoan.

Những người bạn ở Cambridge đã trở thành gia đình của tôi, và tôi có cảm giác mình hòa hợp với họ, cảm giác mà trong nhiều năm đã thiếu vắng ở núi Buck. Đôi khi tôi cảm thấy mình đáng ghét vì những cảm giác như thế. Tôi nghĩ thật không tự nhiên khi đưa em gái lại yêu quý một người lạ hơn anh trai nó, và loại con gái gì lại thích một thầy giáo hơn bố đẻ của nó?

Nhưng dù tôi ước thực tế khác kia, tôi vẫn không muốn về nhà. Tôi thích cái gia đình mà mình đã lựa chọn hơn gia đình mà mình được ban cho, vậy nên tôi càng hạnh phúc hơn ở Cambridge, thì niềm hạnh phúc của tôi càng bị làm ô uế bởi cảm giác rằng tôi đã phản bội núi Buck. Cảm giác đó trở thành một phần thân thể tôi, một thứ gì đó mà tôi có thể ném trên lưỡi, hoặc ngửi thấy từ hơi thở.

Tôi mua một vé đi Idaho cho dịp Giáng sinh. Tối trước hôm tôi bay, có một bữa tiệc ở trường. Một trong những người bạn của tôi đã lập một đội hợp xướng để hát thánh ca trong bữa tiệc. Đội hợp xướng đã luyện tập trong nhiều tuần, nhưng đúng hôm bữa tiệc diễn ra, giọng nữ cao của đội bị viêm phế quản. Trưa hôm đó điện thoại của tôi đổ chuông. Một người bạn gọi tới. “Hãy nói với tớ rằng cậu biết người nào đó có thể hát đi,” cậu ấy nói.

Đã nhiều năm rồi tôi không hát, và chưa bao giờ tôi hát mà không có bố tôi nghe, nhưng vài giờ sau tôi tham gia đội hợp xướng trên một bục cao gần những thanh xà mái nhà, phía trên cây thông Giáng sinh khổng lồ thống trị hội trường. Tôi trân quý khoảnh khắc đó, thích thú với niềm lâng lâng mà tôi cảm thấy khi một lần nữa lại có âm nhạc dâng trào từ lồng ngực mình, và tự hỏi nếu bố tôi ở đây thì bố có bất chấp trường đại học và chủ nghĩa xã hội để nghe tôi hát hay không. Tôi tin là có.

Núi Buck không thay đổi. Nàng công chúa bị chôn vùi trong tuyết nhưng tôi có thể nhìn thấy những đường nét bí ẩn của đôi chân nàng. Khi tôi về đến nhà, mẹ tôi đang ở trong bếp, một tay khuấy nồi thịt hầm, một tay cầm điện thoại giải thích các đặc tính của cây ích mẫu. Bàn của bố vẫn trống không. Mẹ nói, bố đang nằm trên giường, ở dưới tầng hầm. Có gì đó đã kìm hãm lá phổi của bố.

Một người lạ lực lưỡng ngật ngưỡng bước vào qua cửa sau. Vài giây trôi qua tôi mới nhận ra đó là anh trai mình. Râu của Luke quá rậm, anh trông giống một trong những con dê của anh. Mắt trái anh trắng dã, không có sự sống: vài tháng trước anh bị một cái súng sơn bắn trúng mắt. Anh đi qua phòng và vỗ vào lưng tôi, còn tôi nhìn không chớp bên mắt còn lại của anh, tìm kiếm một nét quen thuộc. Nhưng phải đến khi tôi nhìn thấy cái sẹo gồ lên trên cẳng tay anh, và một vết sẹo hình dấu kiểm cong cong rộng năm phân nơi cái máy xén đã cắn mất thịt anh tôi mới chắc chắn người đàn ông này là anh trai mình. ☺

Anh kể với tôi rằng anh đang sống với vợ và một đàn con trong cái nhà lắp ghép ở sau khu chuồng trại, anh kiếm tiền nhờ khoan dầu ở Bắc Dakota.

Hai ngày trôi qua. Tôi nào bố cũng từ tầng hầm đi lên, ngồi xuống sofa ở trong Nhà nguyện, vừa ho khù khụ vừa xem TV hoặc đọc Kinh Cựu Ước. Tôi dành thời gian trong ngày của mình học và giúp mẹ.

Vào tối thứ ba tôi đang ngồi ở bàn ăn đọc sách thì Shawn và Benjamin bước vào qua cửa sau. Benjamin đang nói với Shawn về cú đâm mà anh tung ra sau một tai nạn nhỏ ở trong thành phố. Anh nói rằng trước khi trèo ra khỏi xe tải để đối mặt với tay lái xe kia, anh đã giắt khẩu súng ngắn vào cạp quần bò. “Gã đó không biết gã phải đối mặt với điều gì đâu,” Benjamin nói, cười toe toét.

“Chỉ một thằng ngốc mới mang súng trong một vụ va chạm kiểu như thế,” Shawn nói.

“Em mang thì mang thôi chứ có dùng đâu,” Benjamin cầu nhàu.

“Vậy thì đừng có mang,” Shawn nói. “Khi mà mày biết mày sẽ không dùng nó. Nếu mày mang súng thì mày có thể sẽ dùng nó, thực tế là vậy. Một vụ đâm nhau có thể biến thành một vụ đấu súng nhanh lắm đấy.”

Shawn nói một cách điềm tĩnh và có suy nghĩ. Mái tóc vàng của anh bần và chưa được cắt, mọc dài bù xù, còn mặt anh đầy râu ria lởm chởm màu diệp thạch. Mắt anh sáng lấp lánh dưới lớp dầu mỡ và bụi bần như những ngọn lửa màu xanh dương trong đám tro. Vẻ mặt cũng như lời nói của anh dường như thuộc về một người đàn ông già dặn hơn nhiều, một người đàn ông có bầu máu nóng đã nguội bớt, giờ đây đã yên bình.

Shawn quay sang tôi. Tôi luôn tránh mặt anh, nhưng bỗng nhiên điều đó dường như không công bằng. Anh đã thay đổi; thật tàn nhẫn khi làm như anh không thay đổi. Anh hỏi tôi có muốn đi xe một vòng không, tôi nói có. Shawn muốn ăn kem vậy nên chúng tôi mua sữa lắc. Cuộc trò chuyện ôn hòa và thoải mái, giống như nhiều năm trước vào những buổi chạng vạng ở bãi quây gia súc chúng tôi đã trò chuyện. Anh kể với tôi về việc điều hành đội lao động mà không có bố, về những lá phổi yếu ớt của Peter – về những cuộc phẫu thuật và những ống thở oxy mà nó vẫn phải đeo vào ban đêm.

Chúng tôi sắp về tới nhà, chỉ còn cách núi Buck một dặm thì Shawn bất ngờ bẻ lái và chiếc xe trượt trên băng. Anh cho xe xoay tròn, lốp xe bị kẹt rồi chiếc xe lao vọt tới một con đường phụ.

“Chúng ta đi đâu vậy?” Tôi hỏi, nhưng con đường đó chỉ dẫn đến một nơi.

Nhà thờ tối, bãi đỗ xe vắng tanh.

Shawn lượn một vòng quanh bãi rồi đỗ xe gần lối cổng chính.

Anh tắt đèn máy và đèn pha lịm dần. Trong bóng tối tôi hầu như không thể nhìn thấy đường cong trên khuôn mặt anh.

“Mày đã nói chuyện nhiều với Audrey phải không?” Anh nói.

“Không hẳn,” tôi đáp.

Anh dường như nguôi đi, rồi anh nói, “Audrey là cái con khôn dối trá.”

Tôi nhìn đi chỗ khác, dán mắt vào ngọn tháp của nhà thờ hiện ra trong ánh sao.

“Tao sẽ găm một viên đạn vào đầu nó,” Shawn nói, và tôi cảm thấy người anh chuyển động về phía tôi. “Nhưng tao không muốn lãng phí một viên đạn tốt vào một con chó cái vô tích sự.”

Việc tôi không nhìn anh là cực kỳ cần thiết. Chừng nào tôi còn dán mắt vào ngọn tháp, chừng đó tôi gần như tin rằng anh không thể động vào tôi. Gần như. Bởi vì ngay cả khi tôi bám lấy niềm tin này, tôi vẫn đợi để cảm thấy hai bàn tay anh trên cổ mình. Tôi biết tôi sẽ cảm thấy chúng, và sẽ sớm cảm thấy, nhưng tôi không dám làm bất cứ điều gì có thể phá vỡ bùa phép đợi chờ. Trong khoảnh khắc đó tôi phần nào tin, như tôi đã luôn tin, rằng chính tôi sẽ phá vỡ bùa phép đó, sẽ là người gây ra việc đó. Khi yên lặng bị phá vỡ và cơn tức tối của anh dồn lên tôi, tôi sẽ biết rằng điều gì đó mình đã làm là chất xúc tác, là nguyên nhân. Trong trạng thái mê tín đó tôi có niềm hi vọng; tôi có ảo tưởng rằng mình kiểm soát được.

Tôi ngồi im, không suy nghĩ, chẳng cử động.

Đề máy kêu *tách* và động cơ gầm gừ hoạt động. Không khí ẩm áp tràn vào qua các lỗ thông.

“Mày cảm thấy như phim hả?” Shawn nói. Giọng anh dừng dừng. Tôi nhìn thế giới quay tròn khi chiếc xe xoay tròn rồi lắc lư trở lại đường cao tốc. “Như phim nghe có vẻ đúng đấy,” anh nói.

Tôi không nói gì, không sẵn sàng cử động hoặc nói chuyện vì sợ rằng mình xâm phạm bùa phép vật lý[Ⓢ] mà tôi vẫn tin là đã cứu mình. Shawn dường như không biết đến sự im lặng của tôi. Anh lái xe nốt dặm cuối về núi Buck, vừa lái xe vừa vui vẻ nói, gần như bông đùa, về chuyện xem hay không xem bộ phim *Người Đàn Ông Biết Quá Ít*.

Chương 34

Cốt Lõi Của Những Điều Ấy

TÔI KHÔNG CẢM THẤY MÌNH ĐẶC BIỆT CAN ĐẢM khi bước tới chỗ bố trong nhà nguyện tối hôm đó. Tôi hiểu vai trò thăm dò của mình: tôi ở đó để sắp đặt thông tin, để nói với bố rằng Shawn đã đe dọa Audrey, bởi vì bố sẽ biết phải làm gì.

Hoặc có lẽ tôi bình tĩnh bởi vì tôi không ở đó, không thực sự ở đó. Có lẽ tôi ở cách xa cả một đại dương, ở một lục địa khác, đọc Hume dưới mái vòm bằng đá. Có lẽ tôi đang chạy qua King's College, với cuốn *Khảo luận về bất bình đẳng* kẹp nách.

“Bố, con cần nói với bố một chuyện.”

Tôi nói rằng Shawn đã đùa cợt về ý định bắn Audrey, và rằng tôi nghĩ đó là bởi Audrey dám đương đầu với anh, phản ứng trước cách cư xử của anh. Bố nhìn tôi trừng trừng, và lớp da đã từng là môi bố rúm lại. Bố lớn tiếng gọi mẹ và mẹ xuất hiện. Tâm trạng của mẹ ử dột; tôi không thể hiểu tại sao mẹ không nhìn thẳng vào mắt tôi.

“Chính xác thì mày đang nói gì hả?” Bố nói.

Từ phút ấy, đó là một cuộc thẩm vấn. Mỗi lần tôi gợi ý rằng về một mặt nào đó Shawn tỏ ra bạo lực hoặc gian manh là y như rằng bố gầm lên với tôi: “Bằng chứng đâu mà mày nói thế? Mày có bằng chứng không hả?”

“Con có những trang nhật ký,” tôi nói.

“Mang chúng ra đây, tao sẽ đọc.”

“Con không mang nhật ký về đây,” Đó là lời nói dối; cuốn nhật ký ở dưới đệm giường tôi.

“Tao phải nghĩ gì nếu mày không có bằng chứng?” Bố vẫn gầm lên. Mẹ ngồi trên thành sofa, miệng há hốc, méo mó. Mẹ trông thật đau khổ.

“Bố không cần bằng chứng,” tôi nói khẽ. “Bố đã thấy rồi còn gì. Cả bố và mẹ đều đã thấy.”

Bố nói chừng nào Shawn chưa mọc ra ở trong tù thì tôi còn chưa hài lòng, rằng tôi từ Cambridge về chỉ để gây chuyện. Tôi nói tôi không muốn Shawn ngồi tù nhưng cần phải can thiệp. Tôi quay sang mẹ, đợi mẹ góp tiếng nói cùng tôi, nhưng mẹ lặng thinh. Mẹ nhìn dán mắt xuống sàn nhà như thể bố và tôi không ở đó.

Có một khoảnh khắc tôi hiểu mẹ sẽ không nói, rằng mẹ sẽ ngồi đó và không nói gì, rằng tôi đơn độc. Tôi cố làm cho bố bình tĩnh lại nhưng giọng tôi run rẩy, đứt quãng. Rồi tôi khóc – những tiếng nức nở bật ra từ một nơi nào đó, một phần nào đó thuộc con người tôi mà đã nhiều năm tôi không cảm nhận được, đã quên rằng nó có tồn tại. Tôi nghĩ mình có thể sẽ nôn.

Tôi chạy vào buồng vệ sinh. Tôi run từ chân tới ngón tay. Tôi phải nhanh chóng kiềm chế những tiếng nức nở này – nếu tôi không thể kiểm soát được những tiếng nức nở này thì bố sẽ không bao giờ coi những gì tôi nói là nghiêm túc – vậy nên tôi chặn đứng cơn khóc bằng những phương pháp cũ: nhìn chăm chăm vào mặt mình trong gương và mắng cái đứa ở trong gương vì mỗi giọt nước mắt trào ra. Đó là một phương pháp quen thuộc, mà nhờ nó tôi đập tan ảo tưởng mà tôi đã xây dựng công phu trong năm vừa qua. Quá khứ không có thật, tương lai không có thật, cả hai đều tiêu tan.

Tôi nhìn chăm chăm vào hình ảnh của mình trong gương. Chiếc gương thôi miên, với ba lớp ghép được đóng khung bằng chất liệu giả gỗ sồi. Đó vẫn là chiếc gương mà tôi soi khi còn nhỏ, khi còn là một bé gái, khi tôi ở tuổi mới lớn, nửa là phụ nữ, nửa là bé gái. Phía sau tôi là cái bồn cầu mà Shawn đã dúi đầu tôi vào, giữ tôi ở đó cho tới khi tôi nhận mình là đồ dẽ.

Tôi thường nhốt mình trong buồng vệ sinh này sau khi Shawn buồng tôi ra. Tôi di chuyển các tấm kính cho tới khi chúng *nhân* mặt tôi thành ba, sau đó tôi nhìn trùng trùng từng khuôn mặt, nghĩ về những gì Shawn đã nói và những gì anh bắt tôi nói, cho tới khi điều đó trở nên thật thay vì chỉ là điều mà tôi nói để chấm dứt cái đau. Và đây vẫn là tôi, và đây vẫn là tấm gương đó. Cũng vẫn khuôn mặt ấy, lặp lại trong ba tấm gương.

Chỉ có điều nó không như cũ. Khuôn mặt này già hơn, lơ lửng phía trên chiếc áo len cashmere mềm mại. Nhưng tiến sĩ Kerry nói đúng: không phải quần áo làm cho khuôn mặt này, người phụ nữ này, khác đi. Chính điều gì đó trong đôi mắt cô ta, điều gì đó toát lên từ khuôn cằm của cô ta – một niềm hy vọng hoặc một niềm tin hoặc lòng tin chắc – rằng một cuộc đời không phải là điều không thể thay đổi được. Tôi không biết gọi điều mình đã nhìn thấy là gì, nhưng tôi cho rằng nó giống như *đức tin*.

Tôi đã lấy lại được cảm giác bình tĩnh yếu ớt, và rời khỏi buồng vệ sinh, mang thái độ bình tĩnh đó cẩn thận như nó là một chiếc đĩa sứ đang được để trên đầu tôi. Tôi đi chậm chậm trong hành lang, bước từng bước ngắn và đều.

“Con đi ngủ đây,” tôi nói khi đi vào Nhà nguyện. “Ngày mai chúng ta sẽ nói chuyện này.”

Bố đang ngồi ở bàn của bố, cầm điện thoại bằng tay trái. “Chúng ta sẽ nói ngay bây giờ,” bố nói. “Bố đã cho Shawn biết những gì mày nói. Nó đang tới đây.”

Tôi đã tính đến việc bỏ chạy. Liệu tôi có thể lấy xe trước khi Shawn bước vào nhà hay không? Chìa khóa xe ở đâu nhỉ? Tôi nghĩ, mình cần lấy máy tính xách tay, trong đó có nghiên cứu của mình. *Bỏ nó lại đi*, đưa con gái ở trong gương giục.

Bố bảo tôi ngồi xuống và tôi ngồi xuống. Tôi không biết mình đã đợi bao lâu trong tình trạng tê liệt vì do dự, nhưng khi cánh cửa kiểu Pháp bật mở và Shawn bước vào, tôi vẫn đang tự hỏi liệu có thời gian để trốn hay không. Bỗng nhiên căn phòng rộng thênh thang trở nên nhỏ xíu. Tôi nhìn hai bàn tay mình. Tôi không thể ngược mắt lên.

Tôi nghe thấy tiếng bước chân. Shawn đã bước vào phòng và bây giờ đang ngồi cạnh tôi trên sofa. Anh đợi tôi nhìn anh, và khi tôi không nhìn, anh đưa tay ra nắm tay tôi. Nhẹ nhàng, như thể anh đang vuốt ve những cánh hoa hồng, anh gỡ những ngón tay tôi thẳng ra và thả một thứ gì đó vào lòng bàn tay tôi. Tôi cảm

thấy cái lạnh của lưỡi dao trước khi tôi nhìn thấy nó, và cảm thấy máu thậm chí trước khi tôi nhìn thấy một vệt đỏ giữa lòng tay.

Con dao nhỏ, chỉ dài hơn chục phân và rất mỏng. Lưỡi dao ánh lên màu đỏ thẫm. Tôi cọ cọ ngón tay cái và ngón trỏ vào nhau, sau đó đưa chúng lên mũi ngửi. Mùi kim loại. Rõ ràng đó là máu. Không phải máu của tôi – anh chỉ đưa nó cho tôi thôi – nhưng máu của ai mới được chứ?

“Nếu mày thông minh, ‘gai ém’ ạ,” Shawn nói, “thì mày sẽ dùng cái này cho chính mày. Bởi vì như thế tốt hơn những gì tao sẽ làm với mày nếu mày không tự làm.”

“Không ai yêu cầu việc ấy đâu,” mẹ nói.

Tôi há hốc miệng nhìn mẹ, rồi nhìn Shawn. Lúc đó chắc hẳn tôi trông như một con ngốc đối với họ, nhưng tôi không hiểu được chuyện đang xảy ra đủ rõ để có thể phản ứng.

Tôi phần nào tự hỏi liệu mình có nên quay vào buồng vệ sinh, chui vào trong gương và cử đưa con gái khác ra, cái đưa con gái mười sáu tuổi ấy. Tôi nghĩ, đưa con gái đó có thể đương đầu với chuyện này. Nó sẽ không sợ hãi như tôi. Nó sẽ không bị tổn thương như tôi. Nó là đá, không yếu mềm như da thịt. Tôi không hiểu rằng chính nỗi yếu mềm ấy – chính việc sống vài năm của một cuộc đời chấp nhận yếu mềm đó – cuối cùng đã cứu tôi.

Tôi nhìn lưỡi dao. Bố bắt đầu thuyết giảng, chốc chốc lại ngừng để mẹ có thể thông qua những nhận xét của bố. Tôi nghe thấy những giọng nói, giọng nói của chính tôi giữa những giọng nói đó, đang ngâm nga bản hòa âm trong một khán phòng cổ kính. Tôi nghe thấy tiếng cười, tiếng rượu vang được rót ra từ một cái chai, tiếng leng keng của những con dao cắt bơ chạm vào đĩa sứ. Tôi nghe được chút ít bài lên lớp của bố, nhưng tôi nhớ chính xác, như thể lúc này nó đang diễn ra, đang được truyền qua đại dương và lùì qua ba buổi hoàng hôn để trở về buổi tối tôi hát với các bạn bè trong đội hợp xướng. Tôi nghĩ, *chắc là mình đã ngủ thiếp đi. Nhiều rượu vang quá. Nhiều thịt gà tây Giáng sinh quá.*

Đã quyết định là mình đang mơ, tôi làm điều mà một người trong mơ làm: tôi cố hiểu và áp dụng các quy luật của hiện thực kỳ quặc này. Tôi tranh luận với những cái bóng kì dị thủ vai gia đình mình, và khi tranh luận thất bại, tôi nói dối. Những kẻ mạo danh đã bẻ cong sự thật. Bây giờ đến lượt tôi bẻ cong nó. Tôi nói với Shawn rằng tôi chẳng nói gì với bố hết. Tôi nói những câu đại loại như “Em không biết bố lấy đâu ra cái ý đó.” và “Chắc bố nghe nhầm.” hy vọng rằng nếu tôi cự tuyệt nhận thức của họ thì họ đơn giản sẽ tiêu tan. Một giờ sau, khi bốn người chúng tôi vẫn đang ngồi trên sofa, tôi cuối cùng cũng chịu chấp nhận sự tồn tại thực thể của họ. Họ ở đây thật, vậy nên tôi cũng thế. Vết máu trên tay tôi đã khô. Con dao nằm trên thảm, bị tất cả mọi người lãng quên, trừ tôi. Tôi không dám nhìn nó. Máu của ai? Tôi nhìn anh trai mình. Người anh ấy không có vết thương.

Bố bắt đầu bài thuyết giảng mới, và lần này tôi thuộc về hiện tại đủ để nghe nó. Bố giải thích rằng những đứa bé gái cần được hướng dẫn để biết cách cư xử thích hợp ở những chỗ có đàn ông, để không trở nên quá hấp dẫn. Bố nhận thấy những thói quen thiếu đứng đắn ở mấy đứa con gái của chị tôi, mà lớn nhất trong số đó mới sáu tuổi. Shawn điềm tĩnh. Anh bị giọng nói đều đều kéo dài liên miên của bố làm cho chùng xuống. Hơn thế, anh cảm thấy được bảo vệ, được thanh minh, để rồi khi bài giảng của bố kết thúc anh nói với tôi, “Anh không biết tối nay mày nói với bố những gì nhưng chỉ nhìn mày thôi anh có thể biết anh đã làm tổn thương mày. Vậy cho anh xin lỗi.

Chúng tôi ôm nhau. Anh cười giống như chúng tôi luôn cười sau một trận đánh nhau. Tôi mỉm cười với anh như tôi luôn làm thế, như *đứa con gái ấy* luôn làm thế. Nhưng *đứa con gái ấy* không có ở đó, và nụ cười đó là giả tạo.

Tôi đi về phòng mình, đóng cửa lại, khẽ khàng cài chốt cửa, và gọi điện cho Drew. Tôi nói chẳng đâu ra đâu vì hoảng sợ, nhưng cuối cùng anh cũng hiểu. Anh nói tôi nên rời khỏi đó, ngay lập tức, và anh sẽ đón tôi ở ngang đường. Tôi

nói tôi không thể. Lúc đó mọi chuyện đã lắng dịu. Nếu cô chạy trốn trong đêm thì tôi không biết chuyện gì sẽ xảy ra.

Tôi lên giường nhưng không ngủ được. Tôi đợi đến sáu giờ sáng, sau đó tôi tìm thấy mẹ trong bếp. Tôi đã mượn xe của Drew để lái về núi Buck, vậy nên tôi nói với mẹ rằng có chuyện đột xuất và Drew cần xe của anh ở Salt Lake. Tôi nói khoảng một hoặc hai ngày sau tôi sẽ quay lại.

Vài phút sau tôi lái xe xuống đồi. Đường cao tốc hiện ra trước mắt tôi khi tôi nhìn thấy gì đó và dừng xe lại. Đó là chiếc xe đầu kéo mà Shawn sống với Emily và Peter trên đó. Cách chiếc xe vài bước chân, gần cửa lên xuống, có máu loang trên mặt tuyết. Có sinh vật nào đã chết ở đó.

Sau này, qua lời kể của mẹ tôi được biết đó là Diego, con chó chăn cừu giống Đức mà vài năm trước Shawn đã mua. Con chó là thú cưng, được Peter rất quý. Tối hôm ấy sau khi bố tôi gọi điện bảo Shawn đến, anh đã bước ra ngoài cái nhà xe đó và dùng dao đâm con chó đến chết trong khi đưa con trai nhỏ của anh, đứng chỉ cách đó vài bước chân, nghe Diego kêu thảm thiết. Mẹ nói vụ hành hình đó chẳng liên quan gì đến tôi hết, rằng đó là bởi con Diego cắn chết lũ gà con của Luke. Mẹ bảo đó chỉ là trùng hợp ngẫu nhiên thôi.

Tôi muốn tin mẹ nhưng tôi không thể. Chuyện con Diego cắn chết lũ gà của Luke xảy ra cách đó đã hơn một năm. Vả lại, con Diego thuộc giống chó thuần chủng. Shawn đã trả năm trăm đô-la mua nó. Anh có thể bán nó đi kia mà.

Nhưng lý do thực sự khiến tôi không tin lời mẹ chính là con dao. Tôi đã nhìn thấy bố và các anh trai mình buộc phải cho hàng chục con chó chết trong từng ấy năm – hầu hết là chó hoang, mà nếu không “bị xử” thì chúng sẽ không tránh xa chuồng gà. Tôi chưa bao giờ thấy ai dùng dao với một con chó. Chúng tôi bắn chúng, bắn vào đầu hoặc vào tim, để cái chết diễn ra thật nhanh. Nhưng Shawn đã chọn một con dao, và con dao có lưỡi chỉ bằng ngón tay cái của anh.

Đó là con dao mà người ta chọn để trải nghiệm giết chóc, để cảm thấy máu chảy xuống tay khi tim của sinh vật bị hại ngừng đập. Đó không phải con dao

của người nông dân, thậm chí chẳng phải con dao của đồ tể. Đó là con dao của cơn cuồng nộ.

Tôi không biết chuyện gì đã xảy ra trong những ngày sau đó. Thậm chí bây giờ, khi xem xét kỹ lưỡng các yếu tố của cuộc chạm trán – nào là đe dọa, phủ nhận, nào là thuyết giảng, xin lỗi – tôi thấy thật khó để kể lại. Nhiều tuần sau, khi tôi nghĩ về nó, tôi thấy dường như mình đã phạm cả nghìn sai lầm, cắm hàng nghìn mũi dao vào trái tim của chính gia đình mình. Chỉ sau này tôi mới chợt nghĩ rằng bất cứ thiệt hại nào xảy ra tối hôm đó có thể đều do mình tôi gây ra. Và phải hơn một năm sau tôi mới hiểu cái điều mà đáng lẽ đã rõ ràng ngay lập tức: rằng mẹ tôi không đối đầu với bố tôi, và bố tôi không đối đầu với Shawn. Bố chưa bao giờ hứa giúp tôi và Audrey. Mẹ đã nói dối.

Giờ đây, khi tôi nhớ lại lời mẹ, nhớ cách chúng xuất hiện như bởi phép màu trên màn hình, một chi tiết nổi bật hơn tất cả những điều còn lại: rằng mẹ đã miêu tả bố là người mắc chứng rối loạn lưỡng cực. Đó chính là chứng rối loạn mà tôi đã ngờ rằng bố mắc phải. Đó là lời của tôi, chứ không phải của mẹ. Rồi tôi tự hỏi phải chăng, có lẽ mẹ, người luôn phản ánh hoàn hảo ý muốn của bố, đêm hôm đó đơn thuần đã phản ánh ý muốn của tôi.

Không, tôi tự nhủ. Đó là lời của mẹ. Nhưng có là của mẹ hay không, thì những lời đã an ủi và xoa dịu tôi cũng rộng tuếch. Tôi không dám nói là chúng không đáng tin cậy, nhưng lòng chân thật đã không thể tạo cốt lõi cho chúng, và chúng bị những luồng ý kiến khác, mạnh hơn cuốn đi.

Chương 35

Phía Tây Của Mặt Trời

TÔI TRỐN KHỎI NÚI VỚI NHỮNG CÁI TÚI CHƯA ĐƯỢC NHÉT ĐẦY ĐỒ và không về lấy những thứ mà tôi đã bỏ lại. Tôi tới Salt Lake và ở đó với Drew cho đến hết kỳ nghỉ.

Tôi cố quên tối hôm ấy. Lần đầu tiên trong mười lăm năm, tôi gấp cuốn nhật ký lại, và cất nó đi. Ghi nhật ký là suy tư, mà tôi thì không muốn suy tư về bất cứ điều gì.

Sau ngày đầu năm mới tôi trở lại Cambridge, nhưng tôi rút lui khỏi bạn bè. Tôi đã thấy trái đất rung, đã cảm nhận được cú sốc mở đầu; giờ đây tôi đợi sự kiện địa chấn sẽ làm thay đổi cảnh quan. Tôi biết nó sẽ bắt đầu như thế nào. Shawn sẽ nghĩ về những gì bố đã nói với anh trên điện thoại, và sớm muộn gì anh cũng sẽ hiểu ra rằng khi tôi phủ nhận – rằng bố hiểu lầm tôi – là tôi dối trá. Khi hiểu ra sự thật, anh sẽ khinh thường bản thân anh trong khoảng một giờ. Sau đó anh sẽ chuyển nỗi khinh ghét đó sang tôi.

Điều đó xảy ra vào đầu tháng Ba. Shawn gửi cho tôi một bức thư điện tử. Không chào, không có tin tức gì. Chỉ có một chương trích từ Kinh Thánh, từ Phúc âm Matthew, với một câu in đậm được tách riêng: *Hỡi dòng dõi rắn lục, bay vốn là loài xấu, làm sao nói được sự tốt?* Câu đó làm máu tôi đóng băng.

Một giờ sau Shawn gọi điện cho tôi. Giọng anh bình thường, và chúng tôi nói chuyện hai mươi phút về Peter, về chuyện phôi thai bé đang phát triển. Rồi anh nói:

“Anh phải quyết định một điều, và anh muốn có lời khuyên của em.”

“Được mà.”

“Tao không thể quyết định,” anh cất tiếng. Anh ngừng một lát, và tôi nghĩ có lẽ điện thoại bị gián đoạn kết nối. “Tao nên tự giết mày, hay là thuê một thằng ám sát.” Nổi im lặng đầy tĩnh điện. “Thuê có lẽ rẻ hơn, khi tao tính đến tiền vé máy bay,”

Tôi vờ như không hiểu, nhưng điều đó chỉ khiến anh hùng hổ hơn. Bây giờ anh phóng ra những lời lăng mạ, những tiếng gầm gừ. Tôi cố làm anh bình tĩnh lại nhưng vô ích. Cuối cùng chúng tôi đã hiểu nhau. Tôi gác máy, nhưng anh gọi lại một lần, lần nữa và lần nữa, mỗi lần đều nhắc lại một điều rằng tôi nên cẩn thận, rằng kẻ ám sát anh thuê sẽ đến tìm tôi. Tôi gọi điện cho bố mẹ.

“Nó không có ý đồ đâu,” mẹ nói. “Dù sao, nó cũng chẳng có nhiều tiền đến mức ấy.”

“Điều đó không quan trọng,” tôi nói.

Bố muốn có bằng chứng. “Mày không ghi âm lại cuộc gọi đó sao?” Bố nói. “Làm sao bố biết nó có nói nghiêm túc không chứ?”

“Anh ấy nói giống như anh ấy đã dọa con với con dao dính máu đó,” tôi nói.

“Nó nói đùa thôi.”

“Điều đó không quan trọng,” tôi lặp lại.

Cuối cùng những cuộc gọi cũng chấm dứt, nhưng không phải vì bất cứ điều gì bố mẹ tôi đã làm. Chúng chấm dứt khi Shawn loại bỏ tôi khỏi cuộc sống của anh. Anh viết thư, bảo tôi hãy tránh xa vợ con anh, tránh xa anh. Bức thư đó dài, cả nghìn từ buộc tội và chọc tức, nhưng cuối thư giọng anh buồn rầu. Anh nói anh yêu những anh em trai của anh, rằng họ là những người đàn ông tốt nhất mà anh biết. Anh viết, *tao yêu mày nhất trong số đó, nhưng lúc nào mày cũng đâm dao vào lưng tao.*

Đã nhiều năm tôi không còn gần bó với anh trai mình, nhưng mất mát đó, dù tôi đã biết trước nhiều tháng, vẫn khiến tôi choáng váng.

Bố mẹ tôi nói rằng anh có lý trong việc từ mặt tôi. Bố nói tôi quá kích động, rằng tôi đã đưa ra lời buộc tội thiếu suy nghĩ khi mà rõ ràng trí nhớ của tôi không đáng tin cậy. Mẹ nói nổi tức giận của tôi là một mối đe dọa thực sự và rằng Shawn có quyền bảo vệ gia đình anh. “Con tức giận của con tối hôm đó,” mẹ nói với tôi trên điện thoại, ám chỉ cái tối Shawn giết con Diego, “nguy hiểm gấp đôi Shawn kia.”

Hiện thực hóa lòng. Đắt dưới chân tôi sụt xuống, lồi tôi xuống phía dưới, xoay tròn nhanh chóng mặt, như cát chảy qua một lỗ ở đáy vũ trụ. Lần tiếp theo chúng tôi nói chuyện, mẹ bảo với tôi rằng con dao đó không hề có ý đe dọa. “Shawn cố làm cho con thoải mái hơn,” mẹ nói. “Nó biết nếu nó cầm dao thì con sợ, vậy nên nó đưa con dao cho con.” Một tuần sau mẹ nói chẳng có con dao nào ở đó hết.

“Khi nói chuyện với con,” mẹ nói, “sự thật của con rất cong vênh. Nói chuyện với con giống như nói với người nào đó không từng ở đây vậy.”

Tôi đồng ý. Sự thực đúng là như vậy đó.

Mùa hè đó tôi được cấp một khoản kinh phí để đi làm nghiên cứu ở Paris. Drew đi cùng tôi. Căn hộ của chúng tôi ở quận sáu, gần vườn Luxembourg. Cuộc sống của tôi ở đó hoàn toàn mới, và gần với tình trạng sáo rỗng hết mức mà tôi có thể tạo ra. Tôi bị cuốn hút vào những phần của thành phố nơi có đông khách du lịch nhất để tôi có thể ném mình vào giữa đám đông. Đó là một dạng cuồng nhiệt của quên lãng, và tôi dành cả mùa hè theo đuổi nó: để mình mất hút trong đám đông khách du lịch, cho phép bản thân được xóa sạch cá tính, tính cách, toàn bộ lịch sử. Điểm tham quan nào càng đông thì tôi càng bị cuốn vào.

Tôi ở Paris được vài tuần và vào một buổi trưa, vừa mới từ lớp học tiếng Pháp ra, tôi dừng chân tại một quán cà phê để kiểm tra thư điện tử. Có một bức thư của chị gái tôi.

Bố tôi tới nhà chị trên đó – tôi hiểu câu này ngay lập tức – nhưng tôi phải đọc thư vài lần mới hiểu được chính xác. Bố tôi chứng minh với chị rằng Shawn đã được Chúa Cứu thế[Ⓢ] gột rửa, rằng bây giờ anh là một con người mới. Bố muốn cảnh báo Audrey rằng nếu chị còn khơi lại quá khứ thì điều đó sẽ hủy hoại cả gia đình chúng tôi. Bố nói, việc Audrey và tôi tha thứ cho Shawn là ý Chúa. Nếu chúng tôi không tha thứ, tội lỗi của chúng tôi sẽ lớn hơn.

Tôi có thể dễ dàng mừng rỡ ra cuộc gặp đó, vẻ nghiêm trang của bố khi bố ngồi đối diện với chị tôi, cũng như sự sùng kính và uy quyền trong lời nói của

bố.

Audrey nói với bố rằng chị cũng đã được Chúa Cứu thế chuộc tội cho từ lâu, được tiếp thêm sức mạnh và đã tha thứ cho anh trai mình. Chị nói rằng tôi đã khiêu khích chị, khuấy động cơn tức giận bên trong chị. Rằng tôi đã phản bội chị bởi vì tôi đã cho phép bản thân đầu hàng trước nỗi sợ hãi, vương quốc của quỷ Satan, hơn là bước đi bên Chúa cùng với đức tin. Chị nói điều đó rất nguy hiểm bởi vì tôi đã bị nỗi sợ hãi và cha đẻ của nỗi sợ hãi là quỷ Satan điều khiển.

Cuối thư chị viết rằng tôi không được đón chào ở nhà chị, hoặc thậm chí gọi điện cho chị cũng không, trừ khi có người nào khác giám sát để chị không bị khuất phục trước ảnh hưởng của tôi. Khi tôi đọc dòng đó, tôi cười phá lên. Tình huống éo le nhưng không phải là không mĩa mai: vài tháng trước, chính Audrey đã nói rằng Shawn nên chịu giám sát khi có mặt bọn trẻ. Bây giờ, sau những nỗ lực của chúng tôi, người sẽ bị giám sát là tôi.

Khi tôi mất chị gái mình, tôi mất gia đình.

Tôi biết bố sẽ dành cho các anh trai tôi những cuộc viếng thăm tương tự. Họ có tin bố không? Tôi nghĩ họ tin. Suy cho cùng, Audrey sẽ xác nhận nó. Sự phủ nhận của tôi, những lời huênh hoang rỗng tuếch của một người xa lạ, sẽ trở nên vô nghĩa. Tôi đã đi quá xa, đã thay đổi quá nhiều, chỉ còn rất ít nét giống với đứa con gái đầu gối ghẽ lở mà họ nhớ là em gái họ.

Có rất ít hy vọng kiểm soát cái quá khứ mà bố và chị gái đang nhào nặn cho tôi. Lời kể của họ sẽ thuyết phục các anh trai tôi trước, sau đó nó sẽ lan tới các cô dì, chú bác, các anh chị em họ của tôi, và tới khắp thung lũng. Tôi đã mất hết họ hàng, và vì chuyện gì nhỉ?

Đang trong trạng thái tinh thần đó tôi nhận được một bức thư khác: tôi đã giành được học bổng nghiên cứu ngắn hạn tại Harvard. Tôi không nghĩ có bao giờ mình nhận được một tin như vậy với nỗi dửng dưng hơn thế. Tôi biết mình nên cảm thấy ngập tràn biết ơn rằng mình, một đứa con gái dốt nát chui ra từ một đồng phế liệu, lại được phép học ở đó, nhưng tôi không thể nào hứng khởi trong

hoàn cảnh đó. Tôi bắt đầu nhận thức được mình phải trả giá những gì khi tiếp cận với nền giáo dục, và bắt đầu oán giận nó.

Sau khi đọc thư của Audrey, tôi thấy quá khứ thay đổi. Điều đó bắt đầu với ký ức của tôi về chị. Chúng biến đổi. Khi tôi nhớ lại bất cứ giây phút nào của thời ấu thơ tôi và chị bên nhau, những giây phút dịu dàng hoặc hài hước, những lúc đứa con gái là tôi và đứa con gái là chị, ký ức lập tức thay đổi, bị vấy bẩn, trở nên thối rữa, Quá khứ trở nên đáng ghê sợ chẳng khác gì hiện tại.

Thay đổi ấy lặp lại với mỗi thành viên gia đình tôi. Những kỷ niệm của tôi về họ trở thành điềm báo, sự kết tội. Đứa bé gái trong gia đình họ, đứa bé đã từng là tôi, không còn là một đứa bé nữa, mà đã trở thành gì đó khác, đầy đe dọa và thâm độc, một đối tượng sẽ hủy hoại họ.

Cả tháng trời đứa trẻ quái vật đó len theo tôi trước khi tôi tìm được một logic để trục xuất nó: logic đó là, có lẽ tôi bị điên. Nếu tôi bị điên thì mọi chuyện xảy ra thật dễ hiểu. Nếu tôi không bị điên thì chẳng chuyện gì có thể hiểu nổi. Cái logic này dường như thật đáng nguyên rủa. Nhưng nó cũng là một sự giải thoát. Tôi không xấu xa; tôi bị bệnh.

Tôi bắt đầu chiều theo đánh giá của người khác, luôn luôn chiều theo. Nếu Drew nhớ một điều gì đó khác so với tôi đã nhớ thì tôi lập tức thừa nhận điều đó theo cách của anh. Tôi bắt đầu dựa vào Drew để anh kể cho tôi nghe những sự kiện trong cuộc sống của chúng tôi. Tôi thích thú với mỗi nghi ngờ bản thân xem liệu tuần trước hoặc tuần trước nữa chúng tôi có gặp một người bạn đặc biệt nào hay không, hoặc tiệm bánh kẹp ưa thích của tôi ở cạnh thư viện hay gần bảo tàng. Việc hỏi những chuyện lặt vặt như thế, và khả năng nắm bắt chúng của tôi, cho phép tôi nghi ngờ rằng liệu bất cứ điều gì tôi nhớ có thật sự xảy ra hay không.

Những trang nhật ký của tôi là một vấn đề. Tôi biết rằng ký ức của tôi không chỉ là ký ức, rằng tôi đã ghi lại chúng, rằng chúng tồn tại dưới dạng mực đen, giấy trắng. Điều này không chỉ có nghĩa là trí nhớ của tôi không chính xác. Áo

giác nằm ở sâu hơn, ở phần cốt lõi của trí não tôi, phần hư cấu ra mọi khoảnh khắc của sự việc, sau đó ghi lại những gì nó đã hư cấu.

Trong tháng tiếp theo tôi sống cuộc sống của kẻ mất trí. Nhìn nắng tôi ngỡ đó là mưa. Tôi cảm thấy mình luôn muốn nhờ mọi người xác nhận xem họ có đang nhìn thấy những gì tôi thấy hay không. Cuốn sách này màu xanh đấy chứ? Tôi muốn hỏi. Người đàn ông đó cao nhỉ?

Đôi khi mỗi hoài nghi này được thể hiện chắc chắn và cương quyết: có những ngày càng nghi ngờ trí minh mẫn của mình, tôi lại càng quyết liệt bảo vệ những ký ức, “sự thật” của riêng mình. Shawn bạo lực, nguy hiểm, và bố tôi là người bảo vệ của anh. Tôi không thể chịu nổi khi nghe bất cứ một ý kiến nào khác về chuyện này.

Vào những lúc đó, tôi cuống cuống tìm kiếm một lý do để nghĩ mình không điên. Bằng chứng. Tôi cần bằng chứng như cần khí trời. Tôi viết thư cho Erin – người phụ nữ mà Shawn đã hẹn hò trước và sau khi hẹn hò với Sadie, người mà từ năm mười sáu tuổi tôi chưa gặp lại. Tôi nói với chị những gì tôi nhớ và hỏi chị, thẳng thừng, rằng liệu có phải tôi bị loạn trí hay không. Chị trả lời ngay tắp lự rằng tôi không hề loạn trí. Để giúp tôi tin bản thân, chị chia sẻ những ký ức của chị – về chuyện Shawn quát vào mặt chị rằng chị là *đồ điên*. Từ đó đập vào tâm trí tôi. Tôi không nói với chị rằng anh cũng gọi tôi như thế.

Erin kể với tôi một chuyện khác. Một lần, khi chị nói lại Shawn – chỉ một chút thôi, chị nói, như thể thái độ của chị bị đem ra xét xử – anh lôi chị ra khỏi nhà chị và đập đầu chị vào bức tường gạch mạnh đến nỗi chị nghĩ anh sẽ giết chết chị. Hai bàn tay anh khóa cổ họng chị. *Lần đó mình may mắn, chị viết. Mình đã kịp kêu lên trước khi anh ta bắt đầu làm mình ngạt thở, và bà mình nghe thấy tiếng kêu, kịp ngăn anh ta lại. Nhưng mình biết mình đã nhìn thấy gì trong mắt anh ta.*

Bức thư của chị như một thanh vịn gắn với sự thật, một thanh vịn mà tôi có thể đưa tay ra với và nắm chặt lấy khi đầu óc tôi bắt đầu quay cuồng. Đúng là như vậy, cho đến khi tôi chợt nảy ra ý nghĩ có thể chị ấy cũng điên như mình. Chị

ấy rõ ràng đã bị tổn thương, tôi tự nhủ. Làm sao tôi có thể tin lời kể của chị sau những gì chị đã trải qua? Tôi không thể trao lòng tin cho người phụ nữ này bởi vì hơn ai hết, tôi biết những tổn thương tâm lý nơi chị nghiêm trọng đến mức nào. Vậy nên tôi tiếp tục tìm kiếm bằng chứng từ nguồn khác.

Bốn năm sau, hoàn toàn tình cờ, tôi có được bằng chứng đó.

Trong khi đi làm nghiên cứu ở Utah, tôi gặp một người đàn ông trẻ, người đã “nóng mặt” khi biết họ của tôi.

“Westover,” anh ta nói, mặt sa sầm. “Cô có họ hàng gì với Shawn không?”

“Anh trai tôi đây.”

“Ồ, lần cuối cùng tôi gặp anh trai cô,” anh ta nói, nhấn mạnh mấy từ cuối cùng như thể anh đang phỉ nhổ vào nó, “hắn ta đang dùng hai tay bóp cổ em họ tôi, và hắn đập đầu cô ấy vào tường gạch. Nếu không có bà tôi thì hắn đã giết con bé.”

Bằng chứng đấy. Một nhân chứng. Một lời kể không thiên vị. Nhưng khi tôi nghe chuyện đó, tôi không còn cần nghe nó nữa. Con sói nghi ngờ bản thân đã dứt từ lâu. Không phải là tôi tuyệt đối tin trí nhớ của mình, mà tôi tin nó nhiều như tin trí nhớ của bất cứ ai, và tin nhiều hơn trí nhớ của một số người.

Nhưng đó là nhiều năm xa rồi.

Chương 36

Bốn Cánh Tay Dài, Xoay Tít

ĐÓ LÀ MỘT BUỔI TRƯA THÁNG CHÍN ĐẦY NẮNG khi tôi cố nhắc chiếc vali của mình qua khu Harvard Yard. Kiến trúc thời thuộc địa của nó khiến tôi có cảm giác xa lạ nhưng cũng diêm dúa và kém phần uy nghi so với những tháp nhọn kiểu Gothic của trường Cambridge. Thư viện trung tâm, được gọi là Thư viện Widener, là thư viện rộng nhất tôi từng thấy, và trong vài phút tôi quên năm vừa qua của mình, nhìn nó không chớp mắt trong nỗi kinh ngạc.

Phòng của tôi nằm trong khu kí túc xá dành cho nghiên cứu sinh gần trường Luật. Nó nhỏ và giống như cái hang – tối tăm, ẩm thấp, lạnh lẽo, với những bức tường màu xám tro và đá lát lạnh lẽo màu xám chì. Tôi dùng ít thời gian ở trong đó hết mức có thể. Trường đại học dường như mở ra một khởi đầu mới, và tôi định nhận lấy cơ hội đó. Tôi đăng ký mọi khóa học mà tôi có thể chen vào thời gian biểu, từ khóa học về Chủ nghĩa duy tâm ở Đức, Lịch sử của chủ nghĩa thể tục đến các khóa học về Chủ nghĩa vô thần, và Luật. Hàng tuần tôi tham gia nhóm nghiên cứu để thực hành tiếng Pháp và tham gia một nhóm khác để học đan. Trường đào tạo sau đại học mở một khóa học vẽ chì than miễn phí. Trong đời mình tôi chưa bao giờ vẽ, nhưng tôi cũng đăng ký học.

Tôi bắt đầu đọc – Hume, Rousseau, Smith, Godwin, Wollstonecraft và Mill. Tôi chìm đắm vào thế giới mà họ đã sống, những vấn đề mà họ đã cố giải quyết. Tôi trở nên bị ám ảnh bởi quan niệm của họ về gia đình – một con người phải cân nhắc giữa các bổn phận đặc biệt của mình với gia đình và những bổn phận với toàn xã hội. Sau đó tôi bắt đầu viết, dệt những sợi mà tôi rút ra được từ cuốn *Những nguyên tắc đạo đức* của Hume với những sợi từ cuốn *Quá trình nô lệ hóa người phụ nữ* của Mill. Đó là một bài viết hay, thậm chí khi ngồi viết nó tôi đã biết điều đó, và khi tôi viết xong tôi để nó ra một chỗ. Đó là chương đầu tiên trong luận văn tiến sĩ của tôi.

Một buổi sáng Chủ nhật, vừa từ lớp học vẽ về tôi thấy có thư của mẹ. Mẹ nói, bố mẹ sẽ đến Harvard. Tôi đọc dòng đó ít nhất ba lần, tin chắc mẹ đang đùa. Bố chẳng đi đâu cả – tôi chưa bao giờ thấy bố đi bất cứ đâu trừ đi Arizona để thăm bà nội tôi – vậy nên ý tưởng bố sẽ bay dọc đất nước để thăm đứa con gái mà bố tin là đã bị quỷ dữ chiếm mất dường như thật đáng buồn cười. Thế rồi tôi hiểu: bố sẽ đến để cứu vớt tôi. Mẹ nói bố mẹ đã đặt vé máy bay rồi và sẽ ở lại phòng ký túc xá của tôi.

“Bố mẹ có muốn ở khách sạn không ạ?” Tôi hỏi. Bố mẹ không muốn.

Vài ngày sau, tôi đăng nhập vào một chương trình trò chuyện qua mạng mà đã nhiều năm rồi tôi không sử dụng. Có một tiếng *keng* vui nhộn và một cái tên chuyển từ màu xám sang màu xanh lá. Charles đang trực tuyến. Tôi không nhớ chắc chắn ai là người bắt đầu cuộc trò chuyện, hoặc ai đã gợi ý chuyển từ gõ phím sang nói chuyện điện thoại. Chúng tôi nói chuyện một tiếng đồng hồ, và cứ như không một giây phút nào đã trôi qua.

Anh hỏi tôi đang học ở đâu; khi tôi trả lời, anh nói, “Harvard! Tuyệt quá!”

“Ai nghĩ em sẽ học Harvard chứ gì?”

“Anh nghĩ thế,” anh nói, và đó là sự thật. Anh luôn nhìn nhận tôi như thế, từ rất lâu rồi, trước khi có bất cứ lý do nào để làm thế.

Tôi hỏi anh làm gì sau khi tốt nghiệp đại học và tôi nhận thấy nỗi im lặng căng thẳng. “Mọi chuyện không như anh dự tính,” anh nói. Anh chưa bao giờ tốt nghiệp. Anh bỏ học giữa năm thứ hai sau khi con trai anh ra đời, bởi vì vợ anh bị ốm và có một đồng đơn thuốc cần thanh toán. Anh đăng ký đi khoan dầu ở Wyoming. “Anh chỉ định làm vài tháng thôi,” anh nói. “Đó là một năm trước.”

Tôi kể với anh về Shawn, kể tôi đã mất Shawn, và đang mất gia đình của mình như thế nào. Anh lắng nghe trong im lặng, rồi sau khi trút một tiếng thở dài anh nói, “Em đã bao giờ nghĩ có lẽ em nên buông bỏ họ chưa?”

Tôi chưa từng nghĩ vậy, chưa một lần nào. “Chuyện đó không phải là mãi mãi,” tôi nói. “Em có thể hàn gắn.”

“Thật buồn cười là em có thể thay đổi nhiều như vậy,” Charles nói, “nhưng em nói nghe vẫn y như khi chúng mình mười bảy.”

Bố mẹ tôi đến khi lá cây bắt đầu chuyển màu, khi khuôn viên đại học đang bước vào khoảng thời gian đẹp nhất, những chiếc lá đỏ, lá vàng của mùa thu hòa quyện với màu gạch đỏ tía. Với văn phạm của người quê mùa cục mịch, chiếc áo sơ mi vải bông chéo và mũ lưỡi trai có biểu tượng thành viên trọn đời của hội các thợ săn và những người thích súng NRA, bố sẽ luôn lạc lõng ở Harvard, nhưng những vết sẹo của bố làm tăng hiệu ứng đó. Trong nhiều năm kể từ khi vụ nổ xảy ra, tôi đã nhiều lần nhìn bố, nhưng chỉ đến khi bố tới Harvard và tôi nhìn bố đối nghịch với cuộc sống của tôi ở đó, tôi mới hiểu bản thân bố đã biến dạng nặng đến mức nào. Nhận thức ấy đến với tôi qua con mắt của người khác – những người lạ chợt biến sắc mặt khi bố đi qua họ trên đường, những người ngoài lại để nhìn bố lần thứ hai. Sau đó tôi cũng nhìn bố, và nhận thấy da ở cằm bố căng đến mức nào, trông y như nhựa; môi bố thiếu tròn trịa tự nhiên ra sao; má bố hõm vào một góc trông gần như bộ xương. Bàn tay phải của bố, bàn tay bố thường giơ lên để chỉ thứ này, thứ nọ, xương xẩu, cong queo và khi tôi nhìn nó, tương phản với những tháp chuông và cột cổ kính của Harvard, dường như đối với tôi nó là móng vuốt của một sinh vật nào đó trong thần thoại.

Bố hầu như không quan tâm đến trường đại học ấy, vậy nên tôi đưa bố vào thành phố. Tôi hướng dẫn bố cách lên tàu điện ngầm – cách trượt thẻ qua rãnh và đi qua cánh cửa quay. Bố cười rõ to, như thể đó là một công nghệ không tưởng. Một người đàn ông vô gia cư đi dọc toa của chúng tôi hỏi xin một đô-la. Bố đưa cho ông ta tờ năm mươi đô nhàu nhĩ.

“Nếu bố tiếp tục làm thế ở Boston thì bố sẽ không còn đồng nào đâu,” tôi nói.

“Bố không tin,” bố vừa nháy mắt vừa nói. “Bố mẹ đang ăn nên làm ra lắm. Bố mẹ tiêu không hết đâu!”

Vì sức khỏe của bố không được tốt, bố ngủ trên giường. Tôi mua một tấm nệm hơi cho mẹ. Tôi ngủ trên sàn gạch. Cả bố và mẹ đều ngáy như sấm, và tôi

mất ngủ cả đêm. Khi mặt trời mọc tôi vẫn nằm trên sàn, nhắm mắt, thở chậm và sâu, trong khi bố mẹ lục tủ lạnh mini của tôi và bàn luận về tôi bằng giọng thì thầm.

“Chúa cử tôi đến để làm chứng,” bố nói. “Con bé có lẽ chưa được đưa đến cho Chúa đâu.”

Trong khi họ nghĩ cách tìm lại con người cũ của tôi, tôi nghĩ cách để mặc họ làm. Tôi sẵn sàng nhượng bộ, dù điều đó có nghĩa là một câu thần chú. Một phép màu sẽ có ích đấy: nếu tôi dàn cảnh tái sinh thuyết phục thì tôi có thể tách khỏi mọi điều mình đã nói và làm trong năm vừa qua. Tôi có thể rút lại tất cả – đổ lỗi cho quỷ Satan và được làm lại cuộc đời. Tôi mừng tưng, là một mạch máu sạch tinh, mình sẽ được quý mến nhường nào. Sẽ được yêu quý ra sao. Tất cả những gì tôi phải làm là đổi những ký ức của tôi lấy những ký ức của bố mẹ, và tôi lại có thể có được gia đình.

Bố muốn tới thăm Sacred Grove ở Palmyra, New York – khu rừng, nơi mà theo nhà tiên tri Joseph Smith, Chúa đã hiển linh và ra lệnh cho ngài lập một giáo hội đích thực. Chúng tôi thuê một chiếc xe hơi và sáu giờ sau đã có mặt ở Palmyra. Gần khu rừng, nằm tách khỏi đường cao tốc, có một đền thờ sáng lung linh, trên đỉnh có bức tượng thiên sứ Moroni bằng vàng. Bố dừng xe và bảo tôi đi qua khuôn viên của đền thờ. “Hãy chạm vào đền thờ,” bố nói. “Sức mạnh của nó sẽ gột rửa con.”

Tôi nhìn kỹ mặt bố. Vẻ mặt bố căng – tha thiết, tuyệt vọng. Với tất cả những cảm xúc đó bố muốn tôi chạm vào đền thờ và được cứu rỗi.

Bố và tôi nhìn đền thờ. Bố nhìn thấy Chúa; tôi nhìn thấy đá granite. Bố con tôi nhìn nhau. Bố thấy một phụ nữ bị nguyên rủa; tôi nhìn thấy một ông già mắc bệnh tâm thần, bị các tín điều của ông làm biến dạng theo nghĩa đen. Tuy nhiên, đắc thắng. Tôi nhớ những lời của Sancho Panza: *Một hiệp sĩ giang hồ là người bị đánh bại và sau đó thấy mình là hoàng đế.*

Giờ đây khi tôi nhớ lại lúc đó, hình ảnh ấy nhòa đi, tái lập thành hình ảnh một hiệp sĩ đầy nhiệt huyết cưỡi chiến mã, lao vào một trận đánh tưởng tượng, tấn

công những cái bóng, thọc gươm vào lớp không khí mỏng. Cầm của hiệp sĩ toát lên vẻ nghiêm nghị, lưng thẳng thớm. Đôi mắt người đó bùng bùng kết tội, phóng ra những tia lửa thiêu đốt cả nơi đôi mắt đó ngự trị. Mẹ tôi ném về phía tôi cái nhìn hoài nghi, uể oải, nhưng khi bố liếc nhìn mẹ bố mẹ hợp nhất về tinh thần, sau đó cả hai người dùng thương tấn công những cối xay gió.

Tôi đi qua khuôn viên và đặt tay lên mặt đá của đền thờ. Tôi nhắm mắt lại, cố tin rằng hành động đơn giản này có thể tạo ra phép màu mà bố mẹ nguyện cầu cho tôi. Tất cả những gì tôi phải làm là chạm vào di tích này, và bằng sức mạnh của Đấng Toàn Năng, tất cả sẽ lại đâu vào đấy.

Nhưng tôi chẳng cảm thấy gì. Chỉ thấy đá lạnh.

Tôi trở lại xe. “Đi thôi,” tôi nói.

Khi mà chính cuộc sống dường như là điên rồ thì ai biết sự điên rồ nằm ở đâu?

Trong những ngày sau, tôi viết câu ấy ở mọi chỗ – viết vô thức, bột phát. Giờ đây tôi tìm thấy dòng chữ trong các cuốn sách mà đạo đó tôi đang đọc, trong những cuốn vở ghi bài, trên lề của những trang nhật ký. Đọc nó là đọc một câu thần chú. Tôi bắt bản thân phải tin nó – tin rằng không có khác biệt thực sự giữa những gì tôi biết là thật và những gì tôi biết là không thật. Để thuyết phục bản thân rằng có chút giá trị nào đó trong những gì tôi đã tính toán để làm, trong việc nhượng bộ những nhận thức về đúng, sai của mình, về hiện thực, về trí minh mẫn, để giành được tình yêu của bố mẹ. Vì họ, tôi tin mình có thể mặc áo giáp, tấn công gã khổng lồ, dù những gì tôi nhìn thấy chỉ là những cối xay gió.

Chúng tôi vào khu rừng thiêng Sacred Grove. Tôi đi đầu và tìm được một chiếc ghế băng dưới tán cây. Đó là một khu rừng tươi đẹp và đậm lịch sử. Nó là lý do tổ tiên của tôi đến nước Mỹ. Một cành cây nhỏ gãy *tách*, và bố mẹ tôi xuất hiện. Họ ngồi xuống bên tôi, mỗi người một bên.

Bố nói trong suốt hai tiếng đồng hồ. Bố chứng minh rằng bố đã nhìn thấy các thiên thần và quỷ dữ. Bố đã thấy quỷ dữ hiện hình rõ ràng rành rành, và đã được Chúa Jesus ghé thăm, như những nhà tiên tri thời xưa, như Joseph Smith đã được gặp

Chúa trong khu rừng này. Bố nói, niềm tin của bố không còn là niềm tin, mà là trạng thái tri ngộ hoàn hảo.

“Con đã bị quỷ Satan điều khiển,” bố thì thầm, bàn tay bố đặt trên vai tôi. “Bố có thể cảm thấy điều đó ngay khi bố bước chân vào phòng con.”

Tôi nghĩ đến phòng ký túc xá của mình – nghĩ đến những bức tường u ám và gạch lát lạnh lẽo, nhưng cũng nghĩ đến những bông hoa hướng dương mà Drew đã gửi tới, cùng bức tranh thảm treo tường mà một người bạn Zimbabwe đã mang sang từ ngôi làng của anh.

Mẹ không nói gì. Mẹ nhìn đăm đăm xuống đất, mắt mẹ long lanh, môi mẹ mím lại. Bố khích tôi phản ứng. Tôi tìm kiếm nơi bản thân mình, tìm sâu bên trong, dò dẫm tìm những lời mà bố cần nghe. Nhưng những lời đó không ở trong tôi, hoặc chưa.

Trước khi chúng tôi trở lại Harvard, tôi thuyết phục bố mẹ đi đường vòng tới thác Niagara. Bầu không khí trong xe nặng nề, và thoát đầu tôi tiếc vì đã gợi ý đi theo đường vòng, nhưng khi bố nhìn thấy thác nước, tâm trạng của bố thay đổi hẳn, trở nên hoan hỉ.

Tôi có một chiếc máy ảnh. Bố luôn ghét máy ảnh nhưng khi bố nhìn thấy máy ảnh của tôi mắt bố sáng lên đầy phấn khích. “Tara! Tara!” bố reo lên, chạy lên trước tôi và mẹ. “Hãy chụp một bức ở góc này. Không đẹp sao!” Cứ như thể bố hiểu rằng chúng tôi đang gói ghém một kỷ niệm, một điều gì đó đẹp để mà sau này chúng tôi sẽ cần đến. Hoặc có lẽ tôi tưởng như vậy bởi vì lúc đó tôi cảm thấy thế. Tôi viết trong nhật ký, *Có vài bức ảnh của hôm nay có thể sẽ giúp mình quên khu rừng ấy. Có một bức ảnh mình và bố vui vẻ bên nhau. Là bằng chứng cho thấy điều đó là có thể.*”

Khi chúng tôi trở lại Harvard, tôi đề nghị thuê khách sạn cho bố mẹ. Bố mẹ không chịu đi. Trong một tuần, chúng tôi chen chúc nhau trong phòng ký túc xá của tôi. Sáng nào bố cũng lê bước qua một tầng cầu thang tới phòng tắm chung với một chiếc khăn tắm màu trắng nhỏ trên người. Nếu là ở BYU điều đó sẽ

khiến tôi xấu hổ, nhưng ở Harvard tôi nhún vai. Tôi đã vượt trên nỗi ngượng ngùng rồi. Ai nhìn thấy bố, hoặc bố nói gì với họ, hoặc làm họ sốc ra sao thì quan trọng gì chứ? Điều tôi quan tâm là ý kiến *của bố*, bố là người tôi đang để mắt.

Rồi cũng đến đêm cuối bố mẹ tôi ở Harvard, và tôi vẫn chưa được tái sinh.

Mẹ và tôi quanh quẩn trong căn bếp dùng chung với những người khác để làm món thịt bò hầm khoai tây rồi bê món đó trên khay mang về phòng. Bố lặng lẽ nhìn đĩa thức ăn, như bố đang ngồi một mình. Mẹ nhạ xét đôi câu về món đó, và mẹ cười căng thẳng rồi im lặng.

Khi chúng tôi ăn xong, bố nói bố có quà cho tôi. "Đó là lý do tại sao bố tới đây," bố nói. "Để ban cho con sự ban phước của giới giáo sĩ."

Trong tôn giáo Mặc Môn, giới giáo sĩ là sức mạnh của Chúa để thực hiện công việc trên trần gian – để khuyên răn, chỉ bảo, chữa bệnh, và để xua đuổi quỷ dữ. Sức mạnh đó được ban cho đàn ông. Đây là thời khắc quan trọng: nếu tôi chấp nhận sự ban phước này, bố sẽ tẩy uế cho tôi. Bố sẽ đặt tay lên đầu tôi, đuổi con quỷ đã bắt tôi nói những điều khiến tôi không được đón chào trong gia đình mình. Tất cả những gì tôi phải làm là chịu nhận, và trong năm phút việc đó sẽ kết thúc.

Tôi nghe thấy mình nói không.

Bố há hốc miệng nhìn tôi, không thể tin nổi, sau đó bố bắt đầu chứng minh – không phải về Chúa, mà về mẹ. Bố nói, thảo dược của mẹ là sứ mệnh thiêng liêng mà Chúa giao phó. Mọi chuyện đã xảy ra với gia đình của chúng tôi, mọi vết thương, tất cả những lần cận kề cái chết, là bởi chúng tôi đã được lựa chọn, chúng tôi đặc biệt. Chúa đã sắp đặt tất cả những chuyện đó để chúng tôi có thể – lên án hệ thống y tế và chứng minh sức mạnh của Chúa.

“Con có nhớ lần Luke bị bỏng chân không?” Bố nói, như thể tôi có thể quên chuyện đó. “Đó là kế hoạch của Chúa. Đó là một chương trình truyền thụ. Cho mẹ con. Để mẹ chuẩn bị sẵn sàng cho những gì xảy ra với bố sau đó.”

Vụ nổ, vụ bỏng ấy. Bố nói vinh dự thiêng liêng tột bậc là được làm bằng chứng sống về sức mạnh của Chúa. Bố nắm hai tay tôi bằng những ngón tay dị

dạng của ông và nói với tôi rằng về biến dạng của bố đã được định trước. Rằng nó là một niềm hạnh phúc dịu dàng, rằng nó đưa các linh hồn đến với Chúa.

Mẹ bổ sung bằng giọng thì thầm, cung kính. Mẹ nói rằng chỉ bằng cách điều chỉnh một luân xa là mẹ có thể ngăn chặn một con đột quy; rằng mẹ có thể chặn đứng cơn đau tim bằng cách truyền năng lượng; rằng mẹ có thể chữa được bệnh ung thư nếu người bệnh có đức tin. Mẹ nói chính mẹ bị ung thư vú, và mẹ đã tự chữa khỏi bệnh cho mình.

Đầu tôi ngẩng phắt lên, “Mẹ bị ung thư ư?” Tôi nói. “Mẹ chắc chứ? Mẹ đã làm xét nghiệm chưa?”

“Mẹ không cần phải làm xét nghiệm,” mẹ nói. “Mẹ thử trên cơ bắp rồi. Đó là bệnh ung thư. Mẹ đã chữa được rồi.”

“Đáng lẽ bố mẹ cũng có thể chữa khỏi bệnh cho bà,” bố nói. “Nhưng bà đã quay lưng lại với Chúa. Bà thiếu đức tin và đó là lý do tại sao bà chết. Chúa sẽ không chữa lành cho những người thiếu đức tin.”

Mẹ gật đầu nhưng không hề nhìn lên.

“Tội lỗi của bà nghiêm trọng,” bố nói. “Nhưng tội lỗi của con còn nghiêm trọng hơn cơ đấy, bởi vì con đã được cho biết sự thật nhưng vẫn quay lưng lại với sự thật.”

Căn phòng im ắng ngoại trừ tiếng rì rì của giao thông trên phố Oxford.

Đôi mắt bố nhìn như dán vào tôi. Đó là cái nhìn của một nhà tiên tri có sức mạnh và quyền lực được thu hút từ vũ trụ. Tôi muốn đương đầu với cái nhìn đó, để chứng minh mình có thể chịu đựng sức nặng của nó, nhưng sau vài giây một điều gì đó trong tôi oằn lại, một lực từ bên trong đã chịu nhượng bộ, và mắt tôi nhìn xuống sàn.

“Ta được Chúa trao trọng trách chứng minh rằng thảm họa đang ở phía trước con,” bố nói. “Thảm họa sẽ sớm xảy ra thôi, rất sớm, và nó sẽ hủy hoại con, hủy hoại con hoàn toàn. Nó sẽ dồn con xuống tột cùng của thấp kém. Và khi con ở dưới đó, khi con nằm đó trong tàn tạ, con sẽ cầu xin Chúa Cha linh thiêng rủ lòng

thương.” Giọng bố, kích động cao độ, giờ đây hạ thấp thành lẩm bẩm. “Và khi đó Chúa sẽ không nghe con đâu.”

Tôi nhìn thẳng vào mắt bố. Bố bưng bưng kết tội; tôi gần như có thể cảm thấy nhiệt tỏa ra từ bố. Bố rướn người về phía trước, ghé sát mặt bố vào mặt tôi và nói, “Nhưng bố sẽ nghe.”

Im lặng ngự trị, không bị khuấy đảo, đầy ngột ngạt.

“Bố sẽ dành cho con sự ban phước, một lần cuối,” bố nói.

Sự ban phước là một niềm hạnh phúc. Bố đưa ra cho tôi những điều kiện quy phục y như bố đã đưa ra cho chị gái tôi. Tôi mừng tưng chặc hẳn chị cảm thấy được giải thoát khi hiểu rằng chị có thể đổi sự thật của chị – sự thật mà tôi và chị cùng chia sẻ – lấy sự thật của bố. Chị chắc hẳn phải cảm thấy hàm ơn biết nhường nào khi trả cái giá khiêm tốn như thế. Tôi không thể phán xét chị vì lựa chọn của chị, nhưng vào lúc đó tôi biết mình không thể lựa chọn nó cho bản thân. Tất cả những gì mà tôi đã nỗ lực để đạt được, tất cả những năm học hành của tôi, là để tôi có được đặc quyền này: quyền nhìn và trải nghiệm nhiều sự thật hơn những sự thật được bố mang đến cho, và dùng những sự thật đó để kiến tạo tinh thần mình. Tôi đã dần tin rằng khả năng đánh giá nhiều ý kiến, nhiều lịch sử, nhiều quan điểm chính là cốt lõi của việc tự-sinh. Nếu bây giờ nhượng bộ thì tôi sẽ thất bại không chỉ trong một cuộc xung đột. Tôi sẽ mất quyền giám hộ tinh thần của chính mình. Đây là cái giá mà tôi bị đòi hỏi phải trả, và bây giờ tôi hiểu điều đó. Điều mà bố tôi muốn tổng khứ khỏi tôi không phải là quỹ dữ: mà là bản thân tôi.

Bố cho tay vào túi quần, lấy ra một lọ tinh dầu bé xíu đặt vào lòng bàn tay tôi. Tôi nhìn nó. Lọ dầu này là thứ duy nhất được cần đến để thực hiện nghi lễ này, lọ dầu và quyền năng linh thiêng đều nằm trong bàn tay biến dạng của bố. Tôi tưởng tượng ra mình chịu tuân phục, tưởng tượng ra mình nhắm mắt, và rút lại những báng bổ của mình. Tôi hình dung cảnh mình thuật lại những thay đổi của bản thân, một quá trình biến đổi thần thánh nhường nào, và tôi sẽ gào lên lời biết ơn ra sao. Lời đã sẵn sàng, đã được hình thành chỉ đợi để bay ra từ môi tôi.

Nhưng khi tôi mở miệng ra, chúng biến mất.

“Con yêu bố,” tôi nói. “Nhưng con không thể. Con xin lỗi.”

Bố tôi đứng phắt dậy.

Bố nhắc lại, có một con quỷ đang ở trong phòng tôi, rằng bố không thể ở lại thêm một đêm nào nữa. Chuyến bay của bố mẹ là vào sáng ngày hôm sau, nhưng bố nói thà ngủ trên ghế đá còn hơn ngủ trong căn phòng có quỷ dữ.

Mẹ lẳng xăng đi quanh phòng, nhét áo và tất vào vali. Năm phút sau bố mẹ rời khỏi đó.

Chương 37

Liều Minh Cứu Văn

AI ĐÓ ĐANG LA HÉT, TIẾNG LA HÉT KHÔNG THAY ĐỔI, kéo dài, to đến nỗi nó làm tôi tỉnh giấc. Trời tối. Có những ngọn đèn đường, vỉa hè, tiếng âm ỉ của những chiếc ô tô ở xa xa. Tôi đang đứng giữa phố Oxford, cách phòng ký túc xá của tôi nửa dãy phố. Tôi đi chân đất, mặc áo ba lỗ và quần thụng nỉ. Tôi cảm thấy mọi người đang trở mắt nhìn tôi, nhưng lúc đó là hai giờ sáng và đường phố vắng tanh.

Bằng cách nào đó tôi đã trở lại tòa nhà ký túc xá, và ngồi trên giường, cố nhớ lại những gì đã xảy ra. Tôi nhớ mình đã đi ngủ. Tôi nhớ mình đã mơ. Điều mà tôi không nhớ là việc tôi bật dậy khỏi giường và chạy nhanh qua hành lang, lao ra đường, vừa chạy vừa la hét, nhưng đó là những gì tôi đã làm.

Tôi đã mơ về nhà mình. Tôi mơ thấy bố xây một mê cung trên núi Buck và làm tôi bị mắc kẹt ở đó. Những bức tường của mê cung cao hơn ba mét và được dựng bằng các đồ tích trữ từ căn hầm gốc của bố – những bao ngũ cốc, những thùng đạn, những thùng mật ong. Tôi tìm kiếm một thứ gì đó, một thứ quý giá mà tôi chưa bao giờ có thể thay thế. Tôi phải thoát khỏi mê cung mới lấy lại được nó, nhưng tôi không thể tìm được đường ra, và bố đang săn đuổi tôi, vít kín các lối ra bằng những bao ngũ cốc chất đóng thành chướng ngại vật.

Tôi không tham gia nhóm học tiếng Pháp nữa, rồi tôi bỏ lớp học vẽ. Thay vì đọc ở thư viện hoặc đi nghe giảng, tôi xem TV trong phòng mình, xem hết mọi bộ phim dài tập nổi tiếng trong hai thập kỷ qua. Khi một tập kết thúc, tôi bắt đầu xem tập tiếp theo mà không suy nghĩ, y như nhịp thở này nối tiếp nhịp thở khác. Tôi xem TV mười tám, hai mươi tiếng đồng hồ mỗi ngày. Khi ngủ tôi mơ thấy nhà mình, và ít nhất mỗi tuần một lần tôi tỉnh dậy, đứng trên đường phố giữa lúc nửa đêm, tự hỏi tiếng la hét mà tôi nghe thấy trước khi tỉnh giấc có phải là của chính mình hay không.

Tôi chẳng học hành gì. Tôi cố đọc nhưng các câu chữ chẳng có nghĩa gì hết. Tôi cần chúng không có nghĩa gì. Tôi không thể chịu đựng nổi việc xâu chuỗi các câu thành những mạch tư duy, hoặc dệt những mạch tư duy đó thành các quan điểm. Các quan điểm quá giống với những gì phản chiếu – mà ở tôi là phản chiếu biểu cảm trên khuôn mặt căng lên của bố trước khi bố rời khỏi chỗ tôi.

Điều máu chột của tình trạng suy sụp tinh thần là dù bạn bị như vậy rõ ràng rành đến mức nào, thì nó cũng không rõ ràng đối với bản thân bạn. *Mình ổn mà, bạn nghĩ. Hôm qua mình xem TV hai mươi tư tiếng đồng hồ liền mà có sao đâu. Mình có sụp đổ đâu. Mình chỉ lười chút thôi.* Tôi không rõ tại sao thà nghĩ bản thân mình lười biếng còn hơn là nghĩ mình lo âu, sâu khổ. Nhưng nghĩ thế là hơn. Và còn hơn thế: đó là chuyện sống còn.

Cho đến tháng Mười Hai tôi đã bỏ bê việc nghiên cứu đến mức tôi hiểu ra rằng chỉ cần dừng một tối để bắt đầu xem một tập mới của phim *Phá Luật* là tôi không thể lấy bằng tiến sĩ. Tôi cười như điên đại mất mười phút trước tình cảnh trớ trêu này; tôi đã hi sinh cả gia đình để đi học, để tiếp cận với nền giáo dục, vậy mà giờ đây tôi có thể đánh mất mục tiêu đó.

Sau vài tuần nữa trong tình trạng này, một tối tôi loạng choạng bò ra khỏi giường, quyết định rằng mình đã mắc sai lầm, rằng khi bố đề nghị ban phước cho tôi, tôi nên nhận. Nhưng bây giờ chưa phải đã quá muộn. Tôi có thể khắc phục, sửa chữa sai lầm đó.

Tôi mua vé đi Idaho cho kỳ nghỉ Giáng sinh. Hai ngày trước chuyến bay, tôi tỉnh giấc trong trạng thái mờ hồi đầm ìa, lạnh toát, Tôi mơ thấy mình ở trong bệnh viện, nằm trên tấm khăn trải giường trắng toát, cứng quèo. Bố ở dưới chân chiếc băng ca, nói với một viên cảnh sát rằng tôi đã dùng dao tự đâm mình. Mẹ lặp lại lời bố, mắt mẹ đầy hoảng loạn. Tôi ngạc nhiên khi nghe thấy giọng bố gào lên rằng tôi cần phải được chuyển sang một bệnh viện khác. “Thằng ấy sẽ phát hiện ra con bé ở đây,” bố gào và gào.

Tôi viết thư cho Drew đang sống ở Trung Đông. Tôi kể với anh rằng tôi sắp về núi Buck. Khi anh hồi âm, giọng anh khản nài, gay gắt, như thể anh đang cố

băng qua lớp sương mù mà tôi đang sống ở trong. *Tara yêu quý, anh viết. Nếu Shawn đâm em, em sẽ không được đưa đi bệnh viện đâu. Em sẽ bị đưa xuống tầng hầm và cho dùng oải hương để trị vết thương đấy.* Anh xin tôi đừng đi, nói cả trăm điều mà tôi đã biết mà không quan tâm, và khi nỗ lực đó chẳng ăn thua, anh nói: *Em đã kể với anh chuyện của em để anh có thể ngăn em nếu em làm điều gì điên rồ. Tara ạ, đó là chuyện này đấy. Chuyện này điên rồ đấy.*

Mình vẫn có thể hàn gắn, tôi lăm băm khi máy bay cất cánh khỏi đường băng.

Khi tôi về đến núi Buck, đó là một buổi sáng mùa đông quang đãng. Tôi nhớ mùi khô lạnh của đất đóng băng khi tôi về đến nhà và cảm giác của băng và đá cuội lạo xạo dưới gót giày. Bầu trời xanh đến mức đáng kinh ngạc. Khi bà tôi còn sống, bằng cách chì chiết, la mắng và đe dọa, bà đã làm cho bãi phế liệu của bố tôi được quây lại. Giờ đây phế liệu đã phủ khắp trang trại và lan về phía chân núi. Những ngọn đồi thoải thoải, đã từng là những hồ tuyết tuyết đẹp, giờ lồm đồm những chiếc xe tải hỏng và thùng sắt han gỉ, bẩn thỉu.

Mẹ mừng rơn khi tôi bước vào cửa. Tôi không nói trước với mẹ là tôi sẽ về, hy vọng rằng, nếu không ai biết thì tôi sẽ có thể tránh được Shawn. Mẹ căng thẳng nói liên thoág. “Mẹ sẽ làm bánh quy và nước sốt cho con!” nói rồi mẹ lao vào bếp.

“Lát nữa con sẽ giúp mẹ,” tôi nói. “Con cần gửi một bức thư điện tử.”

Chiếc máy tính của gia đình được để ở phần cũ của ngôi nhà, phần đã từng là phòng khách trước khi nhà được tu sửa. Tôi ngồi xuống viết cho Drew, bởi vì tôi đã hứa, như một thỏa thuận giữa chúng tôi, rằng khi ở núi Buck cứ hai tiếng đồng hồ tôi lại viết cho anh một lần. Tôi lay chuột và màn hình bật sáng. Trình duyệt đã mở sẵn; ai đó quên thoát ra sau khi dùng. Tôi định mở một trình duyệt khác nhưng dừng lại khi nhìn thấy tên mình. Tên tôi hiện thị trong bức thư được mở từ trước trên màn hình, mà mẹ đã gửi đi chỉ vài phút trước. Thư gửi cho bạn gái cũ của Shawn, chị Erin.

Tiền đề của bức thư là Shawn đã tái sinh, được gột rửa về mặt tâm linh. Rằng Đấng Cứu Thế đã chữa lành cho gia đình chúng tôi, và rằng tất cả mọi người đều đã phục hồi. Tất cả, trừ tôi. Mẹ viết, *Thánh linh đã thì thầm tới tôi sự thật về con gái tôi. Đứa con tội nghiệp của tôi đã đầu hàng trước nỗi sợ hãi và sợ hãi đã khiến nó cố làm cho những nhận thức sai lầm của nó được công nhận. Tôi không biết liệu nó có là một mối nguy hiểm đối với gia đình tôi hay không, nhưng tôi có những lý do để nghĩ rằng nó có thể là mối nguy hiểm.* ☺

Thậm chí trước khi đọc bức thư đó tôi đã biết rằng mẹ và bố cùng có chung quan điểm không mấy tốt đẹp về tôi, rằng mẹ tin quý dữ đã chế ngự tôi, rằng tôi nguy hiểm. Vậy mà khi nhìn những từ đó trên màn hình, khi đọc bức thư và nghe thấy cả giọng mẹ ở đó, người tôi lạnh toát.

Có nhiều điều hơn thế về bức thư ấy. Trong đoạn cuối, mẹ miêu tả đứa con thứ hai của chị Emily, một đứa con gái, chào đời một tháng trước. Mẹ là bà đỡ. Cuộc sinh nở diễn ra tại nhà và, theo mẹ, Emily bị chảy máu gần chết trước khi họ có thể đến bệnh viện. Mẹ kết thư với niềm tin rằng đêm đó Chúa đã hiển linh qua bàn tay mẹ, cuộc sinh nở là bằng chứng về sức mạnh của Chúa.

Tôi nhớ chuyện Peter chào đời đầy kịch tính: nó đã trượt ra khỏi người Emily như thế nào, nặng chỉ hơn nửa kilogram; nó tím tái như thế nào, và họ nghĩ nó đã chết; họ đã vật lộn trong trận bão tuyết ra sao để tới được bệnh viện thị trấn, chỉ để được nói cho biết rằng bệnh viện ấy không đủ phương tiện, và chẳng có chiếc trực thăng nào bay trong bão tuyết; hai chiếc xe cứu thương đã được điều đi khẩn cấp tới bệnh viện McKay-Dee ở Ogden. Một phụ nữ với tiền sử sinh nở như vậy, có nguy cơ gặp rủi ro cao như vậy, được khuyên cố đẻ lần thứ hai tại nhà dường như là liều lĩnh đến mức ảo tưởng.

Nếu lần sinh nở đầu tiên là ý Chúa thì lần sinh nở thứ hai là ý của ai?

Tôi vẫn đang ngạc nhiên về sự chào đời của cháu gái mình, thì Erin hỏi âm.

Bác đã đứng về Tara, chị viết. Cô ấy lầm lạc vì thiếu đức tin. Erin nói với mẹ tôi rằng việc tôi nghi ngờ bản thân – việc tôi viết thư cho chị, Erin, để hỏi liệu tôi có nhầm hay không, các ký ức của tôi có thật hay không – là bằng chứng cho

thấy tâm hồn tôi gặp nguy, rằng tôi không đáng tin cậy: *Cô ấy đang xây dựng cuộc sống của mình bằng nỗi sợ hãi. Cháu sẽ cầu nguyện cho cô ấy.* Cuối thư, Erin ngợi khen tài đỡ đẻ của mẹ. Bác là một anh hùng thực sự, chị viết.

Tôi đóng trình duyệt đó lại, nhìn chăm chăm vào mặt giấy dán tường phía sau màn hình. Đó vẫn là những hoa văn từ thời thơ ấu của tôi. Tôi đã mơ được thấy nó bao lâu rồi? Tôi đã đến để giành lại nó, để cứu vãn nó. Nhưng chẳng có gì ở đây để cứu vãn hết, chẳng có gì để nắm giữ. Chỉ có cát đang chuội, lòng trung thành đang chuội đi, những lịch sử đang chuội đi.

Tôi nhớ đến giấc mơ đó, cái mê cung ấy. Tôi nhớ đến những bức tường được dựng bằng bao ngũ cốc và hòm đạn, bằng nỗi sợ hãi và chứng hoang tưởng của bố tôi, bằng những lời trích trong Kinh Thánh và lời tiên tri của bố. Tôi đã muốn thoát khỏi mê cung với những đường hình chữ chi gây mất phương hướng và những lối mòn điều biến của nó, để tìm điều quý giá ấy. Nhưng bây giờ tôi đã hiểu: điều quý giá ấy, đó là mê cung. Đó là tất cả những gì còn lại của cuộc sống mà tôi từng có ở đây: một trò chơi ô chữ có những luật chơi mà tôi sẽ không bao giờ hiểu được, bởi vì chúng không phải là luật mà là một cái lồng muốn nhốt tôi. Tôi có thể ở lại, và tìm kiếm những gì là gia đình, hoặc có thể đi, bây giờ, trước khi những bức tường chuyển động và lối ra bị đóng sập lại.

Khi tôi bước vào bếp, mẹ đang cho bánh quy vào lò. Tôi nhìn quanh, lục soát ngôi nhà trong óc. Mình cần thứ gì từ nơi này nhỉ? Chỉ có một thứ: những cuốn nhật ký của tôi. Tôi tìm thấy chúng dưới giường mình, trong một cái hộp, nơi tôi đã để chúng lại. Tôi mang chúng ra xe, để chúng ở ghế sau.

“Con lái xe đây, mẹ ạ,” tôi nói với mẹ. Tôi cố giữ giọng nhẹ nhàng. Tôi ôm mẹ, rồi nhìn núi Buck thật lâu, ghi nhớ mọi đường nét và hình dáng. Mẹ đã nhìn thấy tôi mang những cuốn nhật ký ra xe. Mẹ chắc hẳn đã biết điều đó có nghĩa là gì, cảm nhận được nỗi niềm từ biệt trong hành động đó, bởi vì mẹ gọi bố tới. Bố dành cho tôi cái ôm gượng gạo rồi nói, “Bố yêu con, con biết chứ?”

“Con biết, tôi nói. “Đó là điều chưa bao giờ phải bàn cãi.” Đó là những lời cuối cùng tôi nói với bố mình.

Tôi lái xe về phía nam; tôi không biết mình đang đi đâu. Đã gần đến Giáng sinh rồi. Tôi quyết định đến sân bay, đáp chuyến bay đầu tiên tới Boston thì Tyler gọi điện.

Đã nhiều tháng rồi tôi không nói chuyện với anh – sau những gì xảy ra với Audrey, dường như việc tâm sự với các anh chị tôi là vô ích. Tôi chắc chắn rằng mẹ đã kể với tất cả các anh trai tôi, tất cả các anh chị em họ, các cô, dì, chú, bác của tôi câu chuyện mà mẹ đã kể với Erin: rằng tôi bị ám ảnh, tôi nguy hiểm, tôi bị quỷ dữ điều khiển. Tôi đoán quả không sai: mẹ đã cảnh báo bọn họ. Nhưng khi đó mẹ đã mắc sai lầm.

Sau khi tôi rời khỏi núi Buck, mẹ hoảng sợ. Mẹ sợ rằng tôi có thể liên lạc với Tyler và rằng nếu tôi làm thế thì anh có thể sẽ thông cảm với tôi. Mẹ quyết định gọi cho Tyler trước, bác bỏ bất cứ điều gì tôi có thể kể với anh, nhưng mẹ đã tính sai. Mẹ đã không dừng lại để nghĩ xem những lời phủ nhận của mình nghe ra sao khi chúng đến vu vơ như thế.

“Tất nhiên Shawn không đâm chết Diego và không dùng con dao đó để dọa Tara,” mẹ quả quyết với Tyler, nhưng với Tyler, người chưa hề nghe tôi hay bất cứ ai khác kể, mẹ nói thế chẳng khác nào thừa nhận. Sau khi tạm biệt mẹ qua điện thoại, Tyler gọi điện cho tôi, yêu cầu được biết chuyện gì đã xảy ra và tại sao tôi không đến chỗ anh.

Tôi cứ nghĩ anh sẽ nói rằng tôi dối trá nhưng không. Anh chấp nhận gần như ngay lập tức sự thật mà tôi đã dành một năm để phủ nhận. Tôi không hiểu tại sao anh lại tin tôi, nhưng khi anh kể với tôi những chuyện của chính anh và tôi đã nhớ ra: Shawn cũng đã là anh trai của anh.

Trong những tuần tiếp theo, Tyler bắt đầu thử bố mẹ tôi theo cách không đối đầu, và rất tinh tế mà chỉ anh mới có. Anh gợi ý rằng có lẽ tình cảnh đã không được xem xét thấu đáo, rằng có lẽ tôi không bị ám ảnh. Có lẽ tôi không hề xấu xa.

Tôi có thể đã được an ủi qua cách Tyler cố gắng giúp tôi, nhưng ký ức về chị gái tôi quá nhức nhối, và tôi không tin anh. Tôi biết rằng nếu Tyler có thể đương

đầu với bố mẹ tôi – thực sự đương đầu với họ – thì họ sẽ buộc anh chọn giữa tôi và họ, giữa tôi và những người còn lại trong gia đình. Và qua trải nghiệm với Audrey tôi thừa biết: anh sẽ không chọn tôi.

Chương trình nghiên cứu ngắn hạn của tôi tại Harvard kết thúc vào mùa xuân. Tôi bay sang Trung Đông, nơi Drew đang làm nghiên cứu theo chương trình học bổng Fullbright. Phải nỗ lực ít nhiều, nhưng tôi đã cố gắng giấu không cho Drew biết mình bất ổn đến mức nào, hoặc chí ít tôi cũng nghĩ mình bất ổn. Có lẽ không phải như vậy. Tất nhiên, anh là người đuổi theo tôi quanh căn hộ của anh khi tôi choàng tỉnh giữa đêm khuya, la hét và chạy như ma đuổi, không biết mình đang ở đâu, nhưng có nhu cầu cấp thiết thoát khỏi đó.

Chúng tôi rời khỏi Amman và lái xe về phía Nam. Vào ngày lực lượng Đặc nhiệm của Hải quân Mỹ giết Bin Laden chúng tôi đang ở trong một trại của người Ả Rập du cư trên sa mạc Jordani. Drew nói tiếng Ả Rập, và khi tin đó được truyền đi anh nói chuyện hàng giờ với những người hướng dẫn viên của chúng tôi. “Ông ta không phải người Hồi giáo,” họ nói với Drew khi chúng tôi ngồi trên cát lạnh nhìn đồng lửa trại. “Ông ta không hiểu đạo Hồi, nếu không ông ta đã không làm những điều tồi tệ mà ông ta đã làm.”

Tôi quan sát Drew nói chuyện với những người Ả Rập du cư, nghe những âm thanh êm nhẹ, lạ tai thoát ra từ đôi môi anh, và ngạc nhiên trước sự hiện diện không hợp lý của mình ở đó. Mười năm trước, khi hai tòa tháp đôi đổ sập, tôi chưa hề nghe nói đến đạo Hồi. Giờ đây, tôi đang uống trà ngọt với những người du cư Zalabia và ngồi xỏm trên một cồn cát ở Wadi Rum, thung lũng Mặt Trăng, cách biên giới Saudi Arabia gần hai mươi dặm.

Khoảng cách – hữu hình và vô hình – vắt ngang thập kỷ vừa qua gần như làm tôi ngừng thở, và tôi tự hỏi phải chăng mình đã thay đổi quá nhiều. Tất cả việc học tập, đọc, nghĩ, đi đây đi đó, đã biến đổi tôi thành một con người không còn thuộc về bất cứ nơi nào rồi chăng? Tôi nghĩ về đứa con gái, chẳng biết gì ở bên ngoài bãi phế liệu nhà mình, ngọn núi nơi mình sống, đã nhìn không chớp vào

màn hình TV, nhìn và nhìn khi hai chiếc máy bay đâm thẳng vào hai tòa tháp trắng trông thật lạ mắt. Lớp học của đứa con gái ấy là một đồng phế liệu. Giáo trình của nó là những miếng sắt vụn. Nhưng đứa con gái ấy có một điều quý giá mà tôi – dẫu có tất cả mọi cơ hội, hoặc có lẽ vì tất cả mọi cơ hội đó – không có.

Tôi trở lại nước Anh, nơi tôi tiếp tục gõ rôi. Tuần đầu tiên sau khi trở lại trường Cambridge, hầu như đêm nào tôi cũng thức dậy, chạy ra đường phố, la hét, rồi lại thiếp đi. Tôi bị những cơn đau đầu kéo dài nhiều ngày hành hạ. Nha sĩ của tôi nói tôi nghiện răng. Da tôi nứt nẻ nặng đến nỗi hai lần những người lạ dừng tôi lại trên đường và hỏi liệu có phải tôi đang bị dị ứng hay không. Tôi nói không. Tôi nói bình thường tôi trông vẫn thế.

Một buổi tối, tôi tranh cãi với một người bạn về một chuyện vặt, và trước khi tôi biết chuyện gì đang xảy ra, tôi thu mình vào góc tường, ngồi bó gối, cố giữ cho tim khỏi nhảy khỏi lồng ngực. Bạn tôi vội chạy tới để giúp đỡ và tôi thét lên. Phải mất một tiếng đồng hồ tôi mới để cho cô ấy chạm vào người, trước khi tôi có thể buộc mình ra khỏi góc tường đó. Sáng hôm sau tôi nghĩ, *vậy đó là một sự tấn công đáng sợ cơ đấy*.

Ngay sau đó tôi gửi một bức thư cho bố tôi. Tôi không tự hào về bức thư đó. Nó đầy giận dữ, là tiếng gào “Con ghét bố!” của một đứa con cứng đầu nhắm vào một người cha. Bức thư đầy những từ như “hung dữ,” “bạo chúa” và nó gồm nhiều trang, cả một tràng sỉ vả và gây tức bực.

Đó là cách tôi nói với bố mẹ mình rằng tôi sẽ cắt liên lạc với họ. Giữa những lời lăng mạ và cơn tức giận, tôi nói tôi cần một năm để chữa lành bản thân; sau đó, có lẽ tôi sẽ trở về cái thế giới điên dại của họ để cố gắng hiểu nó.

Mẹ xin tôi hãy tìm cách khác. Bố không nói gì.

Chương 38

Gia Đình

TÔI THẤT BẠI, KHÔNG THỂ LẤY BẰNG TIẾN SĨ.

Nếu tôi giải thích với thầy hướng dẫn, tiến sĩ Runciman, tại sao tôi lại không thể tập trung làm việc được, thì chắc hẳn ông đã giúp tôi, bảo đảm khoản tài trợ bổ sung, và xin khoa cho tôi thêm thời gian. Nhưng tôi đã không giải thích, tôi không thể. Ông không biết tại sao đã gần một năm trôi qua kể từ khi tôi gửi công trình cho ông, vậy nên khi tôi gặp ông ở văn phòng của ông vào một buổi trưa tháng Bảy u ám, ông gợi ý rằng tôi nên bỏ.

“Chương trình tiến sĩ đòi hỏi đặc biệt khắt khe,” ông nói. “Nếu em không làm thì cũng không sao.”

Tôi rời văn phòng ông, trong lòng đầy cảm giác phần nộ với chính mình. Tôi tới thư viện, tìm hơn chục cuốn sách và tha về phòng mình đặt lên bàn. Nhưng đầu óc tôi bị suy nghĩ lý tính làm cho buồn nôn, và đến sáng hôm sau những cuốn sách đã được chuyển lên giường, chất đống trên chiếc máy tính xách tay trong khi tôi xem hết tập này đến tập khác phim *Khắc Tinh Ma Cà Rồng*.

Mùa thu năm đó, Tyler đương đầu với bố tôi. Anh nói chuyện với mẹ trước, qua điện thoại. Sau đó anh gọi điện cho tôi kể lại cuộc nói chuyện. Anh nói rằng mẹ đứng về “phía chúng ta,” rằng mẹ nghĩ chuyện về Shawn không thể chấp nhận được và đã thuyết phục bố làm điều gì đó.

“Bố đang lo việc đó,” Tyler nói. “Mọi chuyện sẽ ổn thôi. Em có thể về nhà.”

Hai ngày sau điện thoại của tôi đổ chuông, tôi tạm dừng bộ phim để trả lời điện thoại. Đó là Tyler. Việc hỏng hết cả. Sau cuộc nói chuyện với mẹ anh cảm thấy không thoải mái, vậy nên anh gọi điện cho bố để xem chính xác phải làm gì với Shawn. Bố trở nên tức giận, hùng hổ. Bố quát mắng Tyler rằng nếu anh khơi lại chuyện, anh sẽ bị từ mặt, rồi bố cúp máy.

Tôi không thích mừng tượng ra cuộc nói chuyện này. Tật nói lắp của Tyler luôn trở nên tồi tệ hơn khi anh nói chuyện với bố. Tôi hình dung ra anh mình gập

người trước ông nghe, cố tập trung để đẩy những từ đang bị giắt trong họng ra, trong khi bố tuôn lời khó nghe như bắn liên thanh.

Tyler vẫn đang choáng váng vì lời đe dọa của bố thì chuông điện thoại của anh reo. Anh cứ nghĩ đó là bố gọi tới để xin lỗi, nhưng đó là Shawn. Bố đã kể cho Shawn nghe tất cả. “Tao có thể loại mày khỏi cái gia đình này trong vòng hai phút,” Shawn nói. “Mày biết tao có thể làm điều đó đấy. Cứ hỏi Tara mà xem.”

Tôi nghe Tyler kể chuyện này trong khi nhìn chăm chăm vào hình ảnh diễn viên Sarah Michelle Gellar bất động trên màn hình. Tyler nói một lúc lâu, lướt qua các sự việc nhưng lại nấn ná trong hoang mạc của lý tính và trạng thái tự buộc tội. Tyler nói, bố chắc hẳn đã hiểu lầm. Có sự hiểu lầm, sự truyền đạt thông tin sai lệch. Có lẽ đó là lỗi của anh, có lẽ anh đã không diễn đạt điều đúng theo đúng cách. Hẳn là thế. Anh đã gây ra chuyện này, anh có thể sửa chữa nó.

Nghe anh nói, tôi có cảm giác lạ lẫm của thái độ xa cách, gần như là dừng đọng, như thể tương lai của tôi với Tyler, người anh mà tôi biết và yêu quý trong suốt cuộc đời, là một bộ phim mà tôi đã xem và biết rõ kết thúc của nó. Tôi biết rõ đầu cua tai nheo của kịch bản này bởi vì tôi đã sống với nó rồi, qua trải nghiệm với chị gái tôi. Đây chính là lúc tôi mất Audrey: đây là lúc tôi đã hiểu việc ngoảnh mặt bước đi dễ hơn bao nhiêu – đôi chác kiểu gì mà lại đi đổi cả gia đình lấy một đứa em gái cơ chứ.

Vậy nên, tôi đã biết rằng Tyler cũng làm theo cách của Audrey thậm chí trước khi điều đó xảy ra. Tôi có thể nghe thấy bàn tay anh siết chặt qua tiếng vọng kéo dài của điện thoại. Anh đang quyết định nên làm gì, nhưng tôi biết điều mà anh không biết: rằng thực ra việc đó đã được quyết định rồi, và điều anh đang làm bây giờ là biện minh kéo dài cho quyết định đó mà thôi.

Tháng Mười tôi nhận được bức thư đó.

Thư đến dưới dạng tập tin PDF được Tyler và Stefanie đính kèm. Anh chị giải thích rằng bức thư đã được thảo cẩn thận, có suy nghĩ, và rằng một bản sao của nó sẽ được gửi cho bố mẹ tôi. Khi tôi đọc thấy những dòng chữ đó tôi biết nó có nghĩa là gì. Nó có nghĩa rằng Tyler đã sẵn sàng tố giác tôi, sẵn sàng nói những

lời của bố tôi, rằng tôi bị quỷ ám, rằng tôi nguy hiểm. Bức thư là một dạng phiếu ưu đãi, một dạng giấy phép để anh trở lại với gia đình.

Tôi không thể ép mình mở tập tin đính kèm; một bản năng nào đó trong tôi đã túm chặt những ngón tay tôi. Tôi nhớ Tyler đã từng như thế nào khi tôi còn bé, một người anh trai ít nói, chăm chú đọc sách trong khi tôi nằm phía dưới bàn của anh, nhìn không chớp mắt đôi tất của anh, thở bằng âm nhạc của anh. Tôi không chắc mình có thể chịu đựng nỗi điều này, chịu đựng được việc nghe những lời đó trong giọng nói của anh.

Tôi bấm chuột, tập tin mở ra. Tôi đã gạt bản thân ra xa đến nỗi tôi có thể đọc toàn bộ bức thư mà không hiểu nó: *Bố mẹ của chúng ta bị tâm thế lảng mą, trấn áp và kiểm soát điều khiển... Họ thấy thay đổi là nguy hiểm và sẽ trục xuất bất cứ ai đòi thay đổi. Đây là một quan niệm lầm lạc về lòng trung thành đối với gia đình... Họ khẳng định rằng họ có đức tin, nhưng đây không phải là những gì Phúc Âm dạy. Hãy bảo trọng. Anh chị yêu em.*

Qua vợ của Tyler, chị Stefanie, tôi biết được chuyện về bức thư đó, biết rằng những ngày sau khi bị bố tôi dọa từ mặt, tôi nào đi ngủ Tyler cũng nói to với chính mình, nói đi nói lại, “Mình phải làm gì đây? Nó là em gái mình.”

Khi nghe được chuyện đó, tôi đưa ra một quyết định tích cực duy nhất mà tôi có thể đưa ra trong nhiều tháng: tôi đăng ký sử dụng dịch vụ tư vấn tâm lý của trường đại học. Tôi được tạo điều kiện gặp một phụ nữ trung niên hoạt bát có những lọn tóc xoăn tít và đôi mắt sắc, hiếm khi nói trong những phiên trị liệu của chúng tôi, thích để tôi tự bộc bạch hơn, và tôi đã làm thế hết tuần này đến tuần khác, hết tháng này sang tháng khác. Ban đầu việc tư vấn chẳng có tác động gì hết – tôi không thể nghĩ đến một cuộc gặp mà tôi sẽ miêu tả là “có ích” – nhưng sức mạnh tổng hợp của các phiên là không thể phủ nhận được. Khi đó tôi không hiểu, và bây giờ tôi vẫn không hiểu, nhưng có một điều gì đó đã dung dưỡng, trong khoảng thời gian tôi trị liệu ấy, khiến tôi thừa nhận rằng tôi cần thứ mà tôi không thể tự cho mình.

Tyler cũng gửi bức thư đó cho bố mẹ chúng tôi, và khẳng định với tôi anh không bao giờ dao động. Mùa đông đó tôi dành nhiều giờ nói chuyện điện thoại với anh và Stefanie, người đã trở thành chị gái của tôi. Họ sẵn sàng nói chuyện với tôi bất cứ khi nào tôi cần, mà thời gian đó tôi cần nói chuyện nhiều.

Tyler đã phải trả giá cho bức thư đó, mặc dù cái giá khó mà xác định được. Anh không bị tù, hoặc ít nhất sự từ mặt đối với anh không phải là mãi mãi. Cuối cùng anh “đình chiến” với bố, nhưng quan hệ bố con giữa họ không bao giờ còn được như trước nữa.

Tôi đã xin lỗi Tyler nhiều đến mức không thể đếm được, vì những gì tôi đã khiến anh phải trả giá, nhưng ngôn từ được đưa ra lúng túng, vụng về và tôi cứ vấp hoài khi nói. Biết nói sao đây? Làm thế nào bạn có thể nặn ra một lời xin lỗi khi làm suy yếu mối quan hệ của một người với bố đẻ của người đó, với gia đình của người đó cơ chứ? Có lẽ không có ngôn từ cho điều ấy. Làm thế nào bạn cảm ơn một người anh trai đã không chịu bỏ bạn, nắm chặt tay bạn và kéo bạn lên, đúng lúc bạn đã quyết định ngừng vùng vẫy và để mình chìm xuống? Cũng không có ngôn từ cho điều đó.

Mùa đông năm ấy dài lê thê, sự ảm đạm chỉ bị làm ngắt quãng bởi những phiên tư vấn tâm lý hằng tuần của tôi và cảm giác kỳ cục về mất mát, gần như cảm giác mất người thân, mà tôi cảm thấy mỗi khi tôi xem xong một bộ phim truyền hình dài tập và phải tìm một bộ phim khác.

Mùa xuân, rồi mùa hè đến, và cuối cùng khi mùa hè chuyển sang thu, tôi nhận thấy mình đã có thể tập trung mà đọc. Tôi đã có thể nằm giữ ý nghĩ trong đầu ngoài cơn tức giận và tự buộc tội. Tôi quay lại với chương luận văn mà tôi đã viết gần hai năm trước tại Harvard. Tôi lại đọc Hume, Rousseau, Smith, Godwin, Wollstonecraft và Mill. Tôi lại nghĩ về gia đình. Có một câu hỏi khó trả lời trong đó, một điều gì đó không thể giải đáp được. Tôi hỏi, con người ta phải làm gì khi nghĩa vụ của họ đối với gia đình xung đột với các nghĩa vụ khác – đối với bạn hữu, với xã hội, với bản thân?

Tôi bắt đầu làm nghiên cứu. Tôi thu hẹp phạm vi nghiên cứu, nâng cao hàm lượng học thuật và tính cụ thể. Cuối cùng, tôi chọn bốn phong trào trí thức từ thế kỷ mười chín và nghiên cứu những người theo phong trào đó đã đấu tranh với vấn đề bốn phận đối với gia đình như thế nào. Một trong những phong trào mà tôi chọn là chủ nghĩa Mặc Môn của thế kỷ mười chín.

Tôi làm việc miệt mài suốt một năm và đến cuối năm tôi đã có được bản thảo của đề tài: “Gia đình, Đạo đức, và Khoa học xã hội trong tư tưởng của người Mỹ Angles, giai đoạn 1813–1820”.

Chương về chủ nghĩa Mặc Môn là chương tôi yêu thích. Khi còn nhỏ, ở lớp học giáo lý, tôi được dạy rằng toàn bộ lịch sử là nhằm chuẩn bị cho đạo Mặc Môn: rằng mọi sự kiện kể từ cái chết của Jesus đều được Chúa sắp đặt để thời khắc nhà tiên tri Joseph Smith quỳ trong khu rừng Sacred Grove có thể xảy ra, và để Chúa khôi phục một giáo hội đích thực. Các cuộc chiến tranh, di cư, các thảm họa thiên nhiên – tất cả những sự kiện ấy là những khúc mở đầu dẫn đến câu chuyện Mặc Môn. Nói cách khác, lịch sử thế tục có xu hướng bỏ sót các phong trào tâm linh như đạo Mặc Môn.

Luận văn của tôi nhìn nhận lịch sử theo cách khác, không theo Mặc Môn, cũng chẳng chống Mặc Môn, không thiên về tâm linh, nhưng cũng chẳng bàng bở. Nó không coi đạo Mặc Môn là mục tiêu của lịch sử loài người, nhưng cũng không xem nhẹ đóng góp của đạo Mặc Môn trong quá trình vật lộn với những vấn đề của thời đại. Thay vì thế, nó coi hệ tư tưởng Mặc Môn là một chương trong câu chuyện rộng lớn hơn của loài người. Trong luận văn của tôi, lịch sử không tách những người Mặc Môn khỏi gia đình nhân loại; lịch sử ràng buộc nó với gia đình nhân loại.

Tôi gửi bản thảo luận văn cho tiến sĩ Runciman, và vài ngày sau tôi gặp ông tại văn phòng của ông. Ông ngồi đối diện với tôi ở bên kia bàn và, với cái nhìn kinh ngạc, ông nói luận văn của tôi tốt. “Một số phần rất tốt,” ông nói. Bây giờ ông mỉm cười. “Tôi sẽ ngạc nhiên nếu với luận văn này em không giành được học vị tiến sĩ.”

Khi cuộc bộ ra về với tập bản thảo nặng trĩu, tôi nhớ đã dự một trong những buổi giảng bài của tiến sĩ Kerry, ông đặt câu hỏi mở đầu là: "Ai viết nên lịch sử?" lên bảng đen. Tôi nhớ khi đó câu hỏi ấy đối với tôi mới lạ lùng làm sao. Theo quan niệm của tôi, một nhà sử học không phải là con người, nhà sử học giống như bố tôi, giống một nhà tiên tri hơn là con người, có tầm nhìn của quá khứ, giống như những con người của tương lai, không thể bị nghi ngờ, hoặc không thể bị bỏ sung. Giờ đây, khi tôi đi qua trường King's College, trong cái bóng của nhà thờ đồ sộ, dường như trạng thái thiếu tự tin kỳ cục của tôi có vẻ buồn cười. *Ai viết nên lịch sử? Tôi nghĩ. Tôi viết.*

Vào sinh nhật lần thứ hai mươi bảy, ngày sinh nhật mà tôi chọn, tôi nộp luận văn tiến sĩ. Buổi bảo vệ luận văn diễn ra vào tháng Mười Hai, trong một căn phòng nhỏ được bài trí đơn giản. Tôi bảo vệ thành công và trở lại London, nơi Drew đã có việc làm và chúng tôi thuê một căn nhà. Vào tháng Một, gần mười năm kể từ khi tôi đặt chân đến lớp học đầu tiên trong đời mình tại BYU, Đại học Cambridge xác nhận với tôi: Tôi là tiến sĩ Westover.

Tôi đã xây dựng một cuộc sống mới, và đó là một cuộc sống hạnh phúc, nhưng tôi cảm thấy mất mát không chỉ dừng lại ở sự mất gia đình. Tôi đã để mất núi Buck, không phải bằng việc rời khỏi đó mà là rời khỏi đó âm thầm lặng lẽ. Tôi đã rút lui, bỏ chạy sang bên kia đại dương và để bố kể câu chuyện của tôi thay tôi, định nghĩa tôi với bất cứ ai tôi từng biết. Tôi đã nhường quá nhiều lãnh thổ – không chỉ là ngọn núi, mà toàn bộ quá khứ chung của chúng tôi.

Đã đến lúc về nhà.

Chương 39

Nhìn Đàn Trâu Trở Về

TÔI VỀ THUNG LŨNG ĐỨNG VÀO TIẾT XUÂN. Tôi lái xe dọc con đường cao tốc dẫn tới rìa thị trấn, rồi dừng lại tại một con dốc thẳng đứng nhìn ra đồi Bear River. Từ đó tôi có thể nhìn bao quát khu vực lòng chảo, một tác phẩm ghép ghép của những cánh đồng bạt ngàn hứa hẹn trải dài tới tận núi Buck. Ngọn núi phủ đầy màu xanh của những cây thường xanh, ngời lên sắc màu tươi sáng tương phản với những gam màu nâu và xám của đá phiến sét và đá vôi. Nàng công chúa tươi tắn hơn bao giờ hết. Nàng đứng quay mặt về phía tôi, thung lũng ở giữa chúng tôi, ngời ngời sự bất diệt.

Nàng công chúa đã luôn ám ảnh tôi. Từ bên kia đại dương tôi nghe thấy nàng gật đầu ra hiệu, như thể tôi là một con bê non bất kham đã lạc khỏi đàn bê của nàng. Thoạt đầu giọng nàng dịu dàng, dễ dàng, nhưng khi tôi không trả lời, khi tôi cứ ở xa lắc xa lơ, nàng quay ra giận dữ. Tôi đã phản bội nàng. Tôi hình dung ra khuôn mặt nàng cau có vì giận dữ, dáng đứng của nàng nặng nề, đầy đe dọa. Nàng sống trong tâm trí tôi như thế trong nhiều năm, một vị thần của nỗi khinh bỉ.

Nhưng giờ đây nhìn nàng, đứng nhìn ra những cánh đồng và đồng cỏ của nàng, tôi biết rằng mình đã hiểu lầm nàng. Nàng không giận tôi vì đã ra đi, bởi vì ra đi là một phần trong vòng quay của nàng. Vai trò của nàng không phải là quây những con trâu trong bãi quây gia súc, không phải là dùng sức mạnh để tập trung và giam nhốt chúng. Mà là mừng chúng trở về.

Tôi trở lại đường cũ, đi một phần tư dặm vào thị trấn và đỗ xe bên cạnh hàng rào cọc nhọn màu trắng của bà-trong-thị-trấn. Trong tâm trí tôi, nó vẫn là hàng rào của bà, dù bà không còn sống ở đó nữa: bà đã chuyển tới một nhà dưỡng lão gần phố Chính.

Đã ba năm rồi tôi chưa gặp ông bà tôi, kể từ khi bố mẹ tôi bắt đầu nói với bà con họ hàng của chúng tôi rằng tôi bị quỷ ám. Ông bà tôi yêu con gái họ. Tôi chắc rằng họ tin lời kể của mẹ. Vậy nên tôi chịu để mất họ. Đã quá muộn để giành lại bà – bà đang bị căn bệnh Alzheimer hành hạ và bà không nhận ra tôi – vậy nên tôi đến thăm ông, để tìm hiểu xem trong cuộc sống của ông có chỗ dành cho tôi hay không.

Ông cháu tôi ngồi trong phòng khách; tắm tắm ở đó vẫn là tắm tắm trắng loăn xoăn từ thời ấu thơ của tôi. Chuyến ghé thăm ông của tôi ngắn ngủi và lịch sự. Ông nói về bà, người mà ông đã chăm sóc một thời gian dài sau khi bà không còn nhận ra ông nữa. Tôi kể với ông về nước Anh. Ông nhắc đến mẹ tôi, và khi nói về mẹ tôi, ông có cái vẻ kính sợ mà tôi đã thấy trên mặt các đệ tử của mẹ. Tôi không trách ông. Qua những gì tôi nghe được, bố mẹ tôi là những người có ảnh hưởng ở thung lũng. Mẹ tôi kinh doanh các sản phẩm của mẹ như một lựa chọn thiên về tâm linh thay cho chương trình bảo hiểm sức khỏe bắt buộc Obamacare của Chính phủ Liên bang, và mẹ làm ra bao nhiêu sản phẩm bán hết bấy nhiêu, thậm chí có mấy chục nhân viên làm việc cho mẹ.

Ông nói, hẳn là Chúa đứng sau thành công kỳ diệu đó. Bố mẹ tôi chắc hẳn được Chúa giao phó làm những việc mà họ đã và đang làm, trở thành những người chữa bệnh nổi tiếng, đưa mọi người đến với Chúa. Tôi mỉm cười và đứng dậy. Ông vẫn là người ông hiền lành mà tôi nhớ, nhưng tôi choáng váng bởi sự xa cách giữa chúng tôi. Tôi ôm ông ở ngưỡng cửa, và nhìn ông thật lâu. Tôi không tin trong những năm còn lại của ông trên cõi đời này tôi có thể chứng minh với ông rằng tôi không phải là người như bố tôi đã nói, rằng tôi không phải là đồ xấu xa.

Tyler và Stefanie sống cách núi Buck một trăm dặm về phía Bắc, ở Idaho Falls. Đó là nơi tôi định đến tiếp theo, nhưng trước khi rời khỏi thung lũng, tôi viết cho mẹ tôi. Đó là một bức thư ngắn.

Tôi nói rằng tôi đang ở gần đó, và muốn mẹ gặp tôi trong thị trấn. Tôi nói, tôi không sẵn sàng gặp bố, nhưng đã mấy năm rồi tôi chưa nhìn thấy khuôn mặt mẹ. Mẹ sẽ đến chứ?

Trong bãi đậu xe của cửa hàng Stokes tôi đợi mẹ trả lời. Tôi không phải đợi lâu.

Mẹ đau lòng khi con nghĩ rằng đòi hỏi như vậy là có thể chấp nhận được. Một người vợ không thể đi đến bất cứ chỗ nào mà chồng mình không được hoan nghênh. Mẹ sẽ không vào hòa với thói vô lễ rành rành đó.

Bức thư dài và đọc nó khiến tôi phát mệt, như thể mình đã chạy một đoạn đường rất dài. Phần chính của nó là bài giảng về lòng trung thành: gia đình luôn bao dung, và rằng nếu tôi không thể bao dung với gia đình thì tôi sẽ hối tiếc vì điều đó trong suốt phần đời còn lại. Mẹ viết, *quá khứ, dù nó là gì, cũng phải được đào sâu chôn chặt và được để thối rữa trong lòng đất.*

Mẹ nói tôi được hoan nghênh trở về nhà, rằng mẹ nguyện cầu cho cái ngày tôi chạy vào nhà qua cửa sau và reo lên, “Con đã về!”

Tôi muốn đáp ứng lời nguyện cầu của mẹ – tôi chỉ cách núi Buck chưa đầy mười dặm – nhưng tôi biết cái hiệp ước bất thành văn mà tôi sẽ phải thực hiện khi tôi bước qua cánh cửa đó. Tôi có thể có được tình yêu của mẹ, nhưng có những điều kiện, vẫn là những điều kiện mà bố mẹ đã đặt ra cho tôi ba năm trước: rằng tôi phải đối sự thật của tôi lấy sự thật của bố mẹ, rằng tôi phải đem những gì mình biết chôn sâu, để nó thối rữa trong lòng đất.

Bức thư của mẹ chẳng khác gì tối hậu thư: Tôi có thể gặp mẹ và bố, hoặc tôi sẽ không bao giờ gặp lại mẹ nữa. Mẹ không bao giờ nhượng bộ.

Trong khi tôi đọc thư, bãi đỗ đã đầy xe. Tôi để cho những lời của mẹ lắng xuống, rồi khởi động xe và chạy lên phố chính. Đến ngã tư tôi rẽ về phía Tây, về phía núi. Trước khi rời khỏi thung lũng, tôi muốn nhìn nhà tôi một lát.

Trong nhiều năm tôi đã nghe nhiều lời đồn đại về bố mẹ mình: rằng họ là triệu phú, rằng họ xây cả một pháo đài trên núi, rằng họ cất giấu thực phẩm đủ

dùng trong nhiều thập kỷ. Thú vị nhất là những chuyện xung quanh việc bố thuê tuyển và sa thải người làm. Thung lũng vẫn chưa hồi phục sau cuộc suy thoái; mọi người đều cần việc làm. Bố mẹ tôi là những chủ lao động lớn nhất trong hạt, nhưng từ những gì tôi biết tôi có thể nói trạng thái tinh thần của bố đã khiến bố khó giữ các nhân viên lâu dài: khi chứng hoang tưởng bộ phận phát tác, bố có xu hướng đuổi việc nhân viên gần như vô cớ. Nhiều tháng trước bố đã thuê Diane Hardy, vợ cũ của Rob, người đã đến đưa chúng tôi về sau vụ tai nạn xe hơi thứ hai. Diane và Rob làm bạn với bố mẹ tôi đã hai mươi năm. Cho đến khi bố tôi đuổi việc Diane.

Có lẽ trong một lần chứng hoang tưởng bộ phận phát tác khác bố đã sa thải dì Angie, em gái của mẹ. Dì Angie đã nói chuyện với mẹ, tin rằng chị gái mình sẽ không bao giờ đối xử với người ruột thịt theo cách đó. Khi tôi còn nhỏ thì đó là việc kinh doanh của mẹ; bây giờ đó là doanh nghiệp của mẹ và cũng là của bố. Nhưng trong cuộc tỉ thí để biết nó thực sự là của ai, bố đã thắng: Dì Angie bị đuổi việc.

Thật khó để chấp nối những gì xảy ra tiếp theo vào chuyện ấy, nhưng theo những gì sau này tôi được biết thì dì Angie đã nộp hồ sơ xin trợ cấp thất nghiệp, và khi Sở Lao động gọi điện cho bố mẹ tôi để xác nhận rằng dì đã bị chấm dứt hợp đồng lao động, bố đã để mất chút lý trí còn lại. Bố nói rằng không phải Sở Lao động gọi điện cho bố mà là Sở An ninh đóng giả Sở Lao động. Bố nói dì Angie đã đưa tên bố vào danh sách phần tử khủng bố cần theo dõi. Giờ đây Chính phủ đang theo dõi bố – rình tiền của bố, súng ống của bố, xăng dầu của bố. Cứ như thể vụ Ruby Ridge lặp lại từ đầu.

Tôi rời khỏi đường cao tốc và rẽ vào con đường trái sỏi, sau đó bước ra khỏi xe, nhìn lên núi Buck. Ngay lập tức tôi thấy ít nhất vài lời đồn đại về bố mẹ mình là đúng – một là bố mẹ tôi kiếm bộn tiền. Ngôi nhà thật đồ sộ. Ngôi nhà mà tôi lớn lên có năm phòng ngủ; giờ đây nó được mở rộng về mọi hướng, trông như thể nó có tới ít nhất bốn mươi phòng ngủ.

Tôi nghĩ việc bố bắt đầu sử dụng tiền mà bố mẹ đang có để chuẩn bị cho Ngày Tận Thế chỉ còn là vấn đề thời gian. Tôi hình dung ra mái nhà đầy những tấm pin năng lượng mặt trời, được bày như một bộ bài. “Chúng ta cần tự cung tự cấp,” tôi mừng tượng ra bố nói thế khi bố kéo những tấm pin dọc ngôi nhà khổng lồ của bố. Trong những năm tới, bố sẽ dùng hàng trăm nghìn đô-la mua thiết bị và sục sạo khắp núi để tìm nguồn nước. Bố không muốn phụ thuộc vào Chính phủ, và bố biết núi Buck chắc hẳn có nước, nếu như bố có thể tìm. Những vết rạch cỡ bằng sân bóng đá sẽ xuất hiện ở chân núi, để lại một vùng tan hoang gồm những rễ bị gãy và những cái cây bật gốc nơi đã từng là một cánh rừng. Vào cái ngày bố trèo lên cổ máy bò tựa con rận xé toác những ruộng lúa mì như thảm lụa, có thể bố sẽ lâm bầm, “Phải tự lực cánh sinh”.

Bà-trong-thị-trần qua đời đúng vào Ngày Của Mẹ.

Tôi đang làm nghiên cứu ở Colorado thì nghe được tin bà mất. Tôi lập tức lên đường tới Idaho, nhưng trong khi đi tôi hiểu rằng mình chẳng có nơi nào để ở lại. Đó là khi tôi nhớ ra dì Angie, và nhớ rằng bố tôi đã nói với tất cả những ai có thể nghe rằng dì đã đưa bố vào danh sách đối tượng khủng bố cần theo dõi. Mẹ đã từ mặt dì; tôi hy vọng mình có thể lại có được dì.

Dì Angie sống ở cạnh nhà ông tôi, vậy nên một lần nữa tôi lại đỗ xe dọc hàng rào cọc nhọn màu trắng đỏ. Tôi gõ cửa. Dì Angie chào tôi lịch sự, giống hệt ông tôi. Rõ ràng trong năm năm qua dì đã nghe bố mẹ tôi kể nhiều về tôi.

“Cháu sẽ thỏa thuận với dì,” tôi nói. “Cháu sẽ quên mọi điều bố cháu đã nói về dì, nếu như dì quên mọi điều bố đã nói về cháu.” Dì cười, nhắm mắt lại, hát đầu về phía sau theo cái cách gần như khiến trái tim tôi tan vỡ, trông dì thật giống mẹ tôi.

Tôi ở lại với dì Angie cho đến khi tang lễ được cử hành.

Trong những ngày trước lễ tang, các anh chị em của mẹ tôi tập trung tại ngôi nhà thuở ấu thơ của họ. Họ là những người bác, người cậu, nhưng vài người trong số họ từ bé tôi chưa gặp lại. Cậu Daryl, người mà tôi hầu như không biết,

gợi ý rằng các anh chị em của cậu nên có một buổi trưa quây quần tại một nhà hàng yêu thích ở Lava Hot Springs. Mẹ tôi từ chối đến. Mẹ không chịu đi nếu không có bố tôi, mà bố và dì Angie thì đã trở thành người dung.

Đó là một buổi trưa tháng Năm đầy nắng khi tất cả chúng tôi leo lên một chiếc xe bán tải rộng và lái xe đi khoảng một giờ. Thật không thoải mái khi tôi biết mình thế chỗ của mẹ, đi với người cha và các anh chị em của mẹ để tưởng nhớ mẹ của mẹ, một người bà mà tôi chẳng biết nhiều lắm. Tôi sớm hiểu ra rằng tôi không biết rõ bà là người tuyệt vời bởi vì các con của bà đều háo hức muốn tuôn ra những hồi ức và thích trả lời những câu hỏi về bà. Với từng câu chuyện bà tôi đều được làm nổi bật, nhưng người phụ nữ hình thành từ những kỷ niệm chung của họ không hề giống người phụ nữ mà tôi nhớ. Đó là lúc tôi hiểu ra rằng mình đã xét đoán bà tàn nhẫn dường nào, nhận thức của tôi về bà méo mó ra sao, bởi vì tôi đã nhìn bà qua lăng kính tàn nhẫn của bố mình.

Trên đường về, bác Debbie mời tôi đến thăm bác ở Utah. Cậu Daryl bắt chước bác. “Bọn ta muốn có cháu ở Arizona,” cậu nói. Chỉ trong một ngày tôi đã tìm lại được gia đình – không phải của tôi, mà là của mẹ.

Đám tang diễn ra vào ngày hôm sau. Tôi đứng ở một góc, nhìn các anh chị mình lần lượt xuất hiện.

Có Tyler và Stefanie. Họ đã quyết định dạy bảy đứa con của mình tại nhà, và theo tôi biết, bọn trẻ đang được giáo dục theo một tiêu chuẩn rất cao. Luke đến tiếp theo, với một đàn con đông đến nỗi tôi không đếm xuể. Anh nhìn thấy tôi và đi từ đầu kia của căn phòng tới, và chúng tôi nói chuyện qua loa vài phút, không ai trong chúng tôi thừa nhận rằng đã nửa thập kỷ rồi anh em tôi chưa gặp nhau, chẳng ai nói bóng gió vì sao. *Anh có tin những gì bố nói về em không?* Tôi muốn hỏi anh. *Anh có tin rằng em là đứa nguy hiểm không?* Nhưng tôi không hỏi. Luke làm việc cho bố mẹ tôi, và không được học hành, anh cần việc làm đó để nuôi gia đình. Việc ép anh chọn một bên sẽ chỉ mang lại kết cục đau lòng mà thôi.

Richard, sắp lấy bằng tiến sĩ ngành hóa học, từ Oregon xuống cùng Kami và các con của họ. Anh mỉm cười với tôi từ phía cuối nhà thờ. Vài tháng trước,

Richard đã viết thư cho tôi. Anh nói anh rất tiếc vì đã tin bố, rằng anh ước gì có thể làm nhiều hơn để giúp tôi khi tôi cần điều đó, và rằng từ giờ trở đi, tôi có thể hy vọng vào sự ủng hộ của anh. Anh nói, chúng tôi là ruột thịt.

Audrey và Benjamin chọn một băng ghế gần cuối. Audrey đến sớm, khi nhà thờ còn vắng vẻ. Chị nắm lấy cánh tay tôi thì thầm rằng việc tôi từ chối gặp bố là một tội lớn. “Bố là người vĩ đại,” chị nói. “Trong suốt phần đời còn lại em sẽ tiếc vì không chịu nhún mình và nghe lời khuyên của bố.” Đó là những lời đầu tiên chị gái tôi nói với tôi trong nhiều năm và tôi không phản ứng trước những lời đó.

Trước khi tang lễ bắt đầu Shawn đến cùng với Emily, Peter và đứa con gái nhỏ mà tôi chưa gặp bao giờ. Đó là lần đầu tiên tôi ở trong một phòng cùng với anh kể từ cái đêm anh giết con Diego. Tôi căng thẳng, nhưng điều đó không cần thiết. Trong suốt buổi lễ anh không nhìn tôi một lần.

Anh cả của tôi, Tony, ngồi với bố mẹ tôi, năm đứa con anh ngồi thành hàng trên băng ghế. Tony đã lấy được bằng GED và đã gây dựng được một công ty vận tải thành công ở Las Vegas, nhưng doanh nghiệp của anh không sống sót qua cuộc suy thoái kinh tế. Giờ đây anh làm việc cho bố mẹ tôi, giống như Shawn, Luke và vợ của họ, cũng như Audrey và Benjamin, chồng chị. Giờ đây nghĩ về điều đó, tôi hiểu rằng tất cả các anh chị của mình, trừ Richard và Tyler, đều phụ thuộc vào bố mẹ tôi về mặt kinh tế. Gia đình tôi bị chẻ ra ở giữa – ba người rời núi, bốn người ở lại. Ba người có học vị tiến sĩ, bốn người không có bằng tốt nghiệp trung học. Một vết nứt đã xuất hiện, và đang lớn dần.

Một năm trôi qua trước khi tôi trở lại Idaho. Vài giờ trước chuyến bay từ London, tôi viết thư cho mẹ – như tôi luôn làm, và tôi sẽ luôn làm – để hỏi liệu mẹ có gặp tôi không. Một lần nữa, phản ứng của mẹ rất mau lẹ. Mẹ sẽ không gặp tôi, mẹ sẽ không bao giờ làm vậy, trừ khi tôi gặp bố. Mẹ nói, gặp tôi mà không có bố là thiếu tôn trọng chồng của mẹ.

Trong chốc lát, điều đó – cuộc hành hương thường niên trở về ngôi nhà vẫn tiếp tục hắt hủi tôi – trở nên vô nghĩa, và tôi tự hỏi mình có nên đi hay không.

Sau đó tôi nhận được một bức thư khác, từ dì Angie. Dì nói ông ngoại tôi đã hủy bỏ các kế hoạch của ông cho ngày hôm sau, và thậm chí từ chối đến đền thờ như ông thường làm vào các ngày thứ Tư, bởi vì ông muốn có mặt ở nhà phòng khi tôi ghé qua. Dì Angie viết thêm: *Khoảng mười hai tiếng nữa dì sẽ đón cháu!*
Nhưng ai đang đếm giờ nhỉ?

Chương 40

Được Học

KHI CÒN NHỎ, TÔI ĐÃ ĐỢI TRÍ ÓC CỦA MÌNH PHÁT TRIỂN, đợi tích lũy kinh nghiệm và đợi những lựa chọn của mình trở nên chín chắn, để làm nên chân dung một con người. Con người đó, hay chân dung về một con người, thuộc về nơi ấy. Tôi thuộc về ngọn núi ấy, ngọn núi đã tạo ra tôi. Chỉ khi lớn hơn tôi mới tự hỏi phải chăng mình đã bắt đầu như thế nào thì sẽ kết thúc như thế – phải chăng hình hài đầu tiên mà một con người hình thành là hình hài đích thực duy nhất của con người đó.

Khi tôi viết những chữ cuối cùng của câu chuyện này, tôi không gặp bố mẹ mình đã nhiều năm, kể từ đám tang của bà ngoại. Tôi thân thiết với Tyler, Richard và Tony, và qua họ, cũng như qua gia đình khác, tôi được biết về những gì đang diễn ra trên núi – về những vết thương, bạo lực và lòng trung thành luôn thay đổi. Nhưng bây giờ những tin đó đến với tôi như những lời đồn đại xa xăm, như một món quà. Tôi không biết mỗi ngăn cách có là mãi mãi hay không, không biết liệu một ngày nào đó mình có tìm được một lối về hay không, nhưng giờ đây mỗi ngăn cách ấy mang đến cho tôi bình yên.

Bình yên không đến dễ dàng. Tôi mất hai năm để liệt kê sai lầm của bố mình, liên tục cập nhật bản thống kê, như thể việc kể ra mọi nỗi oán giận, mọi hành động thô bạo có thật và được tưởng tượng ra, hoặc bị lừa dối, sẽ biện minh cho quyết định gạt bố ra khỏi cuộc sống của tôi. Khi đã biện minh cho điều đó, tôi nghĩ cảm giác tội lỗi bóp nghẹt cổ tôi sẽ buông tha tôi và tôi có thể thở được.

Nhưng việc chứng minh không có tác dụng đối với cảm giác có lỗi. Không cơn tức giận hay phần uất nào nhằm vào người khác có thể làm nó dịu bớt, bởi vì nó không liên quan gì đến người khác. Cảm giác có lỗi là mối sợ hãi đối với nỗi đau khổ của bản thân. Nó không liên quan đến người khác.

Tôi buông bỏ cảm giác có lỗi khi chấp nhận quyết định của mình về những điều kiện của riêng nó, mà không liên tục truy cứu những nỗi bất bình cũ, mà

không so sánh những lỗi của bố với lỗi của tôi. Mà không nghĩ đến bố chút nào. Tôi học cách chấp nhận quyết định của mình vì lợi ích của bản thân, vì tôi, chứ không phải vì bố. Bởi vì tôi cần làm thế, chứ không phải vì bố không đáng được như thế.

Đó là cách duy nhất tôi có thể yêu bố mình.

Khi bố can dự vào cuộc sống của tôi, đấu tranh gay gắt với tôi để điều khiển cuộc sống đó, tôi nhìn bố với con mắt của một người lính, qua lớp sương mù xung đột. Tôi không thể nhận ra những phẩm chất tốt của bố. Khi bố đứng trước tôi, cao hơn hẳn, đầy phần nộ, tôi không thể nhớ, khi tôi còn nhỏ, tiếng cười của bố đã từng khiến bụng bố rung lên như thế nào, kính mắt của bố lấp lánh ra sao. Với diện mạo nghiêm khắc của bố bây giờ, tôi không tài nào nhớ lại cái cách môi bố, trước khi biến mất vì bị cháy, rúm lại khi một ký ức khiến những giọt lệ ứa ra từ mắt ông. Chỉ bây giờ, với khoảng cách nhiều dặm xa và những năm tháng xa cách giữa hai bố con tôi, tôi mới có thể nhớ đến những điều đó.

Nhưng những gì ở giữa tôi và bố không chỉ là thời gian hay khoảng cách. Đó là thay đổi trong bản thể. Tôi không còn là đứa con mà bố đã nuôi, nhưng bố là người cha đã nuôi đứa con ấy.

Nếu có khi nào đó môi bắt hòa, rạn vỡ giữa bố con tôi trong hai thập kỷ qua, cuối cùng đã trở nên quá rộng để có thể bắc cầu, thì tôi tin đó là buổi tối mùa đông ấy, khi tôi nhìn chằm chằm hình ảnh mình trong tấm gương ở buồng vệ sinh, trong khi không hề biết bố tôi cầm điện thoại trong bàn tay xương xẩu của mình và gọi cho anh tôi. Diego, con dao. Chuyện diễn ra sau đó rất kịch tính. Nhưng kịch tính thực sự đã xảy ra trong buồng vệ sinh.

Nó đã xảy ra ở trong đó khi, vì những lý do tôi không hiểu, tôi đã không thể trèo vào trong gương và cử đứa con gái mười sáu tuổi trong đó ra thế chỗ mình.

Từ trước cho tới lúc đó, *đứa con gái ấy* luôn ở trong ấy. Dù tôi trông có vẻ đã thay đổi ra sao – dù con đường học hành của tôi có rạn vỡ đến mức nào, dù vẻ ngoài của tôi thay đổi ra sao – tôi vẫn là *đứa con gái ấy*. Trong điều kiện tốt nhất,

tôi là hai con người, một phần hồn rạn nứt. *Đứa con gái ấy* ở bên trong, và xuất hiện bất cứ khi nào tôi bước vào cửa nhà bố tôi.

Tôi hôm đó tôi đã gọi *đứa con gái ấy* và nó không trả lời. Nó đã rời bỏ tôi. Nó đã ở yên trong gương. Những quyết định mà tôi thực hiện sau thời điểm đó không phải là những quyết định mà *đứa con gái ấy* đưa ra. Đó là những quyết định của một người đã thay đổi, một bản ngã mới.

Các bạn có thể gọi bản ngã này bằng nhiều cái tên. Biến hình. Lột xác. Đối trá. Phản bội.

Tôi gọi nó là hành trình giáo dục.

Lời cảm ơn

Tôi mang ơn các anh Tyler, Richard và Tony của tôi rất nhiều vì đã khiến cho cuốn sách này ra đời, trước hết là bởi các anh đã sống trong câu chuyện đời thực, sau đó là trong trang sách. Nhờ các anh và các chị dâu tôi, Stefanie, Kami và Michele, tôi đã biết được nhiều điều về gia đình, đặc biệt là Tyler và Richard rất hào phóng chia sẻ thời gian cũng như ký ức của các anh. Hai anh còn đọc giúp tôi những bản nháp, bổ sung chi tiết, và khiến cuốn sách chính xác hết mức có thể. Mặc dù trong một số sự việc, góc nhìn của chúng tôi có thể khác nhau, song các anh vẫn sẵn lòng xác minh lại, vì vậy tôi mới có thể hoàn thành cuốn sách.

Giáo sư David Runciman đã khích lệ tôi viết tự truyện này và là một trong những người đầu tiên đọc bản thảo. Thiếu đi niềm tin của ông dành cho cuốn sách, có lẽ bản thân tôi không bao giờ có thể đặt niềm tin vào nó.

Tôi biết ơn những người đã coi sách là công trình của đời mình, và những ai đã tặng một phần cuộc đời đó cho cuốn sách này: những người đại diện của tôi, Anna Stein và Karolina Sutton; các biên tập viên tuyệt vời của tôi, Hilary Redmon và Andy Ward tại Random House, và Jocasta Hamilton tại công ty xuất bản Hutchinson; cũng như nhiều người khác đã làm công việc biên tập, trình bày và giới thiệu câu chuyện này. Đáng kể nhất, Boaty Boatwright tại ICM là nhà vô địch không biết mệt mỏi. Tôi cũng dành lời cảm ơn đặc biệt cho Ben Phelan, người được giao phó phần việc khó khăn nhất – xác minh thông tin trong cuốn sách này, người đã làm việc cực kì chuyên nghiệp và tinh tế.

Tôi đặc biệt biết ơn những người đã đặt niềm tin vào cuốn sách trước khi nó trở thành một cuốn sách, khi nó mới chỉ là mớ giấy tờ lộn xộn được in ra tại nhà. Những độc giả đầu tiên là Tiến sĩ Marion Kant, Tiến sĩ Paul Kerry, Annie Wilding, Livia Gainham, Sonya Teich, Dunni Alao và Suraya Sidhi Singh.

Bác Debbie và di Angie đã xuất hiện trong cuộc sống của tôi vào một thời điểm cực kỳ quan trọng, sự ủng hộ, giúp đỡ của họ có nghĩa là tất cả. Cảm ơn Giáo sư Jonathan Steinberg vì ông đã tin tưởng tôi. Tôi biết ơn Drew Mecham,

người bạn yêu quý đã trở thành điểm tựa giàu cảm xúc mà cũng đầy thực tiễn, để tôi viết cuốn sách này.



- ← Trừ chị tôi là Audrey, bởi vì chị từng bị gãy cả tay và chân hồi còn nhỏ. — TG
- ← Cuộc thảm sát trong năm 1890 gần rạch Wounded Knee, trên vùng đất dành riêng cho người da đỏ Lakota (ở bang South Dakota, Mỹ). Binh lính Mỹ đã đụng độ với họ và sát hại rất nhiều đàn ông, phụ nữ và trẻ em.
- ← Cuộc đụng độ gay gắt giữa chính quyền bang Texas với một giáo phái do nghi ngờ giáo phái này vi phạm luật vũ khí.
- ← Một loại xe nhỏ với bốn bánh và động cơ, ngoài ra không có công nghệ tiên tiến nào. Bởi vậy, người lái phải hoàn toàn điều khiển chiếc xe. Xe có vị trí ngồi rất thấp, tương tự xe đua chuyên nghiệp.
- ← Trong khi mọi người đều đồng ý rằng đã nhiều năm bố mẹ tôi không lắp điện thoại, vẫn có những ý kiến khác nhau về số năm bố mẹ không dùng điện thoại. Tôi đã hỏi các anh trai, các cô dì, chú bác của tôi, nhưng vẫn không xác định được thời gian chính xác, vậy nên tôi dựa vào trí nhớ của mình — TG
- ← Một loại vải cotton có độ bền cao, chịu nhiệt tốt, chống thấm và chống rách, được Thomas Burberry (nhà sáng lập hãng thời trang Burberry) phát minh vào năm 1879.
- ← Chất liệu vải cotton có mắt vải được dệt to, lưới vải lớn, gắn liền với thương hiệu Lacoste nhờ vào khả năng đàn hồi cao, bền bỉ tuyệt đối được sáng chế dành riêng cho các vận động viên tennis.
- ← Marion Mitchell Morrison (tên khai sinh Marion Robert Morrison, thường gọi là John Wayne; 1907–1979), là một diễn viên, đạo diễn lừng danh người Mỹ với sở trường về loại phim cao bồi.
- ← Illuminati trong tiếng Latin là “khai sáng,” một hội kín được thành lập năm 1776 với mục đích chống mê tín, chống sự thành kiến tôn giáo và ủng hộ bình đẳng giới
- ← Một bộ lạc da đỏ ở Bắc Mỹ.
- ← Thành ngữ tương tự “Chậm như rùa”.
- ← Cân ở đây là cân Anh (pound), bằng 0,373kg.
- ← Một câu chuyện trong Kinh Thánh. Esau là anh, Jacob là em. Một ngày nọ, khi Jacob đang nấu súp thì Esau bước vào với cái bụng đói cồn cào. Người anh xin ăn súp và đã chấp nhận nhường quyền trưởng nam cho người em.

- ← Đơn vị đo chất lỏng tương đương 4,54 lít ở Anh và 3,78 lít ở Mỹ.
- ← Khi kể lại chuyện này tôi đã nói chuyện với Luke về vụ tai nạn. Lời kể của anh khác với của tôi và của Richard. Trong trí nhớ của Luke, bố đưa Luke về nhà, cho anh dùng thuốc vi lượng đồng căn để trị sốc, sau đó đặt anh vào một chậu nước lạnh, rồi để anh trong đó đi đập lửa. Lời kể này trái ngược hẳn với ký ức của tôi, và của Richard. Tuy nhiên, có lẽ trí nhớ của chúng tôi đều không chính xác. Có lẽ tôi đã phát hiện ra Luke một mình trong chậu nước, hơn là trên bãi cỏ. Thật lạ lùng, điều mà tất cả mọi người đều nhất trí là Luke xuất hiện ở bãi cỏ trước nhà với một bên chân để trong cái thùng rác. — TG
- ← Tên viết tắt của Tổng thống Mỹ Franklin Delano Roosevelt.
- ← Một loại thẻ tín dụng quốc tế. Ở đây, nhân vật nghĩ tên viết tắt của Tổng thống thì cũng giống như cụm từ viết tắt mà cô biết..
- ← Một lỗi nói lái mà người dịch không thể chuyển ngữ chính xác, do khác biệt đặc thù về ngôn ngữ.
- ← Trong nguyên bản, từ *to* nghe giống như *two* thì sẽ trở thành “three,” *attention* thì thành “a-eleven-tion”.
- ← Bánh làm từ bột ngô, là một món ăn truyền thống của Mexico.
- ← Một thể loại kịch mà cốt truyện của nó thường có gợi nên sự xúc động và được xây dựng để đánh vào cảm xúc, chủ yếu tập trung khai thác tình cảm, nội tâm của nhân vật.
- ← BYU là tên viết tắt của Brigham Young University, Trường Đại học Brigham Young ở bang Utah.
- ← Viết tắt của American College Testing, một kì thi chuẩn hóa để đánh giá năng lực học tập của học sinh trung học tại Mỹ.
- ← Lời kể của tôi về chuyện Shawn bị ngã dựa trên những gì người khác đã kể cho tôi nghe hồi đó. Tyler kể y như vậy; thực ra, nhiều chi tiết trong lời kể của tôi là từ ký ức của anh. Mười lăm năm sau, những người khác nhớ sự kiện ấy xảy ra khác. Mẹ nói lúc đó Shawn không đứng trên tấm nâng mà đứng trên chạc cần cầu. Luke nhớ cái tấm nâng, nhưng thay thế cốt thép của bức tường xây dở bằng đoạn ống dẫn nước bằng kim loại. Anh nói cú ngã đó từ độ cao gần bốn mét, và rằng Shawn bắt đầu hành động kỳ cục ngay khi anh tỉnh lại. Luke không nhớ ai

đã gọi 911, nhưng nói rằng có những người đàn ông làm việc ở một xưởng xay xát gần đó, và anh ngờ rằng một trong số họ đã gọi 911 ngay khi Shawn ngã. — TG

← Mười lăm năm sau, khi được hỏi, chú Dwain không hề nhớ là đã ở đó. Nhưng đúng là chú ở đó mà, kí ức vẫn còn sống động trong tôi. — TG

← Trong Kinh Thánh có câu “Hãy nhớ ngày nghỉ đặt làm nên ngày thánh”.

← Nguyên văn: Holocaust là từ chỉ cuộc tàn sát người Do Thái vào thời Hitler.

← Tương tự thành ngữ “Chậm như rùa” của người Việt.

← GED là kỳ thi lấy chứng chỉ tương đương với cấp trung học phổ thông dành cho những người chưa tốt nghiệp ở Mỹ.

← Trong cuốn Từ điển Triết học (Voltaire’s Philosophical Dictionary) có nhắc đến cụm từ này, với đại ý “Những nền tảng đầu tiên của lịch sử là những câu chuyện của cha kể cho con, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác”.

← Là một loại quả có kích cỡ như quả cam, màu vàng, có vị đắng và hơi cay hòa quyện.

← Wilbur là tên một chú lợn trong tiểu thuyết nổi tiếng *Charlotte và Wilbur* của nhà văn Mỹ E. B. White.

← Nguyên văn: “Wordless as a brick”. Tương tự thành ngữ “Câm như hén” của người Việt.

← Một loại hormone do tuyến thượng thận giải phóng ra khi con người ta quá căng thẳng.

← Có khả năng mốc thời gian của tôi ở đây lệch một hoặc hai ngày. Theo vài người đã có mặt ở đó, dù bố tôi bị bỏng trông rất khủng khiếp, bố dường như không nguy kịch cho tới ngày thứ ba, khi quá trình đóng vảy bắt đầu, khiến bố khó thở. Hiện tượng khử nước làm cho tình hình tồi tệ hơn. Và khi đó mọi người lo sợ cho mạng sống của bố, và đó là khi chị gái tôi gọi điện cho tôi, chỉ có điều tôi hiểu sai và cho rằng vụ nổ mới xảy ra ngày hôm trước. — TG

← Lazarus là hiện tượng hệ tuần hoàn hoạt động trở lại một cách tự phát sau nỗ lực hồi sức cấp cứu.

← Tác giả đặt tên chương theo Kinh Thánh: “Những kẻ đau ốm, mù lòa, tàn tật, bại xuội nằm đó rất đông, chờ khi nước động”. (“Vì một thiên sứ thỉnh thoảng

giáng xuống trong ao, làm nước động; khi nước đã động rồi, ai xuống ao trước, bất kể bị bệnh gì, cũng lành bệnh”).

← Dường như tiến sĩ Kerry đang nói tới nàng Eliza — cô gái bán hoa trong vở nhạc kịch *My Fair Lady* do Bernard Shaw chuyển thể từ huyền thoại Hy Lạp cổ - *Pygmalion*. Nàng từng tâm sự với Pickering rằng: “... nhưng em biết rằng em có thể là một quý bà đối với anh, bởi vì anh luôn trân trọng em như một quý bà.”

← Rastafari là một nền văn hóa của những người Rasta sống tại Jamaica.

← Các dòng in nghiêng có hàm ý nội dung trong thư điện tử được trích dẫn theo trí nhớ, không phải được trích dẫn trực tiếp, tuy nhiên vẫn giữ đúng ý nghĩa. —

TG

← Nguyên văn: Có lúc tác giả dùng *said*, và có lúc dùng *wrote*.

← Tôi nhớ đó là vết sẹo do Luke làm việc với cái máy xén; tuy nhiên, có thể đó là vết sẹo từ một vụ tai nạn khi anh lợp mái nhà. — TG

← Có thể Tara ngầm coi mối quan hệ giữa cô và Shawn cũng giống nguyên tắc lực — phản lực trong vật lý. Nếu cô dám lên tiếng (“lực tác động”) thì anh cô sẽ bóp cổ cô (“phản lực”).

← Những đau khổ và cái chết của Chúa Jesus là để chuộc lại tội lỗi của loài người.

← Phần in nghiêng được trích dẫn theo trí nhớ, tuy nhiên ý nghĩa không có gì thay đổi. — TG



THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY
 HOÀN TOÀN MIỄN PHÍ